

GREG ILES



ĐẤU CHÁN CỦA CHỮA

"Một sự kết hợp mạnh mẽ
giữa khoa học và tâm linh."

Linda Fienberg
Nhà phê bình phim



NHÀ XUẤT BẢN
THỜI ĐẠI

Thông tin ebook

Dấu chân của chúa - Greg Iles

Tạo và hiệu chỉnh ebook: Hoàng Nghĩa Hạnh

Diễn đàn Tinh Tế

Dự án ebook định dạng epub chuẩn cho mọi thiết bị di động

http://dl.dropbox.com/u/46534480/library/_catalog/

OPDS catalog:

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Chúng ta nên cẩn thận đừng để trí tuệ trở thành Chúa của chúng ta.

- Albert Eistein

Vạn vật trở về Một.

Vậy Một trở về gì?

- Công án Thiền

CHƯƠNG 1

“Tôi là bác sĩ David Tennant. Tôi là giáo sư y đức tại trường y, Đại học Virginia, và nếu bạn đang xem cuốn băng này, có nghĩa là tôi đã chết.”

Tôi lấy hơi và tự chủ lại. Tôi không muốn cưỡng điệu. Tôi lắp máy ghi hình Sony trên giá ba chân và xoay màn hình tinh thể lỏng để có thể nhìn thấy mình trong khi nói. Mấy tuần qua tôi đã sút cân. Mắt tôi đỏ ngầu vì mệt mỏi, viền mắt thâm quầng và bóng lên. Trông tôi giống một tên tội phạm bị săn lùng hơn là một người bạn đau buồn.

“Tôi thật không biết bắt đầu từ đâu. Tôi cứ hình dung ra thi thể Andrew nằm dưới nền nhà. Và tôi biết ông đã bị giết. Nhưng... tôi hấp tấp rồi. Các vị cần các dữ kiện. Tôi sinh năm 1961 ở Los Alamos, bang New Mexico. Cha tôi là James Howard Tennant, nhà vật lý hạt nhân. Mẹ tôi là Ann Tennant, bác sĩ nhi khoa. Tôi ghi hình cuốn băng này trong trạng thái tinh thần hoàn toàn tỉnh táo. Và ngay khi làm xong, tôi sẽ gửi cho luật sư của mình, với điều kiện nó phải được mở ra nếu tôi chết vì bất kỳ nguyên nhân nào.”

“Cách đây sáu giờ, người ta phát hiện một đồng nghiệp của tôi - tiến sĩ Andrew Fielding - chết bên bàn làm việc của ông vì một cơn đột quy triệu chứng rõ ràng. Tuy không chứng minh được, nhưng tôi tin là Fielding bị giết. Trong hai năm qua, ông và tôi tham gia một nhóm khoa học được NSA(1) và DARPA(2) tài trợ. Dưới cấp bảo mật cao nhất, đội ngũ khoa học và công trình của họ được gọi là Dự án Trinity(3)”.

Tôi liếc xuống khẩu Smith & Wesson 38 ly nòng ngắn đặt trên đùi. Tôi đã cố không để khẩu súng lộ ra trước camera, nhưng có nó trong tầm tay khiến tôi thấy yên tâm. Trấn tĩnh lại, tôi lại căng mắt nhìn vào ánh sáng đỏ rực.

“Cách nay hai năm, Peter Godin, người sáng lập tập đoàn Siêu máy tính Godin, đột nhiên nảy ra một ý tưởng, khá giống thời khắc huyền thoại khi quả táo rơi trúng đầu Isaac Newton. Nó diễn ra trong một giấc mơ. Người đàn ông bảy mươi tuổi ấy dường như không dựa trên một cơ sở nào, đã hình dung ra một khả năng đột phá trong lịch sử khoa học. Khi thức dậy, Godin gọi điện cho John Skow, phó giám đốc của NSA ở căn cứ quân sự Meade, Maryland. Sáu giờ sáng, hai người đã soạn thảo và gửi một bức thư cho tổng thống Hoa Kỳ. Bức thư làm chấn động Nhà Trắng đến tận nền móng. Tôi biết điều này vì tổng thống vốn là bạn thân của anh tôi từ ngày còn ngồi trên ghế trường đại học. Anh tôi chết cách đây ba năm, nhưng nhờ có anh mà tổng thống biết đến công việc của tôi, chính công việc ấy đã đặt tôi vào trung tâm những sự kiện sẽ tiếp nối sau này.

Tôi xoa xoa nòng thép mát lạnh của khẩu 38 ly, tự hỏi không biết nên nói ra những gì và bỏ qua gì. Trong đầu tôi vang lên một giọng nói: Không bỏ qua gì cả. Giọng nói của ba tôi. Cách đây năm mươi năm, ông đóng một vai trò riêng trong lịch sử bí mật của nước Mỹ, và gánh nặng đó đã rút ngắn cuộc đời ông. Ba tôi mất năm 1988, một con người bị ám ảnh, tin chắc rằng cuộc Chiến tranh Lạnh mà ông đã tiêu phí cả sức lực tuổi trẻ để duy trì sẽ kết thúc với một nền văn minh bị hủy hoại, vì việc này quá dễ dàng. Không bỏ qua gì cả...

“Thông điệp của Godin” tôi tiếp tục, “có tác động như bức thư của Albert Einstein gửi tổng thống Roosevelt vào đầu Thế chiến II, phác họa về tiềm lực chế tạo bom nguyên tử và khả năng Đức Quốc xã có thể đã chế tạo một quả. Bức thư của Einstein đã kích hoạt Dự án Manhattan, cuộc nghiên cứu bí mật nhằm đảm bảo rằng Mỹ phải là nước đầu tiên có vũ khí hạt nhân. Bức thư của Godin làm xuất hiện một dự án có quy mô tương tự nhưng tham vọng là vô bờ bến. Dự án Trinity khởi động sau những bức tường của một cơ quan bình phong cho NSA trong Công viên Tam giác Nghiên cứu Bắc Carolina. Chỉ

có sáu người trên hành tinh được biết đầy đủ về Trinity, và bây giờ khi Andrew Fielding đã chết, chỉ còn lại năm. Tôi là một. Bốn người kia là Peter Godin, John Skow, Ravi Nara...”

Tôi ngồi chôn chân với khẩu súng 38 ly trong tay. Có tiếng gõ cửa. Qua tấm rèm thưa, tôi thấy một chiếc xe tải nhẹ của Federal Express đậu sát vỉa hè. Khoảng trống ngay trước cửa ra vào thì tôi không nhìn thấy được.

“Ai đấy?” tôi hỏi.

“FedEx,” một giọng đàn ông nghèn nghệt. “Tôi cần ông ký vào đây.”

Tôi không chờ đợi thư từ nào cả. “Là thư hay bưu phẩm?”

“Thư.”

“Ai gửi?”

“Ồ... Lewis Carroll.”

Tôi rùng mình. Một bưu phẩm từ một người đã chết? Chỉ có một người duy nhất có thể gửi cho tôi bưu phẩm dưới tên tác giả “Alice ở xứ thần tiên”. Andrew Fielding. Ông gửi cho tôi thứ gì vào cái ngày trước khi chết? Mấy tuần nay Fielding luôn lục lọi như bị ma ám trong các phòng thí nghiệm của Trinity, máy tính cũng như những chỗ khác. Cỗ lễ ông đã phát hiện được điều gì. Mà có lẽ dù là gì đi nữa thì nó cũng đã dẫn đến cái chết của ông. Tôi cảm thấy có nét là lạ trong cung cách của Fielding ngày hôm qua - không dễ gì nhận ra điều đó ở một người nổi tiếng lập dị như ông - nhưng đến sáng nay dường như ông đã trở lại bình thường.

“Ông có muốn nhận hay không?” người đưa thư hỏi.

Tôi lên đạn khẩu súng và nhích dần ra phía cửa. Tôi thường khóa xích cửa sau khi về nhà. Tôi mở cửa bằng tay trái và kéo ra hết khoảng căng của xích. Qua khe mở, tôi thấy khuôn mặt của một thanh niên cỡ ngoài hai mươi tuổi, mặc đồng phục, tóc buộc kiểu đuôi ngựa ngắn.

“Đưa bảng giấy qua đây cùng với gói hàng. Tôi sẽ ký rồi trả lại anh.”

“Không được, vì đây là bảng kỹ thuật số.”

“Thế thì lấy tay mà giữ.”

“Hoang tưởng,” hấn làu bàu, nhưng vẫn đưa một tấm bảng dày màu vàng cam qua khe cửa.

Tôi cầm lấy bút từ treo ở đầu sợi dây, ký thâu tên mình lên màn hình cảm ứng.

“OK.”

Tấm bảng điện tử biến mất và một phong bì FedEx được tuồn qua. Tôi cầm lấy nó quăng lên sofa, rồi đóng cửa lại đợi đến khi tiếng xe mất hẳn.

Tôi nhặt phong bì lên và liếc qua nhãn. Chữ “Lewis Carroll” được ký bằng bàn tay nghèo ngạo của Fielding. Khi tôi rút tờ giấy ra khỏi phong bì, một chất bột màu trắng trơn bóng tràn lên ngón tay tôi. Khoảnh khắc mắt tôi nhận ra màu trắng, một phần não tôi lóe lên ý nghĩ, bệnh than. Khả năng này tuy thấp nhưng người bạn thân nhất của tôi vừa mới chết trong hoàn cảnh mờ ám. Có hoang tưởng đôi chút thì cũng hợp lý thôi.

Tôi chạy vội vào bếp cọ rửa ngón tay bằng nước rửa chén và nước. Rồi tôi lấy từ tủ ra một túi cứu thương màu đen. Trong đó có đủ các thứ thuốc quen thuộc trong nhà một bác sĩ y khoa: thuốc giảm đau, thuốc kháng sinh, thuốc gây nôn, kem steroid. Tôi tìm thấy thứ mình cần trong một ngăn có khóa bấm: một vỉ Cipro, loại kháng sinh mạnh đa năng. Tôi nuốt một viên với nước ở vòi, rồi lấy đôi găng tay mổ trong túi đeo vào. Một động tác phòng ngừa cuối cùng: tôi lấy một chiếc áo thun bản từ giỏ mây ra buộc quanh mũi và mồm. Tôi nhét chiếc phong bì FedEx và bức thư vào một túi Ziploc riêng, niêm kín lại rồi ném lên quây.

Dù rất nóng lòng muốn đọc bức thư, một phần trong tôi vẫn cố cưỡng lại. Fielding có thể đã bị giết vì những gì được viết trong đó. Và dù nếu không phải như thế thì việc đọc nó cũng chẳng mang lại điều gì tốt lành.

Tôi cẩn thận dùng máy hút bụi hút hết chất bột trắng dây ra thảm ở phòng ngoài, tự hỏi liệu tôi có làm khi cho là Fielding bị giết không? Tôi với ông đã lâm vào trạng thái hoài nghi suốt mấy tuần qua, nhưng khi đó chúng tôi có lý do để nghi ngờ. Mà thời gian thì quá kẹt. Đáng lẽ cất máy hút bụi vào tủ chứa đồ, tôi lại ra cửa sau và quăng nó ra xa tận ngoài sân. Mua cái mới lúc nào chẳng được.

Tôi vẫn còn bị ám ảnh lạ lùng về bức thư nằm trên quầy bếp. Tôi thấy mình giống như vợ người lính không dám mở một bức điện. Nhưng tôi biết rõ bạn tôi đã chết. Vậy tôi còn sợ gì?

Sợ cái lý do, một tiếng nói trong đầu tôi trả lời. Fielding nói. Anh muốn rúc đầu vào cát. Trò chơi dân tộc của Mỹ đấy...

Cáu kỉnh vì phát hiện ra rằng chết cũng phiền hà như sống, tôi nhặt cái túi Ziploc chứa thư lên, mang ra phòng ngoài. Thư ngắn và viết tay.

David,

Chúng ta cần phải gặp lại nhau. Cuối cùng tôi đã đem những nghi ngờ của mình đến đối chất với Godin. Phản ứng của hắn làm tôi kinh hoàng. Tôi không muốn viết cụ thể ra giấy, nhưng tôi biết mình đúng. Đêm thứ Bảy, tôi với Lu Li sẽ chạy xe ra chỗ nhà xanh. Hãy đến đây với chúng tôi. Chỗ ấy gần, nhưng kín đáo. Có thể sẽ có thời gian cho anh tiếp xúc với người bạn cũ của anh trai anh, tuy rằng tôi tự hỏi ngay cả ông ta liệu làm được gì vào lúc này. Những sự việc như thế này có sức mạnh vượt mọi cá nhân. Thậm chí vượt cả loài người, tôi e vậy. Nếu có chuyện gì xảy ra với tôi, đừng quên cái vật nhỏ bằng vàng hồi trước tôi nhờ anh giữ giùm. Thời gian gấp lắm, bạn ạ. Hẹn gặp tôi thứ Bảy.

Không có chữ ký, nhưng dưới các dòng chữ là bức tranh vui vẽ tay hình đầu một con thỏ và một mặt đồng hồ. Thỏ Trắng, cái biệt danh dễ thương ấy là của các sinh viên vật lý ở trường Cambridge dành tặng cho Fielding. Fielding luôn mang theo một chiếc đồng hồ vàng bỏ túi, đó chính là “cái vật nhỏ bằng vàng” hồi trước ông nhờ tôi giữ hộ.

Hôm ấy, lúc đi ngang qua tôi trong hành lang, ông dúi chiếc đồng hồ treo trên sợi dây chuyền vào tay tôi. “Giữ hộ một giờ, được không anh bạn?” ông thì thầm.”Được thôi”. Rồi ông đi. Một giờ sau, ông đứng trước phòng tôi để nhận lại đồ, bảo rằng ông không muốn mang nó vào phòng thí nghiệm MRI(4), ở đó nó có thể bị văng vỡ tung tóe vào máy MRI vì từ trường cực mạnh của máy móc. Nhưng trước đó, Fielding luôn đến phòng thí nghiệm MRI mà chưa bao giờ gửi tôi chiếc đồng hồ bỏ túi ấy. Và cũng không bao giờ gửi lại lần nữa. Chắc nó phải ở trong túi ông khi ông chết. Vậy thì ngày hôm ấy ông gặp chuyện gì?

Tôi đọc lại bức thư. Đêm thứ bảy, tôi với Lu Li sẽ chạy xe ra chỗ nhà xanh. Lu Li là bà vợ mới người Trung Quốc của Fielding. “Nhà xanh” chắc là mật danh của một căn nhà nhỏ ven biển ở Nags Head, Bãi Ngoài, Bắc Carolina. Cách đây ba tháng, khi ông nhờ tôi gợi ý địa điểm cho tuần trăng mật, tôi gợi ý căn nhà nhỏ Nags Head, chỉ mất độ vài tiếng lái xe. Vợ chồng Fielding rất thích chỗ đó, và ông bạn người Anh này rõ ràng đã chọn nó làm địa điểm an toàn để bàn về nỗi lo sợ của mình.

Bàn tay tôi run lên. Người viết những dòng này giờ đây đang lạnh như cái bàn đặt tử thi của ông, tất nhiên nếu ông nằm trong nhà xác. Không ai có thể - hoặc muốn - nói cho tôi biết chính xác bạn tôi được đưa đi đâu. Và bây giờ đến thứ bột trắng! Chẳng lẽ Fielding đã bỏ bột trắng vào phong bì mà không đả động gì đến nó trong thư? Nếu không phải ông thì ai làm? Ai, nếu không phải chính kẻ đã giết ông?

Tôi đặt bức thư lên sofa, tháo đôi găng tay phẫu thuật, tua lại băng hình về điểm tôi bước ra khỏi khuôn hình. Tôi quyết định ghi hình lại vì tôi sợ bị giết trước khi có thể nói với tổng thống những điều mình biết. Bức thư của Fielding không thay đổi được gì cả. Thế nhưng, khi chăm chú nhìn vào ông kính, đầu óc tôi lại suy nghĩ mông lung. Tôi đã gọi cho “người bạn của ông anh quá cố” của tôi trước Fielding. Lúc nhìn thấy thi thể Fielding nằm trên sàn phòng làm việc của ông, tôi biết mình phải gọi cho tổng thống. Nhưng tổng thống đang ở Trung Quốc. Tuy nhiên, ngay khi rời khỏi phòng thí nghiệm

Trinity, tôi lại gọi đến Nhà Trắng từ một máy điện thoại trả tiền ở nhà hàng Shoney, một máy điện thoại “an toàn” mà Fielding từng kể với tôi. Bọn theo dõi ngồi trong xe không nhìn thấy nó, và cấu trúc bên trong của nhà hàng khiến việc nghe trộm từ xa bằng microphone parabol rất khó thực hiện.

Khi tôi nói “Dự án Trinity”, tổng đài Nhà Trắng nối máy cho tôi tiếp chuyện với một giọng đàn ông cộc cần bảo tôi nói rõ sự việc. Tôi xin gặp ông Evan McCaskell, chánh văn phòng của tổng thống, người tôi đã gặp trong lần đến Phòng Bầu dục. Evan McCaskell đang ở Trung Quốc với tổng thống. Tôi yêu cầu thông báo cho tổng thống rằng David Tennant cần nói chuyện gấp với tổng thống về Dự án Trinity, và không một ai khác liên quan đến Trinity được biết chuyện này. Người đàn ông nói yêu cầu của tôi sẽ được chuyển, rồi ngắt máy.

Carolina cách Bắc Kinh mười ba múi giờ. Tức là bây giờ ở Bắc Kinh đang buổi sáng. Ban ngày. Thế mà đã bốn giờ trôi qua từ lúc tôi gọi điện, vẫn chưa có tin tức gì. Phải chăng thông tin của tôi tới Bắc Kinh trễ do tầm quan trọng của cuộc gặp cấp cao? Không cách gì biết được. Tôi chắc rằng nếu một ai đó ở Trinity nghe được cuộc gọi của tôi trước, tôi sẽ bị thanh toán như Fielding trước khi tôi có thể nói chuyện với tổng thống.

Tôi nhấn nút START trên điều khiển từ xa, và lại nói vào máy quay.

“Trong vòng sáu tháng qua, tôi đã đi từ cảm giác được tham gia vào những cố gắng khoa học cao quý đến chỗ tự hỏi có phải tôi đang sống trên đất Mỹ đây không? Tôi đã thấy những người đoạt giải Nobel vứt bỏ tất cả các nguyên tắc chỉ để tìm kiếm...”

Tôi im lặng. Một bóng người vụt qua cửa sổ trước. Một khuôn mặt. Rất gần, dòm vào trong. Tuy chỉ thấy nó qua tấm rèm mỏng nhưng tôi chắc chắn. Một khuôn mặt ôm gọn trong mái tóc dài chấm vai. Tôi có cảm giác đó là nét mặt phụ nữ, nhưng...

Tôi định bật dậy nhưng lại ngồi phịch xuống. Răng tôi rung lên như điện giật, tựa hồ có lá nhôm chèn vào trong lúc trám răng. Mí mắt tôi nặng trĩu không mở ra được. Không phải bây giờ, tôi nghĩ, thọc tay vào túi lấy lọ thuốc kê sẵn theo đơn. Chúa ơi, không phải bây giờ. Trong sáu tháng, tất cả các thành viên của nội bộ Trinity đều bị hội chứng thần kinh khủng khiếp. Không ai giống ai. Tôi bị chứng ngủ rũ hành hạ. Ngủ rũ và mộng mị. Ở nhà, tôi thường đầu hàng chứng ngủ như hôn mê kia. Nhưng khi tôi cần đánh lui cơn mê đó - ở Trinity, hay khi lái xe - chỉ có amphetamine mới làm ngưng những đợt sóng trào dữ dội.

Tôi rút chai thuốc ra lắc. Rỗng. Tôi đã nuốt viên cuối cùng hôm qua. Tôi thường lấy amphetamin từ Ravi Nara, bác sĩ tâm thần của Trinity, nhưng Nara và tôi đã không còn nói chuyện với nhau nữa. Tôi cố đứng dậy, định bụng sẽ gọi cho một hiệu thuốc và tự kê đơn cho mình, nhưng chuyện đó thật lố bịch. Tôi thậm chí không đứng lên được. Chân tay tôi nặng như chì. Mặt tôi nóng rực và mí mắt bắt đầu sụp xuống.

Kẻ rình mò lại xuất hiện bên cửa sổ. Tôi tưởng tượng mình giơ súng nhắm mục tiêu, nhưng rồi tôi thấy súng rơi xuống đùi. Ngay cả bản năng sinh tồn cũng không đủ sức làm tan màn sương mù tràn ngập óc tôi. Tôi nhìn ra cửa sổ. Khuôn mặt biến mất. Một khuôn mặt đàn bà. Chắc chắn thế. Chẳng lẽ chúng phái đàn bà đến giết tôi? Tất nhiên. Chúng là lũ thực dụng. Chúng sử dụng bất cứ thứ gì miễn là được việc.

Có cái gì đó cọ vào tay nắm cửa. Qua lớp sương mù dày đặc, tôi cố sức chĩa súng ra phía cửa. Lại có tiếng gõ sầm sập lên cửa gỗ. Tôi đặt ngón tay lên cò súng nhưng khi trí óc bỗng bình tĩnh của tôi truyền lệnh bóp cò, cơn buồn ngủ sụp xuống xóa tan ý thức giống như những ngón tay phẩy tắt ngọn nến.

Andrey Fielding ngồi một mình bên bàn làm việc, điên tiết rít thuốc lá. Bàn tay ông run lên sau cuộc đối đầu với Godin. Chuyện xảy ra từ hôm trước, nhưng Fielding có thói quen tái hiện những cảnh như vậy trong tâm trí để tự dẫn dắt về việc ông đã trình bày trường hợp của mình một cách kém hiệu quả ra sao, nhằm nhảm những lý lẽ quật lại mà lẽ ra ông phải nói ra nhưng đã không nói.

Cuộc cãi vã là kết quả của mấy tuần thất vọng. Fielding không thích tranh luận, không phải những cuộc tranh luận ngoài phạm vi vật lý. Ông trì hoãn cuộc gặp cho đến phút cuối. Ông đứng đỉnh đi quanh phòng làm việc, nghĩ mông lung về một trong những vấn đề hóc búa trọng tâm của vật lý lượng tử: tại sao hai hạt được bắn ra đồng thời từ cùng một nguồn có thể đến cùng một đích tại cùng một thời điểm, trong khi một hạt phải chuyển động xa hơn mười lần so với hạt kia? Giống như hai chiếc Boeing 747 bay từ New York đến Los Angeles - một chiếc bay thẳng, chiếc kia phải bay về hướng Nam đến Miami trước khi bay sang hướng Tây đến Los Angeles, thế mà cả hai lại hạ cánh ở sân bay L.A. cùng thời điểm. Chiếc 747 thứ nhất bay với tốc độ ánh sáng, vậy mà chiếc còn lại bay vòng qua Miami vẫn đáp xuống sân bay L.A cùng lúc. Có nghĩa là chiếc thứ hai phải bay nhanh hơn tốc độ ánh sáng. Có nghĩa là Thuyết tương đối hẹp của Einstein còn thiếu sót. Có thể lắm chứ. Fielding đã bỏ ra rất nhiều thời gian suy nghĩ về vấn đề này.

Ông đốt điều thuốc khác và nghĩ về bức thư đã gửi theo đường chuyển phát nhanh cho David Tennant. Nó không đầy đủ. Gần như không nói được gì. Nhưng nó phải nói lên được gì đó trước khi họ gặp nhau ở Nags Head. Có thể lúc nhận thư Tennant đang làm việc cả chiều trên cùng một hành lang, chỉ cách chỗ ông vài bước chân, nhưng cũng có thể anh ta đang ở Fiji. Không một mét vuông nào không có bóng bọn theo dõi và các thiết bị ghi âm. Tennant có thể nhận được bức thư vào chiều nay, nếu nó không bị ai chặn lại. Để tránh chuyện đó, Fielding đã hướng dẫn vợ bỏ thư vào thùng thư chuyển phát nhanh FedEx bên trong bưu điện Durham, ngoài tầm nhìn của bất kỳ kẻ nào theo dõi bà từ xa. Các bà vợ luôn bị như vậy - bị theo dõi ngẫu nhiên từ trong xe mà không hề hay biết.

Tennant là hy vọng duy nhất của Fielding. Tennant quen biết tổng thống. Dù sao anh ta cũng đã từng dự tiệc tại Nhà Trắng. Fielding đã nhận giải Nobel năm 1998, nhưng ông chưa hề được mời đến số 10 phố Downing(5). Sẽ không bao giờ, chắc chắn đến chín mươi phần trăm. Ông đã có lần bắt tay thủ tướng trong một buổi tiếp tân, nhưng đó lại là chuyện khác. Hoàn toàn khác.

Ông rít một hơi thuốc và nhìn xuống bàn. Một phương trình nằm đó, một hàm sóng suy sập không giải được nếu dùng toán học hiện tại. Ngay cả các siêu máy tính mạnh nhất thế giới cũng không giải nổi một hàm sóng suy sập. Có một cỗ máy trên trái đất có thể đạt được tiến bộ trong việc giải bài toán này - ít nhất ông tin rằng có cỗ máy như thế - và nếu ông đúng thì thuật ngữ siêu máy tính chẳng mấy chốc sẽ trở thành đồ cổ lỗ như cái bàn tính. Nhưng chiếc máy có thể giải hàm sóng suy sập phải có nhiều khả năng hơn là chỉ biết tính toán. Có lẽ đó là tất cả những gì Peter Godin đã hứa với các quan chức chính phủ ở Washington và còn hơn thế nữa. Cái “hơn” ấy làm Fielding sợ. Vì không ai có thể nói trước các hậu quả không mong muốn khi biến một chuyện như thế thành sự thật. Đúng thực là “Trinity”.

Ông đang định về sớm thì có gì đó bỗng lóe lên trong mắt trái. Không thấy đau. Rồi tầm nhìn của con mắt ấy xoắn lại thành một vệt mờ, hình như có tiếng nổ trong thùy não trái trước trán. Đột quy, ông dừng đứng nghĩ. Mình đang bị đột quy. Bình tĩnh lạ lùng, ông với điện thoại để gọi số 911, rồi nhớ ra rằng bác sĩ tâm thần giỏi nhất thế giới đang làm việc cách ông có bốn phòng.

Gọi điện chắc nhanh hơn đi. Ông với tay cầm ống nghe, nhưng cái hiện tượng đang diễn ra trong hộp sọ ông bỗng bùng ra với tất cả sức tàn phá của nó. Cục máu đông, hay mạch máu bị vỡ, và mắt trái ông trở nên đen ngòm. Một cơn đau như dao cắt xuyên vào gốc não, trung khu của những chức năng trợ giúp sự sống. Ngã vật xuống sàn, Fielding lại nghĩ về các hạt khó nắm bắt chuyển động với tốc độ nhanh hơn ánh sáng, các hạt đã chứng tỏ Einstein sai bằng cách vượt qua không gian như thể nó không tồn tại. Ông nêu ra một ý tưởng thử nghiệm: Nếu Andrew Fielding có thể chuyển động nhanh bằng hạt kia, liệu ông có kịp đến gặp Ravi Nara để được cứu?

Trả lời: Không. Không gì có thể cứu được ông lúc này.

Ý nghĩ mạch lạc cuối cùng của ông là một lời cầu nguyện, một hy vọng thầm lặng rằng trong thế

giới lượng tử không có trên bản đồ, ý thức tồn tại bên ngoài cái mà con người gọi là sự chết. Đối với Fielding, tôn giáo là một ảo tưởng, nhưng trong buổi bình minh của thế kỷ hai mốt, Dự án Trinity đã mở ra hy vọng về một sự bất tử mới. Và đó không phải là một quái vật Rube Goldberg(6) mà họ đang giả vờ tạo ra cách phòng làm việc của ông có một trăm mét.

Tác động của nền nhà giống như nước.

Tôi giật mình tỉnh dậy và nắm chặt khẩu súng. Ai đó đang động ầm ầm lên cửa trước làm căng sợi dây xích an toàn. Tôi cố đứng dậy nhưng cơn mơ đã làm tôi mất phương hướng. Sự rõ ràng của nó vượt xa tất cả những gì tôi đã trải nghiệm cho đến lúc này. Tôi thật sự cảm thấy mình đã chết, tôi đã là Andrew Fielding vào thời điểm ông chết...

“Bác sĩ Tennant?” một giọng phụ nữ hét lên. “David, anh có trong ấy không?”

Bác sĩ tâm thần của mình? Tôi đặt tay lên trán và cố vùng vẫy để trở về với thực tại: “Bác sĩ Weiss? Rachel? Cô đấy à?”

“Vâng! Anh tháo xích đi!”

“Tôi đến đây,” tôi lẩm bẩm. “Cô đi một mình à?”

“Vâng! Anh mở cửa đi!”

Tôi nhét khẩu súng xuống dưới đệm đi văng, loạng choạng đi ra cửa. Khi chạm đến móc khóa xích, tôi mới giật mình nghĩ ra tôi chưa bao giờ nói cho bác sĩ tâm thần biết chỗ ở của mình.

Chú Thích:

1. Cơ quan An ninh Quốc gia (National Security Agency).

2. Cơ quan Dự án Nghiên cứu Tiên tiến của Bộ Quốc phòng (Defense Advanced Research Projects Agency).

3. Chúa ba ngôi.

4. Máy tạo hình ảnh bằng cộng hưởng từ (Magnetic resonance imaging).

5. Phó thủ tướng Anh.

6. Rube Goldberg (1883-1970) là một họa sĩ tranh biếm họa người Mỹ, nổi tiếng với loạt tranh tranh vui vẽ những máy móc phức tạp nhưng chỉ thực hiện những nhiệm vụ đơn giản, được gọi là máy Rube Goldberg.

Tủ sách

Chia sẻ

CHƯƠNG 2

Rachel Weiss có mái tóc đen huyền, nước da ôliu và đôi mắt màu mã não. Cách đây mười một tuần, tôi đã đến phòng khám của cô để khám bệnh lần đầu. Tôi nhớ đến nhân vật Rebecca trong tiểu thuyết Ivanhoe của Ngài Walter Scott. Chỉ trong tiểu thuyết mới có vẻ đẹp hoang dã và phóng túng như của Rebecca. Ở Rachel Weiss toát ra một vẻ khắc khổ rõ nét khiến ngoại hình và quần áo của cô không tương thích, dường như cô phải hành xử khác đi để che giấu phong cách tự nhiên của mình, sợ rằng nó có thể khiến mọi người hình dung cô như một cái gì khác hơn chứ không phải một bác sĩ chuyên khoa xuất sắc.

“Cái gì thế này?” cô hỏi, chỉ tay vào tấm nệm đi vắng nơi tôi giấu khẩu súng. “Anh lại tự kê đơn thuốc đấy à?”

“Không. Làm thế nào cô tìm được nhà tôi?”

“Tôi biết một chị ở phòng Nhân sự Đại học Virginia. Anh đã bỏ khám hai lần liên tiếp rồi, nhưng ít ra hai lần ấy anh cũng đã gọi trước để báo hủy hẹn. Hôm nay anh lại để tôi ngồi đợi mà không hề gọi điện. Với trạng thái tinh thần của anh thời gian gần đây, anh muốn tôi làm gì cho anh bây giờ?” Đôi mắt Rachel hướng tới màn hình camera “Ồ, David... anh lại trở lại cái này sao? Tôi tưởng anh đã thôi từ nhiều năm rồi.”

“Nó không phải cái cô nghĩ đâu.”

Cô có vẻ không tin. Cách đây năm năm, một lái xe say rượu đã tông xe của vợ tôi xuống hồ nước ven đường. Nước không sâu lắm, nhưng cả Karen và con gái Zooey của tôi đã chết đuối trước khi có người đến cứu. Lúc đó tôi đang làm việc ở chính cái bệnh viện mà họ đưa vợ con tôi đến sau vụ tai nạn. Lòng tôi tan nát khi nhìn các nhân viên cấp cứu cố gắng trong vô vọng để làm đứa con gái bốn tuổi của tôi tỉnh lại. Tôi ngồi lì hàng giờ ở nhà trước màn hình ti vi, xem lại không biết bao nhiêu lần băng hình quay cảnh bé Zooey lồm chồm tập đi, Zooey nắc nẻ cười trong vòng tay mẹ, ôm chầm tôi trong buổi sinh nhật lần thứ ba của nó. Sự nghiệp y khoa của tôi lụi tàn, rồi chết hẳn. Tôi rơi vào trạng thái trầm cảm lâm sàng. Đó là chuyện đời tư duy nhất mà tôi kể chi tiết với bác sĩ tâm thần của mình, và chỉ sau lần khám thứ ba cô mới kể rằng năm ngoái cô đã mất đứa con trai duy nhất vì bệnh bạch cầu.

Cô thổ lộ điều này vì cô tin rằng những giấc mơ rối loạn của tôi là do nỗi đau mất mát gia đình gây nên, và cô muốn tôi biết chính cô cũng phải chịu một nỗi đau như thế. Rachel cũng đã mất không chỉ mình đứa con. Không chịu nổi cảnh con trai bị bệnh tật tàn phá, tay luật sư chồng cô đã bỏ cô về New York. Giống như tôi, Rachel rơi xuống hố sâu tuyệt vọng nhưng may sao cô đã ngoi lên được. Thuốc men và trị liệu đã cứu được cô. Nhưng giống như cha tôi, tôi luôn hết sức thu mình vào vỏ ốc, và vật lộn trở lại cuộc sống đơn chiếc. Không một ngày trôi qua mà tôi không nhớ vợ con, nhưng những ngày ngồi nức nở trước đoạn phim video cũ đã qua rồi.

“Đây không phải là về Karen và Zooey,” tôi bảo Rachel. “Làm ơn đóng cửa lại.”

Cô vẫn đứng ở ngưỡng cửa, tay cầm chìa khóa xe, rõ là nửa muốn tin tôi nửa nghi ngờ chẳng kém. “Thế nó là cái gì vậy?”

“Công việc. Làm ơn đóng cửa lại.”

Rachel ngáp ngừng giây lát, rồi đóng cửa và nhìn sâu vào mắt tôi. “Có lẽ đã đến lúc anh nói cho tôi biết về công việc của anh.”

Đây là điểm bất đồng từ lâu giữa tôi và cô. Rachel coi sự tin cậy giữa bệnh nhân với bác sĩ cũng thiêng liêng như xưng tội, và sự thiếu tin cậy của tôi làm cô bị tổn thương. Cô cho rằng những yêu cầu

giữ bí mật và lời cảnh báo nguy hiểm của tôi chẳng qua là dấu hiệu một thực tại hoang tưởng được tôi dựng lên để phòng vệ tâm lý khỏi mọi sự soi mói. Tôi không trách cô. Theo yêu cầu của NSA, tôi phải đến cuộc hẹn khám đầu tiên dưới một cái tên giả. Nhưng mười giây sau khi chúng tôi bắt tay nhau, cô nhận ra ngay bộ mặt tôi trên bìa cuốn sách tôi viết. Cô cho rằng mưu mẹo của tôi là do chứng hoang tưởng của người nổi danh trong giới y khoa, tôi cũng chẳng buồn cải chính. Nhưng sau vài tuần, khi tôi từ chối tiết lộ bất cứ điều gì về công việc của mình - và cứ khẳng định cho là để “bảo vệ” cô - cô đâm ngờ rằng tôi bị tâm thần phân liệt.

Có điều Rachel không biết là tôi chỉ được phép đến gặp cô sau khi đã thắng một cuộc cãi cọ nảy lửa với John Skow, giám đốc Dự án Trinity. Chứng ngủ rũ của tôi phát sinh do công việc ở Trinity, và tôi cần hỗ trợ chuyên môn để hiểu những giấc mơ đi kèm trong những cơn ngủ rũ ấy.

Đầu tiên NSA đưa từ căn cứ quân sự Meade đến một bác sĩ tâm thần, một nhà tâm thần học-dược lý trị liệu, bệnh nhân chính của ông ta là các kỹ thuật viên luôn phải vật lộn với stress kinh niên và trầm cảm. Ông ta muốn nhồi nhét cho tôi đủ thứ thuốc hưng phấn và tìm hiểu xem làm thế nào để trở thành một bác sĩ có sách được xuất bản trên toàn thế giới như tôi. Sau đó họ đưa đến một phụ nữ, một chuyên gia về rối loạn thần kinh chức năng ở những người bị buộc phải làm việc lâu dài trong bí mật. Trong suốt thời gian cô ở lại đây, tôi thấy kiến thức của cô về ý nghĩa của những giấc mơ chỉ hạn chế ở việc “tích lũy chút ít từ sách vở”. Giống như đồng nghiệp của mình, cô muốn quy định cho tôi một chế độ điều trị chống suy nhược và chống loạn tâm thần. Nhưng cái tôi cần là một nhà phân tâm học có kinh nghiệm phân tích các giấc mộng, thể loại mà NSA không có.

Tôi gọi các bạn bè ở trường y của UVA và phát hiện ra Rachel Weiss, một chuyên gia phân tích ưu tú thuộc trường phái Jung của đất nước, đang ở trường y thuộc Đại học Duke, cách trụ sở Trinity chưa đến mười lăm dặm. Skow cố ngăn tôi gặp cô, nhưng sau cùng tôi bảo thẳng ông ta rằng chỉ có bắt tôi mới cảm được tôi, nhưng muốn thế, ông ta phải gọi cho tổng thống trước đã, tổng thống là người đã chỉ định tôi vào dự án này.

“Có chuyện rồi thì phải,” Rachel nói. “Cái gì vậy? Ảo giác lại thay đổi à?”

Ảo giác, tôi cay đắng nghĩ. Không bao giờ cô ta gọi là những giấc mơ.

“Chúng mạnh lên phải không? Trở nên riêng tư hơn? Anh sợ phải không?”

“Andrew Fielding chết rồi,” tôi bả hoải nói.

Rachel chớp mắt. “Andrew Fielding là ai?”

“Ông ấy là nhà vật lý.”

Mắt cô mở to. “Nhà vật lý Andrew Fielding chết rồi?”

Điều này cho thấy tiếng tăm Fielding lớn đến cỡ nào, đến một bác sĩ y khoa không hiểu biết mấy về vật lý lượng tử cũng biết tên ông! Nhưng điều đó không làm tôi ngạc nhiên. Có những đứa bé sáu tuổi cũng nghe nói đến “Thỏ Trắng”. Con người ấy đã làm sáng tỏ phần lớn những bí ẩn về vật chất tối trong vũ trụ, chỉ đứng thứ hai sau bạn ông là Stephen Hawking trong bầu trời vật lý thiên văn.

“Ông ấy chết do đột quy,” tôi nói. “Hay người ta bảo thế.”

“Ai bảo thế?”

“Các đồng sự.”

“Anh làm việc với Andrew Fielding?”

“Phải. Từ hai năm nay”

Rachel lắc đầu sững sốt. “Anh không tin ông ấy bị đột quy à?”

“Không.”

“Anh đã khám ông ấy chưa?”

“Có khám qua loa. Ông ấy ngã gục trong văn phòng. Một bác sĩ khác đã phát hiện ra ông ấy trước khi ông ấy chết. Hắn ta nói rằng ông ấy bị liệt nửa người bên trái, và dẫn dòng từ trái. Nhưng...”

“Sao?”

“Tôi không tin hẳn ta. Fielding chết quá nhanh so với một cơn đột quỵ. Trong vòng bốn hoặc năm phút.”

Rachel mím môi. “Chuyện đó đôi khi cũng xảy ra. Đặc biệt khi bị xuất huyết nghiêm trọng.”

“Đúng, nhưng tương đối hiếm, và dẫn đồng tử không phải là chuyện thường thấy.” Điều này có thể đúng, nhưng không phải cái tôi đang nghĩ. Tôi đang nghĩ Rachel tuy là một bác sĩ tâm thần giỏi nhưng cũng chưa qua mười sáu năm thực hành chuyên khoa nội như tôi. Người ta thường có cảm giác chính xác về một số ca nào đấy, một số người nào đấy. Giác quan thứ sáu. Fielding không phải bệnh nhân của tôi, nhưng ông nói với tôi rất nhiều về sức khỏe của ông trong hai năm qua. Tình trạng xuất huyết ồ ạt không phải điều mà tôi cảm nhận. “Coi này, tôi không biết xác ông ấy để ở đâu, và tôi không nghĩ sẽ có mổ tử thi, bởi vậy...”

“Tại sao không mổ tử thi?” Rachel ngắt lời.

“Bởi vì tôi nghĩ ông ấy bị giết.”

“Nhưng anh đã nói ông ấy chết trong phòng làm việc.”

“Thì đúng thế.”

“Anh cho rằng ông ấy bị giết ở nơi làm việc? Bao lực công sở?”

Cô vẫn không hiểu. “Tôi muốn nói một vụ giết người có dự mưu. Tay giết người này chuyên nghiệp, có tính toán kỹ lưỡng.”

“Nhưng... tại sao người ta lại giết Andrew Fielding? Ông ấy già rồi, đúng không?”

“Ông ấy sáu mươi ba.” Nhớ lại Fielding nằm sõng soài trên sàn phòng làm việc, mồm há hốc, đôi mắt vô hồn nhìn trừng trừng lên trần nhà, bỗng nhiên tôi thấy bắt buộc phải nói với Rachel tất cả. Nhưng liếc nhìn ra cửa sổ, sự thôi thúc trong tôi bị nguội đi ngay. Có thể một microphone parabol đang chĩa vào cửa kính.

“Tôi không thể nói điều gì quá giới hạn. Rất tiếc. Cô nên về đi, Rachel.”

Cô tiến hai bước về phía tôi, nét mặt quả quyết. “Tôi sẽ không đi đâu cả. Coi này, ở bang này nếu có bất kỳ ai chết mà không được bác sĩ giám sát thì đều phải khám nghiệm tử thi. Đặc biệt trong những trường hợp mờ ám. Luật pháp yêu cầu thế.”

Tôi cười trước sự ngây thơ của cô. “Sẽ không có cuộc mổ tử thi nào đâu. Dù sao cũng không khám nghiệm công khai.”

“David...”

“Tôi thực sự không thể nói nhiều hơn. Đáng lẽ ra tôi không nên nói nhiều như thế. Tôi chỉ muốn cô hiểu... chuyện đó là thật.”

“Tại sao anh không thể nói nhiều hơn?” Cô giơ bàn tay nhỏ nhắn duyên dáng lên. “Không, để tôi tự trả lời. Bởi vì cho tôi biết nhiều hơn thì sẽ đặt tôi vào thế nguy hiểm, đúng không?”

“Đúng.”

Cô đảo mắt. “David, ngay từ đầu anh đã đưa ra yêu cầu khác thường về bí mật. Và tôi đã tuân theo. Tôi đã nói với đồng nghiệp rằng những giờ anh ở phòng khám của tôi là nghiên cứu cho cuốn sách thứ hai của anh, chứ không nói về những gì thật sự đã xảy ra.”

“Và cô biết rằng tôi rất cảm kích chuyện đó. Nhưng nếu tôi đứng về chuyện Fielding, thì bất kỳ điều gì tôi nói ra bây giờ sẽ đe dọa tính mạng cô. Cô hiểu không?”

“Không, tôi không bao giờ hiểu được. Loại công việc gì mà lại có thể nguy hiểm đến thế?”

Tôi lắc đầu.

“Đây giống như một câu đùa dở tệ.” Cô cười với vẻ kỳ lạ. “ ‘Tôi có thể nói với cô, nhưng sau đó tôi buộc phải giết cô.’ Một suy nghĩ hoang tưởng điển hình.”

“Cô có thật sự nghĩ rằng tôi bịa ra toàn bộ chuyện này không?”

Rachel thận trọng trả lời. “Tôi tin rằng anh tin mọi điều anh nói với tôi là thật.”

“Như vậy, tôi vẫn còn bị ảo giác.”

“Anh phải thừa nhận rằng, đôi lúc anh bị rối loạn ảo giác. Vài vụ gần đây là những ảo giác tôn giáo điển hình.”

“Nhưng phần lớn thì không,” tôi nhắc cô. “Tôi là người vô thần, điều đó có điển hình không?”

“Không, tôi thừa nhận điều này. Nhưng anh đã từ chối cho nghiên cứu kỹ chứng ngũ rũ của anh. Hay là chứng động kinh. Hay thậm chí cả xét nghiệm đường huyết cũng không.”

Tôi đã được nhà tâm thần học hàng đầu thế giới nghiên cứu kỹ lưỡng. “Cái đó đang được điều tra ở nơi làm việc.”

“Bởi Andrew Fielding. Ông ấy không phải là tiến sĩ y khoa, đúng không?”

Tôi quyết định dân thêm một bước. “Ravi Nara đoạt giải Nobel y học ấy ư?”

Cô há hốc miệng. “Ravi Nara. Nghe như trong giải thưởng Nobel y học?”

“Chính hắn,” tôi nói giọng chán ghét.

“Anh làm việc với Ravi Nara?”

“Phải. Hắn là một thằng ngu. Chính hắn đã nói Fielding chết vì đột quỵ.”

Rachel có vẻ bối rối. “David, tôi không biết nói gì. Có đúng là anh đang làm việc với những người nổi tiếng ấy?”

“Điều đó khó tin đến thế cơ à? Bản thân tôi cũng khá nổi tiếng đấy chứ.”

“Vâng, nhưng... không cùng một kiểu. Lý do nào khiến những người nổi tiếng như thế phải làm việc chung với nhau? Họ ở trong những lĩnh vực hoàn toàn khác nhau.”

“Họ như thế thật, cho đến cách đây hai năm.”

“Ý anh muốn nói gì?”

“Cô trở về văn phòng đi, Rachel.”

“Tôi đã hoãn cuộc hẹn với bệnh nhân cuối cùng để có thể đến đây.”

“Hãy để tôi thanh toán cho chỗ thời gian cô bị mất.”

Cô đỏ mặt lên. “Anh không cần phải xúc phạm tôi. Làm ơn hãy nói cho tôi biết chuyện gì đang xảy ra. Tôi đã quá mệt vì nghe mãi về các ảo giác của anh rồi.”

“Những giấc mơ.”

“Gì cũng được. Chúng không đủ để tôi làm việc.”

“Với mục đích của cô thì không. Nhưng tôi với cô có những mục tiêu khác nhau. Luôn luôn là như thế. Cô đang cố giải câu đố về David Tennant. Tôi đang cố giải câu đố về giấc mơ của tôi.”

“Nhưng câu trả lời gắn chặt với vấn đề anh là ai! Các giấc mơ không độc lập với phần còn lại của bộ óc anh. Anh...”

Tiếng chuông điện thoại cắt ngang lời cô. Tôi đứng lên đi vào trong bếp để nghe, một cái gì rất lạ nhói lên trong ngực tôi. Người gọi điện có thể là tổng thống Hoa Kỳ.

“Bác sĩ Tennant đây,” tôi nói theo thói quen từ nhiều năm.

“Bác sĩ David?” tiếng phụ nữ bán loạn kêu lên bằng giọng châu Á. Đó là Lu Li, người vợ Trung Quốc của Fielding. Hay bà quả phụ...

“Tôi David đây, chị Lu Li. Tôi xin lỗi chưa kịp gọi cho chị.” Tôi cố tìm lời lẽ thích hợp nhưng chỉ thấy những câu chữ khuôn sáo. “Tôi không sao bày tỏ hết nỗi đau đớn của tôi về việc Andrey qua đời...”

Một tràng tiếng Quảng Đông điểm thêm vài từ tiếng Anh ào ạt tuôn vào đây nói. Tôi không cần phải hiểu toàn bộ mới biết rằng mình đang nghe một phụ nữ mất chồng quần trí đang bên bờ vực suy sụp. Chỉ Chúa mới biết bọn an ninh của Trinity đã nói gì với Lu Li, và bà đã làm gì. Bà mới đến Mỹ được ba tháng nay, việc nhập cảnh của bà được Bộ Ngoại giao giải quyết chóng vánh sau khi có cú

điện thoại thúc đẩy ra mặt từ Nhà Trắng gọi tới.

“Tôi biết đây là một ngày khủng khiếp,” tôi nói bằng giọng an ủi. “Nhưng tôi mong chị bình tâm lại.”

Lu Li hỗn hển.

“Chị cố gắng hít thở thật sâu,” tôi nói, cố tìm cách tiếp cận vấn đề. An toàn nhất là dùng cái vỏ bọc đoàn thể mà NSA đã một mực khẳng định ngay từ đầu. Theo như phần còn lại của các công ty thuộc Công viên Tam giác Nghiên cứu biết, Tập đoàn Quang học Argus đang phát triển các phần tử máy tính quang học được sử dụng trong dự án quốc phòng của chính phủ. Lu Li không thể biết nhiều hơn điều này.

“Công ty đã nói gì với chị?” tôi thận trọng hỏi.

“Andy chết rồi!” Lu Li khóc. “Họ bảo ông ấy chết vì chảy máu não, nhưng tôi không biết gì cả. Tôi không biết phải làm gì.”

Tôi thấy lúc này nêu ra cái giả thiết về vụ giết người khiến bà vợ góa của Fielding kích động thêm thì chẳng ích lợi gì. “Chị Lu Li ạ, Andrew đã sáu mươi ba tuổi, và không phải đang trong tình trạng sức khỏe tốt nhất. Đột quy không phải là việc không thể xảy ra trong trường hợp này.”

“Anh không hiểu, bác sĩ David! Andy đã cảnh báo tôi điều này.”

Tay tôi nắm chặt ống nói. “Chị muốn nói gì?”

Một đợt thác lũ tiếng Quảng Đông nữa tràn qua dây nói, nhưng sau đó Lu Li chuyển sang thứ tiếng Anh ngắt ngứ. “Andy bảo tôi chuyện này có thể xảy ra. Ông ấy nói, ‘Nếu xảy ra chuyện gì với tôi, hãy gọi bác sĩ David. Anh ấy biết phải làm gì.’”

Một cơn đau bóp nghẹt tim tôi. Fielding đã đặt niềm tin như thế vào tôi... “Chị muốn tôi làm gì?”

“Đến đây. Nói chuyện với tôi. Cho tôi biết tại sao chuyện này xảy đến với Andy.”

Tôi lưỡng lự. NSA có thể đã nghe được cuộc trò chuyện này. Đến nhà Lu Li bây giờ chỉ gây thêm rủi ro cho bà ấy, cho cả tôi nữa. Nhưng tôi còn lựa chọn nào khác. Không thể phụ lòng bạn tôi. “Tôi sẽ đến trong vòng hai mươi phút nữa.”

“Cảm ơn, cảm ơn David. Làm ơn, cảm ơn.”

Tôi gác máy, quay vào phòng khách. Rachel đang đứng ngay ngưỡng cửa bếp.

“Tôi phải đi đây,” tôi bảo cô. “Tôi rất cảm kích vì cô đã đến tận đây thăm bệnh cho tôi. Tôi biết rằng cuộc thăm này nằm ngoài trách nhiệm.”

“Tôi sẽ cùng đi với anh. Tôi đã nghe được vài điều, và tôi sẽ cùng đi với anh.”

“Không thể được.”

“Tại sao?”

“Cô không có lý do để đến đó. Cô không phải người trong cuộc.”

Cô khoanh tay trước ngực. “Đối với tôi thì đây là chuyện nhỏ, được chưa? Nếu quả lời anh nói là đúng, tôi sẽ đi tìm bà góa phụ quản trị của Andrew Fielding, chỉ mất ít phút lái xe. Và bà ấy sẽ làm sáng tỏ những gì anh đã nói với tôi.”

“Không cần thiết. Tôi không biết Andrew Fielding đã tiết lộ bí mật với bà ấy đến mức nào. Và lại bà ấy hầu như không nói tiếng Anh.”

“Andrew Fielding không dạy vợ mình nói tiếng Anh à?”

“Ông ấy nói giỏi tiếng Quảng. Cộng thêm tám thứ tiếng khác nữa. Còn bà ấy thì mới đến đây được vài tháng.”

Rachel dùng lòng bàn tay vuốt phẳng nếp váy. “Anh càng phản đối tôi lại càng thấy anh biết rõ nếu tôi đến đó thì sẽ làm lộ tẩy câu chuyện của anh chỉ là ảo giác.”

Cơn giận tràn qua người tôi. “Thôi tôi cũng đành liều để cô đến vậy. Nhưng cô chưa biết nó nguy hiểm như thế nào. Cô có thể chết. Đêm nay.”

“Tôi không nghĩ thế.”

Tôi cầm lấy túi Ziploc có chứa chất bột trắng và chiếc phong bì FedEx đưa cho cô. “Cách đây ít phút tôi nhận được một bức thư do Fielding gửi. Chất bột này ở trong phong bì thư.”

Cô nhún vai. “Trông nó giống như cát. Cái gì thế?”

“Tôi cũng chẳng biết. Tôi sợ rằng nó là bệnh than. Hoặc cái gì đó đã giết Fielding.”

Cô cầm lấy chiếc túi từ tay tôi. Tôi nghĩ trước hết cô phải xem xét chất bột, nhưng cô lại đọc nhãn trên chiếc phong bì FedEx.

“Đây ghi người gửi là Lewis Carroll.”

“Đó là mật hiệu. Fielding không thể liêu đưa tên thật của mình vào hệ thống máy tính của FedEx. NSA sẽ chop được ngay. Ông ấy lấy mật danh là Lewis Carroll bởi ông có biệt danh “Thỏ Trắng”. Cô đã nghe nói rồi phải không?”

Trông Rachel như đang nghĩ lung về chuyện ấy. “Tôi không chắc đã nghe nói. Bức thư đâu rồi?”

Tôi bước ra cửa trước. “Trong cái túi nhựa trên đi vắng ấy. Đừng có mở ra.”

Cô cúi xuống đọc nhanh dòng chữ. “Không có chữ ký.”

“Tất nhiên là không. Fielding không biết những ai có thể đọc nó. Ký hiệu con thỏ là chữ ký của ông ấy.”

Cô nhìn tôi đầy ngờ vực. “Cho tôi đi theo, David. Nếu những gì tôi thấy đúng như điều anh nói, từ giờ trở đi tôi sẽ cẩn thận làm theo những lời cảnh báo của anh. Không còn nghi ngờ nữa.”

“Thế chẳng khác nào quăng cô xuống nước để chứng tỏ có cá mập dưới đó. Lúc cô thấy chúng thì đã quá muộn rồi.”

“Trong các truyện tưởng tượng loại này bao giờ cũng thế.”

Tôi đi lấy chùm chìa khóa trên quầy bếp. Rachel theo sát gót tôi. “Thôi được, cô muốn đến? Lên xe của cô và đi theo tôi.”

Cô lắc đầu. “Không đâu. Anh sẽ bỏ rơi tôi ngay ngã tư đèn đỏ đầu tiên.”

“Đồng nghiệp của cô hẳn phải nói với cô rằng đi cùng một bệnh nhân đang đuổi theo những tưởng tượng hoang đường là nguy hiểm chứ? Đặc biệt là bệnh nhân bị chứng ngủ rũ.”

“Đồng nghiệp của tôi không biết anh. Còn về chứng ngủ rũ, anh còn chưa tự giết mình cơ mà.”

Tôi lần tay xuống dưới đệm sofa, lấy khẩu súng ra, nhét vào cặp quần. “Cả cô cũng chưa biết tôi.”

Cô quan sát cái bóng súng, rồi nhìn thẳng vào mắt tôi. “Tôi nghĩ rằng tôi biết anh. Và tôi muốn giúp anh.”

Nếu cô chỉ là bác sĩ tâm thần của tôi, chắc tôi đã để cô lại đó. Nhưng trong thời gian dài khám bệnh, chúng tôi đã nhận ra điều gì đó ở nhau, một tình cảm không nói nên lời mà hai con người từng trải qua mất mát to lớn chia sẻ với nhau. Dù coi tôi là kẻ có bệnh, cô vẫn chăm sóc tôi trong một thời gian dài theo cách khác hẳn mọi người. Đưa cô đi theo có lẽ là ích kỷ, nhưng sự thật đơn giản là, tôi không muốn đi một mình.

CHƯƠNG 3

Geli Bauer ngồi trong bóng tối của tòa nhà Trinity, tổ hợp tầng hầm sáng hiu hắt nhờ màn hình máy tính và màn hình theo dõi. Từ đây, những sợi dây điện li ti tỏa ra để theo dõi người và máy móc thiết bị của Trinity. Nhưng đây mới là trung tâm địa hạt của ả. Chỉ cần chạm nhẹ tay vào bàn phím máy tính là Geli có thể giao tiếp với siêu máy tính NSA ở căn cứ quân sự Meade và theo dõi các cuộc nói chuyện, sự kiện ở bên kia địa cầu. Mặc dầu trong ba mươi hai năm có mặt trên trái đất này ả đã nắm nhiều loại quyền lực, nhưng đến giờ ả mới cảm thấy kích động khi biết toàn bộ cái thế giới bị ràng buộc bởi điện tử có thể bị điều khiển chỉ bằng một ngón tay chạm nhẹ của mình.

Trên giấy tờ, Geli làm việc cho Siêu máy tính Godin, có trụ sở ở Mountain View, California. Nhưng chính cái quan hệ bán chính phủ của công ty ả với NSA đã nâng ả lên đến tầng bình lưu của quyền lực. Nếu ả cho rằng một tình hình nào đó là khẩn cấp, ả có thể ngăn chặn những đoàn tàu, đóng cửa các sân bay quốc tế, thay đổi nhiệm vụ của vệ tinh do thám, cho trực thăng vũ trang bay lên không phận nước Mỹ, hoặc lệnh cho chúng phát hỏa. Không một phụ nữ hiện đại nào khác nắm được những quyền lực như thế - xét trên mặt nào đó thẩm quyền của ả còn cạnh tranh với cả quyền lực của cha mình - và Geli không có ý định từ bỏ nó.

Trên màn hình phẳng trước mặt ả sáng lên nội dung cuộc nói chuyện giữa David Tennant với một quan chức nào đó không rõ của Nhà Trắng, được ghi ở nhà hàng Shoney chiều hôm ấy, nhưng Geli không còn nhìn đến nó nữa. ả đang nói qua ống nghe với một nhân viên an ninh của mình, kẻ đang theo dõi ngôi nhà của Tennant.

“Tôi chỉ nghe được cuộc nói chuyện trong bếp,” ả nói. “Nó không có ý nghĩa gì cả. Anh ta và bác sĩ Weiss chắc đang nói chuyện ở nơi khác.”

“Có lẽ họ đang làm tình với nhau.”

“Nếu thế chúng ta phải nghe thấy. Tôi trông Weiss cứ như một con ngó. Giống ấy lúc nào cũng im lặng.”

“Cô muốn tôi làm gì?”

“Lọt vào trong kiểm tra mấy cái mic.”

Geli gõ một phím trên bàn phím trước mặt, kết nối với một cựu chỉ huy Delta trẻ tuổi tên là Thomas Corelli hiện đang kiểm soát căn nhà của Andrew Fielding.

“Anh nghe thấy gì, Thomas?”

“Tiếng động nền bình thường. Ti vi. Tiếng ầm ầm, lách cách.”

“Anh có nghe thấy đầu dây vợ Fielding nói không?”

“Có, chỉ có điều khó lòng mà hiểu thứ giọng Tàu khựa ấy.”

“Anh ở ngoài tầm nhìn à?”

“Tôi đậu xe bên đường một vùng ngoại ô.”

“Tennant sẽ đến chỗ các anh trong năm phút nữa. Có một phụ nữ đi cùng hẳn, bác sĩ Rachel Weiss. Giữ liên lạc nhé.”

Geli bấm thoát, rồi nói rành rọt “JPEG. Weiss, Rachel.”

Một tấm ảnh kỹ thuật số của Rachel Weiss hiện lên trên màn hình. Đó là ảnh cận mặt, chụp bằng ống kính tele khi nữ bác sĩ tâm thần bước ra khỏi bệnh viện trường Đại học Duke. Rachel Weiss lớn hơn Geli ba tuổi, nhưng Geli nhận ra tí người này. ả đã biết những cô gái như thế trong trường nội trú ở Thụy Sĩ. Những con người không ngừng nỗ lực. Đa số là Do Thái. ả có thể biết Rachel là người Do Thái mà không cần nghe tên hay xem lý lịch. Ngay cả với bộ tóc khá mất tung bay trong gió, trông

Rachel vẫn như người đang vác cả thế giới trên vai. Cô ta có đôi mắt đen của người tuần đạo, những vết nhăn sớm hằn bên khóe miệng. Cô ta là một trong số các nhà phân tâm học theo trường phái Jung hàng đầu trên thế giới, và người ta thường không đạt đến trình độ ấy nếu như không bị ám bởi công việc.

Geli luôn phản đối việc dính líu với Weiss. Chính Skow cho phép điều này. Lý thuyết của Skow là già néo đứt dây. Nhưng Geli sẽ gặp rắc rối to khi có vấn đề vi phạm an ninh. Để đề phòng những sự cố này, Geli nhận bản ghi các cuộc thăm bệnh của Weiss với Tennant và ghi âm tất cả các cuộc điện thoại của bác sĩ Weiss. Mỗi tuần một lần, một trong các thuộc hạ của Geli lên vào phòng làm việc của Weiss, copy tất cả hồ sơ về Tennant để đảm bảo không có gì lọt khỏi tầm kiểm soát ngặt nghèo của Geli.

Đó là sự phiền nhiễu khi quan hệ với thường dân. Trước đây ở Alamos, với Dự án Manhattan cũng xảy ra đúng như thế. Trong cả hai trường hợp, chính phủ đã cố gắng kiểm soát một nhóm các nhà khoa học dân sự thiên tài, bọn họ vì dốt nát, ngoan cố và mơ mộng nên đã gây ra những mối đe dọa to lớn cho công việc của chính mình. Khi anh tuyển mộ những người thông minh nhất thế giới, anh sẽ có những kẻ lập dị.

Tennant là một kẻ lập dị. Giống như Fielding. Giống như Ravi Nara, nhà thần kinh học đoạt giải Nobel của dự án. Cả sáu yếu nhân của Trinity đã ký một bản thỏa thuận về đảm bảo an ninh và bảo mật tối đa nhưng họ vẫn tin rằng họ có thể làm bất kỳ điều gì mình muốn. Đối với họ, thế giới là một Công viên Disney. Và bọn bác sĩ là tệ nhất. Ngay cả trong quân đội, dường như điều lệnh cũng không áp dụng cho các bác sĩ quân y. Nhưng đêm nay Tennant sắp sửa đi một bước vượt quá xa lằn ranh, có thể khiến anh ta mất đầu.

Ông nghe của ả kêu “bíp” một tiếng. ả mở mạch nối với người của mình ở nhà Tennant. “Gì thế?”

“Tôi vào trong rồi. Cô không thể tin được đâu. Có kẻ nào đã trảm ma tít lên các lỗ đặt mic.”

Geli thấy ngực mình nhói lên kỳ lạ. “Làm sao Tennant biết được chỗ đặt mic?”

“Ngoài máy quét ra thì không thể nào.”

“Kính phóng đại?”

“Nếu hần biết tìm kính. Nhưng như vậy mất hàng giờ, mà không chắc sẽ tìm ra hết.”

Máy quét. Làm thế quái nào một bác sĩ nội khoa lại có máy scan? Bỗng ả hiểu ra. Fielding!

“Tennant đã nhận gói bưu phẩm FedEx. Anh có thấy cái phong bì đâu không?”

“Không.”

“Chắc hần mang theo người. Anh còn thấy gì nữa không? Có gì lạ không?”

“Có một máy quay đặt trên giá ba chân.”

Cút thật. “Có băng trong đó không?”

“Để tôi xem. Không có băng.”

“Còn gì nữa?”

“Một máy hút bụi ở sân sau.”

Cái gì vậy? “Một máy hút bụi à. Lấy cái túi ra mang về đây. Chúng ta sẽ bấm ra gửi sang căn cứ quân sự Meade phân tích. Còn gì nữa?”

“Hết rồi.”

“Xem lại lần cuối, rồi chuẩn.”

Geli bấm thoát rồi nói, “Skow, nhà”. Máy tính quay số dinh thự Raleigh của giám đốc điều hành Dự án Trinity.

“Geli?” Tiếng Skow. “Có chuyện gì thế?”

Bauer luôn luôn nghĩ Kennedy mỗi khi ả nghe giọng Skow. Skow là một quý tộc Boston, với bộ óc to gấp đôi những bộ óc bình thường của dòng giống già. Đáng lẽ theo học khoa học nhân văn và luật

như thông lệ trong giai cấp của mình, gã lại có bằng cao học về thiên văn và toán, và đã tám năm giữ cương vị phó giám đốc các dự án đặc biệt của NSA. Khu vực quan trọng nhất mà gã chịu trách nhiệm là Trung tâm Nghiên cứu Siêu máy tính tuyệt mật của cơ quan này. Trên lý thuyết, Skow là cấp trên của Geli, nhưng quan hệ giữa họ thường không mấy dễ chịu. Geli chịu trách nhiệm độc lập về an ninh của Trinity, nhưng không được phép giết người. Ắ giữ quyền hành này vì Peter Godin - lấy có tình trạng kém an ninh trong các phòng thí nghiệm của chính phủ - đã yêu cầu được chọn một đội ngũ riêng để bảo vệ Trinity.

Ông già tìm thấy ả đứng lúc ả vừa xuất ngũ. Geli toàn tâm toàn ý tin tưởng vào nền văn hóa bình nghiệp, nhưng ả không thể chịu đựng lâu hơn nữa thói quan liêu vừa nhỏ nhen thủ cựu vừa ngang ngược vênh váo của quân đội, và cái tiêu chuẩn chất lượng vô cùng tận đối với tân binh. Khi Godin xuất hiện, lão cho ả công việc mà cô ả mơ ước cả đời nhưng không dám tin là có thật trên đời này.

Ả nhận 700.000 đô la một năm để làm trưởng Ban An ninh cho các dự án đặc biệt của Siêu máy tính Godin. Khoản tiền lương kèch xù, nhưng Godin là tỷ phú, lão có thể trả được. Điều kiện làm việc chỉ có một. Ả phải tuân theo mọi mệnh lệnh của lão, không được hỏi lại và không được quan tâm đến tính hợp pháp. Ả không được tiết lộ bất kỳ thông tin nào về nhân viên, cơ quan, công việc của mình. Nếu làm thế, ả sẽ chết. Geli có quyền thuê nhân viên cho riêng mình, nhưng họ cũng phải chấp nhận những điều kiện và sự trừng phạt tương tự, và ả phải thi hành án phạt đó. Ả lấy làm lạ rằng một người tiếng tăm như Godin mà dám đặt ra những điều khoản như thế. Rồi ả biết Godin tìm ra mình qua cha ả. Điều đó nói lên rất nhiều. Geli hầu như không nói chuyện với cha hàng năm trời, nhưng ở cương vị của mình, ông biết rõ ả. Theo cách Godin nhìn ả, có thể nói lão cũng biết ả chút ít. Có lẽ những câu chuyện ở Iraq đã lộ ra sau Bão táp Sa mạc. Godin cần một chuyên gia an ninh, nhưng lão cũng cần một sát thủ. Geli là hai trong một.

John Skow thì không. Không giống như Godin, hồi trẻ từng là lính thủy đánh bộ ở Triều Tiên, Skow chỉ là lính trên lý thuyết. Con người của NSA này bàn tay chưa bao giờ vấy máu, và bên cạnh Geli, đôi khi gã lóng ngóng như gà gặp cáo.

“Geli?” Skow nhắc lại. “Cô có đây không?”

“Bác sĩ Weiss đến nhà Tennant, ” ả nói vào ống nghe.

“Tại sao?”

“Tôi không biết. Chúng tôi hầu như không nghe được họ nói chuyện gì. Bây giờ họ đang trên đường đến nhà Fielding. Lu Li Fielding gọi cho anh ta. Hoảng loạn. ”

Skow im lặng một lúc. “Đến để an ủi bà vợ góa đang đau buồn chăng?”

“Tôi chắc đó sẽ là câu chuyện của họ.” Ả muốn đánh giá mức độ lo lắng của Skow bằng cách bồi thêm. “Ta để cho họ vào chứ?”

“Tất nhiên. Cô có thể nghe được mọi chuyện họ nói, đúng không?”

“Có thể không. Có vấn đề với những con rệp ở nhà Tennant.”

“Vấn đề gì vậy?”

“Tennant trát ma tít lên các micro. Ở trong nhà lại còn có máy quay đặt trên giá ba chân. Không có băng bên trong.” Ả để Skow ngấm thông tin. “Hoặc là hấn muốn nói gì đó vào băng mà không muốn chúng ta nghe, hoặc là hấn muốn nói chuyện với bác sĩ Weiss mà không cho chúng ta nghe. Khả năng nào cũng tệ hại.”

Ả nghe tiếng Skow thở một lúc.

“Thôi được, ” cuối cùng gã nói. “Chúng ta sẽ ổn thôi.”

“Chắc ông biết điều gì mà tôi không biết, thưa ngài.”

Skow tặc lưỡi với từ “ngài” ả nói bằng giọng coi thường. Con người của NSA này khá lì theo cách riêng của gã. Gã có sự lạnh lùng vô cảm của trí thông minh toán học.

“Đặc quyền của lãnh đạo mà, Geli. Sáng nay cô làm ăn giỏi đấy. Tôi rất ngạc nhiên.”

Geli nháy sang hình thi thể của Fielding. Việc kết liễu diễn ra khá êm, nhưng nước cờ lại khá ngu xuẩn. Lẽ ra phải khử luôn cả Tennant. Ắ có thể dễ dàng điều hai người lên cùng một chiếc xe, và sau đó chỉ là chuyện... dọn dẹp đơn giản. Một vụ tai nạn ô tô. Và Dự án không lâm vào cảnh hiềm nghèo như hiện giờ. “Liệu có thật Tennant đã nói chuyện với tổng thống không, thưa ngài?”

“Tôi không biết. Bởi vậy cô nên giữ khoảng cách. Chỉ giám sát tình hình thôi, đừng đi xa hơn.”

“Anh ta cũng đã nhận một bưu phẩm do FedEx mang đến. Một bức thư. Dù là gì thì anh ta cũng đang mang nó theo mình. Chúng ta cần xem bức thư ấy.”

“Nếu cô có thể đọc nó mà Tennant không biết thì tốt. Nếu không được thì liên hệ với FedEx xem ai gửi?”

“Chúng tôi đang làm thế.”

“Tốt. Miễn là đừng...”

Geli nghe tiếng vợ Skow gọi tên gã.

“Nhớ báo cho tôi,” nói rồi gã cúp máy.

Geli nhắm mắt và bắt đầu thở sâu. Ắ đã đề nghị Godin cho khử Tennant cùng với Fielding, nhưng lão phản đối. Phải, Godin thừa nhận, Tennant đã phá luật và cùng Fielding dành nhiều thời gian bên ngoài nơi làm việc. Phải, Tennant đã ủng hộ những cố gắng trì hoãn dự án của Fielding. Và chính quan hệ của Tennant với tổng thống đã làm cho việc trì hoãn trở thành khả thi. Nhưng không có chứng cứ về việc Tennant tham gia chiến dịch phá hoại dự án của ông người Anh, hay được chia sẻ những thông tin nguy hiểm mà Fielding có. Geli không biết những thông tin đó là gì, ả không đánh giá được mức độ nguy hiểm nếu để Tennant sống. Ắ đã nhắc Godin câu châm ngôn “Giết nhầm hơn bỏ sót”. Nhưng Godin không lay chuyển. Rồi lão sẽ phải chấp nhận. Không lâu nữa đâu.

Geli nói “JPEG, Fielding, Lu Li”. Hình ảnh một phụ nữ Á Đông tóc đen xuất hiện trên màn hình. Lu Li, tên khai sinh là Cheng, lớn lên ở tỉnh Quảng Đông, Trung cộng. Bốn mươi tuổi. Có bằng cao học vật lý ứng dụng.

“Lại một sai lầm nữa,” Geli lẩm bẩm. Lu Li Cheng không có công việc gì trong biên giới Mỹ, lại càng không có việc gì trong nội bộ dự án khoa học nhạy cảm bậc nhất nước này. Geli chạm tay vào phím kết nối ả với Thomas Corelli trong chiếc xe do thám đậu bên ngoài nhà Fielding. “Có thấy gì lạ ở đó không?”

“Không.”

“Khám xét xe của Tennant khi hắn đến có dễ không?”

“Tùy thuộc vào chỗ hắn đậu.”

“Nếu anh thấy có phong bì FedEx trong xe, lấy ra đọc, rồi bỏ lại chỗ cũ. Và tôi muốn xem băng video quay khi hắn đến.”

“Được thôi. Cô muốn tìm gì?”

“Chưa biết. Cứ làm đi.”

Geli lấy từ ngăn bàn ra một gói Gauloises, rút một điếu, cúi đầu lọc vút đi. Trong ánh lửa que diêm, ả thấy bóng mình trên màn hình máy tính. Tóc vàng hoe lòe xòa, gò má nhô cao, mắt xanh màu thép, vết sẹo bỏng quái ác. Geli coi vết sẹo xấu xí hằn trên má trái ả như một bộ phận của khuôn mặt không kém gì mắt hay môi. Đã có lần một bác sĩ giải phẫu thẩm mỹ đề nghị tẩy miễn phí dấu vết phai màu ấy, nhưng Geli khước từ. Những vết sẹo có một mục đích: nhắc nhở người mang chúng về các vết thương. Vết thương gây ra cái sẹo, ả không bao giờ cho phép mình quên.

Ắ nhấn phím chuyển tín hiệu từ các microphone trong nhà Fielding vào ống nghe. Xong ả rít một hơi thuốc thật sâu, ngả người trên ghế, thở một luồng khói mù mịt lên trần nhà. Geli Bauer ghét nhiều thứ, nhưng ả ghét nhất là chờ đợi.

CHƯƠNG 4

Chúng tôi lặng lẽ lái xe đi, chiếc Acura lẹ làng lướt qua hoàng hôn. Giờ này buổi tối, chạy xe từ nhà tôi ở ngoại ô đến nhà Fielding gần trường Đại học Bắc Carolina trên đồi Chapel khá nhanh chóng. Rachel không hiểu yêu cầu phải im lặng của tôi, và tôi cũng không hy vọng cô hiểu. Khi tôi bắt đầu dính líu với Trinity, mức độ bài ngoại của chính sách an ninh làm tôi kinh ngạc. Các nhà khoa học khác, trong đó có Fielding, trước đây từng làm việc trong các dự án liên quan đến quốc phòng, đã chấp nhận tình trạng cường chế an ninh ấy như một điều phiền toái cần thiết. Nhưng dần dần, ngay cả những người kỳ cựu cũng than vãn rằng chúng tôi đang phải chịu đựng những điều chưa có tiền lệ. Mạng lưới theo dõi tỏa ra khắp nơi và vươn cả ra ngoài những khu thí nghiệm. Ai phản đối đều bị nhắc nhở cộc lốc rằng các nhà khoa học của Dự án Manhattan còn buộc phải sống giữa hàng rào dây thép gai để bảo đảm an toàn cho “thiết bị”. Chút tự do mà chúng tôi được hưởng có cái giá của nó, đường dây điện thoại riêng cũng thế.

Fielding không chịu trả giá. Các trắc nghiệm phát hiện nói dối “ngẫu nhiên” được thực hiện gần như hằng tuần, và ngay cả nhà chúng tôi cũng bị theo dõi. Hôm nay, trước khi có thể bắt đầu quay băng video, tôi đã phải bịt các lỗ kim giấu những microphone nhỏ li ti trên tường. Fielding đã phát hiện ra chúng nhờ cái máy quét đặc biệt ông lắp trong nhà và dùng đinh ghim đánh dấu những chỗ đặt rệp. Ông có vài trò tiêu khiển nhằm tránh sự nhòm ngó của bọn do thám Trinity. Ông nhắc tôi không được tự do nói bí mật riêng trong xe. Ô tô là chỗ rất dễ đặt rệp, ngay cả xe sạch cũng có thể bị nghe trộm từ xa bằng microphone công nghệ cao đặc biệt. Trò chơi mèo vờn chuột của ông người Anh này với NSA làm tôi lắm phen thích thú, nhưng ai cũng biết kẻ nào sẽ giành phần thắng cuối cùng.

Tôi liếc nhìn Rachel. Được ngồi cùng xe với cô kể cũng là chuyện lạ lùng. Trong vòng năm năm từ ngày vợ tôi mất, tôi có quan hệ với hai phụ nữ, đều trước khi tôi làm việc với Trinity. Lần này với Rachel không phải “quan hệ” theo nghĩa lãng mạn. Trong ba tháng qua, cứ mỗi tuần hai giờ, tôi ngồi trong phòng cùng cô thảo luận về khía cạnh rồi ren nhất đời tôi: những giấc mơ. Qua những câu hỏi và giải thích của cô, có lẽ cô đã phát hiện ra bản thân mình nhiều hơn là hiểu biết về tôi - song đến giờ còn rất nhiều điều ẩn giấu.

Cô vốn từ viện Giáo hội Trưởng lão New York xuống để nhận vị trí trưởng khoa ở Duke, ở đây cô dạy cho một nhóm nhỏ các bác sĩ nội trú khoa tâm thần về phương pháp phân tích theo trường phái Jung, một nghệ thuật đang suy tàn trong ngành bệnh học tâm thần được lý hiện đại. Cô cũng có những bệnh nhân riêng, và tiến hành nghiên cứu bệnh lý tâm thần. Sau hai năm làm việc gần như cô độc ở Trinity, tôi thấy kích thích khi tiếp xúc với bất kỳ phụ nữ thông minh nào. Nhưng Rachel đâu phải chỉ có trí thông minh. Ngồi trong chiếc ghế bọc da, trang phục hoàn hảo, mái tóc đen tết kiểu Pháp, cô tập trung nhìn tôi không chớp mắt, như muốn thâm nhập vào chiều sâu tâm trí tôi, nơi mà chính tôi cũng chưa dò tới. Đôi khi gương mặt cô, đặc biệt là đôi mắt, là cả một không gian đối với tôi. Đôi mắt ấy là lãnh địa mà tôi chiếm lĩnh, là cử tọa cho tôi giải bày, là phán quyết mà tôi chờ đợi. Nhưng đôi mắt ấy rất chậm đưa ra phán quyết, ít nhất trong thời gian đầu. Cô hỏi tôi về những hình ảnh nào đó, rồi hỏi tiếp về mấy câu trả lời tôi vừa đưa ra. Đôi khi cô giải thích về các giấc mơ của tôi, nhưng hoàn toàn không giống các bác sĩ tâm thần của NSA mà tôi biết, cô không nói chắc như đinh đóng cột. Dường như cô tìm kiếm ý nghĩa cùng tôi, khơi gợi để tôi tự mình hiểu ra ý nghĩa của các hình tượng.

“David, anh không cần phải lái lòng vòng suốt đêm. Tôi sẽ không phản anh đâu.”

Đúng, tôi nghĩ. Áo giáp về một âm mưu bí mật của chính phủ thì có gì sai cơ chứ? “Hãy kiên nhẫn,” tôi bảo cô. “Không còn xa nữa đâu.”

Cô nhìn tôi trong bóng tối mờ mờ, ánh mắt hoài nghi.

“Khoản tiền thưởng của một giải Nobel là bao nhiêu?”

“Khoảng một triệu đô. Fielding nhận ít hơn Ravi Nara là vì...” Tôi tắt ngấm khi nhận thấy cô chỉ muốn thử thêm lần nữa, cố làm tiêu tan cái “ảo ảnh” của tôi.

Tôi tập trung nhìn đường, trong bụng chắc mẩm chỉ vài phút nữa cô sẽ phải thừa nhận chứng hoang tưởng của tôi ít nhất cũng có phần nào cơ sở thực tế. Lúc đó cô sẽ nghĩ sao nhỉ? Liệu cô có sẵn lòng nghe tôi giải thích về những giấc mơ của mình, dù chúng có vẻ vô lý thế nào chăng nữa?

Ngay từ buổi thăm khám đầu tiên, Rachen đã khẳng định rằng cô không thể lý giải đúng các “ảo giác” nếu cô không được biết những chi tiết bí mật trong quá khứ và công việc của tôi. Nhưng tôi không thể tiết lộ nhiều. Fielding đã cảnh báo tôi rằng với NSA, bất cứ ai biết bất kỳ điều gì về Trinity hoặc các yếu nhân của nó, sẽ bị coi là mối nguy hiểm tiềm tàng. Ngoài mối lo ngại đó ra, tôi thấy những hình ảnh tôi mơ trong thời gian bị chứng ngủ rũ không có liên hệ gì với quá khứ của mình. Những hình ảnh ấy dường như đến từ bên ngoài tâm trí tôi. Không phải theo nghĩa nghe thấy ảo thanh, dấu hiệu chắc chắn của bệnh tâm thần phân liệt, mà là theo cái nghĩa xưa nay vẫn hiểu về hình ảnh thị giác. Những hình ảnh hé lộ thiên cơ như các nhà tiên tri thường mô tả. Đối với một người từ bé chưa hề tin vào Chúa, đó là một tình trạng nhiễu loạn kỳ quái.

Những giấc mơ của tôi không xuất hiện ngay từ cơn ngủ rũ đầu tiên. Hồi đầu tôi thật sự bất tỉnh. Có những lỗ hổng trong đời. Những khoảng trống thời gian mất đi vĩnh viễn. Tôi đang ngồi làm việc trước máy tính văn phòng thì bỗng cảm thấy người rung bần bật. Ban đầu thì toàn thân, sau đó cơn rung nhanh chóng tập trung vào răng. Đó là triệu chứng thông thường của chứng ngủ rũ. Tôi bắt đầu cảm thấy buồn ngủ rũ rượi, rồi tự nhiên giật mình choàng tỉnh trên ghế, ngó đồng hồ đã bốn mươi phút trôi qua. Tôi thấy giống như bị gây mê. Không còn nhớ gì nữa cả.

Nhưng rồi giấc mơ đến sau một tuần bất tỉnh. Những giấc mơ đầu tiên luôn luôn giống nhau, chỉ là ác mộng lặp đi lặp lại làm tôi sợ hơn cả những lần mất ý thức. Tôi nhớ lần đầu tiên khi nghe tôi kể tỉ mỉ hiện tượng này, Rachel đã ngạc nhiên thế nào, cô cho là mình hiểu hình ảnh ấy với vẻ chắc chắn khác thường ra sao. Tôi ngồi thụt sâu trong ghế bành lót đệm, đối diện bàn viết của cô, nhắm mắt lại và bắt đầu kể về những hình ảnh mà tôi thấy rất thường xuyên.

Tôi đang ngồi trong một căn phòng tối. Không có chút ánh sáng nào rọi vào. Không một âm thanh nào vọng đến. Tôi có thể lấy tay sờ mắt và tai tôi, nhưng tôi không nhìn không nghe thấy gì. Tôi không nhớ gì. Tôi không có quá khứ. Và bởi vì tôi không nhìn không nghe thấy gì, tôi không có cả hiện tại. Tôi chỉ tồn tại. Đó là thực tại của tôi. TÔI CHỈ TỒN TẠI. Tôi cảm thấy mình như một nạn nhân đột quy bị cầm tù trong cơ thể và bộ não không còn hoạt động. Tôi có thể suy nghĩ, nhưng không phải về một hình ảnh nhất định. Tôi cảm nhiều hơn nghĩ. Và điều tôi cảm thấy là như thế này: Tôi là ai? Tôi từ đâu đến? Tại sao tôi có một mình? Có phải lúc nào tôi cũng ở đây không? Tôi có ở đây mãi không? Những ý nghĩ ấy không chỉ chất đầy tâm trí tôi. Nó chính là tâm trí tôi. Không có thời gian như chúng ta đã biết, chỉ có những câu hỏi chuyển từ câu này sang câu khác. Cuối cùng, các câu hỏi hòa tan vào một câu thần chú: Tôi từ đâu đến? Tôi từ đâu đến? Tôi là một người bị tổn thương não ngồi trong căn phòng vĩnh cửu, đặt một câu hỏi về bóng tối.”

“Anh thấy không?” Rachel nói. “Anh chưa hoàn toàn thoát khỏi sự ám ảnh về cái chết của vợ con anh. Do mất họ mà anh bị cắt lìa khỏi thế giới này, và khỏi bản thân anh. Anh bị tổn hại rồi. Anh bị thương tật rồi. Cái người bước đi trong thế giới ánh sáng kia là một hành động. Con người thật của David Tennant ngồi trong căn phòng tối, không có khả năng cảm và nghĩ. Không ai có thể cảm nhận được nỗi khổ hay sự đau đớn của anh ta.”

“Không phải thế đâu,” tôi nói. “Tôi đã có một bước ngoặt về tâm thần, lạy Chúa. Không phải nỗi đau chưa được hóa giải.”

Cô thờ dài, lắc đầu. “Các bác sĩ luôn tạo ra những con bệnh tệ nhất.”

Một tuần sau, tôi bảo cô rằng giấc mơ đã thay đổi.

“Bây giờ trong phòng có thứ gì đó hiện diện cùng tôi. ”

“Đó là cái gì?”

“Tôi không biết. Tôi không trông thấy nó.”

“Nhưng anh biết nó ở đây?”

“Phải.”

“Người à?”

“Không. Nó rất nhỏ. Một quả cầu, trôi trong không gian. Một quả banh chơi gôn màu đen trôi nổi trong bóng tối.”

“Sao anh biết nó ở đây?”

“Nó giống như thứ bóng tối đậm đặc hơn ở trung tâm bóng tối. Và nó kéo tôi xuống.”

“Kéo như thế nào?”

“Tôi không biết. Giống như trọng lực ấy. Trọng lực xúc cảm. Nhưng tôi biết điều này. Nó biết câu trả lời cho vấn đề của tôi. Nó biết tôi là ai và tại sao tôi ngồi lì trong căn phòng tối ấy.”

Và rồi nó đi, thay hình đổi dạng chút ít, cho đến khi giấc mơ lại thay đổi lần nữa. Thay đổi sâu sắc. Một đêm, trong lúc đang ngồi nhà đọc sách, tôi “lịm đi” theo cách thông thường. Tôi thấy mình vẫn ngồi trong căn phòng tối quen thuộc, đặt câu hỏi về quả cầu đen. Rồi không hề báo trước, quả cầu nổ chói lòa. Sau một hồi ngồi trong bóng tối thì một que diêm lóe lên cũng đủ giống như vụ nổ, đằng này đâu phải que diêm. Nó nổ bung ra mọi hướng với cường độ của một quả bom khinh khí. Chỉ có điều, nó không tự cuộn mình vào trong mà bùng ra thành một đám mây hình nấm. Nó nở ra với sức mạnh và tốc độ vô hạn, và tôi có cảm giác kinh khủng là bị nó nuốt chửng, nuốt chửng chứ không nghiền nát. Khi ánh sáng lóa mắt nuốt trọn bóng tối, vốn là chính tôi, không hiểu sao tôi biết được chuyện này có thể tiếp diễn hàng tỉ năm nữa mà vẫn không phá hủy tôi hoàn toàn. Thế mà tôi vẫn sợ.

Rachel không hiểu những giấc mơ ấy. Trong ba tuần kế tiếp, cô chỉ lắng nghe tôi miêu tả sự ra đời của các vì sao và dải Ngân hà, sự sống và cái chết của chúng, những lỗ đen, siêu tân tinh, những tinh vân lấp lóe như kim cương bột rắc trên nền trời tối đen, các hành tinh sinh ra và mất đi. Tôi như nhìn suốt từ đầu này đến đầu kia vũ trụ, thấy tất cả các thiên thể cùng lúc dẫn ra về phía tôi với tốc độ ánh sáng.

“Trước đây anh từng thấy những hình ảnh như vậy chưa?” cô hỏi tôi. “Khi tỉnh thức?”

“Làm sao tôi có thể thế được?”

“Anh đã xem các bức ảnh do kính thiên văn vũ trụ Hubble chụp chưa?”

“Tất nhiên rồi.”

“Chúng rất giống những gì anh vừa miêu tả.”

Cảm giác thất vọng trườn vào giọng nói của tôi. “Cô không hiểu. Tôi không chỉ trông thấy chúng. Tôi cảm thấy chúng. Giống như tôi thường cảm thấy khi nhìn trẻ con, những trận đánh, hay các cặp tình nhân với nhau. Nó không chỉ là hình ảnh thị giác.”

“Tiếp tục đi.”

Đó là câu cửa miệng của cô. Tôi nhắm mắt lại và chìm đắm trong giấc mơ gần đây nhất.

“Tôi đang ngắm nhìn một hành tinh. Bay lượn phía trên nó. Có những đám mây, nhưng không phải như chúng ta thường thấy. Chúng xanh tưa axit, bị méo mó đi vì giông bão. Bây giờ tôi đang lặn, lặn qua mây, như hình ảnh vệ tinh phóng to sát mặt đất. Phía dưới có đại dương, nhưng đại dương không phải màu xanh. Nó màu đỏ, và đang sôi. Tôi nhào xuyên qua mặt đại dương, lặn sâu trong màu đỏ. Tôi đang tìm một thứ, nhưng nó không có đấy. Đại dương trống rỗng.”

“Tôi nảy ra rất nhiều ý trong lúc anh miêu tả,” Rachel bảo. “Trước hết là những hình ảnh màu.

Màu đỏ có lẽ rất quan trọng. Đại dương rộng là biểu tượng của sự hoang vu, nó thể hiện tâm trạng đau buồn của anh.” Cô ngáp ngừng một lát. “Anh tìm cái gì dưới đại dương?”

“Tôi không biết.”

“Tôi nghĩ anh biết.”

“Tôi không tìm Karen và Zooey.”

“David.” Một thoáng bức bối trong giọng nói của cô. “Nếu anh không nghĩ những hình ảnh ấy có tính tượng trưng thì anh đến đây làm gì?”

Tôi mở to mắt nhìn khuôn mặt hết sức điềm tĩnh của cô. Bức màn chuyên môn đã ngăn cô thấu cảm, nhưng tôi nhìn thấy sự thật. Cô đang phóng chiếu cảm giác mất mát gia đình của chính cô qua tôi.

“Tôi đến đây vì tôi không tìm thấy câu trả lời cho bản thân mình,” tôi nói. “Bởi vì tôi đã đọc cả một núi sách mà cũng không giải quyết được gì.”

Cô nghiêm trang gật đầu. “Làm sao anh nhớ được những ảo giác đến từng chi tiết như thế? Anh có ghi chúng lại sau khi thức dậy không?”

“Không, chúng không giống những giấc mơ, là cái ta càng cố gắng nhớ lại bao nhiêu thì càng khó nhớ bấy nhiêu. Đằng này lại không thể tẩy đi được. Đó có phải là đặc điểm của giấc mơ trong cơn ngủ rũ không?”

“Phải,” cô dịu dàng nói. “Thôi được. Karen và Zooey đã chết đuối. Tay Karen chắc đã chảy máu khá nhiều, và cả đầu nữa khi chị ấy đập đầu xuống tay lái. Có lẽ vì vậy mà nước có màu đỏ.” Rachel ngửa ghế ra và nhìn lên trần nhà. “Trong những ảo ảnh này không có người, nhưng anh đã trải qua phản ứng xúc cảm cực mạnh. Anh có nhắc đến cuộc vật lộn. Anh đã bao giờ phải vật lộn chưa?”

“Chưa.”

“Nhưng anh biết rằng Karen đã phải chiến đấu để cứu Zooey. Chị ấy vật lộn để giành lấy sự sống. Anh đã kể với tôi thế.”

Tôi nhắm mắt lại. Tôi không muốn nghĩ về chi tiết ấy, nhưng đôi khi tôi không xua đuổi được ý nghĩ. Khi xe của Karen lao xuống đầm nước, xe lật ngửa và ngập trong gần ba mươi xen ti mét bùn nhão. Cửa sổ điện bị chập mạch, nên các cửa không thể nào mở ra được. Xương tay chân của Karen đập nát chứng tỏ nàng đã phải chiến đấu điên cuồng để đập vỡ cửa kính. Nàng là một thiếu phụ mảnh mai, không khỏe mạnh lắm, nhưng nàng đã không bỏ cuộc. Một nhân viên cứu hộ có mặt ở hiện trường tai nạn kể với tôi rằng khi cuối cùng chiếc xe được trục vớt lên khỏi bùn nhão, và cửa xe mở ra, anh ta thấy nàng ngồi ở băng sau, một tay ôm chặt bé Zooey, tay kia nổi bập bênh, bàn tay đã bị gãy và các đốt ngón tay giập nát.

Tình huống xảy ra sự cố đã rõ. Khi nước vào đầy xe, Karen vật lộn để đập vỡ cửa kính, Zooey thì quá hoảng sợ. Ai trong cảnh ấy cũng thế, hoảng hồ một đứa bé. Trong hoàn cảnh ấy, nhiều bà mẹ khác hẳn chỉ lo vật lộn trong khi con mình khóc thét vì sợ hãi. Một số khác có lẽ đã quay sang dỗ dành đứa bé, và cầu nguyện cho có người tới cứu. Nhưng Karen đã ghì chặt bé Zooey vào lòng, hứa với nó mọi việc sẽ ổn thôi, rồi với đôi chân của mình, nàng đã chiến đấu đến hơi thở cuối cùng để thoát khỏi cỗ quan tài chìm trong nước ấy. Việc nàng vẫn ôm chặt bé Zooey trong khi chịu nỗi đau đớn cực độ vì bị ngạt cho thấy ở nàng tình yêu mạnh hơn nỗi sợ, và biết được điều đó khiến lòng tôi nguôi ngoai đôi chút.

“Những đám mây màu xanh và đại dương màu đỏ chẳng liên hệ gì với tai nạn ô tô cách đây năm năm,” tôi nói.

“Không ư? Vậy tôi nghĩ anh nên kể cho tôi nghe thêm về thời thơ ấu của mình.”

“Nó không liên quan.”

“Anh làm sao biết được,” Rachel khẳng khái.

“Tôi biết.”

“Vậy thì hãy kể cho tôi về công việc của anh.”

“Tôi dạy môn y đức.”

“Anh đã xin nghỉ hơn một năm nay rồi.”

“Do đâu mà cô biết được?”

“Tôi nghe nói ở bệnh viện.”

“Ai nói?”

“Tôi không nhớ. Tôi vô tình nghe được. Anh rất nổi tiếng trong ngành y. Các bác sĩ ở Duke nói đến cuốn sách của anh luôn. Cả ở viện Giáo hội Trưởng lão New York cũng thế. Vậy đúng không? Có đúng là anh đã xin nghỉ dạy ở trường y không?”

“Chúng ta chỉ đề cập đến những giấc mơ thôi được không? Như vậy an toàn hơn cho cả hai.”

“An toàn hơn như thế nào?”

Tôi không trả lời.

Trong cuộc hẹn thăm khám lần sau, các giấc mơ lại thay đổi.

“Tôi đang lơ lửng giữa vũ trụ, nhìn về Trái đất. Đó là vật đẹp nhất tôi từng thấy. Sắc xanh lam và lục với mây trắng cuộn cuộn. Một vật thể sống, một hệ thống khép kín tuyệt hảo. Tôi lặn qua những dải mây, con thiên nga trăm dặm lặn vào đại dương xanh thẳm. Trái đất bùng bùng sức sống. Những phân tử khổng lồ, thể đa bào, sứa, mực ống, rắn biển, cá mập. Mặt đất cũng kín đặc. Rừng rậm bao phủ. Bản giao hưởng của màu xanh cây lá. Trên bờ, cá nhảy lên khỏi sóng và mọc chân. Những con cua kỳ lạ chạy hối hả trên cát và biến thành những sinh vật khác tôi chưa từng thấy. Thời gian trôi vun vút, giống như quá trình tiến hóa trên máy chiếu diễn ra nhanh gấp triệu lần so với tự nhiên. Khung long biển thành chim, loài gặm nhấm thành động vật có vú, linh trưởng rụng hết lông. Các tảng băng phủ kín rừng già rồi tan ra thành xavan. Hai mươi nghìn năm trôi qua trong một hơi thở...”

“Chậm chậm thôi,” Rachel khuyên. “Anh đang xúc động đấy.”

“Làm thế nào tôi lại thấy tất cả những cảnh này?”

“Anh biết câu trả lời mà. Trí óc anh tạo ra bất kỳ hình ảnh nào có thể tưởng tượng ra, rồi coi nó là sự thật. Bức ảnh trái đất nhìn từ vũ trụ là một biểu tượng của văn hóa hiện đại. Nó làm người xem xúc động, và anh hẳn đã nhìn thấy nó năm mươi lần kể từ thời thơ ấu.”

“Trí óc tôi có thể tạo ra những sinh vật mà tôi chưa từng thấy hay sao? Những con vật trông rất thật.”

“Tất nhiên. Anh đã xem tranh của Hieronymus Bosch. Và tôi đã thấy trên ti vi những hình ảnh tốc độ cao mà anh vừa mô tả. Trước đây, tạp chí Life đã làm điều tương tự trong các ấn phẩm. ‘Sự Tiến hóa của loài người’ chẳng hạn. Vấn đề là, tại sao anh thấy những cảnh này?”

“Đó là lý do tôi đến đây để tìm hiểu.”

“Anh có thấy mình trong những cảnh siêu thực này không?”

“Không.”

“Anh cảm thấy thế nào?”

“Tôi vẫn đang tìm kiếm một thứ.”

“Cái gì vậy?”

“Tôi không biết. Tôi giống như một con chim đang nhìn bao quát mặt đất để tìm kiếm... một thứ.”

“Trong mơ anh thấy mình là chim à?”

Giọng cô có vẻ hy vọng. Chim phải có ý nghĩa gì đó trong việc giải đoán giấc mơ.

“Không.”

“Vậy anh thấy mình là gì?”

“Không gì cả, thật đấy. Một cặp mắt.”

“Một người quan sát?”

“Phải. Một người quan sát hồn lìa khỏi xác. T.J.Eckleburg(1).”

“Ai?”

“Không. Một nhân vật của Scott Fitzgerald.”

“Ồ, tôi nhớ ra rồi.” Cô đưa cán bút lên miệng cắn nhẹ. Một cử chỉ không bình thường ở cô. “Anh có ý tưởng gì về việc tại sao anh nhìn thấy tất cả những cảnh đó không?”

“Có.” Tôi biết những lời sau đây sẽ làm cô ngạc nhiên. “Tôi tin rằng có ai đó cho tôi xem những cảnh tượng ấy.” Cô mở to mắt, thực ra đó là màn diễn của Rachel Weiss. “Thật ư?”

“Ai cho anh xem những cảnh ấy?”

“Tôi không biết. Thế sao cô biết tôi tưởng tượng ra chúng?”

Cô hết quay đầu bên nọ rồi lại quay bên kia. Tôi dường như có thể thấy tế bào thần kinh của cô cháy lên khi xử lý lời lẽ của tôi qua bộ lọc mà sự đào tạo và kinh nghiệm đã gắn chắc vào óc cô. “Tiến hóa là thay đổi. Anh đang nhìn thấy sự thay đổi diễn ra với tốc độ phi tự nhiên. Những thay đổi không kiểm soát được. Tôi cảm thấy cái này có dính dáng ít nhiều đến công việc của anh.”

Có thể cô đúng, tôi nghĩ, nhưng tôi không nói ra. Tôi chỉ tiếp tục. Sự im lặng của tôi là lá chắn duy nhất cho cô. Cuối cùng, điều này cũng chẳng quan trọng gì, vì chủ đề tiến hóa đã nguội, và những gì xâm chiếm trí óc say ngủ của tôi làm tôi rung động tận đáy lòng.

Trong giấc mơ mới của tôi có cả người. Họ không nhìn thấy tôi, còn tôi chỉ thoáng thấy bóng họ. Chẳng khác nào đang xem những cuộn phim hồng chấp nối lộn xộn với nhau. Một người đàn bà bế đứa bé bên hông. Một người đàn ông đang múc nước trong giếng. Một người lính mặc quân phục, mang gươm ngắn, một đấu sĩ như tôi được học hồi lớp tám, trong môn La tinh của cô Whaley. Một chiến binh La Mã. Đó là đầu mối thực đầu tiên của tôi để thấy rằng đây không phải chuỗi hình ảnh ngẫu nhiên, mà là những cảnh của một thời đại nhất định. Tôi thấy bò kéo cày. Một cô gái bán thân trên phố. Người ta đổi tiền. Tiền vàng và tiền đồng in hình khuôn mặt nghiêng nghiêng hồng hách của một hoàng đế. Một cái tên. Tiberius. Cái tên ấy gọi lên một vài điều trong óc tôi, nên tôi tìm trên Internet. Tiberius, cựu quân đoàn trưởng, người kế vị Augustus, đã dành phần lớn thời gian trong triều đại của mình lãnh đạo chiến dịch quân sự ở Germania. Một trong số ít những sự kiện quan trọng trong thời kỳ chấp chính của ông (mãi sau này mới được phát hiện) là việc hành hình một nông dân Do Thái vì đã dám tự xưng là vua của người Do Thái.

“Cha anh có sùng đạo không?” Rachel hỏi sau khi nghe kể về giấc mơ mới này.

“Không. Ông ấy là... ông ấy nhìn thế giới theo cách cơ bản hơn.”

“Ý anh định nói gì?”

“Nó không liên quan.”

Một tiếng thở dài bức bối. “Thế còn mẹ anh?”

“Mẹ tôi tin vào cái gì đó cao hơn loài người, nhưng bà không quá lệ thuộc vào những tôn giáo có tổ chức.”

“Khi còn nhỏ anh không được học giáo lý à?”

“Có vài năm theo học trường Chủ nhật. Không có ý nghĩa gì lắm.”

“Giáo phái nào?”

“Giám Lý. Đó là nhà thờ gần nhà chúng tôi nhất.”

“Họ có chiếu phim về cuộc đời Chúa Jesus không?”

“Có lẽ có. Tôi không nhớ nữa.”

“Anh lớn lên ở Oak Ridge, Tennessee, đúng không? Thế thì chắc là có. Và tất nhiên tất cả chúng ta đều đã xem những phim sử thi Kinh thánh từ những năm năm mươi. Mười điều răn. Ben Hur. Đại loại thế.”

“Cô đang nói gì thế?”

“Ý tôi chỉ là những ảo ảnh này đã nằm trong tiềm thức của anh từ nhiều năm rồi. Nó có trong tất cả chúng ta. Nhưng giấc mơ của anh có vẻ đang tiến đến một thứ. Và thứ đó có thể là Jesus xứ Nazareth.”

“Cô đã nghe kể về những giấc mơ thế này bao giờ chưa?” tôi hỏi.

“Tất nhiên. Nhiều người mơ về Jesus. Về việc giao tiếp riêng với Chúa, nhận thông điệp từ Chúa. Nhưng tiến trình các giấc mơ của anh có logic nhất định và giọng điệu tự nhiên hơn là những hoang tưởng ám ảnh rồi rắm. Anh lại tuyên bố mình là người vô thần, hay ít nhất cũng theo thuyết bất khả tri luận. Tôi rất muốn xem điều này sẽ đi đến đâu.”

Tôi đánh giá cao sự quan tâm của cô, nhưng đã quá mệt mỏi vì chờ đợi những câu trả lời. “Nhưng cô cho rằng điều đó có ý nghĩa gì?”

Cô mím môi, lắc đầu. “Tôi không còn tin những giấc mơ ấy có liên hệ với việc anh mất vợ con. Nhưng sự thật là tôi chưa hiểu rõ về cuộc đời anh để đưa ra những đánh giá xác đáng.”

Chúng tôi lâm vào thế bí. Tôi vẫn không tin quá khứ của mình có dính dáng gì đến các giấc mơ. Tuy vậy, thời gian trôi đi, những thước phim kinh hoàng trong đầu tôi bắt đầu trở nên rõ ràng, và một số nhân vật trong mơ xuất hiện trở lại. Những gương mặt tôi thấy quen thuộc hơn, như bạn bè. Rồi còn thân thuộc hơn cả bạn bè. Một thứ tình cảm lớn lên trong tôi, tôi nhớ những khuôn mặt này, không phải chỉ từ các giấc mơ trước đó. Tôi tả cho Rachel chính xác nhất có thể.

Tôi đang ngồi giữa một vòng tròn. Những khuôn mặt râu ria say sưa quan sát tôi. Tôi biết mình đang nói bởi rõ ràng họ đang chăm chú lắng nghe, tuy nhiên tôi không nghe được tiếng mình nói.

Tôi thấy một gương mặt phụ nữ, thánh thiện mà giản dị, và một đôi mắt tôi biết giống như mắt mẹ tôi. Tuy nhiên, chúng không thuộc về mẹ tôi, không phải người mẹ đã nuôi tôi lớn ở Oak Ridge. Thế nhưng đôi mắt ấy lại nhìn tôi với tình yêu thuần khiết. Một người đàn ông có râu đứng bên bà, ngấm tôi với niềm tự hào của người cha. Nhưng cha tôi suốt đời luôn cạo râu nhẵn nhụi.

Tôi thấy mấy con lừa... và một cây chà là. Lũ trẻ trần truồng. Một dòng sông nâu. Tôi thấy lạnh, rùng mình tê tái như khi ngâm mình xuống nước, tiếng bàn chân trên cát. Tôi thấy một thiếu nữ tóc đen xinh đẹp, ghé sát mặt hôn tôi rồi ngượng ngùng chạy biến. Tôi bước đi giữa những người lớn. Gương mặt họ như muốn nói, Đứa trẻ này không giống những đứa trẻ khác. Một người đàn ông ánh mắt hoang dã đứng trong nước ngập đến hông, một hàng người cả đàn ông đàn bà đứng đợi đến lượt xuống ngâm, trong khi những người khác lội từ dưới nước lên, ho và thở phì phì, mắt mở to.

Đôi khi những giấc mơ không có logic, mà chỉ là những mảnh vụn rời rạc. Cuối cùng khi logic trở lại, nó làm tôi khiếp hãi.

Tôi đang ngồi bên giường một cậu bé. Em không cử động được. Đôi mắt nhắm nghiền. Em bị liệt đã hai ngày nay. Ngồi bên tôi có mẹ và dì của em. Họ mang thức ăn, nước mát, dầu để xức cho em. Tôi thì thào vào tai em. Tôi bảo người phụ nữ giữ tay em, đoạn cúi xuống gọi tên em. Mắt em nhắm nghiền, nước nhầy chảy ra. Rồi đôi mắt ấy mở ra và sáng bừng khi nhận ra mẹ em. Mẹ em thở hắt hắt, kêu lên rằng tay em đã cử động được. Bà nâng em dậy, và em ôm chầm lấy bà. Hai người phụ nữ khóc vì vui sướng...

Tôi đang ngồi ăn với một nhóm phụ nữ. Ô liu và bánh mì dẹt. Vài người tránh nhìn vào mắt tôi. Ăn xong, họ dẫn tôi vào một buồng ngủ, có một bà bầu nằm trên giường. Họ bảo tôi cái thai nằm trong bụng quá lâu rồi, mãi không chịu chào đời. Họ sợ đứa bé chết. Tôi bảo mấy người phụ nữ ra ngoài. Người mẹ trẻ sợ tôi. Tôi nhẹ nhàng vỗ về cô, rồi nâng chân đặt tay lên bụng cô. Nó căng phồng, cứng như một cái trống. Tôi để tay trên đó hồi lâu, khẽ thúc giục, thì thào với cô. Tôi không hiểu mình nói gì. Tựa một khúc ca êm ái. Lát sau, cô hé miệng. Cô thấy tiếng đập. Cô kêu to gọi những người phụ nữ khác. “Con tôi sống rồi!” Những người phụ nữ đặt tay lên người tôi, cổ chạm vào tôi như thể tôi có một sức mạnh vô hình. “Chắc chắn đây là người ấy rồi,” họ nói.

“Đây là những câu chuyện trong Kinh thánh,” Rachel nói “Cả triệu học sinh đều biết. Chẳng có gì

là lạ lùng cả.”

“Tôi đã và vẫn đang đọc Kinh Tân ước,” tôi bảo cô. “Trong ấy không có chuyện Jesus chữa lành cậu bé bị liệt. Không có cảnh ông ăn cơm với toàn phụ nữ, cả đờ đờ nữa.”

“Nhưng cả hai cảnh đó đều là những hình ảnh chữa trị, mà anh lại là bác sĩ. Tiềm thức dường như đang đóng vai Jesus qua hình ảnh của anh. Hay ngược lại. Có lẽ vấn đề thực sự là ở công việc của anh. Có phải anh đã rời quá xa y học đơn thuần? Tôi biết có những bác sĩ đã rơi vào trầm cảm sau khi thôi chăm sóc bệnh nhân trực tiếp để chuyển sang nghiên cứu thuần túy. Phải chăng đây là trường hợp tương tự?”

Cô đoán đúng về chuyện tôi thôi chăm sóc bệnh nhân, nhưng những giấc mơ rõ ràng của tôi không phải biểu hiện kỳ lạ của sự luyến tiếc cái thuở còn mặc áo blu trắng.

“Một khả năng khác,” cô gợi ý. “Nó gần với cách lý giải ban đầu của tôi hơn. Những hình ảnh chữa trị thần thánh ấy có thể là ước mong thầm kín trong tiềm thức của anh, rằng anh có thể mang Karen và Zooey về. Hãy thử nghĩ xem. Hai phép màu kỳ diệu nhất của Jesus là gì?”

Tôi gật đầu miễn cưỡng. “Cứu Lazarus(2) sống lại từ cõi chết.”

“Phải. Và Người còn làm cho một bé gái sống lại, nếu tôi không nhầm.”

“Đúng thế. Nhưng tôi không nghĩ điều đó có ý nghĩa gì đối với những giấc mơ này.”

Rachel mỉm cười với lòng kiên nhẫn vô hạn. “Được rồi, có một điều chắc chắn. Cuối cùng rồi tiềm thức của anh sẽ làm rõ các thông điệp.”

Hóa ra lần thăm khám đó lại là cuối cùng. Bởi vì đêm ấy, giấc mơ của tôi thay đổi lần nữa, và tôi không có ý định kể với Rachel.

Giấc mơ cuối cùng rõ ràng hơn tất cả các giấc mơ trước đó, và mặc dầu tôi đang nói tiếng nước ngoài, tôi vẫn hiểu lời mình nói. Tôi đang cuộc bộ xuôi theo con đường cát. Tôi đến một giếng nước. Nước giếng rất sâu mà tôi không có thứ gì để múc lên. Lát sau, có một phụ nữ đi đến mang theo chiếc gàu buộc thùng. Tôi nhờ cô múc cho ít nước. Cô có vẻ rất ngạc nhiên khi thấy tôi nói với cô, và tôi cảm thấy chúng tôi thuộc hai bộ lạc khác nhau. Tôi bảo cô nước trong giếng không thể làm cô hết khát. Chúng tôi nói chuyện với nhau hồi lâu, và cô bắt đầu nhìn tôi bằng ánh mắt dò xét.

“Tôi đoán ông là nhà tiên tri. Ông biết được nhiều điều bí ẩn.”

“Tôi không phải nhà tiên tri,” tôi bảo cô.

Cô im lặng nhìn tôi hồi lâu. “Người ta nói Chúa Cứu thế sẽ đến đây dạy chúng tôi vài điều. Ông nghĩ thế nào về điều đó?”

Tôi nhìn xuống đất, nhưng niềm tin sâu sắc đã bật ra thành lời, “Người đang nói với cô đây chính là Chúa Cứu thế.”

Cô gái không cười. Cô quỳ xuống và chạm tay vào đầu gối tôi, rồi bỏ đi, ngoái nhìn qua vai nhiều lần.

Khi thoát khỏi giấc mơ đó, người tôi đầm đìa mồ hôi. Tôi không nhắc điện thoại gọi cho Rachel để hẹn gặp khẩn cấp. Tôi thấy không có lợi gì. Tôi không còn tin cách giải thích các giấc mơ lại giúp được mình. Đây không phải là mơ. Đây là nhớ lại.

“Anh đang nghĩ gì vậy?” Rachel hỏi từ ghế dành cho khách.

Chúng tôi đã đến gần khuôn viên trường Đại học Bắc Caronlina. “Tại sao cô đến đây?”

Cô ngo ngoáy trên ghế và nhìn tôi vẻ lo lắng. “Tôi đến đây vì anh đã bỏ ba cuộc hẹn khám, và chắc chắn anh không làm thế trừ khi sự việc biến chuyển theo hướng xấu đi. Tôi nghĩ các ảo ảnh của anh đã thay đổi lần nữa, và chúng khiến anh khiếp sợ.”

Tôi nắm chặt tay lái nhưng không nói gì. Ở một nơi nào đó, NSA đang nghe lén.

“Sao anh không nói với tôi. Có hại gì chứ?”

“Bây giờ không đúng lúc. Hay không đúng chỗ.”

Phía trước bên trái là nhà hát Đại học Bắc Carolina. Bên phải chúng tôi là giảng đường ngoài trời Forest nằm giữa những lùm cây thấp hơn mặt đường. Tôi ngoặt gấp về bên phải và lao xuống dốc tới, vào một con phố chạy giữa hai hàng nhà cửa nghiêm trang, khu dân cư một cổng dành cho các giáo sư và dân chuyên nghiệp trẻ tuổi giàu có cư ngụ. Fielding đã sống trong một ngôi nhà nhỏ hai tầng thụt sâu vào so với mặt phố. Thật hoàn hảo cho ông và bà vợ người Hoa mà ông hy vọng đưa về Mỹ.

“Chúng ta đang ở đâu đây?” Rachel hỏi.

“Nhà của Fielding ngay trước mặt kia.”

Tôi nhìn về phía ngôi nhà nhưng chỉ thấy tối đen. Tôi cứ tưởng sẽ thấy đèn đuốc sáng trưng, như nhà tôi sau khi tôi mất Karen và Zooey. Tôi thoáng hoảng sợ, linh cảm mình đang lái xe vào một bộ phim xã hội đen những năm bảy mươi, khi ta bước vào một ngôi nhà quen thân và thấy trong ấy không một bóng người. Hoặc tệ hơn nữa, khi ta gặp trong ấy cả một gia đình xa lạ.

Một bóng đèn hiên bật sáng cách đường chừng ba mươi mét. Lu Li có lẽ đã ngồi quan sát hồi lâu bên cửa sổ tối om. Tôi quay đầu liếc dọc phố xem có xe nào khả nghi không. Tôi luôn nhận ra những chiếc xe NSA phải đi theo dõi tôi. Hoặc là tụi an ninh không quan tâm xem tôi có nhận ra chúng không, hoặc là, điều này có lý hơn, chúng muốn cho bọn tôi biết mình đang bị theo dõi. Hôm nay tôi không thấy có gì khả nghi, nhưng tôi vẫn cảm thấy bất ổn. Có lẽ kẻ bám đuôi không muốn bị phát hiện. Tôi rẽ vào cổng nhà Fielding rồi đỗ xe trước cửa ga ra đóng kín.

“Người đoạt giải Nobel sống ở đây à?” Rachel chỉ tay vào ngôi nhà khiêm tốn và hỏi.

“Đã từng sống,” tôi chữa lại. “Cô ở đây, để tôi vào một mình.”

“Lạy Chúa!” cô giãy nảy. “Chuyện này thật vớ vẩn. Sao ta không coi nó chỉ là một trò chơi đồ chữ, rồi kiểm tách cà phê mà ngồi tìm cách giải?”

Tôi túm tay cô và nhìn thẳng vào mắt cô.

“Cô nghe tôi đây, chết tiệt. Có thể không sao, nhưng chúng ta phải làm thế này. Nếu thấy ổn cả, tôi sẽ huýt sáo để cô vào.”

Tôi bước tới cửa trước ngôi nhà của người bạn mới mất, hai tay buông cho người ngoài dễ thấy, nhưng tâm trí để cả vào khẩu 38 ly trong túi.

Chú Thích:

1. Nhân vật hư cấu, một bác sĩ nhãn khoa trong tiểu thuyết Đại gia Gatsby của Scott Fitzgerald (1896-1940).

2. Nhân vật trong Kinh thánh, được Jesus cải tử hoàn sinh sau bốn ngày nằm trong mộ.

Tủ sách

Chia sẻ

CHƯƠNG 5

Geli Bauer chăm chú nghe Corelli báo cáo từ nhà Fielding.

“Chúng vào trong rồi. Tennant vào trước. Bác sĩ tâm thần còn đang lưỡng lự. Bây giờ cô ta cũng vào rồi. Khoan... Tôi nghĩ bác sĩ mang theo gì đó.”

“Bác sĩ nào?”

“À, Tennant. Hắn có một khẩu súng trong túi. Phía trước, bên phải.”

“Anh nhìn thấy bóng súng không?”

“Không, nhưng trông nó giống súng lục.”

Tennant nghĩ hắn định làm cái gì vậy? Tiếng điện thoại kết nối lách cách.

“Cô muốn tôi làm gì bây giờ?” Corelli hỏi.

“Ngồi yên đó và đảm bảo các mic phải hoạt động.”

“Bà góa vừa ra mở cửa. Bà ta kéo họ vào nhà.”

“Báo cáo thường xuyên cho tôi.”

Geli cắt liên lạc với Corelli. Nếu Tennant mang theo súng, tức là hắn lo sợ cho tính mạng của mình. Chắc hẳn tin rằng Fielding bị giết? Nhưng tại sao? Thứ thuốc độc giết chết Fielding đã gây chảy máu não nghiêm trọng - một cơn tai biến thật sự. Nếu không mổ xác, không thể chứng minh được vụ giết người. Và sẽ không có mổ xác. Tennant chắc hẳn biết nhiều hơn Godin tưởng. Nếu bức thư chuyển qua FedEx mà hắn nhận được là do Fielding gửi, có thể nó chứa một vài chứng cứ nào đó.

Ả chạm vào micro trên tai nghe và nói, “Skow. Nhà.” Máy tính quay số nhà riêng của Skow ở Raleigh.

“Giờ thì lại chuyện gì đây?” Skow nghe máy sau hai hồi chuông.

“Tennant và Weiss hầu như không chuyện trò gì trên đường đến nhà Fielding.”

“Vậy thì sao?”

“Điều này không tự nhiên. Bọn chúng tránh nói chuyện.”

“Tennant biết hắn bị theo dõi. Cô luôn muốn chúng biết điều đó mà.”

“Đúng, nhưng chưa bao giờ Tennant lần tránh như thế này. Hắn đang mưu mô gì đó.”

“Tennant hơi lập dị. Chuyện đó tự nhiên thôi.”

“Hắn có mang theo súng.”

Một thoáng im lặng. “Thôi được. Hắn là một tên quá lập dị. Chúng ta biết hắn có một khẩu trong nhà.”

“Việc đó với việc mang cái của khi ấy đi khác nhau đấy.”

Skow tắc lưỡi. “Đó là kiểu phản ứng cô truyền cho người khác. Nói nghiêm túc, cô cần bình tĩnh lại. Phải xem xét tình hình chứ. Tôi biết Tennant nghi ngờ. Hôm nay bạn thân của hắn chết. Hắn bị hoang tưởng tự nhiên thôi. Điều chúng ta không mong muốn là để hắn nghi ngờ hơn nữa.”

Ả muốn nói chuyện với Godin. Ả đã thử bấm số di động riêng của lão, nhưng lão không trả lời mà cũng chẳng gọi lại. Đây là lần đầu tiên có chuyện như vậy. “Coi này, tôi nghĩ...”

“Tôi biết cô nghĩ gì,” Skow nói. “Tôi chưa cho phép thì đừng có manh động.”

“Đồ khôn,” Geli nói, nhưng Skow đã buông máy.

Ả bấm số liên lạc với trụ sở NSA ở Fort Meade. Sĩ quan liên lạc của ả ở đây tên là Conklin.

“Chào cô Bauer,” anh ta nói. “Cô lại hỏi về FedEx nữa sao?”

“Anh nghĩ thế nào?”

“Tôi đã có cái mà cô muốn. Gói đó được bỏ vào thùng thư ở bưu điện Durham, Bắc Carolina. Tên

người gửi đăng ký trong danh sách là Lewis Carroll.”

Vậy Fielding đã gửi gói này cho Tennant. Ắ biết ông ta không tự mình gửi thư, nhưng rất có thể vợ ông ta đã làm. Geli tắt máy và ngả người ra ghế, tái hiện tình huống.

Cách đây bảy giờ ả đã giết người theo lệnh của Godin, mà không biết chính xác tại sao. Ắ cóc cần quan tâm đến điều này. Fielding gây nguy hiểm cho dự án, và theo điều kiện hợp đồng của ả, thế là đủ để ả ra tay. Nếu ả cần mấy lời biện minh đạo đức, thì đây, dự án Trinity cực kỳ quan trọng đối với an ninh quốc gia của Hoa Kỳ. Xử lý Fielding thì cũng giống như giết một điệp viên bị bắt quả tang phản bội. Tuy thế, ả vẫn tò mò về động cơ. Godin nói với ả rằng Fielding đang ngầm phá hoại dự án và ăn cắp dữ liệu Trinity. Không ai có thể mó tay mó chân đưa dữ liệu ra vào tòa nhà này. Còn về vụ trộm cắp điện tử, bọn kỹ thuật viên NSA của Skow đảm bảo rằng không một hạt electron nào ra khỏi tòa nhà mà không qua kiểm soát của gã.

Vậy tại sao Fielding phải chết? Cách đây sáu tuần, ông ta cùng Tennant đã làm treo dự án bằng cách đặt ra vấn đề đạo đức và y tế. Nếu đó là lý do, tại sao không giết Fielding ngay? Và tại sao chỉ giết có mình ông ta? Peter Godin có vẻ gần như thất vọng khi ghé thăm Geli đêm qua. Ắ chưa từng thấy Godin thất vọng. Phải chăng lão lo lắng đến thế vì muốn đưa dự án trở lại trực tuyến. Ắ không hiểu mấy về khía cạnh kỹ thuật của dự án Trinity, nhưng ắ biết chắc thành công còn xa vời. Ắ có thể đọc điều đó trên mặt các nhà khoa học và các kỹ sư, khi họ báo cáo công việc hằng ngày.

Dự án Trinity đang chế tạo - hoặc nỗ lực chế tạo - một siêu máy tính. Không phải siêu máy tính truyền thống như Clay hay Godin, mà là một máy tính chuyên về trí tuệ nhân tạo, một cái máy biết suy nghĩ thật sự. Ắ không hiểu điều gì làm cho thứ máy tính lý thuyết này khó chế tạo đến thế, nhưng Godin đã nói với ả đôi chút về nguồn gốc dự án.

Năm 1994, một nhà khoa học của phòng thí nghiệm Bell đã đưa ra thuyết rằng, nếu dùng các nguyên lý của vật lý lượng tử, có thể chế tạo được một máy tính có sức mạnh gần như vô biên bẻ hết các mã khóa. Geli chẳng biết mấy về vật lý lượng tử nhưng ắ hiểu tại sao một máy tính lượng tử có thể tạo nên đột phá. Mã hóa kỹ thuật số hiện đại - hệ thống mã được các ngân hàng, tập đoàn kinh tế, chính phủ quốc gia sử dụng - dựa trên sự phân tích thừa số các số nguyên tố lớn. Những siêu máy tính truyền thống như loại mà NSA đang sử dụng bẻ khóa mã bằng cách thử liên tiếp các chìa khóa khác nhau, giống như thử nhiều chìa để mở ổ khóa. Phá mã cách ấy phải mất hàng trăm giờ. Nhưng một máy tính lượng tử - về lý thuyết - có thể thử đồng thời tất cả các chìa khóa có thể có. Các chìa khóa sai sẽ loại trừ nhau, chỉ còn lại chìa khóa đúng duy nhất để mở khóa mã. Và quá trình đó không cần đến hàng giờ, thậm chí hàng phút. Một máy tính lượng tử có thể tức khắc bẻ khóa được mã hóa bằng kỹ thuật số. Một chiếc máy như thế sẽ làm cho việc mã hóa như hiện nay trở thành lạc hậu, và mang lại cho bất kỳ đất nước nào sở hữu nó ưu thế chiến lược khiến mọi nước khác trên thế giới phải choáng váng.

Xét đến giá trị tiềm tàng của một loại máy như thế, NSA đã khởi động một nỗ lực bí mật khổng lồ để thiết kế và chế tạo máy tính lượng tử. Được mệnh danh là Dự án Ma quỷ, do trước đây Albert Einstein từng miêu tả hoạt động của một số hạt lượng tử là “giống như có ma quỷ điều khiển từ xa”, dự án này được đặt dưới sự điều hành của John Skow, giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Siêu máy tính của NSA. Sau bảy năm và tiêu hết 600 triệu đô la trong ngân sách đen của NSA, đội ngũ của Skow vẫn không chế tạo ra được một mẫu chuẩn có thể đo được với tính năng của một chiếc PDA Palm Pilot.

Skow có lẽ đã sắp chịu thua thì nhận được cú điện thoại của Peter Godin, người đã chế tạo siêu máy tính truyền thống cho NSA nhiều năm nay. Godin đề xuất một kiểu máy có tính cách mạng như máy tính lượng tử, nhưng thuộc tính của nó chính phủ không thể phản đối: có thể chế tạo nó dựa trên tinh túy của công nghệ hiện tại. Hơn nữa, sau khi nói chuyện với Andrew Fielding, nhà vật lý lượng tử mà lão đã mời cộng tác cùng dự án, Godin tin rằng chiếc máy có cơ hội cực tốt để trang bị những tính năng lượng tử.

Bằng cách nhử miếng mồi béo bở ấy trước tổng thống, Godin gần như đạt được mọi nhượng bộ mà lão đòi hỏi. Một nhà máy chuyên biệt để chế tạo chiếc máy mới. Nguồn ngân sách gần như vô hạn của chính phủ tài trợ cho một nỗ lực đầy rủi ro theo kiểu Dự án Manhattan. Quyền thuê và sa thải các nhà khoa học riêng của lão. Về phần giám sát của chính phủ, lão chọn Skow, người mà lão lôi kéo được từ nhiều năm trước bằng cách hối lộ, để Skow chọn các máy tính của Godin chứ không phải của Cray cho Trung tâm Nghiên cứu Siêu máy tính. Tổng thống chỉ có một yêu cầu duy nhất là giám sát tại chỗ khía cạnh đạo đức của dự án, điều này được cụ thể hóa bằng David Tennant. Và ban đầu, Tennant dường như chỉ là nỗi phiền toái nhỏ. Mọi việc có vẻ thông đồng bén giọt.

Nhưng đã hai năm trôi qua. Gần một tỷ đô đã tiêu hết veo mà mẫu máy Trinity vẫn chưa hoạt động được. Trong các hành lang bí mật của Thành phố mật(1) thuộc NSA, người ta bắt đầu so sánh nó với Dự án Ma quỷ đã thất bại. Tất nhiên sự khác biệt nằm ở Peter Godin. Ngay cả kẻ thù của Godin cũng phải thừa nhận rằng lão chưa bao giờ hứa suông. Nhưng lần này, họ thì thào với nhau, lão đã đảm nhận nhiều hơn khả năng xử lý của mình. Trí thông minh nhân tạo có thể không lý thuyết như máy tính lượng tử, ấy thế nhưng nhiều công ty đã phá sản vì không cung cấp được như đã hứa.

Thế nên Geli không hiểu tại sao Fielding nhất định phải chết. Cho đến tận hôm qua, Godin rõ ràng còn nhìn nhận nhà khoa học Anh lỗi lạc ấy như một nhân tố không thể thiếu cho thành công của Dự án Trinity. Rồi bỗng nhiên ông ta bị thanh toán. Điều gì đã thay đổi?

Bốc lên, ả gõ mạnh vào bàn phím, lôi ra một danh sách các vật dụng riêng của Fielding mà ả đã lập sau khi ông ta chết, theo yêu cầu của Godin. Phòng làm việc của Fielding đã biến thành một đồng hồ bãi đỗ xe chứa đầy những đồ vật kỳ quái, những tập ghi nhớ, giống như của một giáo sư đại học hơn là của một nhà vật lý thực nghiệm.

Có nhiều sách, tất nhiên. Một bản Upanishad(2) bằng nguyên bản chữ Phạn. Một tập thơ của W. B. Yeats. Ba cuốn tiểu thuyết của Raymond Chandler đã đọc mòn nhẵn. Một bản Alice qua tấm gương soi. Nhiều sách giáo khoa khoa học và luận án. Những món khác lạc lõng hơn. Bốn cặp xúc xắc, một đôi tạ. Một răng nọc của rắn mang bành. Một bản mới của tạp chí Penthouse. Một lưỡi gà saxophone. Một chiếc bát cầu nguyện Tây Tạng. Một tờ lịch treo tường in tranh của M.C. Escher. Một áp phích rách quảng cáo cho Club-à-Go-Go ở Newcastle, Anh quốc, nơi Jimi Hendrix chơi vào năm 1967, có thủ bút của tay ghi ta này. Một bức thư lồng khung của Stephen Hawking thừa nhận hai người đã đánh cuộc về bản chất của vật chất tối gì đó. Đĩa compact của Morrison, John Contrane, Miles Davis mua ngoài tiệm. Danh sách các đồ vật còn kéo dài, nhưng tất cả đều thuộc loại vô thưởng vô phạt. Geli đọc lướt qua các cuốn sách, một kỹ thuật viên thì nghe kỹ từng bản nhạc trên đĩa CD nhằm bảo đảm chúng không bị giả mạo để ghi dữ liệu ăn trộm. Bên cạnh đồng hồ văn phòng lật vạt của Fielding còn có ví tiền, quần áo và mấy món kim hoàn. Đồ kim hoàn chỉ có chiếc nhẫn cưới vàng và chiếc đồng hồ quả quýt bằng vàng nối với sợi dây chuyền, một đầu là móc pha lê.

Đang nghĩ về danh sách đồ vật, Geli bỗng giật mình tự hỏi liệu tất cả có còn nguyên trong kho sau khi ả khóa cửa phòng chiều hôm qua? Ả băn khoăn vì John Skow đã vào phòng ấy. Biết đâu Fielding bị giết vì vật mà ông ta có thì sao? Có thể đó là lý do họ muốn ông ta phải chết trong phòng làm việc. Để chắc chắn lấy được thứ họ muốn. Nếu đúng vậy, đó phải là thứ đồ vật mà ông ta luôn mang theo người. Nếu không họ chỉ việc lấy trộm từ phòng làm việc của ông ta. Geli sắp đi kiểm tra lại kho thì lại có tiếng bíp trong ống nghe của ả.

“Tôi nghĩ chúng ta không ổn rồi,” Corelli thông báo.

“Gì vậy?”

“Giống như ở nhà Tennant. Bọn chúng ở trong, nhưng tôi không nghe thấy chuyện trò gì cả. Chỉ có tiếng vọng mơ hồ từ mấy cái mic xa tít, như tràn tín hiệu vậy.”

“Cút thật.” Geli chuyển tín hiệu từ nhà Fielding vào tai nghe của mình. Nhưng chỉ thấy im lặng.

“Có chuyện rồi,” ả lâm bầm. “Các anh mang theo gì?”

“Chúng tôi mang đến một ăng ten parabol, nhưng nó bắt qua tường rất kém, còn qua cửa sổ thì hầu như vô dụng. Chúng tôi cần thiết bị laser.”

“Có đây.” Ả nhăm trong óc danh mục các thiết bị hiện có. “Tôi sẽ gửi nó đến cho anh trong vòng mười hai phút.”

“Mười hai phút sợ họ về mất.”

“Nhìn ban đêm thế nào?”

“Tôi không chờ đợi cái gì mang tính chiến thuật.”

Chết tiệt. “Thiết bị đang trên đường đến. Kiểm tra xe Tennant, tìm phong bì FedEx. Và báo cho tôi địa chỉ con đường anh đang đậu xe.”

Geli ghi lại, rồi nhấn một nút làm khuấy động căn phòng ở cuối khu liên hợp tầng hầm. Ở đó có giường nghỉ cho đội của ả khi cần trực 24/24. Ba mươi giây sau, một thanh niên cao ráo, tóc vàng hoe dài thướt, ngái ngủ lê chân vào trung tâm điều khiển.

“Gì dzậy?” hấn hỏi.

“Đang có báo động.” Ả chỉ vào chiếc máy pha cà phê sát tường. “Uống đi!”

Ritter Bock là người Đức. Trong đội của Geli, hấn là người duy nhất do Godin tuyển chọn. Vốn là cựu lính đặc công GSG-9, Ritter trước đây làm việc cho một cơ quan an ninh riêng của giới chớp bu, thường cung cấp vệ sĩ cho Godin khi lão sang châu Âu hoặc Viễn Đông. Godin đã thuê Ritter lâu dài sau khi tay cựu đặc công này ngăn chặn được một vụ bắt cóc nhà tỷ phú. Tàn nhẫn, thần kinh thép và điều luyện trong nhiều lĩnh vực vượt ra ngoài chuyên môn chống khủng bố của mình, gã trai 29 tuổi này hóa ra lại trở thành thủ hạ đắc lực nhất của Geli. Và bởi vì trước đây ả đã trải qua nhiều mùa hè ở Đức nên giữa họ không có khó khăn gì về ngôn ngữ.

Ritter uống từng ngụm từ chiếc cốc bốc hơi nghi ngút và nhìn Geli qua miệng cốc. Hấn có đôi mắt pháo thủ màu xám của những cậu trai từng hút hờn ả thuở dậy thì hồi bố ả đóng quân bên Đức.

“Tôi cần anh đưa chiếc ăng ten laser cho Corelli,” ả nói. “Anh ta đậu xe ở lối vào gần khu trường Đại học Bắc Carolina.”

Ả xé trang đầu trong cuốn sổ ghi chép và ném lên mặt bàn bên cạnh mình.

Ritter khịt khịt gạt đầu. Hấn ghét những việc lật vật kiểu này, nhưng hấn không bao giờ phản nản. Hấn vẫn làm những việc không tên và kiên nhẫn chờ đợi việc mà hấn sinh ra để làm.

“Phải cái laser trong phòng hậu cần không?” hấn hỏi.

“Đúng. Mang theo bốn máy ngắm ban đêm.”

Hấn uống nốt cà phê, nhặt mảnh giấy trên bàn rồi đi ra không nói một lời. Geli thích thế. Người Mỹ luôn thấy cần lấp khoảng trống im lặng, như thể im lặng là cái gì đáng sợ. Ritter không phí sức, trong lời nói cũng như trong hành động. Điều đó làm hấn trở nên có giá. Đôi khi hai người cùng làm việc, những lúc khác ả ngủ với hấn. Chuyện đó chẳng thành vấn đề. Ả thường làm thế khi ở trong quân đội, kiếm được chỗ nào vui vẻ là mãn liên. Cũng như thời ả là học sinh nội trú ở Thụy Sĩ. Nguy cơ luôn rập rình. Cần phải có khả năng chế ngự được những gã đàn ông - hay phụ nữ - hung hăng, và xử lý được hậu quả sau khi mọi chuyện đã xong. Ả luôn luôn làm được cả hai chuyện đó.

“Corelli?” ả hỏi. “Giờ anh nghe thấy gì?”

“Vẫn không có gì. Nghe như tràn tín hiệu. Khó hiểu.”

“Tôi đã báo động. Ritter đang đến.”

Chỉ có tiếng nhiễu sóng và im lặng đáp lại. Geli mỉm cười. Ritter làm mọi người khó chịu. “Anh có nghe tôi nói không?”

“Rõ. Tôi đang ở trong xe Tennant.”

“Thấy gì không?”

“Không thấy phong bì FedEx. Chắc hẳn mang vào trong đó.”

“OK.”

“Cô muốn tôi làm gì bây giờ?”

“Về xe của anh và chờ Ritter.”

“Rõ.”

Geli tắt máy và tiếp tục nghĩ về đồ dùng cá nhân của Fielding trong phòng lưu trữ. ả có cảm giác đã bỏ sót một thứ, và bản năng của ả luôn luôn chính xác. Nhưng ả không muốn rời trung tâm điều khiển lúc này. Một khi Ritter đến hiện trường, mọi việc sẽ tiến triển nhanh.

Chú Thích:

1. Biệt danh trụ sở của NSA.
2. Áo nghĩa thư, một loại thánh điển của Ấn Độ giáo.

CHƯƠNG 6

Tôi kéo Rachel vào tiền sảnh nhà Fielding. Cửa đóng nhanh sau lưng chúng tôi, chúng tôi quay lại thì thấy một phụ nữ châu Á chỉ cao khoảng mét rưỡi. Lu Li Fielding đã sống gần bốn mươi năm cuộc đời ở nước Trung hoa Cộng sản. Bà hiểu tiếng Anh khá tốt nhưng không nói được mấy.

“Cô này là ai?” bà hỏi, chỉ vào Rachel. “Anh chưa lấy vợ phải không, bác sĩ David?”

“Đây là Rachel Weiss. Cô ấy là bạn tốt của tôi. Cô ấy cũng là bác sĩ.”

Mắt Lu Li đầy vẻ nghi ngờ. “Cô ấy làm cho công ty à?”

“Chị muốn nói Argus Optical?”

“Tlinity” bà nói, thay r bằng l.

“Không hề. Cô ấy là giáo sư trường y thuộc Đại học Duke.”

Lu Li dò xét Rachel hồi lâu. “Vậy cô cũng vào đi. Xin mời. Nhanh lên cho, xin mời.”

Lu Li cúi chào rồi dẫn chúng tôi vào căn phòng làm việc nhỏ, cửa mở vào trong bếp. Tôi cười buồn bã. Khi Fielding ở căn nhà này hồi còn độc thân, trông nó lúc nào cũng như vừa có cơn bão tràn qua. Sách và giấy rải khắp nhà, hàng chục tách cà phê, chai bia, những cái gạt tàn đầy ngập, vung vãi khắp sàn nhà. Sau khi Lu Li đến, căn nhà trở nên ngăn nắp sạch sẽ như phòng tập thiền. Tối nay, nó thơm mùi chanh và sáp chứ không phải mùi thuốc lá và bia chua.

“Mời ngồi,” Lu Li nói.

Rachel và tôi ngồi bên nhau trên sofa mềm. Lu Li ngồi trên mép một chiếc phô toi cũ, đối diện chúng tôi. Bà chăm chú nhìn Rachel còn cô thì đang mãi ngắm tấm bảng đồng treo trên tường sau ghế Lu Li.

“Giải Nobel đây phải không?” cô dịu dàng hỏi.

Lu Li gật đầu, không phải là không tự hào. “Andy đoạt giải Nobel năm 1998. Hồi đó tôi đang ở Trung Quốc, nhưng chúng tôi vẫn biết công trình của ông ấy. Tất cả các nhà vật lý đều ngỡ ngàng.”

“Chắc bà rất tự hào về ông ấy.” Rachel bình thản hỏi trong khi đôi mắt to của cô gây ấn tượng ngược lại. “Ông bà đã gặp nhau như thế nào?”

Trong khi Lu Li trả lời bằng thứ tiếng Anh ngắt ngứ, tôi không ngớt ngạc nhiên về sự kết hợp giữa người đàn bà này với người bạn đã mất của tôi. Fielding đã gặp Lu Li khi ông đến Bắc Kinh giảng dạy theo sáng kiến ngoại giao Anh - Hán. Bà dạy vật lý ở Đại học Bắc Kinh, và bà ngồi ngay hàng ghế đầu trong suốt chín buổi giảng của Fielding. Các quan chức Đảng mở nhiều tiệc chiêu đãi trong đợt giảng ấy, và Lu Li đã dự tất cả. Hai người nhanh chóng trở nên không thể tách rời, khi đến ngày ông phải rời Trung Quốc, họ đã yêu nhau say đắm. Hai năm rưỡi xa cách tiếp theo, Fielding cố gắng hết sức để xin visa xuất cảnh cho bà. Ngay cả với sự giúp đỡ về tiền bạc của NSA, ông vẫn không tiến thêm được bước nào. Cuối cùng ông đã tính đến chuyện rút tiền cho bọn cò để lên đưa bà rời nước, nhưng tôi thuyết phục rằng ông cách đó quá mạo hiểm.

Mọi việc thay đổi khi Fielding làm chậm trễ Dự án Trinity vì ông đưa ra mối nghi ngờ về các tác dụng phụ mà tất cả chúng tôi phải chịu. Như có phép lạ, thủ tục quan liêu được xóa bỏ, và Lu Li lên máy bay bay thẳng sang Washington. Fielding biết vợ chưa cưới của ông được đưa sang Mỹ chẳng qua chỉ để làm sao lãng cuộc đấu tranh của ông, nhưng ông cóc cần. Việc bà ấy đến cũng không mang lại kết quả như đám người kia muốn. Ông người Anh này vẫn cần mẫn điều tra mọi khía cạnh tiêu cực trong phòng thí nghiệm Trinity, các nhà khoa học khác vì thế càng thêm ghét ông.

“Chị Lu Li,” tôi nói khi bà tạm ngừng, “trước hết cho tôi bày tỏ nỗi đau buồn lớn lao của tôi về việc Fielding qua đời.”

Nhà vật lý lắc đầu. “Đó không phải lý do tôi mời anh đến đây. Tôi muốn biết về sáng hôm nay. Chuyện gì đã thật sự xảy ra với Andy của tôi?”

Tôi lưỡng lự không muốn nói thẳng ra trong nhà này. Thấy biểu hiện lo lắng của tôi, bà đi đến lò sưởi, quỳ xuống, với tới ống khói. Bà lấy ra một chiếc hộp các tông đầy bồ hóng, đặt lên bàn cà phê. Tôi đã thấy chiếc hộp này từ trước. Nó chứa nhiều linh kiện điện tử tự chế ở nhà, nhắc tôi nhớ đến các công trình Heathkit mà cha con tôi đã làm khi tôi còn nhỏ. Lu Li rút ra một vật trông giống như chiếc gậy kim loại.

“Sáng nay Andy đã rà soát nhà bằng cái này trước khi đi làm,” bà nói. “Đã bật hết các mic rồi. Cứ nói chuyện, không sao.”

Tôi liếc nhìn Rachel. Ấn ý đã rõ. Lu Li biết cách thắng điểm Trinity, hay ít nhất cũng biết những thủ đoạn an ninh của NSA. Geli Bauer chắc sẽ cho lục tung ngôi nhà ngay khi Lu Li rời nhà đến hiệu giặt là hay hàng tạp hóa. Tôi ngạc nhiên là ả lại chờ lâu đến thế.

“Cả ngày hôm nay chị có ra khỏi nhà không?” tôi hỏi.

“Không,” Lu Li đáp. “Họ không cho tôi biết bệnh viện nơi họ đưa Andy đến.”

Tôi ngờ rằng Fielding không hề được đưa đến bệnh viện. Có thể ông đã được đưa về trụ sở NSA ở căn cứ quân sự Meade bằng máy bay, bang Maryland, hay bị đưa đến một đơn vị y tế đặc biệt nào đó để mổ xác, hoặc tòi tệ hơn. Nước Anh sau đó có thể phản nản, nhưng đó là việc của Bộ Ngoại giao, không phải của NSA. Và nước Anh - những người làm ra Luật Bí mật Chính thức và Thông báo Quốc phòng - sẽ có cách đồng thuận với Hoa Kỳ khi động đến các vấn đề an ninh quốc gia.

“Tôi vẫn nghĩ chúng ta nên nói thầm,” tôi nói khẽ, chỉ tay vào cây gậy. “Và có lẽ tôi nên mang theo chiếc hộp khi rời đây. Tôi sợ N” - tôi ngừng lại ngay - “nhân viên an ninh của công ty sẽ lục soát nhà ngay khi chị vừa đi khỏi. Chị không muốn bất kỳ ai tìm thấy nó đâu.”

Lu Li lớn lên tại một nước Cộng sản nơi cảnh sát không hề biết thương xót ai. Sẵn sàng tin vào điều tồi tệ nhất có thể xảy ra là thứ đã ăn sâu vào tâm khảm bà. “Có phải họ đã giết Andy của tôi?” bà thì thầm.

“Tôi hy vọng là không. Xét đến sức khỏe, tuổi tác và các thói quen của Andrew, đột quy là điều có thể xảy ra. Nhưng... tôi không tin đó là đột quy. Điều gì làm chị cho rằng có thể ông ấy đã bị giết?”

Lu Li nhắm mắt lại cho nước mắt chảy ra. “Andy biết có chuyện xảy ra với ông ấy. Ông ấy bảo tôi thế.”

“Ông ấy nói chuyện đó một lần? Hay thường xuyên?”

“Hai tuần cuối, nhiều lần.”

Tôi thở ra một hơi dài và chậm. “Chị có biết vì sao Andrew muốn gặp tôi ở Nags Head không?”

“Andy muốn nói chuyện với anh. Tôi chỉ biết thế thôi. Andy rất sợ công việc. Sợ Trinity. Sợ...”

“Cái gì?”

“Godin.”

Không hiểu sao tôi đã biết đó chính là Godin. John Skow thì thật dễ ghét - một nhà kỹ trị vênh váo, vô đạo đức - nhưng gã không gây nhiều sợ hãi. Godin thì ngược lại, dễ mến - một thiên tài, một người yêu nước theo nghĩa tốt đẹp nhất của từ này, một người có sức thuyết phục - nhưng sau khi anh làm việc với lão một thời gian, anh sẽ cảm thấy một rung động khó chịu phát ra từ lão, một Faust(1) khao khát hiểu biết khinh thường mọi giới hạn, không thèm đếm xỉa đến các ranh giới. Có một điều đã rõ: bất kỳ ai hay vật gì đứng chắn giữa Godin và mục tiêu của lão thì không tồn tại được lâu ở đó.

Godin và Fielding đã hợp tác khá tốt đẹp khi khởi sự. Hai người gần như cùng thế hệ, và Godin có cái tài năng thiên bẩm thúc đẩy những nhà khoa học tài năng của Robert Oppenheimer(2): vừa ca ngợi vừa khích lệ họ. Nhưng tuần trăng mật không kéo dài lâu. Với Godin, Trinity là một sứ mệnh, và lão theo đuổi nó với lòng nhiệt thành của một nhà truyền giáo. Fielding thì khác. Ông người Anh không tin

chuyện đó, đơn giản vì ông cho rằng điều gì có thể làm được thì nên làm. Ông cũng không tin một mục đích cao quý có thể biện hộ cho bất kỳ phương tiện gì để đạt được nó.

“Andy có giấy tờ gì cho tôi không?” tôi hỏi đầy hy vọng.

“Tôi không nghĩ vậy. Tôi nào ông ấy cũng ghi chép, nhưng mỗi đêm trước khi đi ngủ” - bà chỉ vào lò sưởi - “ông ấy lại đốt cả. Andy rất bí mật. Ông ấy luôn cố gắng bảo vệ tôi. Luôn bảo vệ tôi.”

Ông ấy cũng làm thế với tôi, tôi nghĩ thầm. Bỗng tôi nhớ đến những lời trong bức thư của Fielding. “Hôm nay đi làm Andy có mang theo chiếc đồng hồ bỏ túi không?”

Lu Li không hề ngập ngừng “Ngày nào ông ấy cũng mang theo. Hôm nay anh không trông thấy nó à?”

“Không. Nhưng tôi chắc họ sẽ đem trả chị cùng với những đồ đạc riêng của ông ấy.”

Môi dưới của bà run run, và tôi cảm giác một đợt nước mắt nữa sắp sửa trào ra, nhưng không. Nhìn Lu Li cố nén cảm xúc, tôi cảm thấy một cơn đau thắt, quen thuộc nhưng có gì đó mới lạ với tôi. Tôi không lạ với chuyện tang tóc, nhưng những gì tôi cảm thấy bây giờ không giống những gì tôi cảm thấy sau khi mất vợ con. Andrew Fielding là một trong vài người sống cùng thế kỷ có khả năng trả lời một số vấn đề cơ bản về sự sinh tồn của loài người. Việc biết rằng một trí tuệ như thế đã từ trần để lại trong tôi một khoảng trống sâu hoắm, tương như giống loài của mình đã suy giảm đáng kể và không sao khôi phục lại được.

“Giờ thì chuyện gì sẽ xảy đến với tôi?” Lu Li khẽ hỏi. “Họ đưa tôi về lại Trung Quốc ư?”

Không thể có chuyện đó, tôi nghĩ. Một lý do khiến Trinity phải giữ bí mật đến thế là do một số người liên quan cho rằng có thể những nước khác cũng đang nghiên cứu công cụ tương tự. Với lịch sử ăn cắp công nghệ thành thần, Trung Quốc được xếp hàng đầu trong danh sách đó. NSA không bao giờ để một nhà khoa học gốc Hoa từng gần gũi với dự án đến thế trở về tổ quốc. Thật ra tôi còn lo cho tính mạng của bà. Nhưng tôi khó có thể làm được gì để bảo vệ bà cho đến khi tôi nói chuyện được với tổng thống.

“Họ không thể đưa chị về nước đâu,” tôi trấn an bà. “Chị đừng lo về chuyện ấy.”

“Andy nói chính phủ làm bất cứ chuyện gì họ muốn.”

Tôi đang định trả lời thì có ánh đèn pha chiếu qua sảnh. Một chiếc ô tô chạy chậm qua ngôi nhà.

“Điều ấy không đúng,” tôi nói. “Lu Li ạ, tôi không thích nói thế này, nhưng điều tốt nhất hiện nay chị có thể làm là hợp tác với NSA. Càng không thấy chị gây ra điều gì phiền toái, người ta càng không coi chị là mối đe dọa. Chị có hiểu không?”

Mặt bà đanh lại. “Bây giờ anh bảo tôi nên để cho họ giết Andy mà không nói gì hết? Không làm gì hết?”

“Chúng ta không biết chắc Andy có bị giết hay không. Và ngay lúc này bản thân chị không xoay xở được nhiều. Tôi muốn chị để tất cả chuyện đó cho tôi. Tôi sẽ gọi cho tổng thống và tôi có thể nghe ông ấy trả lời bất cứ lúc nào. Bây giờ ông ấy đang ở đâu đó tại Trung Quốc. Bắc Kinh.”

“Tôi đã thấy trên ti vi. Andy bảo tôi anh có quen ông tổng thống này.”

“Tôi đã gặp ông ấy. Ông ấy là bạn anh tôi, và chính ông ấy đã cử tôi vào việc này. Tôi hứa với chị bằng mọi cách sẽ tìm cho ra sự thật về cái chết của Andy. Tôi mắc nợ ông ấy điều đó. Và hơn thế nữa.”

Một nụ cười bỗng xuất hiện trên gương mặt đau khổ của Lu Li. “Andy rất tốt. Ân cần, vui tính. Và thông minh.”

“Rất thông minh,” tôi đồng ý, mặc dầu chữ thông minh mà đem áp dụng vào những người như Andrew Fielding thì chưa nói lên được điều gì hết. Fielding thuộc trong số rất ít người trên hành tinh này thực sự nắm được bí mật của vật lý lượng tử, một lĩnh vực dành riêng cho những sinh viên quá thông minh để làm tiến sĩ khoa học - như các sinh viên Cambridge của Fielding thường đùa.

Rachel ngạc nhiên cười khúc khích khi thấy một quả bóng nhỏ bằng lông trắng lăn vào phòng và tót lên đùi Lu Li. Quả bóng lông là một con chó nhỏ giống bichon frise. Lu Li mỉm cười và xoa mạnh cổ nó.

“Maya, Maya”, Lu Li thủ thủ rồi thì thầm bằng giọng Quảng Đông ê a.

Con chó nhỏ có vẻ lo lắng trước sự có mặt của người lạ trong nhà, nhưng nó không sủa. Đôi mắt nâu nhỏ của nó dán vào tôi.

“Anh có biết Maya không, bác sĩ David?”

“Có. Chúng tôi đã gặp nhau rồi.”

“Andy mua nó cho tôi. Cách đây sáu tuần. Maya là bé cưng của tôi. Cho đến khi nào ông trời cho tôi và Andy một...”

Lu Li chìm vào im lặng, và tôi hiểu rằng ông bạn sáu mươi ba tuổi của tôi đã cố gắng có con với bà vợ bốn mươi của mình.

“Tôi rất tiếc,” tôi nói một câu vô ích. “Tôi thực sự lấy làm tiếc.”

Rachel như muốn nói gì đó, nhưng có những lúc một nhà tâm lý trị liệu đầy tài năng cũng bất lực trong diễn đạt. Khi Lu Li nhìn vào khoảng không, nỗi lo của tôi tăng lên. Nếu Fielding nghi ngờ mình sẽ bị giết, chắc ông có nói điều lo sợ đó với bà, và NSA có thể biết động thái của ông. Gần như chắc chắn là họ biết tôi đang ở đây. Nếu họ ở ngoài đó, có thể họ đã chụp ảnh Rachel, và có khi đang cố tưởng tượng xem cô làm gì ở đây.

“Trông Maya có vẻ muốn ra ngoài dạo chơi,” tôi vui vẻ nói.

Lu Li tỉnh người ra.

“Tôi rất vui lòng đưa nó ra ngoài hộ chị,” tôi nói thêm.

“Không. Maya không cần...”

Tôi giơ tay lên ngắt lời bà. “Tôi nghĩ không khí bên ngoài sẽ làm tất cả chúng ta dễ chịu hơn.”

Lu Li chăm chăm nhìn tôi vài giây. “Được,” cuối cùng bà nói. “Hay đấy. Tôi ở trong nhà cả ngày rồi.”

Nhìn quanh kiếm thứ gì có thể viết được, tôi thấy một tập giấy nháp đặt cạnh điện thoại. Tôi đến đó và viết, “Chị có máy ghi âm xách tay không?” Rồi tôi xé tờ giấy, viết số di động của mình lên trang sau.

Khi Lu Li đọc câu hỏi của tôi, bà vào phòng làm việc của Fielding lấy ra một chiếc máy ghi âm mini hiệu Sony, loại dùng để học chính tả. Tôi bỏ vào túi và dẫn hai người phụ nữ ra sân trong qua cánh cửa kính đã mở.

Maya theo sau chúng tôi nhưng cứ dính chặt lấy Lu Li, bà cầm sợi dây buộc cổ chó. Nằm sâu trong rừng cách khoảng một trăm mét là giảng đường ngoài trời của trường Đại học Bắc Carolina. Trước đây, đã có hai lần Fielding đưa tôi đến đây nói chuyện.

“Tôi biết Andrew đã soát kỹ trong nhà,” tôi thì thầm với Lu Li, “nhưng tôi vẫn không cảm thấy an toàn khi nói chuyện trong ấy. Tôi cần nói chuyện riêng với Rachel mấy phút. Cảm phiền chị quay trở vào nhà. Khóa cửa lại, nhưng để Maya lại cho chúng tôi. Chúng tôi đi dạo trong rừng cây đến chỗ giảng đường, rồi sẽ quay về ngay. Tôi có mang theo điện thoại di động và đã ghi số trên giấy nháp của chị. Nếu có gì lạ, chị hãy gọi cho tôi ngay.”

Lo lắng và bối rối làm mặt Lu Li nhăn lại. “Anh chị cần Maya à?”

“Đề nghị trang thôi, chị hiểu không? Một cái có để ra ngoài.”

Bà chậm rãi gật đầu, đoạn quỳ xuống, thì thầm với con chó rồi quay trở vào nhà. Tôi bế con chó đang rên ư ử lên và rảo bước băng qua sân sau tới con đường hẹp dẫn qua rừng. Rachel vất vả lắm mới theo kịp vì bị cành cây móc vào quần áo.

“Anh đang làm gì vậy?” cô rít lên.

“Yên lặng nào. Tôi phải nói chuyện với cô, ngắn thôi.”

Tôi không rõ nguồn gốc nỗi sợ của tôi, nhưng tôi biết nó làm ruột gan tôi cồn cào. Vô thức, tôi chuyển con chó sang tay trái, tay phải rút súng.

Chú Thích:

1. Nhà ảo thuật và giả kim trong truyền thuyết Đức, kẻ bán linh hồn cho quỷ dữ để đổi lấy sức mạnh và tri thức.

2. Nhà vật lý lý thuyết người Mỹ, giám đốc Dự án Manhattan.

CHƯƠNG 7

“Ritter đến rồi,” giọng Corelli trong ống nghe của Geli có vẻ căng thẳng. “Anh ta đã lắp ăng ten laser chĩa vào cửa sổ trước.”

“Anh ta nghe được gì rồi?”

“Tiếng rõ, nhưng không phải nói chuyện. Như có một người đang đi quanh nhà. Chắc họ đang ở căn phòng phía sau.”

“Đổi vị trí và đặt ăng ten laser ở cửa sổ sau. Nhanh lên.”

“Được.”

Geli hầu như không thể ngồi yên trên ghế. Có chuyện đang xảy ra ở nhà Fielding, và ả chỉ có một cách duy nhất để biết. Một phút trôi qua, rồi giọng trầm của Ritter cất lên, “Nichts(1).”

“Anh chưa nghe được gì ở phía sau phải không?” ả hỏi.

“Nein(2).”

“Bọn chúng biết chỗ đặt rệp, và đã bịt cả rồi.”

“A a a!” Ritter kêu lên. “Làm sao chúng biết được?”

“Fielding.”

“Đồ chó chết,” Corelli chửi. “Lần nào lão cũng chơi chúng ta một vố.”

Geli gật đầu. Ở Trinity, Fielding cư xử như một giáo sư đẳng trí, nhưng chính ông ta là tay cáo già nhất.

“Có lẽ chúng đã ra khỏi nhà rồi,” Geli nói. “Fielding và Tennant đã hai lần làm thế. Dẫn chó của Fielding đi dạo! Tôi sẽ tung một đội vào rừng ngay bây giờ.”

“Nein,” Ritter ngăn. “Tennant sẽ nghe thấy bọn họ.”

“Anh có ý gì hay hơn?”

“Tôi sẽ đi một mình.”

“OK. Tôi sẽ cài đặt một máy đo trường nhìn. Tennant có thể tìm cách chạy.”

“Tôi không nghĩ thế. Chạy thì quả là ngu ngốc. Mà Tennant không ngu.”

“Tại sao ngu?”

“Khi chạy thì người ta không đưa phụ nữ đi theo. Như vậy sẽ nhanh và nhẹ hơn.”

Geli cười một mình. “Tennant không giống anh đâu Liebchen(3) ạ.”

Ritter cũng cười. “Hắn cũng là đàn ông đấy chứ?”

“Hắn là người Mỹ và lớn lên ở miền Nam. Tôi biết nhiều gã như hắn hời trong quân ngũ. Những anh hùng bẩm sinh. Tính cách lẳng mạn. Nhiều tên chết vì thế.”

“Giống như lão người Anh?” Ritter hỏi.

Geli nghĩ đến Andrew Fielding. “Đại loại thế. Thôi tiếp tục đi. Bảo Corelli bao vây mặt trước.”

“Ja(4).”

Geli ra khỏi ghế và bắt đầu dạo bước trên lối nhỏ giữa các giá đặt các thiết bị điện tử. ả định gọi cho Skow lần nữa, nhưng Skow không muốn bị quấy rầy. Được thôi. ả sẽ gọi khi Tennant chạy trốn, rồi xem thằng cha tự đắc này còn nói gì về chuyện già néo đứt dây nữa không.

Chú Thích:

1. Không có gì (tiếng Đức).

2. Không (tiếng Đức).

3. Cùng.

4. OK (tiếng Đức).

CHƯƠNG 8

Tôi lặng lẽ di chuyển giữa hàng cây tối thẫm. Rachel kêu lên như một con gấu mù quờ quạng phía sau tôi. Trên đường phố Manhattan có lẽ cô vận động như một trung vệ lão luyện, nhưng rừng xa lạ với cô. Tôi đi chậm lại chờ cô theo kịp rồi bảo cô nắm vào sau thắt lưng tôi. Cô làm theo.

Khi chúng tôi đi khỏi nhà chừng năm mươi mét, tôi hỏi, “Bây giờ cô đã tin những điều tôi nói về Fielding chưa?”

“Tôi tin anh làm việc với ông ấy,” Rachel đáp. “Nhưng tôi không chắc ông ấy bị giết. Tôi nghĩ anh cũng thế.”

Tôi nhảy qua khúc cây mới đốn, rồi giúp cô vượt qua. “Tôi tin rằng ông ấy bị giết. Chỉ có hai người trong Dự án Trinity phản đối những việc đã làm. Fielding là một, và bây giờ ông ấy chết. Tôi là người thứ hai.”

“Anh có định nói cho tôi nghe về Trinity bây giờ không?”

“Nếu cô muốn nghe. Tôi tin giờ cô đã hiểu điều đó nguy hiểm cho cô.”

Cô xuyt xoa khi bị cành cây thạch nam cào vào tay. “Tiếp tục đi.”

“Khi cô đến nhà tôi hôm nay, tôi đang quay băng video để đưa cho luật sư của tôi. Ông ấy sẽ mở nó trong trường hợp có chuyện xảy đến với tôi. Tôi không bao giờ hoàn thành cuộn băng ấy được. Và sự thật là, tôi lo không biết có còn sống đến sáng mai nữa không.”

Cô dừng lại trước lối mòn bị cây cỏ che lấp. “Sao anh không báo cảnh sát? Lu Li rõ ràng là cũng nghi ngờ giống anh, và tôi nghĩ có đủ chứng cứ gián tiếp đề...”

“Cảnh sát thành phố không thể điều tra NSA. Và đó là kẻ đang giám sát Trinity.”

“Thế thì gọi cho FBI.”

“Chẳng khác nào bảo FBI điều tra CIA. Quan hệ giữa hai cơ quan ấy tệ đến mức bất kỳ việc gì cũng mất hàng tuần mới xong. Nếu cô thật sự muốn giúp tôi, hãy trở thành băng ghi hình cho tôi. Nghe những điều tôi nói ở đây, rồi về nhà giữ kín cho mình.”

“Và nếu có chuyện gì xảy đến với anh?”

“Gọi cho CNN và New York Times, kể với họ mọi thứ cô biết. Cô càng kể sớm bao nhiêu càng an toàn bấy nhiêu.”

“Sao anh không làm thế? Đêm nay?”

“Vì tôi không chắc là mình đúng. Vì tổng thống có thể tìm cách liên lạc với tôi lúc tôi đang nói. Và bởi vì, dù điều này nghe có vẻ trẻ con, đây là vấn đề an ninh quốc gia.”

Ôm con chó nhỏ đang rên rỉ của Lu Li bên tay trái, tôi nhét khẩu súng vào túi quần và nắm tay kéo Rachel tiến lên. Thêm bốn mươi mét nữa, tôi thấy phía trước bóng tối càng dày đặc. Cây cối rẽ ra hai bên như hai hàng lính thừa thớt, và một bức tường nhân tạo đã chắn trước mặt tôi. Khi mất tôi điều chỉnh lại tầm nhìn, tôi thấy cánh cửa mà tôi biết nằm kia. Tôi mở nó ra bằng bàn tay rồi và dẫn Rachel vào. Chúng tôi bước vào vùng lòng chảo ngập ánh trăng, với những dãy đá chẻ xếp hàng.

“Trời,” cô thốt lên.

Giảng đường trông như thể được một phép màu đưa từ Hy Lạp đến cánh rừng Carolina này. Bên phải chúng tôi là sân khấu treo, bên trái là những bậc thang đá dẫn qua các hàng ghế ngồi lên đến hàng cao nhất. Phía trên không xa lắm là đường Country Club. Từ trên con đường nhìn xuống tầm nhìn bị chắn gần hết bởi rừng thông và rừng cây gỗ cứng, nhưng tôi vẫn thấy những vệt sáng đứt quãng của đèn pha ô tô quét qua đầu chúng tôi.

Tôi cầm tay Rachel dắt lên bậc thềm đá và dẫn cô đến rìa sân khấu. Ở đó tôi quần dây xích Maya

vào một cột đèn thấp. Trong lúc con chó đánh hơi thứ mùi phảng phất nào đó, tôi đặt máy ghi âm xuống mép sân khấu và ấn nút RECORD. “Tôi là David Tennant, tiến sĩ y khoa,” tôi nói. “Tôi đang nói với bác sĩ Rachel Weiss của trường y, Đại học Duke.”

Khi phát lại. Tôi có một bản sao tĩnh lời nói của mình. Tôi nhìn đồng hồ. “Chúng ta cần nói chuyện dưới mười phút.”

Rachel nhún vai, mắt cô đầy vẻ tò mò.

“Trong hai năm qua, tôi làm việc cho một Dự án đặc biệt của Cục An ninh Quốc gia. Nó được biết đến dưới tên gọi Trinity và đặt căn cứ trong một tòa nhà của Công viên Tam giác Nghiên cứu, cách đây mười sáu cây. Trinity là một công trình khổng lồ do chính phủ tài trợ, nhằm chế tạo một siêu máy tính có trí tuệ nhân tạo. Một máy tính biết suy nghĩ.”

Cô có vẻ không ấn tượng lắm. “Chẳng phải chúng ta đã có máy tính làm được điều đó rồi sao?”

Điều làm lẫn thông thường này giờ đây làm tôi ngạc nhiên, nhưng những ngày đầu đến làm việc ở Trinity, tôi cũng chẳng hiểu biết gì hơn. Trong vòng năm mươi năm, các nhà viết truyện khoa học viễn tưởng và các nhà làm phim đã tạo ra hình tượng về một “bộ óc điện tử vĩ đại” chiếm lĩnh thế giới. HAL, máy tính biết nói trong 2001: Space Odyssey, đã ăn sâu vào ý thức công chúng và gắn chặt ở đây từ năm 1968. Trong ba mươi lăm năm tiếp theo, chúng ta đã chứng kiến cuộc cách mạng của máy tính kỹ thuật số, đến mức một người trung bình cũng tin rằng “máy tính biết suy nghĩ” là điều đã gần kề, nếu không phải là trong tầm khả năng của chúng ta. Nhưng thực tế khác xa. Tôi không có thời gian để đi sâu vào những thứ phức tạp của mạng lưới thần kinh hoặc trí thông minh nhân tạo mạnh mẽ. Rachel cần một bài vở lòng đơn giản và những thực tế về Trinity.

“Cô đã bao giờ nghe nói về một người đàn ông tên là Alan Turing chưa?” tôi hỏi. “Ông ta là một trong những người đã bẻ mã khóa Enigma của Đức trong Thế Chiến II.”

“Turing à?” Rachel trông có vẻ đăm chiêu. “Tôi có nghe cái gì gọi là trắc nghiệm Turing thì phải.”

“Đó là một trắc nghiệm kinh điển về trí thông minh nhân tạo. Turing nói rằng có thể tạo ra trí thông minh máy móc khi có một người ngồi ở một bên tường, đánh các câu hỏi vào bàn phím, rồi đọc câu trả lời trên màn hình, mà vẫn tưởng rằng những câu trả lời đó do người khác ở phía bên kia tường đánh vào. Turing tiên đoán điều đó có thể xảy ra vào cuối thế kỷ hai mươi, nhưng cho đến nay vẫn chưa có máy tính nào từng vượt qua được thử thách đó. Nếu chỉ dùng công nghệ hiện thời thì có lẽ phải năm mươi năm nữa.”

“Chẳng phải máy tính IBM cuối cùng đã đánh bại Garry Kasparov ở môn cờ vua sao? Tôi biết mình đã đọc thông tin ấy ở đâu đó.”

“Cô muốn nói Deep Blue?” Tôi cười, tiếng cười nghe vang kỳ lạ trong giảng đường. “Phải! Nhưng nó thắng được là nhờ dùng thứ máy tính mà các nhà khoa học gọi là sức mạnh dã man. Bộ nhớ của nó chứa toàn bộ các ván cờ đã từng được chơi, và mỗi nước đi nó xử lý hàng triệu khả năng lựa chọn. Nó chơi cờ rất tốt, nhưng nó không biết nó đang làm gì. Là một con người, Garry Kasparov chưa bao giờ phải cân nhắc hàng tỷ khả năng - trong số đó có nhiều nước đơn giản đến mức ngớ ngẩn - như máy tính đã làm. Những kiến thức mà Kasparov có được giúp anh ta có những bước nhảy vọt theo trực giác, và mỗi lần như thế anh ta lại học thêm được một điều gì vĩnh viễn. Anh ta chơi bằng bản năng. Và không ai thật sự hiểu được điều đó nghĩa là gì.”

Rachel ngồi lên mép sân khấu. “Vậy, anh muốn nói với tôi điều gì?”

“Rằng máy tính không suy nghĩ như người. Thật ra, nó chẳng suy nghĩ gì cả. Nó chỉ thực hiện các lệnh. Trong các chương trình quảng cáo trên ti vi cô hay nghe thấy ‘phần mềm biết suy nghĩ’ chứ gì? Vớ vẩn. Các nhà nghiên cứu trí thông minh nhân tạo thậm chí còn ngại dùng thuật ngữ thông minh nhân tạo nữa là.”

“OK. Nhưng còn Trinity thì sao?”

“Chén Thánh.”

“Anh định nói gì?”

“Mọi người đều muốn chế ra một máy tính hoạt động như bộ óc người, nhưng chúng ta không biết bộ óc người hoạt động như thế nào. Ai cũng thú nhận thế. Ồ... hai năm trước đây, có một người nghĩ rằng điều đó không nhất thiết phải là trở ngại như mọi người thường nghĩ. Rằng chúng ta có thể copy một bộ óc mà không cần thật sự hiểu mình đang làm gì. Dùng những công nghệ hiện tại.”

“Người ấy là ai?”

“Peter Godin. Một tỷ phú.”

“Godin Siêu máy tính ấy à?”

Bây giờ cô lại làm tôi ngạc nhiên. “Đúng.”

“Có một siêu máy tính Godin-4 trong căn cứ ở TUNL, phòng thí nghiệm năng lượng cao ở Duke.”

“Đúng, Godin là người đã sáng tạo ra Dự án Trinity.”

Có vẻ như nhiều chi tiết tích lũy lại đã thuyết phục được cô.

“Loại công nghệ nào hiện nay có thể copy được bộ não người?”

“MRI.”

“Máy chụp cộng hưởng từ?”

“Đúng. Tuần nào cô cũng cho chỉ định chụp MRI đúng không?”

“Tất nhiên.”

“Trong máy chụp ấy có rất nhiều thông tin phải không?”

“Đôi khi nhiều hơn là tôi có thể xử lý.”

“Cô Rachel, tôi đã từng thấy những máy chụp MRI chứa lượng thông tin nhiều gấp trăm ngàn lần cái máy mà cô vẫn thấy hằng ngày. Độ phân giải một trăm nghìn lần.”

Rachel chớp mắt. “Nhưng làm sao có thể thế được. Anh còn thấy gì nữa?”

“Tôi đã thấy phản ứng giữa những khớp thần kinh cá biệt, được làm đông lạnh đúng lúc. Tôi đã thấy những bộ não người hoạt động ở cấp độ phân tử.”

“Xạo.”

Bác sĩ nào cũng sẽ nói như thế. “Không. Chiếc máy đó có thật. Nó đang ở trong một căn phòng cách chúng ta mười sáu cây. Chỉ có điều là không ai biết.”

Cô lắc đầu. “Điều đó không có nghĩa gì cả. Tại sao một công ty lại phải giữ bí mật một việc như thế?”

“Bởi vì nó phải chịu sự ràng buộc về pháp lý do chính phủ quy định.”

“Nhưng một chiếc MRI như thế có thể làm ra hàng trăm triệu đô la. Nó có thể phát hiện các tế bào ác tính rất sớm trước khi chúng phát triển thành khối u.”

“Cô nói đúng. Đó là vấn đề chủ chốt của tôi với dự án này. Giữ không cho chiếc máy đó phục vụ các bệnh nhân ung thư là vô đạo đức. Nhưng giờ đây, ta chỉ cần thừa nhận rằng có một máy chụp MRI có thể tạo ra các mẫu 3D của bộ não, với độ phân giải đạt kích thước phân tử.”

“Những bức ảnh chụp nhanh của não bộ.”

“Về cơ bản, đúng. Ravi Nara gọi đó là những ‘mẫu thần kinh’.”

“Mẫu thần kinh. OK.”

“Rachel, cô có nhận ra một trong những mẫu thần kinh đó là gì không?”

“Tôi biết rằng chỉ một trong số chúng là đủ để cách mạng hóa khoa học thần kinh. Nhưng tôi có cảm giác đây không phải là điều chúng ta định nói.”

“Một mẫu thần kinh chính là con người mà từ đó mẫu được lấy ra. Đúng vậy đấy. Những ý nghĩ của anh ta, trí nhớ, nỗi sợ hãi... tất cả mọi thứ.”

“Nhưng... nó chỉ là một hình chụp, đúng không? Một bản đồ phân giải cao của bộ não.”

“Không. Nó là bản sao được mã hóa của tất cả các phân tử trong bộ não, trong một tương quan không gian và điện hóa học tuyệt hảo. Điều đó có nghĩa là...”

“Khoan đã. Có phải anh sắp nói với tôi rằng họ có thể tải một trong những mẫu thần kinh đó vào máy tính?”

“Không. Nhưng đó là điều mà họ đã làm 24/24 giờ trong suốt hai năm để mong đạt được. Godin tiên đoán phải mất mười lăm đến hai mươi năm, nhưng chỉ trong mười chín tháng qua họ đã đi được một nửa chặng đường. Tôi chưa hề thấy một cái gì như thế. Trong lịch sử chỉ có một tiền lệ là Dự án Manhattan trong Thế Chiến II.”

Rachel định nói, nhưng tôi giơ tay ra hiệu. Trên đầu chúng tôi hai ánh đèn pha chậm rãi quét qua với tốc độ chậm hơn một nửa tốc độ của các xe khác. Chúng chậm hẳn lại rồi tăng tốc và biến mất.

“Chúng ta cần phải nhanh lên.”

“Nếu Trinity là tất cả những gì anh vừa nói, vậy thì tại sao nó lại đặt căn cứ ở Bắc Carolina?”

Đây không phải câu hỏi mà tôi trông đợi. “Cô có phải là một chuyên gia phân tích hàng đầu thế giới theo trường phái Jung không?”

“Ồ... một người trong số đó.”

“Vậy tại sao cô công tác tại Bắc Carolina?”

Cô cau mày. “Bởi vì Đại học Duke ở đây. Đó lại là chuyện khác.”

“Không khác lắm đâu. Peter Godin muốn lập căn cứ cho Trinity ở gần phòng thí nghiệm R&D(1) của ông ta ở Mountain View, California. NSA cung cấp tài chính và nó muốn đặt căn cứ ở căn cứ quân sự Meade, Maryland. Công viên Tam giác là một cơ ngơi lý tưởng. Công nghệ cao mà lại xa khuất.”

“Vậy mục đích cuối cùng là gì? NSA muốn làm gì với Trinity?”

“Chính phủ nhìn thấy những bước tiến cách mạng nhất trong khoa học đều liên quan đến tiềm năng vũ khí. Nếu có thể chế một cái máy như thế, chính phủ muốn là người đầu tiên thực hiện.”

“Cái máy tính này thì có thể là loại vũ khí gì?”

“Cô hãy nghĩ đến Bão táp Sa mạc, Afghanistan, Iraq. Trong chiến tranh hiện đại, mọi thứ đều có thể đưa vào máy tính. Bẻ khóa mã, thử vũ khí hạt nhân, chiến tranh thông tin, các hệ thống trận địa. Nhưng Trinity sẽ không phải chỉ là một cải tiến. Nó có khả năng làm cho các siêu máy tính hiện tại trở thành lỗi thời như các mốt áo thun. Và nếu Fielding đoán đúng là nó có những khả năng lượng tử... thì các bộ mã hiện đại nhất ngày nay tiêu đời. Đó là lý do NSA chịu chi hàng tỷ đô la cho Trinity.”

Rachel đang tiêu hóa những gì tôi nói. “Nhưng đây không chỉ là một siêu máy tính vượt trội về tốc độ. Chúng ta đang nói về loại máy tính có thể nghĩ như con người.”

Tôi lắc đầu. “Chúng ta không thể chế tạo loại máy tính có thể nghĩ như con người. Chúng ta đang nói về việc sao chép bộ óc một cá nhân. Tạo ra một thực thể kỹ thuật số vốn là một cá nhân, dùng cho tất cả các mục tiêu thực tiễn. Với chức năng nhận thức của anh ta hoặc cô ta, với mọi hoài ức, hy vọng, ước mơ... mọi thứ, chỉ trừ thân thể. Chỉ cần nó chạy được với tốc độ của một máy tính kỹ thuật số. Nhanh hơn các hệ mạch sinh học một triệu lần.”

Cô lẩm nhẩm như nói một mình. “Đó là lý do tại sao Andrew Fielding và Ravi Nara làm việc chung với nhau.”

“Chính xác. Các nhà bác học đạt giải Nobel thuộc các lĩnh vực vật lý lượng tử và thần kinh học. Peter Godin kết hợp họ lại với nhau.” Tôi kiểm tra lại xem băng ghi âm có còn quay không. “Nhưng tôi mới chỉ nói với cô một phần tiềm năng của Trinity. Một khi mẫu thần kinh của cô được nạp vào máy tính với tư cách Rachel Weiss, ưu thế về tốc độ đối với nguyên mẫu chưa phải là ưu thế duy nhất.”

“Anh nói sao?”

“Giả dụ tôi quyết định học chơi piano. Cần ba năm học hành cật lực. Điều đó gây ấn tượng cho cô.

Cô cũng muốn học chơi piano. Cô cũng phải mất trên dưới ba năm. Đó là nhược điểm của bộ não người. Những đường cong học tập ở mỗi người gần tương tự nhau. Nhưng mẫu thần kinh của cô trong máy tính không gặp trở ngại ấy. Toàn bộ lý thuyết âm nhạc có thể được tải về bộ nhớ của nó - bộ nhớ của cô - trong khoảng ba giây. Không có đường cong học tập nào cả.”

Cô lắc đầu. “Anh đang nói rằng anh có thể tải toàn bộ kiến thức nhân loại vào máy tính ấy - vào tôi - trong vài giờ?”

“Về lý thuyết thì đúng thế.”

“David, anh đang nói về một cái gì đó tựa thế... tựa như Thượng đế, gần như thế.”

“Không hẳn thế. Vì mẫu thần kinh trong máy tính ấy không chỉ là một Rachel Weiss. Nó là một Rachel Weiss vĩnh viễn. Nó có thể được nhân bản và lưu lại, hoặc tải sang một máy tính Trinity khác. Nó không bao giờ phải chết.”

Cô mấp má môi định nói, nhưng không thốt ra lời nào.

“Cô đã bắt đầu tin tôi chưa?”

“Công việc của anh ở Trinity là gì?”

“Tôi được tổng thống chỉ định để đánh giá mọi tình thế khó xử về khía cạnh đạo đức có thể phát sinh. Trong Dự án Manhattan có những nhà bác học quay lại chống bom nguyên tử vì lý do đạo đức, nhưng họ không có tiếng nói. Tổng thống muốn giảm thiểu sự phản đối của công chúng nhất định sẽ xảy ra một khi Trinity trở thành hiện thực. Ông ấy biết anh tôi ở trường đại học và đã đọc cuốn sách của tôi về Y đức - hoặc đã xem loạt phim NOVA dựa trên cuốn ấy, có lẽ thế. Đó là lý do ông ấy đưa tôi vào dự án. Chỉ có thế.”

Rachel lơ đãng nhìn ra hàng cây tối đen. “Điều anh nói nghe không hề đơn giản chút nào. Thật ra, nó có vẻ điên rồ.” Cô quay lại nhìn tôi, đôi mắt lóe lên. “Anh nói mười chín tháng qua Trinity đã đi được nửa chặng đường tới thành công. Cái gì cản trở nó trong nửa chặng sau?”

“Chế tạo một máy tính đủ mạnh để giữ được cả một mẫu thần kinh trong mạch của nó. Bộ não người khá chậm chạp về phương diện tốc độ, nhưng về dung lượng lại tương đương. Nó chứa trên một trăm nghìn tỷ mối liên hệ khả dĩ, tất cả có thể tính toán đồng thời, và đây mới là để xử lý thôi. Nó cũng chứa một lượng tương đương một triệu hai trăm nghìn tỷ byte của bộ nhớ máy tính.”

Cô nhún vai. “Điều đó chẳng có nghĩa gì đối với tôi.”

“Tương đương với số lượng nhật báo Wall Street phát hành trong sáu triệu năm.”

Cô há hốc miệng.

“Khi Trinity bắt đầu, không một máy tính nào trên hành tinh có công năng lớn đến thế. Toàn bộ Internet thì có thể, nhưng nó quá phân tán và không đủ độ tin cậy để có thể kiểm soát được.”

“Còn bây giờ?”

“Hãng IBM đã chế một máy tính tên là Blue Gene có thể đọ với bộ não về năng lực xử lý, nhưng nó không làm nổi các công việc của một đứa trẻ lên năm.”

“Và Trinity thì khác?”

“Cô có thể tin như thế. Blue Gene có thể choán hết một gian phòng hơn 200m² và cần máy điều hòa không khí ba trăm tấn để hoạt động. Trinity có kích thước của chiếc xe Volkswagen Beetle. Thế mà Godin còn cho là quá to. Ông ta luôn nói bộ óc người nặng có cân rưỡi và chỉ dùng có mười watt điện năng. Ông ta tin rằng giải pháp cho những vấn đề lớn cần phải đẹp. Thanh nhã.”

Rachel nhìn chằm chằm vào những hàng ghế đá thoải thoải, cố sức hình dung một tương lai đang lao nhanh vào hiện tại. “Trinity mất bao lâu nữa để trở thành hiện thực?”

Tôi nghĩ đến khối than đen và tinh thể đang phát triển như một dạng sống trong phòng thí nghiệm tầng hầm của tòa nhà Trinity. “Ngay bây giờ có một chiếc máy đầu tiên với một trăm hai mươi tỷ liên kết, và một bộ nhớ gần như vô hạn.”

“Nó có hoạt động không?”

“Không.”

“Tại sao không?”

“Bởi dù ta có nạp được bộ não của mình vào máy, thì ta nói chuyện với nó thế nào đây? Bộ não người giao tiếp với thế giới bên ngoài thông qua một cơ thể sinh học có năm giác quan. Hãy tưởng tượng não của cô được nạp vào một chiếc hộp. Nó mù, câm điếc và liệt. Một khối run rẩy vì sợ hãi. Hãy cảm ơn Chúa vì điều ấy. Bởi vì một khi chiếc máy loại đó có thể nói được, nghe được, cử động được, ai dám nói trước nó có thể làm nên những chuyện gì.”

Rachel ngược lên nhìn tôi về quan tâm, “Nó có thể làm gì?”

“Cô có nhớ HAL trong 2001: Space Odysse không?”

“Nhớ. Một máy tính đáng tin cậy nhất mà người ta đã từng chế ra. Ở Urbana, bang Illinois chứ gì?”

Tôi khẽ chặc lưỡi. “Nó là như thế cho đến khi nó giết phi hành đoàn trên con tàu vũ trụ. Rồi, hãy tưởng tượng HAL sẽ làm gì khi nó được kết nối với Internet.”

“Anh nói xem.”

“Một máy tính Trinity nối với một đường dây điện thoại có thể công nghiệp hóa trò bắt cóc con tin thế giới. Nó có thể đánh sập mạng điện, đường sắt, kiểm soát không lưu, hệ thống tên lửa đạn đạo, NORAD(2), phố Wall. Nó có thể đòi hỏi bất kỳ chuyện gì nó muốn.”

Cô lắc đầu bối rối. “Nhưng nó có thể muốn gì?”

“Một thực thể biết suy nghĩ có thể muốn gì? Đặc biệt xét về thực chất nó là người.”

“Quyền lực?”

“Chính xác.” Tôi nhảy lên khi chuông điện thoại di động reo. Màn hình hiển thị Andrew Fielding. Tôi nhắc máy. “Chị Lu Li à. Có chuyện gì xảy ra không?”

“Không có chuyện gì cả,” Lu Li trả lời giọng run run. “Tôi lo cho Maya. Hình như tôi nghe thấy tiếng động bên ngoài. Bác sĩ David, anh mang nó về hộ tôi.”

Con chó thôi đánh hơi mặt đất, ngẩng lên nhìn tôi và hếch đầu như thể lắng nghe.

“Chúng tôi về ngay đây.”

“Bà ấy không sao chứ?” Rachel hỏi khi tôi tắt máy.

“Ừ. Bà ấy bảo chúng ta về, nhưng chúng ta còn phải đợi một tí.”

“Tại sao?”

“Bởi vì NSA đã nghe được cuộc gọi vừa rồi. Nếu chúng bố trí người trong rừng cây, chắc bọn chúng sẽ di chuyển ngay bây giờ. Và chúng ta sẽ nghe được.”

Rachel lo lắng liếc nhìn bức tường ngăn cách chúng tôi với rừng cây. “Anh có thực sự nghĩ rằng có người ngoài kia không?”

“Đó không phải điều cô sợ,” tôi nói. “Điều cô sợ bây giờ là cô nghĩ ngoài đó có người.”

Cô tụt khỏi sân khấu và nhìn vào cái cửa chúng tôi đã đi qua. Dễ tưởng tượng rằng có ai đang chờ phía sau.

“Anh nói rằng Fielding bị giết vì anh và ông ấy chống lại dự án. Chính xác thì các anh đã chống lại như thế nào?”

“Chúng tôi không chỉ chống lại nó. Chúng tôi còn làm cho nó ngưng lại. Bị treo. Fielding nỗ lực hết sức để làm điều đó, nhưng tôi cần xin sự can thiệp của tổng thống. Nó cũng giống như đình chỉ các công việc về bom nguyên tử trong Thế Chiến II vậy.”

“Tại sao các anh lại muốn đình chỉ nó?”

“Tôi không dám chắc về lý do của Fielding. Tôi cho rằng ông ấy giấu tôi nhiều điều, để bảo vệ tôi. Còn về phần tôi, lý do rất đơn giản.”

“Sáu tháng trước, chúng tôi thử máy Siêu cộng hưởng từ MRI. Đầu tiên chúng tôi dùng động vật thì

không có vấn đề gì cả. Những người đầu tiên được máy chụp là sáu người trong nội bộ chúng tôi. Trong vòng một tuần, tất cả chúng tôi thấy xuất hiện những hội chứng thần kinh kỳ lạ. Tác dụng ngoại ý của việc bị phơi ra trước máy. Fielding tin rằng...”

“MRI không gây những tác dụng như vậy,” Rachel ngắt lời.

“Không phải thứ máy mà cô sử dụng. Từ trường mà máy MRI của Trinity phát ra có cường độ mạnh hơn theo cấp lũy thừa so với các máy hiện nay. Chúng sử dụng vật liệu siêu dẫn cho phép những xung động dữ dội...”

Maya gù gù trong cổ họng mà nhìn lên hàng ghế đá thoải thoải. Tôi không nghe thấy tiếng động gì trong rừng cây, nhưng có lẽ con chó đã nghe được. Tôi bỏ máy ghi âm vào túi, bế con chó lên, rút súng và kéo Rachel đi ra qua cửa sân khấu.

Bóng tối bao trùm chúng tôi

“Bám sát sau lưng tôi,” tôi nói, lom khom dưới một cành cây.

“Anh có nghe thấy gì không?”

“Không.”

Nếu không có Rachel đi theo, tôi đã dễ dàng lẩn về nhà một cách an toàn. Nhưng lúc này chỉ có cách là đi thật nhanh. Tôi rẽ qua những bụi cây thấp, nhắc Rachel mỗi khi tôi gạt một cành cây có thể bật vào mặt cô. Cô kêu lên hai lần và vấp một lần, nhưng cô gượng được và cố bám sát gót tôi. Khi về gần đến nhà, tôi thấy ô cửa vàng trên cánh cửa dẫn ra hiên nhà Fielding. Bóng Lu Li đứng in lên đó, một mục tiêu quá rõ. Hình ảnh ấy làm tôi rùng mình.

Khi bà mở cửa ra, tôi kéo bà vào sâu trong buồng. Maya sủa ngấu lên mãi đến lúc bà khom người giơ tay ra đón. Nó nhảy tót lên tay bà trong khi Rachel đóng cửa kính lại.

“Gọi taxi đi,” tôi thì thầm qua vai.

Rachel bước đến điện thoại.

Mắt Lu Li nhòe ướt. Tôi nắm khuỷu tay bà, con chó nhỏ nhấm vào tôi sủa. “Tôi ước gì có thể ở lại với chị đêm nay,” tôi nói khẽ, “nhưng như thế dễ bị nghi ngờ hơn là tôi về nhà. Sáng mai đi làm tôi sẽ cố gắng tìm vài câu trả lời, bởi vậy tôi muốn mọi việc có vẻ bình thường nhất. Chị có hiểu không?”

“Hiểu.”

“Tôi mang hộp đồ chơi của Fielding theo. Tôi không muốn ai tìm thấy nó ở đây. Như vậy được không?”

Lu Li gật đầu, trùi mền vuốt ve con chó nhỏ như với một đứa trẻ.

“Lúc ra về, tôi sẽ đánh xe vào ga ra sao cho không ai nhìn thấy tôi mang chiếc hộp đi. Nếu có ai hỏi tôi làm gì ở đây, chị cứ bảo rằng tôi chỉ đến chia buồn. Nếu họ có nghe lỏm gì được từ cuộc nói chuyện của chúng ta, chị cứ xử sự đúng như chính mình. Một bà quả phụ đang quẩn trí.”

“Quẩn trí là cái gì?”

“Cực kỳ đau thương. Hoảng loạn.”

Bà mỉm cười đầy can đảm. “Tôi không cần phải làm thế.”

Tôi đặt tay lên vai bà, bóp nhẹ và nói gần như không thể nghe thấy. “Trong thư chuyển phát nhanh Andy gửi cho tôi, có một chất bột trắng. Trông gần giống như cát. Nó đang ở trong chiếc túi trên đi vắng kia. Chị có biết gì về chuyện này không?”

Lu Li chăm chú nhìn đi vắng, mặt bà nhăn lại vì suy tư. “Không. Không biết gì cả.”

“Chị bỏ nó vào thùng thư FedEx phải không?”

“Phải. Sao anh biết?”

“Điều đó không quan trọng.” Tôi biết Lu Li đã gửi thư vì trong giấc mơ trước tôi đã ở trong đầu Fielding. Tôi bỗng cảm thấy buộc phải rời khỏi ngôi nhà này ngay. “Rachel? Taxi đâu?”

“Tới ngay sau vài phút,” cô trả lời ngay sau lưng tôi.

“Nhờ chị vào trong ga ra,” tôi bảo Lu Li. “Khi nghe tôi bấm còi, chị mở cửa ra. Sau khi tôi lùi xe vào, chị đóng ngay cửa lại.”

“OK.” Bà lẳng lặng rời khỏi phòng.

Tôi nhặt túi Ziploc lên, dẫn Rachel qua phòng khách tối om, nơi có cửa sổ rộng trông ra phố. Tôi ném túi Ziploc lên ghế, rồi ngồi trên sofa đối diện cửa sổ đợi taxi đến.

“Taxi cho tôi à?” cô ngồi xuống bên tôi thì thăm hỏi.

“Phải.”

“Nhưng xe tôi còn đậu ở nhà anh.”

“Cô không muốn quay về nhà tôi đâu. Mai cô có thể lấy nếu muốn. Tốt nhất là cô gọi taxi đi làm.”

“Tôi nghe anh nói với Lu Li là mai anh trở lại làm việc.”

“Phải, nếu đêm nay tổng thống không gọi cho tôi.”

“Tại sao? Nếu họ đã giết Fielding, lẽ nào họ sẽ không giết cả anh nữa?”

Câu hỏi của cô làm tôi thích thú một cách trái khoáy. “Nghe cứ như là cô chia sẻ các hoang tưởng của tôi ấy.”

Môi cô mím chặt, và tôi thấy cô đang sợ thật sự.

“Coi nào, nếu họ thật sự muốn giết tôi, thì tôi đã chết rồi. Và nếu họ quyết định giết tôi trước sáng mai thì không gì ngăn được họ. Nhưng tôi nghĩ họ đang vô cùng lo lắng về việc tổng thống sẽ phản ứng như thế nào, nên chưa dám ra tay. Nếu tôi còn sống đến sáng mai thì tôi cũng sẽ đến nơi làm việc cũng an toàn.”

Rachel thở dài và lấy mấy ngón tay xoa thái dương.

“Tôi không biết điều gì sẽ xảy ra,” tôi thăm thì. “Nếu có ai hỏi cô cứ nói đúng sự thật càng nhiều càng tốt. Cô đến nhà tôi vì tôi bỏ mấy lần hẹn khám. Tôi nhận được điện thoại từ vợ một người bạn mới chết hôm nay. Bà ấy không có ai thân thích ở đây, và tôi muốn đến an ủi bà ấy. Chúng ta làm cho bà ấy nguôi ngoai và đi dạo với con chó của bà ấy. Đây là tất cả những điều cô biết.”

Cô dò xét khuôn mặt tôi dưới ánh sáng nhợt nhạt. “Đây không phải điều tôi mong đợi.”

“Tôi biết. Cô thật sự nghĩ rằng tôi bị điên.”

Cô cắn môi, một cử chỉ rất nữ tính. “Tôi đã nghĩ thế. Mặt khác tôi mong là mình lắm. Nhưng bây giờ tôi sợ. Tôi biết về những vấn đề tâm thần. Đây là vấn đề khác hẳn.”

Tôi kéo cô lại gần và nói thăm vào tai cô. “Tôi mong cô hãy quên đi tất cả. Trừ khi có chuyện gì xảy ra với tôi. Khi đó cô hãy nhớ. Nhớ và gào thét lên trời.” Tôi đẩy cô ra và nhìn vào mắt cô. “Tôi sẽ không trở lại phòng khám của cô nữa đâu.”

Cô trừng trừng nhìn tôi như thể tôi vừa nói, “Chúng ta sẽ không bao giờ gặp lại nhau nữa,” mà trong thâm tâm chính tôi cũng cảm thấy thế.

“David...”

“Taxi của cô đến rồi.” Tôi đứng đó, khi ánh đèn pha dừng lại trước cửa ngôi nhà, chú ý xem có đèn taxi trên nóc xe không.

Cô lắc đầu, gần như bất lực.

“Đừng lo,” tôi nói. “Tôi sẽ không sao đâu. Cô đã giúp tôi rất nhiều.”

“Tôi chưa làm được cái gì cho anh cả.”

Tôi kéo cô khỏi khung cửa sổ, rút trong túi ra chiếc máy ghi âm, lấy băng ra đặt vào tay cô. “Nếu cô muốn giúp, đây là cơ hội.” Tôi đã định tiễn cô đi, nhưng lại ngần ngừ. “Còn một việc nữa cô có thể làm.”

“Nói đi.”

Tôi chỉ chiếc túi Ziploc trên ghế. “Liệu ở Duke có ai xét nghiệm được chất bột này một cách an toàn xem có tác nhân lây nhiễm hoặc độc tố không?”

“OK. Ở đó có những người sống bằng nghề này mà.”

Có một cái gối có vỏ bọc trên sofa. Tôi tuột vỏ gối ra, bỏ túi Ziplocs vào trong rồi đưa cho cô.

“Cô phải hết sức cẩn thận với nó.”

“Anh lại dạy khi leo cây rồi.”

Tôi bóp nhẹ tay cô. “Cảm ơn. Thôi nào, đi đi.”

Cô không đi. Cô đứng kiễng chân, hôn nhẹ lên môi tôi. “Cẩn thận, làm ơn thật cẩn thận.”

Tôi chăm chăm nhìn cô bỏ cái vỏ gối vào dưới áo khoác rồi đi ra tiền sảnh. Tôi nghe tiếng cửa trước khép lại nhẹ nhàng. Qua cửa sổ trước, tôi thấy cô đi đến taxi. Chiếc xe đỗ trên lối vào nhà Lu Li, rồi chạy ra quanh lên phía đường Gimghoul.

Tôi ra xe của mình, lùi vào trước cửa ga ra nhà Fielding, bấm còi. Lu Li mở cửa từ bên trong, rồi đóng lại sau lưng tôi.

Bà mở cánh cửa phía khách, đặt chiếc hộp của Fielding lên ghế trước. Tôi vờ qua nó, nắm chặt cổ tay Lu Li, nhìn sâu vào mắt bà.

“Chị nói thật đi, Lu Li. Chị biết họ đang cố chế tạo cái gì ở Trinity phải không?”

Sau vài giây nhìn nhau bà gật đầu.

“Đừng kể chuyện đó với ai,” tôi cảnh báo. “Đừng bao giờ.”

“Tôi là người Trung Quốc, David. Biết gì sẽ đến.”

Trong khoảnh khắc tôi vụt nhớ lại hình ảnh bà đứng đồ bóng trong khung cửa sân sau, mục tiêu sẵn sàng cho một vụ ám sát.

“Đi với tôi,” bỗng tôi nói. “Ngay bây giờ. Chị bế cả con chó vào, rồi chúng ta đi. Tôi sẽ giữ cho chị an toàn.”

Một nụ cười buồn thoáng hiện trên môi bà. “Anh người tốt. Giống Andrew. Đừng lo. Tôi đã tự thu xếp rồi.”

Thu xếp? Tôi không thể hình dung ra đó là gì. Tôi không nghĩ bà có người quen ở Mỹ. “Họ là ai vậy?”

Bà lắc đầu. “Tốt hơn anh không nên biết. Được không? Tôi sẽ ổn thôi.”

Vì lý do nào đó, tôi tin bà. Phát hiện ra rằng Lu Li không vì quá đau buồn mà trở nên bất lực, tôi hỏi thêm bà một câu.

“Trong thư Andy nói với tôi rằng nếu có chuyện gì xảy ra với ông ấy, tôi hãy nhớ đến chiếc đồng hồ bỏ túi. Có gì đặc biệt trong cái đồng hồ đó vậy?”

Lu Li nhìn vào mắt tôi dò xét một lúc lâu. Rồi bằng giọng nói hầu như không thể nghe thấy, bà thì thào, “Không phải đồng hồ. Dây chuyền.”

“Dây chuyền nào?”

“Dây đeo đồng hồ.”

Tôi nhắm mắt nhớ lại hình ảnh chiếc đồng hồ của Fielding. Nó bị xước nhưng là của gia bảo quý giá, và ở đuôi sợi dây xích là một viên pha lê nhỏ có hình dáng như viên kim cương.

“Viên pha lê?” tôi hỏi.

Lu Li mỉm cười. “Anh thông minh đấy. Anh đoán ra rồi.”

Chú Thích:

1. Nghiên cứu và Phát triển (Research&Development).

2. NORAD (North American Aerospace Defense Command): Bộ Tư lệnh Phòng không Bắc Mỹ.

CHƯƠNG 9

Geli vừa đi đi lại lại trong trung tâm điều khiển vừa hét vào ống nói với John Skow. Từ trước đến nay ả chưa bao giờ tỏ ra nóng nảy với gã, nhưng nếu ả không được Godin hậu thuẫn, Skow sẽ tỏ ra ngoan cố đến phát điên lên được.

“Anh có nghe tôi nói một lời nào không đấy? Anh không biết chuyện gì đang xảy ra à?”

Skow trả lời bằng giọng hạ cố, “Điều đó thì cô đã nói với tôi rồi. Bác sĩ Tennant và bác sĩ Weiss đến thăm bà quả phụ đau buồn và đi dạo với con chó nhỏ của bà ta. Bác sĩ Weiss hôn Tennant, rồi về nhà bằng taxi.”

Geli nhắm mắt lại cố nén cơn giận. “Tennant lùi xe vào ga ra và đóng cửa lại trước khi rời khỏi nhà Fielding. Rõ ràng hắn mang theo vật gì đó mà không muốn chúng ta biết.”

“Có thể,” Skow nói, “nhưng theo cô nói thì hắn đang trên đường về nhà. Có vấn đề gì nữa?”

“Chúng ta không nghe thấy cái chết tiệt gì cả! Chúng bịt kín hết những con rệp, như đã làm ở nhà Tennant. Còn Weiss thì để luôn chiếc Saab của cô ta lại nhà Tennant, thay vì đi taxi đến đó lấy về. Tại sao cô ta làm thế? Tennant có lẽ đã lên kế hoạch chạy trốn, hoặc thậm chí công bố bí mật này. Có thể cả hai.”

“Tôi nghĩ cô đang chụp những hoang tưởng của cô lên đầu Tennant đấy.”

“Ritter nghe thấy chúng nói về những tác dụng phụ của MRI.”

“Đó là chuyện vặt. Cô không thể biết điều đó, tất nhiên. Máy siêu MRI là mối quan tâm ưa thích của Tennant về đạo đức, và nó chẳng liên quan gì đến vấn đề trung tâm cả.”

“Nhưng chúng đã nói chuyện mười phút trước đó. Ritter còn cho biết anh ta trông thấy chiếc máy ghi âm.”

Skow thở dài. “Cô muốn tôi xử lý chuyện này thế nào?”

“Khử chúng đi.”

Nhân vật NSA lấy hơi. “Tôi có nghe nhầm không đấy?”

“Anh thừa biết là không. Chúng ta phải giả thiết rằng Weiss đã biết tất cả chi tiết về Trinity và mối nghi ngờ của Tennant về cái chết của Fielding.”

“Bác sĩ Weiss là một công dân không vi phạm pháp luật.”

“Nếu anh không muốn khử chúng thì bắt chúng về thẩm vấn tra tấn.”

Khoảng lặng tiếp theo như kéo dài vô tận. Cuối cùng Skow hỏi, “Cô có cho người theo dõi chiếc taxi chở Weiss không?”

Ritter đang theo dõi Weiss. “Người khá nhất của tôi. Anh ta có thể dễ dàng dàn dựng một vụ tai nạn.”

Giọng Skow rít lên nghe chói tai. “Nghe đây, Geli. Người của cô sẽ theo chiếc taxi về đến nhà bác sĩ Weiss, rồi cắt liên lạc. Không được để cô ta nhìn thấy. Thậm chí không được thở mạnh về phía cô ta.”

“Cái gì?”

“Gọi chó của cô về. Tốp theo dõi Tennant sẽ theo hắn về đến nhà và lập một trạm theo dõi cố định như cách thường làm.”

Geli hầu như không kiểm soát được giọng nói của mình. “An ninh của Dự án bị xâm phạm. Nếu chúng ta cứ để mọi việc tiến triển, chúng ta sẽ mất khả năng kiểm soát tình hình, đây là giả dụ lúc này ta vẫn còn khả năng đó.”

“Cô Bauer, ngày mai tổng thống Mỹ có thể sẽ đòi gặp David Tennant tại Phòng Bầu dục. Cô có

hiều điều đó không? Có thể họ đã nói chuyện với nhau rồi. Bởi vậy cô hãy làm tất cả những gì có thể để bình tĩnh đi. Uống mấy viên an thần. Đi nằm đi! Tôi ghét thô lỗ nhưng đây là bước quyết định. Bây giờ... tôi đang ở cùng gia đình. Đừng quấy rầy tôi nếu không phải là Tennant đã nói chuyện với tổng thống, hoặc hấn bắt ai ngoài đường.”

“Tôi muốn công khai phản đối quyết định này.”

“Tốt, cứ việc.”

“Tôi muốn nói chuyện với Godin.”

“Không thể. Không thể tiếp cận ông ấy vào lúc này.”

“Ông ấy đang ở đâu?”

“Ở Mountain View. Giải quyết khủng hoảng.”

“Bữa trưa nay ông ấy còn ở thành phố mà.”

“Peter không mua trực thăng để vút trong kho.”

Geli nghe tiếng bọn con trai tuổi teen nhà Skow cãi nhau và tiếng ti vi lảm nhảm vô nghĩa. “Tôi e rằng không thể chấp nhận cách tiếp cận tình hình của anh. Tôi không thể lơ là trách nhiệm của mình, vì anh chẳng dám làm gì cần thiết để bảo vệ Trinity cả.”

“Cô mất trí hả? Tối nay tôi đã nói chuyện với Peter hai lần. Tôi biết ông ấy muốn làm gì và không muốn làm gì. Và nếu cô cứ muốn ôm đồm như thế... thì ngay đến bố cô cũng không cứu nổi cô đâu.”

Geli vốn đã không thích Skow, bây giờ thì ả thực sự ghét hấn.

Ả gác máy và trừng trừng nhìn màn hình máy tính, trên đó vẫn hiển thị danh sách các đồ vật riêng tư của Fielding. Thế chớ nào mà trên đời lại có kẻ thích chơi với lửa? Ả muốn đến ngay kho lưu trữ để kiểm tra đối chiếu các đồ vật với bản danh sách, nhưng lúc này ả đã ngán tận cổ chẳng thiết làm gì nữa.

Ở Trinity ả luôn phải làm việc với thông tin không đầy đủ. Điều đó làm ả chán ngán vô tận. Quân đội được rèn luyện nhiều để thích nghi với chuyện này. Anh có thể đứng gác một ngôi nhà trong 24 tiếng mà không biết nó chứa bom hạt nhân hay các thùng đồ lót. Nhưng đến bây giờ đã có quá nhiều việc ả không được biết. Bí mật trong lòng Trinity là kiểm soát mọi người mọi việc quanh nó. Dù sao ả cũng chẳng thể làm gì. Ả muốn nói chuyện với Godin nhưng lại không thể tiếp cận lão.

Đứng trước tình cảnh bế tắc, ả gọi cho Ritter Bock bảo hấn thôi theo dõi Weiss. Gã trai trẻ người Đức lằm lỉ này cần phải quay về trung tâm chỉ huy. Skow ra lệnh cho ả bình tĩnh lại, Geli biết chỉ có một cách để làm điều đó. Lúc này ả cần tuân lệnh hơn là ra lệnh.

CHƯƠNG 10

Giấc ngủ không mộng mị vụt tan trong tiếng mạch đập thành thịch và ký ức về Fielding nằm chết trong phòng làm việc của ông. Ánh nắng lọt qua khe rèm cửa sổ. Tôi đã sống sót qua đêm nhưng vẫn luôn tay xuống gối tìm khẩu 38 ly. Chỉ sau đó tôi mới đưa tay đập lên đầu đồng hồ báo thức, đập tiếng chuông.

Suốt đêm điện thoại không réo chuông, vậy là tổng thống đã không tìm tôi. Tôi kiểm tra hộp thư thoại phòng trường hợp ngủ quên không nghe thấy, nhưng chẳng có tin nhắn nào cả. Có không nghĩ gì lôi thôi nữa, tôi bấm số gọi Lu Li Fielding. Tiếng máy trả lời. Giọng Fielding vẫn vang lên trong hộp thoại, đầy hài hước. Hy vọng lúc này Lu Li đã cách xa Chapel Hill hàng trăm cây số, tôi bỏ máy, cầm súng vào trong buồng tắm, khóa cửa lại sau lưng.

Tôi cạo râu thật nhanh. Một chiếc xe do thám đã đậu gần nhà tôi đêm qua lúc tôi từ nhà Fielding về. Nó vội lui đi khi tôi đến gần. Sau khi bỏ mấy món đồ nhay cảm trong cốp xe ra, tôi gọi cho Rachel để biết chắc cô đã về nhà. Tôi nằm yên không ngủ trong khoảng hai tiếng, lắng nghe xem có tiếng động nào khả nghi, đầu óc nghĩ đến chiếc đồng hồ bỏ túi của Fielding. Vỏ bằng vàng xịn, đã mòn vì cọ xát nhiều, một mặt số bằng chữ số La Mã đã ngả vàng. Không phải đồng hồ, Lu Li bảo thế. Dây chuyền. Có lần tôi đã hỏi Fielding về viên pha lê trên dây đồng hồ. Ông kể rằng một vị đạo sư Tây Tạng đã tặng nó cho ông ở gần Lhasa, nó giúp cho trí nhớ không bị phai mờ. Ông cười ha hả khi kể chuyện đó, nhưng khi ấy tôi không hiểu ý vị của câu chuyện vui. Bây giờ tôi mới hiểu.

Một công nghệ vi tính mới do Trinity hoàn thiện là bộ nhớ lưu trữ hình ảnh không gian ba chiều. Thay vì lưu dữ liệu vào mấy con chip tí xiu, các kỹ sư của Trinity đã lưu chúng dưới dạng hình ảnh ba chiều trong phân tử của những tinh thể ổn định. Dùng laser để đọc chép dữ liệu, họ đã lưu được những lượng thông tin cực lớn trong các nguyên tử bố trí đối xứng của pha lê. Những viên pha lê tôi đã thấy ở phòng thí nghiệm hình ảnh ba chiều của Trinity có kích thước một quả bóng bầu dục, nhưng không có lý gì những viên pha lê nhỏ hơn không thể sử dụng được. Như cái viên pha lê trên dây đeo đồng hồ của Fielding.

Bằng cách nào đó, ông bạn người Anh này đã tải được các dữ liệu của Trinity vào viên pha lê trên dây đồng hồ. Và bởi vì không có kỹ sư hoặc nhà khoa học nào ngoài những thành viên cơ mật của Trinity biết về khả năng này, nên Fielding đã mang nó ra vào phòng thí nghiệm mà chẳng may bị nghi ngờ.

Nhưng tại sao ông lại ăn cắp thông tin? Để bán cho kẻ trả giá cao nhất ư? Fielding là người truyền thống. Cho dù ông có bị tung quần về tiền bạc đi nữa, thì tôi cũng không bao giờ nghi ngờ ông có dính líu đến hoạt động gián điệp. Hay là ông ôm ấp một tư tưởng bí mật nào đó? Hay từ bỏ một tư tưởng? Hay ông là nhà khoa học với tư tưởng chính trị non nớt tin rằng mọi dân tộc nên được chia sẻ quyền tiếp cận những phát minh khoa học mới nhất? Có thể lắm. Nhưng tôi không nghĩ ông muốn một nước hiệu chiến nào đó lại có một vũ khí mạnh như máy tính Trinity. Nghe Fielding nói, có thể thấy ông không muốn bất kỳ một nước nào có nó.

Phải vậy không? Ông chẳng đã làm hết sức mình để ngăn không cho Trinity trở thành hiện thực đó sao? Kịch bản này có vẻ hợp lý nhất, nhưng tôi không đủ thông tin để đoán chắc. Và nếu không có chiếc đồng hồ ấy tôi không thể chứng minh được điều gì.

Tôi tắm dưới vòi hoa sen nóng rẫy, rồi mặc một chiếc quần cotton cứng và áo khoác thể thao, rảo bước ra xe, cố không nghĩ nhiều về những việc sắp làm. Mục đích đầu tiên của việc trở lại Trinity là để tìm chiếc đồng hồ của Fielding, nhưng sự thật là tôi không thể làm gì khác hơn. Ở lì trong nhà chỉ tổ

kéo bọn theo dõi của NSA đến gần hơn, còn bỏ trốn - như tôi hy vọng Lu Li đã làm - sẽ khiến cho cả cơ quan chống lại tôi, nhưng nếu cứ duy trì được cái ảo tưởng là mọi chuyện vẫn bình thường - cho đến lúc tổng thống trở về - là tôi có thể trả thù cho cái chết của Fielding.

Trong những ngày giao thông thuận lợi, đi từ nhà tôi ở khu ngoại ô Chapel Hill đến tổ hợp Trinity mất độ hai mươi phút. Công viên Tam giác Nghiên cứu, nơi ẩn náu gọn ghẽ của tập đoàn nghiên cứu khoa học, ở địa phương được gọi là RTP, nằm giữa Raleigh và Durham, tên được đặt theo tam giác hình thành bởi trường y của Đại học Duke, UNC ở Chapel Hill và bang Bắc Carolina. Những con đường lặng lẽ xuyên qua những bãi cỏ rộng mênh mông gợi nghĩ đến một câu lạc bộ thể thao ngoài trời thượng lưu nào đó, nhưng thay vì những sân golf, khu vực các phòng thí nghiệm RTP rộng gần ba nghìn ha này thuộc quyền sở hữu của các hãng DuPont, 3M, Merck, Biogen, Lockheed và hàng chục công ty danh tiếng khác. Hằng ngày có đến bốn mươi lăm nghìn người làm việc phía trong hàng rào, nhưng chưa đến ba trăm người biết những gì xảy ra sau các bức tường của tòa nhà Trinity. Tôi lái chậm chậm, ao ước một cách trẻ con rằng giá cứ đi mà sẽ không bao giờ đến.

Cách phòng thí nghiệm Trinity hai trăm mét có một tấm biển khiêm nhường ghi hàng chữ ARGUS OPTICAL. Một tòa nhà năm tầng bằng thép và kính đen trong khu vực cấm, nằm trong khu rừng hai tư héc ta, có tầng hầm rộng và sân bay trực thăng. Kết cấu thép và kính chẳng qua chỉ là cái vỏ để trưng bày ngoài. Phía sau đó, lớp vỏ bằng đồng công nghệ cao có tên mã hóa là Tempest bao bọc tòa nhà bên trong, ngăn ngừa bức xạ điện từ ra hoặc vào Trinity. Chất liệu đó cũng được dùng để bảo vệ các tòa nhà điều hành của NSA ở căn cứ quân sự Meade.

Vì tòa nhà nằm trên một mảnh đất trũng hình lòng chảo nên hai tầng đầu bị khuất tầm mắt. Cửa vào chính nằm trên tầng ba. Để vào được đó, nhân viên phải đi qua một lối đi hẹp có mái che dài bốn mươi mét. Bên trong chiếc cổng vòm kiên cố ở cuối lối đi ấy, họ đụng phải một hành lang hẹp có một sĩ quan an ninh canh gác, và phải dàn hàng trước các máy dò kim loại, máy dò bom mìn, máy dò huỳnh quang tinh nhạy. Muốn vào, phải có thẻ căn cước dán ảnh, phải quét dấu vân tay, các túi bọc mang theo phải được kiểm soát.

Một lính gác bấm mở cửa, qua một lối đi có mái vòm, tôi đi thẳng tới bàn kiểm tra an ninh, nét mặt không để lộ chút lo lắng nào.

“Chào bác sĩ,” người lính gác tuổi trung niên tên là Henry chào tôi.

Đôi khi tôi nghĩ Henry được thuê qua một trung tâm tuyển lựa. Tất cả nhân viên an ninh khác đều là những cô cậu cao gầy, tuổi chưa đến ba mươi, mặt mũi nhẵn nhụi, mắt cú vọ và không có chút mỡ thừa. Chỉ Henry, người gác cổng, là chào hỏi mọi người.

“Chào bác Henry,” tôi đáp.

“Có cuộc họp trên phòng hội nghị lúc chín giờ.”

“Cám ơn.”

“Anh còn bốn phút nữa.”

Tôi liếc đồng hồ, gật đầu.

“Vẫn chưa kết thúc vụ giáo sư Fielding,” Henry nói. “Họ nói ông ấy chết trước khi xe cứu thương đến đây.”

Tôi thở thản trọng. Cuộc trao đổi này đang được các camera bí mật ghi lại. “Đôi khi chuyện đó xảy ra với trường hợp đột quy.”

“Không phải là một cách ra đi tồi. Thật chóng vánh, ý tôi muốn nói thế.”

Tôi cố nặn ra một nụ cười, rồi áp ngón trỏ phải lên một máy quét nhỏ. Sau tiếng bíp của máy báo hiệu nhận dạng trùng khớp, tôi đi qua dây thiết bị phát hiện vũ khí, vào cầu thang lên tầng năm, nơi có các văn phòng hành chính và phòng hội họp.

Một dải dây vàng của cảnh sát chằng quanh cửa phòng đóng kín của Fielding. Ai đã chẳng nó ở

đây? Chắc chắn là NSA không cho phép cảnh sát địa phương hoặc cảnh sát bang đi vào khu vực này. Liếc ngang dọc hành lang vắng bóng người, tôi vội xoay thử tay nắm cửa. Khóa. Và không phải loại khóa nhẹ thường mua ở cửa hàng ngũ kim. Nếu chiếc đồng hồ bỏ túi của Fielding ở bên trong phòng làm việc của ông thì tôi không thể nào lấy được.

Tôi bước tiếp qua mấy cánh cửa tới phòng làm việc của mình, đóng cửa lại, rồi ngồi xuống trước máy tính gốc. Một bộ phận của mạng nội bộ chỉ dành cho các nhà khoa học Trinity, không kết nối với thế giới bên ngoài. Để truy cập Internet, tôi phải dùng một máy tính thứ hai không có cổng và ổ đĩa nào mà qua đó các file có thể từ Trinity truy xuất ra ngoài.

Màn hình máy gốc của tôi hiện lên e-mail nội bộ: lời nhắc về một cuộc họp được bố trí tại phòng hội nghị sau hai phút nữa. Tôi rùng mình ớn lạnh nhận ra mình đang phần nào mong chờ sẽ đọc được một e-mail hài hước của Fielding. Ông hay gửi cho tôi mấy mẫu chuyện cười hay trích dẫn mỉa mai từ các nhà khoa học hoặc triết học đã chết: Các nhà khoa học trên sáu mươi tuổi làm nhiều chuyện có hại hơn là có lợi! - T.H. Huxley - đại loại thế. Nhưng hôm nay không có tin nhắn nào. Và vĩnh viễn không bao giờ còn nữa. Tôi nhìn quanh phòng với ánh mắt trống rỗng. Fielding đi rồi, và tôi hoàn toàn mất phương hướng. Chúng tôi đã cùng nhau hãm Trinity lại trong sáu tuần lễ căng thẳng, làm cho các đồng nghiệp tức giận khi chúng tôi cố gắng vô vọng tìm nguyên nhân gây ra tác dụng ngoại ý của MRI lên sáu nhân vật chủ chốt của Trinity. Cho đến hôm nay vấn đề đó vẫn còn nguyên chưa được giải quyết.

Không phải là tôi tự nguyện cho máy siêu MRI quét qua vì không biết gì. Lý thuyết rất đơn giản: vì loài Homo sapiens vốn tiến hóa trong từ trường trái đất thì năng lượng từ trường của một máy MRI chẳng thể gây nguy hiểm cho sức khỏe của nó. Điều này đã được chứng minh qua vô số lần sử dụng máy MRI thông thường, tạo ra từ trường mạnh gấp ba mươi ngàn lần từ trường trái đất. Nhưng máy Siêu MRI do Trinity phát minh - sử dụng vật liệu siêu dẫn và những nam châm khổng lồ - tạo ra một từ trường lớn hơn từ trường trái đất tám trăm ngàn lần. Những tác dụng phụ khó chịu như làm nóng mô đã được giải quyết tốt trong các thí nghiệm ở động vật, nhưng trong nhiều ngày sau khi tiến hành “siêu chụp”, tất cả chúng tôi đã trải qua những triệu chứng rối loạn thần kinh.

Jutta Klein, người thiết kế máy Siêu MRI, bị mất trí nhớ ngắn hạn. Ravi Nara chịu sức ép kinh khủng của các xung động tình dục (y đã bị bắt gặp nhiều lần đang thủ dâm trong phòng làm việc hay trong toilet). John Skow bị chứng run tay, còn bản thân Godin thì bị động kinh. Fielding, thật ngạc nhiên, bị hội chứng Tourette và thường xuyên buột ra những câu chữ không thích hợp. Còn tôi thì bị chứng ngủ rũ.

Vì Ravi Nara, nhà thần kinh học đoạt giải Nobel của chúng tôi, không thể tìm thấy cách giải thích nào về mặt y học cho những triệu chứng hỗn loạn đột ngột này, nên toàn bộ các cuộc chụp Siêu MRI được tạm ngưng. Công việc trên máy tính Trinity vẫn tiếp tục, nhưng máy Siêu MRI đã được đưa ra khỏi dây chuyền, các kỹ sư của Godin chỉ có sáu bản chụp nguyên gốc để khảo sát và không ai biết như vậy có đủ làm nên một bước nhảy vọt trong máy tính mẫu hay không. Nara thất bại rồi, Fielding bắt đầu điều tra những tác dụng ngoại ý này trong thời gian rảnh rỗi. Sáu tháng sau, ông đề xuất rằng những tác dụng ấy là do các quá trình lượng tử trong não chúng tôi bị phá vỡ gây nên - và hỗ trợ cho lý thuyết của mình bằng hai mươi trang giấy dày đặc các phép toán phức tạp. Nara cãi rằng không có gì trong lịch sử thần kinh học chứng tỏ rằng não người diễn ra các quá trình lượng tử. Chỉ có vài nhà vật lý - trong đó có Roger Penrose - ủng hộ lý thuyết “tân kỳ” của nhận thức này, tuy vậy Fielding vẫn lao như điên vào công việc để chứng minh lý thuyết của mình là đúng.

Peter Godin lúc đầu ủng hộ Fielding, nhưng chẳng bao lâu sau lão lại cho tiếp tục thí nghiệm MRI trên loài linh trưởng. Tinh tinh và vượn không có biểu hiện bị tác dụng phụ. Fielding lập luận rằng các giống vượn không có ý thức như con người, vậy nên trong não chúng không có các quá trình lượng tử để bị phá vỡ. Godin phớt lờ. Lúc đó tôi báo cáo những hoài nghi của Fielding cho tổng thống, và ông

đã chính thức ra lệnh đình hoãn dự án, cho đến khi có một cuộc nghiên cứu thấu đáo về các tác dụng ngoại ý.

Đó là chuyện cách đây sáu tuần. Từ đó đến nay, Fielding và tôi đã làm việc hầu như suốt ngày đêm để chứng minh lý thuyết về sự phá vỡ các quá trình lượng tử của ông. Tôi cảm thấy mình như một người phụ việc cho Einstein, gọt bút chì và ghi chép các nhận xét trong khi thiên tài làm việc bên cạnh. Tuy nhiên, dù cực kỳ thông minh, Fielding vẫn chưa chứng minh được lý thuyết của ông. Còn quá nhiều điều chưa biết về bộ não. Bây giờ ông chết khi chưa chứng minh được mối liên hệ giữa MRI và những tác dụng ngoại ý, tôi không thể hy vọng chặn lại cơn triều của ý chí tập thể đòi tiếp tục dự án. Không có bằng chứng về tác hại, Trinity lại tiếp tục.

Trận chiến sẽ bắt đầu ngay trong vài phút, sau mấy lời trông rỗng tỏ lòng tiếc thương Fielding “ra đi đột ngột”. Tôi bước đến trước cửa phòng họp, mồ hôi rịn ra trên mặt.

Phòng họp trống rỗng.

Tôi chưa bao giờ đến đầu tiên ở bất kỳ cuộc họp nào. Những người chủ chốt khác buộc phải đến đúng giờ. Tôi rót cà phê từ bình trên tủ buffet ra, ngồi vào góc bàn phía xa và cố giữ bình tĩnh.

Mọi người đi đâu tiết cả thế này? Đang quan sát tôi từ phòng an ninh chẳng? Họ giấu camera ở đâu? Đằng sau một bức tranh? Phía bên phải tôi treo một bức ảnh đen trắng hiếm có, chụp các nhà vật lý chủ đạo của Dự án Manhattan: Oppenheimer, Szilard, Fermi, Wigner, Edward Teller. Họ đứng thành một nhóm thân ái trước dãy núi Oscura ở New Mexico, những người khổng lồ của khoa học ấy, sau này mỗi người đi theo một số phận tiền định là nổi danh hay ô nhục, tùy theo quan điểm của họ. Một vài người, như Teller hiều chiến, đã vươn lên trong vinh quang rực rỡ, những người khác thì không được may mắn như vậy. Oppy bị bọn người ti tiện tước mất giấy phép an ninh mà ông cần để làm việc, và sống như một cái bóng của cuộc đời ông đã từng sống. Nhưng năm 1944 họ cùng nhau đứng đó, trong những bộ âu phục sẫm màu giữa cát trắng sa mạc. Họ chăm chăm nhìn qua bàn hội nghị của Trinity như những vị thánh bảo hộ, ánh mắt biểu lộ sự kết hợp bí hiểm của hài hước, khiêm nhường và trí tuệ khó sánh. Trinity chỉ có duy nhất một nhà bác học có được những phẩm chất ấy, nhưng ông đã chết hôm qua trên sàn phòng làm việc của mình.

Nhiều giọng nói từ hành lang vọng vào phòng hội nghị. Tôi ngồi thẳng người trên ghế khi các đồng nghiệp bắt đầu thùng thình bước vào, cố làm ra vẻ tự nhiên. Tôi cảm thấy họ vừa mới rời khỏi một cuộc họp riêng mà chủ đề duy nhất là “xử lý” tôi.

Người đầu tiên là Jutta Klein, người phụ nữ duy nhất trong tập thể khoa học này. Vốn là trưởng nhóm nghiên cứu của tập đoàn Siemens ở Đức, bà Klein tóc hoa râm - cũng đoạt giải Nobel vật lý - đã được Trinity mượn trong suốt thời gian dự án. Với sự trợ giúp của Fielding và một nhóm kỹ sư đến từ General Electric, bà đã thiết kế, chế tạo ra máy Siêu MRI thế hệ bốn. Hiện giờ bà giám sát hoạt động của con vật khổng lồ đồng bóng này.

“Guten Morgen(1), ” bà chào tôi một cách khô khan rồi ngồi vào bên phải tôi, khuôn mặt nghiêm nghị không thể hiện cảm xúc gì.

“Morgen,” tôi đáp lời.

Ravi Nara vào phòng ngay sau Klein. Y ngồi cách tôi ba ghế, nhấn mạnh khoảng cách trong quan hệ giữa chúng tôi gần đây. Nhà tâm thần học trẻ tuổi người Ấn này cầm một chiếc bánh rán vòng phủ sô cô la trong bàn tay nâu sạm, nhưng bàn tay phải của y thò ra từ khuôn bó bột. Tôi cố nín cười. Cách đây bốn hôm, y mang một ca cà phê pha kim loại vào phòng máy Siêu MRI và đặt lên quầy. Khi Klein mở máy để thí nghiệm trên một con tinh tinh, chiếc ca bỗng bay vọt qua phòng, văng vào tay Nara khiến tay y đập vào máy làm giập khớp xương trụ. Klein bảo rằng y nên tự coi là đã gặp may. Có lần trong khi Siêu MRI làm việc, một kỹ thuật viên mượn của Siemens đã chết do máy xúc kim loại EKG hất cô vào máy và nghiền vỡ sọ cô.

“Chào David.”

Tôi ngẩng lên thấy John Skow tươm tất trong bộ cánh hiệu Brooks Brothers ngồi vào chiếc ghế đầu bàn. Là Phó Giám đốc NSA, có thể nói Skow là người có thẩm quyền cao nhất về chiến tranh thông tin, và là giám đốc danh nghĩa của Dự án Trinity. Nhưng chính Peter Godin mới là người quyết định đường đi nước bước của Trinity. Quan hệ giữa Godin và Skow chẳng khác gì quan hệ giữa Tướng Leslie Groves và Robert Oppenheimer ở Los Alamos. Groves là một nhà chỉ huy lạnh lùng, nhưng nếu không có sự hợp tác của Oppenheimer thì ông ta không thể nào có được bom nguyên tử. Như vậy, quyền năng tối thượng nằm trong tay nhà khoa học dân sự, chứ không phải giới quân sự.

“Chào Skow,” tôi nói, thậm chí không cả mỉm cười.

“Ngày hôm qua thật là một đòn khủng khiếp với tất cả chúng ta,” gã ngân nga cái giọng Boston quý tộc của mình, đôi môi mỏng chỉ hơi mấp máy. “Đặc biệt là với anh, David ạ.”

Tôi cố tìm vẻ đau thương chân thành trong giọng nói của gã. Nhân vật NSA này là một tay quan liêu sành sỏi, nên sự chân thành của gã thật khó mà đo đếm được.

“Peter sẽ đến đây ngay trong vài phút nữa,” gã nói. “Tôi nghĩ từ nay trở đi ông ấy sẽ là người đến trễ nhất.”

Tôi cười thầm. Hồi trước, Fielding luôn là người đến cuối cùng những khi ông chán họp hành. Những hôm ông vắng mặt không lý do, tôi là người được phái đi tìm ông. Tôi thường thấy ông đang vui đầu vào đồng phương trình trong phòng làm việc của mình.

Một tiếng chữi thè khê lọt qua cánh cửa mở, báo hiệu Godin đến. Nhà bác học dẫn dắt Trinity bị chứng thấp khớp hành hạ, đôi khi chỉ đi bộ thôi đã là một cực hình đối với lão. Ở tuổi bảy mươi mốt, Godin là nhà bác học hàng đầu của dự án này. Khi lão ra đời, máy điện toán dùng đèn chân không còn chưa xuất hiện, thế mà qua bốn chục năm, “ông già” của dự án Trinity đã đẩy máy điện toán kỹ thuật số đi xa hơn và nhanh hơn bất kỳ một nhà bác học mê mụ đèn tia âm cực nào từng trượt ván ra khỏi thung lũng Silicon.

Giống như Seymour Cray - cha đẻ của siêu máy tính - Godin đã từng là một trong kỹ sư đầu tiên thuộc Hệ thống Kiểm soát Dữ liệu vào đầu những năm 1950. Năm 1957, lão cùng với Seymour rời bỏ công ty này để giúp thành lập Viện Nghiên cứu Cray. Godin là thành viên nhóm nghiên cứu tạo ra 6660 và Cray 1 nổi tiếng, nhưng khi Cray 1 không còn kiểm soát nổi sự bành trướng quá nhanh của Cray 2, Godin quyết định đã đến lúc bước ra khỏi cái bóng ông thầy của mình. Lão đến gặp hết chủ nhà băng này đến chủ nhà băng khác, vay được sáu tỷ đô la, và sáu mươi ngày sau bắt đầu khai trương Siêu máy tính Godin ở Mountain View, California. Trong khi Cray vật lộn để thực hiện cuộc cách mạng Cray 2, thì Godin cùng với nhóm nhỏ của mình sáng chế ra chiếc máy bốn bộ vi xử lý thanh nhả và tin cậy, bằng cách nâng tốc độ lên gấp sáu lần, nó đã làm cho Cray 1 mất ưu thế hàng đầu. Tuy chưa phải là một tiến bộ có tính cách mạng, nhưng đã có một phòng thí nghiệm vũ khí của chính phủ đề nghị mua nó. Với tám tỷ đô la mỗi chiếc máy bán ra, Godin đã nhanh chóng trả hết nợ và bắt tay vào thiết kế chiếc siêu máy tính mơ ước của mình.

Chạy đua với các cơ quan chính phủ và với bản thân Seymour Cray, Godin đã có chỗ đứng trong thị trường siêu máy tính, và lão không bao giờ ngoài lại. Khi sự kết thúc chiến tranh lạnh gần như đã quét sạch các cơ hội làm ăn của siêu máy tính, Godin chuyển sang công nghệ xử lý đồng thời, và vào giữa những năm chín mươi, các máy tính của lão đã chiếm ưu thế hoặc hắt cẳng máy của Cray ở NORAD, NSA, Lầu Năm Góc, Los Alamos, Lawrence Livermore và các căn cứ tên lửa trên hầu khắp đất nước. Thời cơ đến, Godin vừa là người tiên phong vừa là người nổi gót, nhưng lão là người đầu tiên trụ lại được.

Mọi người ngược nhìn lên khi lão già bước vào phòng họp, còn tôi thì gần như đứng hẩn lên. Khi tôi mới đến đây hai năm trước, Godin trông còn trẻ hơn cả Fielding, lúc đó mới sáu mốt tuổi. Thế mà

hai năm dẫn dắt Trinity đã làm Godin già đi kinh khủng. Mặt lão có lúc trông phỉ ra như bệnh ung thư dùng steroid. Lúc khác, nó lại quắt lại như những hốc xương, tóc thì gần như rụng hết. Hôm nay trông lão có vẻ như sắp sụp xuống trước khi đến được bên bàn. Lão đã từng nói với tôi rằng trong những lúc sáng tạo căng thẳng, cơ thể lão luôn chịu sự biến đổi về vật lý. Godin thường xuyên làm việc không nghỉ năm sáu mươi giờ liền, và mặc dù biết làm thế sẽ lấy đi của lão nhiều năm tuổi thọ, lão cho rằng đó là cái giá công bằng phải trả cho những gì lão đạt được khi còn đứng trên mặt đất này.

Đôi mắt màu xanh nhạt của lão lướt qua phòng một lượt, dừng lại nơi tôi lâu hơn những người khác. Sau đó lão gật đầu chào tất cả mọi người rồi ngồi vào chiếc ghế trống bên cạnh Skow.

“Vâng, giờ tất cả chúng ta đã có mặt cả đây,” Skow nói với vẻ trang trọng như đang hành lễ, “Tôi sẽ rất thiếu sót nếu cứ bắt đầu cuộc họp mà không có đôi lời về tổn thất kinh hoàng mà chúng ta - và dự án này - đã phải chịu ngày hôm qua. Sau khi cuộc giải phẫu tử thi hoàn tất, chuyên gia nghiên cứu bệnh học khẳng định rằng tiến sĩ Fielding chết do xuất huyết não. Ông...”

“Chuyên gia nghiên cứu bệnh học ư?” tôi cắt ngang. “Cán bộ pháp y nhà nước à?”

Skow nhìn tôi vẻ nhần nhịn. “David, anh biết rằng chúng ta không ở trong tình trạng an ninh thông thường. Chúng ta không thể để chính quyền địa phương dính vào. Nguyên nhân tử vong của tiến sĩ Fielding được chứng thực bởi một chuyên gia nghiên cứu bệnh học của NSA ở căn cứ quân sự Meade.”

“NSA có chuyên gia nghiên cứu bệnh học?” Tôi hiểu tại sao cơ quan cần bác sĩ tâm thần. Bẻ mã khóa là một nghề cực kỳ căng thẳng. Nhưng tại sao cần nhà nghiên cứu bệnh học?

“Cơ quan đã nhận được ý kiến bổ sung đầy đủ của các chuyên gia y khoa,” Skow nói như hướng dẫn viên của nhà nước. “Một số được thuê trực tiếp, một số là các bác sĩ chuyên khoa được đánh giá kỹ càng.” Gã liếc nhìn Godin, lão này đang nhắm tịt mắt. “Anh nghi ngờ về nguyên nhân tử vong của Fielding phải không?”

Đến lúc quyết đấu đây. Găng tay đã ném ra bàn rồi.

“Xét cho cùng,” Skow nói bằng giọng hạ cố, “anh cũng là một bác sĩ nội khoa có kinh nghiệm. Phải chăng anh thấy có gì mâu thuẫn trong ca đột quy này?”

Tôi cảm thấy không khí căng thẳng. Mọi người đang chờ tôi nói, đặc biệt là Ravi Nara, người đã chẩn đoán là Fielding chết do đột quy.

“Không,” cuối cùng tôi nói. “Ravi bảo anh ấy thấy hiện tượng liệt, cầm khẩu, dẫn đồng tử ngay trước khi chết. Các dấu hiệu ấy phù hợp với đột quy. Có điều... thông thường, nó phải kéo dài đôi chút trước khi chết. Sự đột ngột khiến tôi ngạc nhiên.”

Chẳng khác gì không khí thoát ra khỏi một quả bóng. Những đôi vai chùng xuống nhẹ nhõm, bàn tọa xê dịch, những ngón tay bắt đầu gõ nhịp trên bàn.

“Ừm, tất nhiên,” Skow nói vẻ rộng lượng. “Điều đó cũng làm tất cả chúng tôi ngạc nhiên. Và Andrew, rõ ràng là, không thể thay thế.”

Tôi muốn bóp cổ Skow. Chính gã đã muốn thay thế Fielding từ sáu tháng nay, nhưng không một ai có đủ khả năng như nhà bác học người Anh này để mà thay thế.

“Và để chứng minh tôi nói hoàn toàn nghiêm túc,” Skow nói, “chúng ta sẽ không tìm người thay thế ông.”

Chỉ Jutta Klein có vẻ bị sốc giống tôi. Fielding biết về dự án Trinity rõ hơn bất cứ ai trừ Godin. Ông đã đưa chúng tôi qua bao phen bế tắc. Những vấn đề làm cho các kỹ sư phần mềm cũng như kỹ sư vật liệu phải bí hàng tuần lễ thì đối với ông người Anh lập dị này chỉ như những câu đố vui, đôi khi được giải quyết trong mười lăm phút. Về mặt này, Fielding là người hoàn toàn không ai thay thế được. Nhưng khía cạnh lượng tử của Dự án Trinity thì không thể bỏ qua. Đối với tôi, vật lý lượng tử cũng náo nức như giả kim thuật - thứ giả kim có lợi - và nếu cứ tiến hành mà không có ai đủ trình độ giải quyết

các vấn đề như hiện tượng liên đới lượng tử và hiệu ứng cơ học lượng tử không mong muốn, thì đúng là điên rồ.

“Nhưng các anh định làm gì với những tác dụng ngoại ý của MRI mà chúng ta đang nghiên cứu?” tôi hỏi. “Như các anh đã biết, Fielding tin rằng đó là do tình trạng rối loạn lượng tử trong não.”

“Vớ vẩn,” Nara phản pháo. “Không có bằng chứng về bất kỳ quá trình lượng tử nào trong não người. Không có, và sẽ không bao giờ có!”

“Bác sĩ Nara,” Skow lên tiếng.

Tôi khinh bỉ nhìn nhà thần kinh học. “Khi ở trong phòng với Fielding, anh đâu có chắc chắn bằng một nửa thế.”

Nara im bặt, hằm hằm nhìn tôi.

Skow ban cho tôi một nụ cười nhẵn nhụi. “David, cả Peter và tôi đều coi anh và Ravi hoàn toàn đủ khả năng tiếp tục khám phá ra những vấn đề y học bất thường. Đưa thêm một bác sĩ mới nữa vào đây lúc này chỉ khiến tình hình an ninh thêm rủi ro một cách không cần thiết.”

Tôi không muốn tranh cãi chuyện này. Tôi cần dành sức để làm việc với tổng thống. “Liệu thi hài Fielding và các vật dụng cá nhân của ông có được gửi về cho bà quả phụ không?”

Skow hắng giọng. “Hình như chúng ta không thể tiếp xúc với bà Fielding. Do đó di hài của Andrew sẽ được hỏa thiêu theo di chúc của ông.”

Cùng với tất cả bằng chứng của vụ giết người. Tôi cố giữ nét mặt bình thản. Như vậy là Lu Li đã trốn thoát rồi. Mặt khác... liệu họ có nói giọng đó không nếu họ đã bắt được hoặc giết bà ấy?

Godin khẽ chạm vào cổ tay Skow.

“Ông muốn bổ sung thêm điều gì phải không, Peter?” Skow hỏi.

Godin đưa tay xoa đỉnh đầu đã hói gần hết dưới ánh đèn phản quang. Lão ngồi bất động như Phật đang tọa thiền, chỉ thấy đôi mắt xanh chuyển động. Lão ít nói, nhưng mỗi khi cất lời là cả thiên hạ lắng nghe.

“Bây giờ không phải lúc nói những chuyện vụn vặt đó,” lão nói. “Hôm qua chúng ta đã mất đi một con người vĩ đại. Andrew Fielding và tôi không nhất trí với nhau về rất nhiều vấn đề, nhưng tôi tôn trọng ông hơn bất cứ ai tôi đã từng cộng tác.”

Tôi không giấu nổi ngạc nhiên. Mọi người rướn mình lên như muốn nuốt từng lời. Đôi mắt xanh thôi miên lia một vòng quanh căn phòng. Godin tiếp tục. Giọng lão mềm mỏng nhưng vẫn trầm sâu và mạnh mẽ.

“Từ buổi bình minh của lịch sử, chiến tranh bao giờ cũng là động lực của khoa học. Nếu có mặt hôm nay, Fielding ắt sẽ cãi lại tôi. Ông sẽ nói rằng chính bản năng ham hiểu biết của loài người đã thúc đẩy khoa học tiến lên. Nhưng đó chỉ là suy nghĩ ao ước mà thôi. Chính xung đột của loài người đã tạo nên những bước nhảy vọt vĩ đại trong công nghệ. Một thực tế đáng tiếc, nhưng là thực tế mà ai có đầu óc đều phải nhận thấy. Chúng ta sống trong thế giới sự kiện, không phải thế giới triết học. Các nhà triết học đặt ra những câu hỏi về thực tại của vũ trụ rồi tỏ vẻ ngỡ ngàng khi chúng ta đá họ bằng mũi giày và hỏi xem họ có cảm thấy cái thực tại đó không.”

Nara cười khẩy, nhưng ánh mắt quắc lên của Godin làm y tiu ngịu ngay.

“Andy Fielding không phải loại người đó.” Godin gật đầu với tấm ảnh đen trắng treo trên tường. “Giống như Robert Oppenheimer, Andy là một huyền thoại. Nhưng về bản chất, Andy là một nhà lý thuyết thiên tài có khuynh hướng thực hành lớn.”

Godin vuốt món tóc bạc ra sau vành tai, nhìn khắp bàn. “Việc vũ khí hóa khoa học là bước đi đầu tiên không tránh khỏi đã cuốn biết bao tài năng thời bình vào guồng của nó. Nỗ lực chế tạo bom đầy phi thường của Oppenheimer đã chấm dứt Thế chiến II và mang lại cho thế giới năng lượng hạt nhân an toàn. Chúng ta ngồi đây - năm người còn lại chúng ta - đang đối mặt với một nhiệm vụ không nhẹ

hơn chút nào. Chúng ta không cố gắng chiếm lĩnh bộ não của Chúa, như Fielding từng nói. Chúa chỉ là một bộ phận của não người, một cơ chế sao chép tiến hóa được tạo ra để giúp chúng ta chịu đựng được ý nghĩ về cái chết của chính mình. Khi cuối cùng chúng ta tải được mẫu thần kinh đầu tiên vào máy mẫu và có thể giao tiếp với nó, chúng ta sẽ làm việc với bộ phận đó của não, tương tự như các phần còn lại. Nói theo lối nhân cách hóa thì chúng ta sẽ phải làm việc với Ngài. Nhưng Thượng đế, tôi nói trước, sẽ chỉ phiền toái như bất kỳ vết tích nào của não. Bởi vì sự hoàn thiện của Trinity sẽ khiến cơ chế copy đặc biệt này trở nên không cần thiết. Công việc của chúng ta sẽ kết liễu sự ngự trị của cái chết đối với loài người. Và chắc chắn rằng không có một mục tiêu nào cao quý hơn thế.”

Godin đặt đôi bàn tay cong vẹo lên bàn. “Nhưng hôm nay... hôm nay chúng ta thương tiếc một con người có niềm tin can đảm. Trong khi chúng ta, do sự cần thiết nghiệt ngã, phải tập trung vào các khả năng quân sự và tình báo của một nguyên mẫu Trinity hoạt động, Fielding đã nhìn thấy cái ngày ông có thể ngồi xuống hỏi mấy câu hỏi xưa nhất của loài người: ‘Sự sống đã bắt đầu như thế nào? Tại sao chúng ta hiện hữu? Vũ trụ sẽ kết thúc ra sao?’ Ở tuổi sáu mươi ba, Fielding có lòng nhiệt tình của một đứa trẻ mà không xấu hổ vì điều đó. Mà ông cũng chẳng việc gì phải xấu hổ.” Lão cúi đầu buồn bã. “Phần tôi, tôi sẽ rất nhớ ông.”

Tôi thấy nóng mặt. Tôi đã chờ đợi John Skow vãi nước mắt cá sấu xong sẽ vội vã quay về với đề tài nghiên cứu và phát triển toàn diện. Nhưng Godin còn cao thủ hơn. Lời lẽ của lão chứng tỏ lão hiểu rất rõ kẻ thù của mình.

“Sau khi tìm ra nguyên nhân triệu chứng thần kinh của chúng ta,” Godin kết luận, “dự án sẽ tiếp tục. Nếu chúng ta cần một nhà vật lý lượng tử nữa, chúng ta sẽ thuê người. Chúng ta sẽ không tiếp tục tiến lên mà không rõ nguy hiểm. Fielding đã dạy tôi biết tầm quan trọng của sự thận trọng.”

Godin dùng các ngón tay trái xoa bóp kỹ bàn tay phải. “Tất cả chúng ta đã phải chịu một cú sốc trầm trọng. Tôi muốn mọi người hãy nghỉ ngơi đầy đủ trong ba ngày, bắt đầu từ trưa nay. Sáng thứ ba tới chúng ta sẽ gặp nhau tại phòng này. Trong thời gian này cần tuân thủ tất cả các quy tắc an ninh ngoài nơi làm việc.”

Câu nói của Godin làm mọi người im phăng phắc. Con người làm việc hùng hục gấp đôi bất kỳ ai khác lại đề xuất nghỉ ngơi? Một “kỳ nghỉ” như thế trái ngược với bản tính của Godin đến nỗi không ai còn biết nói gì nữa.

Cuối cùng Skow hắng giọng. “Vâng, về phần mình, tôi sẽ tận dụng chút thời gian cho gia đình. Vợ tôi chuẩn bị ly dị tôi bởi tôi dành quá nhiều thì giờ ở đây rồi.”

Godin cau mày và lại nhắm nghiền mắt.

“Hoãn họp à?” Skow liếc sang Godin hỏi.

Ông già loạng choạng đứng lên rồi ra khỏi phòng không nói một lời.

“Ừm, thì thế,” Skow nói một câu không cần thiết.

Tôi đứng dậy đi về phòng làm việc của mình, mắt dán vào lưng Godin đang thoái lui. Cuộc họp đã diễn ra không hề giống như tôi dự liệu. Phía trước, Godin bắt đầu rõ, nhưng lão bỗng dừng lại và quay mặt về phía tôi. Tôi bước lại gần lão.

“Anh và Fielding rất thân nhau phải không?” lão hỏi.

“Tôi mến ông ấy. Và cả ngưỡng mộ nữa.”

Godin gật đầu. “Tôi mới đọc cuốn sách của anh hai đêm trước. Anh thực tế hơn là tôi dự đoán. Ý kiến của anh về nạo phá thai, nghiên cứu mô bào thai, nhân bản vô tính, chỉ tiêu cho chăm sóc cuối đời, về chết êm ái. Tôi hoàn toàn đồng ý.”

Tôi không thể tin nổi Peter Godin làm việc với tôi hai năm mà lại chưa đọc cuốn sách đã đưa tôi đến với Trinity. Lão nhìn qua vai tôi một lát, rồi lại nhìn thẳng vào mặt tôi.

“Có một ý nảy đến với tôi trong cuộc họp,” lão nói. “Anh có biết một giả thuyết cũ về lịch sử?

Nếu anh có thể ngược dòng quá khứ, và có cơ hội để giết Hitler, anh có giết không?”

Tôi mỉm cười. “Đây không phải công thức thực tế cho lắm.”

“Chưa chắc. Tất nhiên, vấn đề Hitler thì dễ. Nhưng thử tưởng tượng một trường hợp khác xem nhé. Nếu anh trở lại năm 1948 và anh biết rằng Nathuram Godse đang chuẩn bị ám sát Gandhi - anh có giết hắn để ngăn cuộc ám sát không?”

Tôi suy nghĩ về điều này. “Ông thật ra đang hỏi cứ theo chuỗi sự kiện này rồi tôi sẽ đi đến đâu. Vậy ông có giết mẹ Hitler không?”

Đến lượt Godin mỉm cười. “Tất nhiên anh đúng. Và câu trả lời của tôi là có.”

“Thực tế, tôi nghĩ câu hỏi của ông là về quan hệ nhân quả. Liệu giết mẹ Hitler có tránh được Thế Chiến II không? Hay một kẻ ắt ơ nào đó nổi lên từ sự bất bình của quân chúng lại xả nổi uất hận Đức vào Hiệp ước Versailles?”

Godin xem xét ý này. “Hoàn toàn có khả năng. Thôi được. Giả sử đây là năm 1952, và anh biết rằng một tay kỹ thuật viên phòng thí nghiệm lóng ngóng sắp làm hỏng thí nghiệm cấy tế bào của Jonas Salk. Việc điều trị bệnh viêm tủy xám bị chậm lại có khi nhiều năm. Liệu anh có giết tay kỹ thuật viên vô tội đó?”

Đầu tôi bắt đầu có tiếng ù ù kỳ lạ. Có lẽ Godin đang đùa bỡn tôi, mặc dầu lão đâu có phí thời gian để đùa.

“May sao cuộc sống thực tế không đặt cho chúng ta những câu đố ấy,” tôi nói. “Chỉ có kinh nghiệm mới cho phép chúng ta định hình được nó.”

Lão cười nhạt. “Tôi không rõ, bác sĩ ạ. Người ta đã có thể chặn Hitler lại ngay từ khi ở Munich.” Godin nhào người vỗ vào cánh tay tôi. “Dù sao đó cũng là đôi điều để ngẫm nghĩ.”

Lão quay đi và cẩn trọng chọn hướng khi đến chỗ rẽ.

Tôi đứng trong hành lang, cố đoán ra ẩn ý trong những điều vừa được nghe. Godin không bao giờ lãng phí ngôn từ. Lão không rồi rời suy nghĩ về lịch sử hoặc đạo đức. Lão đã nói trắng ra về vụ giết người. Vụ giết người mà theo lão là chính đáng. Tôi lắc đầu không dám tin. Godin vừa nói đến Fielding.

Việc giết Fielding là cần thiết, lão vừa nói thế. Fielding vô tội, nhưng vì thiện ý ông đã can thiệp, vậy ông phải bị thủ tiêu.

Tôi quay bước về phòng làm việc của mình, bắt giắc rùng mình. Không ai hỏi tôi về việc liên lạc với Washington. Không ai nhắc đến cuộc viếng thăm của tôi tới nhà Fielding. Không một lời về Rachel Weiss. Và ba ngày nghỉ sẽ cho tôi vô khối thời giờ nói chuyện với tổng thống. Thậm chí tôi có thể bay tới Washington. Cái quái quỷ gì đang xảy ra thế này?

Tôi chết lặng trước ngưỡng cửa phòng làm việc. Một phụ nữ tóc vàng, cao ráo gân guốc với đôi mắt xanh lóe sáng và một vết sẹo lồi lõm đốm trên má trái đang ngồi trên ghế của tôi, dán mắt vào màn hình máy tính của tôi. Geli Bauer. Nếu có người nào trong tòa nhà này ra tay giết Andrew Fielding, thì đó chính là ả.

“Xin chào, bác sĩ,” ả nói, môi thoáng cười. “Trông anh có vẻ ngạc nhiên. Tôi nghĩ hẳn anh đang chờ tôi.”

Chú Thích:

1. Chào buổi sáng (tiếng Đức).

CHƯƠNG 11

Tôi đứng lặng người trên ngưỡng cửa. Trong vòng chưa đến một giây đồng hồ, cảm giác nhẹ nhõm bỗng biến thành nỗi lo tê điếng, và cái ý nghĩ rằng Geli Bauer là phụ nữ cũng không làm động mạch đang gõ thành thạch của tôi đập chậm lại chút nào. Giống như đám thuốc hạ, trông ả gầy gò gân guốc với tia sáng giết người trong mắt. Ở con người ả toát ra vẻ tự tin lạnh lùng của vận động viên leo núi đẳng cấp thế giới. Tôi có thể tưởng tượng ả treo mình trên vách đá dựng đứng hàng giờ liền, sức nặng cơ thể dồn vào cả mấy đầu ngón tay. Khó mà đánh giá trí thông minh của ả trong một lò áp toàn thiên tài, nhưng qua những cuộc trò chuyện trước đây, tôi biết ả cực kỳ nhanh trí. ả đối xử với mọi người, trừ những nhà bác học hàng đầu của Trinity, như tù khổ sai, và tôi cho đó là vì ả là con gái một vị tướng đầy quyền thế. Ravi Nara thô lỗ gọi ả là “kẻ hủy diệt có vú” còn tôi nghĩ ả là một kẻ hủy diệt có đầu óc.

“Tôi có thể làm gì cho cô?” cuối cùng tôi lên tiếng.

“Tôi cần hỏi anh vài câu hỏi,” ả nói. “Thủ tục ấy mà.”

Thủ tục? Tôi biết trong vòng hai năm Geli Bauer đã viếng thăm phòng làm việc của tôi đến năm sáu lần. Tôi thường thấy ả qua tấm kính, cúi mũi vào nghiên cứu những trắc nghiệm phát hiện nói dối mà tôi được chọn làm ngẫu nhiên.

“Godin vừa cho chúng ta nghỉ ba ngày,” tôi nói. “Tại sao cô không để đến khi chúng ta trở lại làm việc?”

“Tôi e rằng không thể chờ đợi.” ả có giọng lơ lơ của đám sinh viên những trường học của giới thượng lưu ở hải ngoại.

“Cô vừa nói rằng chỉ là thủ tục.”

Một nụ cười mềm mỏng. “Sao anh không ngồi xuống, bác sĩ?”

“Cô đang ngồi trên ghế của tôi.”

Geli không đứng dậy. ả có vẻ hiêu chiến.

“Cô không hay đích thân xử lý những thủ tục loại này,” tôi nói. “Do đâu mà tôi có vinh dự ấy?”

“Cái chết của tiến sĩ Fielding đã làm phát sinh một tình hình bất thường. Chúng tôi cần chắc chắn mình biết được nhiều nhất có thể về tất cả những gì đang xảy ra xung quanh chuyện này.”

“Tiến sĩ Fielding chết do đột quy.”

ả im lặng quan sát tôi hồi lâu. Vết sẹo trên má trái của ả nhắc tôi nhớ đến vết sẹo của các cựu binh đã chiến đấu ở Việt Nam, khi tôi còn làm bác sĩ. Họ miêu tả những mảnh lựu đạn phốt pho cháy sâu vào da thịt rồi sau đó tự chai lại như thế nào, chỉ cần gặp không khí là bắt cháy trở lại làm bị thương cả bác sĩ phẫu thuật đang cố gấp những mảnh đó ra. Lính tráng rất sợ những mảnh này, còn Geli Bauer trông như thể đã quen va chạm với chúng. Nhờ vết sẹo đó mà tôi đâm ra thích ả. Một người đàn bà đẹp được đánh dấu bằng một thứ như thế thường có những hiểu biết thấu đáo về cuộc sống mà các chị em khác khó có được. Nhưng khi giao tiếp với Geli, tôi mới vỡ ra rằng cho dù thoát nạn bằng cách quái quỷ nào, bài học ả rút ra từ đó chỉ là cay đắng.

“Tôi quan tâm đến quan hệ của anh với tiến sĩ Fielding,” ả nói.

Geli bao giờ cũng xưng tôi, không dùng cái từ ngữ quan liêu chúng tôi; dường như ả cảm thấy giữ an ninh cho cả dự án là trách nhiệm của riêng cá nhân ả.

“Thế ư?” tôi hỏi lại, làm như bị sốc.

“Anh miêu tả về quan hệ giữa hai người như thế nào?”

“Ông ấy là bạn tôi.”

“Anh thường gặp và trò chuyện với ông ấy ngoài nơi làm việc.”

Nếu thừa nhận điều này tức là thú nhận đã vi phạm quy chế an ninh của Trinity. Nhưng chắc Geli đã có bằng video rồi. “Phải.”

“Điều đó trực tiếp vi phạm quy chế an ninh.”

Tôi đảo mắt. “Thì cứ kiện tôi đi.”

“Chúng tôi có thể bắt giam anh.”

Cút. “Có thể mới thực sự bảo mật được chỗ này.”

Ả lùa những ngón tay dài vào mái tóc vàng. Đúng là một con điều hâu đang rửa lông sữa cánh.

“Anh có thể mất vị trí ở đây, bác sĩ ạ.”

“Giờ tôi hiểu rồi. Cô đến đây để sa thải tôi.”

Một nụ cười lướt qua. “Không cần phải đóng kịch. Tôi đang cố để tìm hiểu những gì cần biết về hoàn cảnh của tiến sĩ Fielding.”

“Hoàn cảnh của ông ấy ư? Ông ấy đã chết. Từ trần rồi. Không còn ở bên chúng ta nữa.”

“Ngoài giờ làm việc các anh bàn chuyện gì?”

“Bóng đá.”

“Bóng đá?”

“Fielding gọi nó là Football(1). Ông ấy nhận mình ‘cuồng bóng đá’. Ông ấy cổ động cho đội Arsenal của Anh. Tôi ngán muốn chết, nhưng tôi thích trò chuyện với ông ấy.”

“Anh đã bắt đầu thiếu thành thực, bác sĩ.”

“Tôi ư?”

“Cả anh và Fielding đều chống lại việc tiếp tục dự án.”

“Không. Tôi bận tâm về khía cạnh đạo đức của dự án. Fielding thì có những mối quan tâm khác.”

“Ông ấy muốn dự án dừng lại.”

“Chỉ tạm ngưng đến khi xác định được nguyên nhân của những tác dụng ngoại ý lên hệ thần kinh mà tất cả chúng tôi phải chịu.”

“Ông ấy có thảo luận những tác dụng ngoại ý ấy với ai không biết rõ thông tin về Trinity không?”

“Tôi cũng không biết nữa.”

“Vợ ông ấy chẳng hạn?”

Tôi cố giữ vẻ mặt vô cảm. “Tôi không nghĩ ông ấy có thể làm vậy.”

Geli nhướn mày, “Tôi qua anh ở bên bà ấy gần cả tiếng đồng hồ.”

Vậy là bọn chúng đã theo dõi. Tất nhiên chúng đã làm. Chúng vừa mới giết Fielding và cần biết người bạn thân nhất của ông phản ứng thế nào. Điều đó có nghĩa là chúng đã biết về Rachel.

“Tôi đến để chia buồn.”

“Anh đã thảo luận những thông tin nhạy cảm của Trinity với Lu Li Fielding. Một nhà vật lý người Hoa.”

“Tôi không làm chuyện gì như thế cả.” Tôi nghĩ cuộc hôn nhân của Lu Li với Fielding đã khiến bà trở thành công dân Anh, nhưng lúc này tôi không muốn tranh cãi làm gì.

“Bà Fielding đã biến mất. Chúng tôi cần nói chuyện với bà ấy.”

“Nghe như chuyện riêng tư.”

Geli phớt lờ lời châm biếm của tôi. “Nếu anh giúp bà ấy trốn, anh sẽ bị kết tội phản bội.”

“Lu Li đã phạm tội à?”

Mặt Geli không chút biểu cảm. “Điều đó còn chưa xác định được. Bà ấy có thể là đồng phạm trong một vụ mưu phản.”

Viên pha lê, tôi bỗng nghĩ. Điều này chắc phải liên quan đến chiếc đồng hồ của Fielding. “Vậy là cả ông bà Fielding đều biến mất. Tình thế thật là rắc rối, phải không?” tôi nói.

Geli trông chẳng có vẻ gì bối rối. Ồ tỉnh bơ.

“Đêm qua Lu Li bảo tôi rằng chẳng ai nói với bà một lời về thi hài của chồng bà ấy,” tôi nói. “Bà ấy rất hoảng loạn.”

“Đó không phải là phạm vi trách nhiệm của tôi.”

“Còn vật dụng cá nhân của Fielding thì sao? Lu Li đặc biệt nhắc đến chiếc đồng hồ bỏ túi bằng vàng. Một vật gia bảo.”

Geli cắn môi rồi lắc đầu, “Tôi không nhớ cái đồng hồ bỏ túi. Nhưng ngay khi bà Fielding ra trình diện, tất cả sẽ được sắp xếp đâu vào đấy.”

Geli nói dối. Làm việc ở đây hai năm, chắc chắn ả đã trông thấy chiếc đồng hồ ấy hàng trăm lần là ít.

“Sáng nay chúng ta sẽ phải làm trắc nghiệm phát hiện nói dối,” ả nói.

Người tôi toát mồ hôi lạnh. “Xin lỗi. Tôi sẽ không làm đâu.”

Geli nheo mắt. Đây là lần đầu tiên tôi chối từ một đề nghị như thế này. “Tại sao vậy?”

“Tôi vừa mất một người bạn thân. Tôi không ngủ được. Tôi thấy trong người rất khó chịu. Tôi quên hết mọi thứ rồi.”

“Bác sĩ Tennant...”

“Và tôi không muốn phục tùng những trò phát xít của các người hôm nay. Được chưa?”

Ả ngả lưng trên ghế của tôi và nhìn tôi càng lúc càng chăm chú hơn. “Bản hợp đồng làm việc mà anh đã ký cho phép tiến hành trắc nghiệm nói dối vào bất kỳ lúc nào. Anh đã chấp thuận phục tùng.”

Nỗi sợ thất ruột khiến tôi muốn đâm cho ả một quả vào giữa mặt. Suốt đời tôi đã sống tự do vô hạn. Là một bác sĩ nội khoa, tôi hoàn toàn làm chủ được việc hành nghề của mình. Là một tác giả, khi viết tôi chỉ bị hạn chế bởi chủ đề cuốn sách. Nhưng giữa không khí ngột thở của Trinity, chứng sợ không gian kín lại dấy lên trong tôi. Cha tôi cũng từng trải qua những cảm giác tương tự khi nghiên cứu vũ khí hạt nhân ở Los Alamos và Oak Ridge. Và hồi ấy ông đã phải phục tùng trắc nghiệm phát hiện nói dối. Nhưng thời thế đã thay đổi so với thời Chiến tranh Lạnh. Ngày nay NSA có những máy phát hiện nói dối dựa trên công nghệ MRI, và không giống máy phát hiện nói dối truyền thống, nó chính xác đến một trăm phần trăm.

Nguyên tắc rất đơn giản: khi nói dối, bộ não vận dụng nhiều tế bào thần kinh hơn khi nói thật. Ngay cả những kẻ nói dối bệnh lý cũng nghĩ đến sự thật trước khi trả lời câu hỏi. Sau đó anh ta mới bịa ra hoặc lặp lại câu nói dối của mình. Hành động này soi sáng bộ não kẻ nói dối như những ngọn đèn đêm Giáng sinh, và máy phát hiện nói dối MRI chỉ việc chụp lại và lưu kết quả cho người thẩm vấn. Chính Fielding là người đã chống lại việc dùng máy phát hiện nói dối MRI, lập luận rằng những triệu chứng lạ trong chúng tôi sẽ trầm trọng hơn khi tiếp xúc thêm với MRI. Đó là một thắng lợi của Fielding trong cuộc chiến chống lại sự xâm phạm cõi riêng tư của chúng tôi, nhưng những cuộc thẩm vấn phát hiện nói dối thông thường thì không ảnh hưởng gì lắm đến thần kinh. Áp dụng chúng một cách bất ngờ sẽ cho anh cái cảm giác như đang sống ở một nơi tinh thần bị đàn áp tột tể, nhất là khi anh đang có điều gì muốn giấu.

“Cô định gây mê tôi à?” tôi hỏi. “Hay trói tôi?”

Ả có vẻ muốn thế thật.

“Không. Thôi quên đi.”

Ả giơ ngón tay lên lơ đãng sờ vào vết sẹo. “Tôi không hiểu sao anh lại chống cự hăng như vậy, bác sĩ?”

“Chắc chắn là cô hiểu.”

“Anh đang giấu giếm điều gì?”

“Nếu tôi có điều gì muốn giấu thì cô cũng thế.”

“Anh đang cô lập đồ dự án này.”

“Tôi làm thế nào được chuyện đó? Mà tại sao tôi phải làm thế? Dự án đang bị treo cơ mà.”

Geli ngấm nghĩa móng tay ả, hai chiếc trong số đó bị cắn trụi. Có lẽ rốt cục ả cũng không điềm tĩnh cho lắm. “Bằng cách ra trước công luận,” cuối cùng ả nói.

À đây rồi. Nỗi sợ hãi thâm kín do chứng hoang tưởng của đầu óc nhà binh. “Tôi chưa hề làm thế.”

“Anh có nghĩ đến chuyện đó không?”

“Không.”

“Anh đã nói chuyện với tổng thống chưa?”

“Trong đời tôi à?”

Cuối cùng ả cũng gắt lên khó chịu, “Sau cái chết của Fielding.”

“Chưa.”

“Hôm qua anh có gửi lại lời nhắn ở Nhà Trắng.”

Tôi cảm thấy mặt mình đỏ lên. “Phải.”

“Anh đã gọi điện thoại công cộng?”

“Thì sao?”

“Tại sao?”

“Di động của tôi hết pin.” Tôi nói dối dễ dàng, khó mà kiểm tra được.

“Tại sao anh không đợi về đến nhà hẵng gọi?”

“Đúng lúc đó tôi thấy cần nói chuyện.”

“Thấy cần nói chuyện với tổng thống Mỹ?”

“Đúng thế.”

“Về cái chết của Fielding?”

“Cùng với những chuyện khác.”

Ả có vẻ cân nhắc khá kỹ lưỡng những lời sắp nói ra. “Anh nói với Nhà Trắng anh không muốn các yếu nhân khác của Trinity biết rằng anh đã gọi cho họ.”

Huyết áp của tôi tụt xuống đột ngột. Làm thế nào mà bọn chúng nghe được những gì tôi nói qua điện thoại công cộng? Chắc hẳn bằng cách nghe trộm, mà không phải cảnh sát địa phương hay FBI hăm bà lăng. NSA mỗi ngày ghi âm trộm hàng triệu cuộc điện thoại riêng tư, các ổ đĩa ở tầng hầm khu căn cứ quân sự Meade được kích hoạt bởi những từ khóa như thuốc nổ, Al Qaeda, mã hóa, RXD, hoặc thậm chí Trinity. Tôi nhớ mình đã nói “Trinity” ngay khi tổng đài Nhà Trắng trả lời, để cô ấy nối máy cho tôi đến nơi cần gọi. Có lẽ NSA đã ghi âm cuộc nói chuyện của tôi từ lúc ấy.

Tôi trấn tĩnh và nhìn thẳng vào mắt Geli. “Tôi được đích thân tổng thống chỉ định vào dự án này chứ không phải NSA hay John Skow, hay ngay cả Peter Godin. Tôi có mặt ở đây để đánh giá các khía cạnh đạo đức của dự án. Nếu tôi xác định có vấn đề nào tồn tại, tôi báo cáo trực tiếp với tổng thống. Ở đây không ai có quyền nói gì về chuyện này.”

Ván bài đã lật ngửa rồi. Tôi vừa mới vạch mặt một lần ranh giữa tôi với tất cả những người khác trong tòa nhà Trinity.

Geli nhào người ra phía trước, cặp mắt xanh của ả thách thức tôi. “Anh có mấy điện thoại di động, bác sĩ Tennant?”

“Một.”

“Anh còn sở hữu chiếc nào nữa không?”

Tôi bỗng vỡ lẽ. Bọn chúng biết tôi gọi đến Nhà Trắng, nhưng không biết tổng thống đã liên lạc lại với tôi hay chưa. Chúng kiểm soát điện thoại di động của tôi, cái mà chúng biết, nhưng lại lo lắng về những kênh liên lạc khác mà chúng không biết. Nếu chúng lo lắng về điều đó, thì tức là chúng không có đường dây bên trong phủ tổng thống, và tôi vẫn còn cơ hội thuyết phục tổng thống về những mối

ngồi chờ của tôi.

“Rachel Weiss có một máy di động,” Bauer nói, mắt ả cảnh giác với từng động thái nhỏ nhất của tôi.

Tôi thở chậm và giữ giọng bình thản. “Tôi không thấy có bác sĩ nào mà không có điện thoại di động.”

“Nhưng anh biết bác sĩ Weiss rõ hơn bất cứ ai khác.”

“Cô ấy là bác sĩ tâm thần của tôi, ý cô định nói thế chẳng?”

“Cô ấy là người duy nhất ngoài Trinity mà anh nói chuyện nhiều hơn năm mươi từ trong vòng hai tháng qua.”

Tôi tự hỏi không biết có đúng như vậy không.

“Điều đó cũng đúng với bác sĩ Weiss,” Geli nói.

“Ý cô muốn nói gì?”

“Cô ta không gặp gỡ ai. Năm ngoái cô ta mất đứa con trai vì ung thư. Sau khi thằng bé chết, chồng cô ta đã bỏ rơi cô ta để trở về New York. Cách đây sáu tháng, thỉnh thoảng bác sĩ Weiss còn có những cuộc hò hẹn với đồng nghiệp nam giới. Ăn tối, đi xem phim, đại loại thế. Cô ta không gặp ai đến lần thứ hai. Hai tháng trở lại đây, cô ta hoàn toàn không gặp một người đàn ông nào nữa.”

Điều này không làm tôi ngạc nhiên. Rachel là một phụ nữ mạnh mẽ, và tôi nghĩ không mấy người đáp ứng được tiêu chuẩn của cô.

“Vậy thì sao?” tôi hỏi.

“Tôi nghĩ chính anh là lý do đấy, bác sĩ ạ. Tôi cho rằng bác sĩ Weiss yêu anh.”

Tôi cười, lần đầu tiên tôi cười thật sự, kể từ lúc tôi nhìn thấy thi thể Fielding đến giờ. “Bác sĩ Weiss cho rằng tôi bị hoang tưởng, cô Bauer ạ. Có lẽ là một dạng tâm thần phân liệt đấy.”

Điều này không làm Geli lúng túng. “Tôi qua cô ta hôn anh. Tại nhà Fielding.”

“Đó chỉ là cái hôn an ủi. Tôi bị suy sụp sau cái chết của Fielding.”

Geli phớt lờ câu ấy. “Anh đã nói gì với bác sĩ Weiss về Trinity?”

“Không nói gì cả, như cô biết rõ. Tôi chắc cô đã tìm cách ghi được tất cả các cuộc khám bệnh của tôi.”

Ả làm tôi ngạc nhiên khi khẽ gật đầu thú nhận. “Nhưng những người yêu nhau bao giờ chẳng đủ mảnh khảnh. Anh đã xoay sở được những cuộc gặp gỡ trái phép. Như tối hôm qua.”

“Tôi qua là lần đầu tiên tôi gặp Rachel Weiss ngoài phòng khám của cô ấy.” Tôi khoanh tay trước ngực. “Và tôi từ chối bàn luận tiếp về cô ấy. Cô ấy chẳng đáng gì đến dự án này. Cô đang xâm phạm đời tư của một công dân Mỹ khi người ta chưa ký một thỏa thuận nào từ bỏ các quyền của mình.”

Lần này thì chính Geli mỉm cười, vẻ nanh ác chợt lóe lên. “Một khi đáng đến Dự án Trinity, đời tư không là cái gì cả. Theo Sắc lệnh 173 về An ninh Quốc gia, chúng tôi có thể bắt giữ Rachel bốn mươi tám tiếng mà không cần cả gọi điện báo trước.”

Tôi ngán quá thể. “Geli, cô có biết Dự án Trinity là cái gì không?”

Tôi gọi tên cúng cơm của ả khiến nụ cười trên môi ả vụt tắt, và câu hỏi của tôi khiến ả rõ ràng rơi vào thế thủ. Ả tiêu mất nếu phải thú nhận mình chẳng hiểu mô tê gì về những bí mật bên trong của Trinity, nhưng nếu nói ngược lại để làm ả mất việc như chơi. Ả trừng mắt nhìn nhưng không nói năng gì cả.

Tôi tiến một bước về phía ả. “Thôi được, tôi biết rồi. Nhưng xin đừng hăm dọa tuân lệnh một cách ngu ngốc như thằng oắt người Đức kia cho đến khi nào cô biết và hiểu hết uẩn khúc sự tình.”

Câu mắng chửi đã trúng đích. Ả căng người trên ghế như thể sắp nhảy xổ vào tôi. Tôi lùi lại một bước, ngay lập tức thấy hối tiếc về những lời lẽ vừa rồi. Chẳng có lợi gì khi chuốc lấy oán thù cá nhân với Geli Bauer. Thật ra điều đó hoàn toàn đại dột. Có thể chính ả đã ra tay giết Fielding. Và tôi nhận

ra, chính vì thế mà tôi chọc giận ả.

“Chúng ta xong việc rồi,” tôi nói và rút chìa khóa xe trong túi ra. “Sáng thứ Ba tôi sẽ trở lại. Từ nay đến đó hãy để lũ chó săn của cô tránh xa tôi ra.”

Tôi quay lưng đi.

“Bác sĩ Tennant!”

Tôi cứ bước tiếp.

“Tennant!”

Tôi nhấn nút thang máy. Cửa mở, tôi bước vào, nhưng lại bước ra ngay. Geli có thể biến cái khoang nhỏ xíu này thành xà lim chỉ với một cú nhấn nút. Ắ cũng có thể phong tỏa cả tòa nhà này dễ dàng như thế, nhưng dù sao tôi đi cầu thang bộ vẫn hơn.

Khi tôi xuống đầu cầu thang tầng bốn, hình ảnh Fielding ngồi trong đám khói mờ xâm chiếm trí óc tôi. Ông người Anh hút thuốc như ông khói, nhưng trong toàn bộ tổ hợp Trinity đều cấm hút thuốc, cả với những nhà bác học đầu đàn. Đó không phải do luật lệ của bang; mà do Godin không chịu nổi một chút khói thuốc thoảng trong không khí. Vốn tài xoay xở, Fielding đã tìm thấy chỗ để ông có thể nướng chiều thói quen của mình. Trong phòng thí nghiệm vật liệu trên tầng bốn có một gian buồng chân không rộng rãi mà trước đây trong giai đoạn đầu của dự án được sử dụng để thí nghiệm các đặc tính của ống nano carbon. Trong phòng thí nghiệm có đầu dò khói, còn buồng chân không thì không có. Fielding đã khéo léo xếp chồng đồng hộp quanh gian buồng khiến hầu hết mọi người quên đi sự tồn tại của nó. Khi đã tìm ông khắp nơi mà không thấy, tôi biết thể nào ông cũng ở đó.

Tôi suy luận, nếu lúc ấy Fielding đang ở trong tòa nhà Trinity và lo sợ cho tính mạng của mình, thì ông có tìm cách cách ly chiếc dây đồng hồ mang viên pha lê? Ông không thể giấu nó trong phòng làm việc, nơi chắc chắn sẽ bị lục soát. Nhưng buồng chân không chỉ cách có một tầng, và ông có thể tin chắc trước sau gì tôi cũng tìm ra chỗ bí mật này.

Tôi ra khỏi cầu thang và tìm đến phòng thí nghiệm vật liệu. Hai kỹ sư tuyến mộ từ Sun Microsystems bước từ phòng thí nghiệm ra, tách nhau ra để vượt qua tôi và hướng về phía thang máy. Tôi cố nặn một nụ cười và bước chậm lại sao cho họ đi khuất chỗ rẽ rồi mới đến cửa phòng thí nghiệm vật liệu.

Không có ai trong phòng. Tôi vội vã đến chỗ đồng hộp che chắn cửa căn buồng chân không bằng thép và bắt đầu mở khóa. Cỗ máy gồm guốc trông giống căn buồng giảm áp cho thợ lặn dưỡng khí, với một lỗ cửa sổ và một vành xoay lớn bằng sắt lắp vào cánh cửa trông như cửa sập. Tôi vặn vành xoay để mở cửa sập. Đèn tự động bật sáng.

Tim tôi đập thình thịch khi tôi bước vào bên trong. Tôi nhớ những chiếc giá rộng bừa bộn dụng cụ, kim và mảnh vụn carbon cũ. Bây giờ trong gian buồng chẳng còn thứ gì. Ngay cả những chiếc giá cũng được mang đi. Cả căn buồng trông như mới được rửa sạch bằng hơi nước.

“Geli Bauer, ” tôi thở hắt ra.

Nếu trước đó chiếc đồng hồ bỏ túi của Fielding được giấu ở đây, thì bây giờ Geli đã có nó rồi. Tôi hối hả ra khỏi căn buồng, ngờ ngợ sẽ chạm trán ả trong phòng thí nghiệm. Nhưng cả phòng thí nghiệm và hành lang đều không một bóng người. Tôi lao ra cầu thang, chạy xuống tầng ba và bước về phía bàn bảo vệ, nơi Henry đang chờ tôi.

Đề ra khỏi Trinity, mọi nhân viên phải chịu khám người để chứng tỏ họ không mang theo đĩa máy tính hoặc giấy tờ gì ra khỏi tòa nhà. Fielding chắc phải cười thầm mỗi lần Henry bỏ qua dây đồng hồ quả quýt gắn viên pha lê của ông. Khi tôi tới gần bàn bảo vệ, tôi thấy Henry đang nói vào micro trên cổ áo.

“Có chuyện gì thế Henry?” tôi nói trong khi đứng đợi ông ta kiểm tra người.

“Xin đợi một phút, bác sĩ.”

Tim tôi đập loạn. Tôi tưởng tượng Geli Bauer đã ra lệnh cho ông ta: Không cho Tennant ra khỏi tòa nhà...

“Tôi cần đi ngay,” tôi nói, “tôi có cuộc hẹn.”

Henry nhìn tôi, rồi nói vào mic, “Anh ta đây rồi.”

Jesus. Nếu Geli phải hỏi xem liệu tôi có ra cửa không, thế tức là ả không nhìn thấy tôi qua camera lắp trong phòng an ninh. Có lẽ ả đang trên đường đến đây. Não giữa thôi thúc tôi chạy thật lực, nhưng phòng được bao xa? Henry trông có vẻ vô hại nhưng được trang bị khẩu súng tự động Glock 9mm. Chớ lao ra cửa lúc này vẫn là thượng sách.

Henry nghe bằng ống nghe mấy giây, trông ông ta có vẻ bối rối. “Cô có chắc không?” ông ta hỏi. “Được.”

Ông ta đi vòng qua bàn, và tôi vụt hiểu rằng nếu Henry rờ tay vào khẩu súng, chỉ vài giây nữa thôi bản năng sống còn trong tôi sẽ lên tiếng. Người tôi căng ra khi bàn tay ông ta rơi xuống, nhưng rồi ông ta ngồi xồm xuống và bắt đầu khám từ ống quần như thường lệ.

Geli quyết định để tôi đi. Vì sao? Vì ả không biết chắc tôi đã nói chuyện với tổng thống hay chưa.

“Anh đi được rồi, bác sĩ,” Henry nói, vỗ nhẹ vai tôi. “Vừa rồi tôi tưởng cô ấy - à, họ - yêu cầu tôi giữ anh lại đây.”

Khi tôi nhìn vào mặt Henry, tôi thấy nét gì đó trong mắt ông mà tôi không hiểu. Bây giờ thì tôi hiểu rồi. Ông ta không ưa gì Geli hơn tôi. Thật ra, ông ta sợ ả.

Khi tôi vừa qua khỏi cánh cửa kính bọc thép thì chuông điện thoại di động reo. Tôi bấm nhận cuộc gọi và ép điện thoại sát tai.

“A lô?”

“David? Anh ở chỗ quái quỷ nào vậy?”

“Đừng gọi tên tôi,” tôi gắt, nhận ra tiếng Rachel.

“Tôi kiếm anh cả tiếng đồng hồ rồi!”

Chắc tín hiệu di động không thể truyền qua lưới đồng bao quanh Trinity. “Cho tôi biết có chuyện gì đi.”

“Sáng nay anh có đến phòng làm việc của tôi không?”

“Phòng cô? Tất nhiên là không. Tại sao?”

“Bởi vì có kẻ nào đó gần như đã bới tung nó lên. Hồ sơ bệnh án của anh bị mất, mọi thứ tung tóe hết cả.”

Tôi hít một hơi đầy phổi, cố giữ nhịp bước bình thường về phía xe. “Hôm nay tôi không hề đến gần phòng làm việc của cô. Sao cô nghĩ tôi có thể làm một việc như thế?”

“Để củng cố các ảo giác của anh trong mắt tôi! Để tôi tin là chúng có thật.”

Giọng cô khá kích động. Vậy ra đêm qua cô không hiểu gì hết? “Chúng ta cần nói chuyện, nhưng không phải như thế này. Cô đang ở văn phòng phải không?”

“Không, tôi đang trên xa lộ 15.”

Có lẽ Rachel đã chạy trên xa lộ 15 suốt chặng đường từ Trung tâm Y khoa Duke đến đồi Chapel. “Cô đang đi taxi phải không?”

“Không, sáng nay tôi lấy xe về rồi.”

“Hãy gặp tôi ở chỗ cô thấy tôi thu băng hình đó.”

“Ý anh nói...”

“Cô biết ở đâu mà. Tôi đang trên đường. Gác máy.”

Cô làm theo.

Tôi kiềm chế hết sức để không chạy mấy bước cuối cùng đến xe.

Chú Thích:

1. Bóng đá trong tiếng Mỹ là “soccer”, trong tiếng Anh là “football”.

Tủ sách

Chia sẻ

CHƯƠNG 12

Chiếc Saab trắng của Rachel đậu trước nhà tôi. Bản thân Rachel đang ngồi trên bậc tam cấp, tay chống cằm như các cô nữ sinh chờ giờ lên lớp. Thay vì váy và áo lụa quen thuộc, hôm nay cô mặc quần jean xanh và sơ mi Oxford bằng cotton trắng. Tôi nhún cùi. Cô ngẩng lên, không mỉm cười. Tôi vẫy tay chào, lái xe vào ga ra rồi bước qua căn nhà, ra mở cửa trước.

“Xin lỗi để cô phải chờ,” tôi liếc một vòng xem có chiếc xe lạ nào trên phố không.

Mắt cô đỏ mọng vì khóc. Cô bước vào phòng khách nhưng không ngồi mà đi vòng quanh chỗ bàn ghế thừa thớt trong phòng, vẫn chưa lấy lại được bình tĩnh.

“Kể tôi nghe chuyện gì đã xảy ra đi,” tôi nói.

Cô tạm dừng đủ lâu để nhìn tôi chăm chăm rồi lại bước tiếp. “Lúc đó tôi đang ở bệnh viện khám cho một bệnh nhân định tự tử cách đây hai hôm.”

“Và?”

“Tôi quyết định tạt qua văn phòng lấy vài tấm biểu đồ. Khi đến đó tôi nhận thấy có kẻ đã đột nhập. Nghĩa là cửa vẫn khóa, nhưng tôi biết thế, anh hiểu không?”

“Cô có nói rằng căn phòng bị lục tung lên.”

Cô nhìn lảng đi. “Không hẳn thế. Nhưng rất nhiều đồ để không đúng chỗ. Tôi biết điều này, vì tôi thích sắp xếp mọi thứ theo một cách nhất định. Sách xếp theo kích cỡ từ nhỏ đến lớn, giấy tờ chất đồng... mà thôi, đừng quan tâm.”

“Cô bị ám ảnh cưỡng chế rồi.”

Đôi mắt sẫm màu của cô lóe lên. “Có những chuyện còn tệ hơn chứng ám ảnh cưỡng chế nhiều.”

“Đồng ý. Cô bảo hồ sơ bệnh án của tôi bị lấy mất?”

“Phải.”

“Có hồ sơ của bệnh nhân nào khác bị mất không?”

“Không.”

“Thế thì đúng rồi. Điều tôi không hiểu được là chúng lấy trộm bệnh án của tôi làm gì. Tại sao không copy thôi? Tôi tin chắc chúng đã đọc từ trước. Có khi chúng còn đọc hằng tuần ấy chứ.”

Rachel dừng bước nhìn tôi vẻ không tin. “Làm sao họ làm được điều đó?”

“Bằng cách cho người lên vào phòng làm việc của cô. Có thể là buổi tối những ngày tôi đến khám.”

“Tại sao trước đây tôi không nhận thấy điều gì?”

“Có thể lần này chúng quá vội.”

“Tại sao?”

“Chúng sợ.”

“Sợ gì?”

“Sợ tôi. Những gì tôi đã làm. Những gì tôi có thể sẽ làm.”

Cô ngồi trên mép sofa của tôi như thể đang định thần lại. “Tôi cần hiểu rõ chuyện này, David. Họ là ai? NSA ư?”

“Đúng và sai. Chúng là những người làm công tác an ninh cho Dự án Trinity, do NSA cung cấp tài chính.”

“Và đó là những người mà anh bảo đã giết Andrew Fielding?”

“Đúng.”

Cô nhắm mắt. “Tôi đã nhờ một người bạn ở trung tâm y tế xét nghiệm hộ gói bột trắng anh đưa cho

tôi. Nó không chứa mầm bệnh than hay bất cứ mầm bệnh hoặc độc chất nào ta biết.” Cô mở mắt ra nhìn vào mắt tôi. “Đó là cát, David ạ. Giống thạch cao. Cát trắng. Chẳng nguy hiểm cho ai cả.”

Đầu óc tôi bắt đầu quay cuồng với những ý nghĩa có thể có của chuyện này. Những con chip siêu nhỏ làm bằng silicon, một loại cát. Hay thạch cao là cơ sở của một chất bán dẫn mới mà Godin tìm ra? Có thể Fielding đã cố nói cho tôi biết một điều tương tự mà không tiện nói trắng ra...

“Anh đã thử cố liên lạc lại với tổng thống chưa?” Rachel hỏi.

Tôi há hốc mồm ngạc nhiên.

“Cái gì?”

“Tôi quên kiểm tra hộp thư thoại. Xin lỗi.”

Tôi vào trong bếp. Đèn đỏ của điện thoại báo có tin nhắn mới. Tôi nhấn nút, một giọng vùng New England lạo xạo vang lên trong cái loa nhỏ xíu:

“Bác sĩ Tennant hả? Ewan McCaskell, chánh văn phòng tổng thống đây. Tôi nhớ là anh đã đến thăm văn phòng vài năm trước. Tôi vừa nhận được tin nhắn của anh. Chắc anh hiểu chúng tôi ở đây đang quá bận. Tôi không thể quấy rầy tổng thống cho đến khi biết rõ chuyện này là thế nào, nhưng tôi muốn nói chuyện với anh ngay khi có thể. Anh hãy giữ nguyên số máy này, tôi sẽ gọi lại ngay khi thời gian cho phép.”

Tôi gần như nhẹ nhõm cả người. Tôi chống tay lên quầy cho vững. Thiết bị nhận dạng người gọi đến cho thấy cuộc gọi của McCaskell đã đến từ hai mươi phút trước.

“Ai đây?” Rachel hỏi.

Tôi mở lại cho cô nghe lời nhắn.

“Tôi phải thừa nhận rằng,” cô nói, “giọng nói nghe như của McCaskell.”

“Giống giọng McCaskell? Thì đúng là ông ta. Vậy ra cô vẫn không hiểu tí gì về những chuyện cô thấy đêm qua?”

Cô kéo một chiếc ghế từ bàn bếp ra rồi ngồi xuống đối diện tôi. “Anh nghe tôi nói này, David. Anh biết tại sao tôi đến đây không? Tại sao đêm qua tôi lại giúp anh?”

“Nói đi.”

“Cuốn sách của anh.”

“Sách của tôi?”

“Phải. Hằng ngày ở bệnh viện tôi thấy những điều mà người ta không nói với tôi khi ở trường y. Các ca đã rơi vào kẽ hở giữa thực tế và luật pháp. Những vấn đề hóc búa mà chính phủ không có can đảm để đối diện. Tôi cố sức xoay xở tình hình... có thể là than phiền với các bác sĩ khác, nhưng chỉ có bấy nhiêu thôi. Anh đã viết ra để thế giới đọc nó, mà không thêm đêm xía chuyện gì sẽ xảy đến với mình. Nạo phá thai. Chăm sóc cuối đời và chăm sóc thai nhi. Chết êm ái. Trời ơi, anh viết về việc giúp anh trai của anh chết.”

Tôi nhắm mắt lại và thấy hình ảnh của anh trai mình, không thể cử động gì ngoài đôi hàng mi vì sự tàn phá của chứng teo cơ, rồi đến ngày ngày cả đôi hàng mi cũng không còn động đậy được nữa. Chúng tôi đã đi đến một thỏa thuận. Đến thời điểm đó, tôi phải giúp anh chấm dứt những gì còn lại của cuộc đời anh.

“Tôi suýt nữa đã xóa chuyện này khỏi cuốn sách,” tôi nói.

Cô nắm cánh tay tôi. “Nhưng anh đã không xóa. Anh đã liều mạng, và anh đã giúp cho vô khối người bằng cách cứ để thế không xóa. Những người mà anh không biết. Nhưng họ biết anh. Tôi biết anh. Và bây giờ thì anh ôm. Anh đã can trợ giúp hàng tháng trời, và những liệu pháp thông thường đã bó tay. Tôi không thể nào vượt qua bức tường mà anh đã dựng lên.” Bàn tay cô nắm chặt cánh tay tôi, cô mỉm cười khích lệ. “Tôi tin rằng anh đang bị cuốn vào một nhiệm vụ rất quan trọng, đúng không? Nhưng hãy trả lời tôi điều này. Nếu máy tính Trinity đúng như những gì anh nói, thì, sao lại là anh?”

Anh biết không? Anh đã viết một quyển sách tuyệt vời. Tổng thống quen anh trai anh. Nhưng liệu điều đó có làm cho anh đủ trình độ đánh giá môn khoa học mà anh đã kể với tôi không?”

Cô nói đúng. Còn nhiều điều phải nói. Tôi đã giữ kín quá khứ của mình quá lâu để đến bây giờ muốn nói ra cần phải có một ý chí mãnh liệt.

“Cha tôi là một nhà vật lý hạt nhân,” tôi nhẹ nhàng nói. “Trong chiến tranh ông làm việc ở Los Alamos. Ông là nhà vật lý trẻ nhất làm việc trong Dự án Manhattan.”

Đôi mắt đen của cô lóe lên. “Còn gì nữa?”

“Tôi đã học vật lý lý thuyết ở Đại học Công nghệ Massachusetts.”

“Trời đất ơi! Đúng là tôi chưa biết gì về anh, phải không?”

Tôi chạm vai cô. “Cô biết chứ. Nghe này, cha tôi là thành viên của nhóm người đầu tiên phản đối việc sử dụng bom. Nhóm gồm những người như Leo Szilard, Eugene Wigner. Người Đức đã đầu hàng, còn người Nhật thì không có nguồn lực để chế bom nguyên tử. Nhóm của cha tôi muốn chơi quả bom ấy với quân đội Nhật, chứ không phải dội xuống đầu dân thường. Sự phản đối ấy bị phớt lờ, và Hiroshima trở thành lịch sử.

“Nhưng ngày nay chúng ta sống trong một thế giới khác. Ngay khi tổng thống nhận ra những điều mờ ám trong Trinity - chúng ta đang nói về việc giải phóng trí thông minh con người ra khỏi thân xác, lay trời - ông biết rằng mình sẽ bị công kích chính trị nếu công chúng biết ông cứ tiến hành mọi việc mà không quan tâm gì đến các vấn đề luân lý, đạo đức. Hãy nhìn cơn giận dữ của công chúng xung quanh những nghiên cứu về nhân bản vô tính và phôi thai thì biết. Vì vậy tổng thống yêu cầu phải giám sát khía cạnh đạo đức. Ông ấy biết cuốn sách của tôi, ông ấy biết công chúng sẽ tin rằng tôi nói sự thật, và ông ấy tin tôi vì ông ấy biết anh tôi. Hơn nữa, sự khách quan đầy lương tâm của tôi còn có tính huyết thống, từ cha tôi với Dự án Manhattan. Vậy thử hỏi còn ai hơn tôi?”

Rachel lắc đầu. “Vậy tại sao anh lại trở thành bác sĩ mà không phải là nhà vật lý?”

Cô này không sao thoát khỏi cái bóng của một bác sĩ tâm thần. Hay có lẽ chỉ đơn thuần vì cô là phụ nữ. “Sau Hiroshima, cha tôi phải chịu một cuộc sống tồi tệ. Edward Teller tiếp tục dần lên sáng chế bom khinh khí. Oppenheimer phản đối. Cha tôi cũng vậy. Ông đòi chuyển ngành. Tướng Grover không muốn nhả ông ra khỏi ngành vũ khí, nhưng họ đồng ý cho ông một công việc mang tính kỹ thuật nhiều hơn, ít dính dáng đến những đầu đạn hạt nhân hơn. Họ chuyển ông về một phòng thí nghiệm quốc gia ở Oak Ridge, Tennessee.”

“Thế sao cha anh không bỏ việc luôn đi?”

“Cuối cùng ông ấy đã làm thế. Nhưng hồi đó là Chiến tranh Lạnh. Khi ấy có đủ loại áp lực. Oppenheimer bị ngược đãi nhiều năm vì phản đối bom khinh khí. Cha tôi gặp mẹ tôi cũng chính ở Oak Ridge. Ở đó đời sống trở nên dễ chịu hơn. Rồi ông bà sinh ra anh tôi. Tôi sinh sau khá lâu. Một tai nạn, thật ra là thế.” Tôi mỉm cười khi nhớ lại cha mẹ tôi bộc bạch điều đó với tôi. “Tôi lớn lên ở Oak Ridge, nhưng khi tôi đến tuổi thiếu niên thì cha tôi đã bỏ vật lý hạt nhân và đưa chúng tôi về Huntsville bang Alabama, nhờ đó ông có thể làm việc cho chương trình không gian.”

“Tôi vẫn chưa thấy mối liên hệ với y học.”

“Mẹ tôi là bác sĩ nhi khoa ở Oak Ridge. Bà đã làm được nhiều điều tốt. Chẳng cần phải là thiên tài mới nhận ra công việc mang lại cho mẹ tôi nhiều hạnh phúc hơn cha tôi. Điều này đã ảnh hưởng đến tôi.”

Tôi nhìn xuống điện thoại, chỉ mong nó lại đổ chuông lần nữa. “Đêm qua, tôi mới chỉ nói với cô một phần sự thật. Khi tổng thống trao cho tôi chức vụ này, tôi có cảm giác kỳ quặc rằng đây là quả báo. Tôi được trao một cơ hội mà cha tôi chưa bao giờ có ở Los Alamos. Cơ hội để thực thi kiểm soát đối với một công trình khổng lồ có thể thay đổi vĩnh viễn cả cái thế giới này. Xem sự thay đổi đó là tốt hay xấu, thiện hay ác. Tôi cảm nhận điều đó vào cái ngày tôi bước chân đến Phòng Bầu dục, và

chính điều đó đặt tôi vào đây.”

Rachel hít sâu rồi thở ra thật chậm. “Tất cả là thật đấy chứ? Tôi muốn nói đến Trinity.”

“Thật. Và tôi phát cuồng lên vì vui sướng khi McCaskell gọi lại cho tôi. Chúng ta cần tổng thống vô cùng.”

Tôi đứng dậy, nửa muốn mở lại tin nhắn của McCaskell, nhưng cơn mệt mỏi đã ập xuống. Tôi hy vọng chỉ là do kiệt sức, nhưng rồi những tiếng o o quen thuộc cứ rít lên trong răng hàm. Nhớ ra không còn viên amphetamine nào cả, tôi lấy một lon Mountain Dew từ trong tủ lạnh, bật nắp và uống một hơi dài để có chút caffeine.

“David?” Rachel nhìn tôi lạ lùng. “Anh có sao không? Trông anh run rẩy quá.”

“Tôi ngất mất,” tôi vừa nói vừa uống thêm một ngụm soda nữa.

“Ngất?” Đôi mắt cô mở to. “Chứng ngủ rũ?”

Cô chưa bao giờ chứng kiến một trong những cơn bệnh của tôi. Khi tôi gật đầu, như có một màn đen lướt qua mắt tôi. Nó để lại một cảm giác đe dọa mơ hồ, tựa chừng vừa có ai trong phòng với chúng tôi, ngay đó nhưng tôi không nhìn thấy. “Tôi đang bỏ sót một việc,” tôi nói to ý nghĩ của mình lên.

“Anh đang nói về chuyện gì?”

Hình ảnh Geli Bauer vụt hiện trong trí tôi. “Chúng ta đang lâm nguy.”

Rachel trông có vẻ lo lắng cho tôi hơn là lo sợ mối hiểm nguy bên ngoài. “Nguy hiểm loại nào?”

“Có gì đó bất thường trong cách mọi chuyện diễn ra. Godin cho chúng tôi nghỉ... Hồ sơ của tôi bị lấy cắp khỏi phòng làm việc của cô... McCaskell gọi. Tôi đang bỏ sót điều gì đó, nhưng tôi quá mệt nên không thể nghĩ ra.”

“Tôi nghĩ McCaskell gọi đến là tin tốt chứ.”

“Đúng. Nhưng chỉ....” Dù chờ đợi, tôi vẫn thấy cần súng trong tay đến phát điên. “Tôi nhờ cô một việc. Chờ tôi ở đây hai phút.”

“Cái gì?” Mắt cô tối sầm vì lo âu. “Anh định đi đâu?”

“Sang nhà bên cạnh.” Tôi hồi hải ra cửa sau.

“David! Lỡ anh bị ngất thì sao?”

“Có ai gọi cũng đừng mở cửa!” tôi kêu lên. “Nhưng nếu điện thoại reo thì trả lời và bảo tôi sẽ về ngay.”

Tôi chạy ra ngoài và phóng qua hàng rào dày bao quanh sân sau những ngôi nhà trên phố. Tôi phóng vọt qua cả ba mảnh sân, rồi đi tắt qua bờ rào phía sau một kho chứa đồ nhà hàng xóm. Hai giờ đêm qua tôi đã lén ra khỏi nhà và giấu chiếc hộp của Fielding dưới chỗ này. Bên trong chiếc hộp của Fielding là những linh kiện điện tử, một phần cuốn băng ghi video của tôi, lá thư của Fielding và khẩu súng. Tôi quỳ xuống lấy lại chiếc hộp rồi trườn qua hàng rào và chạy thục mạng về sân nhà mình. Khi tôi về đến nơi, tôi có cảm giác như một thằng say rượu chạy trong một thành phố xa lạ.

Rachel đang đợi tôi ngay ở cửa sau. “Đó là món đồ đêm qua,” cô nói. “Tại sao anh lại cần nó?”

Tôi nghiêng chiếc hộp cho cô thấy khẩu súng.

Cô bước lùi lại. “David, anh làm tôi sợ.”

“Cô phải đi khỏi đây ngay. Cô sẽ ổn trong thời gian tôi kể chuyện của tôi với McCaskell.” Tôi để chiếc hộp xuống đất, giắt súng vào thắt lưng rồi dẫn cô ra phía trước nhà. “Hãy ở nơi công cộng đến hết ngày, như siêu thị chẳng hạn. Đừng về nhà trước khi tôi gọi cho cô.”

Cô trì người lại và không để tôi kéo đi ra cửa. Động tác quả quyết của cô khiến chúng tôi nhìn thẳng vào mắt nhau. “Dừng lại ngay! Anh đang mất phương hướng và có thể tự bắn mình do bất cẩn.”

Tôi định trả lời, nhưng lời nói của tôi như bị hút xoáy vào khoảng tối của trí não. Một giây nữa là tôi bất tỉnh mất.

“Tôi sắp ngãt.”

Cô nắm lấy cánh tay tôi và kéo lê tôi vào phòng, tìm chỗ đặt tôi nằm xuống. Tôi chỉ cửa phòng ngủ của khách. Cảm thấy tôi sắp ngã, cô kéo tôi qua cửa rồi buông tôi ngã sấp xuống nệm.

“Anh có thuốc men gì không?”

“Hết rồi.”

Tiếng bước chân cô xa dần. Tôi nghe tiếng cửa tủ sập mạnh, rồi tiếng Rachel tự nói với mình. Khi tiếng cô nghe gần hơn, tôi cố lật người lại. Bóng người che tối khung cửa.

“Cà phê đang pha,” Rachel nói. “Anh còn tỉnh không?”

“Hơi hơi.”

Cô nhìn tôi như người ta nhìn một con vật trong quá trình thí nghiệm. “Trong bếp của anh không có thức ăn gì cả, ngoài hũ muối khô như đá. Lần anh ra chợ gần đây nhất là bao giờ?”

Tôi không nhớ nổi. mấy tuần gần đây là những giờ làm việc liên miên với Fielding về các thí nghiệm mà tôi hầu như chẳng hiểu mấy.

Rachel ngồi lên giường và đặt ngón tay lên động mạch cảnh của tôi. Đầu ngón tay cô mát rượi.

“Trước đây có lần tôi cũng thế này,” cô vừa nói vừa nhìn đồng hồ, môi cô khẽ mấp máy đếm mạch cho tôi. “Sau khi tôi mất đứa con trai. Ý tôi là không đi chợ. Không trả hóa đơn. Không tắm. Tôi đoán đàn ông cần nhiều thời gian hơn để thoát khỏi tình trạng đó. Cuối cùng, tôi cố làm mấy việc vặt để lập lại trật tự cuộc sống. Nhờ đó tôi mới không phát điên.”

Tôi thấy mình mỉm cười. Tôi thấy thích vì cô đã không để môn bệnh học tâm thần xen vào cách dùng những từ ngữ như điên. Tôi cũng thích cách cô đặt ngón tay lên cổ tôi. Tôi muốn nói với cô cái cảm giác được cô chạm vào. Nó nhắc tôi nhớ đến một người, nhưng tôi không rõ là ai...

“Sinh nhật anh là ngày nào?” cô hỏi.

Tôi không thể nhớ ra.

“David?”

Một làn sóng đen ập lên tôi, bao trùm tôi trong bóng tối.

Tôi đang bước đi trên vỉa hè một khu ngoại ô, ngắm nhìn những ngôi nhà đáng vẻ hoàn hảo xếp hàng ngay ngắn. Đó là phố Willow. Tôi sống ở Willow - dù sao thì cũng ngủ ở đó - nhưng nó chẳng giống con phố tôi sống hồi bé mấy. Ở phố Willow, tôi không biết rõ hàng xóm, và có những người tôi chẳng biết tí gì. NSA bảo tôi không được làm quen với ai, và hóa ra điều đó lại rất dễ. Ở phố Willow, không ai cố gắng để bắt quen. Ở Oak Ridge, nhà cửa nhỏ hơn, nhưng tôi có thể kể tên tất cả những người sống trong đó. Xóm nhỏ nhà tôi là một thế giới riêng, đầy những khuôn mặt mà tôi biết rõ như người thân trong gia đình. Ở phố Willow, trẻ con ở trong nhà nhiều hơn ra đường. Những ông bố không tự xén cỏ trong vườn, mà thuê người khác làm. Ở Oak Ridge, các ông bố tự chăm sóc bãi cỏ nhà mình như một thái ấp nho nhỏ, dành hàng giờ bàn bạc với nhau về các loại máy cắt cỏ và cách bón phân.

Tôi đi vòng qua góc phố và nhìn thấy ngôi nhà của mình. Ngôi nhà trắng với thảm cỏ xanh xén tỉa gọn gàng. Nhìn bề ngoài nó giống nhà, nhưng tôi không có cảm giác ấm cúng. Một con chó đen vô chủ giống Labrador nhảy vọt ra đường, một cảnh hiếm thấy ở đây. Một chiếc Lexus lăn bánh lại phía tôi, khi đi ngang qua tôi nó chạy chậm lại. Tôi vẫy tài xế, một phụ nữ dong dỏng cao, trông hồng hách. Chị ta nhìn tôi chằm chằm như thể tôi là kẻ thóc mách nguy hiểm. Tôi bước qua đường đèn trước cửa nhà mình.

Tôi thò tay vào túi lấy chìa khóa rồi rờ đến tay nắm cửa. Tôi đút cái gì đó vào lỗ khóa, nhưng... không phải chìa khóa của tôi. Nó bằng kim loại mỏng, giống như chiếc giũa. Tôi xoay xoay chìa trong ổ khóa. Hơi bị mắc một chút, nhưng sau đó khóa mở ra. Tôi mở cửa, lách vào bên trong và nhanh chóng đóng cửa lại sau lưng mình.

Tay tôi thọc sâu vào túi bên kia, chạm phải cái gì lạnh lạnh. Các ngón tay bao quanh gỗ, và bàn tay

nắm chặt báng một khẩu súng, một khẩu tự động. Tôi không nhận ra loại vũ khí này. Tôi lấy từ túi bên ra một ống giảm thanh rồi chậm rãi vặn vào nòng súng. Nó vừa khít. Đứng ngoài hành lang, tôi nghe tiếng thủy tinh va vào nhau lách cách. Có ai đang ở trong bếp. Tôi thận trọng tiến lên một bước, chân dậm thử ván sàn, rồi bắt đầu bước...

Tôi choàng tỉnh trong nỗi khiếp sợ và giật phắt khẩu súng từ bên hông ra. Một khẩu súng lục, không phải súng tự động. Và không có ống giảm thanh. Tôi muốn kêu to gọi Rachel, nhưng cố nén lại. Bằng một động tác, tôi lăn khỏi giường, đứng lên, rồi men ra cửa phòng ngủ.

Thoạt tiên tôi chỉ nghe thấy một giọng nữ khẽ ngân nga. Bản nhạc nghe như “California” của Joni Mitchell.

Tiếng sàn gỗ cứng trong hành lang kêu răng rắc.

Tôi khẽ hít hơi rồi nín thở.

Tiếng ván sàn lại răng rắc. Có kẻ nào đang qua cửa, từ phải sang trái. Tôi nhắm mắt chờ đợi. Một tiếng rắc nữa. Tôi đếm chậm đến mười. Rồi tôi dùng bàn tay không nhẹ nhàng xoay tay nắm cửa. Khi đã xoay đủ vòng, tôi giật mạnh cửa ra, lao vào phòng khách, nhắm khẩu 38 ly sang bên trái.

Một thanh niên tóc dài màu vàng hoe đứng cách tôi hai mét, hai cánh tay giơ qua cửa bếp. Tôi không nhìn thấy bàn tay, nhưng tôi biết chúng đang nâng một khẩu súng.

Tôi kéo cò.

Không có tiếng nổ hay tiếng cạch nào cả. Hóa ra tôi chưa gạt chốt an toàn, nên cò súng hai nấc chỉ đi được nửa chừng. Tôi nhả nó về, thằng tóc vàng quay người lại và đập vào mắt tôi là một khẩu tự động có ống giảm thanh, nòng súng đen ngòm không đáy. Đúng lúc này cò súng của tôi giật mạnh, và một tia lửa vàng cam phụt ra chiếu sáng rực hành lang. Tôi chớp chớp nhắm và khi mở mắt ra thì thằng tóc vàng đã biến mất.

Một giọng phụ nữ thét lên khiến màng nhĩ tôi ê buốt.

Tôi nhìn xuống. Thằng tóc vàng nằm trên sàn nhà, máu tuôn ra từ sọ hắn. Tôi bước lại đạp chân lên cổ tay đang giữ súng của hắn. Tiếng thét vẫn không dứt. Tôi liếc sang bên phải. Rachel đang đứng tựa lưng vào bồn rửa bát, mặt cô xám ngoét, mồm há hốc.

“Im ngay!” tôi quát. “Im!”

Mồm cô vẫn há, nhưng tiếng kêu tắt lịm.

Tôi giật khẩu tự động khỏi tay thằng tóc vàng, rồi kiểm tra mạch ở cánh tay hắn. Như sợi chỉ. Viên đạn xuyên qua sọ chỉ trên vành tai phải một chút. Đôi mắt xám của hắn trợn trừng, cả hai đồng tử bất động và giãn rộng. Tôi cúi xuống, thấy chất óc của hắn lộ ra. Hắn không thể sống quá năm phút.

Tôi cảm nhận hơn là nhìn thấy Rachel di chuyển. Nhìn lên, tôi thấy cô đang cầm ống điện thoại trong bếp; sắp sửa quay số.

“Bỏ xuống.”

“Tôi gọi cứu thương.”

“Hắn không còn cơ hội đâu.”

“Làm sao anh biết được!”

“Tất nhiên là tôi biết. Nếu cô không tin thì kiểm tra đi.” Tôi đứng thẳng lên. “Mà ngay cả khi hắn có cơ hội sống thì ta cũng không thể liệu được.”

“Cái gì? Anh nói sao?”

“Cô nghĩ thằng này là ai? Một tên lưu manh đường phố chắc? Một thằng nghiện đột nhập vào nhà tôi giữa ban ngày? Cô nhìn hắn xem.”

Rachel liếc xuống chừng vài giây. “Tôi không biết hắn là ai. Anh biết hắn à?”

Khi tôi nhìn kỹ thằng nhãi đã ngỏm, tôi nhận ra mình biết hắn. Ít nhất đã có gặp từ trước. Không thường xuyên, nhưng có lần tôi đi qua hắn trong bãi đậu xe của Trinity, một gã trai gầy cao lêu nghêu,

tóc hoe vàng, có dáng vóc của những người mà ta có thể gặp trên đường núi châu Âu. Giống như Geli Bauer, hẳn có thể chất của một vận động viên leo núi, hoặc một tên lính xuất sắc.

“Tôi biết hẳn. Hẳn làm việc cho Geli Bauer.”

Rachel nheo mắt bối rối. “Ai vậy?”

“Cô ta là Trinity. Cô ta là Godin. Cô ta là NSA.” Tôi quăng cả hai cây súng lên mặt quầy bếp. “Có kẻ đã ra lệnh cho cô ta lấy mạng tôi. Cả cô nữa, có vẻ thế.”

Có gì đó trong tôi vẫn cưỡng lại ý nghĩ cho rằng Peter Godin đã ra lệnh giết tôi. Nhưng ở Trinity không gì có thể thực hiện được nếu lão chưa thông qua.

“Chúng ta phải gọi cảnh sát,” Rachel nói. “Chúng ta sẽ không sao. Hẳn định bắn tôi. Đó là tự vệ, là... giết người có lý do chính đáng, như họ thường nói.”

“Cảnh sát ư? Cô không thể gọi cảnh sát để điều tra NSA. Tôi đã nói với cô rồi.”

“Tại sao không? Hẳn định giết tôi. Đó là hành vi phạm tội.”

Tôi gần như phì cười. “NSA là cơ quan tình báo lớn nhất và bí mật nhất ở Mỹ. Mọi việc nó làm là tuyệt mật. Phải có lệnh của tòa án thì cảnh sát mới có thể bước qua cổng vào căn cứ quân sự Meade.”

“Đây không phải căn cứ quân sự Meade.”

“Đối với NSA, nó là căn cứ quân sự Meade. Nghe này, chúng ta cứ tự lo cho tới khi tôi gọi được cho tổng thống. Cô hiểu không?”

Cô nhìn xuống vũng máu. “Có thể hẳn thật sự là lưu manh đường phố.”

“Cô vẫn không hiểu à? Đó là lý do chúng lấy cấp bệnh án của tôi từ phòng cô đấy!”

“Cái gì?”

“Chúng đã tính đến chuyện giết cô.”

Cô há mồm ra nhưng không nói gì.

“Nếu không thì chúng đã phải photocopy bệnh án và để lại chỗ cũ. Chúng không muốn để lại một thứ gì ở phòng khám để cảnh sát Durham có thể liên hệ cô với dự án.”

Cô lắc đầu, nhưng lý lẽ của tôi khó mà bác bỏ. Tôi giắt khẩu tự động vào thắt lưng rồi nhặt khẩu 38 ly của mình lên.

“Chúng ta phải rời khỏi đây. Thật nhanh. Có thể bọn khác đang đến gần.”

Mắt cô mở to. “Bọn khác?”

Tôi bỗng ngộ ra tất cả. “Bọn NSA nghe trộm điện thoại của tôi. Khi chúng thấy Ewan McCaskell để lại tin nhắn, chúng biết tôi chưa nói chuyện được với tổng thống. Đó là tất cả những gì mà chúng mong đợi. Tôi đã quá kích động khi thấy tin nhắn.”

Tôi nắm tay cô. Bàn tay lạnh và mềm rũ. “Chúng ta phải chạy thôi. Rachel. Ngay bây giờ. Nếu không, chúng ta chỉ có nước chết ở đây thôi.”

“Chạy đi đâu?”

“Bất cứ đâu. Không xác định. Chúng ta phải biến mất.”

“Không. Chúng ta không làm gì sai.”

“Điều đó chả có nghĩa lý gì.” Tôi chỉ vào gã nằm trên sàn và thấy hẳn không còn thở nữa. “Cô có nghĩ rằng cái xác này là một trong những ảo giác của tôi không?”

“Anh đã giết hẳn,” cô nói với giọng của một đứa trẻ.

“Và tôi có thể làm lại điều đó. Lúc ấy hẳn chuẩn bị nã một phát đạn vào đầu cô.”

Cô loạng choạng. Tôi đỡ cô, rồi dìu cô vào phòng ngủ của khách nơi tôi bị bắt tỉnh ít phút trước.

“Cô nghỉ ở đây. Tôi phải đi kiểm mấy thứ.” Tôi cố nhét khẩu 38 ly vào tay cô, nhưng cô rụt lại. “Cô giữ đi,” tôi nài nỉ, bắt cô nắm lấy súng. “Nếu cô một mình ra khỏi đây, cô sẽ bị giết.”

Cô trừng trừng nhìn tôi với cặp mắt trống rỗng.

Tôi lấy khẩu tự động ra khỏi thắt lưng, kiểm tra để đảm bảo chốt an toàn đã gạt. “Hứa với tôi là

đường ra khỏi đây nhé.”

“Tôi sẽ không ra khỏi đây,” cô dờ dẫm nói.

Tôi rời phòng khách và lao nhanh lên gác. Phòng ngủ của tôi ở bên trái cầu thang. Phía bên phải là một phòng ngủ tôi dành để chứa đồ. Tôi kéo một chiếc ghế cũ vào hốc nhỏ trong phòng rồi đứng lên. Với tay là tôi có thể chạm tới tấm gỗ dán dẫn lên gác xép. Tôi đẩy mảnh gỗ vuông ra rồi dùng sức nâng mình chui vào đó.

Tôi đứng lom khom để khỏi bị dính trên xà gồ thò ra đâm phải, tôi giữ thăng bằng trên rui nhà, nhìn quanh để tìm phương hướng. Ánh sáng lọt qua mái chìa và lỗ thông hơi dưới vòm đủ để tôi thấy đường. Tôi dò dẫm hai mươi bước sang phải rồi quỳ xuống. Nằm trên tấm cách nhiệt bằng sợi thủy tinh màu hồng là một chiếc búa và một cái xà beng tôi để lại cách đây bốn tuần, hình như bất cẩn bỏ quên. Tôi nhặt chúng lên và bước nhanh đến chỗ sàn lát gỗ dán dày 6 li.

Lách xà beng vào khe giữa hai tấm gỗ, tôi gõ búa cho lún sâu xuống, rồi bẩy mạnh xà beng. Tấm gỗ dán toác ra. Tôi cắm đầu xà beng vào lỗ nứt ấy, bẩy mạnh lên, làm toác một mảnh gỗ chừng sáu mươi phân. Tôi lôi một chiếc túi thể thao nhỏ bằng nylon từ hang tối phía dưới, kéo mở khóa ra. Ánh sáng mờ mờ lọc qua mái chìa chiếu sáng những đường nét chữ nhật của một hộ chiếu và hai xấp tiền khá dày. Mỗi xấp toàn tiền 100 đô. Tất cả khoảng hai mươi nghìn đô.

Cách đây năm tuần, khi Fielding nói với tôi rằng tôi cần phải giấu một cái bọc như thế, tôi đã cười ông. Nhưng ông đã tiên liệu ngày này sẽ tới. Kéo khóa túi lại, tôi bò trên rui nhà, tìm đến lỗ thông mà ném chiếc túi xuống sàn. Cánh tay tôi run lên vì căng thẳng khi tôi thả người xuống ghế rồi kéo tấm gỗ vuông đẩy lỗ thông lại như cũ.

Khi chân tôi vừa chạm sàn nhà, hình ảnh Rachel hoảng hốt chạy ra khỏi nhà bỗng ngập tràn tâm trí tôi. Tôi nắm chiếc túi và chạy xuống gác.

Cô vẫn ngồi trên giường, mắt dờ dẫm vì sốc.

“Đến lúc đi rồi,” tôi nói. “Cô sẵn sàng chưa?”

Cô chớp mắt nhưng không nói gì.

Tôi nắm lấy tay cô, kéo cô đứng dậy. “Tôi cần cô bình tĩnh được năm phút, sau đó cô có thể gục xuống nếu cần. Nào ta đi.”

Tôi kéo cô qua hành lang và bếp đến phòng giặt đồ có cửa thông ra ga ra. Để cô đứng đó, tôi chạy vào lấy chiếc hộp của Fielding ở cửa sau rồi quay lại lấy khẩu 38 ly từ tay cô.

“Cô cầm lấy cái này,” tôi vừa nói vừa đưa cho cô chiếc hộp. “Cứ đợi ở đây đến khi tôi gọi cô.”

Không ngập ngừng để nỗi sợ có cơ lấn át, tôi mở toang cửa từ nhà ra ga ra rồi chĩa súng xông vào, lia từ trái qua phải, bao quát mọi góc bắn.

Ga ra trống rỗng.

Tôi lướt nhanh một vòng quanh chiếc Acura của mình, rồi quỳ xuống nhìn dưới gầm.

“Nào đi!” tôi kêu to. “Nhanh lên!”

Đế giày của Rachel rin rít trên sàn xi măng trơn nhẵn. Tôi mở cửa xe cho cô, đỡ lấy chiếc hộp của Fielding và đặt xuống ghế sau. “Nếu có chuyện gì xấu xảy ra, nó sẽ xảy ra ngay bây giờ.” Tôi vừa ngồi vào sau tay lái vừa nói. “Cô ngồi thấp xuống.”

Cô tuột xuống sàn xe. Chỗm đầu cô chỉ hơi cao hơn khung cửa. Tôi ấn đầu cô xuống, rồi khởi động máy và lùi xe.

“Cứ ngồi yên thế.”

Tôi chạm tay vào hộp điều khiển từ xa kẹp trên tấm chắn nắng. Động cơ nâng cửa ga ra rú lên trên đầu chúng tôi, rồi cánh cửa ga ra rộng màu trắng từ từ kéo lên. Tôi siết chặt khẩu súng của tên giết người trong tay, nhìn xem có bóng đôi chân nào trong khoảng nắng chữ nhật đang mỗi lúc một rộng ra không.

Không có gì.

Đúng khoảnh khắc cửa ga ra nâng lên khỏi nóc xe, tôi rút ga. Chiếc Acura lùi vọt ra sân xi măng giữa ánh nắng lóa mắt. Tôi bấm điều khiển từ xa để đóng cửa ga ra, rồi đánh tay lái sang trái. Tôi không rà phanh cho đến khi chiếc xe thẳng hướng phố Willow.

“Chuyện gì vậy?” Rachel hoảng hốt kêu lên vì thấy tôi dừng đột ngột.

“Ngồi xuống!”

Tôi định bụng cứ thông thả chạy nếu đường phố vắng người, nhưng khi chúng tôi dừng lại, tôi mơ hồ cảm thấy có tay thiện xạ vô hình đang ngắm bắn chúng tôi. Tôi sang số, nhấn hết ga lao thẳng lên phố Willow, để lại trên mặt đường sau lưng vệt bánh xe cao su dài hai mét.

Tủ sách

Chia sẻ

CHƯƠNG 13

Tại trung tâm điều khiển của tòa nhà Trinity, Geli Bauer đứng bất động nói vào ống nghe.

“Chúng tôi nghe thấy tiếng súng nổ. Trong nhà Tennant.”

“Chẳng phải cô đang mong chờ điều đó ư?” Skow hỏi.

Đồ ngu. “Không. Súng của Ritter có giảm thanh.”

“Và đêm qua Tennant có mang theo súng?”

“Đúng.”

Skow tiếp tục im lặng. “Điều đó không có nghĩa là Ritter đã gục.”

“Không. Thực ra tôi không thể hình dung một kịch bản như thế.”

“Tốt. Bây giờ cô muốn làm gì?”

Geli luôn coi Skow là một tên lính suông, vì khi viên đạn bay đi, gã chỉ chờ Geli hướng dẫn. “Tôi đã rút hết lực lượng quan trọng của mình về để không còn tình trạng khả nghi. Nhưng nếu tôi không cầm chắc được thắng lợi trong vòng năm phút nữa, tôi sẽ tung một đội vào đó để điều tra.”

“Cô có gì nguy trang không?”

“Một chiếc xe tải làm dịch vụ vệ sinh thảm.”

“Có thể nào người ta đã báo về tiếng súng nổ cho cảnh sát địa phương không?”

“Có thể đấy. Nếu xe tuần cảnh bắt ngờ xuất hiện khi chúng ta chưa kịp xóa sạch hiện trường...”

“Dùng quyền ủy nhiệm NSA cho cô để cách ly ngôi nhà,” Skow kết thúc, cuối cùng cũng tỏ ra đôi chút can đảm. “Xong gọi ngay cho tôi.”

“Tôi sẽ gọi.”

“Tôi gác máy đây.”

“Đợi chút.”

“Cái gì nữa?”

Geli đã chán nản trong bóng tối. “Tennant hỏi tôi về chiếc đồng hồ bỏ túi.”

“Chiếc đồng hồ bỏ túi nào?”

Chiếc máy dò nhằm nhí của ả chỉ kích kim. “Sáng nay tôi đã soát kho. Tìm các đồ dùng cá nhân của Fielding. Tất cả đều còn chỉ trừ chiếc đồng hồ bỏ túi.”

Skow im lặng hồi lâu. Rồi gã như tự nói với mình, “Chắc Fielding đã cho hắn biết điều gì đó về cái này.”

“Thế anh có muốn cho tôi biết điều gì đó về chuyện này không?”

“Có biết cũng chẳng cần thiết cho công việc của cô.”

Nổi tức giận xoẹt qua người ả. “Nếu là về suy nghĩ của Tennant thì cũng quan trọng đấy.”

“Quan trọng. Nhưng không phải với cô. Cứ tiếp tục báo cáo tình hình ở nhà đó cho tôi.”

Skow gác máy.

Geli ngồi vào ghế của mình. ả ghét bị giấu giếm, nhưng đó là bản chất của công tác tình báo. Hãy giữ chúng trong bóng tối và nhồi nhét cho chúng đầy những chuyện tầm phào. ả thừa hiểu tầm quan trọng của việc đừng tò mò những chuyện không cần biết. Trong hai năm qua, ả không thấy thật sự cần biết các nhà khoa học đang làm gì. Nhưng sự thể đã thay đổi. Từ khi dự án bị treo, Peter Godin cứ đi suốt, hình như là đi thăm trụ sở chính của tổ hợp ở California. Geli không còn tin điều đó nữa. Đôi khi Godin kéo Ravi Nara đi theo, và điều đó thật vô lý. Nara chẳng liên quan gì tới Siêu máy tính Godin, thậm chí Godin còn không ưa tay bác sĩ thần kinh này.

Bây giờ thì Godin lặn mất tăm. Hay Godin đã mang chiếc đồng hồ bỏ túi của Fielding đi theo? Tại

sao chiếc đồng hồ lại quan trọng đến thế? Khi Fielding mới đến làm việc ở Trinity, một kỹ sư của NSA đã tháo rời chiếc đồng hồ ra để chắc chắn nó không chứa thiết bị ghi dữ liệu. Anh ta tuyên bố nó sạch. Năm nay nó lại được tháo ra một lần nữa, vào một ngày chọn ngẫu nhiên. Đồng hồ vẫn sạch. Vậy tại sao nó lại bị lấy cắp khỏi kho chứa đồ. Geli hình dung ra chiếc đồng hồ trong trí. Một chiếc vỏ bằng vàng nặng, hiếm khi được sử dụng. Có một dây chuyền gắn vào đó, ở cuối sợi dây là một viên pha lê. Nhưng pha lê trong suốt. Bên trong nó không thể giấu giếm thứ gì được. Ít nhất là những thứ đã biết.

Đường dây nổi trực tiếp của ả với NSA nhấp nháy đỏ. ả chuyển sang tai nghe. “Bauer.”

“Jim Conklin đây.” Conklin là đầu mối liên lạc chính của ả tại Crypto City ở căn cứ quân sự Meade.

“Chuyện gì thế?”

“Chúng tôi vẫn đang tiếp tục kiểm soát cuộc gọi từ các điện thoại công cộng xung quanh nhà Fielding. Tất cả các trạm điện thoại công cộng trong vòng năm cây số, 24/24. Cô đừng bãi bỏ lệnh này.”

“Tôi có ý bãi bỏ đâu?”

“Được. Mấy ngày qua chúng tôi đã dùng tất cả thiết bị kiểm soát sử dụng trong hoạt động chống khủng bố để kiểm tra xem có giọng nói nào khớp không.”

Tim Geli đập dồn dập. “Các anh có được gì sao?”

“Cách đây bốn ngày, Andrew Fielding đã gọi điện từ một cửa hàng tiện lợi kiêm trạm xăng. Tôi nghĩ cô muốn nghe đây.”

“Anh có thể gửi cho tôi file âm thanh được không?”

“Được chứ. Chúng tôi sẽ gửi qua mạng Webworld.” Webworld là một mạng an ninh nội bộ của NSA mà Geli là một trong số những người ngoài hiếm hoi được truy cập. “Cô có cần ảnh phổ của nó không?”

“Không. Tôi biết giọng Fielding.”

“Chờ hai phút.”

Geli bấm tắt, liếc đồng hồ đeo tay, rồi nói “JPEG, Fielding, Andrew.” Một bức ảnh Fielding phủ kín màn hình máy tính của ả. Lão già người Anh tóc bạc có khuôn mặt xương xương điển trai, đôi gò má hồng hào. Khi còn sống, Fielding rất thích rượu gin. Nhưng chính đôi mắt ông ta mới gây ấn tượng. Xanh lấp lánh, có cái vẻ láu lỉnh trẻ con gần như che lấp trí thông minh sâu sắc đằng sau. Khi Geli nhìn vào đôi mắt ấy, ả nhận ra ông ta là một đối thủ ghê gớm như thế nào. Ông ta có thể chết mà vẫn kiểm soát các sự kiện.

Một biểu tượng của file âm thanh nhấp nháy góc màn hình. NSA làm việc thật hiệu quả. ả đang định mở file thì có tiếng bíp ở tai nghe, một mật mã báo động từ nhóm trong xe tải làm dịch vụ vệ sinh thảm.

“Cái gì thế?”

“Có xe tuần cảnh đang chạy trên phố. Chắc có kẻ đã báo về tiếng súng nổ.”

Geli nhắm mắt. Có lẽ ả phải xin phép chính quyền liên bang để phong tỏa nhà Tennant. Cảnh sát thành phố sắp biết về sự hiện diện của NSA ở Chapel Hill rồi.

“Tôi đến ngay đây.”

“Chúng tôi rút.”

Geli nhấn nút trên bàn làm việc, báo động đến tất cả nhân viên các đội an ninh của ả, dù ở trong cơ quan, đang làm nhiệm vụ trực ban, hay đang ngủ ở nhà. Hai phút sau, một mạng lưới đã bủa vây nhà Tennant từ mọi hướng.

Tủ sách

CHƯƠNG 14

Tôi sắp lái xe ra khỏi khu nhà thì nhận ra mình đã mắc sai lầm. Con đường xa lộ rộng mênh mông tưởng là lối thoát nhưng không phải. Tôi biết Geli Bauer quá rõ. Đánh mạnh tay lái sang trái, tôi quay đầu xe ở giữa phố Hickory, rồi ngoặt lên Elm.

“Sao anh lại quay lại?” Rachel đang ngồi bệt dưới sàn xe phía ghế khách hỏi.

“Cô đã đi sẵn thỏ bao giờ chưa?”

Cô chớp mắt bối rối. “Thỏ à. Tôi là người New York cơ mà.”

Một phụ nữ đi xe đạp leo núi ngang qua chúng tôi đưa tay vẫy, đưa bé con ngồi ghế gắn trên chắn bùn sau. Trong cảnh ngộ hiện thời của chúng tôi, hình ảnh này giống như siêu thực.

“Khi con thỏ chạy thoát thân, nó chạy nhanh như chớp theo một đường đích dắc. Nhưng nó luôn chạy vòng về nơi xuất phát. Đây là một chiến lược chạy trốn tuyệt hảo. Tất nhiên, người săn thỏ biết điều đó. Chính vì thế họ dùng chó săn. Lũ chó rượt đuổi thỏ trong khi người thợ săn đứng đó chờ bắn thỏ khi nó quay vòng trở về.”

Nét mặt Rachel lộ vẻ khó chịu. “Thật là dã man.”

“Nhờ thế mới có thực phẩm mà ăn. Vấn đề là, bọn đuổi bắt tưởng chúng ta chạy trốn như người. Nhưng chúng ta lại học bài học của thỏ.”

“Làm thế thì chúng ta được gì?”

“Đầu tiên là vì một chiếc xe. Chiếc xe này chỉ chạy được không quá tám cây. Xe cô cũng thế.”

“Vậy ta có thể lấy xe của ai?”

“Cô cứ ngồi cho vững đi đã.”

Phố Elm bao quanh khu nhà tôi. Khi đến cổng phía Đông của phố Oak - phố này song song với Willow - tôi quẹo trái. Trong khi lái xe, tôi quan sát giữa các ngôi nhà để kịp thoáng thấy dãy mái nhà phố tôi. Khi nhìn thấy nhà mình, tôi quan sát các bãi cỏ phía trước. Phía trên phố Oak một trăm mét, tôi thấy thứ mình muốn tìm. Một tấm biển BÁN NHÀ màu xanh trắng. Ngôi nhà cần bán có lối vào cong dài nhưng không xe nào đậu cả. Rẽ vào lối vào nhà, tôi lanh lẹ đánh tay lái khỏi đường xi măng rồi chạy lại đậu sau một bụi hoàng dương rậm rạp.

“Theo tôi,” tôi vừa ra khỏi xe vừa nói.

Rachel đứng lên khỏi sàn xe, mở cửa. Mặt cô tái xanh, tay run lẩy bẩy. Có lẽ phát súng ở nhà tôi đã làm cô bị sốc. Nó cũng làm cho cả tôi lo lắng. Trước đây tôi đã từng giết người. Tôi đã tiêm cho anh tôi ma túy và kali, rồi nhìn thấy tia ý thức cuối cùng tắt ngấm trong cặp mắt. Nhưng bắn vỡ óc một người là chuyện hoàn toàn khác. Và khi Geli Bauer biết tôi đã giết một trong những thủ hạ của ả, ả sẽ sẵn lòng tôi cùng trời cuối đất để trả thù.

Tôi bước lại gần Rachel, kéo cô lại và ôm cô như trước đây tôi đã từng ôm vợ con tôi. “Chúng ta sẽ ổn thôi,” tôi nói mà không tin tưởng lắm. Mùi tóc cô thật gần gũi. Vợ tôi cũng thường dùng loại dầu gội này. Tôi gạt kỷ niệm ra khỏi trí óc. “Nhưng chúng ta phải chạy trốn. Cô hiểu không?”

Cô gạt đầu trên ngực tôi. Tôi vuốt tóc cô, vẫn còn bàng hoàng trước những gì đã xảy ra với mình. Cách đây ba mươi phút, tôi tưởng cơn ác mộng này đã qua đi. Evan McCaskell sẽ gọi lại, và tổng thống sẽ kiểm soát được Trinity. Bây giờ thì hy vọng đã tan thành mây khói.

“Chúng ta phải đi bộ một chút,” tôi nói, “rồi sau đó sẽ mượn xe. Sẽ không có ai ngăn cản chúng ta. Trông chúng ta sẽ giống người bán hàng khi tôi cầm chiếc hộp của Fielding. Cô có làm nổi không?”

Cô gạt đầu.

Tôi lấy chiếc hộp của Fielding trong xe ra rồi đi bộ dọc phố Oak, Rachel đi bên cạnh. “Nơi sân

sau kia có một hàng rào chạy sau những lô đất bên phố tôi. Cô sẽ thấy nó ngay thôi. Chúng ta phải đi tắt qua đó để sang phố tôi. Khi nào đến tôi sẽ bảo.”

Chạy trên vỉa hè, chúng tôi mau chóng vượt qua hàng trăm mét để đến chỗ có thể trông thấy mái nhà tôi. Tôi đặt tay cô chạy qua thêm hai bãi cỏ rồi nói, “Đây rồi. Lối đi tắt giữa các ngôi nhà.”

Có một hàng rào riêng bằng gỗ bịt giữa hai ngôi nhà tôi đã chọn.

“Nếu cổng khóa, chúng ta sẽ trèo vào,” tôi nói.

“Nếu có người ở sân sau?”

“Cứ để tôi xử lý.”

Cổng mở ra dễ dàng. Sân sau có mấy món dụng cụ sân chơi bằng nhựa, một chiếc máy xén cỏ, nhưng không có người. Tôi đặt tay lên thắt lưng Rachel dẫn cô vượt qua sân. Hàng rào sau không có cổng nên tôi cúi người, đan tay để cô trèo qua, rồi tự mình nhảy bật qua rào xuống đất bên cạnh cô.

Khoảng trống giữa hàng rào và tường bao chỉ rộng chưa đầy một mét. Tôi trườn qua một lỗ hổng phía dưới bụi cây, rồi đứng lên sau cái nhà kho mà trước đây tôi đã giấu chiếc hộp của Fielding. Rachel đi theo, nắm chặt tay tôi và nhao người đi. Tôi không biết chủ nhà kho này làm gì kiếm sống, nhưng tôi đoán anh ta buôn bán gì đó, vì anh ta ít khi ở nhà.

Bên trong nhà kho mờ tối, sặc mùi chuột chết và mùi dầu máy. Hàng loạt dụng cụ treo vào các móc trên bảng. Tôi tìm một chiếc xà beng giống chiếc trên gác xép nhà tôi, nhưng không thấy cái nào. Quỳ xuống, tôi xem xét gầm giá đựng đồ. Ở đó chủ nhà xếp gọn ghề các đồ đi câu. Không có cái gì đủ nặng để dùng vào việc của tôi.

“Tôi khó thở quá,” Rachel kêu lên.

“Đây là tại cái mùi. Cô ra ngoài đi.”

Khi cô ra rồi, tôi thấy một chiếc búa tạ dựa trong góc. Tôi cầm nó lên đi ra ngoài. Rachel đang cúi gập người, hai tay ôm gối.

“Cái đây để làm gì vậy?” cô hỏi.

“Lại đây.”

Tôi xách búa phi ra cửa sau, vung lên theo đường vòng cung bổ mạnh vào chiếc khóa. Cửa toác ra một lỗ. Vứt búa xuống, tôi chui vào ngôi nhà tối om. Rachel theo sau. Tôi không nghe thấy tiếng chuông báo động, nhưng có thể có loại báo động không kêu. Đường dây dẫn thẳng đến dịch vụ an ninh.

“Tôi cần tìm nhà bếp,” tôi bảo cô.

“Lối này. Tôi ngửi thấy mùi tỏi, và mùi nước rửa chén.”

“Tìm móc treo tường. Tôi cần tìm chìa khóa xe.”

“Anh bật đèn lên thì dễ tìm hơn.”

Tôi bấm một công tắc ở tường và bếp tràn ngập ánh sáng. Đó là một gian trưng bày: đầy những thiết bị Viking chuyên nghiệp bằng thép không gỉ. Trong khi Rachel tìm móc treo tường, tôi mở ngăn kéo ra. Cái thì chứa giẻ rửa bát, cái thì gần như đầy ắp phiếu mua hàng giảm giá, điều này có vẻ kỳ cục. Người có tiền mua thiết bị Viking thì chẳng cần cắt phiếu mua hàng ra làm gì.

“Chìa khóa!” Rachel kêu lên, nắm được cái gì đó trên nóc quầy.

Tôi cầm lấy chìa khóa và xem xét. “Cái này là chìa khóa xe cắt cỏ. Tìm tiếp đi.”

Ngăn kéo tiếp theo chứa một hộp đinh, vít, keo dán, kẹp giấy. Không có chìa khóa.

“Tại sao anh chọn nhà này?” cô hỏi.

“Người chủ nhà độc thân và không bao giờ có nhà, nhưng tôi biết anh ta có hai xe.”

“Thấy rồi!” Cô lấy ra một chiếc chìa khóa đen vuông từ một cái móc dưới ngăn tủ. “Chìa khóa xe Audi.”

“Đúng rồi.”

Giống như ở nhà tôi, tôi phải đi qua phòng giặt đồ để ra ga ra. Chắc hai nhà cùng một kiến trúc sư

thiết kế.

“Sao cô biết chìa khóa xe Audi?”

“Chồng cũ của tôi có một cái.”

Tôi mở cửa ra ga ra và thấy một chiếc A8 màu ánh bạc nằm đó như lời đáp cho ước nguyện của mình. Chiếc xe thứ hai của anh chàng này là Honda Accord. Có lẽ anh ta đã vác chiếc Accord ra sân bay cho những chuyến đi xa có mang theo ô tô, và để dành chiếc Audi oách xà lách này để đi lại trên đường.

“Người nào đã có chiếc xe tám mươi ngàn đô chắc phải có hệ thống bảo vệ nhà,” Rachel nói qua vai tôi.

“Cảnh sát chắc đang trên đường đến đây. Chìa khóa đâu?”

Cô thấy chiếc chìa khóa vào lòng bàn tay tôi như một y tá chuyên dao mổ cho bác sĩ giải phẫu, và hai mươi giây sau, để cửa ga ra tự sập xuống sau lưng, chúng tôi đã bon bon trên phố Willow. Tôi nhìn ngược xuôi đường phố Willow, chú ý để không vòng quá xa về bên phải trong khi vẫn để mắt nhìn về phía nhà tôi. Không có ai. Ngay cả một người làm vườn.

“Chúng ta lấy cắp chiếc xe này thì được gì nếu cảnh sát đến theo tín hiệu báo động của chủ nó?” Rachel hỏi.

“Cảnh sát sẽ không biết bị mất thứ gì. Họ không biết có chiếc xe này ở đó. Họ sẽ phải lần theo dấu vết chủ nhà, mà bây giờ có lẽ đang đi công tác ở tận phương nào có trời mới biết.”

Tôi lái ngoặt hai lần thật nhanh và lao lên đường Kinsdale, nhắm thẳng hướng Đông về phía xa lộ liên bang 40. Đường khá đông xe cộ, làm tôi mừng rỡ.

“Chúng ta đi đâu bây giờ?”

Tôi nhào ra ghế sau lấy từ trong hộp ra phong thư dán kín của Fielding, ném lên đùi cô. Tôi chỉ dòng chữ, Đêm thứ Bảy, tôi với Lu Li sẽ chạy xe ra chỗ nhà xanh.

“Chỗ nhà xanh?”

Dùng đầu gối để cầm lái, tôi lục tìm trong ngăn đựng đồ thì thấy một chiếc bút bi. Tôi rút thư ra khỏi bao và viết Nags Head/Bãi Ngoài bên dưới hình vẽ Thỏ Trắng ngộ nghĩnh của Fielding.

“Sao anh không thể nói to lên với tôi?”

Tôi viết nguệch ngoạc, Có thể bọn chúng đang nghe trộm.

Cô giật lấy bút và viết, BẰNG CÁCH NÀO? CHÚNG TA CHỈ VỪA MỚI LẤY TRỘM CHIẾC XE NÀY THÔI MÀ!

“Tin tôi đi,” tôi thì thầm. “Điều đó có thể đấy.”

Cô lắc đầu, rồi viết, Có gì ở Nags Head? Chứng cứ à?

Hình ảnh chiếc đồng hồ bỏ túi của Fielding lóe lên trong óc tôi. Tôi lấy lại bút và viết, Tôi hy vọng thế.

Cô viết, Di động trong túi tôi. Thử gọi cho tổng thống xem?

Tôi lấy bút viết, Chuyện đó lúc này không đơn giản.

“Sao không?”

Không có cách nào viết hết những điều cần nói. Tôi kéo cô sát lại và thì thầm vào tai. “Khi bọn chúng nghe McCaskell nhả, chúng biết rằng có thể thủ tiêu tôi và nói với tổng thống bất kỳ điều gì chúng dựng lên để giải thích cái chết của tôi. Cả của cô nữa.”

“Bịa chuyện thế nào mà giải thích được điều đó?”

“Dễ thôi. Lúc này tổng thống hay rằng chúng hoang tưởng của tôi đã phát triển thành loạn óc. Ravi Nara sẽ viết một bản chẩn đoán chính thức. Y sẽ nói tôi đã trở nên hoang tưởng đến mức nguy hiểm, rằng tôi tin Fielding bị giết trong khi rõ ràng ông chết vì nguyên nhân tự nhiên. Hồ sơ bệnh án của tôi ở phòng khám của cô nói tôi bị hoang tưởng, thậm chí có thể là tâm thần phân liệt. Chúng sẽ được sử

dụng để hỗ trợ cho luận điểm của Nara.” Tôi dời mắt khỏi đường và nhìn cô. “Cô có thấy thủ đoạn nham hiểm không?”

Cô quay đi.

“Không phải là một bức tranh sáng sủa, đúng không?”

“Không. Nhưng anh phải gạt bỏ nó ra khỏi đầu trong ít phút. Anh đang lái xe trên đường. Nếu anh cứ nhất nhất đòi lái xe thì anh cần phải bình tĩnh lại.”

“Nhưng đó không phải chuyện tôi bận tâm lúc này.”

“Vậy chuyện gì?”

Chọn cách trả lời trung thực, tôi sẽ phải chịu rắc rối, nhưng tôi không muốn giấu kín thêm nữa. “Tôi đã trông thấy.”

“Thấy gì?”

“Thấy kẻ định giết cô.”

“Tất nhiên là anh trông thấy. Thì anh phải nhìn thấy mới bắt được hắn chứ.”

Tôi lao xe lên dốc I-40, tăng tốc rồi chạy lẫn vào dòng xe cộ lên phía RTP và Raleigh. “Tôi không định nói thế. Tôi thấy hắn đi bộ trên phố. Phố Willow. Trước cả khi hắn đến nhà. Hắn bước thẳng đến cửa trước.”

“Anh muốn nói gì?”

“Tôi mơ thấy chuyện đó, Rachel.”

Cô nhìn tôi trừng trừng. Trước đây cô chưa từng có mặt bên tôi khi tôi rơi vào trạng thái hoang tưởng. “Anh đã nhìn thấy hắn như thế nào? Giống như những hoang tưởng về Jesus ư? Hay như trong xi nê? Thế nào?”

“Tôi nhìn thấy mọi chuyện theo cách mà cô thấy những gì một tên tội phạm hay một con quái vật nhìn, trong các phim hạng B. Tôi trông thấy nó qua mắt hắn.”

Cô ngả người ra ghế. “Anh hãy nói cho tôi biết chính xác là anh thấy những gì.”

“Những ngôi nhà trên phố tôi. Đôi chân tôi đang cuộc bộ. Một con chó chạy lon ton bên cạnh. Tôi nghĩ mình đang mơ về bản thân. Nhưng khi tôi về đến nhà và thò tay vào túi lấy chìa khóa thì... tôi rút ra một chiếc móc mở khóa.”

“Tiếp tục đi.”

“Tôi mở khóa rồi đi vào bên trong. Tôi nghe thấy tiếng cô trong bếp, và sau đó tôi rút ra một khẩu súng.”

Rachel nhìn chăm chăm qua kính xe, nhưng rõ ràng tâm trí cô đang ở tận đâu đâu. “Điều đó chẳng có nghĩa gì cả,” cuối cùng cô nói. “Những giấc mơ về kẻ lạ đột nhập vào nhà hay phòng ngủ hầu như phổ biến với các bệnh nhân của chúng ngủ rũ. Ngay cả khi anh không bị bệnh ngủ rũ, thì đó cũng có thể là một giấc mơ điển hình, một biến dạng của hiện thực do những nỗi lo lắng gây ra.”

“Không. Giờ giấc ăn khớp rất hoàn hảo. Tôi thấy mỗi nguy trong mơ, và khi tôi tỉnh dậy, thì mỗi nguy đang còn đó trong thực tế. Đúng y như tôi đã trông thấy nó.”

Cô bóp vai tôi. “Anh hãy nghe tôi. Anh đã quen với tiếng động trong nhà mình. Anh lại vừa bị căng thẳng. Anh bỗng nghe thấy một âm thanh lạ, âm thanh gọi ngay cho anh nỗi sợ bị trộm đột nhập. Cửa trước mở ra. Cửa sổ nâng lên. Một tấm ván kêu răng rắc. Phản ứng với những kích thích ấy, trí não của anh tạo ra một giấc mơ về cuộc đột nhập. Điều đó đủ làm anh hoảng sợ để tỉnh dậy. Giấc mơ của anh là một phản ứng với những kích thích bên ngoài, chứ không có gì khác.”

Tôi có nhớ đến tấm ván kêu răng rắc. Nhưng tôi đã tỉnh khi nghe thấy tiếng động đó. “Tôi trông thấy khẩu súng của hắn trong mơ”, tôi buống bình nói. “Đó là một khẩu tự động. Có giảm thanh.” Tôi vỗ vỗ vào khẩu súng đeo bên thắt lưng. “Giống như khẩu này.”

“Trùng hợp thôi.”

“Trước đây tôi chưa bao giờ trông thấy một khẩu súng giảm thanh.”

“Tất nhiên anh đã từng thấy rồi. Anh đã nhìn thấy chúng hàng trăm lần trong phim.”

Tôi nghĩ ngợi về điều này. “Đúng. Nhưng còn một chuyện nữa.”

“Chuyện gì?”

“Đây không phải lần đầu tiên tôi mơ như thế. Tức là trong mơ tôi là một người khác, một người trong hiện tại. Tôi đã mơ như thế vào cái ngày Fielding chết.”

“Anh tả nó cho tôi nghe.”

Một xe tuần cảnh Durham chạy qua chúng tôi trên làn Tây. Tim tôi thót lại, nhưng chiếc xe không chạy chậm lại hay nháy đèn.

“Hôm qua khi tôi đang thu băng video - ngay trước lúc cô đến - tôi mơ thấy mình là Fielding ngay trước và trong lúc ông ấy chết. Điều đó thực đến mức tôi cảm thấy mình đang chết thật sự. Tôi không nhìn được... không thở được. Khi tôi ra mở cửa cho cô, tôi còn không biết đi đường nào.”

“Nhưng Fielding đã chết vào buổi sáng hôm ấy.”

“Vậy thì sao?”

Cô gơ tay lên như để nhấn mạnh một sự việc đã rõ ràng. “Anh không thấy ư? Giấc mơ Fielding của anh không báo trước điều gì. Nó chẳng qua là một phản ứng của nỗi đau. Anh còn mơ thấy những giấc mơ nào như vậy nữa?”

Tôi nhìn lại đoạn đường phía sau. Chúng tôi đã đến Công viên Tam giác Nghiên cứu. Con đường I-40 chạy qua đó. Cách đây chưa đầy hai cây số Geli Bauer đang chỉ huy cuộc săn đuổi tôi.

“David, anh còn mơ thấy những giấc mơ nào như vậy nữa?”

“Bây giờ chưa phải lúc bàn chuyện đó.”

“Có lúc nào tốt hơn sao? Tại sao anh bỏ ba buổi hẹn khám với tôi?”

Tôi lắc đầu. “Cô đã nghĩ là tôi điên.”

“Đó không phải thuật ngữ y học.”

“Dù sao nó cũng mô tả đúng thực trạng.”

Cô thở dài và nhìn trắng cổ xanh mướt bên đường phía cô qua cửa kính.

“Đó là Trinity,” tôi nói. “Phía trên kia kia.”

Phòng thí nghiệm nằm xa đường quá nên quá nhỏ nhìn không rõ.

“Có logo Argus Optical,” cô nói.

“Đó là cái vỏ.”

“À, coi nào... anh giấu tôi những hoang tưởng của anh thì có lợi gì nào? Anh nghĩ anh đang bảo vệ cái phần nào trong con người anh?”

“Chúng ta sẽ nói chuyện đó sau.” Tôi thấy rõ cô không chịu thôi. “Tôi cần thuốc, Rachel. Tôi không thể chịu nổi năm lần choáng ngất một ngày khi chúng ta còn đang chạy như thế này.”

“Anh đang dùng thuốc gì vậy? Modafinil à?”

Modafinil là một loại thuốc tiêu chuẩn điều trị chứng ngủ rũ.

“Đôi khi. Thường thì tôi dùng methamphetamin.”

“David, chúng ta đã nói về tác dụng ngoại ý của amphetamin. Chúng có thể làm các hoang tưởng của anh trầm trọng lên đó.”

“Đó là thứ duy nhất giúp tôi tỉnh táo. Ravi Nara thường cho tôi uống Dexedrine cơ.”

Cô thở dài. “Tôi sẽ kê cho anh một ít thuốc Adderall.”

“Đơn thuốc không thành vấn đề. Tôi có thể tự kê được. Vấn đề là chúng biết tôi cần thuốc. Chúng sẽ canh tất cả các hiệu thuốc”.

“Họ không thể nào bao quát hết các tiệm thuốc ở khu Tam giác này được.”

“Chúng là NSA, Rachel ạ, và chúng biết tôi cần thuốc. Đó là những kẻ đã ghi âm câu chuyện

phiêm trong buồng lái giữa các phi công Nga, những người đã bắn rơi máy bay Triều Tiên trên đảo Sakhalin năm 1983. Đã hai mươi năm qua rồi, và đó là tai nạn ngẫu nhiên. Bọn chúng đang ráo riết truy tìm chúng ta. Cô đã đọc cuốn 1984(1) chưa?”

“Tôi đọc từ hai mươi năm trước.”

“Khi nói NSA là tôi nghĩ đến Anh Cả(2). NSA là thứ tương tự nhất mà chúng ta có ở nước Mỹ này.”

“Nhưng anh vẫn cần thuốc.”

“Chắc cô có quen ai đó.”

“Tôi có thể kiếm được thuốc trong quầy thuốc bệnh viện.”

“Bọn chúng đang canh chừng ta ở đó.”

“Hừ, chó chết thật.”

Tôi hầu như chưa bao giờ nghe thấy cô văng tục. Có lẽ chỉ khi nào cô bận jeans xanh. Có lẽ cô cố giữ vẻ nghiêm trang khi mặc váy lụa với áo bờ lu.

“Tôi biết một bác sĩ ở Bắc Durham, cô ấy sẽ cho chúng ta một ít,” cô nói.

Chúng tôi đã qua Durham lâu rồi và đang thẳng tới Raleigh. Hiểu biết của tôi về Geli Bauer khiến tôi miễn cưỡng nán nã ở vùng này lâu hơn cần thiết. Hơn nữa, thật là nghịch lý, có gì đó trong tôi không muốn các giấc mơ chấm dứt. Giấc mơ trước đã cứu mạng chúng tôi, và mặc dầu tôi chưa bao giờ thú nhận với Rachel, tôi cảm thấy bằng cách nào đó những giấc mơ - tuy có thể đáng sợ - đã cung cấp thông tin về cảnh ngộ khôn khó của chúng tôi, những thông tin mà tôi không thể có được nhờ cách nào khác.

“Chúng ta không thể quay lại,” tôi nói.

“Ngộ nhớ anh bị choáng khi đang lái?”

“Cô đã thấy nó xảy ra như thế nào khi ở nhà tôi. Nó không xảy ra tức khắc đâu.”

“Nhưng khi đó anh không lái xe.”

“Tôi luôn được báo trước vài phút. Tôi sẽ dừng lại ngay khi cảm thấy không ổn.”

Rachel khó chịu ra mặt. Như thể muốn trút bức bối, cô gác một chân lên bảng điều khiển, tháo dây giày, rồi cột chặt lại. Xong cô làm thế với chân kia. Đường như cái thủ tục bắt buộc ấy làm cô bình tĩnh lại.

Tôi chạy lên đường 440 vòng quanh Raleigh rồi nhập vào đường U.S. 64, đi hết đường này là đến Đại Tây Dương. Con đường cao tốc mang đặc trưng miền Nam: hai dải đường xi măng rộng chạy xuyên rừng thông và rừng cây gỗ cứng. Chắc khoảng hai tiếng nữa mới đến chỗ đất thoải xuống phía Bãi Ngoài. Giả như Fielding không chết, có lẽ hôm nay ông sẽ đi trên con đường này, con đường ông đã đi trước đây, đến địa điểm mà vợ tôi và tôi đã đến thăm mười hai năm trước. Những ý nghĩ như thế cho tôi thấy sự mơ hồ không cần thiết của những từ ngữ như không-thời gian. Một người học văn trung bình nghe một từ như thế sẽ tưởng anh ta không bao giờ hiểu được nó. Nhưng điều này hết sức đơn giản. Bất kỳ một nơi chốn nào anh nhìn thấy đều liên hệ đến một thời gian nhất định. Ngôi nhà nhỏ ở Nags Head mà Fielding cùng vợ hưởng tuần trăng mật có vẻ như là nơi vợ chồng tôi từng ở, nhưng thực tế lại không phải. Trong khuôn khổ không-thời gian, nó hoàn toàn khác. Ngôi trường anh đến thăm hai mươi năm sau khi tốt nghiệp, sân bóng anh từng chơi, con đường nhỏ anh từng chạy trên đó - không có cái gì như cũ. Nếu nó vẫn như cũ, anh sẽ đụng phải các thể hệ chạy trên đó trước hoặc sau anh. Người yêu mà anh hôn không phải là chính nàng sáu mươi giây trước đó. Trong một phút ấy, một triệu tế bào da đã chết và được thay mới. Những lát cắt cực nhỏ của không-thời gian ngăn cách ý nghĩ và hành động. Sự sống và cái chết.

“Tôi không muốn làm sự việc trở nên xấu hơn,” Rachel nói, “nhưng vì anh không thể gọi cho tổng thống nữa, đúng ra anh có thể làm gì? Chúng ta có thể đi đâu?”

“Tôi đang hy vọng một cái gì đó trong ngôi nhà nhỏ ấy sẽ cho tôi một đầu mối. Ngay bây giờ tôi chỉ cố gắng bảo toàn mạng sống của chúng ta.”

“Sao anh không đơn giản là công khai nó. Chạy đến Atlanta và nói tất cả với CNN?”

“Bởi vì NSA chỉ cần bảo rằng chúng ta nói dối. Tôi có thể chứng minh điều gì vào lúc này?”

Rachel khoanh tay. “Anh thử nói tôi xem. Chẳng lẽ một người đoạt giải Nobel như Ravi Nara có thể gian dối che giấu tất cả chuyện này?”

“Y sẽ không do dự đâu. An ninh quốc gia là sự hợp lý hóa tốt nhất cho mọi lời nói dối. Còn về tòa nhà Trinity, lúc này chắc nó trống trơn rồi.”

“Lu Li Fielding có thể ủng hộ anh.”

“Lu Li đã biến mất rồi.”

Sắc mặt Rachel trở nên nhợt nhạt.

“Đừng nghĩ chuyện xấu nhất. Bà ấy đã có kế hoạch chạy trốn, nhưng tôi không biết bà ấy đã thực hiện chưa.”

“David, anh chưa nói hết với tôi những gì anh biết.”

“Về Lu Li ấy à?”

“Về Trinity.”

Cô nói đúng. “Thôi được, vài tuần trước đây, Fielding biết rõ rằng việc treo dự án chỉ là mưu mẹo để làm sao lãng hai chúng tôi. Ông ấy nghĩ dự án Trinity thật sự vẫn được tiếp tục ở một nơi nào khác, có thể đã từ khá lâu rồi.”

“Họ còn có thể tiến hành ở chỗ nào khác nữa?”

“Fielding cá là ở các phòng thí nghiệm R&D ở Trung tâm Siêu máy tính Godin tại California. Godin đã nhiều lần bay đến đó bằng chuyên cơ riêng. Nara cũng đi cùng ông ta vài bận.”

“Điều đó không chứng minh được gì. Với tất cả những gì anh biết, thì có thể họ đang chơi golf ở bãi biển Pebble cũng nên.”

“Các cha đó không chơi golf đâu. Bọn họ làm việc. Bọn họ sẽ bán linh hồn để đổi lấy những gì họ muốn. Khi nào cô nghĩ đến Peter Godin, hãy nghĩ đó là Faust.”

“Bọn họ muốn gì?”

“Nhiều thứ khác nhau. John Skow hồi đó sắp bị NSA sa thải thì được Godin yêu cầu quản lý Dự án Trinity. Việc đó đã cứu vãn sự nghiệp của gã.”

“Tại sao Godin cần một người như gã?”

“Tôi nghĩ Godin có dự tính gì đó với Skow. Hình như ông ta đã cam kết với gã từ lâu và biết rằng Skow sẽ giữ im lặng tất cả những gì gã được nghe kể. Làm việc cho NSA thì không giàu. Nhưng là nhà cung cấp máy tính Trinity cho cơ quan này thì có thể đặt gã vào ghế giám đốc. Và sau đó, gã có thể là vô giá đối với một tập đoàn tư nhân. Skow sẽ làm bất cứ điều gì cần thiết để hiện thực hóa Trinity.”

“Còn Ravi Nara?”

“Nara đòi một triệu đô la một năm cho vị trí này. Khoản nào chính phủ không trả được, Godin trả bằng tiền mặt. Ngoài ra, những gì Nara đóng góp cho Trinity sẽ cho y một cơ hội Nobel nữa. Tất nhiên là chung với Godin và Jutta Klein. Lẽ ra Fielding là người xứng đáng nhất, nhưng ủy ban Nobel không truy tặng. Ngoài nguồn tài chính nghiên cứu vô tận suốt đời, tên tuổi Nara còn được lưu trong các sách lịch sử...”

“Thế còn cái bà Jutta Klein đó?”

“Klein là người thẳng thắn. Bà ấy là một phụ nữ Đức lớn tuổi, và đã chung giải Nobel với hai người Đức khác từ năm 1994. Bà ấy được chuyển nhượng từ Siemens cho Trinity. Đó là cách hình thành của nhiều công ty. Godin muốn có những người giỏi nhất thế giới, ông ta đã mượn họ từ phòng R&D của các hãng máy tính mạnh nhất. Sun Micro. Silicon Graphics. Để đổi lại, những công ty này sẽ

nhận được giấy phép sử dụng một số bộ phận thuộc công nghệ Trinity sau khi nó được công khai. Nếu nó được công khai.”

“Nếu Jutta Klein trung thực,” Rachel nói, “có thể bà ấy sẽ giúp được chúng ta.”

“Có muốn bà ấy cũng không giúp được. Bọn chúng sẽ khiến bà ấy phải im lặng.”

Rachel thở dài thất vọng. “Thế còn Godin? Ông ta muốn gì?”

“Godin muốn làm Chúa.”

“Cái gì?”

Tôi lạng nhẹ sang làn trái để vượt một nhà xe lưu động. “Godin không thèm để ý Trinity có sinh lợi nhuận hay không. Ông ta là tỷ phú. Ông ta đã bảy mươi hai tuổi rồi, và trở thành sao từ khi mới bốn mươi. Bởi vậy hãy quên đi chuyện trở thành cha đẻ của trí thông minh nhân tạo hay những gì tương tự thế. Ông ta muốn trở thành người đầu tiên - hay người duy nhất - mà trí tuệ được nạp vào chiếc máy tính Trinity.”

Rachel hất một lọn tóc đen ra khỏi mắt. “Ông ta là người thế nào? Một kẻ ích kỷ cùng cực chẳng?”

“Ông ta không đơn giản thế. Godin là một bộ óc sáng chói, là người hiểu rõ những khiếm khuyết của thế giới này. Ông ta giống những người mà ta biết ở trường đại học, những kẻ nghĩ rằng Atlas Shrugged(3) là câu trả lời cho mọi vấn đề của thế giới, chỉ có điều ông ta là một thiên tài. Và ông ta đã có những đóng góp chủ chốt cho khoa học. Cho đến nay, nước Mỹ thật sự là một nơi tốt đẹp chính vì Godin đã sống ở đó. Siêu máy tính của ông ta đóng vai trò quan trọng vào thắng lợi trong cuộc Chiến tranh Lạnh.”

“Có vẻ như anh ngưỡng mộ ông ta.”

“Ông ta dễ được ngưỡng mộ. Nhưng tôi cũng sợ ông ta nữa. Ông ta gần như vắt kiệt sức mình để chế ra chiếc máy tính mạnh nhất thế giới, nhưng ông ta không quan tâm một điều là ông ta không hiểu nó vận hành thế nào khi cuối cùng nó đi vào hoạt động. Godin dựng nên Trinity để tự mình sử dụng nó. Và tôi không biết có gì nguy hiểm hơn là một con người mạnh mẽ bị ám ảnh bởi việc tái tạo thế giới theo hình ảnh của riêng mình.”

Khi tôi với tay ra để chỉnh tốc độ tự động của chiếc Audi, tôi thấy mắt mình bắt đầu mờ đi. Một cơn mệt mỏi tràn qua tôi, và những lời cuối cùng của Rachel trượt khỏi đầu tôi. Mắt tôi nhìn rõ trở lại, nhưng tiếng vo vo chói tai quen thuộc lại bắt đầu. Tôi đạp phanh và tấp vô lễ đường.

“Sao thế?” Rachel hỏi.

“Cô phải lái thôi, tôi sắp xỉu rồi.”

Cô ngồi dậy. “OK.”

Tôi xuống xe và vòng sang phía cô. Rachel trèo qua bảng điều khiển và trườn vào sau tay lái. Trước khi ngồi vào chỗ, tôi ngoảnh trước ngoảnh sau con đường. Xe cộ trên đường đông vừa phải, nhưng đều đặn, và không có người lái nào để ý đến tôi.

Cô quan sát tôi kỹ lưỡng. “Anh không sao chứ, David?”

“Hơi run.”

Cô với tay thắt dây an toàn cho tôi. “Vẫn chứng đó hả?”

“Ừ.” Tiếng ong ong chói tai đã xuống đến răng hàm.

“Anh nhắm mắt lại. Tôi lái đây.”

“Cứ nhắm hướng Đông. Chúng ta sắp đến nơi rồi.” - Tôi giơ ba ngón tay lên - “tiếng nữa”. Trong ngăn đựng găng tay có tám bản đồ Carolinas. Tôi tìm đường cao tốc 64 và chỉ đến Plymouth, gần nơi sông Roanoke chảy vào eo Albermarle. “Nếu đến đây mà tôi không tỉnh thì đánh thức tôi dậy.”

Rachel sang số và tăng tốc dọc lề đường. Khi đến tám mươi, cô chạy xe vào làn đường và nhấn ga.

“Anh thấy khó chịu hơn phải không?” cô hỏi.

Tôi trả lời trong đầu, không sao đâu, nhưng một bộ phận của não nhận ra rằng môi tôi không

chuyển động. Tôi sắp xỉu. Lòng bàn tay tôi ngứa ran, mặt cảm thấy nóng bừng. Rachel đặt tay lên trán tôi.

“Anh sốt rồi. Chuyện này có thường xảy ra không?”

Tôi cố trả lời, nhưng tôi cảm thấy giống như hồi tôi còn là đứa bé trong bể bơi ở Oak Ridge, cố gắng nói chuyện dưới nước với bạn. Chúng tôi cố gào to nhất, nhưng không thể làm cho bạn hiểu mình. Bàn tay Rachel dường như đang chảy tan vào trán tôi. Dù sao nó cũng làm tôi thấy dễ chịu. Tôi muốn nhìn vào gương xem có thật tay cô đang tan chảy hay không, nhưng tôi không thể nào nhúc nhích. Một người phụ nữ đang gọi tên tôi từ nơi nào rất xa. Trước khi tôi có thể trả lời, một con sóng xanh sâu thẳm cồn lên, vỡ oà ra trong tôi và tôi lịm đi, lặn nhào vào bóng tối.

Tôi ngồi ngoài trời giữa vòng người đang tựa lưng vào tường mà ngủ. Ở giữa là đồng than hồng cháy rực. Bầu trời đầy sao sáng. Một người đàn ông khoác áo choàng tên là Peter ngồi cạnh tôi. Ông ta có vẻ rất bồn chồn.

“Tại sao ngài lại muốn làm thế?” ông ta thăm thì. “Nếu ngài bỏ đi, ngài sẽ chịu muôn nỗi nhục nhã. Cho dù dân chúng có nghe ngài, thì bọn tăng lữ và bô lão cũng sẽ ruồng bỏ ngài. Còn bọn La Mã nữa? Tôi sợ chúng sẽ giết ngài.”

Dù ông ta không nêu tên địa điểm, song tôi biết ông ta đang nói về Jerusalem. “Cút đi,” tôi bảo ông ta. “Người chỉ đáng bằng con chó. Cái thân người, bữa cơm tiếp theo của người, đời người.”

Ông ta tóm cánh tay tôi mà lắc. “Ngài không đuổi tôi đi dễ dàng thế được đâu! Tôi đã chiêm bao thấy rõ. Nếu ngài đi, ngài sẽ bị hành hình.”

“Kẻ nào cố giữ mạng mình sẽ mất mạng(4),” tôi trả lời.

Peter lắc đầu, đôi mắt ta ông đầy bối rối.

Cảnh trí bỗng thay đổi. Tôi đang ở trên một ngọn núi cao nhìn xuống một cánh đồng. Quanh tôi có nhiều người ngồi.

“Khi các người xuống thành phố”, tôi hỏi, “các người sẽ bảo ta là ai?”

“Chúng tôi nói ngài là một người đã được rửa tội.”

Tôi lắc đầu. “Đừng nói thế. Hãy nói thật lòng những gì các người nhìn thấy. Không hơn.”

“Vâng, thưa Chúa,” một người đàn ông tên John trả lời, mắt ông ta to nâu như mắt đàn bà. Ông ta nhìn Peter rồi thận trọng nói với tôi. “Người ta bảo tôi là ngài muốn đến Jerusalem.”

“Đúng.”

John lắc đầu. “Nếu ngài làm thế, bọn tăng lữ sẽ không biết phải làm gì với ngài. Chúng sẽ sợ ngài, và chúng sẽ khép ngài vào tội chết.”

“Ly rượu đã đến tay ta. Ta phải uống.”

Lũ người lặng im. Khi ngẩng nhìn cánh đồng phía dưới, nỗi sợ réo sôi trong ổ bụng tôi. Biết món quà của cuộc sống này, của thân thể này, và rồi dứt bỏ nó đi...

Tôi choàng dậy tóm lấy bảng đồng hồ, đập ngay vào mắt là đuôi chiếc máy kéo phía trước. Rachel nắm đầu gối tôi.

“Ồn rồi, David ạ! Tôi đây.”

Tay tôi run lên, nỗi sợ từ giấc mơ vẫn còn nguyên. “Chúng ta đi bao lâu rồi?”

“Một tiếng hai mươi phút. Chúng ta vừa qua khỏi Plymouth.”

“Tôi đã dặn cô gọi tôi dậy cơ mà!”

“Nhưng anh ngủ quá say, tôi ghét làm chuyện đó.”

“Cô có thấy gì khả nghi không?”

“Cách đây nửa tiếng ta đi qua một đồn cảnh sát, và mấy cảnh sát Plymouth, nhưng không ai nhìn chúng ta đến hai lần. Tôi nghĩ chúng ta ổn.”

Rachel trông không có vẻ gì là ổn. Và ngay khi đạt được mục tiêu cấp kì là chạy trốn, thì sự điềm

tình của cô sẽ lung lay. Tôi cũng không khác. Phản ứng của tôi về vụ giết tên sát thủ của Geli Bauer bị mờ đi bởi cơn thác lũ hóa chất thần kinh phát ra để cứu sống tôi. Những hình ảnh từ giấc mơ của tôi trở lại lấp lánh ánh sáng và màu sắc, nhưng nỗi sợ nhạt đi, sau đó tôi lại cảm thấy khuây khỏa khá lạ lùng. Sau nhiều tháng trong tình trạng mê mờ và bí ẩn, cuối cùng thì những giấc mơ đã có một địa điểm rõ rệt. Jerusalem. Về mặt logic thì chẳng có nghĩa gì cả. Tôi chưa bao giờ tới Israel, và tôi chỉ biết về nó qua những xung đột đẫm máu mà tôi thường thấy trên các bản tin tối từ nhiều thập kỷ nay. Nhưng đến giờ thì logic đã đưa tôi tới đâu?

“David?” Rachel ước hỏi. “Có lẽ chúng ta có thể nấp lại một lát ở...”

Tôi vội lấy tay bịt miệng cô. “Đừng. Xin lỗi, nhưng tôi đã cảnh báo cô rồi.”

Cô gật đầu, và tôi bỏ tay ra. “Nếu đúng là NSA mạnh đến thế,” cô thăm thi, “thì anh thu băng video trong phòng riêng như thế nào mà họ không nghe trộm được?”

Tôi nhào người ra ghế sau, lấy hộp đồ chơi điện tử tự tạo của Fielding, đặt lên đùi. Tôi lấy từ trong đó ra một chiếc que kim loại dài chừng hai nhăm phân. “Fielding đã chỉ cho tôi thấy những con rệp của chúng nằm đâu. Trong những lỗ nhỏ xíu giữa lớp vữa trát tường.”

“Ông ấy làm gì với những thiết bị này? Anh có nghĩ như thế là hơi đa nghi không?”

“Tôi hiểu tại sao cô lại nghĩ vậy. Cô cần phải biết ông ấy mới được.”

Dù nói thế, trong bụng tôi vẫn thầm nghĩ liệu mình đã thực sự hiểu được ông người Anh kỳ quặc này chưa. Tôi thọc tay vào trong hộp, tìm xem có dấu vết gì của một thông điệp bí mật không. Phần lớn những dụng cụ tự chế này trông giống như đồ chơi của một cậu bé mà cuối tuần nào cũng mải mê trong cửa hàng điện tử RadioShack. Có một cái giống món đồ chơi View-Master của tôi hồi trẻ, một chiếc khung nhựa với ống thị kính và một công tắc ở bên phải. Tôi đưa ống ngắm lên mắt, nhắm vào Rachel và gạt công tắc. Một màn sương màu hổ phách che hết tầm nhìn của tôi, ngoài ra không có gì cả.

“Cái gì vậy?” Rachel hỏi.

“Tôi cũng không rõ nữa.” Tôi quay ống nhòm ra kính chắn gió để nhìn ra ngoài đường.

Tim tôi đóng băng. Một chùm sáng đồng bộ mảnh màu xanh lá cây - tia laser- chiếu vào kính chắn gió phía trước của chiếc Audi theo phương gần như vuông góc với mặt đất. Tôi đã thấy nhiều tia như thế trong các phòng thí nghiệm vật lý của trường Đại học Công nghệ Massachuset. Nơi khác duy nhất tôi có thể thấy chúng là trong phim, trong những cảnh bắn súng laser. Có kẻ đang nhắm tia laser vào chúng tôi từ trên không trung! Tôi muốn kêu lên để báo Rachel, nhưng cổ họng tôi như bị gấn keo. Tôi quờ chân đạp phanh, làm cho chiếc xe phanh kít lại.

Rachel rú lên và cố kiểm soát chiếc xe đang quay đầu. Tôi xoay ống nhòm để tìm tia laser. Nó kia, cách khoảng bốn mươi mét, dõi theo xe tôi như bàn tay của Chúa. Chiếc Audi rùng mình dừng lại bên lề cỏ.

“Anh làm cái trò quỷ gì thế hả?” Rachel thét lên.

Chỗ núp gần chúng tôi nhất là một hàng cây cách lề cỏ chừng năm mươi mét. Một kẻ có vũ khí tự động sẽ dễ dàng đón gục chúng tôi trước khi chúng tôi chạy đến hàng cây. Tôi gi ống nhòm vào mắt Rachel.

“Có kẻ rình bắn chúng ta! Nấp ngay dưới bảng đồng hồ. Càng xa càng tốt.”

Trong khi cô gập người chui xuống dưới cần tay lái, tôi lại tìm tia laser. Tôi đợi nó di chuyển đến tôi, nhưng nó lại cố định trên kính chắn gió. Tia sáng không xuyên qua kính; nó dừng lại trên bề mặt. Cố suy nghĩ về tia laser, tôi nhận ra rằng nó không nhắm tôi hay Rachel, mà nhắm tấm bảng đồng hồ.

“Nếu chúng muốn bắn chúng ta,” tôi nói ý nghĩ của mình thành lời, “thì chúng đã bắn ngay trước khi tôi lòi được chiếc kính ngắm ra rồi.”

“Sao?”

“Đó không phải là đường ngắm bắn.”

“Anh đang nói về chuyện gì thế?”

Tia laser có thể là vật chỉ điểm ném bom, nhưng ngay cả khi hoảng loạn đi nữa, NSA cũng chưa đến mức thả một quả bom định hướng xuống lề một con đường cao tốc Mỹ. Chúng có quá nhiều phương án khác để lựa chọn. Tôi bỗng hiểu ra. Tia laser là một công cụ theo dõi. Bằng cách chiếu tia laser lên mặt kính chắn gió và đo rung động của kính, kẻ nghe trộm ngồi trên máy bay hay trực thăng có thể nghe hết mọi lời chúng tôi nói bên trong xe.

“Dậy! Dậy lái tiếp!”

Rachel chộp vật ngồi lên ghế, cầm lái chạy lên đường lớn. Tia sáng xanh vẫn bám chặt trên mặt kính chắn gió như một vũ khí vệ tinh nhắm từ vũ trụ. Nhặt tấm bản đồ dưới sàn lên, tôi gấp nó lại thành một tam giác nhỏ và gõ gõ ba lần lên một điểm để chỉ rõ chỗ chúng tôi phải đến.

Cô gật đầu.

Sau đó tôi lần ngón tay theo đường cao tốc 64 chạy sang Đông vài cây nữa, đến một con đường làng nhỏ hiện ra ở bên trái. Tại đó tôi viết, Rẽ ở đây.

Khi Rachel gật đầu lần nữa, tôi ghé sát tai cô và nói. “Rẽ vào, dù có chuyện gì xảy ra. Rõ không?”

“Tôi sẽ rẽ. Cái mà anh thấy còn đó không?”

Tôi nhìn qua kính ngắm, rồi siết vai cô. “Còn. Nhanh lên.”

Cô nhún ga hết tốc lực.

Chú Thích:

1. Tiểu thuyết của George Orwell, nhà văn Anh, xuất bản 1949.

2. Nhân vật độc tài trong tiểu thuyết 1984 của George Orwell.

3. Tiểu thuyết của nhà văn Mỹ gốc Nga, Ayn Rand, xuất bản năm 1957, viết về cuộc đời công của các doanh nghiệp Mỹ.

4. Trích Kinh Thánh.

CHƯƠNG 15

Geli Bauer đứng một mình trong căn bếp nhà David Tennant, một mình với xác người yêu của ả. Chiếc xe dịch vụ giặt thảm vẫn đậu bên ngoài, máy hút chân không của nó vẫn rít lên âm ỉ. Lẽ ra theo bất kỳ quy định nào, ả đã phải chuyển thi hài Ritter đi từ lâu. Nhưng ả không thể làm thế. ả muốn hiểu điều gì đã xảy ra ở đây. Cứ theo như vết thương trên đầu Ritter và tư thế hấn nằm, có lẽ hấn đã bị bắn từ phía trước, hoặc hơi chệch một tí. ả không thể hình dung nổi một kẻ không chuyên có thể hạ gục một cựu lính trong đội chống khủng bố sừng sỏ nhất của Đức. Chỉ có hai khả năng xảy ra.

Một: Tennant, bằng cách nào đó đã khiến Ritter kinh ngạc và bắn hấn một cách cực kỳ chính xác trong khi Ritter còn xoay người ngắm bắn.

Hai: Tennant không phải như ta vẫn tưởng.

Hấn lớn lên ở vùng quê gần Oak Ridge, bang Tennessee, điều này chỉ có nghĩa là hấn giỏi chơi súng săn chứ đâu phải súng ngắn? Mà làm sao hấn lại biết cách quét dọn phòng để mò ra mấy con rệp đó? Fielding đã dạy hấn, hay hấn học được ở nơi nào khác? Việc hấn trốn khỏi hiện trường phạm tội để lại nhiều câu hỏi. Khi tốp nhân viên phục trong xe dịch vụ giặt thảm đến nơi, họ thấy chiếc Saab của Rachel Weiss đậu phía ngoài, nhưng ga ra của Tennant thì trống không. Một tốp khác đã dò xét hết khu vực xung quanh và thấy chiếc Acura của Tennant đậu đằng sau bờ rào một ngôi nhà vắng chủ. Phải tốn nửa giờ liên lạc với cảnh sát mới biết rằng có một chiếc Audi A8 màu ánh bạc đã bị đánh cắp từ một ngôi nhà dưới phố.

Nếu máy phân tích mẫu giọng nói không phát hiện ra cuộc gọi bí mật của Fielding từ một cửa hàng tiện lợi thì Tennant và Weiss có lẽ đã vượt thoát khỏi lưới của ả rồi. Nhưng cách đây bốn ngày, Fielding đã đặt sẵn một ngôi nhà ở Nags Head, Bãi Ngoài, dưới tên Lewis Carroll. Điều đó kết hợp với việc hôm qua Tennant nhận được một bức thư chuyển phát nhanh FedEx của Fielding, đủ cho Geli tung máy bay lên không chế đường cao tốc 64, con đường dẫn tới Nags Head. Và việc này đã đưa Tennant trở về tầm tay của Geli.

Khi ả nhìn xuống hộp sọ vỡ toác của Ritter và mái tóc bết máu, điện thoại cầm tay của ả reo. “Bauer,” ả nói.

“Phi đội Một đây. Chúng biết đang bị theo dõi.”

“Anh bay cao bao nhiêu?”

“Ba ngàn mét. Chúng không thể nào ngẩng lên giời mà nhìn thấy chúng tôi. Chắc chúng đã nhìn thấy tia laser.”

“Điều đó không thể được nếu không có thiết bị đặc biệt.”

“Chắc chúng phải có.”

“Chúng đang làm gì?”

Tiếng nhiễu loạn. “Chúng chạy xe ra khỏi đường, tuồng như thấy tia laser và hoảng sợ. Chúng nấp dưới lùm cây một lát, rồi lại chạy lên đường cái. Chúng đang chạy ở tốc độ chín mươi, vẫn hướng sang Đông.”

“Chúng nói gì?”

“Không nói gì về nơi đến.”

“Đội mặt đất đâu?” Geli hỏi.

“Gần nhất là mười lăm phút, cộng trừ hai.”

“Tôi sẽ gọi lại cho anh.” ả bấm số gọi nhanh vào máy di động của Skow. Gã trả lời sau tám hồi chuông.

“Gì thế, Geli?”

“Tennant đã phát hiện ra máy do thám trên không của chúng ta. Hắn đang chạy trốn.”

“Cô không đùa đấy chứ. Người của cô đã để sống mất hắn phải không?”

“Máy bay đã tìm thấy chiếc Audi, nhưng họ có thể lạc mất nó.”

“Tôi nghĩ cô muốn khử bọn chúng bây giờ?”

Geli cảm thấy ngón tay Skow đặt trên phím ngắt.

“Tôi đang đợi nghe lệnh của anh đây.”

“Tình hình đã thay đổi.”

“Địa dư đã thay đổi, không phải tình hình.”

“Tôi không thích chuyện này. Rồi sẽ xử lý ra sao?”

Câu thần chú của bọn quan liêu. Geli khinh bỉ nghĩ.

“Tennant đã phát rò. Hắn đã giết bảo vệ của Trinity và bắt cóc bác sĩ tâm thần của hắn. Chúng ta đang tìm cách giải cứu.”

Im lặng hồi lâu. Rồi Skow nói, “Peter đã đúng khi thuê cô. Chúc may mắn với chuyện giải cứu của cô.”

“Mả mẹ anh,” Geli lầm bầm rồi cúp máy. Ả mở liên lạc với máy bay và đội mặt đất của mình.

“Phi đội Một. Chiếc Audi vẫn trong tầm nhìn của anh đấy chứ?”

“Tất nhiên. Chắc chắn bọn chúng biết chúng tôi ở đây. Tennant ngó ra ngoài và nhìn lên chúng tôi.”

“Đội mặt đất, khi các anh đến nơi, đợi cho thừa xe cộ thì tấn công chiếc xe và thanh toán chúng.”

“Khử bọn chúng à?” Một phi công chiến đấu hỏi lại với vẻ bình tĩnh đến kỳ lạ.

Geli nhìn xuống xác Ritter, nhớ lại đêm qua. Lúc đó hắn còn sống và làm tình với ả. “Tennant có thể đã bắt cóc bác sĩ tâm thần của hắn. Điều đó chúng ta không chắc lắm. Ta chỉ biết rằng hiện nay hắn rất bất ổn, có vũ khí và hắn đã giết một người của ta. Ritter Bock, điều này sẽ nói lên nhiều. Không ai được mạo hiểm. Hãy tự cứu mình trước đã.”

Có tiếng đồng thanh. “Rõ.”

“Anh hiểu ý tôi chứ?”

Phản ứng im lặng có ý nghĩa hơn mọi sự thừa nhận. Đây là lý do ả thuê những cựu binh.

“À há, đó là luật,” một giọng đàn ông lạnh lùng vang lên.

“Hãy gọi tường thuật chi tiết cho tôi, Phi đội Một.”

“Được.”

Geli mỉm cười. Tennant và Weiss sẽ không còn sống để nhìn thấy đêm xuống.

CHƯƠNG 16

Khi chiếc Audi rú ga đến gần chỗ ngoặt, tôi nhìn lướt đoạn đường cao tốc phía sau. Chiếc xe gần nhất còn cách chúng tôi khoảng hai trăm mét. Trông giống một chiếc bán tải. Tôi ngờ rằng đó là NSA nhưng có trời mà biết được. Có bọn do thám trên không rồi, bọn dưới đất không cần phải bám sát chúng tôi. Chúng thậm chí có thể dẫn trước chúng tôi. Đơn giản là không thể biết bọn theo dõi chúng tôi là ai và đang ở đâu. Nếu chúng tôi may mắn, thì chiếc máy bay trên kia chỉ mới phát hiện ra chúng tôi vài phút trước khi tôi nhìn thấy tia laser.

Rachel ngả sang ghé sát tôi đủ để nói thầm: “Tôi nghĩ tôi nhìn thấy chỗ rẽ. Có phải đường cao tốc 45?”

Tôi kiểm tra bản đồ. “Đúng, nhưng không phải đường cao tốc. Rẽ đi.”

Rachel giảm tốc độ xuống năm mươi rồi quẹo trái vào đường 45.

“Mạnh lên,” tôi nói.

Cô dấn ga và lao thẳng vào con đường đôi rải nhựa với tốc độ hơn trăm cây một giờ. Tôi đeo kính ngắm lên mặt tìm tia laser. Nó đã mất dấu chúng tôi ở khúc ngoặt, nhưng nhanh chóng tìm lại mục tiêu, chiếu thẳng vào cửa kính chắn gió phía sau. Tôi ghé tai Rachel.

“Chúng ta sắp vượt qua một chiếc cầu nơi sông Cashie đổ vào Albemarle Sound. Sau đó rẽ trái lần nữa.”

“Lúc nào gần đến anh bảo tôi.”

Chiếc A8 nuốt lấy con đường như hổ đói, tăng tốc băng qua chiếc cầu cao bắc vòng qua sông Cashie. Tôi nhòai người ra cửa kính nhìn lên trời. Một máy bay nhỏ đang bay dọc theo đường ở độ cao khoảng một nghìn năm trăm mét. Tôi nhẹ cả người. Tôi sợ là sợ trực thăng đổ bộ xuống đường với đội SWAT trang bị súng tiểu liên. Một chiếc máy bay cánh cố định có thể đậu trên đường cao tốc, nhưng không thể hạ cánh xuống con đường ngoằn ngoèo mà chúng tôi sắp tiến vào.

Rachel chỉ ngả tư trước mặt. Tôi gật đầu. Cô giảm tốc vừa đủ để rẽ, sau đó lao vào con đường nhỏ hơn nhiều, hai bên là rừng cây rậm rạp.

“Nhìn đám cây kia,” tôi nói, áp tay lên bảng đồng hồ.

Phía trước gần một trăm mét, những cây sồi cao vút bọc lấy con đường, biến nó thành một đường hầm rợp bóng. Khi chúng tôi tiến vào, tôi quay kính xuống và nhòai người ra lần nữa. Đầu tiên chỉ thấy cành cây. Rồi tôi thấy một ánh bạc lóe lên khi chiếc máy bay nhào xuống đằng sau chúng tôi ở độ cao khoảng sáu trăm mét.

“Nhanh!” tôi hét lên. “Cho chúng hít khói.”

“Nếu lái nhanh hơn, tôi sẽ mất kiểm soát.”

“Cô đang lái rất tốt.”

Lực lưỡng cường chế luật pháp sử dụng máy bay cánh cố định để trinh sát, vì so với trực thăng, chúng có thể bay tại chỗ cố định lâu hơn nhiều. Hôm nay chúng sẽ phải trả giá đắt cho chiến lược ấy. Một chiếc máy bay thường không thể lượn trên bầu trời với những đường bay đủ hẹp để có thể duy trì được việc tiếp cận mục tiêu trên con đường ngoằn ngoèo được che phủ rậm rạp.

Các bánh xe lớn của chiếc Audi rít lên khi Rachel cua gấp ở tốc độ trên trăm cây. Vai phải của tôi bị ép mạnh vào cửa xe. Chật vật giữ yên tấm bản đồ, tôi tìm một lối ra. Nếu chúng tôi đi theo con đường làng nhỏ kế tiếp bên tay trái, chúng tôi sẽ nhanh chóng vượt lại sông Cashie một lần nữa mà không phải qua cầu. Ở chỗ ấy sông Cashie chỉ như một con lạch nhỏ, có một ghi chú bằng chữ in nghiêng, Phà. Từ này có thể chỉ nhiều thứ khác nhau, từ chiếc tàu thủy tự hành đến chiếc sà lan vận hành bằng cáp.

Tôi đeo kính ngắm lên nhìn bao quát con đường phía trước. Tia laser đang nhấp nháy loạn xạ trước xe khoảng bảy mươi mét, đứt quãng và xoắn vặn khi người điều khiển đang cố xoay xở với

những cành cây che chắn trên đầu chúng tôi.

“Có một chiếc phà ở phía trước,” tôi nói. “Nếu chúng ta đến được đó, chúng ta có thể cắt đuôi bọn theo dõi dưới đất.”

“Được.”

“Cô sẽ nhìn thấy lối rẽ trái ngay bây giờ.”

“OK.”

“Đó!”

Rachel đạp phanh. Tôi tưởng bọn tôi bị hất tung ra ngoài, nhưng chiếc xe nhờ có bốn bánh chủ động vẫn trụ được trên đường, chỉ chút nữa là cô mất tay lái. Khi đường hầm cây sồi mỗi lúc một rậm rạp, con đường một làn xe thoát cái chỉ còn sỏi, bùn và dốc thoải thoải, tôi hiểu là sắp đến mép nước.

“Cẩn thận đây”, tôi nói, sợ hãi trước tiếng sồi bắn rào rào vào gầm xe.

Chiếc xe nghiêng sang phải, chúng tôi vòng một cua cuối cùng rồi chạy đến dừng phía sau một con Chevy Nova cũ màu xanh lá cây đậu giữa đường mòn. Bên kia chiếc xe tôi thấy một dòng sông sẫm màu đang lơ lờ trôi, chiều rộng khoảng tám mươi mét.

“Tôi không trông thấy phà,” Rachel nói.

Có một chiếc xuồng nhôm cũ rích được chằng trên nóc chiếc Nova, nhưng tôi không thấy một ai. Tôi lấy vạt áo che khẩu súng, bước ra ngoài về phía dòng sông.

Tiếng ghi ta thùng vọng tới tai tôi, gợi nhớ đến bản Deliverance. Vòng qua chiếc xe, tôi thấy không phải là hai chàng trai miền núi đặc trưng, mà là hai cậu trai tuổi trung học đang ngồi đất. Một cậu tóc vàng quấn khăn rằn như băng đô trên đầu. Cậu kia tóc đen đang gảy cây ghi ta Martin cũ mòn. Tôi lơ đãng khoát tay và bước qua chỗ chúng tới bờ sông.

Chiếc phà được đóng để chở ba hoặc bốn ô tô, đang vượt sông từ bờ kia sang, một cột khói đen ngòm phụt ra từ động cơ gầm gào. Một chiếc nhà xe lưu động đang đỗ ở bờ bên kia. Bên cạnh là một con dốc thoải thoải, và con đường mất hút vào trong rừng.

“Chúng tôi đã gọi phà rồi,” tiếng một trong hai cậu bé sau lưng tôi.

Tôi quay lại mỉm cười với chúng. Thằng tóc vàng quấn khăn rằn mặc chiếc áo phông UNC, đôi mắt xanh đảo như rang lạc. Thằng chơi ghi ta trông có vẻ lì, vai nó có một vết cháy nắng sạm. Tôi ngửi thấy mùi cần sa không lẫn được.

“Các cậu vẫn thường lượn trên các dòng sông quanh đây à?”

Thằng tóc vàng cười. “Chúng tôi đi chơi nhênh nhang thôi. Sáng nay vừa mới lênh đênh trên sông Chova. Bây giờ chúng tôi về nhà, ở Tarboro. Chỉ muốn ngó qua sông Cashie một cái cho biết.”

Tôi đưa tay che mắt ngó lên bầu trời. Chiếc máy bay do thám vo vo bay ra khỏi một đám mây tích, sang bên kia sông.

“Chơi hay đây,” tôi nói với tay chơi ghi ta, tay này vẫn gảy đàn nhẹ nhẹ. Sau đó tôi trở về chỗ chiếc Audi và chui vào trong.

“Phà đang sang.”

“Máy bay vẫn còn trên đó à?” Rachel hỏi.

“Ừ.”

Trông cô có vẻ mệt mỏi như quá sức chịu đựng của một ngày. Khi rầu rĩ nhìn phía sau chiếc Nova, tôi bỗng nảy ra một ý.

“Tôi sẽ quay lại ngay.”

Tôi bước ra, đi vòng qua chiếc Nova, rồi đến ngồi xổm trước mặt hai cậu học sinh. “Tôi có một đề nghị này cho các cậu.”

“Đề nghị loại gì?” thằng tóc vàng hỏi.

“Vợ tôi chưa được đi chơi bằng xuồng bao giờ. Cô ấy thấy chiếc xuồng của các cậu và nảy ra một

ý định bóc đồng. Cô ấy muốn ngồi xuống xuôi eo sông.”

Tay chơi ghi ta ngưng gảy đàn. “Chúng tôi sắp về nhà, cha nội ạ.”

“Tôi nhớ mà. Tarboro chứ gì? Nhưng tôi đang nghĩ... các cậu sẽ định giá chiếc xuống bao nhiêu nhỉ. Tôi thấy nó là một chiếc Grumman cũ thì phải.”

“Đúng đấy,” thằng tóc vàng nhanh nhẩu. “Trước đây nó là của ông chú tôi. Tôi đoán nó độ bốn trăm đô.”

Tất cả chúng tôi cùng quay lại khi boong phà kịch bờ.

Tôi đứng dậy búng sợi dây thừng hình chữ V ngược chằng chiếc xuống vào chần trước của xe. “Nói hai trăm thì nghe có vẻ sát hơn,” tôi vừa cười vừa nói. “Nhưng tôi chỉ cần vợ tôi vui. Năm trăm được chứ?”

Thằng bé tóc vàng nuột khan. Nó đang tính thử với năm trăm đô tiền mặt nó có thể mua được bao nhiêu cần sa.

“Vấn đề là, tôi không muốn để xe của chúng tôi lại đây. Tôi muốn nhờ cậu lái nó lên đàng kia.”

“Tới đâu?” tóc vàng hỏi.

“Tới Tarboro được không?”

Trông nó có vẻ bối rối. “Nhưng ông làm thế nào đến đó được để lấy lại xe?”

“Xuống phà nào!” người lái phà - một ông già khăng khiu tóc bạc trong bộ áo liền quần cũ sờn hết lên.

Tôi rút ví lấy ra đếm mười tờ 100 đô. “Đây một ngàn đô, cậu còn lo lắng gì không?”

“Cút chó,” thằng chơi ghi ta đứng lên. Nó nhìn chiếc Audi qua chiếc Nova. Mặt Rachel trông mờ mờ dưới hời quang của nắng. “Đây là xe ông hả?”

“Đúng đấy.”

“Ông trả thế nào?”

“Tôi trả một ngàn đô cho chiếc xuống và một chuyến dạo nhanh. Cậu đồng ý chứ?”

Cả hai thằng nhìn chiếc Audi, rồi nhìn nhau. “Một ngàn năm trăm,” tóc vàng quay sang tôi nói. “Một nghìn năm trăm tôi sẽ lái nó đến Tarboro. Cái giá của mạo hiểm đấy.”

Tôi mỉm cười. “Một nghìn năm trăm, nhất trí. Nhưng chúng ta sẽ phải làm như thế này.”

Chúng tôi cho xe xuống phà, ông già lái con phà run rẩy ra giữa dòng chảy chậm. Như giao hẹn, hai đứa con trai ngồi trên chiếc xe Nova của chúng khi sang phà. Tôi và Rachel ngồi trên chiếc Audi. Máy bay của NSA vẫn còn bay tại chỗ, nó lượn một vòng hẹp trên sông. Tôi đoán các đội an ninh của Geli Bauer đang tụ họp trong cái góc nhỏ ở Bắc Carolina.

Khi phà sang đến bờ bên kia, chiếc Nova chậm chậm lặn xuống boong tàu và leo lên dốc vào con đường nhỏ. Rachel theo sau. Rồi bỗng nhiên cô quật qua đầu chiếc Nova mà lao thẳng vào rừng như ma đuổi. Ngay khi các cành sồi che kín chúng tôi, cô mới đạp phanh và chờ chiếc Nova đến nơi. Hai mươi giây sau, chiếc Chevy cũ kỹ lượn một vòng và đến đậu sau xe chúng tôi.

“Nhanh lên!” tôi quát khi hai thằng ra khỏi xe.

Chiếc xuống được đặt trên tấm đệm vuông bằng bọt xốp màu vàng để tránh mép kim loại làm trầy xước mũi xe. Tôi bắt đầu tháo dây chằng nhưng thằng tóc vàng đã rút từ trong túi ra một con dao và cắt dây ở hai bên xuống. Tôi giữ phần đáy, tay chơi ghi ta nắm phần đuôi, chúng tôi kéo tuột chiếc xuống khỏi nóc xe, lật ngược nó lại khi đặt xuống đất. Vào phút cuối cùng chúng tôi bị tuột tay và chiếc xuống rơi xuống sỏi kêu đánh xoảng.

Thằng tóc vàng nhào ra ghế sau lấy ra hai mái chèo gỗ dài, ném vào lòng xuống. Khi nó nhìn lên, mắt nó chăm chú gì đó sau lưng tôi, và nó đỏ mặt. Tôi quay lại thấy đứng sau tôi là Rachel mặc quần jean, áo sơ mi trắng.

“Ôi,” cô nói. “Tôi rất cảm ơn các bạn.” Rồi cô mỉm cười theo kiểu trước đó chưa bao giờ tôi

thấy.

“À, không vấn đề gì,” thằng tóc vàng nói.

Thằng chơi ghi ta vậy Rachel nhưng không nói gì, và tôi thấy mặc dù đã ba mươi lăm nhưng Rachel Weiss vẫn còn hấp dẫn bọn trẻ hai mươi.

“Chúng tôi sắp phải đi rồi,” tôi nói. “Các cậu cũng thế.”

Tôi đưa cho thằng tóc vàng mười lăm tờ một trăm đô.

“Tôi cũng chả biết ông trả chúng tôi thế này là quá nhiều hay không đủ,” nó nói. “Nhưng thôi, thế là gọn,” nó chỉ tay ra khóm cây. “Nếu ông đưa chiếc xuồng qua lùm cây kia, chỉ khoảng năm mươi mét là ông sẽ gặp dòng sông.”

“Cảm ơn.”

Nó lóc cóc chạy đến chiếc Audi và ngồi vào sau tay lái. Khi tôi vào lấy chiếc hộp của Fielding ở ghế sau, tôi chạm vào vai nó, “Nếu có ai chặn cậu lại giữa đường để hỏi, cứ nói chính xác những gì đã xảy ra. Về tiền, về tất cả. Cậu sẽ an toàn.”

Nó gật đầu. “Đừng lo.”

Chiếc Audi gầm lên lao vào con đường rợp bóng sồi. Thằng chơi ghi ta ngồi trong chiếc Nova cười, lắc đầu và từ từ chạy theo. Tôi ném chiếc hộp của Fielding vào lòng xuồng, quấn dây mái chèo vào bàn tay phải và kéo chiếc xuồng về phía lùm cây.

“Tôi đẩy nhé?” Rachel hỏi.

“Tôi kéo được rồi. Cô coi chừng rấn đấy.”

Từ giây phút ấy mắt cô không rời mặt đất.

Hàng cây mọc ken sát đến nỗi khó lòng kéo chiếc xuồng qua giữa chúng, làm tôi toát hết cả mồ hôi. Nhưng thằng nhỏ tóc vàng nói đúng. Chẳng mấy chốc tôi ngửi thấy mùi gỗ mục, và mắt tôi bắt gặp những tia nắng vàng chiếu trên mặt nước. Thêm mười lăm mét nữa tôi đã xô được chiếc xuồng giữa hai cây bách và đẩy nó xuống dòng sông.

“Lên xuồng đi,” tôi bảo Rachel. “Thẳng tới phía trước.”

Cô trèo lên phía đuôi xuồng và thận trọng đến chỗ ngồi ở mũi xuồng. Tôi đẩy xuồng ra chỗ nước sâu hơn rồi nhảy lên đuôi xuồng khi nó lao ra khỏi bờ. Ngồi vào ghế cứng, tôi cầm lấy mái chèo và lái xuồng dọc theo bờ sông ngoằn ngoèo.

“Tôi sẽ cho xuồng chạy dưới tán cây. Cô quan sát máy bay nhé.”

Rachel nheo mắt nhìn lên. Vừa chèo tôi vừa căng tai lắng nghe, nhưng chỉ nghe được tiếng nước ì oạp.

“Có thấy gì không?”

Cô lắc đầu.

Tôi nhìn xuống khúc quanh dài tối sẫm của dòng sông, hai bên bờ mọc dày thông và bách. Lúc này chắc là một lực lượng lớn của NSA đang tập trung đi tìm chúng tôi. Nhưng ở đây, lực lượng mạnh ấy hoàn toàn vô dụng. Lần đầu tiên sau nhiều giờ căng thẳng, lúc này tôi mới thấy hơi nhẹ nhõm.

“Anh có biết ta đang đến đâu không?”

“Không, nhưng tôi biết khi nào chúng ta đến đó.”

CHƯƠNG 17

Geli Bauer ngồi trong chiếc ghế không trọng lượng của ả ở tầng hầm của ban an ninh tòa nhà Trinity, bàn tay phải của ả nắm chặt hai con xúc xắc nặng lấy được từ số đồ vật cá nhân của Fielding trong gian nhà kho. ả nhặt chúng để cầu may, nhưng cho đến nay chúng mang lại cho ả rất ít may mắn.

Trên dãy màn hình bên tay phải ả hiện lên hình ảnh hàng tá nhân viên NSA với xe nâng và xe bàn đẩy đang chuyển những thiết bị tinh nhạy và cặp hồ sơ ra các xe tải chờ sẵn phía sau tòa nhà. ả không muốn bất cứ thứ gì ở đây lọt vào tay mấy ông nghị nhiều sự, một khi Tennant ra trước công luận.

“Tennant tấp vào vệ đường và dừng lại,” một giọng đàn bà vang lên trong ống nghe của Geli. Đó là một cựu sĩ quan hải quân tên là Evans, hiện giờ đang ở trong đội mặt đất theo dõi chiếc xe Audi bị đánh cắp.

“Hắn có định chạy không?” Geli hỏi.

“Không. Khi hắn nhận ra bị chúng ta theo dõi, hắn tấp vô lễ như đó là cột đèn giao thông vậy.”

Geli không thích nghe điều này. “Vẫn nhìn rõ bọn chúng chứ?”

“Chỉ thấy thằng đàn ông.”

“Cô có loa không?”

“Chúng tôi không cần. Hắn vừa mới ra khỏi xe. Hắn giơ hai tay lên trời.”

“Bác sĩ Tennant à?”

“Không phải.” Đường dây lạo xạo. “Trông như một thằng trẻ con.”

“Trẻ con à?”

“Một thằng hippy. Học sinh trung học.”

“Các người chặn nhầm xe rồi!”

“Không, biển số đúng mà. Khoan... bọn chúng hắn đã đổi xe.”

“Ai?”

“Lúc trước có hai thằng học sinh trong một chiếc xe Chevy màu xanh lá cây trên phà. Tennant và Weiss chắc đang ở trong chiếc xe đó.”

“Thầm vắn thằng ranh con chết tiệt. Tìm cho ra!”

“Giữ máy.”

ả liếc nhìn các màn hình. Nhân viên vận chuyển của NSA đang ì ạch khuôn từng chồng máy tính ra kho hàng ở tầng trệt. Di chuyển những thiết bị ấy là việc cực nhọc. Giá họ cho giết phút Tennant cùng một lần với Fielding có phải đỡ khổ không.

“Evans đây,” giọng nói trong ống nghe vang lên. “Bọn chúng bây giờ đang ở trên sông.”

“Bọn chúng sao cơ?”

“Bọn học sinh có một chiếc xuồng trong xe. Nhôm, không sơn. Tennant đã mua lại của chúng.” Geli cảm thấy như sắp muốn quy. “Tìm chiếc Chevy và bắt giữ nó lại bằng bất cứ giá nào. Tịch thu cả chiếc Audi nữa.”

“Tuân lệnh.”

“Phi đội Một, các anh có nghe thấy không?”

“Có.”

“Bắt đầu rà soát tầm thấp trên sông. Bắt đầu từ chiếc phà, lên đến eo Albemarle. Dù cho Tennant không thể chạy trốn bằng cách bơi xuồng ngược dòng.”

“Chúng tôi sẽ trở lại trên dòng sông trong vòng năm phút.”

“Cho đội mặt đất triển khai cả hai bên bờ sông.”

“Chỉ một bên sông có đường đi. Bờ Bắc.”

“Trời ơi!”

“Thôi được, bao vây bờ bên kia.”

Geli buông máy và nói “Skow, nhà” vào ống nói. Sau một hồi chuông, Skow nhắc máy. “Hãy nói với tôi rằng cô đã bắt được chúng.”

“Bọn chúng chạy rồi.”

“Thế nghĩa là sao?”

“Tennant chuyển sang đi phà. Bây giờ hắn đang cùng với Weiss trên một chiếc xuồng ở đâu đó trên sông Cashie.”

“Chó thật, Geli. Sao cô có thể làm ăn như thế?”

Đôi má ả đỏ lên. “Anh có muốn nói cho ra lẽ ai là kẻ gây ra chuyện này không?”

“Đừng có ngang ngược như thế.”

“Nếu Tennant tuột khỏi tay chúng tôi ở đây, anh có thể chào tạm biệt quyền lực được rồi.”

“Không nhất thiết phải thế. Chờ tôi một lát.”

Trong khi Skow cân nhắc tình hình, Geli bật mở bản đồ Bắc Carolina trên màn hình. Tennant đã làm gì sau khi xuống sông? Hắn có thể đi đâu? Phà lên eo sông mất tám cây, mà trên bờ Nam lại không có đường để quan sát dòng sông. Nếu Tennant biết điều này, hắn có thể kéo xuồng lên bất cứ đâu.

“Cô muốn làm gì?”

“Tôi muốn có những bức ảnh thời gian thực chụp con sông đó từ vệ tinh, ngay bây giờ. Độ phân giải cao nhất có thể. Anh đủ thẩm quyền làm điều này, tôi sẽ cung cấp tọa độ cho NRO.”

“Còn gì nữa?”

“Tôi cần thêm nhân lực. Tôi không có đủ lực lượng chiến thuật để tiến hành càn quét trên diện rộng, trong một vùng đất rừng như thế này.”

“Đó là vấn đề. Chừng nào chúng ta chưa ra trước công luận với những câu chuyện như thế này, chúng ta còn thiếu nhân lực.”

“Vậy tốt nhất là anh hãy nghĩ về chuyện ra trước công luận, càng nhanh càng tốt.”

“Nghe đây, Geli, nếu chúng ta để sống hắn, chúng ta vẫn còn một chiêu khác. Tôi sắp sửa cho cô vài thông tin khiến cô đi được trước Tennant một bước.”

Radar bên trong ả cảnh giác nghe ngóng. “Thông tin loại gì?”

“Khi nào có cô sẽ biết. Đó là từ một nguồn rất đáng tin cậy.”

“Làm gì có chuyện. Có phải là nguồn NSA không?”

“Phải.”

“Cho đến bây giờ, cục an ninh chưa cho tôi cái gì tin cậy cả.”

“Điều đó sẽ thay đổi. Tôi đang vội. Ta đã nói hết chưa?”

“Chưa. Các quy tắc cam kết.”

Skow thở nghe thấy rõ. “Tôi rất ưng kịch bản giải cứu của cô.”

“Tôi biết chắc anh ưng mà. Tôi cần lệnh cho phép bắn chết tại chỗ.”

Skow không trả lời.

Geli thấy nóng mặt, “Nào, chúng tôi đã đợi...”

“Cho tôi một phút suy nghĩ.”

“Sao anh cứ chần chừ cái chết tiệt gì về chuyện này thế?”

“Coi nào... đây là một vụ bắt cóc con tin. Cô có kinh nghiệm khôn khéo. Tôi phải cho cô toàn quyền quyết định.”

Geli lắc đầu thì thầm. “Hãy cẩn thận với những gì cô muốn, đúng không?”

“Mệnh lệnh là gánh nặng, cô Bauer ạ.”

“Mệnh lệnh không phải là gánh nặng, anh Skow. Nó là cỗi niết bàn. Gánh nặng là phải bày mưu tính kế với bọn quan liêu chỉ biết bình luận sau khi mọi việc đã đâu vào đấy cả rồi.”

Skow khẽ chặc lưỡi. “Cô nói giống hệt như ông bố. Tôi sẽ nhắc ông ấy điều này.”

Nhận xét này làm Geli lạnh người. “Anh cứ việc,” ả nói cứng.

Sau khi Skow gác máy, ả ngồi im lặng, khẽ chạm vào vết sẹo trên gò má. Vậy là Skow và cha ả đâu chỉ có mối quen biết trong quá khứ. ả không thích ý nghĩ này. Không một chút nào.

CHƯƠNG 18

Tôi chèo xuồng liên tục được khoảng một giờ thì nhìn thấy một bờ dốc thoải cho thuyền đậu. Nó nằm dưới chân chiếc cầu cao bắc qua sông Cashie mà ban nãy chúng tôi đã đi qua để lên phà. Từ bến phà đến chỗ này lòng sông mở rộng ra, sớm muộn nó cũng phải mở ra khoảng rộng của eo sông Albemarle. Ở giữa sông chúng tôi dễ bị phát hiện từ trên không. Tôi không thấy dấu hiệu gì của chiếc máy bay do thám, nhưng điều đó chỉ làm tôi dễ thở hơn chút ít.

Từ từ bơi xuồng dưới các tán cây xòe rộng trên bờ hữu, tôi nghĩ đến bờ dốc thoải của dòng sông. Ở đó chắc phải có chỗ nào để đậu xe. Xe tải và xe kéo thuyền. Chắc là đám ngư dân trở về từ những chuyến đánh cá.

Rachel kéo ghé lên ngồi đối diện tôi, chăm chú nhìn tôi khi tôi bơi xuồng. “Chắc trước đây anh đã từng làm thế này.”

“Cái gì? Đã từng chạy trốn à?”

“Chèo xuồng.”

Tôi gật đầu. “Anh em tôi đã đi cắm trại nhiều lần với ba tôi ở gần Oak Ridge. Cả đi săn và câu cá nữa.”

Cô nhìn lên hàng cây trên bờ sông. Mặt trời vẫn bướng bỉnh lơ lửng sau lưng chúng tôi, nhưng bóng cây đã trở nên xanh sẫm.

“Bây giờ mình đã an toàn chưa?”

“Được một lúc. Bọn người săn đuổi chúng ta sử dụng công nghệ cao. Nếu chúng ta ra nơi công cộng, thành phố hay đường cao tốc, có lẽ ta đã bị bắt rồi. Ở đây cuộc chơi ngang bằng hơn.”

Cô nghịch nghịch dây đuôi xuồng bằng nylon màu xanh trắng.

“Cái người mà anh hay nói đến, Geli Bauer ấy là ai vậy?”

Tôi ngạc nhiên thấy cô nhớ được tên, nhưng lẽ ra tôi không nên ngạc nhiên như vậy. Cô chưa bao giờ quên một điều gì mà tôi kể với cô. “Cô ta là kẻ giết người, lúc này đang truy đuổi chúng ta.”

“Sao anh biết cô ta là kẻ giết người?”

“Cô ta đã từng ở trong quân đội một thời gian. Geli nói trôi chảy tiếng Ả Rập nên được đưa đến Iraq cùng với một số đơn vị biệt kích trước chiến dịch Bão táp Sa mạc. Để thẩm vấn những Vệ binh Cộng hòa bị bắt. Cô ta đã hành hình hai tù binh Iraq vì không theo kịp đơn vị của cô ta. Cắt đứt cổ họng. Thậm chí những người lính trong đội Delta của cô ta cũng bị sốc.”

“Tôi nghĩ phụ nữ đã đi xa hơn những gì mà các nhà hoạt động nữ quyền có thể nghĩ.”

“Không. Nữ sát thủ đã là một truyền thống lâu đời. Một hôm Geli đã cho Ravi Nara một bài học về chuyện này.”

“Nghe ra như cô ta là một phần tử phản xã hội.” Rachel buông sợi dây đuôi xuồng ra và mết mội xoa cổ.

“Cô ta là một ca nghiên cứu khá thú vị cho cô đấy.”

“Anh có tin là cô ta đã giết Fielding không?”

“Có. Cô ta đã biết về những loại thuốc gây nên cái chết giống như một cơn đột quỵ, và cô ta thường xuyên tiếp cận được mọi thứ trong Trinity. Thức ăn, nước uống, mọi thứ.”

Tôi chèo mạnh hơn, và chiếc cầu bắc qua sông Cashie đã hiện ra rất gần. Rachel nhìn qua vai để quan sát cái kết cấu đồ sộ ấy. Vài giây lại có xe chạy qua trên cầu. Chiếc cầu đại diện cho nền văn minh. Tôi ngừng chèo để cho tấm lưng trần cháy nắng của mình nghỉ ngơi một chút. Yên lặng gần như tuyệt đối.

“Anh nghe chim hót kia,” Rachel bảo.

Tôi nghe, nhưng âm thanh mà tôi lọc ra từ cõi im lặng có gì đó không tự nhiên. Tiếng vo vo âm âm rất mơ hồ đang trôi trên sông. Đó có thể là tiếng xuống máy, nhưng bụng tôi bảo không phải.

“Cái gì thế?” Rachel hỏi. “Trông anh có vẻ sợ hãi.”

Tôi quét mắt qua bờ hữu tìm chỗ cho xuống lên. Nếu một chiếc trực thăng bay là là mặt nước thì những cành cây xòe ra phía trên không che nổi chúng tôi. Tiếng động cơ nghe càng rõ. Bây giờ thì cả Rachel cũng nghe thấy.

“Nghe gần lắm,” cô nói.

Ngay phía trước, một thân cây gãy đổ ngang dòng sông. Nửa thân cây chìm dưới nước, đám cành lá chết của nó xòe ra như những chiếc cánh ma quái. Khoảng cách giữa cây và bờ là chỗ dễ có một con rắn nước bất ngờ rơi tồm vào xuống bạn nếu bạn ngu đến nỗi cho xuống chui vào đó để kiếm cá. Tôi lái xuống hướng thẳng vào chỗ thác nước hẹp, có cảm giác như mình là Hawkeye trong truyện Người Mohican cuối cùng. Chỉ có điều tôi mong có được một chút may mắn của anh ta.

Mấy giây sau khi mũi xuống đâm thẳng vào bờ, tiếng rầm rì của động cơ đang đến gần trở thành tiếng gầm. Tôi hé mắt qua các lùm cây và thấy đúng cái điều mình lo sợ: một chiếc máy bay nhỏ bay là là cách mặt nước khoảng sáu mét, giống như một phi công trong chiến tranh Việt Nam hỗ trợ hỏa lực cho lính mặt đất ven sông.

“Họ không thấy chúng ta phải không anh?” Rachel hỏi.

“Không, nếu không có thiết bị nhiệt-ảnh. Nhưng có thể chúng có. Cô nằm rạp xuống đi.” Cô trườn khỏi chỗ ngồi, nằm ép sát xuống lòng xuống. Tôi nằm cạnh cô. Chấn động phát ra từ máy bay làm vỏ nhôm của xuống rung lên. Chúng tôi nằm bẹp xuống lòng xuống, chờ xem nó có quay lại vòng nữa không. Nhưng không có.

Tôi trở lại chỗ ngồi và chèo về phía cầu.

“Tôi không thể tin điều đang xảy ra,” Rachel nói. “Tôi không thể tin một người phụ nữ mà tôi chưa hề gặp lại đang cố săn lùng tôi và giết chết tôi. Làm sao cô ta có thể làm việc đó?”

Tôi nhớ lại cuộc gặp cuối cùng với Bauer. “Cô ta nghĩ rằng chúng ta rất gần gũi nhau. Cô ta tưởng rằng cô yêu tôi.”

Gò má Rachel ửng đỏ lên dưới ánh nắng nhạt. “Vì cái hôn ở nhà Lu Li ấy à?”

“Không phải chỉ có thế. Hôm qua khi Geli thăm vấn tôi, cô ta nói rằng cô không hề hẹn hò với ai.”

“Làm sao cô ta biết được điều đó?”

“Cô ta biết tất cả những người cô đã hẹn hò và khi nào cô thôi không gặp họ nữa. Cô ta biết thầy giáo lớp ba của cô là ai, và mẹ cô thường cho cô ăn gì mỗi khi cô ốm.”

“Khi cô ta bảo tôi yêu anh thì anh trả lời thế nào?”

“Rằng cô nghĩ tôi là một người bị tâm thần phân liệt.”

Rachel mỉm cười, đôi mắt cô buồn buồn.

Tôi nhìn lướt mặt sông lúc này đang trải rộng xem có chiếc thủy phi cơ nào khác không. Tôi không thấy, điều đó chẳng có gì đáng ngạc nhiên lắm. Ngư dân mua những động cơ cỡ lớn để đưa họ đi đánh cá càng xa càng tốt. Tôi đẩy mạnh mái chèo nhắm hướng bãi đáp xuống.

“Dừng hả?” Rachel hỏi khi nhìn thấy bãi đáp thuyền thoai thoai.

“Ừ. Đến nơi, cô cứ ngồi yên đây. Tôi sẽ quay lại ngay.”

“Anh định làm gì?”

“Xem xét quanh đây.”

Tôi đậu xuống bên bãi, lội xuống chỗ nước nông rồi bì bõm lên bờ. Bãi đất đậu xe đầy vỏ sò trải dài từ rừng cây bên tay phải tôi đến cây cầu bê tông sừng sững bên trái. Tôi không thấy người, nhưng một hàng xe bán tải móc với xe kéo thuyền đậu cách bờ dốc khoảng bốn mươi mét. Tôi bước tới và đi

lọt vào giữa hai xe tải.

Tôi khom người xuống, dò tìm phía trên lớp cửa của cả hai xe tải xem chìa khóa giấu ở đâu. Không thấy. Bò quanh chiếc xe tải bên trái, tôi kiểm tra thêm hai lớp khác của nó. Vẫn không có. Tôi không gặp may ở hai xe tiếp theo. Chiếc xe kế trong hàng là một chiếc Dodge Ram màu hạt dẻ. Không có chìa khóa nào ở các lớp xe, nên tôi thay đổi chiến thuật. Ngồi xổm giữa đuôi xe tải và đầu một chiếc xe kéo bỏ không, tôi rà tay dưới tấm chắn sau của nó, dọc theo mép kim loại. Một cái gì đó trượt về phía lưới chắn kêu kìn kít.

Một hộp khóa từ.

Tôi mở cái hộp đen nhỏ, thấy một chìa khóa xe Dodge và một chiếc đề khóa móc xe kéo. Nhanh chóng mở khóa tách chiếc xe kéo khỏi xe tải, tôi ngồi vào buồng lái và nổ máy.

Khi tôi lái tới nơi, Rachel nằm chúi xuống lòng xuống, không nhận ra tôi ở sau tay lái. Tôi vòng sang trái để cửa kính phía tôi quay về phía cô.

“Mang theo chiếc hộp của Fielding!” tôi kêu. “Nhanh lên.”

Ôm chặt chiếc hộp trong tay, Rachel nhảy ào ra khỏi xuống và bì bõm lao lên bờ. Tôi chạy ra mép sông, bốc một nắm bùn chỗ nước nông bồi lên biển số xe. Xong tôi xuống sông rửa tay, đặt chiếc hộp của Fielding lên băng sau, rồi đỡ Rachel lên ghế ngồi cạnh chỗ tôi.

“Anh đã đầu tắt dẫu đánh lửa để đề xe phải không?” cô hỏi.

“Tôi không biết làm vậy đâu. Ngư dân vốn là những người thật thà. Họ tin nhau. Thật tình tôi chẳng muốn làm chuyện này.”

“Tôi sẽ đọc kinh sám hối cho. Thôi ta đi đi.”

Chúng tôi phóng đi, để lại đám bụi trắng như vỏ sò phía sau.

“Chúng ta vẫn đến Nags Head à?” Rachel hỏi.

“Không. Có thể chúng đã đón lồng ta ở đó. Cô đưa tôi mượn di động.”

Cô lấy chiếc Motorola màu bạc trong túi ra đưa tôi. Tôi bấm số Nhà Trắng theo trí nhớ, Fielding đã nói cho tôi từ lâu để tôi nhập tâm.

“Anh đang gọi cho ai?” Rachel hỏi.

“Tổng thống, tôi hy vọng thế.”

“Nhưng anh đã nói...”

“Tôi muốn xem điều gì xảy ra.”

Tổng đài trả lời sau hai hồi chuông. Tôi nói, “Dự án Trinity.” Một chút yên lặng, tiếp theo là tiếng kích, và giọng nói hôm qua vang lên. “Anh trình bày đi.”

“Tôi là David Tennant. Tôi cần nói chuyện với tổng thống.”

“Xin giữ máy.”

Một tiếng rít khê tiếp theo, và tôi biết mỗi tích tắc bây giờ là thêm thời gian cho NSA lần ra vị trí điện thoại di động của Rachel.

“Sao?” cô hỏi.

“Đếm đến bốn mươi. To lên.”

Khi cô đếm đến ba mươi lăm thì một giọng miền New England cất lên, “Bác sĩ Tennant?”

“Có.”

“Tôi là Ewan McCaskell. Tôi đang nói với anh từ Không lực Một.”

Tim tôi đập thình thịch. “Ngài McCaskell, tôi cần nói chuyện với tổng thống.”

“Lúc này tổng thống đang nói chuyện với Thủ tướng Anh. Sau năm phút nữa ông ấy mới có thể đến nghe điện thoại được.”

Tôi không thể ngồi đợi đề điện thoại di động mở trong cả năm phút.

“Anh có đợi không?” McCaskell hỏi. “Tổng thống biết có chuyện lộn xộn ở Dự án Trinity. Ông ấy

rất muốn nói chuyện với anh.”

“Tôi không thể đợi được. Tôi sẽ gọi lại Nhà Trắng trong bảy phút nữa.”

“Chúng tôi sẽ bảo họ nói máy.”

Tôi bấm tắt. Tìm tôi đập mạnh.

Rachel chạm vào tay tôi. “Tin tốt hay xấu?”

“Tôi không biết. Đó là McCaskell. Anh ta bảo tổng thống muốn nói chuyện với tôi. Nhưng rõ ràng là họ đã được người ta thông báo trước. Có lẽ là John Skow. Họ chỉ biết những gì mà Godin muốn cho họ biết.”

“Họ đã trở về Mỹ chưa?”

“Họ ở trên Không lực Một.”

“Trên đường từ Trung Quốc về à?”

“Không. Đó là một chuyến đi năm ngày, cộng thêm một ngày dừng chân ở Nhật. Hôm qua tôi đã kiểm tra lại. Cuộc gặp cấp cao này như kiểu kỷ niệm chuyến thăm của Nixon năm 1972. Một sự kiện lặp lại ấy mà, chỉ có điều không còn căng thẳng chiến tranh lạnh nữa.”

“Lát nữa gọi lại anh định nói gì?”

Tôi lắc đầu. Tổng thống Bill Matthews từ một thượng nghị sĩ Cộng hòa bang Texas bị cuốn đến Nhà Trắng trong một cơn thủy triều chống đảng Dân chủ bị thất bại. Không ai có thể ngạc nhiên hơn James - anh trai tôi, người đã biết Matthews từ hồi học chung ở trường Yale. Theo anh tôi thì Matthews là người có sức thuyết phục, nhưng không phải là mũi tên sắc nhọn nhất trong ông tên. Khi còn là thượng nghị sĩ, ông ấy luôn phải phụ thuộc các trợ lý của mình và điều này chưa hề thay đổi sau khi đến Nhà Trắng. Dư luận chung vẫn cho rằng ông đang phải vật lộn trên cả hai mặt trận đối nội và đối ngoại. Tôi đã gặp Matthews một lần ở Phòng Bầu dục, sau đó gặp thêm một lần trong bữa tiệc ở thành phố Georgetown khi tôi đang làm series phim NOVA dựa trên cuốn sách của mình. Không biết ông còn nhớ về tôi như thế nào? Như một bác sĩ diêm đấm có anh từng là người bạn ông yêu quý? Hay là một bệnh nhân hoang tưởng mắc chứng ảo giác mà chắc chắn Skow đã mô tả?

Tôi lái xe trên đường cao tốc số 64, trong lòng lo âu cho đến lúc phải gọi lại. Lần này, khi tôi vừa xưng tên, đường dây gần như được nối ngay lập tức.

“Bác sĩ Tennant đây à?” Tổng thống hỏi.

“Tôi là David Tennant.”

“Tôi là Bill Matthews, chào David. Tôi biết từ lần cuối cùng chúng ta gặp nhau đến nay đã khá lâu, nhưng tôi muốn anh hiểu rằng anh vẫn có thể nói với tôi bất cứ điều gì. Nào, nói đi.”

Tôi hít một hơi thật sâu và đi thẳng ngay vào vấn đề. “Thưa tổng thống, tôi biết ngài đã nghe người ta nói với ngài về cái gọi là bệnh tâm thần của tôi. Tôi muốn ngài biết cho rằng lúc này tôi khỏe mạnh không khác gì lần gặp ngài ở Phòng Bầu dục. Bởi vậy mong ngài hãy lắng nghe tôi nói một cách khách quan. Hôm qua Fielding đã chết ở phòng làm việc của mình trong Trinity. Tôi tin rằng ông ấy bị giết. Hôm nay có một âm mưu toan tính lấy mạng tôi. Một gã đàn ông mang súng đến nhà tôi, tôi đã phải giết gã để tự vệ. Dự án Trinity hoàn toàn mất kiểm soát, và tôi cho rằng Godin và Skow phải chịu trách nhiệm.”

Một khoảng im lặng dài.

“Thưa ngài tổng thống?”

“Tôi rõ rồi, David ạ. Nghe này, việc đầu tiên chúng tôi cần làm là đưa anh đến một nơi an toàn.”

“Không có nơi nào an toàn cả.”

“Được rồi, phải có một chỗ nào an toàn chứ.”

“Không có, khi mà NSA còn đang tìm cách giết tôi.”

“Đừng lo về NSA. Tôi có thể bố trí để Sở Mật vụ đón anh ở nơi nào đó, và họ sẽ đưa anh đến một

cẩn nhà an toàn trong khi chờ tôi trở về.”

Nghe có vẻ hấp dẫn đấy, nhưng tôi biết không thể liều cho một cuộc gặp mặt như thế. Còn sống mà đến được đó là gần như không thể. “Tôi không thể làm vậy, thưa tổng thống.”

“Anh không tin Sở Mật vụ à?”

“Không phải thế. Vấn đề là tôi không biết mặt một nhân viên mật vụ nào cả.”

“Tôi hiểu.” Im lặng. “Chúng ta có thể quy ước một mật mã, một dấu hiệu nhận biết chẳng?”

“Điều đó không an toàn đối với NSA. Không có việc gì như thế có thể giữ được an toàn.”

“Chúng tôi có thể đón anh ngay bây giờ.”

“Chúng ta cần phải giả thiết rằng bọn an ninh đang nghe trộm cuộc nói chuyện này. Họ có thể vươn dài đến tận Trung Quốc.”

Matthews thở dài. “Thôi được, David. Hãy cho tôi biết, anh có tin Ewan McCaskell không?”

Tôi đã nghĩ chuyện này rồi. Mỗi đến khi McCaskell trả lời điện thoại của tôi ở nhà, cú điện cho người của an ninh Trinity biết tôi chưa liên lạc được với tổng thống, thì tôi mới bị mưu hại. Nếu McCaskell có liên lạc với một người nào đó của Trinity, chắc ông ta phải báo cho họ từ lâu về chuyện này trước cuộc điện đàm ấy. “Tôi tin ông ấy. Nhưng tôi cần phải được thấy mặt ông ấy.”

“Ừm... có lẽ anh sẽ phải ăn náu cho đến khi chúng tôi trở về. McCaskell và Sở Mật vụ sẽ đón anh. Anh có thể về Washington trong vòng bốn ngày được không?”

“Tôi có thể, thưa tổng thống. Cho phép tôi hỏi ngài một câu được không ạ?”

“Được chứ.”

“Ngài có tin tất cả những gì tôi vừa nói không?”

Matthews trả lời bằng giọng bớt chan hòa hơn. “David, tôi sẽ không giấu anh. John Skow nói tiến sĩ Fielding chết vì nguyên nhân tự nhiên, và nói rằng không có khiêu khích nhưng anh đã bắn chết một sĩ quan an ninh Trinity bên ngoài nhà anh. Anh ta còn nói anh đã bắt cóc bác sĩ tâm thần của anh.”

Tôi chớp mắt không tin. Thế là cuối cùng Skow cũng đã mắc sai lầm.

“Xin ngài giữ máy,” tôi đưa máy cho Rachel. “Hãy nói cho ông ấy biết cô là ai.”

Cô ngần ngừ cầm lấy điện thoại, áp lên tai

“Tôi là bác sĩ Rachel Weiss... Vâng... Không, thưa ngài. Tôi tự nguyện đi cùng tiến sĩ Tennant... Vâng, thưa đúng. Vâng, người ta đang muốn giết chúng tôi... Vâng, thưa ngài tôi sẽ làm thế.”

Cô đưa lại điện thoại di động cho tôi.

“Ngài tổng thống.”

“Tôi đây, David. Nghe này, tôi không biết nên nghĩ sao. Nhưng tôi biết anh xuất thân trong sạch, và tôi muốn gặp gỡ nói chuyện với anh.”

Một thoáng nhẹ nhõm lướt qua tôi.

“Vâng, thưa ngài. Tôi chỉ muốn một cuộc điều trần thẳng thắn.”

“Điều đó phải đợi đến lúc tôi về. Cẩn thận nhé, David.”

Một tiếng cười nho nhỏ thoát ra qua cái cổ họng tắc nghẹn của tôi. Câu nói đó là câu cửa miệng của anh trai tôi. “Cám ơn, ngài tổng thống. Xin hẹn gặp ngài.”

Tôi tắt máy.

Rachel nhìn tôi chờ đợi. “Anh nghĩ thế nào?”

“Tôi nghĩ chúng ta khá hơn trước đây năm phút. Ông ấy hỏi gì cô vậy?”

“Hỏi rằng có phải tôi bị cưỡng ép không. Ông ấy cũng bảo tôi phải chăm sóc anh. Lạy Chúa... tôi không thể nào tin được. Trong bốn ngày nữa chúng ta sẽ làm gì đây?”

Tôi nhún ga tăng tốc lên hơn một trăm cây. “Chúng ta sẽ đến Oak Ridge.”

“Tennessee à?”

“Ồ. Tôi không thấy nơi nào trên trái đất giống như ở đây. Ra khỏi thành phố gần chục cây là đã như

lạc vào chôn hoang vu. Không cảnh sát. Không có ti vi đăng ảnh truy nã những kẻ chạy trốn và ăn trộm xe tải. Không có gì hết.”

“Có xa không?”

“Tám giờ xe chạy.” Tôi vượt qua một chiếc xe chạy chậm và chuyển qua làn xe bên phải. “Cô cố ngủ đi một lúc.”

“Tôi không ngủ được trong ô tô.”

“Nhưng đây là xe tải cơ mà.”

“Cứ đùa.”

Thoát khỏi chiếc máy bay và liên lạc được với tổng thống khiến chúng tôi hơi phấn chấn lên, nhưng cảm xúc ấy không kéo dài. “Tôi nói nghiêm túc chuyện ngủ nghê đây. Sáng mai cô sẽ cần toàn bộ sức lực.”

“Để làm gì?”

“Vượt núi.”

Tủ sách

Chia sẻ

CHƯƠNG 19

Geli như ngồi trên lửa, người ả hùng hực lên vì cuộc săn đuổi này. Giữa cuộc săn lùng Tennant - Weiss và cuộc tìm kiếm Lu Li Fielding, các lực lượng của ả bị căng hết giới hạn. Nhưng khi bức mình về chuyện thiếu nhân lực, ả thường nghĩ về sa mạc Iraq, ở đó toàn bộ nguồn lực của ả chỉ có tám lính đặc công trong Lực lượng Delta.

Chuyện đầu đầu gần đây nhất của ả là Jutta Klein, chuyên gia Đức về MRI. Rõ ràng Jutta Klein đã lợi dụng sự giám sát lơ lửng của ả để phóng xe đến Atlanta, rồi tếp lên một chuyến máy bay Lufthansa để bay về Đức. Chính phủ Đức đã cam kết “sẽ trợ giúp bằng mọi cách có thể” nhưng Geli biết họ sẽ mở rộng cánh tay chào đón Jutta Klein với những tài nghệ mà chị ta mới kiếm được.

Geli xoay người trên ghế bành. Một kẻ có mã khóa ngày đang lên qua cửa, bước vào trung tâm điều khiển. John Skow từ trong bóng tối bước ra, vẫn vận bộ comple muôn thuở hiệu Brooks Brothers, mắt gã lấp lóe vì sợ hay vì kích động không biết nữa.

“Anh làm gì ở đây?” ả hỏi. “Có chuyện gì vậy?”

Skow ngồi chành bành trên chiếc ghế đối diện với Geli, hai tay như tay đàn bà quàng quanh lưng ghế.

“Tennant vừa nói chuyện với tổng thống. Matthews đang ở trên Không lực Một, trên đường từ Bắc Kinh đến Thượng Hải. Mạng nghe trộm của ta ở Trung Quốc mới bắt được tin này và tôi vừa bẻ được mã khóa lệnh thi hành.”

Geli cảm thấy như ả vừa mở cửa một lò nướng nóng sực. Chẳng trách Skow không muốn nói chuyện qua điện thoại mà lại mò thẳng đến đây. “Họ đã nói gì?”

“Tổng thống cố gắng bố trí để Sở Mật vụ đón Tennant ở đâu đó, nhưng Tennant không cắn câu.”

“Matthews đã chịu nghe câu chuyện của chúng ta chưa? Hay ông ta tin Tennant?”

Skow cắn môi, như cân nhắc lợi hại. “Tôi nghĩ ông ta tin chúng ta. Nhưng ông ta hứa với Tennant sẽ có cuộc điều trần thẳng thắn.”

“Vậy chuyện đó sẽ diễn ra như thế nào?”

“Ewan McCaskell cùng Sở Mật vụ sẽ tìm gặp Tennant và đón hắn cho đến khi tổng thống về. Tennant tin McCaskell.”

“Bao giờ thì tổng thống về?”

“Bốn hôm nữa.”

“Tức là về Washington?”

“Phải.”

“Tuyệt”

“Tại sao?”

Geli đã tiên liệu thể nào Tennant cũng chạy về Washington. “Thủ đô tạo cho chúng ta kịch bản tuyệt vời để loại bỏ Tennant. Bắt đầu ngay từ bây giờ, chúng ta sẽ cố hết sức để làm hắn mất tín nhiệm, bằng cách phóng đại thêm những gì chúng ta đã nói. Tác dụng ngoại ý ở Tennant đã chuyển thành loạn thần. Hắn đã bắn chết nhân viên an ninh của mình và bắt cóc bác sĩ Weiss.”

“Rồi sao?”

“Bây giờ hắn đe dọa tính mạng tổng thống.”

Skow nheo mắt. “Nhưng hắn vừa mới nói chuyện với Matthews. Hắn chẳng tỏ vẻ đe dọa gì cả.”

Geli đảo mắt. “Tennant đang nói tất cả những gì cần nói để tiếp cận cho bằng được người mà hắn muốn giết. Bằng cách vẽ ra hình ảnh hắn như một kẻ cuồng sát, ta có thể khiến mọi cảnh sát thành phố

săn lùng hắn. Và một khi anh cho xử lý hắn như một Lee Harvey Oswald, các nhân viên mật vụ sẽ không cho hắn đến gần tổng thống.”

“Một chiến lược thông minh. Chúng ta lấy gì làm chứng cứ?”

“Chúng tôi có bản ghi âm hàng trăm giờ ở nhà Tennant và qua điện thoại. Chiếc Godin Four vẫn còn chạy trên đó chứ?”

“Tôi không để ý. Làm gì?”

“Với chương trình thích hợp của NSA, và nhờ trợ giúp của Godin Four, ta có thể chấp thành những lời đe dọa đối với tổng thống mà không ai có thể chứng minh là giả.”

Skow nở nụ cười tán thưởng. “Giỏi! Mưu này thật giỏi đó, Geli!”

“Đó là lý do tại sao tôi ở đây. Vấn đề là, Tennant sẽ chạy thẳng vào Washington D.C. hay đợi bốn ngày nữa?”

“Nguồn của tôi nói không,” Skow đáp. “Tôi có một danh sách ngắn các địa điểm Tennant có thể sẽ đến, trong đó Washington là điểm cuối cùng.”

Nổi tức giận làm cơ quai hàm của Geli thắt lại. “Nguồn đó là ai, mẹ kiếp?”

“Tôi không thể nói cho cô lúc này, rất tiếc.”

“Nhưng nó nói Tennant sẽ chạy đến những nơi khác ngoài Washington D.C.?”

“Phải. Như vậy không hợp lẽ hay sao? Tại sao Tennant phải liều vào Washington trong khi còn bốn ngày nữa mới đến cuộc gặp?”

“Bởi vì hắn biết người ở đó có thể vào POTUS. Viện phẫu thuật. Giám đốc Viện Sức khỏe Quốc gia. Các chính khách từ tiểu bang quê hương hắn. Thượng nghị sĩ Barrett Jackson đứng đầu Ủy ban Đặc trách Tình báo. Ông ta có thể tiếp xúc với Phòng Bầu dục qua điện thoại. Và nếu Tennant có thể thuyết phục một người nào đó như Barrett Jackson tin rằng hắn khỏe mạnh...”

“Tôi hiểu. Thôi được. Nhưng chúng ta không thể biết chắc hắn sẽ đến nơi nào. Và câu chuyện tên ám sát của cô cho phép chúng ta đưa những nguồn lực khác của liên bang vào bao vây các địa điểm khác đó.”

“Tốt. Anh lo phần truyền thông. Cũng cần nhằm vào những kẻ mà Tennant biết quanh vành đai cao tốc theo bảng phân loại cảnh báo về an ninh của NSA. Xoáy vào vấn đề tâm thần bất ổn của hắn. Anh có thể làm điều đó một cách thật tinh tế được không?”

Đôi môi mỏng của Skow dần ra thành thứ gì giống như nụ cười. “Đó là lý do tại sao tôi ở đây.”

Geli gật đầu, cảm thấy dễ chịu hơn cách đây vài giờ. “Tốt nhất là anh hãy lên tầng trên để đảm bảo họ vẫn để Godin Four chạy. Hoặc nhanh nhanh mang nó lại đây cho tôi. ”

Skow chưa bao giờ chạm vào người Geli, nhưng lần gã chìa tay ra mà nắm lấy cổ tay ả. “Cô có bốn ngày để tiêu diệt Tennant và Weiss. Sau đó, Sở Mật vụ sẽ xử lý mọi việc, và họ sẽ truy lùng thật ráo riết để chop Tennant chứ không giết hắn.”

“Thế cho nên anh cần đảm bảo rằng không lời nào hắn nói được người ta tin.”

Skow gật đầu. “Đúng.”

“Đừng lo,” Geli trấn an hắn gã. “Tổng thống sẽ không bao giờ gặp lại Tennant. Trong vòng hai mươi bốn giờ nữa hắn sẽ chết như anh hắn.”

Tủ sách

Chia sẻ

CHƯƠNG 20

Khi chúng tôi đến được Raleigh thì trời đã tối. Đi hết đường cao tốc 64, chúng tôi rẽ vào I-40, sau đó vòng lại qua Công viên Tam giác Nghiên cứu, chuyển sang hướng Tây về phía Tennessee.

“Trông kìa,” Rachel nói khi nhìn những ánh đèn thân thuộc loang loáng trôi qua. “Lúc trời tối như thế này, tôi gần như tin rằng anh sẽ thả tôi về nhà tôi ở Durham, và tôi có thể vào nhà uống một tách trà.”

“Giờ thì cô biết rõ hơn rồi đấy.”

Cô nhìn tôi hồi lâu rồi khẽ thở dài trong bóng tối.

“Tôi thật tiếc đã kéo cô vào tất cả chuyện này,” tôi nói. “Tôi cũng chưa có lúc nào xin lỗi cô cho phải.”

“Tự tôi dần vào chuyện này đây chứ.”

“Không. Tôi đã kéo cô vào từ lúc tôi chọn cô làm bác sĩ tâm thần cho mình.”

Về mặt mỗi trên mặt Rachel cho thấy cô đã quá quen với việc phải xử lý những lỗi lầm của người khác.

“Đừng cố mà đoán mò thói đỏng đảnh của số phận. Nếu có một con bướm nào vẫy cánh ở Malaysia trước khi anh gọi, có thể anh đã tìm thấy một người khác. Đời là thế.”

Trước đây, tôi cũng đã tự nhủ thế về những chuyện tương tự, nhưng trong trường hợp này tôi không thể nào tin vào nó.

“Không, tôi tìm ra cô vì cô là người giỏi nhất trong lĩnh vực của mình. Một nhà phân tích theo trường phái Jung thì không giống một bác sĩ tâm thần thông thường. Tôi biết nói điều này ra nghe có vẻ trẻ con, nhưng tôi có cảm giác rằng số tôi là phải tìm cô.”

Cô nhìn tôi với đôi mắt thông cảm vô hạn, nhưng đằng sau vẻ thông cảm tôi thấy nỗi đau. Bằng cách nào đó, tôi đã chạm vào nỗi niềm sâu lắng của cô. Khi cô nói, giọng cô nghe thật hồ hững.

“Thật dễ khi tự nhủ rằng những gì xảy ra với ta là tiền định. Điều đó an ủi ta. Nó cho ta cảm giác hình như còn có một kế hoạch gì to lớn hơn. Tôi nghĩ tôi và chồng tôi có duyên sống với nhau. Nhưng chúng tôi đã không sống được như thế. Đó chỉ là một lựa chọn tồi mà tôi đã coi là vận mệnh cho có vẻ hợp lý. Thật ra điều này thảm hại làm sao.”

“Thảm hại ư? Cuộc hôn nhân ấy đã đem lại cho cô một đứa con mà.”

“Vậy ai đã chết trong đau đớn và sợ hãi khi tuổi mới lên năm?”

Giọng cô có vẻ cáu giận. Trong bao năm hành nghề y, tôi đã từng thấy nhiều trẻ em chết, nên tôi hiểu điều đó ảnh hưởng tới những người làm cha mẹ như thế nào. Họ có thể bị suy sụp đến mức không thể gượng lại nổi. Ngay cả các y bác sĩ cũng không tránh khỏi điều này. Cái vỏ chuyên nghiệp dễ dàng tan chảy trước một đứa trẻ chịu đau đớn. Đối với tôi, nỗi đau đớn này - nỗi đau của lũ trẻ ngây thơ - là trở ngại đầu tiên đối với niềm tin vào Thượng đế.

“Cô với con cô còn có năm năm yêu thương nhau vô điều kiện. Chẳng lẽ cô lại muốn nó không ra đời để rút cuộc cả hai người khỏi phải chịu nỗi đau ấy sao?”

Cô trừng trừng nhìn tôi phẫn nộ. “Gì anh cũng nói được à? Anh không e dè trước một giới hạn nào cả.”

“Không, nếu như ta có quyền vượt qua chúng.” Tôi đang nói về chuyện mất đứa con của chính tôi, và cô biết điều đó.

Cô lại nhìn ra ngoài cửa sổ. “Thôi không nói chuyện này nữa.”

“Chúng ta đâu có cần phải nói. Nhưng chúng ta cần được tiếp tế đây. Tôi sắp sửa dừng xe trước

cửa hàng Wal-Mart mở cửa suốt đêm ở Winston-Salem hay Asheville. Như vậy cô có vài giờ để ngủ.”

“Tôi mệt bã người rồi,” cô thừa nhận.

“Ghé lại đây.”

“Cái gì?”

“Cô tựa vào đây?”

“Vào vai anh ấy à?”

“Không. Can đảm lên. Cô nằm cuộn người trên ghế và gối đầu lên đùi tôi.”

Cô lắc đầu, nhưng không phải để từ chối. Tôi chăm chú nhìn đường. Sau vài phút, cô tuột giày, nằm gập chân và gối đầu lên bắp đùi phải của tôi. Tôi có cảm giác đôi mắt cô vẫn mở, nhưng tôi không nhìn xuống. Tôi hạ thấp bàn tay phải và bắt đầu xoa vuốt trán cô, luồn tay vào tóc cô.

“Anh làm tôi nhớ lại hồi bé,” cô nói.

“Tôi không nói chuyện với cô đâu. Nhắm mắt lại.”

Lát sau, cô nhắm mắt.

Chúng tôi đến Asheville lúc mười giờ ba mươi tối. Cửa hàng Wal-Mart rực rỡ ánh đèn trông như một ốc đảo trong bóng tối, và tôi đã chạy qua biên giới bang. Đầu Rachel vẫn tựa trên đùi tôi, cẳng chân phải của tôi dường như tê dại cả đi. Cô không có phản ứng khi tôi nói. Tôi muốn để cô lại trên xe để vào cửa hàng, nhưng tôi không muốn cô tỉnh dậy thấy có một mình nơi đỗ xe. Còn có khả năng cảnh sát địa phương đã nhận được tin báo từ những người ngư dân bị mất xe nữa. Để tránh bị phục kích khi chúng tôi ra khỏi cửa hàng, tôi đánh thức Rachel dậy rồi kéo tuột cô vào trong dãy cửa kính, tại đây cô có thể nhận ra ngay kẻ nào tỏ ra quan tâm quá mức đến chúng tôi trong chiếc Ram màu nâu đỏ.

Tôi đi thẳng đến gian hàng bán đồ thể thao và bắt đầu nhặt các thứ cần thiết, bên cạnh một quầy thu tiền vắng người. Lều trại hai người. Túi ngủ. Ba lô. Đèn dầu, dây may so và dầu. Tại một gian khác, tôi chọn bộ áo liền quần ngủ trang Silent Shadow, khăn trùm đầu, ủng cao su ngủ trang và đồ lót cách nhiệt. Ở một gian hàng khác nữa, tôi chọn một chiếc cung bằng nhựa tổng hợp, tám mũi tên và ống đựng tên. Cuối cùng, tôi chất lên trên đồng hàng một chiếc la bàn, một ống nhòm, một dao găm Gerber, thuốc khử trùng, một đèn pin Maglite và hai điện đài xách tay chạy bằng pin. Rồi tôi tìm người bán hàng để tính tiền tất cả chỗ đó.

Thiếu phụ Mexico mà tôi tìm được có vẻ nghi ngờ tiền mặt của tôi. Trong khi cô ta kiểm tra từng tờ 100 đô xem thật hay giả, tôi vào gian hàng hóa mỹ phẩm mua thuốc đánh răng, bàn chải răng và xà phòng. Tổng số tiền hàng lên tới 1.429,84 đô. Trả tiền xong, tôi đẩy xe hàng ra tiền sảnh, để đẩy cho Rachel, rồi lấy một chiếc xe khác sang gian hàng tạp phẩm, lấy đủ các thứ giúp chúng tôi sống qua vài tuần, không quên mấy chai nước uống. Trên đường ra quầy thanh toán, tôi thầm nghĩ ngạc nhiên làm sao khi giữa đêm hôm khuya khuya, tôi lại từ đường cao tốc ghé vào một cửa hàng phục vụ 24/24, tự trang bị cho mình đầy đủ để có thể sống dài ngày nơi hoang dã. Cha tôi chắc không thể tin nổi chuyện này.

Khi tôi ra, Rachel giơ ngón tay ra hiệu OK, và tôi thở nhẹ nhõm hơn. Ở cửa ra, một tay bảo vệ chặn tôi lại nhưng chỉ để kiểm tra số hàng mang ra so với biên lai. Mười giây sau chúng tôi bước qua bãi đậu xe. Tôi quăng các thứ mua được vào sau ghế ngồi, giúp Rachel lên xe, rồi chạy trở lại đường I-40.

Ngay trước khi đến biên giới bang, tôi rẽ vào bãi đậu xe của nhà nghỉ Best Western, đậu xe giữa hai xe tải ở hàng cuối. Một chiếc là Dodge Ram màu xanh có gắn moóc. Dùng một tuốc nơ vít trong hộp dụng cụ, tôi tháo biển số Texas của xe Ram, thay cho biển số chiếc xe nâu đỏ của chúng tôi. Xong tôi lái lên đường I-40 nhằm thẳng hướng Tây về phía ranh giới Tennessee, nó nằm đâu đó trong rừng Appalachian phía trước.

Chẳng bao lâu Rachel đã lại ngáy êm, đầu cô vẫn gối trên đùi tôi. Tôi vặn radio chọn kênh đang phát nhạc của David Gray, mắt khẽ nhắm hờ chỉ để đủ quan sát hai mép đường. Chúng tôi đang chạy về quá khứ của tôi, về phía những cánh rừng tuổi thơ, một thế giới đầy áp sự tương phản kỳ lạ và kỳ ức không phai mờ. Phòng Thí nghiệm Quốc gia Oak Ridge là một trong những trung tâm công nghệ cao nhất của cả nước, thế mà lại nép mình giữa rừng già rậm rạp. Ở đó, tôi được đi học với con cái những ông bà thông minh sáng láng từ Chicago và New York đến và con cái những người đàn ông đàn bà gầy guộc hốc hác chưa từng rời khỏi hạt từ lúc sinh ra. Một số nhà khoa học thấy chỗ quê mùa này buồn chán, nói thẳng ra là khó chịu, nhưng đối với gia đình tôi cảnh núi rừng bao quanh Oak Ridge là một thiên đường.

Xung quanh Oak Ridge có nhiều chỗ kín đáo có thể ẩn náu, nhưng có một nơi tuyệt nhất. Năm ngoài tôi đã nghe một người bạn từ thời thơ ấu kể rằng vì lý do kinh phí hạn chế, chính phủ đã đóng cửa Công viên Quốc gia Frozen Head. Nơi đó tôi với anh tôi đã cắm trại không biết bao nhiêu lần. Bây giờ, công viên vùng núi này đã trở nên hoang phế nhưng vài người đi bộ cuồng nhiệt vẫn vụng trộm đến đây thưởng thức kỳ nghỉ của mình mà không làm phiền đến ai.

Chúng tôi băng qua ranh giới Tennessee ở cực Nam Rừng Quốc gia Pisgah. Chúng tôi đi xuyên rừng già và đến nửa đêm đã qua Knoxville. Tôi chạy tiếp về phía Tây trên đường 62 và không đầy ba mươi phút sau, chúng tôi đã chạy xe qua Oak Ridge, “thành phố bí mật” của Mỹ trong Thế Chiến II. Ngày nay nó nổi tiếng trên thế giới về các căn cứ hạt nhân, nhưng trong Thế Chiến II, nó không có tên trên bản đồ. Trong khoảng thời gian từ 1945 đến 1975 - những năm tôi rời đến Alabama - Oak Ridge đã phát triển thành một nơi kiểu thành phố nhỏ bình thường của Mỹ. Nhưng không bao giờ hoàn toàn như vậy. Luôn có một cảm giác chung về sứ mệnh của Oak Ridge, và chứng cứ về giá trị của thành phố này tuy không nhìn thấy được nhưng vẫn luôn tồn tại. Chúng tôi, những người đã từng sinh sống ở đó biết rõ rằng nếu có xảy ra chiến tranh hạt nhân thì chỉ vài phút là tất cả chúng tôi sẽ thành tro bụi. Ngay trong đêm tối, tôi cũng có thể thấy thành phố đã phát triển hơn nhiều kể từ ngày tôi xa nó. Có thêm nhiều nhà hàng nhượng quyền nằm dọc hai bên đường, thêm nhiều chuỗi cửa hiệu, nhưng trái tim thành phố vẫn là phòng thí nghiệm và những lò phản ứng uranium thời chiến, nó thu hút trí tò mò của du khách muốn nhìn những vũ khí đã giúp người Mỹ chiến thắng trong cuộc chiến với Nhật Bản.

Rời khỏi Oak Ridge trên đường cao tốc 62, xe chúng tôi là phương tiện duy nhất đang chạy trên đường. Chúng tôi đi bọc theo chân núi Big Brushy, phía bên kia là nhà tù bang. Ba ranh giới hạt gặp nhau ở chỗ hoang vắng này, một thế giới chìm trong màn sương, nơi lớp hậu duệ của những người thợ mỏ, người nấu rượu lậu sinh sống. Họ cứ sống dai dẳng trong cái thung lũng mờ tối này và dọc theo các hầm mỏ bỏ hoang vẫn còn lại như những vết sẹo trong vùng núi.

Tôi vòng lên hướng Bắc theo đường 116, một con đường nhỏ băng qua làng Petros, rồi qua nhà tù, một khu đất rào kín trông rõ ngán ngẫm được chiếu sáng chói gắt bằng đèn thủy ngân cao áp và có hàng rào dây thép gai bao quanh. Phía Bắc nhà tù, con đường uốn gập lại giống như một con rắn bị thương. Tôi rẽ trái theo một đường mòn không có số trên bản đồ, nhưng tôi nhớ rất rõ. Chẳng mấy chốc tôi đã đến trước cổng công viên quốc gia cũ bị bỏ hoang, nay có lẽ đã bị phong tỏa.

Cách cổng chừng chục mét, tôi chạy chậm lại và ngoặt tìm lối vào giữa những hàng cây. Khi nhìn thấy một lối đi, tôi đạp phanh, rẽ khỏi đường và mười giây sau chúng tôi đã biến vào trong đó. Tôi tiếp tục chạy cho đến khi cây cối trở nên quá rậm rạp và đất dốc không thể đi tiếp được nữa. Tôi dừng xe, tắt máy.

Rahel nằm không nhúc nhích. Tôi nhào người lấy mấy túi ngủ ở sau ghế. Khi tôi giở chúng ra, cô giật mình tỉnh dậy, nhòm phắt lên khỏi đùi tôi, căng mắt nhìn vào bóng tối.

“Anh định làm gì vậy?”

“Bình tĩnh nào,” tôi nói. “Cô ổn cả. Chúng ta đến rồi.”

“Đây là đâu?” Cô cô nhìn ra ngoài cửa sổ, nhưng dưới những lùm cây không có chút ánh sáng nào. Chúng tôi như lọt vào một cái hang.

“Chúng ta đang ở bên ngoài Oak Ridge, ở một nơi gọi là Frozen Head. Đó là một công viên quốc gia cũ bị bỏ hoang.”

“Frozen Head?”

“Cô ngủ say cả mấy tiếng đồng hồ.”

Cô lắc đầu. “Tôi có ngủ được trên xe đâu.”

“Ừm, vậy cứ nhắm mắt để đấy đi. Tôi sẽ đánh thức cô trước khi trời sáng.”

Cô chớp mắt như thể vừa tỉnh khỏi cơn mê. Rồi cô đưa tay lên che miệng và nhãn mặt. “Anh có mua bàn chải đánh răng không?”

“Có. Cô có thể đánh răng khi trời sáng.”

“Tôi muốn đi tiểu.”

“Xung quanh toàn là rừng rậm đấy.”

“Liệu ra ngoài có an toàn không?”

Tôi định bảo cô phải cẩn thận coi chừng rắn đuôi chuông, nhưng có lẽ cô sẽ không ra nữa nếu tôi nói thế. “Đây là nơi an toàn nhất trong hai mươi bốn giờ qua.”

Cô xuống xe đi ra khỏi vùng sáng nhưng không đóng cửa xe. Ánh sáng rọi vào chúng tôi như một chiếc đèn lồng trong rừng. Cô đi khá lâu, tôi dần thấy lo lắng. Mưa bắt đầu rơi rào rào trên kính chắn gió, và tôi nghe tiếng cô hét lên. Cô leo vội lên xe khi chưa kịp kéo khóa quần, đóng sầm cửa lại.

“Trời mưa to quá,” cô nói, tay kéo khóa quần.

“Mưa là tốt cho chúng ta. Nó che lấp tiếng động khi ta đi trong rừng.”

Cô kéo túi ngủ qua ngực, rùng mình. “Tôi không muốn làm anh thấy phiền, nhưng thế này tệ quá. Chẳng lẽ chúng ta không nghỉ tạm trong một nhà nghỉ rẻ tiền nào đó được sao?”

“Lúc này không một ai trên thế giới biết chúng ta đang ở đâu. Vì thế không ai có thể tìm ra chúng ta. Đây là điều chúng ta muốn. Ngủ đi.”

Cô gật đầu và ngồi tựa lưng vào cửa.

Tôi ngồi nghe bản giao hưởng của mưa và tiếng động cơ lách tách, nhớ lại những buổi sáng trước khi trời rạng, tôi thức cùng cha và anh chờ bắn vịt trời hay hươu nai. Tôi mệt bã người nhưng biết mình phải tỉnh táo trước lúc mặt trời lên. Một vùng nguyên sơ nào đó trong não tôi thiếp ngủ trong các thành phố nay đã được đánh thức nơi rừng hoang, đang thì thầm với tôi nhịp điệu của rừng với độ chính xác không giảm sút. Nhịp điệu đó nói với tôi khi nào trời sắp sáng, khi nào sắp mưa, khi nào trò chơi tiếp tục. Tôi kéo túi ngủ lên ngang cằm.

“Chúc ngủ ngon,” tôi nói với Rachel.

Chỉ có tiếng thở đều đều của cô đáp lại.

Tôi bừng tỉnh khi bóng xanh mờ đầu tiên lọt qua tán cây. Tôi chớp mắt nhiều lần, rồi quan sát nhanh cảnh vật mà không quay đầu. Không thấy gì lạ, tôi nhẹ nhàng lay gọi Rachel. Cô lại giật mình ngồi dựng lên, nhưng không đến nỗi quá hoảng hốt như hồi đêm.

“Giờ ta đi,” tôi nói.

“OK,” cô làm bầm trong miệng, nhưng trông cô như sẵn sàng ngủ tiếp.

Tôi bước ra ngoài để trút nhẹ bàng quang, rồi lấy các thứ ở sau ghế ngồi ra. Tôi bỏ phần lớn vào ba lô của mình, chỉ đưa cho Rachel túi ngủ, vài hộp thức ăn và mấy bình châm xăng. Khi cô ra ngoài, tôi đưa thêm cho cô bộ áo liền quần ngủ trang, tất dày và ủng.

Mặt cô nhăn nhó, nhưng cô cũng lấy quần áo và đi ra sau xe. Khi cô đang thay quần áo, tôi đặt cung và túi tên vào ba lô của mình. Xong tôi mặc bộ áo liền quần và đi ủng vào. Khi tôi khoác ba lô lên vai, rừng như đột nhiên bừng sáng, tôi biết mặt trời đã ngự trên đỉnh núi Windrock ở hướng Đông.

Rachel đi vòng quanh xe trông như những nữ quân nhân Israel mà tôi từng nhìn thấy trong các bức ảnh. Cô khoác ba lô lên vai không đến nỗi lúng túng lắm, và cô không than phiền về sức nặng của nó.

“Các bạn cô mà trông thấy cô bây giờ nhì,” tôi nói, cài chiếc điện đài lên thắt lưng cô.

“Chắc bọn họ phải cười bò ra.”

Tôi nhét đồng hồ chúng tôi vừa thay ra vào túi của cô. “Nhìn kỹ mặt đất. Bước theo bước tôi, và chú ý đừng để cành cây móc vào quần áo. Nếu bị lạc nhau, hãy dùng điện đàm, nhưng khẽ thôi.”

“OK.”

“Đừng nói nếu không có gì khẩn cấp. Nếu tôi giơ tay lên, hãy dừng lại. Năm lấy thắt lưng tôi nếu tôi đi quá nhanh. Chúng ta không cần phải vội lắm. Ở đây cô sẽ gặp thú rừng đấy. Bình tĩnh tránh ra khi gặp rắn, không cần để ý những con khác.”

Cô gật đầu. “Chính xác thì chúng ta đi đâu?”

“Trong núi có nhiều hang động. Khách đi bộ đường dài có thể biết một số hang, nhưng có một cái hầu như chưa ai biết. Cha tôi và tôi đã tìm ra nó khi tôi còn nhỏ. Đây là chỗ chúng ta cần.”

Cô mỉm cười. “Tôi sẵn sàng như sắp sửa đến đích ấy.”

Chúng tôi đi theo vết bánh xe đến khi ra tới đường, sau đó lấy ít bụi cây lấp lối đi. Tôi băng qua đường, nhìn xem có nhánh nào của sông Mới, một lạch nhỏ từ trên núi xuyên qua hẻm đá sâu khoảng mười lăm mét. Hẻm núi này có thể là đường lên núi. Đội phục vụ trong công viên quốc gia đã làm một con đường nhỏ song song với khe suối, nhưng tôi không dám liều để nhờ đụng phải một khách đi bộ nào đó. Tôi còn sợ gặp phải dân địa phương trông cần sa trong khu công viên hoang kín đáo này. Vào những lúc mát mùa, đây là một cám dỗ lớn với hậu duệ của dân nấu rượu lậu, bọn họ coi giữ chặt chẽ chỗ này để phòng những kẻ xâm nhập. Họ gài bẫy trên ruộng của mình, và bắn trước không cần hỏi.

Tôi nhanh chóng tìm thấy khe suối, và khi ánh ngày rơi chiếu trong rừng, chúng tôi đã lội qua khe suối và leo lên hẻm núi. Rễ cây xương xẩu bám chắc lên vách đá như những bàn tay bị viêm khớp. Những tảng đá to như xé hộp nằm dọc theo khe núi. Con suối có chỗ thì nông và rộng, chỗ khác lại thắt hẹp lại thành những luồng chảy réo ùng ục. Tôi thấy dấu chân của hươu nai, và có lần tôi thấy gì như dấu chân gấu. Điều đó làm tôi hơi lo lắng về cái hang. Khi chúng tôi đi ngang qua các bụi rậm, thỏ, tatu phóng ra rào rào chạy trốn. Cứ vài phút tôi lại quay nhìn Rachel, hình như cô cố theo kịp. Có vài lần cô bị trượt chân trên đá ướt, nhưng giẫm chân lên những tảng đá trơn trượt để leo lên dốc đầu phải là chuyện dễ dàng với người mới bắt đầu.

Trong khi bước qua một cành cây ngập nước, tôi ngửi thấy trong gió có mùi khói. Tôi dừng bước bên đường mòn, hy vọng đó là khói từ lửa trại của khách đi bộ. Nhưng không phải. Đó là mùi thuốc lá thơm Virginia. Tôi giơ tay. Nhưng không cần thiết. Rachel đã dừng bước ngay khi trông thấy tôi đứng lại.

Không quay đầu, tôi lia mắt quan sát đá và cây phía trước. Không có gì ngoài tiếng suối róc rách chảy và những giọt mưa rớt xuống từ đám cành lá trên đầu. Tôi ngược nhìn kỹ các cành thấp của vòm rừng. Có thể là chòi của kẻ săn trộm hươu. Nhưng những thợ săn chuyên nghiệp thừa biết rằng hút thuốc lá có thể làm mất cả một mẻ săn, có khi hỏng cả một mùa săn. Tôi không thấy gì trên cây.

Tôi nhẹ nhàng quay đầu quan sát mép khe núi. Từ phải, sang trái. Không có gì. Tôi lại hít không khí. Mùi thuốc lá đã hết.

Rachel kéo mạnh thắt lưng tôi. “Chuyện gì thế?” cô thì thào.

Tôi quay lại thấy nét sợ hãi trên mặt cô. Im lặng, tôi mấp má môi. Đứng yên.

Cô gật đầu.

Lại có mùi thuốc lá thơm thoảng qua tôi, mạnh hơn lúc trước. Tôi quay đầu lại thật chậm và bất giác ngẩng nhìn lên. Cách chừng bốn mươi mét, một người đàn ông vận bộ đồ bằng vải nylon đen đứng tựa lưng vào thành hẻm núi và búng đầu mẩu thuốc lá xuống khe suối. Tim tôi nhảy lên, nhưng tôi đứng

bất động. Mẩu thuốc bay vọt lên không thành một vệt trắng trên nền lá xanh, rơi xuống nước và trôi về phía chúng tôi.

Người đàn ông đưa mắt nhìn theo tàn thuốc. Tôi chắc chúng tôi sắp bị phát hiện, nhưng gã bỗng quay đi mà lấy cái gì xuống khỏi vai. Một khẩu súng trường đen. Một khẩu M16. Gã tựa súng vào thân cây, mở khóa quần và bắt đầu tiểu xuống vách đá nhỏ. Gã nghịch như một thằng trẻ con, cổ hướng luồng nước dãi đến khe suối nhưng không tới. Thanh niên chắc đã làm ngon. Tay này ngọt bốn mươi, và gã vận quân phục.

Tôi cầu cho Rachel không hoảng sợ. Có lẽ lúc đầu cô chưa nhìn thấy tay súng này, nhưng không thể không nhìn thấy cái “cầu vồng” vàng ánh trong nắng sớm. Tay kia đã ngừng dãi bằng cách vung vẩy tay, lắc mình, kéo khóa quần rồi cầm khẩu M16 lên. Khi khoác súng lên vai, gã nhìn xuống khe suối, ngay vào chỗ chúng tôi.

Tôi nín thở, chờ đợi giây phút dán chặt mắt vào nhau.

Tay súng nhìn chăm chú phía trên đầu chúng tôi, rồi quay đi. Gã nheo mắt, đoạn nhìn ra xa xa xuống suối lần nữa. Chính là nhờ bộ áo liền quần và khăn trùm đầu ngụy trang. Gã không phân biệt được chúng tôi với cảnh nền của khe suối và cây cối. Tôi nhìn thấy gã ngheo đầu sang phải một cách lạ lùng, tôi tưởng gã bị chứng co giật thần kinh, nhưng liền sau đó tôi nhận ra gã đang nói vào một microphone gắn trên ve áo. Tôi nghe tiếng trả lời eo éo sắc như kim loại, nhưng không rõ được lời nào cả. Sau đó gã quay bước vào rừng.

Tê điếng người vì hoài nghi, tôi quay lại Rachel thì thấy cô đang nhìn tôi bối rối.

“Có chuyện gì đây?” cô thì thầm.

“Cô không nhìn thấy à?”

“Cái gì?”

“Thằng đàn ông dãi lên vách đá!”

Mắt cô mở to.

“Hắn có một khẩu súng.”

“Tôi không nhìn thấy gì cả. Tôi chỉ nhìn anh. Tôi tưởng anh nhìn thấy rắn hay gì đó.”

“Chúng ta quay lại xe mau.”

Mặt cô nhợt nhạt. “Thế còn cái hang?”

“Hổng rồi. Chúng đang chờ ta ở trên đó.”

“Chúng không thể.”

“Chúng có. Thằng kia mang súng M16 và mặc quân phục. Những người săn hươu quanh đây nhìn khác.”

“Nhưng chúng ta đã gần đến rồi cơ mà?”

Hơi nóng gai người trùn lên da tôi. “Cô lo cái gì?”

“Tôi có lo đâu. Tôi chỉ muốn nói ở trong hang an toàn hơn.”

“Không đâu.”

Một ý nghĩ âm ỉ trong khoảng tối của trí óc tôi. Bọn chúng biết nơi chúng tôi đang đến. Trước khi ý nghĩ đi xa hơn, tôi thấy mình lắng nghe một cách tuyệt đối tập trung. Tôi không rõ nghe thấy cái gì, nhưng chắc là có gì đó. Một chuyển động không hợp với những tiếng động thông thường trong rừng vắng. Tôi rửa thềm. Mưa rơi lúc trước làm giảm nhẹ tiếng bước chân của chúng tôi thì nay thành ra che cho kẻ thù của chúng tôi. Hay chúng chỉ là kẻ thù của tôi?

Một ý lóe lên trong óc tôi, tiếng eo éo lại phá vỡ im lặng, và tôi biết có những tay súng nữa cách chúng tôi không quá mười lăm mét. Rón rén sau lưng Rachel, tôi đưa một bàn tay bịt chặt miệng cô, vung cánh tay kia vòng quanh ngực cô, ghì sát cô vào người tôi bằng tất cả sức lực của mình. Cô muốn kêu lên, nhưng không có âm thanh nào thoát ra khỏi miệng.

Tôi đứng bất động trong khe suối, nước chảy tấp vào chân. Rachel vùng vẫy cô thoát ra. Chiếc ba lô sau lưng làm tôi khó giữ được cô. Tôi sợ cô có thể cắn tay tôi, nhưng cô không làm thế. Chỉ riêng điều đó khiến tôi càng nghi ngờ chính cô là người đã báo cho NSA biết phải tìm chúng tôi ở đâu.

“Tôi sẽ bỏ tay khỏi miệng cô,” tôi thì thầm. “Nếu cô kêu lên, tôi sẽ cắt cổ họng cô.”

Tủ sách

Chia sẻ

CHƯƠNG 21

Khi tôi thả Rachel ra, cô lao đảo trong con suối, mặt che giấu vẻ khiếp sợ và giận dữ. Rồi cô nhìn thấy con dao găm trong tay tôi, con dao Gerber mà tôi mua trong siêu thị Wal-Mart.

“Bước,” tôi ra lệnh. “Quay trở lại khe suối. Cô biết phải làm thế nào rồi đấy.”

Cô nhìn tôi trừng trừng trong giây lát, rồi quay đi và bắt đầu bước trên những mỏm đá. Tôi bỏ dao vào bao và tháo dây cung. Để đầu với tay súng M16 thì tôi ít có cơ hội hơn, nhưng tôi mà nhìn thấy hấn trước là tôi bắn liền.

“Đi sát vào thành bên phải.”

Cô di chuyển về bên phải, nhảy thoăn thoắt từ tảng đá này sang tảng đá khác. Khi bước theo Rachel xuống dòng suối, trong lòng tôi bộn bề những câu hỏi mà lẽ ra tôi phải hỏi cô từ trước nhưng đã không hỏi. Đó là cái ngày đầu tiên, khi cô đánh thức tôi khỏi giấc mơ về cái chết của Fielding... cô mở cửa bằng cách nào? Tôi đã khóa cửa sau khi anh chàng FedEx đi khỏi, thế mà tỉnh dậy đã thấy cánh cửa đập sầm sầm vào lấy xích trong khi Rachel réo gọi tên tôi. Cô lại còn tìm đúng nhà tôi khi tôi chưa nói cho cô biết địa chỉ? Tôi biết một chị ở phòng Nhân sự Đại học Virginia, cô đã nói thế. Trường đại học chắc đã phải được cảnh báo về việc cung cấp thông tin cá nhân, theo các nguyên tắc của Trinity. Vậy còn chiếc máy bay do thám trên xa lộ? Làm sao chúng biết được xe nào giữa hàng ngàn xe cộ trên quãng đường từ Chapel Hill đến Nags Head để chĩa tia laser vào? Một cuộc gọi từ Rachel trong khi tôi bất tỉnh có lẽ đã giúp chúng tìm ra chiếc Audi, căn nhà ở Nags Head, mọi thứ.

Còn về Oak Ridge, cô có thể dễ dàng gọi cho chúng từ Wal-Mart ở Asheville, lúc tôi để cô đứng đợi ngoài cửa. Khi đó cô chưa biết về Frozen Head, nhưng cô có điện thoại di động. Với một chút liều lĩnh, cô có thể đã gọi NSA khi ra khỏi xe đi tiểu hồi đêm. Mặt khác tôi vẫn còn nhớ mình đã nhảy vào phòng khách ở nhà và nhìn thấy một kẻ ám sát đang chĩa súng vào lưng Rachel.

Cô dừng lại khi đến chỗ nước sâu giữa lòng suối. Tôi bám sát sau lưng cô đề phòng cô bị ngã hay chạy trốn. Khi chúng tôi vượt qua được chỗ sâu, tôi nhớ lại lúc trước tôi đã chọn cô như thế nào. Skow đã phản đối việc tôi tìm đến một bác sĩ tâm thần ngoài NSA, nhưng sự phản đối của gã có kiên quyết lắm không? Các bạn tôi ở trường đại học Virginia nói với tôi rằng cô là nhà phân tâm học trường phái Jung xuất sắc nhất nước. Liệu có phải Geli Bauer đã theo từng bước chân tôi, đã nói chuyện với tất cả những người tôi tiếp xúc? Liệu ả có chỉ đạo Rachel trước lần khám đầu tiên của tôi? Làm thế nào mà Geli dần xếp được với cô? Kêu gọi lòng yêu nước ư? Thù nặc danh hăm dọa chẳng? Không cách nào biết được.

Tôi nhào người tóm lấy ba lô của Rachel. Đã đến chỗ lòng suối bằng phẳng. Gắn lên đèn đường.

“Chúng ta đến gần xe rồi,” tôi khẽ nói. “Quay trái ở đây, và đừng có giẫm lên cành cây đấy.”

Cô quay lại nhìn tôi, mắt cô vẫn còn giận dữ. “Có thật anh nghĩ rằng...”

Tôi đẩy lưng cô. “Bước.”

Cô rón rén bước đi dưới những tán cây đang nhỏ nước với vẻ nhanh nhẹn đáng ngạc nhiên. Thêm khoảng bốn mươi mét nữa, tôi lại tóm lấy ba lô của cô, quét mắt qua hàng cây phía trước.

“David, anh đừng nghĩ rằng tôi phản bội anh.”

Tôi gật đầu. “Không có cách giải thích nào khác.”

“Nhất định phải có.”

Tôi hé mắt nhìn qua những thân cây ướt đẫm xem có gì bất thường không. “Bọn chúng có thể đoán ra Oak Ridge, nhưng không thể là Frozen Head. Đáng lẽ tôi đã chọn giữa hàng chục địa điểm khác trong vùng núi quanh đây.”

Cô giơ tay lên vẽ bất lực “Tôi không biết phải nói với anh thế nào. Tôi chưa hề nói với ai.”

“Cô làm thế nào vào được nhà tôi hôm ấy? Hôm đầu tiên ấy?”

“Nhà anh? Tôi đã cạy khóa.”

“Vớ vẩn.”

“Anh nghĩ thế à? Cha tôi là một thợ khóa ở Brooklyn. Tôi lớn lên bên cạnh nghề ấy mà.”

Đó có thể là một câu nói dối trôi chảy, nhưng nó vang lên chân thành kỳ lạ. “Chubb là cái gì?” tôi bắt thần hỏi.

“Một loại khóa rất tốt của Anh. Tôi còn biết kìm nhỏ rằng xoắn là gì nữa cơ. Anh có biết không?”

Tôi chẳng biết quái gì. “Quay lại bước tiếp đi. Xe cách một trăm mét phía trước.”

Rachel quay đi và bước nhanh qua đám cây. Với cây cung đã tháo dây đeo, tôi phải hết sức cẩn thận, dây cung cứ bị vướng vào cây thạch nam, còn mũi tên có ngạnh mà tôi kẹp vào cán cung cứ móc vào cành cây làm nước mưa rỏ xuống người tôi.

Thốt nhiên tôi nghe một tiếng roạt như con hoẵng to nhảy qua lùm cây ướt. Rồi tôi thấy một bóng đen vụt qua giữa hai thân cây.

“Đứng im!” một giọng đàn ông quát tháo.

Rachel dừng lại, lưng cô vừa đủ nhìn thấy giữa hai thân cây lấp lánh. Phía bên kia hiện ra một gã bận đồ nylon đen và áo chống đạn. Gã có một khẩu súng ngắn tự động và nó đang nhắm thẳng vào mặt Rachel.

“Nó đâu?” tay súng hỏi.

“Ai?”

“Cô biết mà. Thằng bác sĩ.”

Tôi đặt tên vào dây cung và chậm rãi giương cung lên.

“Tôi không biết anh đang nói chuyện gì,” Rachel nói. “Tôi ra đây săn hươu nai hoang dã.”

Câu nói dối nghe thật tự nhiên. Liệu cô có ra ám hiệu bằng tay cho tên kia không?

“Máy ảnh của cô đâu?”

Tôi kéo căng dây cung hết cỡ, chạm tới má phải của tôi và ngắm kỹ qua tầm bắn lén. Lưng Rachel che mất một phần tầm ngắm, nhưng tôi không muốn di chuyển sợ gây tiếng động.

“Tôi đánh rơi mất dưới khe suối,” cô nói. “Anh là kiểm lâm phải không?”

“Red Six gọi Red Leader,” tay súng nói vào mic trên cổ áo.

“Tôi sẽ nói!” Rachel kêu lên.

Tôi nghiêng về bên phải, căng thẳng chờ bắn.

Thằng kia ngẩng lên khỏi mic. “Được. Nó ở đâu?”

Một số loại áo chống đạn có thể ngăn được đạn nhưng không ngăn được dao nhọn. Những mũi tên có ngạnh sắc bén sẽ xuyên thủng như dao, nhưng nếu không trúng, mặt Rachel - hay mặt tôi - sẽ biến mất trong đám sương mù màu đỏ. Tôi nhắm vào hốc chữ V trên yết hầu tay súng, ngay trên cổ áo gã.

“Các anh sẽ làm gì nếu thấy anh ấy?” Rachel hỏi.

“Đó không phải việc của cô.”

“Red Six,” tiếng lạo xạo của thằng kia rõ đến mức chúng tôi nghe được. “Red Leader đây. Nhắc lại những lời anh vừa nói.”

Khi gã sờ đến nút điện đài, Rachel kêu tên tôi, và tôi buông dây cung.

Tiếng kêu của Rachel át các tiếng động khác. Trong giây lát tôi sợ đã bắn trúng cô. Cô ngã khụy xuống, nhưng tên kia vẫn đứng cầm súng. Sao gã không bắn? Sao mũi tên bay đi mà không phát ra tiếng động? Dây cung không rung. Tôi giật một mũi tên khác ra khỏi ống tên và lắp vội vào cung bằng những ngón tay run rẩy.

“Red Six, Red Leader đây. Nói gì thì nói đi.”

Tôi chờ khẩu súng ngắn khạc lửa, nhưng tôi lại nghe tiếng ục ục nặng nề mà tôi nhận ra ngay lập tức. Khi tôi ngẩng lên, tay súng đã biến mất. Tôi đã từng nghe hươu ngã như thế sau một phát bắn vào lưng. Đầu tiên là dây cung rung lên, rồi tiếng gôi khuyu xuống, và tiếng ục ục như một bao xi măng rơi xuống đất trong cái chết nhanh gọn. Chỉ có sự chậm trễ làm tôi bàng hoàng. Lúc ấy tên kia vẫn đứng im như tượng, không muốn ngã xuống.

“Red Leader đây, trả lời ngay.”

Mặt Rachel đầm đìa nước mắt. Tôi đẩy mạnh cô sang một bên và nhìn xuống. Thằng áo đen nằm ngửa sòng suốt. Mũi tên có ngạnh xuyên thẳng vào họng nó và đột thủng đốt sống cổ. Gã không thể nào đứng lâu hơn một giây với vết thương như thế, và điều đó cho thấy trong lúc cao trào của hành động, tôi chỉ đánh giá thời gian chủ quan mà thôi.

“Vào trong xe tải,” tôi quát Rachel.

“Nó ở đâu?”

“Ba mươi mét phía trước. Bước!”

Cô loạng choạng bước qua gã đàn ông ngã sõng soài rồi mất hút vào rừng.

“Red Six, Red Leader đây. Anh đang làm cái quái quỷ gì vậy?”

Tôi nghe có tiếng người nào nói trong mớ âm thanh nhiễu, “...vứt mẹ cái radio chết tiệt đi. Vào tận nơi tìm thằng chó đẻ ấy. Bảo nó chúng ta đang pha cà phê đợi nó ở đây. Có thể nó sẽ về đấy.”

Đôi mắt người chết vẫn mở trừng trừng nhưng đã đổi màu mờ đục như chiếc ly cổ. Tôi nhặt khẩu tự động của gã lên nhét vào túi bộ áo liền quần của mình. Xong tôi quỳ xuống xóc thi thể gã lên vai. Tôi phải bám vào một cành cây để đứng lên, nhưng tôi cũng xoay sở được và bắt đầu lết về phía xe. Ai đứng cách đây một trăm mét chắc sẽ tưởng quái vật Bigfoot đang nặng nề lê qua rừng.

Rachel đang đứng đợi bên cạnh chiếc xe tải, mặt cô cắt không còn giọt máu. Tôi bước loạng choạng đến bên xe, ném phịch cái thân vào thùng xe. Khi cô kéo tay áo tôi, tôi xoay người cô đứng áp vào thành xe và lấy chiếc túi ngủ ra khỏi ba lô của cô. Tôi kéo khóa ra trùm lên xác chết. Để chặn cái túi hở, tôi chất cả hai chiếc ba lô nặng lên trên.

“Bước vào,” tôi quát.

Cô làm theo.

Tôi trèo lên thùng xe để lấy lại chiếc chìa khóa trong ba lô của mình, rồi lên ngồi sau tay lái, cố sức chạy ra khỏi rừng. Hai lần lao xuống bùn, tôi tưởng bị sa lầy ở đây, nhưng chiếc xe lúc lắc chậm chậm rồi cũng thoát ra khỏi rừng. Bây giờ thì đội SWAT chắc đã nghe thấy tiếng động cơ ô tô. Tôi nhấn ga hướng về phía Nhà tù Bang ở vùng núi Brushy.

Chỉ khi đã vượt qua cây số đầu tiên tôi mới nhìn Rachel. Cô ngồi tựa lưng vào cửa xe quan sát tôi như thể tôi là một bệnh nhân hung dữ.

“Chuyện của cô thế nào?” tôi hỏi. “Bọn chúng đã làm thế nào để móc nối được với cô?”

Cô không nói gì.

Khi đạt tới tốc độ gần hai trăm cây một giờ, tôi không rẽ về hướng nhà lao, mà thẳng tới Caryville, ở đây có giao lộ với đường I-75.

“Anh nghĩ tôi đã nói cho họ biết chúng ta đang ở đâu à?” Rachel hỏi.

Tôi gật đầu.

“Tại sao tôi phải làm thế?”

“Chỉ có cô hiểu việc đó.”

“Nếu tôi muốn họ tìm được anh, tôi đã phản anh từ lâu rồi.”

Trời lại đổ mưa, những giọt mưa nặng hạt rơi rào rào trên kính chắn gió. Tôi bật cần gạt nước và cho xe chạy chậm lại.

“Có lẽ chúng chưa muốn bắt tôi cho đến khi cô thu lượm đủ thông tin về tôi. Cô có gọi cho chúng

khi ở siêu thị Wal-Mart không?”

Cô nhìn tôi về khinh miệt. “Lúc thằng cầm súng hỏi tôi anh ở đâu, tôi đã có thể bảo nó anh đang ở ngay sau lưng tôi.”

“Cô biết tôi đang nhắm thẳng tên vào lưng cô.”

Cô thất vọng cau mặt lại. “Nghĩ xem, David. Vừa nãy thôi tôi có thể đập một hòn đá vào đầu anh khi anh đặt cái xác vào trong xe rồi.”

“Tôi sẽ nghĩ sau. Bây giờ tôi phải chạy xe đã.”

Chúng tôi chạy một đoạn trong im lặng, nhắm thẳng về phía đường ranh giới phân chia hai hạt Morgan và Anderson. Một chiếc cầu hiện ra trước mắt. Mặc dù trời mưa, nhưng bên dưới cầu nước chảy không nhiều, tuy vậy hẻm núi lại sâu, do dòng nước chảy từ các mỏ lộ thiên phía trên xuống năm này qua năm khác. Còn khoảng một phần ba quãng đường thì đến nơi, tôi cho xe tấp gần thành cầu và dừng lại.

Rút chìa khóa ra khỏi ổ, tôi đi ra và trèo lên thùng xe. Chiếc túi ngủ đầy trên xác ướt đẫm nước mưa. Tôi đá túi qua một bên, vật cái xác lên vai, ráng sức đứng lên và ném nó qua thành cầu. Nó va phải cành cây rồi rơi đập xuống mấy tảng đá phía dưới. Chiếc túi ngủ đẫm máu, tôi cũng ném xuống luôn. Xong tôi trở vào buồng lái lái tiếp, cố giữ tốc độ một trăm trên con đường ngoằn ngoèo.

“Tôi chưa hề biết có điều đó trong anh,” Rachel lặng người nói. “Tôi không thể tin anh là người đã viết xúc động đến thế về tình thương và đạo đức.”

“Đây là bản năng sống còn. Mọi người đều có. Kể cả cô nữa.”

“Không,” cô nói khẽ. “Tôi sẽ không giết người.”

“Cô sẽ phải giết.” Tôi nhìn thẳng vào mặt cô. “Chẳng qua cô chưa rơi vào đúng hoàn cảnh đó thôi.”

“Anh muốn nghĩ gì thì nghĩ. Tôi hiểu tôi.”

Con đường dần trở nên thẳng tắp. Tôi tăng tốc đến hơn một trăm và thôi không nghĩ đến Rachel nữa. Tôi lại cảm thấy cô đơn, cô đơn như cái ngày vừa mất Fielding. Tôi đã không nhận ra Rachel từng là nguồn an ủi lớn đến mức nào. Điều khó chấp nhận nhất trong chuyện phản bội của Rachel là cô chưa bao giờ coi tôi là ai khác ngoài một bệnh nhân. Một kẻ ốm yếu và bị lừa dối.

Một luồng hơi nóng cuộn dâng trong tôi, kéo theo sự mệt mỏi rã rời. Tôi hy vọng đó chỉ là cảm giác tức thời sau khi hưng phấn quá mức, nhưng khi răng tôi va vào nhau lập cập, tôi mới biết là không phải. Tôi sắp ngất. Nhưng lần này tôi không thể tin tưởng để Rachel chăm sóc tôi.

“Anh sao thế?” cô hỏi, nhìn tôi chằm chằm. “Anh đang đánh võng giữa đường kia.”

“Không sao.”

“Tỉnh lại đi! Anh chạy sang làn trái rồi.”

Tôi quặt mạnh tay lái sang phải. Có lẽ việc cố sức ném cái xác đã làm tôi hoàn toàn bất lực trước sự tấn công của cơn bệnh. Lần này sẽ không từ từ đâu. Tôi phải dừng xe lại thôi.

“Đỗ lại!” Rachel hét lên.

Cố gắng hết sức để mở mắt, tôi ngoặt xe vào một con đường rừng nhỏ, cố sức chạy thêm một trăm mét nữa rồi mới dừng. Tôi dừng xe trước biển báo ĐỖ, rồi lấy khẩu súng tự động của người chết từ bộ áo liền quần ra, chĩa vào Rachel:

“Xuống xe.”

“Cái gì?”

“Xuống xe! Và bỏ điện thoại di động của cô lại đây. Làm đi!”

Cô nhìn ra ngoài cửa kính như thể bị bắt phải nhảy xuống vực. “Anh không thể để tôi ở ngoài đây được.”

“Tôi sẽ cho cô vào khi tôi tỉnh dậy. Nếu cô còn ở đây.”

“David! Bọn chúng sẽ tìm thấy ta mất. Hãy để tôi lái!”

Tôi hát khẩu súng về phía cô. “Làm theo tôi bảo!”

Cô để điện thoại trên băng ghế, trèo ra khỏi xe và đóng cửa lại. Đôi mắt đen của cô nhìn tôi qua lớp kính cửa động nước mưa. Khi tôi nhào ra khóa cửa, một đợt sóng đen lại cuộn dâng.

Một cánh cổng thành cao ngất án ngữ trước mặt tôi, một vòm cung đơn sơ trong bức tường đá màu vàng. Dân chúng xếp hàng trên đường, một số người vỗ tay reo mừng, số khác thì khóc. Người ta giữ lửa để tôi leo lên. Chủ nghĩa tượng trưng là quan trọng. Cần thực hiện một lời tiên tri.

“Đây là cửa Đông, thưa Ngài. Ngài có chắc không?”

“Chắc.”

Tôi cười lừa đi qua cổng thành. Có tiếng tù và. Binh lính La Mã nhìn tôi cảnh giác. Phụ nữ chạy qua phố đến sờ tay vào áo choàng của tôi, vào tóc tôi. Những khuôn mặt trên đường phố hẹp này là những khuôn mặt đói khát, không phải đói ăn, mà đói hy vọng, đói lẽ sống.

Con đường biến mất và trở thành thánh đường với những cột trụ. Tôi ngồi trên bậc thềm, khẽ trò chuyện với đám đông. Họ lắng nghe với vẻ mặt tò mò, hoang mang. Họ không nói thật những suy nghĩ của mình. Trong đầu họ chỉ có chung niềm trăn trở: “Có phải ông ấy đây không? Có thể thế không?”

“Các người biết cách giải thích sự xuất hiện của mặt đất và bầu trời,” tôi nói với họ. “Thế tại sao các người không biết cách giải thích hiện tại? Ta đã gieo lửa trên thế gian này, và ta sẽ canh chừng đến khi lửa bốc lên rừng rực.”

Tôi nhìn các gương mặt. Những lời lẽ ấy tác động đến mỗi người một khác. Đàn ông thì chộp lấy thứ họ cần, vứt bỏ những thứ khác. Một vài người hỏi tôi từ đâu đến. Câu trả lời tốt nhất là một câu đố.

“Chẻ một thanh củi ra có ta ở đó. Nâng một tảng đá lên, các người sẽ thấy ta.”

Tôi rời khỏi thánh đường và bước đi trong những con ngõ nhỏ của thành phố. Tôi muốn được yên tĩnh một lúc nhưng từ khắp phía người ta xáp đến hỏi chuyện. Các tăng lữ đến gần và hỏi tôi. Mù thì hay trông.

“Ai cho ông quyền đến đây nói và làm những chuyện này?” họ hỏi.

Tôi mỉm cười. “Thánh John rửa tội cho mọi người. Quyền của ông ta đến từ trời hay từ người?”

Tăng lữ trả lời trong nỗi lo sợ của đám đông. “Điều này chúng tôi chưa rõ.”

“Vậy ta sẽ không nói cho người hay ai cho ta quyền làm những điều này.”

Tôi bỏ lại đám đông sôi sục trên đường phố, nhưng không xong. Họ bám theo tôi lên đồi và gạn hỏi đến cùng. Câu trả lời của tôi khiến họ phát điên.

“Ta chỉ còn ở lại với các người trong giây lát,” tôi nói. “Sau đó ta lại trở về nơi mà ta từ đó đến đây. Nơi ta đến, các người không thể đến. Các người tìm ta nhưng không thể thấy ta. Các người thuộc về thế gian này. Ta thì không.”

Họ bảo tôi là kẻ nói dối.

“Các người chỉ còn lại chút ánh sáng,” tôi nói. “Hãy bước đi trong khi còn ánh sáng, xua bớt bóng tối trong mình. Ai bước theo ta kẻ ấy sẽ không bao giờ còn bước trong bóng tối.”

Ngay khi tôi nhìn họ, tôi thấy ở họ cái nhìn kết tội. Tuy vậy tôi không thể quay khỏi con đường của mình. Trong mắt một tăng lữ tôi thấy sự căm ghét, và cả sự kết tội hẳn dành cho tôi... một sự trừng phạt kiểu La Mã. Nhưng đau đớn không phải là nỗi sợ lớn nhất của tôi. Một người mạnh mẽ phải chịu được đau đớn. Cái mà tôi không thể chịu đựng là nỗi cô đơn, cô đơn lần nữa đến muôn đời...

Rachel đang kêu thét. Tôi hoảng loạn chớp mắt, rồi cánh cửa bên trái tôi bị giật tung ra. Tôi cố quay lại xem là ai thì lại chìm vào cơn buồn ngủ ập đến như cát lún.

Tủ sách

Chia sẻ

CHƯƠNG 22

Geli Bauer lấy một tay dụi mắt, tay kia rút cà phê đậm đặc vào ca của ả. ả đang chờ vợ Skow gọi gã đến nghe điện. Đêm qua ả ngủ được ba tiếng trên văng sau khi làm tình với Ritter. Đạo này hầu như ả không nằm mơ, nhưng hồi đêm ả đã mơ thấy một cơn ác mộng cũ từng lặp đi lặp lại trong đó ả bị bọn lính rượt đuổi. Trong mơ ả luôn luôn tự sát trước khi bọn lính bắt được. Mức độ khủng khiếp trước hành động tự giải thoát đó gần như không thể chịu nổi.

“Geli,” Skow nói trong tai nghe của ả, giọng mệt mỏi.

Gã đã vật lộn suốt đêm với siêu máy tính Godin 4, chấp vạ lời đe dọa tổng thống từ những mẩu ghi âm kỹ thuật số giọng Tennant. Geli đã đánh thức gã dậy một lần, để nói với gã rằng ả đã nhận được báo cáo của đội S.W.A.T về một nhân viên mất tích. Lúc đó chưa có bằng chứng gì về việc Tennant có mặt ở đó, nhưng bây giờ...

“Đội SWAT ở Frozen Head đã tìm thấy nhân viên mất tích của mình,” ả nói. “Hắn bị rơi từ một cây cầu trên đường cao tốc xuống khe suối. Hắn bị trúng tên vào cổ họng.”

“Tennant bắn à?”

“Tôi nghĩ thế. Tôi đã xem lại lý lịch của hắn. Khi còn nhỏ hắn đã săn bắn rất nhiều. Có lẽ là một tay săn bằng cung vào đầu mùa săn.”

“Làm thế quái nào mà hắn kiếm được cung tên?”

“Chúng tôi đang cho kiểm tra băng hình an ninh của các cửa hàng dọc tuyến đường từ bên phà đến Oak Ridge. Rõ ràng hắn đã trù tính ẩn nấp một thời gian ở vùng núi đó. Điều tôi muốn biết là làm sao anh biết hắn có thể ở đâu?”

“Tôi nói rồi, tôi không thể cho cô biết điều đó.”

“Nguồn tin bí mật của anh là bác sĩ Weiss, đúng không?”

“Geli...”

“Liệu còn có thể là ai khác nữa? Hơn nữa làm thế nào anh biết được về công viên Frozen Head?”

“Nếu đó là bác sĩ Weiss thì cô phải biết rồi chứ.”

Geli đã rõ hơn. “Đó là lý do tại sao anh lại khó khăn như thế về một cái lệnh bắn chết tại chỗ. Anh biết rằng người cung cấp thông tin cho anh có thể bị giết. Điều tôi không hiểu là tại sao anh không nói cho tôi biết cô ta đang giúp chúng ta. Có thể tôi đã bảo vệ cô ta.”

“Cô có thói quen hỏi những câu vượt quá bậc lương của mình đấy.”

“Tôi không có bậc lương cắt chó nào hết! Tôi làm nhiều hơn anh gấp mười lần.”

“Nhưng cô vẫn nhận lệnh từ tôi.”

ả những muốn lao qua đầu bên kia đường dây để cào xé khí quản gã, nhưng tính kỷ luật tự giác dần dần khiến ả tự chủ lại. “Lần cuối anh nói chuyện với Godin là khi nào?”

“Lâu rồi tôi cũng chưa nói chuyện với ông ta,” Skow thừa nhận. Giọng tay NSA vang lên đầy bối rối, và gã không cố giấu điều đó.

“Chuyến đi dài ngày của Godin với Nara trong mấy tuần nay có ý nghĩa gì? Họ cùng bay về phía Tây và biến mất trong ba bốn ngày. Họ đi đâu vậy?”

“Chắc hẳn cô đã đào sâu hơn thế.”

ả không dễ dàng bỏ cuộc. “Kẻ đang điều hành an ninh ở đầu kia thật giỏi.”

Skow chặc lưỡi khô khan. “Cô chẳng biết gì đâu.”

“Tại sao anh không đi với họ?”

Không trả lời.

“Tại sao tất cả những chuyện này đều liên quan đến chiếc đồng hồ bỏ túi của Fielding?”

“Xin lỗi, Geli.”

Những sự việc ả đã để ý mấy tuần nay bắt đầu hiện lên hàng đầu trong suy nghĩ của ả. “Zach Levin và đội Giao diện của anh ta đã được cho nghỉ cách đây năm tuần lễ. Hình như họ bốc hơi rồi. Tại sao cả một đơn vị kỹ thuật có thể bốc hơi như thế?”

Skow không trả lời.

Ả tìm câu hỏi mà gã có thể trả lời. “Có phải cái người phụ trách an ninh ở bất kỳ nơi nào có Godin kiểm soát nguồn tin siêu mật của anh không?”

Trong sự im lặng kế tiếp, ả nhận ra rằng vẻ dè dặt của Skow không phải là sự xúc phạm đối với ả. Gã bị tê liệt do bị kẹp giữa bốn phận và sợ hãi.

“Nguồn tin mật của anh có nói sắp tới Tennant sẽ đến đâu không?”

“Cô sẽ có bản danh sách các điểm đến mới ngay bây giờ. Tôi sẽ gửi cho cô ngay khi tôi nhận được nó.”

“Anh gửi đi.” Ả cố đẩy bí mật về nơi ở của Godin ra khỏi đầu óc. “Câu chuyện tên sát nhân loạn trí của chúng ta đã mấy người biết rồi?”

“Hiện giờ mới chỉ loanh quanh trong đường vành đai, nhưng nó sẽ lan rộng nhanh thôi. Cảnh sát thành phố sẽ biết tin trong sáng hôm nay. Tôi không muốn chuyện lan quá rộng chừng nào tôi chưa xong dự án đêm qua.”

“Tôi đã nghe lại băng ghi âm cách đây mấy phút. Thật là rắn như đá.”

“Nên thế. Bây giờ cô định làm gì?”

“Ngồi đây đợi gì đó. Bất cứ cái gì. Một tiếng mách thăm chỗ Tennant sắp đến chẳng hạn.”

“Rồi sau đó?”

“Tôi sẽ đích thân đến tận nơi. Tôi không tin ai ở đó cả.”

“Đến bằng cách nào?”

“Chiếc JetRanger của Godin vẫn còn ở nhà chứa máy bay. Anh có ý kiến gì nếu tôi xài nó không?”

“Không. Tôi sẽ bảo phi công trực đợi cô.” Ngừng một hồi, Skow nói. “Bắt giữ Tennant còn là chuyện riêng tư của cô phải không?”

Geli nhấp một hớp cà phê nóng và ngậm trong miệng.

“Tôi biết cô quan tâm đến Ritter hơn bất kỳ ai khác,” Skow đề thêm.

Ả nuốt. “Bây giờ anh thành bác sĩ tâm thần rồi à?”

“Tôi vừa nảy ra một ý. Nếu cô chắc chắn rằng bác sĩ Weiss là nguồn tin mật của tôi, thì Tennant cũng có thể đi đến kết luận như thế. Ý tôi là, như cô nói đây... sao đội SWAT lại phải đợi từ bảy đến giờ ở Frozen Head nhỉ?”

“Tiếp tục đi.”

“Nếu Tennant nghi Weiss đang cung cấp thông tin về hắn, hắn sẽ đá cô ta. Chúng ta nên phát lệnh truy nã cô ta và kiểm soát điện thoại cũng như nhà ở của tất cả những người cô ta có liên hệ.”

“Tôi đã kiểm soát tất cả những người cô ta có thể gọi điện, nhưng không phải vì lý do đó. Tennant sẽ không rời bác sĩ Weiss nửa bước.”

“Sao vậy?”

“Vì hắn yêu cô ta.”

“Hắn không thể phớt lờ một suy luận logic hiển nhiên như thế.”

Geli cười nhẹ. “Tất nhiên hắn có thể. Mọi người thường làm thế mà.”

CHƯƠNG 23

Tôi hốt hoảng bật dậy. Rachel ngồi sau tay lái chiếc xe bán tải đang phóng nhanh. Tôi nằm co quắp trên sàn xe bên phía ghế hành khách. Tôi lết lên ghế và thấy xe chúng tôi đang lao vào một đoạn đường cao tốc vùng nông thôn hiu quạnh. Đằng sau chúng tôi không có gì ngoài con đường vắng lặng.

“Làm thế nào cô vào được?” tôi hỏi. “Tôi đã không khóa cửa xe à?”

Cô không nhìn tôi. “Anh đã khóa rồi. Có một đoạn dây thép nặng trên thùng xe. Tôi làm một cái móc rồi kéo khóa từ bên trong khung cửa ra.”

“Chúng ta đang ở đâu đây?”

“Gần Caryville. Theo các biển báo, hình như đường I-75 chạy qua đây.”

Tôi lắc đầu xua đuổi tàn dư của giấc mơ Jerusalem khỏi đầu óc. Tôi đã bất tỉnh mất bao lâu? “Đội SWAT đâu rồi?”

“Đang lùng chúng ta, tôi chắc thế.”

Tôi nghĩ chắc Rachel đã tiết lộ đích đến của chúng tôi cho NSA. Nếu thế tại sao cô lại chở tôi qua đường vắng? Cô đang quay trở về Frozen Head chẳng?

“Tôi biết anh đang nghĩ gì,” cô nói. “Nhưng anh nhầm rồi. Chắc chắn có kẻ khác đã biết về công viên Frozen Head. Có thể anh đã từng nói với ai ở Trinity về nó. Ravi Nara chẳng hạn? Trước khi các anh bắt đầu ghét nhau.”

“Không. Cô là người duy nhất còn sống biết về cái hang đó. Ít nhất là về mối liên hệ của nó với tôi.”

Tôi hạ kính xuống, nhòai người liếc nhìn bầu trời. Không có gì cả, ít nhất là trong khoảng không gian nhìn thấy giữa hai hàng cây dọc con đường nhựa hẹp. Có lý gì người của Geli Bauer không xông đến nếu chúng biết tôi đang ở đâu? Tôi không thể nghĩ ra một lý do nào cả. Geli sẽ tra khảo thay vì theo dõi để nhanh chóng có được mọi thứ ả muốn ở tôi kia.

“Nếu cô không giúp bọn chúng, tại sao cô còn đi theo tôi?”

Rachel nhìn tôi, mắt cô tràn ngập nỗi buồn. “Tôi thậm chí chẳng muốn trả lời anh câu ấy.”

Tôi muốn tin cô, nhưng thế chẳng hóa ra tôi ngờ nghệch lắm sao. “Coi nào... nếu cô không nói với chúng về Frozen Head thì chúng không thể đón lõng ta ở đó như thế được.”

“Anh đã quên gì đó,” cô khẳng định. “Chắc chắn là thế”

“Không. Cha tôi và anh tôi đã chết. Bọn NSA phải có khả năng đọc được ý nghĩ của tôi mới biết được...”

Người tôi đông cứng lại, miệng há hốc. Phát hiện này khiến tôi choáng váng như bị đánh một cú vào đầu.

“David, anh làm sao thế?”

“Bọn chúng đã làm được chuyện đó,” tôi lầm nhảm. “Lạy Chúa.”

“Đã làm cái gì?”

“Trinity. Chúng đã có được một nguyên mẫu và đang vận hành...”

“Làm sao anh biết?”

Tôi đặt một bàn tay run rẩy lên trán. Ở nơi nào đó trên nước Mỹ, một ảnh não của tôi do Siêu MRI quét đã được nạp vào máy tính Trinity. Và mẫu thần kinh ấy bây giờ đang tồn tại - ít nhất là đến một mức độ nào đó - với tư cách David Tennant. Tôi có cảm giác như những kẻ săn lùng tôi đã phát hiện ra tôi có người anh em sinh đôi, một người anh em ma quái có chung trí nhớ với tôi và sẵn sàng phản bội tôi khi có yêu cầu. Cái cảm giác bị cưỡng bức thật tuyệt đối. Trí óc của tôi là nơi ẩn náu thâm

ngghiêm nhất của tôi khỏi thế giới bên ngoài. Tôi cảm thấy bị cưỡng bức một cách bí hiểm, bị tước đoạt mất sự riêng tư.

Bọn chúng còn đón lồng tôi ở đâu nữa? tôi tự hỏi.

“David, anh đừng làm thịnh với tôi, “ cô khản nài. “Hãy nói với tôi đi.”

“Bọn chúng đã có trí nhớ của tôi, Rachel ạ. Chúng đã có tôi, được nạp vào máy tính của chúng. Nhờ đó chúng biết đường đợi tôi ở Frozen Head. Chúng sẽ không phải săn đuổi ta nữa. Chúng biết những việc tôi sẽ làm cả trước khi tôi thực hiện.”

“Không thể thế được.”

“Có đấy. Đó chính là những gì chúng thực hiện trong suốt hai năm nay. Tôi biết chúng quá rõ. Tôi biết Peter Godin. Và tôi biết đó là sự thật.”

Cô giảm tốc để vào cua. “Có nghĩa anh cho rằng Fielding đã đúng? Họ đã và đang làm dự án máy tính này ở một nơi nào đó từ bấy nay?”

“Đúng thế. Trong khi tôi và Fielding xoay sở để vạch ra tác dụng ngoại ý của MRI thì chúng chế ra cái đồ chết tiệt ấy ở một nơi bí mật.” Tôi đập tay lên bảng đồng hồ. “Đó là lý do chúng cho một số đội nghỉ trong thời gian tạm ngưng.”

“Anh đang nói về chuyện gì vậy?”

“Sau khi chúng tôi ngừng dự án, chúng bảo một số nhóm kỹ sư được nghỉ phép. Có những lúc trong tòa nhà chỉ còn lại mấy người của bộ khung. Sự vắng mặt lộ liễu nhất là nhóm Giao diện, do một cậu có tên là Zach Levin đứng đầu.”

“Nhóm Giao diện là cái gì?”

“Đó là nhóm có trách nhiệm tìm cách giao tiếp với những mẫu thần kinh sau khi chúng được nạp vào máy thành công. Cô có nhớ những điều tôi nói khi ở trong giảng đường không? Nếu anh tải một bộ não người vào máy tính, anh thật sự có được gì? Một con người mù, câm điếc, liệt, sợ hãi đến chết. Một nửa cuộc chiến là để làm cho bộ não ấy có mắt, tai và giọng nói. Đó là công việc của nhóm Giao diện. Vì dự án đang bị ngưng nên nhóm này có cơ để vắng mặt. Nhưng bây giờ thì tôi biết rồi. Trời, giá mà có Fielding ở đây.”

Rachel liếc nhìn tôi. “Nhưng nếu họ đã đến gần thành công như vậy thì giết Fielding để làm gì? Nếu Godin thật sự làm được Trinity, thì còn ai thêm quan tâm đến những tác dụng phụ hay cái gì khác nữa?”

“Cô nói đúng đấy. Nếu chúng thực sự làm được điều ấy, thì Godin sẽ hầu như trở nên bất khả xâm phạm. Chúng tôi không có đủ thông tin. Có lẽ...” Hai tay tôi giá lạnh. “Ôi trời!”

“Cái gì thế?”

“Tôi biết tại sao chúng giết Fielding.”

“Tại sao?”

“Có thể chúng làm được rồi.”

“Anh muốn nói gì?”

“Hôm qua, John Skow tuyên bố rằng gã không có ý định thay thế Fielding. Tôi nghĩ gã điên. Nhưng bây giờ tôi hiểu rồi. Nếu chúng có một máy tính nguyên mẫu và cho hoạt động thì Fielding không chết.”

Rachel bối rối quay sang tôi. “Điều đó có nghĩa là gì?”

“Tôi muốn nói chúng có thể nạp mẫu thần kinh của Fielding theo như cách đã nạp tôi vào máy tính. Chúng sẽ có một trí tuệ Andrew Fielding dưới các đầu ngón tay của mình. Ông ấy có thể giải các bài toán còn lại cho chúng!”

Cô lái một lúc không nói năng gì. “OK, tạm thời cứ cho rằng điều ấy có thể đi. Nhưng tại sao Fielding lại giúp những người đã giết ông ấy?”

Lòng tôi tràn ngập cảm giác ngưỡng mộ đến hãi sợ. Peter Godin nhìn tâm hơn tôi từng tưởng tượng. “Mẫu thân kinh của Fielding sẽ giúp chúng bởi vì nó không biết ông ấy đã bị giết. Việc tải vào máy đã được thực hiện từ sáu tháng trước, khi Fielding được Siêu MRI scan. Nó không nhớ gì kể từ lúc đó. Nó thậm chí không biết việc Fielding cưới Lu Li.”

“David, chuyện ấy không thể xảy ra được.”

“Chắc chắn là được. Chẳng qua chúng ta ngẫu nhiên đứng quá gần một bước đột phá trong khoa học. Phản ứng phân rã nguyên tử. Tìm ra bản đồ gien người. Nhân bản vô tính cừu.”

“Những cái anh vừa nói hoàn toàn không giống với chuyện này. Giải phóng trí tuệ ra khỏi thân xác con người ư?”

Tôi ngẫm nghĩ điều này. “Cô nói đúng. Chuyện này lớn hơn nhiều bởi vì nó cho chúng ta khả năng đạt được những bước tiến theo cấp số nhân. Hay nói đúng hơn, không phải chúng ta. Mà là tất cả những gì chúng ta gọi là dạng mới của ý thức mà Trinity sẽ phát triển thành. Và nó sẽ phát triển rất nhanh chóng.”

“Anh đâu biết chắc họ đã làm được hay chưa.”

“Ít nhất chúng đã đi được một đoạn đường. Có thể chúng đã có một bản thô và cho hoạt động. Có thể chúng đã tiếp cận được trí nhớ của tôi - rút ra những hình ảnh chẳng hạn - nhưng chưa thực sự vận hành nguyên mẫu đó như một chức năng trí tuệ. Trí nhớ người là lĩnh vực chuyên môn của Ravi Nara, và người ta đã có những tiến bộ ngoạn mục trong lĩnh vực này từ trước. Chỉ có điều là ta không cách gì biết được.”

Rachel chạm vào tay tôi. “Nếu anh đúng, thì bọn họ biết gì về những việc chúng ta đang làm hiện giờ?”

“Tôi hy vọng là chúng không biết gì cả. Dù bằng cách bí ẩn nào đi chăng nữa, chúng cũng không thể đọc được ý nghĩ của tôi. Có thể chúng có được trí nhớ của tôi từ lúc nhỏ cho đến cách đây sáu tháng, khi tôi bị Siêu MRI quét qua. Nhưng còn tiến trình suy nghĩ của tôi, còn những suy luận của tôi, nhân cách của tôi - những thứ đó sẽ chiếm toàn bộ chức năng của máy tính. Và nếu chúng có cả cái đó...”

“Cái gì?”

“Tổng thống sẽ không quan tâm chuyện gì xảy đến với hai bác sĩ quèn. Đất nước chấp nhận thêm nhiều thương vong để xây một tòa nhà chọc trời, hoặc một cây cầu. Tôi với cô là cái giá không đáng kể để trả cho ưu tiên chiến lược mà Trinity sẽ mang đến. Nếu Trinity thật sự thành công thì chúng ta phải chết.”

Cô chỉ qua kính chắn gió. “Kia là Caryville. Đường I-75. Chúng ta sẽ đi theo hướng Bắc hay Nam?”

“Đổi lại.”

Cô từ từ giảm tốc, đánh tay lái và dừng ngay bên lề đường, chỉ cách con dốc về hướng Bắc một đoạn ngắn.

“Tôi đang cố gắng thoát khỏi bản thân mình,” tôi nói to ý nghĩ của mình. “Để làm điều đó, chúng ta phải lựa chọn hoàn toàn ngẫu nhiên... Nhưng lựa chọn của tôi có thể ngẫu nhiên như thế nào? Tôi nghĩ chúng ta sẽ tung đồng xu xem sắp ngửa mỗi khi đến những ngã tư thế này.”

Rachel lắc đầu. “Họ không có bản scan não của tôi. Họ không thể đoán được tôi sắp làm gì. Từ giờ tôi sẽ là người lựa chọn.”

Cô nhìn thấy vẻ nghi ngờ trong mắt tôi. “Anh vẫn chưa tin tôi phải không?”

“Không phải thế. Nhưng bây giờ Geli Bauer đã biết mọi thứ cần biết về cô. ả còn biết cả những điều cô không còn nhớ nữa.”

Môi Rachel mím lại thành một vạch trắng. “Tôi ghét ả. Tôi ghét ả, mà tôi còn chưa biết ả là ai

kia.”

“Tôi biết. Nhưng ghét ả không cứu nổi chúng ta.”

“Sao chúng ta không lặn đi đâu đó? Trả tiền mặt ở một nhà nghỉ không tên trong một thành phố không tên chẳng hạn. Nhét chiếc xe tải này sau hàng rào rồi đi ngủ liền lấy ba ngày. Nước Mỹ quá rộng mà. Ngay cả với NSA.”

“Cô đã bao giờ xem phim America’s Most Wanted chưa? Hằng tuần cảnh sát bắt hàng lô tội phạm lẩn trốn như cách cô vừa đề nghị đây. Ti vi làm cho nước Mỹ chật hẹp hơn cô tưởng nhiều.”

Tôi ngả lưng vào ghế và cố để bản năng ngự trị. Xe con và xe tải cứ xuôi ngược chạy qua, cái thì chậm rãi, cái thì làm xe chúng tôi rung cả lên vì gió mà nó tạo ra. Tôi ngồi đó, và tình hình cứ dần dần tự sáng tỏ.

Ba ngày nữa, chúng tôi có thể có cơ hội gặp tổng thống. Vấn đề là chúng tôi phải cố sống sót để nói được với ông ấy. Những điều kỳ quặc đã dài lại càng dài thêm. Ngay cả khi gặp được Matthews, chúng tôi còn phải thuyết phục ông tin rằng tôi nói thật còn tất cả những người dính líu đến Dự án Trinity đều nói dối. Để làm được điều đó, tôi cần những chứng cứ vững chắc. Mà tôi thì không có. Lựa chọn khác - ra trước công luận - sẽ chỉ làm tổng thống tin rằng tôi là một kẻ loạn óc như mọi người ở Trinity vẫn nói, và chia rẽ người duy nhất có thể cứu chúng tôi. Ba ngày...

“Chúng ta còn phải ngồi đây bao lâu nữa?”

“Cho tôi một phút.”

Lẩn tránh không phải là giải pháp. Chạy trốn cũng vậy. Những giải pháp thông thường không ăn thua. Chúng tôi phải dùng một cách thật độc đáo khiến không ai trên thế giới này có thể đoán ra. Nhưng cách nào?

Khi chăm chú nhìn luồng xe đang đến qua kính chắn gió, tôi nhận ra rằng tôi và Rachel ngồi đây chỉ vì một lý do duy nhất: những giấc mơ của tôi. Những giấc mơ của tôi đã đưa chúng tôi đến với nhau. Không có những giấc mơ ấy, cả hai chúng tôi có thể đã bị bắn chết ở nhà tôi rồi. Thế mà tôi không hiểu được gì thêm về chúng hơn cái ngày đầu tiên tôi bước chân vào phòng khám của Rachel.

Hàng tháng trôi qua, những giấc mơ cũng tiến triển theo, giống như một thông điệp dai dẳng được gửi từ một nguồn vô tuyến điện xa xôi nào. Ban đầu, những hình ảnh khó hiểu khiến tôi bối rối, thậm chí hoảng loạn. Nhưng cùng với thời gian - và đặc biệt ba tuần gần đây, trong tôi bắt đầu kết tụ một niềm tin rằng có điều gì đó quan trọng đang được thông báo cho tôi. Tất nhiên các bệnh nhân tâm thần phân liệt cũng cảm thấy một niềm tin tương tự. Giữa tôi và họ có điểm gì khác nhau?

Tôi nhắm mắt và cố gắng xóa đi những ý nghĩ trong đầu, nhưng lại phản tác dụng. Tôi bỗng thấy hiện lên một thành phố trên đồi được bao bọc bởi những bức tường thành đá vàng rực dưới nắng. Giữa bức thành là chiếc cổng lớn.

Cửa Đông, một giọng thì thầm trong đầu tôi. Jerusalem.

Tôi chưa bao giờ thấy một hình ảnh như vậy khi đang tỉnh thức. Tôi mở mắt và thấy Rachel đang căng mắt nhìn bảng đồng hồ. Tôi lại nhắm mắt nhưng hình ảnh kia đã biến mất như dư ảnh của bóng đèn flash.

“David? Mắt anh làm sao thế?”

“Không sao đâu.”

Tôi dụi mắt và cố hình dung điều vừa xảy đến. Trước đây tôi đã từng có cảm giác bị kéo đến một nơi nhất định nào đó. Thuở còn đôi mươi, tôi đi du lịch rất nhiều và trong khi bị lôi cuốn bởi niềm đam mê xê dịch thời sinh viên, đôi lúc đã có một điều gì đó sâu sắc hơn kéo tôi ra khỏi hành trình đã chọn.

Trong thời gian đi thăm Đại học Oxford, một buổi sáng tôi bị đánh thức bởi cảm giác cần đến Stonehenge - không phải để nhìn thấy nó, mà để có mặt giữa những tảng sa thạch. Người bạn đường

của tôi nói không việc gì phải vội vàng; những tảng đá đã nằm đó cả năm ngàn năm nay và chắc chắn có thể đợi thêm ít ngày nữa. Nhưng tôi vẫn thuê một chiếc xe, lái về hướng Nam đến đồng bằng Salisbury. Khi màn đêm buông xuống, tôi một mình đến gần vòng cung cổ và làm cái điều mà du khách ngày nay không ai làm được nữa: bước giữa các tảng đá dưới ánh trăng và nằm lên bàn thờ tế thần linh. Tôi không phải người say mê tìm hiểu về Thời đại Mới theo kiểu amateur, mà là một sinh viên y khoa Đại học Virginia đang chờ mong một sự nghiệp ổn định. Nhưng đó không phải lần duy nhất xảy ra chuyện như vậy. Tôi bị lôi kéo đến Chichén Itzá cũng theo cách ấy. Và trên đường chạy xe đến Grand Canyon, tôi đã thay đổi lộ trình và cắm trại ở Chaco Canyon, New Mehico một tuần lễ. Ở Hy Lạp, tôi lại đến Delphi thay vì Athens. Trong tất cả những hoàn cảnh ấy, tôi luôn cảm thấy một sự thôi thúc bên ngoài, mặc dầu vẫn có tiếng gọi nào đó gọi tôi tới một nơi nhất định.

Điều tôi cảm thấy bây giờ hoàn toàn khác, một sự thôi thúc bên trong giục giã tôi phải đi đến Jerusalem, bất chấp hậu quả. Việc thành phố này thờ ba tôn giáo là không thích hợp. Tôi không có điểm gì chung với hàng triệu người hành hương thành kính đến miền Đất Thánh theo kế hoạch này. Tôi chỉ cảm thấy đây là thành phố ẩn chứa những câu trả lời cho tôi, những câu trả lời mà tôi không thể tìm thấy ở nơi nào khác.

“Chúng ta đi đâu đây?” Rachel cau kinh hỏi.

“Israel,” tôi đáp.

“Cái gì?”

“Jerusalem.”

“David...”

“Đó là bởi...”

“Đừng nói nữa. Bởi vì anh đang bị hoang tưởng, đúng không?”

“Đúng.”

Cô nhào người tới nâng cằm tôi lên, rồi nhìn sâu vào mắt tôi. “David, người ta đang tìm cách giết chúng ta. Chính phủ đang tìm cách giết chúng ta. Anh bị chứng hoang tưởng do những nguyên nhân mà chúng ta chưa biết, nhưng chứng bệnh này có thể đã gây tổn thương cho não bộ của anh. Thế mà anh lại định dùng những hình ảnh hoang tưởng này để dẫn dắt chúng ta tìm ra con đường tự cứu mình sao?”

“Kẻ nào cố giữ mạng mình sẽ mất mạng.”

“Cái gì?”

Tôi lật ngửa bàn tay. “Tôi không nói điều này sẽ cứu chúng ta. Ý tôi là nếu tôi đang bị săn đuổi và có nguy cơ bị giết, thì thà rằng điều đó xảy ra trong lúc tôi đang đi tìm ý nghĩa một điều gì đó mà tôi tin là có ý nghĩa còn hơn.”

“Anh thật sự tin rằng những hoang tưởng của anh có ý nghĩa?”

“Phải.”

“Tại sao?”

“Tôi không thể giải thích một cách logic. Đó chỉ là một điều tôi biết. Giống như một con chim bay về hướng Nam vậy.”

Cô thở dài như một người mẹ mệt mỏi nói chuyện với đứa con. “Cố lên, được không, cố gắng giải thích đi.”

Tôi nhắm mắt tìm từ ngữ để giải thích điều không thể giải thích. “Tôi có cảm giác mình được chọn.”

“Chọn để làm gì?”

“Tôi không chắc.”

“Ai chọn?”

“Chúa.”

“Chúa?”

“Phải.”

Cô hít sâu và đan tay đặt lên đùi. Rõ ràng cô đang phải đấu tranh để giữ được bình tĩnh. “Tôi nghĩ đã đến lúc anh phải nói cho tôi biết mấy hoang tưởng gần đây nhất là về cái gì? Anh vẫn còn mơ thấy anh là Jesus à?”

“Phải.”

“Những hình ảnh ấy khác với hình ảnh trước ở chỗ nào? Tại sao anh lại giấu tôi?”

Thế là cuối cùng chúng tôi đã đi đến lần ranh giữa sự tỉnh táo và mất trí. Tôi thấy mừng vì chúng tôi đang ngồi trong xe tải chạy trên xa lộ chứ không phải tại phòng khám của Rachel. Cô không thể gọi ai đến để yêu cầu tôi cam kết. “Bởi vì tôi không còn tin chúng là những hoang tưởng. Hay những giấc mơ. Tôi nghĩ chúng là ký ức.”

Cô chán nản thở phà ra. “Ký ức ư? Trời ơi, David! Có gì xảy ra trong những giấc mơ ấy?”

“Tôi đang sống lại một đoạn đời của Jesus. Người đi đến Jerusalem. Những trải nghiệm của Người ở đó. Tôi nghe thấy những giọng nói. Giọng nói của chính tôi... của các môn đồ. Rachel ạ, những gì tôi hình dung trong đầu còn thực hơn cảnh tôi đang nhìn thấy xung quanh. Các sự kiện diễn ra rất nhanh. Tôi sắp thấy cảnh đóng đinh lên thập tự giá rồi.”

Cô lắc đầu không tin. “Làm thế nào anh có cái ký ức hai ngàn năm, thứ chỉ đi vào trí óc anh sáu tháng gần đây thôi?”

“Tôi không biết.”

“Những giấc mơ này thôi thúc anh đến Israel à?”

Tôi không nghĩ mình cảm thấy thôi thúc như lúc trước, nhưng đúng là thế. Những gì tôi coi là nỗi lo lắng chung chung thật ra là cảm giác cưỡng bách đang lớn dần, hối tôi đi đến nơi diễn ra giấc mơ.

“Đến Đất Thánh,” tôi nói. “Phải.”

“Có phải anh sợ rằng mình sẽ chết trong đời thực nếu không đến đó trước khi mơ về cảnh Chúa bị đóng đinh lên thánh giá không?”

“Có thể. Chủ yếu tôi có cảm giác là nếu tôi không sớm đến đó, tôi sẽ bỏ lỡ cơ hội tìm hiểu những giấc mơ cố gắng nói với tôi điều gì.”

Rachel nhìn chăm chăm luồng xe đang đến, đầu lắc tới lắc lui. Rồi cô đột ngột quay sang tôi, đôi mắt cô mở to, rực sáng.

“Anh có biết hôm nay là ngày mấy không?”

“Không.”

“Còn chưa đầy một tuần nữa là đến lễ Phục sinh.”

Tôi chớp mắt. “Thì sao?”

“Chúng ta đang đến gần ngày Jesus chết và phục sinh theo truyền thống. Không phải trong những giấc mơ của anh, mà cả trong thế giới thực.”

“Cô muốn nói hai cái đó có liên hệ với nhau?”

“Tất nhiên. Bằng cách nào đó, lễ phục sinh đến gần là duyên cớ cho những giấc mơ của anh, cho nỗi lo âu này. Anh giống như những người nghĩ rằng sắp đến ngày tận thế khi bước sang thiên niên kỷ mới. Anh không thấy sao? Tất cả chỉ là bộ phận của một hệ thống ảo ảnh.”

Tôi lắc đầu mỉm cười. “Cô sai rồi. Nhưng cô nói đúng về những ngày lễ. Chúng có thể rất quan trọng.”

Rachel nhìn tôi như nhìn một kẻ đang trêu chọc cô một cách tinh vi. “Còn cuộc gặp tổng thống thì thế nào?”

“Chúng ta sẽ gặp sau khi trở về. Thêm một vài ngày thì có gì khác đâu? Nhất là nó lại giữ gìn tính mạng cho chúng ta.”

Cô nhắm mắt và nói nhẹ nhàng. “Anh đã bao giờ nói cho Andrew Fielding biết về những hoang tưởng của anh chưa?”

“Rồi.”

“Ông ấy bảo sao?”

“Ông ấy bảo tôi hãy chú ý đến chúng. Fielding luôn luôn nói rằng khi cố gắng thực hiện Trinity là chúng tôi đang bước theo những dấu chân của Chúa. Ông ấy không biết mình đã đúng biết bao.”

“Tuyệt. Quan điểm thật giống nhau.” Rachel đặt tay lên vô lăng như thể đang chạy trên đường, nhưng cô cho xe dừng lại. “Anh có ý định đi theo những hoang tưởng của anh đến Israel thật sao?”

“Phải.”

“Và anh thừa nhận những hoang tưởng ấy có thể là hậu quả tổn thương não bộ?”

“Không phải tổn thương não bộ như cô nghĩ đâu.” Tôi nghĩ đến sự phẫn khích của Fielding khi ông diễn giải thuyết ý thức của mình. “Mà là những nhiễu loạn đối với quá trình lượng tử trong não tôi.”

Rachel siết chặt vô lăng đến nỗi các khớp ngón tay của cô trắng bệch ra. “Anh cứ như kẻ quyết định đến Ai Cập tìm ý nghĩa cuộc đời sau khi mơ thấy mình là Pharaoh vậy.”

“Tôi nghĩ tôi là thế đấy. Tôi biết chuyện đó nghe điên rồ thế nào. Vấn đề là, chúng ta không có lựa chọn nào khác. Nếu cách nói này làm cho cô cảm thấy dễ chịu hơn, thì chúng ta ra đi bởi vì chúng ta cần làm một điều gì đó mà có lẽ máy tính Trinity không thể tiên đoán.”

“Nó không thể tiên đoán anh sẽ sang Israel sao?”

“Không. Chính việc quét não bằng Siêu MRI đã gây ra những giấc mơ của tôi. Mẫu thần kinh của tôi không có ký ức về những giấc mơ diễn ra sau đó. Ngay cả trong bệnh án của tôi ở chỗ cô cũng không nhắc đến Jerusalem, vì tôi đã thôi đến khám trước khi thành phố ấy trở thành tâm điểm trong những giấc mơ của tôi.”

Rachel trông có vẻ dăm chiêu. “Đến Israel không giống như đến Paris, anh hiểu không. Đất nước ấy chiến tranh liên miên. Tôi đã từng đến đó. Họ đặc biệt chú ý đến những người vào ra nước họ. Hãng hàng không Al El kiểm tra an ninh nhiều gấp bốn lần các hãng hàng không khác. Và chúng ta đang bị chính phủ Mỹ săn đuổi. Ngay khi chúng ta tìm cách đặt vé máy bay, họ đã đón lõng chúng ta ở sân bay rồi.”

“Cô nói đúng. Chúng ta cần hộ chiếu giả.”

Cô cười cay đắng. “Anh nói cứ như là chúng ta cần mua ít bánh mì và sữa trên đường về nhà vậy.”

“Tôi còn mười tám ngàn đô la. Phải có cách kiếm ra hộ chiếu giả với số tiền ấy.”

“Hộ chiếu giả không cho chúng ta vào Israel dễ dàng thế đâu. Họ chạm trán với bọn khủng bố hằng ngày đấy.”

“Bị bỏ tù ở Israel còn dễ chịu hơn bị giết ở đây.”

Rachel ngả người ra ghế thở dài. “Anh nói đúng.”

“Tôi định đến New York. Với mười tám ngàn đô la, tôi có thể kiếm được một hộ chiếu giả ở đó. Tôi biết điều này.”

“Còn tôi thì sao?”

“Cô có thể đi. Cô cũng có thể không đi. Tùy cô.”

Cô gật đầu như thể đang chờ đợi câu đó. “Tôi biết. Nếu tôi không đi thì sao?”

Tôi nghĩ đến Geli Bauer. “Cô muốn tôi phải nói dối cô ư?”

Rachel sang số, cho xe chạy lên dốc về hướng Bắc, rồi tăng tốc.

“Đi New York phải không?” tôi hỏi.

“Không.”

“Vậy thì đi đâu?”

Cô nhìn tôi, mặt bết cảnh giác hơn bao giờ hết. “Anh muốn tôi đi với anh không?”

Tôi muốn chứ. Hơn nữa, tôi có cảm giác cô đề nghị đi cùng tôi. “Tôi muốn cô đi với tôi, Rachel ạ. Vì rất nhiều lý do.”

Cô cười khô khan. “Thế là tốt, vì anh không thể xoay sở được nếu không có tôi. Việc anh ngất trên phố cho thấy anh không hề khỏe. Nếu tôi để anh một mình trên xe này thì bây giờ anh chết rồi.”

“Tôi biết mà. Cô có đi không?”

Cô vượt một chiếc xe bồn rồi nhẹ nhàng quay vào làn phải. “Nếu anh muốn đi Israel, thì chúng ta phải tới Washington D.C. trước.”

Tôi cứng người trên ghế. Bao nhiêu nghi ngờ về cô lại quay trở lại khiến tôi nôn nao. “Tại sao lại là Washington?”

“Vì ở đó tôi quen một người có thể giúp chúng ta việc này.”

“Ai?”

Tôi muốn dò xem có sự lừa dối trong mắt cô không, nhưng cô vẫn chăm chú nhìn đường. “Tôi đã điều trị cho nhiều phụ nữ khi còn hành nghề ở New York. Thực ra hầu hết là phụ nữ.”

“Rồi sao?”

“Một số họ có vấn đề với chồng.”

“Và?”

“Đôi khi tòa án cho phép những người chồng đến thăm con họ, mặc dầu đã có những chứng cứ lạm dụng thể chất. Một số bà vợ sợ điều có thể xảy ra đến nỗi chỉ còn cách bỏ trốn.”

Tôi cảm thấy lòng bàn tay ngứa ran. “Cô đang nói về trường hợp giám hộ. Bắt cóc ngay chính con của họ.”

Cô gật đầu. “Trốn tránh cảnh sát không phải là khó nếu anh chỉ có một mình. Nhưng nếu có trẻ con thì thật gay go. Anh phải đưa đón nó đến trường, chăm sóc y tế, đại loại thế.” Cô liếc nhìn tôi, nét mặt căng thẳng. “Những người phụ nữ ấy có một mạng lưới. Như một hệ thống đường sắt ngầm. Chuyện này cần có tài xoay sở.”

“Danh tính khác?” tôi nói

“Phải. Đối với trẻ con, nền móng của một căn cước mới là giấy khai sinh. Đối với người lớn, là thẻ an sinh xã hội và hộ chiếu. Tôi không biết nhiều chi tiết, nhưng tôi biết rằng người giúp đỡ những phụ nữ ấy ở Washington.”

“Những phụ nữ ấy mua hộ chiếu giả ở Washington D.C. à?”

Rachel lắc đầu. “Không phải hộ chiếu giả. Mà là hộ chiếu thật.”

“Thật? Ý cô là sao?”

Cô liếc nhìn tôi, miễm cưỡng tiết lộ điều cô biết. “Có một phụ nữ làm việc trong cơ quan cấp hộ chiếu ở Washington D.C. Mấy năm trước cô ấy có vấn đề với chồng. Cô ấy rất đồng tình với nghề nghiệp này. Tôi không biết cô ấy là ai, nhưng tôi biết một người mà tôi có thể gọi. Một bệnh nhân cũ.”

“Nghề nghiệp này,” tôi nói. “Nó vẫn tiếp tục à?”

“Phải. Tôi đã gửi một phụ nữ từ Chapel Hill đến chỗ họ. Vợ của một bác sĩ.”

“Ồ.”

“Tôi chỉ thấy có một vấn đề nghiêm trọng,” Rachel nói.

“Vấn đề gì?”

“Anh là đàn ông. Tôi không biết liệu họ có sẵn lòng giúp anh không.”

Greg Iles

5780 / 13317

Dấu chân của chúa

5780 / 13317

CHƯƠNG 24

Lần này khi cánh cửa bảo vệ rì rì mở ra, Geli biết đó là Skow. Ắ cũng biết rằng có tin xấu, vì ắ mới liên lạc với gã trước đó, và lúc ấy nhân vật NSA này tỏ vẻ rất mệt mỗi khi phải ra khỏi giường. Ắ xoay ghế và thấy gã đang sải bước về phía ắ, lần đầu tiên không diện bộ comple hiệu Brooks Brothers thường ngày. Hôm nay gã mặc quần kaki và áo thun MIT. Mắt Skow thâm quầng, nhưng trông gã vẫn giống một nhà quản trị đại học hơn là một chuyên gia về chiến tranh thông tin.

“Hôm nay trông anh như cút ấy,” Geli bảo gã.

“Tôi cảm thấy còn tồi tệ hơn.”

“Anh đếch đến đây nếu có tin tốt.”

“Cô nói đúng đấy. Ravi Nara gọi điện cho tôi ngay khi tôi và cô vừa bỏ máy.” Gã ngồi phịch xuống chiếc ghế sau lưng ắ. “Cho tôi điều thuốc.”

“Anh có hút đâu.”

“Ồ, Geli, có nhiều chuyện cô không biết về tôi đâu.”

Ắ lắc bao thuốc Gauloise lấy ra một điếu, châm lửa đưa cho gã.

Skow hít một hơi thật sâu rồi nhả khói mà không ho sặc sụa. “Chuyện khôn nạn lắm.”

“Nara gọi từ đâu đến?”

Skow lắc đầu. “Mọi việc phải có thứ tự. Bây giờ cô hãy nghe tôi nói đã.”

Ắ vất tréo chân ngồi đợi.

“Từ trước đến nay cô và tôi luôn giữ miệng, giấu nhau nhiều điều. Đã đến lúc cần phải sáng tỏ. Càng sáng tỏ càng tốt.”

“Tôi nghe anh đây.”

“Ở Trinity này Godin luôn ngăn chia các bộ phận với nhau, nên tôi không biết là cô biết những gì. Cô biết chúng ta đang nghiên cứu trí tuệ nhân tạo, nhưng cô có biết chính xác nó là thế nào không?”

“Nói cho tôi biết đi.”

“Chúng tôi đang sử dụng kỹ thuật MRI tiên tiến để tiến hành quét phân tử bộ não, rồi cố gắng nạp bản sao đó vào một máy tính mẫu có tính đột phá.”

“Tiếp tục đi.”

“Mục tiêu của chúng tôi là tạo ra trí tuệ nhân tạo không phải bằng cách ứng dụng kỹ thuật ngược với bộ não, mà copy nó bằng kỹ thuật số. Kết quả là, nếu thành công, thì không phải máy tính làm việc như một bộ não người, mà thực tế chính máy tính là bộ não của một con người nhất định. Cô hiểu không?”

Trước đây Geli nghĩ rằng các bản chụp của MRI được sử dụng để nghiên cứu cấu trúc não người, không phải như nền tảng thực tế của một cái máy. “Nguyên tắc này nghe có vẻ dễ hiểu đấy chứ.”

Skow cười giả lả. “Về lý thuyết thì dễ thật. Và sớm muộn gì nó cũng sẽ được thực hiện. Nhưng sự khác nhau giữa sớm hơn và muộn hơn có tầm quan trọng sinh tử với cô và tôi.”

“Tại sao?”

“Tại vì Peter Godin sắp chết.”

Có cái gì rung lên trong ngực ắ khi nghe khẳng định điều mà ắ vẫn nghi ngờ nhưng không thú nhận này. Những hình ảnh về Godin lướt nhanh qua trước mắt ắ: cái mặt sưng phồng, cái miệng trễ xuống, dáng đi vụng về khó coi.

“Sắp chết như thế nào?”

“Peter có một khối u não. Ravi Nara phát hiện ra nó cách đây sáu tháng, khi làm ca chụp não đầu

tiên. Đó là lý do tại sao hai ngày qua cô không liên lạc được với Godin. Khi nào ông ta không trực tiếp điều hành Trinity, là lúc ông ta đi điều trị.”

Geli cựa quậy trên ghế. “Ông ấy còn sống được bao lâu nữa?”

“Bây giờ chỉ còn tính từng giờ. Nhiều lắm là một ngày. Khối u này không thể mổ được, ngay cả ở giai đoạn đầu khi Nara phát hiện ra nó. Peter nghĩ rằng nếu chính phủ biết ông ta đang bị ung thư giai đoạn cuối, chính phủ sẽ không chuyển giao các nguồn lực cần thiết để biến Trinity thành hiện thực. Giữa ông ta và Ravi có một thỏa thuận. Ravi sẽ giữ kín chuyện ông ta bị ung thư và sẽ điều trị bằng steroid khiến ông ta có thể hoạt động đủ lâu để hoàn thành Trinity. Tôi ghét nghĩ đến việc Nara đòi hỏi có đi có lại.”

“Nara khôn như cáo.”

“Đúng. Vấn đề là trong chương trình Trinity có một điểm bị giấu kín ngay từ đầu. Peter làm ra Trinity để lưu giữ cuộc đời ông ta.”

“Anh định nói gì?”

“Nếu máy tính Trinity được hoàn tất trước khi Peter chết, mẫu thần kinh của ông ta có thể được nạp vào đây. Thân thể ông ta có thể chết, nhưng ông ta vẫn tiếp tục tồn tại trong máy tính với tư cách là Peter Godin.”

Geli chớp mắt hoài nghi. “Chẳng có quái gì trong chuyện này làm tôi tin được.”

Skow cười. “Điều đó không những có thể xảy ra, mà còn là không thể tránh khỏi. Có điều là nó không xảy ra ngay tuần này thôi.”

“Nếu điều đó là thật, thì mẫu thần kinh của Godin hay gì đó lại không thể nạp vào máy tính sau khi ông ấy chết hay sao? Hết khi nào Trinity kết thúc?”

“Tất nhiên. Nhưng trong kịch bản này, Peter sẽ phải chết mà không biết chắc chuyện đó có xảy ra hay không. Ông ta phải chết theo cách mọi người từng chết từ trước tới nay. Và ông ta buộc phải tin tưởng ở chúng tôi để được phục sinh trong máy tính.”

“Tôi hiểu.” Á đang chìm đắm trong suy nghĩ về cái chết cận kề của Godin. “Rồi, chính xác vì sao anh đến đây?”

Skow rút một hơi thuốc Gauloise nữa rồi chỉnh ả bằng cái nhìn trừng trừng vẻ nghiêm trọng. “Tôi đến đây là để cứu lấy cái mạng chó của cô. Và cả của tôi nữa.”

“Tôi không thấy là cần phải cứu nó.”

“Cần đây. Bởi vì dự án Trinity sắp tiêu rồi.”

Bây giờ thì ả hiểu. Con tàu sắp chìm và đàn chuột nháo nhào đi tìm xuồng cứu sinh. “Nhưng sao anh nói là không thể không thành công.”

“Ừ thì cuối cùng cũng thành công. Nhưng Godin sắp chết trước khi ông ta làm cho máy chạy, và không còn ai có thể đưa nó sang giai đoạn sau. Fielding đã chết. Ravi đã cống hiến hết khả năng mà y có. Công việc còn lại vượt quá tầm với của y. Và nếu chúng tôi không vận hành được máy tính Trinity, sau khi đã tiêu tốn cả tỷ đô la...”

“Một tỷ?”

Skow có vẻ sốt ruột. “Geli, nguyên mẫu Trinity được chế tạo chủ yếu bằng các ống nano carbon. Đó không chỉ là công nghệ tiên tiến nhất. Chúng tôi đã phải sáng tạo ra cả một môn khoa học mới. Chỉ riêng chi phí vật liệu R&D đã gây sừng sốt. Nghiên cứu trí nhớ bằng hình ảnh laser ba chiều cũng tốn như thế. Chúng tôi...”

“OK, tôi hiểu.” Á chỉ đang nghĩ tới việc thoát thân. “Anh nói rằng khi nào Godin không đi điều trị, thì ông ấy làm việc cho Trinity. Bây giờ ông ấy đang làm việc ở đâu? Mountain View?”

Skow lắc đầu. “Trinity có một cơ sở nghiên cứu khác. Tôi sẽ không nói nó ở đâu cho đến khi chúng ta đi đến thỏa thuận. Nhưng nó được lập ra cách đây hai năm, ngay sau khi chúng tôi biết tổng

thông nhất định bắt chúng tôi nhận Tennant để giám sát khía cạnh đạo đức của dự án. Godin biết sẽ có ngày ông ta làm việc cho Trinity mà Tennant hay chính phủ không biết ông ta đang làm gì. Vì vậy ông ta lập ra nó.”

Nhận thức của Geli về tình hình thay đổi theo từng câu nói của Skow. “Vậy ngay bây giờ Trinity đang ở đâu? Hoàn toàn ngừng hoạt động à?”

“Không. Vào lúc này, chúng tôi đang cho hoạt động một phần. Chính nguyên mẫu Trinity đã tiên đoán Tennant sẽ chạy đến Frozen Head. Mẫu thần kinh của Tennant về cơ bản đã cho chúng tôi biết hán có thể ở đâu.”

Geli thấy khó lòng mà tin điều này. “Chính anh thấy điều đó à?”

“Không. Nhưng tôi đã thấy cái máy nguyên mẫu. Nó vượt xa mọi tưởng tượng.”

“Chính nhờ nó mà anh biết về Frozen Head, chứ không phải từ bác sĩ Weiss à?”

“Đúng.”

“Trời đất. Nếu nó có thể làm được chuyện đó, sao anh lại coi là nó thất bại?”

Skow gơ tay lên vẫy qua vẫy lại. “Một phần của Trinity hoạt động. Nhưng nó mới chỉ hoạt động được hai mươi giờ, và thật khó giải thích cho cô biết sự phức tạp của việc hoàn thiện nó. Họ đã thành công với khu vực trí nhớ, nhưng khu vực xử lý chính lại là chuyện hoàn toàn khác.”

“Là viên pha lê, phải không?” Geli nói ra ý nghĩ của mình. “Viên pha lê trên dây đồng hồ của Fielding. Đó là cái anh cần để khiến nó hoạt động.”

“Đúng. Fielding đã phá hoại dự án, nhưng lão cũng ghi chép lại tất cả những việc lão làm. Ngay cả khi lão bẻ mã khóa của người khác, lão vẫn lưu giữ mã khóa gốc ấy vào viên pha lê của lão. Những kẻ lý tưởng hóa là những tay phá hoại ghê gớm. Fielding đơn giản là không thể phá hoại một tiến bộ khoa học đích thực. Dù sao, khi chúng tôi có được viên pha lê đó, chúng tôi sẽ khôi phục tất cả các mã khóa của máy mà Fielding đã bẻ. Nhưng phần hoa hồng lớn nhất chúng tôi chiếm được là công trình gốc do chính tay Fielding làm. Lão ta không thể cưỡng lại việc cố gắng giải quyết cho chúng tôi những bài toán còn lại, ngay cả khi lão cản trở tiến độ của chúng tôi. Công trình mới của Fielding đặt thành công của Trinity trong tầm tay. Không có viên pha lê đó, máy nguyên mẫu không thể hoạt động gì được.”

“Nhưng bây giờ nó đã hoạt động một phần, thì tại sao chính phủ không thể dùng các nhà khoa học khác để chiếm lĩnh và hoàn thiện nó?”

“Họ có thể làm được điều đó nếu họ hiểu về nó. Nhưng họ không hiểu. Mọi việc Godin đã làm từ khi chương trình bị hoãn đều là không được phép và bất hợp pháp.”

“Thế thì đưa máy nguyên mẫu trở về tòa nhà này đi.”

“Godin không cho phép. Chuyển xong thì ông ta cũng đi rồi.”

“Anh đã nói rằng ông ấy sắp chết.”

“Cũng không nhanh thế đâu.” Nỗi lo lắng hiện lên trong mắt Skow. “Nếu chúng tôi vận hành được Trinity, sẽ không có ai trong chính phủ Mỹ hoặc Anh lo lắng về chi phí sản xuất - chi phí về tiền hay về người. Nhưng trong trường hợp thất bại, sẽ có những câu hỏi hóc búa đấy.”

“Ý anh muốn nói gì?”

“Thất bại đòi hỏi có người giờ đầu chịu báng.”

“Tôi chẳng dính dáng gì đến việc chế tạo chiếc máy đó hết.”

“Phải. Nhưng người ta có thể cho rằng sự thất bại này là do Fielding chết. Mà ai đã giết Fielding?”

Bây giờ thì ả đã biết Skow muốn hướng câu chuyện đến đâu. “Anh bắt đầu làm tôi cáu tiết đấy.”

Gã NSA lật ngửa bàn tay. “Tôi chỉ vẽ ra một kịch bản có thể có. Cô là người thích hợp với vai diễn. Có tiếng là quá hăng hái...”

“Anh có muốn còn sống mà ra khỏi phòng này không?”

Skow mỉm cười. “Tôi chỉ cho cô thấy cá nhân cô đang mắc kẹt trong chuyện này. Bây giờ chưa biết Tennant và Weiss chạy trốn ở đâu. Còn Lu Li Fielding vẫn biệt tăm.”

“Đó là ba vấn đề tôi giải quyết được.”

“Tất cả các chứng cứ nói ngược lại.”

À ném cho gã một cái nhìn tóe lửa.

“Bình tĩnh nào,” Skow nói. “Dù sao lúc này tôi cũng không muốn Tennant chết. Để cho xác chết chồng đồng lên là ngu ngốc. Điều đó làm cho khó khăn của chúng ta tăng lên vạn bội.”

À cảm thấy hai người sắp đi đến mấu chốt trong cuộc gặp này. “OK, nếu tôi không phải là kẻ gio đầu chịu báng, thì là ai?”

“Là Peter Godin.”

“Cái gì?”

Skow nhả một vòng khói xanh rất nghệ ra khoảng không giữa hai người. “Cô thử nghĩ xem. Sau khi Godin chết, mọi việc có thể giải thích bằng cách chỉ cần cường điệu sự thật. Ông ta đã chết dần chết mòn vì khối u não từ lâu. Không ai trong chúng ta biết việc này. Peter là con người vĩ đại, nhưng khối u tác động xấu lên trí óc ông ta. Ông ta bị ám ảnh bởi ý nghĩ phải cứu lấy mạng sống của mình. Ông ta thấy Trinity là phương tiện duy nhất có thể giúp ông ta làm được việc đó. Khi Fielding và Tennant làm trì hoãn dự án, Godin hoảng sợ và đã ra lệnh thủ tiêu hai người.”

Geli ngả người ra ghế và chìm đắm trong suy nghĩ về kịch bản này. Lý lẽ thật là hoàn hảo. Đây là lời dối trá trắng trợn, biến đen thành trắng.

“Nếu chúng ta làm thế,” Skow tiếp tục, “thì dù Tennant có nói gì đi nữa cũng không ảnh hưởng đến ta. Đó là một giải pháp thanh nhã hơn giết người nhiều.”

“Có một vấn đề,” Geli nói. “Nếu ta để cho Tennant sống, hắn sẽ lu loa với mọi người rằng tôi là người cố tìm cách giết hắn.”

“Hắn sẽ nói thế ư?” Skow mỉm cười, lắc đầu. “Ai đến nhà Tennant để giết hắn. Tennant và Weiss đã nhìn thấy ai?”

“Ritter.”

“Chính xác. Và Ritter Bock là nhân viên của tập đoàn Siêu máy tính Godin trước khi cô đến đây. Đúng không?”

Skow có vẻ đã tính hết đường đi nước bước. “Đúng.”

“Có ai biết cô ra lệnh cho Ritter giết Tennant không?”

“Tôi chưa bao giờ ra một lệnh như thế.”

Skow toét miệng cười. “Tất nhiên là không. Tôi không thể tưởng tượng cô có thể làm như thế. Godin trực tiếp ra lệnh cho Ritter, cận vệ riêng của ông ta. Bác sĩ Tennant gặp may và bắn chết Ritter để tự vệ. Cô trong sạch như tuyết, Geli ạ. Tất cả mọi việc cô làm là theo lệnh Godin.”

“Còn anh?”

“Vào lúc tôi nhận ra rằng không phải Fielding chết vì những nguyên nhân tự nhiên, thì Ritter đã chết và Tennant đã chạy trốn. Từ đó đến nay tôi cố gắng tìm ra sự thật.”

Geli vẫn cố tìm ra kẻ hở trong kịch bản. “Còn tại sao chúng ta lại vội vã hỏa táng Fielding như thế?”

“Khi chúng ta nhận ra lão bị giết, chúng ta nghi ngờ có một tác nhân sinh học có khả năng truyền nhiễm cao. Nara khuyên nên hỏa thiêu thi thể và tất cả các mẫu máu ngay lập tức. Đó là cách duy nhất để giữ an toàn cho tòa nhà này.”

“Liệu Nara có chịu xác nhận chuyện này không?”

“Y sẽ làm tất cả để bảo vệ tiếng tăm của mình.”

Geli đứng lên đi đi lại lại trong trung tâm điều khiển. Skow xoay ghế nhìn theo ả.

“Nếu Godin thành công thì sẽ ra sao,” ả hỏi. “Nếu như Godin có thể vận hành máy trước khi ông ấy chết, và nó có mọi khả năng như ông ấy hứa hẹn?”

“Nara nói chuyện đó không thể xảy ra. Ông ta đang suy yếu rất nhanh.”

Sự trớ trêu của tình hình làm ả chán nản. “Anh biết không, tôi quý Peter Godin. Tôi kính trọng ông ấy. Còn anh lại là người tôi chẳng ưa chút nào. Tôi cũng chẳng tôn trọng anh, cho đến khi anh mang kế hoạch này đến. Cái này có thể có tác dụng.”

“Nó sắp có tác dụng đấy. Chỉ còn thiếu một điểm là cô.”

Ả không thấy có cách nào khác hơn là hợp tác. “Nói cho tôi biết địa điểm kia của Trinity ở đâu, tôi sẽ thỏa thuận với anh.”

Về tự tin biến khỏi mặt Skow. “Tôi không được tự do làm điều đó.”

“Tại sao không?”

“Cô sẽ hiểu ngay thôi. Tôi sẽ nói cho cô tên của người phụ trách an ninh ở chỗ mới. Có gì cô cứ thắc mắc với ông ta.”

Geli dừng lại mà nhìn gã chằm chằm. “Trò gì thế này?”

“Đó là cách ông ta bảo tôi phải làm theo, và ông ta là loại người mà tôi không muốn biến thành kẻ thù.”

“Hắn là tay quái nào thế?”

Skow lắc đầu. “Tôi sẽ cho cô số điện thoại của ông ta.”

“Tôi sẽ không gọi cho bất kỳ ai chừng nào chưa biết người mà tôi sẽ gọi là ai.”

Gã rút một hơi thuốc, nhìn ả vẻ thương hại. “Tướng Horst Bauer.”

Geli nóng bừng mặt. Bao nhiêu tự hào về công việc của ả ở Trinity bỗng chốc tan biến trong thất vọng ê chề. “Cha tôi phụ trách an ninh ở địa điểm mới của Trinity?”

“Đúng.”

“Anh là đồ chó đẻ. Tại sao lôi cả cha con tôi vào vụ này?”

Mặc dầu miễn cưỡng ra mặt vì phải nói, Skow hình như cũng cảm thấy dửng hòng ả hợp tác chừng nào gã chưa trả lời.

“Rất đơn giản,” gã nói. “Tất cả mọi khía cạnh của Trinity đã được Godin giám sát ngay từ đầu. Nhờ kinh nghiệm tình báo quân sự của mình, cha cô có ảnh hưởng đến việc chọn loại máy tính được quân đội sử dụng trong một số căn cứ. Lầu Năm Góc, các căn cứ khác nhau, và bây giờ là Huachuca.”

Căn cứ Huachuca, bang Arizona, là trung tâm của Tình báo Quân sự Mỹ, mà cha ả là sĩ quan chỉ huy.

“Tướng Bauer giúp bảo vệ các hợp đồng cho Siêu máy tính Godin từ phía quân đội,” Skow nói. “Ảnh hưởng của ông đã giúp Peter đánh bật Cray, NEC và các hãng khác.”

“Ý anh nói ông ấy đã nhận tiền.”

“Bộn lắm đó. Ông ấy có một tài khoản số Cayman do Peter rót tiền vào, giống như tôi. Tiền lương của NSA không đủ chu cấp cho lối sống của tôi.”

“Lão già đạo đức giả đốn mặt. Tôi nghĩ ít nhất lão cũng nghĩ đến đất nước, đảng này lão lại... thôi bỏ đi. Lẽ ra tôi phải biết rõ chuyện này.”

“Cha cô không làm hại đất nước bằng cách thúc đẩy siêu máy tính Godin đâu. Nó cũng tốt như mọi việc khác thôi. Ông tướng chẳng qua nhận chút tiền hoa hồng khi phát hiện ra nó. Bây giờ người ta làm ăn thế cả.”

Vết sẹo trên mặt Geli như giật giật vì thịnh nộ. “Quân đội là nơi phục vụ, không phải chỗ làm ăn.”

Skow chặc lưỡi. “Tôi chưa bao giờ nghĩ cô lại lãng mạn đến thế.”

“Cái mả mẹ anh.”

“Dầu sao, khi Godin quyết định tìm một địa điểm nghiên cứu bí mật, ông ta đã gọi cha cô. Ít tiên trao tay, và ông tướng kiếm cho chúng tôi một chỗ hẻo lánh ngon lành không sợ có kẻ quấy rầy.”

“Tại sao đưa tôi vào vụ này?”

“Lúc đó Godin tìm kiếm một người thích hợp với công việc cô đang làm bây giờ. Và cha cô đã tiến cử cô.”

Geli bắt đầu đi tới đi lui, mạch máu đập thành thịch trong tai ả. “Ông ấy biết hết cả rồi phải không? Chuyện Godin sắp chết, chuyện dự án bé tắc?”

“Phải. Cả ông ấy cũng dính dáng. Ông ấy cũng có sự nghiệp cần bảo vệ.”

“Hừm, mặc xác ông ấy. Mặc xác cả anh nữa.”

“Cô gọi cho ông ấy đi, Geli.”

“Địa điểm bí mật của Trinity ở căn cứ Huachuca phải không?”

“Không.”

Ả không tin gã. Có hàng trăm héc ta đất dùng để thử vũ khí tại căn cứ Arizona hoang vắng. Mặt khác, cha ả là bậc thầy trong nghệ thuật giấu đuôi. Ông ấy có lẽ đã từ chối nếu Trinity trở thành gánh nặng và chắc gì đã cho đặt nó trong căn cứ của mình.

Ả kéo tai nghe lên, bấm bàn phím máy tính, và nói, “Thiếu tướng Horst Bauer, căn cứ Huachuca, Arizona.”

Skow thở dài nhẹ nhõm đánh sụt.

Sĩ quan phụ tá của ông tướng trả lời điện thoại.

“Tướng Bauer,” Geli cúi kính.

“Thiếu tướng hiện không có đây. Xin hỏi ai ở đầu dây vậy?”

“Đại úy, ông hãy nói con gái của thiếu tướng đang chờ điện thoại.”

“Xin giữ máy.”

Skow thích cảnh này ra mặt. Geli xoay ghế để khỏi phải nhìn khuôn mặt già nua tinh tướng của gã.

Trong khi chờ đợi, hình ảnh ông bố hiện lên trong tâm trí ả. To cao bệ vệ theo khuôn mẫu Đức, Horst Bauer được các đôi thủ mô tả như một phiên bản tóc vàng của nhân vật Tướng James Mattoon Scott trong phim “Seven Days in May” do Burt Lancaster thủ vai. So sánh như thế là xác đáng. Tuy vậy cái típ người cứng nhắc trong mắt mọi người ấy không phải là người đàn ông Geli biết. Geli chỉ thấy một gã đàn ông lém phếng suốt đời lừa dối vợ mình và reo rắc những đứa con ngoài giá thú khắp nơi. ả thấy một kẻ vũ phu, hồ thẹn vì đứa con gái ngang ngạnh của mình, đã đánh đập nó không tiếc tay bằng bất cứ vật gì vớ được. Cái trớ trêu của đời ả là ả đã đi theo đúng vết chân của người mà ả căm ghét. Lý do rất đơn giản. ả căm ghét cha mình vì ông ta đã làm ả khiếp sợ đến tận xương tủy, nhưng ả còn khinh thường tính thụ động của mẹ mình hơn nhiều.

“Nào, Geli,” một giọng trầm cất lên làm tắt cả các bắp thịt trong người ả căng cứng. “Chắc con đang gặp rắc rối. Con có bao giờ gọi cho ta đâu.”

Ả định đập ngay máy, nhưng ả cần câu trả lời. “Ông đã biết gì về dự án trí thông minh nhân tạo?”

“Đùa như thế là hơi quá rồi đấy. Con vừa hỏi một câu không rõ ràng.”

“Ông muốn rõ ràng hả? Tôi đang phụ trách an ninh cho Dự án Trinity ở Bắc Carolina. Tôi được người ta cho biết có một cơ sở bí mật đang tiến hành nghiên cứu cho dự án này. Ông có biết gì về chuyện đó không?”

Một khắc im lặng. “Có lẽ ba biết đôi điều.”

“Và ông chưa bao giờ nói cho tôi biết bởi vì...”

Một tiếng cười khô khốc. “Thế mà ba không nhận ra rằng chúng ta đang bắt đầu một chương trình khôi phục tình cha con đấy.”

“Ông đã đề cử tôi cho công việc này với Godin à?”

“Thế con tưởng ông ấy tìm ra con bằng cách nào khác nữa? Còn về chuyện nói cho con biết việc ba dính líu vào đây, Godin muốn tách bạch mọi thứ, ai biết việc người ấy. Con không thể cáu giận về chuyện đó. Con đã chẳng bao giờ nói với ba về cuộc sống của con ngay từ tuổi dậy thì. Ba chỉ biết về con qua những tin đồn, hay qua cảnh sát hoặc bác sĩ.”

Có những trận chiến không bao giờ kết thúc. Ả nghĩ. “Chẳng ích lợi gì mà đi hâm nóng lại quá khứ. Tôi đã biết những gì tôi cần biết.”

“Vậy con có rõ tình hình không? Cần phải làm gì?”

“Tôi đã rõ rồi.”

“Skow chẳng có gan đâu, nhưng lại rất có tài kiểm soát thiệt hại đấy.”

“Tôi cúp máy đây,” ả nói nhưng vẫn giữ nguyên liên lạc.

“Cứ cúp đi,” ông tướng nói. “Ba có cảm giác sẽ sớm gặp lại con.”

Ả giật phắt tai nghe ra và giận dữ nhìn Skow.

“Thế nào?” gã NSA nói, “Chúng ta cùng hội cùng thuyền cả phải không?”

“Cút đi.”

“Cô vẫn chưa trả lời câu hỏi của tôi.”

“Tôi còn có thể lựa chọn gì? Nhưng điều làm tôi phát ốm là người như Godin lại bị suy sụp đến nỗi để những kẻ cặn bã như anh và cha tôi có thể coi thường. Anh không đáng xách dép cho Peter Godin.”

Cuối cùng Skow cũng đỏ bừng mặt. “Cô có đồng ý về vụ Tennant và Weiss không? Ta bắt sống chúng về nhé? Nói với chúng tất cả là do hiểu nhầm.”

“Godin vẫn còn chưa chết.”

“Đúng.”

“Và ta không biết chúng đang ở đâu. Ta không thể liên lạc với chúng trừ khi lên ti vi nói cho cả thế giới cùng biết.”

“Cũng đúng nốt.”

“Tôi vẫn không chắc mình muốn Tennant chạy rong khắp nơi mà nói cho mọi người biết hản nghĩ gì về mọi chuyện đang xảy ra ở đây. Hản quen biết mấy nhân vật có thể lực đấy.”

Skow dăm chiêu gật đầu. “Tôi bảo thế này nhé. Tôi sẽ để Tennant và Weiss cho cô xử lý. Nếu chúng phải chết, ta sẽ để điều đó diễn ra.”

“Anh để việc ấy cho tôi là chuẩn đấy.”

Gã đứng lên bước ra cửa. “Còn câu hỏi nào nữa không?”

“Còn một thôi. Tại sao Fielding lại phá hoại dự án?”

Skow mỉm cười. “Lão cho rằng các nhà khoa học không nên sáng tạo ra những thứ họ không hiểu.”

“Thế tạo sao lão lại nhận làm việc cho dự án?”

“Có lẽ lão không tin nó có thể tiến nhanh đến thế. Lão nghĩ chúng tôi phải có được những kiến thức cần thiết về bộ não thì mới vận hành được Trinity.”

“Thế các anh có được những kiến thức ấy chưa?”

“Cô đùa đấy à? Nếu Trinity hoạt động đủ một trăm phần trăm, nó sẽ hoàn toàn bỏ xa chúng ta.”

CHƯƠNG 25

Tôi chọn một nhà nghỉ rẻ tiền ở Arlington, từ Washington vượt qua sông Potomac, ở một nơi mà người tiếp tân không nhướng mày lên khi khách đề nghị trả tiền mặt. Một phòng, hai giường đôi, một buồng tắm, một ti vi, một điện thoại. Vừa vào đến phòng, Rachel trút ngay bộ áo liền quần nguy trang rồi chui tọt vào buồng tắm vòi sen. Tôi thấy mình dõi theo cô đến khi cửa buồng tắm đóng lại. Cách ăn mặc thoải mái của cô hôm trước thật đáng ngạc nhiên sau hàng tuần chỉ thấy váy áo chỉnh tề. Khi nhìn thấy cô tự nhiên bước đi ngay trước mắt tôi trong bộ đồ lót, tôi đã thay đổi ý nghĩ về cô. Cơ thể Rachel săn chắc và có cơ bắp, đặc điểm mà chỉ những người thường xuyên luyện tập căng thẳng mới duy trì được. Điều này không hợp với ấn tượng của tôi về cô như một bác sĩ uyên bác, nhưng có lẽ nó hợp với khuynh hướng ám ảnh cưỡng chế của cô chăng.

Tôi lấy mấy bộ quần áo đi đường trong xe tải ra, rồi đi mua một tờ Washington Post và hai chai Dasani từ máy bán hàng tự động trong bãi đậu xe rồi trở về phòng. Từ dưới khe cửa buồng tắm tỏa ra một làn hơi nước. Tôi thay bộ quần áo thường ngày, gối đầu lên tấm ván đầu giường và mở đài CNN. Không có tin tức gì của liên bang về những kẻ chạy trốn, thế là tôi đọc lướt qua tin tức trong tờ Post.

Chúng tôi đã bắt đầu chuẩn bị cho chuyến đi Israel trong suốt tám giờ lái xe từ Tennessee. Bước đầu tiên là lo kiếm hộ chiếu giả. Chúng tôi lợi dụng bến đỗ xe tải gần Roanoke để Rachel gọi cuộc điện thoại đầu tiên. Một trong các bệnh nhân cũ của cô ở New York cho cô số điện thoại liên lạc ở Washington D.C. và bảo cô đợi một tiếng sau hãy gọi. Trong một giờ đó, sẽ có người xác nhận cho Rachel với người ở số điện thoại cần gặp.

Cô gọi cuộc thứ hai ở Lexington, bang Virginia, cuộc gọi hướng dẫn cô đến tiệm cà phê Au Bon Pain ở ga Liên Hiệp Washington vào lúc mười một giờ sáng mai. Người ta cũng bảo cô chọn lấy hai tên họ đầy đủ cùng với ngày sinh, và kiếm ảnh hộ chiếu cho những “người bạn” đang nói đến. Cô nên mang theo ảnh cùng thẻ có tên và miêu tả nhân dạng cho người ở cuộc hẹn tại Au Bon Pain. Khi Rachel hỏi bao lâu thì cô nhận được những thứ yêu cầu, nguồn kia cho biết thường phải chờ đợi bốn mươi tám tiếng.

Từ Lexington đến đường liên bang 66, chúng tôi nhận ra còn một vấn đề khác phải giải quyết. Thẻ tín dụng. Mua vé máy bay đi Israel bằng tiền mặt sẽ làm nảy sinh nghi vấn, cũng như việc chúng tôi không đặt phòng trước. Bạn bè hoặc người thân có thể sẽ phải đặt phòng cho chúng tôi theo tên mới, bằng cách dùng thẻ tín dụng hợp pháp. Cha tôi đã chết, tất cả bạn bè giờ này đang trong vòng theo dõi của NSA. Cha mẹ Rachel, chồng cũ và bạn bè của cô có lẽ cũng bị theo dõi như vậy. Cuối cùng cô chọn cách gọi cho một bác sĩ mà cô đã suýt đính hôn khi theo học Đại học Columbia. Anh ta là người Do Thái, thường xuyên qua lại Israel, và là người luôn tận tụy với cô. Tôi nghĩ việc đặt phòng khách sạn và vé máy bay dưới tên một người không quen biết có thể khiến anh ta lo ngại, nhưng Rachel đảm bảo với tôi rằng bất cứ việc gì cô yêu cầu sẽ được hoàn thành. Cô thử gọi cho anh ta ba lần trước khi chúng tôi đến thủ đô, nhưng không gặp may. Máy trả lời tự động của anh ta từ chối cung cấp số điện thoại di động của anh, còn Rachel thì không thể để lại số cho anh ta gọi lại.

Cửa buồng tắm bật mở kéo theo làn hơi nước mù mịt, và Rachel xuất hiện với một chiếc khăn tắm quấn quanh người, chiếc khác quấn trên đầu.

“Nước vẫn còn hơi nóng đấy. Có cả khăn tắm nữa. Anh vào tắm đi. Tôi cảm thấy trở lại thành người rồi.”

“Chúng ta cần gọi lại cho anh bạn bác sĩ một lần nữa. Tôi đã mang quần áo vào cho cô. Chúng khá bẩn đấy.”

Cô mỉm cười mệt mỏi. “Tôi sẵn sàng trả một nghìn đô cho bộ pyjama bằng flannel.”

“Ngày mai chúng ta sẽ mua quần áo mới. Hoặc tối nay, nếu cô thật sự muốn. Sau khi chúng ta gọi điện đã.”

Vai cô chùng xuống. “Chúng ta không thể chợp mắt một chút sao?”

“Chúng ta cần đặt phòng càng sớm càng tốt trước khi xuất phát. Thường phải đặt trước hàng tuần lễ.”

“Ý anh bảo tôi mặc đồ vào đi à?”

Tôi gật đầu.

Cô ngồi trên mép giường sấy tóc.

“Tôi đang nghĩ,” tôi nói. “Nếu cô không thấy phiền thì chúng ta nên đóng vai vợ chồng đi du lịch.”

Cô quay lại nhìn tôi. “Anh thấy tôi có vẻ phiền về chuyện đó à?”

“Tốt. Chúng ta sẽ nhờ anh bạn kia đặt phòng dưới tên đã kết hôn. Chúng ta có nên lấy tên Do Thái không?”

“Không. Anh không lừa người Do Thái nổi năm giây đâu. Tôi sẽ là một cô gái Do Thái hiền ngoan sa cơ lỡ vận và phải lấy một người ngoài Do Thái. Tôi sẽ đứng ra nói khi cần.”

Cô nhặt chiếc sơ mi trên ga giường lên và quay trở vào buồng tắm. Tôi nghe tiếng khăn ướt rơi xuống sàn; rồi cô trở ra, chỉ mặc độc chiếc sơ mi, đuôi áo lơ lửng ngang đùi, nhưng bên dưới chẳng mặc gì cả, và chẳng còn gì nhiều để mà tưởng tượng.

“Tôi phải đi nằm đây,” cô nói. “Khi nào định đi thì anh đánh thức tôi dậy.”

Tôi nhìn đồng hồ. 5:45 chiều. Để cô ngủ có lẽ là sai lầm, nhưng còn tốt hơn ngồi đợi trời tối. Tôi cũng không nghĩ mình có thể thức. Hai ngày rồi tôi chưa được ngủ cho ra ngủ, bắp thịt thì đau nhức, điều mà hàng năm nay tôi chưa bao giờ cảm thấy.

Rachel kéo chăn ra chui vào bên dưới, cô nằm sấp, mặt quay về phía tôi. Đôi mắt sẫm màu của cô mờ đi vì mệt mỏi, nhưng đôi môi cô thoáng mỉm cười.

“Tôi hầu như không nghĩ gì được,” cô nói. “Còn anh?”

“Tôi chỉ đơn giản là đang ở đây.”

“Anh có biết tại sao tôi thực sự ở đây không?”

“Bởi vì cô sợ chết.”

“Không phải. Bởi vì tôi sợ không sống thật sự hơn là sợ chết. Anh hiểu không?”

“Có đôi chút.”

Cô trườn sâu vào dưới tấm chăn. “Anh không hiểu đâu. Con tôi đã chết. Cuộc hôn nhân của tôi tan vỡ. Tôi còn gì nữa để mất?”

Rachel luôn làm tôi ngạc nhiên, nhưng lần này có lẽ cô nói sáng. “Tôi tin chắc các bệnh nhân của cô...”

“Nếu ngày mai tôi chết, các bệnh nhân của tôi sẽ có một bác sĩ tâm thần khác. Tôi ngồi trong căn phòng ấy ngày này qua ngày khác, lắng nghe những người trầm cảm, sợ hãi, giận dữ, hoang tưởng. Tôi lắng nghe những cuộc đời khác và cố gắng tìm ra ý nghĩa cho chúng. Sau đó tôi về nhà và viết báo về họ.”

Cô mỉm cười lạ lùng. “Nhưng hôm nay thì khác. Hôm nay một người đàn ông mà tôi chẩn đoán là hoang tưởng đã lôi kéo tôi vào những hoang tưởng của anh ta. Tôi là Alice ở xứ sở trong gương. Người ta tìm cách giết tôi nhưng tôi vẫn sống. Và bây giờ tôi sắp sửa bay qua Israel vì một ảo giác. Bởi một người tôi thực sự tôn trọng bỗng nhiên quyết định anh ta là Jesus.”

“Cô cần ngủ rồi đây.”

Cô lắc đầu, không rời mắt khỏi mặt tôi. “Giấc ngủ không làm thay đổi cách tôi cảm nhận về điều này.”

Lúc này tôi không rõ lắm cô định nói về điều gì. Tôi trượt khỏi tấm ván đầu giường, kê đầu lên khuỷu tay và nhìn qua khoảng cách giữa hai chiếc giường. Đôi vai cô sẫm màu trên nền vải trắng, những lọn tóc ẩm ướt xõa xuống mắt.

“Thật ra cô đang nói về điều gì?” tôi hỏi.

Ánh mắt cô xuyên thấu mắt tôi theo cái cách mà tôi đã thấy đôi lần ở phòng khám của cô, như thể những bức tường dày mà tôi đã dựng lên từ sau cái chết của vợ con tôi không là gì đối với cô. Rồi, hoàn toàn chủ ý, cô mỉm cười.

“Tôi không biết. Sao anh không đi tắm đi?”

Ánh nhìn của cô nói rõ ý hơn là đôi môi. Tôi đứng dậy bước vào buồng tắm, vừa đi vừa trút bỏ quần áo bản khỏi người. Sau hai ngày đêm chạy thoát mạng, lúc này nước nóng nghi ngút đối với tôi còn bổ hơn là thức ăn. Tay và cổ tôi bị cây thạch nam cào xước cả, nhưng dưới tia nước các bắp thịt bắt đầu thư giãn. Khi tôi gội đầu bằng chai dầu gội nhỏ của khách sạn, tôi nghĩ đến mớ tóc đen của Rachel xõ tung trên gối, và tôi vội xả nhanh cho xong. Cô chắc cũng mệt bã như tôi và khó mà cưỡng nổi cơn buồn ngủ. Tôi lau khô người trong buồng tắm rồi quấn khăn quanh bụng, bước ra khoảng trống giữa hai chiếc giường.

Rachel vẫn nằm sấp, nhưng lúc này đã nhắm nghiền mắt, hơi thở đều và sâu. Tôi nhìn cô, ước gì cô cố thức, nhưng tôi không trách cô. Trong hai ngày qua cô đã thấy quá nhiều chuyện, và đã chạy quá xa. Tôi tháo khăn ra, ngồi lên mép giường và bắt đầu sấy tóc. Một lát sau, tôi chỉ muốn gieo mình xuống giường ngủ một giấc thật đã, đến khi nào không ngủ thêm được nữa mới thôi.

Một cánh tay sẫm màu thon thả quờ qua khoảng hẹp giữa hai chiếc giường. Bàn tay Rachel chạm đầu gối tôi, rồi mở ra và nắm lại trong không khí như thể nắm bất vật gì. Khi tôi đặt tay vào tay cô, cô kéo tôi qua giường bằng một sức mạnh đáng ngạc nhiên. Tôi trườn sang nằm cạnh cô, nhìn sâu vào mắt cô, đôi mắt đang mở to như hai hồ nước đen thẫm.

“Anh tưởng em ngủ à?” cô hỏi.

“Em ngủ rồi mà.”

“Vậy em đang mơ sao?”

Tôi mỉm cười. “Có lẽ là ảo giác đấy.”

“Thế thì em có thể làm mọi thứ em muốn.”

“Đúng thế.”

Cô nhòm đầu lên hôn tôi. Đôi môi cô căng và đỏ mọng, miệng cô hé ra khao khát khiến tôi hiểu cô đã muốn từ lâu rồi. Tôi mở cúc áo cô và kéo cô lại phía mình. Cô khúc khích cười khi những lọn tóc ẩm ướt quệt ngang mặt tôi.

“Trong những lần khám, anh có khi nào nghĩ đến chuyện này không?” cô hỏi.

“Không bao giờ.”

“Nói dối.”

“Có lẽ một hai lần.”

Cô lại hôn tôi lần nữa, và cái cách cô mơn trớn thân thể tôi bằng chính thân thể cô cho tôi thấy ở đây không hề có sự lóng ngóng vụng về của những kẻ mới yêu lần đầu. Cách cô đụng chạm cũng đầy hiểu biết và tin cậy như cái nhìn của cô, và khi cô dồn hết chú ý vào tôi, tôi nhớ rằng không có gì rung cảm hơn một người phụ nữ vốn nhiều lời mà lúc này quyết định không nói năng gì.

Tôi hoảng sợ giật mình thức giấc, đoán chắc chúng tôi đã hoãn gọi điện quá lâu. Ánh sáng từ ti vi hắt ra chiếu sáng căn phòng. Đồng hồ đầu giường chỉ 11:30. Rachel nằm ngửa bên tôi, một tay nàng vắt ngang trán, tay kia đặt dọc người tôi.

Bây giờ đối với tôi nàng đã là một người đàn bà khác. Sau ba tháng giữ khoảng cách nghề nghiệp, nàng đã trao mình trọn vẹn cho tôi. Ký ức của tôi về những việc chúng tôi đã làm trước khi chìm vào

giấc ngủ giống ảo giác hơn bất kỳ hình ảnh nào tôi đã thấy trong thời gian mắc chứng ngủ rũ. Thế mà nó lại là thật.

Rachel cần ngủ, nhưng tôi buộc phải đánh thức nàng dậy. Tôi ngồi dậy vớ chai Dasani uống một hơi dài, xong nhẹ nhàng lay cánh tay nàng. Tôi sợ nàng hốt hoảng thức giấc như lúc trên xe tải, nhưng lần này nàng chậm rãi cử động, rồi nhào người ra nắm chặt lấy cổ tay tôi.

“Này,” tôi nói. “Em cảm thấy thế nào?”

Nàng mở to mắt nhưng không trả lời. Thay vào đó, nàng hít một hơi thật sâu rồi ngồi dậy ôm tôi. Tôi ôm lại nàng, ước gì chuyện này xảy ra sớm hơn, ở một nơi nào khác.

“Ta phải cô gọi cho bạn em lần nữa,” tôi nói.

“Em không thể gọi ở đây sao?”

“Không em ạ. Nếu em quen thân với người đó ở trường y, NSA có thể đã biết. Và nếu chúng nghe trộm đường dây của anh ấy thì chúng có thể lần ra ta ngay tức khắc. Nếu ta gặp được anh ấy, anh sẽ canh chừng bên ngoài bộ điện thoại và đợi xem có ai xuất hiện không. Thế ta mới biết đường dây của anh ấy có an toàn không.”

“OK.” Nàng ngả người ra hôn nhẹ lên môi tôi. “Chúng ta hãy làm cho xong chuyện này đi.”

Cách nhà nghỉ chừng chục cây về phía Tây, tôi thấy một bộ điện thoại bên ngoài trạm xăng trên đường Columbia Pike, trông có vẻ khá kín đáo. Tôi đậu xe sao cho có thể quan sát đường sá trong lúc Rachel gọi điện.

Nàng đi thẳng đến bộ, cầm chiếc thẻ điện thoại chúng tôi mua ở cửa hàng Quik Stop gần nhà nghỉ. Vài phút sau, nàng mỉm cười giơ ngón tay cái lên làm hiệu và bắt đầu nói. Câu chuyện kéo dài khá lâu, nhưng tôi biết chắc mọi chuyện diễn ra tốt đẹp, vì tôi thấy nàng cầm giấy của nhà nghỉ đọc tên giả của chúng tôi. Ông bà John David Stephens. “Tên thời con gái” của Rachel là Horowitz, còn trong hộ chiếu là Hannah Horowitz Stephens. Trong lúc nàng nói, tôi thầm nghĩ tay bác sĩ này hẳn đã yêu nàng sâu sắc lắm đến nỗi mười lăm năm vẫn chịu làm việc này cho nàng. Nàng treo ống nghe rồi bước về xe tải.

“Tốt chứ?” tôi hỏi.

Nàng đóng cửa xe. “Không có vấn đề gì. Anh ấy sẽ đặt trước mọi thứ. Máy bay, khách sạn, thậm chí cả mấy chuyến đi tham quan thành phố.”

“Đi từ New York chứ?” Chúng tôi không thể liêu mạng lưu lại Washington lâu hơn cần thiết quá một tiếng.

“JFK(1).”

“Anh chàng này là ai vậy?”

“Adam Stern. Anh ấy là bác sĩ sản khoa ở Manhattan. Bây giờ anh ấy đã có bốn con rồi.”

“Ngày trước chắc anh ấy phải thích em lắm.”

Nàng nhìn tôi cười ranh mãnh. “Họ chẳng bao giờ quên được em đâu.”

Tôi cho xe chạy thêm một trăm mét trên đường thì dừng, vẫn để máy chạy. Tại đây tôi vẫn nhìn thấy bộ điện thoại mà Rachel vừa gọi.

“Adam nói tuần này ở Israel đông khách du lịch nhất trong năm,” nàng nói. “Lễ Phục sinh ở Jerusalem giống như lễ hội Mardi Gras ở New Orleans vậy.”

“Điều ấy có thể tốt cho chúng ta.”

“Chỉ cần ta bay được. Anh ấy sẽ cố tìm hãng nào khác ngoài El Al, nhưng không chắc chắn lắm.”

“Hãng nào cũng tốt. Bọn chúng chắc chưa công khai truy nã ta đâu.”

Chúng tôi ngồi một lúc trong tiếng rì rì của động cơ chạy không, nhưng không thấy ai đến gần bộ điện thoại. Tôi luồn tay qua ghế ôm nàng.

“Em ổn cả chứ?”

Nàng gật đầu nhưng không nhìn tôi. “Từ lâu em đã thấy yên tâm về những việc chúng ta làm rồi.”

Tôi siết tay nàng, và nàng quay sang tôi. Mắt nàng ướt. Bây giờ tôi mới hiểu nàng đã phải sống bao lâu trong cảnh thiếu vắng thân tình. Có lẽ cũng lâu như tôi thôi.

“Anh rất mừng có em ở đây,” tôi nói. “Và anh cũng mừng vì em theo anh sang Israel. Không có em anh không làm được gì cả.”

Nàng rút tay lại và lau mắt.

Tôi liếc lại bất điện thoại. Không có ai lại gần. “Anh nghĩ ta ổn rồi. Em sẵn sàng ngủ một giấc cho thật đã chưa?”

“Em sẵn sàng ăn hamburger pho mát. Rồi sau đó sẽ ngủ.”

Chín rưỡi sáng hôm sau, chúng tôi chạy xe qua cầu Memorial, đến đài tưởng niệm Lincoln. Lần trước tôi đến thăm Washington để quay một phần loạt phim NOVA dựa trên cuốn sách của tôi. Hoàn cảnh hồi đó với bây giờ thật trái ngược nhau đến nỗi khó mà hình dung nổi.

Tôi tìm thấy cửa hàng photocopy Kinko phía Đông Nam đồi Capitol và sau hai mươi phút thì lấy được ảnh hộ chiếu mà chúng tôi được chỉ dẫn phải mang đến tiệm cà phê Au Bon Pain ở ga Liên Hiệp. Khi tôi chạy xe đến ga, dòng người đi bộ càng lúc càng tấp nập và tôi bắt đầu thấy lo lắng. Washington bây giờ đứng đầu danh sách các mục tiêu tấn công của bọn khủng bố, ở gần những tòa nhà quan trọng rất dễ có camera theo dõi. Có thể không nhìn thấy những camera này, nhưng chắc chắn là có. Và NSA có năng lực điện toán để tìm kiếm hình ảnh từ các băng hình theo dõi ấy. Tôi cố tránh xa trung tâm mua bán và đậu xe trong bãi đỗ phía Đông của ga Liên Hiệp.

Khi chúng tôi bước chân vào tòa nhà khổng lồ bằng đá granit trắng, chúng tôi cố di chuyển thật nhanh đến cửa chính. Rachel cố sóng hàng với tôi, chiếc túi Kinko lắc qua lắc lại trên tay phải nàng. Nàng không biết tôi giắt súng ở thắt lưng dưới làn áo sơ mi. Nếu cửa chính của nhà ga có lắp máy dò kim loại, tôi sẽ phải quay trở lại xe tải. Hàng chục người xếp hàng ở cửa chính, nhưng sau khi nhìn dòng khách, tôi thở phào nhẹ nhõm. Dòng người di chuyển nhanh thế chắc không bị kiểm soát an ninh nghiêm ngặt.

Vừa bước qua cửa, chúng tôi hòa ngay vào đám đông đang đi qua nhà ga mới được tân trang theo lối kiến trúc tân cổ điển. Chúng tôi đi qua một nhà hàng trên không ở giữa tầng rồi lao nhanh đến sảnh chính rộng mênh mông. Sảnh này dẫn đến một khu mua bán nhiều tầng, tại đây những đoàn du lịch, khách du lịch ba lô và người mua sắm chen lấn xô đẩy nhau trên lối đi và cầu thang cuốn, ngạc nhiên trước các bức tượng, chỉ trở vào các quầy hàng. Tiếng âm ầm ầm dưới đế giày cho tôi biết tàu đang chạy gần đây, thế mà khung cảnh xung quanh tôi cứ nguyên sơ như viện bảo tàng.

“Au Bon Pain kia rồi,” Rachel nói và kéo tôi sang bên trái.

Hiệu sách B. Dalton khổng lồ nằm ở cuối khu mua sắm, tiệm cà phê Au Bon Pain nằm ngay bên phải. Khách ra vào tấp nập, và tôi nghĩ người chúng tôi cần gặp đã rất cẩn thận khi chọn chỗ này.

Rachel bước qua khung cửa rộng, hòa vào hàng người nối đuôi nhau trước những bình cà phê lớn trên chiếc bàn cẩm thạch. Tôi đi theo cô, ra về tự nhiên quan sát những bàn bên phải. Cô đã được hướng dẫn hãy tìm một phụ nữ cầm trên tay cuốn The Second Sex của Simone de Beauvoir. Tôi nghĩ mình có thể chỉ dựa vào ngoại hình mà đoán ra người phụ nữ mang cuốn sách đó.

Ở chiếc bàn gần cuối phòng, tôi thấy một phụ nữ tóc đỏ chừng năm mươi tuổi, không trang điểm, miệng mím chặt. Bà ta nhìn chăm chăm xuống bàn như sợ bị người lạ bắt chuyện. Tôi định cược một trăm đô rằng đó là người chúng tôi cần gặp thì Rachel kéo tay tôi chỉ một phụ nữ Mỹ gốc Phi khoảng bốn chục tuổi đang đứng gần giá đựng bánh và đọc cuốn The Second Sex. Rachel rời khỏi hàng đến gần bà ta.

“Đã nhiều năm nay tôi không nhìn thấy quyển sách này!” Rachel nói. “Từ thời còn học đại học cơ. Không biết bây giờ nó còn hợp thời không?”

Người đàn bà nhìn lên và mỉm cười, mắt bà ta ngời sáng thân thiện. “Cũng hơi lỗi thời đây, nhưng có giá trị về góc độ lịch sử.” Bà ta chìa bàn tay nâu đeo đầy nhẫn ra. “Tôi là Mary Venable.”

“Hannah Stephen,” Rachel nói. “Hân hạnh được gặp bà.”

Tôi ngạc nhiên vì thấy cô nhập vai ngọt đến vậy. Có lẽ bác sĩ tâm thần là những người vốn có tài nói dối. Khi tôi bước tới, tôi thấy Venable nói khẽ, “Rất vinh dự được gặp cô, bác sĩ. Cô đã giúp chúng tôi nhiều lắm.”

“Cảm ơn,” Rachel đáp. Rồi cô nói lớn giọng hơn nhiều. “Tôi không thể hiểu tại sao Simone lại chịu làm người tình của Sartre. Trông ông ta như con nhái bén(2). Không phải nói theo kiểu bô nhọ người Pháp đâu. Mà là nhái bén thật ấy!”

Mary Venable cười tự nhiên đến mức tôi hầu như không nhìn thấy bà ta lấy cái túi Kinko từ tay Rachel và ném vào trong chiếc giỏ đan châu Phi lớn dưới chân.

“Nếu đêm nay tôi đọc xong,” Venable nói, “mai tôi sẽ cho cô mượn. Tôi sẽ ở đây vào giờ này.”

“Hẹn gặp lại bà sáng mai,” Rachel nói.

Mary Venable ghé sát nàng, nói nhỏ, “Bảo anh bạn cô giấu hàng kỹ hơn một chút.”

Trong khi Rachel còn đang ngẩn ngơ, Mary Venable âu yếm siết chặt tay nàng, rồi cầm túi lên và bước đi. Qua chỗ tôi, bà ta chỉ chạm mắt tôi trong một thoáng, nhưng tôi đã đọc được thật to và rõ ràng lời nhắn nhủ trong mắt bà: “Hãy chăm sóc cô bạn của anh cho tốt, chàng trai ạ.”

Tôi bước đến bên Rachel, cô nhìn tôi với ánh mắt kỳ quặc. “Hình như bà ấy có nhắc gì đến giải phẫu phải không?”

“Anh sẽ nói với em sau.” Tôi nắm cánh tay Rachel dắt nàng ra khỏi cửa hàng.

“Em không biết là có trung tâm mua sắm ở đây,” nàng nói. “Chúng ta đi mua mấy bộ quần áo được không?”

“Ồ đây không được đâu. Anh thật sự vẫn chưa thấy nơi chúng ta cần đến. Chúng ta cần một khu bách hóa tổng hợp có bán đủ mọi thứ ấy.”

“Hay là lên tầng trên?”

“Không phải ở đây,” tôi vẫn khẳng khái.

Khi tôi dắt nàng ra đến cửa chính, một tay cảnh sát thành phố bước ngang qua chúng tôi. Tim tôi nhảy loạn. Tôi chắc hẳn đã sưng người nhìn tôi đúng vào lúc chúng tôi đi ngang qua. Tôi định quay đầu lại kiểm tra, nhưng không dám.

“Có chuyện gì vậy?” Rachel hỏi khi thấy vẻ căng thẳng của tôi.

“Anh nghĩ chúng đang lòng sục ta ở đây.”

“Tất nhiên rồi.”

“Anh muốn nói chúng lòng công khai ấy. Anh nghĩ thằng cóm vừa rồi đã nhận ra anh.”

Nàng định quay lại nhìn, nhưng tôi lắc đầu khá mạnh để ngăn nàng lại.

“Anh cho rằng không chỉ có NSA?” nàng hỏi.

“Anh e là không. Đi sát vào anh và chuẩn bị chạy thôi.”

Chúng tôi đi qua một cái cây trong bồn cây cảnh lớn ở giữa tầng. Tôi kéo Rachel ra sau cây và quay lại nhìn từ chỗ núp. Gã cảnh sát bám đuôi chúng tôi và đang ngھn cổ nhìn dáo dác quanh bồn cây. Hắn còn nói vào micro trên ve áo.

“Chúng ta bị phát hiện rồi,” tôi nói. “Đi thôi!”

Chú Thích:

1. Sân bay Quốc tế Kennedy.

2. Nguyên văn: Frog, vừa có nghĩa là ếch nhái, vừa có nghĩa là cách nói lảng mạ chỉ người Pháp.

CHƯƠNG 26

Tôi nắm tay Rachel lao đi nhanh gấp đôi bình thường. Đáng lẽ chạy ra cửa chính, chúng tôi đổi hướng chạy về phía cầu thang dẫn lên tầng trên, lợi dụng đám đông để ẩn náu.

“Lên à?” Rachel chỉ tay vào cầu thang hỏi.

“Không. Mục tiêu của chúng ta là tàu hỏa.” Tôi tiến đến quầy vé bên tay trái, nhưng một giọng phụ nữ trên loa phóng thanh ngăn tôi lại.

“Chú ý, quý khách, xin chú ý. Vì lý do bảo trì, tất cả những chuyến tàu sắp vào hay rời ga phải dừng ngay tại chỗ. Yêu cầu ở nguyên trên sân ga, chúng tôi sẽ thông báo ngay khi có thông tin mới. Cảm ơn vì sự kiên nhẫn của quý khách.”

Adrenaline trào lên trong người tôi. Người phát thanh viên đang đọc lại thông báo bằng tiếng Tây Ban Nha.

“Quay lại cầu thang,” tôi nói, quay ngoắt người lại.

“Lên hay xuống?”

“Lên!”

Chúng tôi nhảy hai bậc thang một. Ở tầng trên, tôi nhào người ra khỏi lan can ngó tìm xem gã cớm đã phát hiện ra chúng tôi đâu. Hắn đang đứng ở tầng chính, cố đoán xem chúng tôi đã chạy hướng nào. Hắn ngược lên, lấy tay che mắt cho khỏi chói, rồi bắt đầu đi về phía cầu thang.

“Tại sao chúng ta dừng tàu lại,” Rachel hỏi.

“Vì chúng ta.”

“Chẳng lẽ chúng chặn tất cả các đoàn tàu vào ga Liên Hiệp để tìm chúng ta?”

“Xin chú ý,” tiếng phát thanh viên vang lên. “Cảnh sát yêu cầu tất cả khách mua hàng và khách du lịch bình tĩnh và trật tự di chuyển đến các cửa ra. Chúng tôi xin lỗi vì sự phiền phức này. Không có bất cứ mối nguy hiểm nào cho người và tài sản. Quý khách có thể trả xong tiền mua hàng, nhưng chúng tôi khẩn thiết yêu cầu di chuyển ra các cửa càng nhanh càng tốt. Cảm ơn.”

Tôi nhận thấy Rachel đang phải cố giữ bình tĩnh.

“Chúng ta sẽ không đi ra chứ?” nàng hỏi.

Tôi nhìn qua lan can một lần nữa. Gã cớm đang ngần ngừ không biết nên lên hay xuống. “Chắc hẳn chúng đã bật một loại báo động khủng bố nào đó. Đây là cách duy nhất sơ tán chỗ này. Xung quanh tòa nhà chắc đã có hàng trăm tên cớm bao vây rồi.”

Rachel nhìn dọc theo gác lửng. Từng đoàn người hồi hả đi về phía chúng tôi. Chúng tôi tránh khỏi cầu thang nhường đường cho họ.

Gã cớm bên dưới chạy đến quầy vé và nói lại vào micro trên cổ áo.

“Chúng ta có hai lựa chọn. Một là thay hình đổi dạng và đi theo đoàn người ra ngoài?”

“Thay hình đổi dạng thế nào?”

“Vào trong một gian hàng và mặc cả cây đen vào chẳng hạn. Kiếm chiếc kéo và cắt tóc em đi. Bôi keo cho tóc anh dựng lên. Cố gắng trẻ lại độ mười tuổi.”

Rachel trông chẳng có vẻ gì tự tin hơn. “Như thế chúng ta sẽ bị kẹt lại sân bay. Chúng ta sẽ không còn giống ảnh trong hộ chiếu nữa.”

“Em nói đúng. Vậy ta hãy làm một việc đơn giản. Chạy vào trong gian hàng. Kiếm hai chiếc hộp carton lớn, chui vào trốn cho đến khi tạm yên.”

“Đơn giản là tốt.”

“Nhưng cảnh sát có thể đem chó vào.”

“Trời.”

“Nào đi,” tôi nói, tự nhiên cảm thấy chắc chắn phải làm gì.

Tôi chạy xuống cầu thang cuốn, dè chừng các bộ cảnh phục. Lúc này đi vào tôi đã trông thấy mái cửa vào rạp chiếu phim, và theo cách bố trí của nhà ga, tôi đoán nó ở tầng dưới. Cầu thang dẫn xuống một khu vực ăn uống. Mọi người đang ăn vội ăn vàng cho chóng xong, nét mặt lo lắng. Qua một đồng ghế màu vàng và cam lộn xộn, tôi thấy một hàng người xem phim nối đuôi nhau ra cửa.

“Chúng ta đi đâu đây?”

“Xem phim.”

“Họ đang sơ tán khỏi đây mà.”

Khi chúng tôi đến trước lối vào rạp chiếu phim, một bức tường mở ra trước chúng tôi khoảng mười mét, và một đôi trai gái trông có vẻ hoảng sợ bước ra, nhú mắt lại. Trước khi cánh cửa chống cháy sập lại dưới sức căng lò xo, tôi lao đến đưa chân chặn giữ lại.

Trong rạp đèn còn sáng, nhưng các hàng ghế trống không. Phía trên sàn dốc bên trái, một người bạn đồ thể thao đang hướng dẫn người xem phim cuối cùng xuôi theo lối đi giữa ra cửa chính. Bên phải tôi, anh chàng Hugh Grant cao ba mét đang chán ngán bước dọc đường phố London, hai tay đút túi. Rachel dựa vào lưng tôi.

“Trong đó có gì thế?”

Tôi mở cửa đủ rộng cho chúng tôi trườn vào, rồi nâng chân tấm màn nhung đỏ nặng trĩu chạy dọc theo tường trườn lên người. Chúng tôi nằm ép sát tường và tách nhau ra, cổ khớp với nếp sóng của tấm màn một cách tự nhiên hơn. Tôi không nhìn thấy Rachel nữa, nhưng tôi ngạc nhiên nhận thấy chúng tôi đang nắm tay nhau. Cái bản năng này cũng nguyên thủy như bản năng của hai người Neanderthal(1) an ủi nhau bên vách hang đá vậy.

“Sao lại vào đây?” cô hỏi. “Sao ta không trốn vào sau cửa hàng?”

Tôi hình dung bọn cảnh sát đang xúm xít quanh chiếc xe tải lấy cắp.

“Chó,” Rachel thì thầm. Cách đây một phút, phòng này đầy mùi mồ hôi người. Nhiều mùi hỗn tạp. Không giống như trong nhà kho cửa hàng.

“Đúng.” Nhạc phim tắt ngấm với một âm thanh rền rĩ. Tôi chờ nghe tiếng người, nhưng không có. Mười lăm phút trôi qua. Hai mươi. Rachel nắm bàn tay ướt đẫm mồ hôi của tôi. Khi tôi quệt mồ hôi trán, một giọng đàn ông xuyên qua tấm rèm.

“Tôi đã vào đến cánh giữa!”

Rachel siết chặt bàn tay tôi.

Tiếng điện đài của cảnh sát léo nhéo vang vọng trong rạp chiếu phim.

“OK,” tên thứ hai hét. “Tôi sẽ quét đèn pin dưới gầm ghế.”

Mấy tên này không làm tôi lo lắng mấy, nhưng tiếng thở hổn hển theo sau làm tôi suýt đứng tim. Có lẽ tôi phải nhanh chóng cân nhắc lựa chọn giữa đầu hàng hay đồ súng với cảnh sát thành phố.

“Nó đã thấy gì đó!” tên thứ nhất kêu lên. “Coi, nó đã đánh hơi được rồi. Cố lên nào, cưng!”

Tôi cố nhịn thở.

“Con khỉ. Hóa ra là nửa cái xúc xích.”

“Chờ tí. Nó đang sục chỗ khác.”

Tiếng nói nghe gần hơn. Bàn tay Rachel run lên. Nàng sẽ phản ứng thế nào nếu tôi nổ súng? Đây không phải bọn sát thủ do Geli Bauer phái đến. Có lẽ chỉ là đám cảnh sát thành phố đang làm nhiệm vụ.

“Nó đi theo vòng tròn,” giọng thứ hai cất lên. “Quá nhiều mùi. Chính tôi cũng đang ngửi thấy mùi hơi người. Chúng ta phải quay lại sau vậy.”

“OK. Dù sao họ cũng muốn nó lần theo dấu vết.”

Tiếng nói xa dần.

“Chúng ta làm gì bây giờ?” Rachel thì thào.

“Đợi.”

“Bao lâu?”

“Họ không thể đóng cửa ga Liên Hiệp cả ngày được.”

“Anh có nghĩ lũ chó sẽ quay lại không?”

“Anh không biết.”

“Hình như em đã ra quần rồi.”

“Đừng bận tâm về chuyện đó.”

“Liệu chó có đánh hơi ra không?”

Nàng nói đúng. “Hãy cố giữ yên lặng đã.”

Một giờ bốn mươi phút sau, một giọng nam cất lên qua hệ thống loa phóng thanh. “Bác sĩ Tennant. Tôi là sĩ quan Wilton Howard của sở cảnh sát Washington D.C. Chúng tôi muốn ông hiểu rằng chúng tôi biết đây chỉ là một sự hiểu lầm. Chúng tôi được biết việc bắn người ở Bắc Carolina là hành động tự vệ, chúng tôi sẵn sàng cho ông quyền được giam giữ có bảo vệ, và ông có thể liên lạc không giới hạn với bất kỳ người nào ông muốn. Đề nghị ông ra trình diện cùng với bác sĩ Weiss, hạ tất cả vũ khí xuống, và đến gặp bất kỳ sĩ quan nào. Ông sẽ không bị đối xử như với tội phạm.”

“Anh nghĩ sao?” Rachel hỏi.

“Anh thấy có giọng Geli Bauer trong thông điệp này.”

“Có thể họ nói nghiêm chỉnh. Ý em là tất cả cảnh sát trong tòa nhà này cũng nghe thấy rồi.”

“Nếu họ đã được báo rằng anh là khủng bố hay đại loại thế, họ sẽ nghĩ việc dùng bất cứ biện pháp nào để lôi cổ anh ra là chính đáng. Hơn nữa, họ nghĩ anh có súng.”

“Thế anh có không?”

Tôi định nói dối, nhưng lại nghĩ nàng cần biết sự thật. “Có.”

“Trời đất ơi!”

Lời kêu gọi của cảnh sát lại vang lên.

“David...”

Tôi quờ sang siết chặt tay nàng. “Yên.”

Thêm một giờ nữa trôi qua, các thông điệp qua loa phát thanh cũng nhiều hơn và thay đổi. Bằng bản năng, tôi bảo Rachel nằm ép xuống sàn và sát vào tường. Tôi cũng làm thế.

Lũ chó không quay lại, nhưng có nhiều cảnh sát quay lại. Nghe như bọn họ đi rà soát từng hàng ghế. Thỉnh thoảng tôi thấy tấm màn nặng nề đung đưa khi có người kiểm tra nó. Khi tiếng bước chân đến gần tôi rút súng khỏi túi quần và thầm nguyện cầu Rachel giữ được bình tĩnh. Những bước chân nặng nề đến sát bên tôi, liền sau đó tấm màn được nhắc khỏi mặt tôi.

Một đôi boot đen đứng cách mặt tôi chỉ mười phân. Tôi nín thở, không chắc mình có bị nhìn thấy hay không. Tấm màn vờn trên má phải tôi. Rồi nó được thả xuống, và tiếng ủng xa dần. Tay cảnh sát chỉ giờ tay chạm tường vài lần để kiểm tra phía sau tấm màn.

Tìm tôi dường như đông cứng lại.

Tiếng đôi boot lại gần lần nữa. Tay cảnh sát kiểm tra tấm rèm như lần trước, nhưng dọc xuống. Tôi cố làm ngơ trước tiếng bước chân ấy. Sau khoảng thời gian dài như vô tận, tôi nhận ra hần đã bỏ qua chỗ chúng tôi. Cuộc tìm kiếm kéo dài thêm năm phút nữa, rồi tiếng liên lạc léo nhéo tắt. Tôi nghĩ Rachel thật cừ, nhưng không dám liếc nói chuyện với nàng. Sau hai mươi phút không có thêm lời kêu gọi nào từ hệ thống phóng thanh, tôi nghe có tiếng lách cách và tiếng máy rì rì, và nhận ra họ đang tua lại phim.

“Có phải máy chiếu không?” Rachel hỏi.

“Họ đang tua lại phim. Có lẽ nhà ga đã được mở lại. Chúng ta ra thôi.”

“Hay là ta cố chờ đến đêm?”

“Không. Đêm nay chúng sẽ đặt các chốt gác ở lối ra. Ngay lúc này ta có thể lợi dụng tình trạng lộn xộn khi nhà ga vừa mở lại. Đây là cơ hội tốt nhất.”

Chúng tôi đứng dậy men theo tường ra cửa. Sau khi lắng nghe mà không thấy gì, tôi mở hé cửa. Hai phụ nữ đi ngang qua, bận trang phục đường phố. Tôi nghĩ họ có thể là cảnh sát, nhưng khi đó loa phát thanh thông báo lịch tàu chạy. Nếu sân ga không có người, chắc không cần một thông báo như thế. Tôi kéo Rachel qua cửa.

Cầu thang thường và thang cuốn chật ních người, tiếng dụng cụ nhà bếp loảng xoảng dội qua sàn nhà cẩm thạch trong khu ăn uống. Chúng tôi bước tới cầu thang cuốn, chuẩn bị đi lên.

“Khi lên đến tầng chính, hãy đi cách sau anh hai mươi mét,” tôi nói. “Thấy ai phát hiện ra anh thì em lẫn vào đám đông thoát mau nghe chưa.”

Đầu trên của thang cuốn gần ngay lối vào cửa hàng B. Dalton. Tôi hôn lên má Rachel, vừa bước nhanh vừa quét mắt qua đám đông xem có đồng phục cảnh sát nào không.

Du khách giận dữ tràn vào nhà ga như nước tràn qua đập. Đa số hướng đến các đoàn tàu. Thật là một sự che chở quá tốt đối với tôi. Tôi liếc nhanh ra sau để biết chắc Rachel vẫn bám theo, rồi chuẩn bị rẽ phải, ra phía cửa chính. Nếu cảnh sát dồn mọi người qua một điểm kiểm soát duy nhất, tôi sẽ quay ngoắt lại đi kiếm một lối thoát hiểm dự phòng. Nếu không, tôi cứ liều mình trông cậy vào đám đông vô danh là thoát.

Tôi rẽ ngoặt sang phải và hướng đến một phòng mái vòm dẫn ra cửa chính. Dòng người cuộn cuộn đi ngược chiều khiến thật khó định hướng, nhưng tôi vui mừng vì có họ. Việc đóng cửa nhà ga suốt ba tiếng đã tạo cho chính cảnh sát một tình huống gần như bất khả.

Từ chỗ tôi đứng đến cửa chính có một tiệm ăn hình tròn tôi đã nhìn thấy lúc vào. Cao hai tầng, tiệm cà phê ngoài trời này giống như một hòn đảo nhô lên giữa mặt bằng. Trên tầng hai có nhiều bàn và ban công bằng thép cuốn hoa văn, để khách hàng có thể vừa ăn vừa ngắm cảnh nhộn nhịp bên dưới. Đó cũng là nơi có thể đứng nhìn bao quát toàn bộ sảnh lớn. Tôi bắt đầu đi vòng quanh từ bên trái, cố giữ mặt cúi gằm.

“Bác sĩ Tennant!” một giọng nữ hét lên.

Tôi liếc nhìn lên.

Từ tầng hai tiệm cà phê, Geli Bauer đang nhìn chăm chăm xuống tôi. Khuôn mặt sọc và đôi mắt xanh lè của ả không lẫn vào đâu được, và việc ả có mặt ở đây đúng là một định mệnh không tránh khỏi. Ba tiếng đồng hồ chúng tôi trốn trong rạp chiếu phim đủ thời gian để ả bay từ Bắc Carolina đến đây. Cảnh sát đã mở lại nhà ga, nhưng Geli vẫn hy vọng chờ đợi sẽ tìm thấy chúng tôi. Khi tôi xoay người ra sau để xem Rachel có nhận ra mối nguy hiểm không, tôi mới biết là mình bị hớ. Geli tức khắc phát hiện ra nàng, liền nâng điện đài lên miệng.

“Chạy!” tôi hét lên với Rachel.

Geli buông điện đài xuống, rút phăng ra một khẩu tiểu liên tự động, nhắm thẳng tôi.

Một phụ nữ đứng bên ả rú lên. Khi nhiều người khác hoảng loạn, Geli lao ra cầu thang dẫn xuống tầng chính. Tôi lần tay ra sau với khẩu súng giắt lưng.

“Đừng!” Geli vừa lao xuống cầu thang vừa gào lên. “Tôi không bắn đâu! Lệnh giết anh là của Godin! Godin điên rồi!”

Ả dừng lại ở ba phần tư cầu thang, giương súng bằng cả hai tay trong thế tấn công.

“Nếu đúng thế thì cô bỏ súng xuống đi!”

Ả không bỏ.

Tại sao ả không bắn mình? tôi tự hỏi. Rồi tôi hiểu ra là Rachel đang còn ở khá xa, nếu ả lỡ bắn tôi,

nàng có thể chạy thoát cùng với đám đông hoảng loạn.

“Bỏ súng xuống, bác sĩ!” Geli vừa xuống nốt cầu thang vừa quát. “Bỏ súng xuống và nằm sấp xuống sàn! Tôi sẽ không bắn!”

Ở tầm này ả chắc chắn không bắn trượt. Tôi quăng súng xuống mặt sàn sáng bóng. Mắt ả lóe lên vẻ thỏa mãn.

Đám đông phản ứng với vụ lộn xộn này như một đàn kiến nhận ra nguy hiểm ở ngay giữa chúng. Làn sóng hoảng hốt từ tâm lan ra xa hơn, trùm lên đám du khách cuống cuồng, tạo nên một vòng xoáy người chen lấn ra các cửa. Cảnh sát ở đó phải vật lộn từng phân một để len ngược vào đây.

“Lại đây, bác sĩ Weiss!” Geli gọi to.

“David?” Rachel ngập ngừng gọi.

Khẩu tự động của Geli có nòng giảm thanh. “Chạy đi!” tôi gào lên. “Mau thoát khỏi đây.”

Geli quay khẩu súng sang phía Rachel. Tôi nhào lên cầu thang. Tôi tóm lấy hai cổ tay ả vừa lúc súng nổ sượt qua tôi. Nhìn ánh mắt giận dữ của ả tôi biết ả đã bắn trượt.

Geli thúc đầu gối ả vào bụng tôi, khiến phổi tôi thắt lại. Tôi vặn mạnh xương ả như người ta cố bẻ một cành non. ả giật lùi lại, xoay người quật tôi ngã xuống cầu thang rồi ngồi lên người tôi. Tôi vật lộn để nòng súng hướng ra khỏi người tôi, nhưng ả có thể đòn bẫy phía bên sườn. Nòng súng giảm thanh chĩa thẳng mặt tôi chỉ cách mấy phân. Vết sẹo của Geli trắng bệch ra khi mặt ả đỏ gay vì vật lộn.

“Bỏ súng xuống!” một giọng phụ nữ hét lên. “Cả hai người! Bỏ xuống và đứng lên!”

Cách đó ba mét là Rachel, hai tay ghì chặt khẩu súng lục của tôi, đôi mắt mở to vì khiếp hãi.

“Bỏ vũ khí xuống!” Geli hét. “Cô đang can thiệp một sĩ quan liên bang thi hành công vụ đấy!”

“Bắn ả đi!” tôi hét, cố giằng súng khỏi nắm tay ả. “Chính ả đã giết Fielding! Bắn!”

Geli thúc cùi chỏ vào đám rối dương của tôi, tì nòng súng vào má tôi. Một tiếng nổ chát chúa như tiếng cồng xuyên thủng màng nhĩ tôi, rồi thứ gì đó ẩm ướt bắn tung tóe lên mặt tôi. Tôi chỉ còn thấy đôi mắt cháy rực của Geli, rồi một dòng máu trào ra ướt đầm ngực áo ả.

Tôi giằng được khẩu súng và hất ả ra khỏi người tôi.

Rachel vẫn chĩa nguyên khẩu súng đang bốc khói và run rẩy như người động kinh. Viên đạn trúng cổ Geli, nhưng ả cố bịt mấy ngón tay vào vết thương để ngăn máu chảy. Tôi chưa bao giờ trông thấy vẻ căm thù đến thế trong mắt một con người. Tôi nắm cổ tay Rachel và chạy ngược trở ra sảnh chính. Khi chúng tôi quanh qua góc khuất, tiếng Geli vang vọng trong căn phòng cao ba mươi mét. “Mày sẽ chết, Tennant ạ! Mày sẽ chết như con chó!”

Tôi lao đến gian hàng B. Dalton ở cuối trung tâm mua sắm. Các kệ sách to kèn càng và trĩu nặng. Vậy ra họ đang bốc hàng.

Khách mua hàng đang tràn ra khi tôi kéo Rachel chen vào một nhà kho trong hiệu sách. Sàn nhà lát đá chất đầy hòm xiềng, và chắc chắn có một sàn chất tải cửa lắp động cơ để chuyển hàng vào ra. Tôi nhấn một nút đỏ trên tường, cửa bắt đầu nâng lên.

Nặng tràn ngập phòng. Tôi giúp Rachel xuống nền sàn chất tải bằng xi măng, rồi tự mình nhảy ra. Một chiếc xe giao hàng đậu ngay trên lối vào sàn, hai người đàn ông đang đứng nói chuyện bên buồng lái. Khi chúng tôi chạy lên dốc, tôi trông thấy một chiếc Toyota Corolla màu trắng đậu cạnh xe tải. Cửa bên lái còn mở, nhưng không có ai trong xe.

Tôi chĩa súng vào hai người đàn ông, rồi hất nòng súng về phía chiếc Toyota. “Tôi cần chiếc xe kia!”

Tài xế xe tải giơ tay lên, nhưng người kia thì nhìn chiếc Toyota. “Đó là xe tôi.”

“Đưa chìa khóa đây!”

Anh ta chờ người ra.

“Đưa chìa khóa cho hắn đi!” tài xế xe tải nói.

“Nó ở trong ấy.”

Tôi kéo Rachel vòng sang cửa khách, đẩy nàng vào rồi trườn vào ghế lái và nổ máy. Người chủ xe gào lên gì đó, nhưng giọng anh ta chìm chìm trong tiếng xe gầm rú khi tôi lao vút đi. Đèn lao đi làm cửa xe đóng sầm lại, nhưng tôi dùng hết sức tự kiềm chế để đi chậm lại. Tôi phải chạy với tốc độ bình thường để ra khỏi khu vực nhà ga đã, rồi sẽ vút xe lại để trốn khỏi thành phố.

“Ôi, trời ơi,” Rachel nói, mặt nàng trắng nhợt.

Tiếng còi rền rĩ đang đổ về ga Liên Hiệp.

Chú Thích:

1. Một giống người tiền sử, được phát hiện đã sống cách đây khoảng 600.000 năm, tại châu Âu và Trung Á.

CHƯƠNG 27

Tôi đứng sau Rachel trong khu vực ăn uống của sân bay JFK, New York, nhìn kỹ xem nàng có dấu hiệu suy sụp tinh thần nào không. Nàng bận váy màu xanh da trời, một món trong số quần áo mới được mua ở New Jersey, nhưng trang phục không che giấu nổi nước da tái và đôi mắt trũng sâu. Việc bắn Geli Bauer khiến nàng cực kỳ hoảng loạn, và mặc dầu các bản tin cho biết “sĩ quan liên bang” bị bắn ở ga Liên Hiệp còn sống, Rachel vẫn run rẩy trong suốt quãng đường chạy xe đến New York.

Tôi lẽ ra không nên để nàng tự mình rời khỏi Washington. Sau khi bỏ lại chiếc Toyota cách ga Liên Hiệp năm khối nhà, tôi chặn một taxi và bảo nó chở chúng tôi quay trở lại, qua sông Potomac đến Alexandria, Virginia, rồi tới một trung tâm mua bán cao cấp. Tại đó tôi gọi đến số lúc trước đã chỉ dẫn tôi đến gặp Mary Venable ở tiệm cà phê. Tôi nói với người phụ nữ nghe điện rằng bác sĩ Rachel Weiss hiện đang bị đe dọa tính mạng và rất cần được giúp đỡ. Bốn mươi phút sau, một người phụ nữ đi xe Camry xanh đến đón, đưa chúng tôi trở lại Washington, tới một khu nhà riêng ở phía Nam.

Ngôi nhà này là nơi ẩn náu do một nhóm nữ quyền cai quản, chuyên cung cấp giấy tờ tùy thân cho những phụ nữ bị ngược đãi, chạy trốn cùng con nhỏ. Chúng tôi được đưa vào một phòng ngủ ở phía sau căn nhà an toàn, đợi một lúc thì Mary Venable đến. Bà ta hỏi Rachel rõ lâu - hình như bà không tin tôi - rồi bố trí một chiếc xe để hôm sau chúng tôi có thể tự lái đến New York. Bà bảo chúng tôi để xe ở chỗ đậu dài ngày trong sân bay JFK, rồi sẽ có một người “chị em” của họ ở New York đến lấy đi.

Trong phòng ngủ có ti vi, và vụ chạm súng ở ga Liên Hiệp xuất hiện trên tất cả các bản tin. Việc tạm thời đóng cửa nhà ga cũng gây phản ứng ồn ào không kém vụ nổ súng. Những bản tin đầu suy luận rằng nhà ga có nguy cơ bị đánh bom nên buộc phải sơ tán mọi người khỏi ga, nhưng theo những bản tin mới, câu chuyện đã thay đổi. Các nguồn tin của cảnh sát thủ đô rò rỉ thông tin về một vụ mưu ám sát tổng thống đã bị theo dấu đến nhà ga. Tên tôi không được tiết lộ, nhưng phát thanh viên nói rằng người phụ nữ đã bắn cảnh sát ở nhà ga, lúc đầu được cho là con tin, nhưng bây giờ bị xem là đồng phạm của tôi.

Chúng tôi chợp mắt một chút, đến sáng hôm sau, tên và ảnh tôi xuất hiện trên tờ Washington Post. Trong bài viết, một người phát ngôn của Sở Mật vụ đặc tả tôi như một bác sĩ theo chủ nghĩa lý tưởng đã trở nên cáu kỉnh sau nhiều năm quá đau buồn vì mất mát gia đình. Bị những hoang tưởng nghi kỵ thôi thúc, tôi đã đe dọa tính mạng tổng thống, và sự xuất hiện của tôi ở Washington với một khẩu súng chứng tỏ tôi nguy hiểm như thế nào. Đồng phạm nữ vẫn còn “chưa rõ danh tính,” nhưng nhiều nhân chứng đã thấy cô ta bắn gục cảnh sát liên bang. Điều làm tôi sợ nhất là bình luận kết thúc bài báo của McCaskell, chánh văn phòng phủ tổng thống, hiện đang ở Trung Quốc.

“Bác sĩ Tennant thật sự đã có dịp gặp tổng thống tại Phòng Bầu dục,” McCaskell nói. “Tổng thống khâm phục cuốn sách của ông ta về Y đức. Tổng thống lấy làm tiếc vì vị bác sĩ nổi danh này có vẻ bị suy sụp tâm thần, và mong rằng bác sĩ Tennant sẽ được điều trị trước khi có thể xảy ra bi kịch nào đó.”

Tôi lo Mary Venable có thể đọc bài báo này và báo cảnh sát bắt tôi, nhưng một giờ sau bà đem đến cho chúng tôi hai hộ chiếu mới, hai giấy phép lái xe của bang Virginia và chìa khóa của chiếc xe “đi mượn”. Bà đã đọc bài báo, nhưng lòng tin của bà vào Rachel mạnh hơn những bản tin trên truyền thông. Không chút chậm trễ, chúng tôi đã bon bon trên con đường I-95 hướng về New York.

Khi biết tên và ảnh của mình đã phát tán khắp nơi trong nước, tôi càng quyết tâm rời khỏi nước Mỹ. Bọn NSA nghĩ tôi đang trù tính để gặp tổng thống tại Washington ngày mai, nên chẳng hề nghĩ tôi lại rời khỏi đất nước. Đi qua cửa khẩu sân bay JFK là mạo hiểm, nhưng còn an toàn hơn ở lại trong nước lúc này.

Rachel hầu như không nói gì trong chặng đầu chạy xe, và những lời tôi nói dường như không lọt tai nàng. Khi đến New Jersey, nàng đã hoạt bát trở lại và đi vào khu mua bán với một danh sách dài kích cỡ quần áo cùng trang phục cho chuyến đi của chúng tôi. Ngoài ra, chúng tôi cũng chỉ dừng lại để đồ xăng, và tôi cũng không ra khỏi xe. Khi đến gần New York, Rachel gọi cho Adam Stern và kể cho anh câu chuyện tôi bịa ra để giải thích lý do anh chàng bác sĩ phải làm trung gian đặt phòng cho chúng tôi.

Vì dịp lễ Phục sinh đông khách đi, Stern buộc phải đặt vé bay đêm của hãng El Al, điều này làm tôi lo lắng không ít. Tôi đội chiếc mũ Yankee đi vào sân bay JFK, thầm cầu nguyện “người đàn ông da trắng cao mét tám” như tôi không quá khác thường để mọi người chú ý. Tại quầy vé El Al, mọi việc diễn ra suôn sẻ không ngờ, nhưng tôi ngại nhất là chuyện ăn nói. Sợ nhất những cuộc phỏng vấn an ninh không chính thức. Theo Stern, có lúc trước khi lên máy bay El Al, một số sĩ quan an ninh mặc thường phục bỗng dừng đến bắt chuyện với anh để đánh hơi về các ý định của anh. Sẽ không có cách nào thoát khỏi chuyện này nếu Rachel không đứng ra nói.

“Món thịt gà xào súp lơ xanh kia trông ngon đấy chứ,” tôi nói, tay chỉ một quầy ăn Tàu.

“Tuyệt,” Rachel dờ dẩn nói.

Tôi nắm vai nàng. “Em không sao chứ?”

Nàng không đáp.

Tôi bước lên trước và gọi hai đĩa thịt gà xào súp lơ xanh. Khi tôi trả tiền, tôi nghe một giọng đàn ông nói sau lưng.

“Xin chào. Chúng tôi xếp hàng cùng với ông bà ở quầy vé El Al. Các vị đi nghỉ trước lễ Phục sinh phải không ạ?”

“À... không,” Rachel trả lời.

Tôi liếc ra sau và thấy hai gã da đen tầm thước đứng sau chúng tôi. Bọn họ có đôi mắt láo liên và nụ cười cởi mở. Trông như hai anh em.

“Vậy chắc là thăm gia đình?” gã thứ hai hỏi, trên cổ gã đeo dây chuyền vàng.

“Không,” Rachel lúng túng nói. “Chúng tôi có chuyện riêng. Vấn đề sức khỏe ấy mà.”

Những cái nhìn bắn khoả. “Ồ, xin lỗi đã tò mò.”

Họ đang tìm kiếm bọn khủng bố, tôi tự nhủ, không phải tìm người mưu sát tổng thống. Tôi quay lại gật đầu với hai gã.

Im lặng lúc này thật bất tiện, nhưng Rachel bỗng rướn thẳng người và linh hoạt hẳn lên. “Tôi nghĩ chẳng có gì phải giấu,” nàng nói. “Bác sĩ phụ sản của tôi giới thiệu tôi đến đó. Tôi vừa được chẩn đoán ung thư buồng trứng. Nhưng anh ấy có người bạn ở bệnh viện Hadassah, Jerusalem. Có một cuộc thử nghiệm lâm sàng để cấy tế bào T của chính bệnh nhân và đưa nó vào để diệt các khối u. Bác sĩ của tôi là một người bạn cũ. Anh ấy bố trí mọi thứ cho chuyến đi của chúng tôi, ơn trời. Máy bay, khách sạn, tất tật.” Nàng đặt tay lên tim. “Tôi xin lỗi đã nói nhiều quá. Tôi chỉ có một tia hy vọng, và tôi thấy dễ chịu khi nói về nó.”

“Hoàn toàn đúng,” gã đàn ông đeo dây chuyền nói. “Và tôi tin bà sẽ khỏi bệnh. Bác sĩ ở Hadassah là những bác sĩ giỏi nhất thế giới.”

“Cuộc thử nghiệm có vẻ đầy hứa hẹn,” tôi xen vào, không muốn tỏ ra lúng túng. “Nhà nghiên cứu hàng đầu đã từng được đào tạo ở Sloan-Kettering.”

“Ông nói như thể chính ông cũng là bác sĩ,” gã thấp hơn nói, chút nghi hoặc trong tôi rằng bọn này là an ninh của El Al lúc này tan biến nốt. Bỗng nhiên tôi nghĩ về số tiền mặt 16.000 đô còn nằm trong túi bao tử giấu trong quần áo.

“Thưa ông, món ăn đây ạ,” một nhân viên chạy bàn người Hoa ngắt lời.

“Cám ơn,” tôi nói, liếc về phía đĩa thức ăn. “Vâng, tôi là bác sĩ nội khoa.”

“Ông có biết về chứng viêm khớp không?” gã thấp bé hỏi. “Họ bảo tôi bị bệnh viêm khớp vảy nến.”

Ông có biết bệnh này không?”

Có trả lời hẳn không? tôi thầm nghĩ. Cư xử một cách kiêu kỳ? “Phải, có năm loại. Một số loại tương đối nhẹ, có loại gây biến dạng.”

“Loại nào tệ nhất?”

“Loại viêm khớp biến dạng.”

Gã kia sung sướng cười toác miệng. “Không phải của tôi. Tôi chỉ bị ở gần các đốt ngón tay.”

“Có khả năng là viêm khớp liên đốt ngón tay.” Tôi cầm tay gã lên xem xét móng tay, thấy có những vết lõm khá rõ. “Có thể là nặng hơn nhiều.”

Gã rút tay về. “Được rồi, được rồi. Ừm, chúc ông ngon miệng.”

“Chúc ông bà gặp may ở Hadassah,” gã đeo dây chuyền nói. “Ông bà đã đến đúng nơi để điều trị đây.”

Tôi đặt cả hai đĩa lên khay và bung sang một chiếc bàn trống. Rachel theo sau tôi, trông nàng có vẻ choáng váng. Tôi liếc lại phía quầy ăn và thấy hai gã kia bỏ đi mà không gọi món gì.

“Em xử trí tuyệt lắm,” tôi khẽ nói. “Xứng cỡ giải thưởng Oscar.”

“Bản năng sinh tồn,” nàng nói và ngồi xuống ghế. “Ai cũng có cái bản năng ấy trong người. Anh đã nói với em thế ở Bắc Carolina, và em không tin anh. Giờ thì em rõ hơn rồi.”

Tôi cầm nĩa lên. “Em đừng day dứt về chuyện đó, không ích gì.”

“Bọn này chắc đã nói chuyện với Adam. Em linh cảm thế.”

“Không còn nghi ngờ gì nữa. Anh ấy chắc cũng kể cho chúng nghe cùng một câu chuyện. Nếu chúng ta lên được máy bay mà không bị bắt, anh sẽ gửi cho anh chàng này một két champagne.”

Rachel nhắm mắt. “Liệu có được không anh?”

“Được chứ. Chỉ cần bên nhau nửa giờ nữa thôi.”

Chiếc 747 chật ních người dù là chuyến bay đêm, nhưng chúng tôi được biệt lập khỏi những người gần nhất bởi hai ghế trống và lối đi giữa, nên cũng có được đôi chút riêng tư. Tôi ngồi bên cửa sổ với chiếc mũ Yankee sùm sụp, cẩn trọng không chạm mắt ai khi lấy hai chiếc chăn và cùng kéo đến tận cổ.

Chúng tôi đã ngồi ở cổng tưởng chừng đến hai giờ, nhưng theo đồng hồ tôi, thật ra chỉ mới bốn mươi phút. Trong khi hành khách xung quanh chuyện trò sôi nổi về chuyến thăm Đất Thánh sắp tới, Rachel và tôi giả vờ ngủ, nắm chặt tay nhau dưới lớp chăn. Cuối cùng chiếc El Al cũng chạy chậm chậm trên đường băng rồi lao rầm rầm vào bầu trời đêm.

“Ồn trời,” nàng thì thầm khi bánh xe cất lên khỏi nền bê tông.

Trong vòng mười một giờ nữa chúng tôi sẽ phải qua kiểm tra an ninh ở Tel Aviv, nhưng lên được máy bay là thắng được nửa trận chiến rồi, và tôi muốn tập trung vào thắng lợi nhỏ nhoi này. “Em ổn chứ?”

Nàng mở mắt ra, đôi mắt chỉ cách mắt tôi cái lưỡi trai của chiếc mũ Yankees. Tôi thấy trong ấy những cảm xúc mà tôi không hiểu nổi.

“Em cần hỏi anh vài điều, David.” Nàng nói như một bác sĩ tâm thần mà tôi đã biết trước khi hai đứa ái ân. “Chúng ta đang tới Jerusalem, và em muốn đi đến tận cùng câu hỏi tại sao. Em muốn anh xử sự như trong một buổi làm việc.”

“Không. Nếu em hỏi anh một số điều, anh có thể hỏi em một số điều khác. Và em phải trả lời thật. Đó là quan hệ giữa chúng ta bây giờ.”

Nàng ngần ngừ một chút rồi gật đầu. “Thế là sòng phẳng. Anh từng nói với em anh là người vô thần. Anh bảo mẹ anh tin tưởng vào một cái gì cao hơn loài người, nhưng không tin vào tôn giáo có tổ chức. Thế còn cha anh. Ông có bao giờ tuyên bố là vô thần không?”

“Không. Cha anh chỉ không tin vào cái quan niệm thông thường về Chúa thôi. Một vị Chúa dành hết quan tâm cho loài người. Cha là nhà vật lý. Họ vốn là những kẻ đầy hoài nghi.”

“Ông ấy có tin tưởng vào một thực thể siêu việt nào không?”

Cha tôi không phải típ người luôn luôn suy nghĩ ở “tâm vũ trụ”, nhưng có đôi khi - trong các cuộc cắm trại trên núi dưới bầu trời đầy sao - cha nói cho anh em chúng tôi biết niềm tin thực sự của ông.

“Cha anh có một quan niệm rất giản đơn về bản thể của sự vật. Đơn giản nhưng sâu sắc. Ông không nhìn con người tách rời khỏi vũ trụ, mà chỉ là một bộ phận của nó. Ông thường bảo, ‘con người là một vũ trụ có ý thức về bản thân mình’.”

“Hình như em đã nghe câu này ở đâu rồi thì phải?”

“Có thể. Anh cũng từng nghe những bậc thầy của phong trào New Age như Deepak Chopra(1) nói điều này. Nhưng cha anh đã nói cách đây hai mươi lăm năm.”

“Anh nghĩ ông muốn nói gì?”

“Chính là cái mà ông đã nói. Ông luôn luôn nhắc nhở bọn anh rằng mọi nguyên tử trong cơ thể chúng ta có lúc từng là một bộ phận của một vì sao xa xăm đã nổ tung. Ông nói về tiến hóa từ đơn giản đến phức tạp diễn ra như thế nào và trí thông minh của con người là biểu hiện cao nhất của tiến hóa ra sao. Anh còn nhớ cha anh đã bảo anh bộ não một con ếch còn phức tạp hơn một vì sao nhiều. Ông coi ý thức con người là nơ ron thần kinh đầu tiên của vũ trụ có sự sống và ý thức. Một tia lửa lóe lên trong bóng tối, chờ đợi bùng lên thành ngọn lửa.”

Rachel trông có vẻ đắm chiêu “Thật là một ý tưởng đẹp đẽ. Không hẳn là một quan điểm tôn giáo, mà là một cách nhìn đầy hy vọng.”

“Và lại thực tế nữa. Nếu chúng ta là những vũ trụ có ý thức về bản thân mình, thì chúng ta có nghĩa vụ tinh thần phải sống còn. Để giữ gìn lấy món quà ý thức. Và để làm được thế, ta phải sống trong hòa bình. Từ đó có thể rút ra bao điều về những bộ luật khả thi, đạo đức, và mọi thứ.”

Rachel ngẫm nghĩ. “Anh có đồng ý với cha anh về quan điểm vũ trụ này không?”

“Anh đồng ý cho đến mấy tuần gần đây. Những ảo ảnh của anh không còn hoàn toàn phù hợp với nó nữa.”

Nàng đặt tay lên đầu gối tôi. “Chúng ta không biết chúng trùng hợp với cái gì, đúng không? Em cũng không nghĩ rằng quan điểm của cha anh loại trừ sự tồn tại của một đấng sáng thế. Anh vẫn còn lo mình sẽ chết nếu không đến được Jerusalem trước khi anh mơ thấy cảnh đóng đinh trên thánh giá à?”

Mối hiểm nguy trước mắt là bị cảnh sát bắt đã làm tôi xao nhãng nỗi lo này. “Anh vẫn còn cảm thấy nguy cấp, nhưng không giống như trước. Việc chúng ta đang trên đường đến đó khiến áp lực ấy dịu đi đôi chút.”

“Nếu anh đã mơ thấy cảnh đóng đinh trên thánh giá thì anh không nên lo lắng về điều đó. Một giấc mơ không thể giết được ai.”

Tôi thì không chắc lắm. “Chúng ta nói về em một chút nhé. Em nói em tin Chúa. Chính xác là em tin cái gì?”

“Em không thấy điều đó có liên can gì đến việc chúng ta đang làm.”

“Anh nghĩ cả hai chúng ta lên máy bay này vì cùng một lý do. Và anh nghĩ việc em tin cái gì có ý nghĩa quan trọng đấy.”

Mặt nàng buồn khôn tả. “Em đến với Chúa khá muộn. Hồi nhỏ em không bao giờ đi nhà thờ hay đến Giáo đường Do Thái.”

“Sao lại không?”

“Cha em quay lưng lại với Chúa khi ông mới bảy tuổi.”

“Sao còn nhỏ thế mà đã...?”

“Cha em bước sang tuổi thứ bảy trong một trại tập trung.”

Có gì trong tôi bỗng lạnh buốt.

Cái nhìn của nàng trở nên mơ màng như đang hướng về quá khứ. “Cha em tận mắt chứng kiến ông

nội em bị giết. Đây không phải chuyện bình thường, dù cho ở trại tập trung. Lúc ấy quân Đồng minh đang đến gần, bọn cảnh vệ Đức Quốc xã liền thủ tiêu tù nhân. Một thằng lính gác nghĩ ra một trò chơi với tiểu đội chuyên làm việc vặt của hắn. Hắn giết mỗi ngày một người. Hắn muốn để cho những người tù đói khát giết lẫn nhau và ai chịu giết sẽ được tha. Tất nhiên ông nội em từ chối. Ông vốn là nhà giải phẫu ở Berlin. Ông đã từng gặp Freud, đã trao đổi thư từ với Jung.”

Trí óc tôi quay cuồng khi lý do lựa chọn sự nghiệp của Rachel hiện rõ.

“Thằng lính gác đánh ông em đến chết trước mắt cậu bé là cha em. Từ đó cha em quyết định rằng một vị Chúa đã để cho cảnh ấy xảy ra đáng bị nguyên rủa chứ không đáng được cầu nguyện.”

Tôi muốn nói gì đó, nhưng lời nói lúc này phỏng có nghĩa gì?

“Cha em là một trong những người may mắn được nhập cư vào Mỹ. Ông được một người bà con xa ở Brooklyn bảo lãnh.” Rachel cười buồn. “Ông Milton, chú của cha em là thợ khóa. Việc cha em không chịu cầu nguyện khiến ông nổi giận, nhưng ông biết cha đã chịu đựng quá nhiều. Khi đến tuổi thành niên, cha em đổi tên thành White, chuyển đến Queens, và thôi gặp gỡ gia đình, dù vẫn gửi tiền cho họ. Ông kết hôn với một người ngoài Do Thái không theo đạo, và cha mẹ em nuôi dạy em trong một ngôi nhà không có ai theo đạo.”

Tôi kinh ngạc ngồi nghe. Ta gặp một khuôn mặt trên đường phố Mỹ, hay trong công sở, mà chẳng hề ngờ có một thiên sử thi bi thảm ẩn nấp đằng sau nó.

“Vì thế em luôn cảm thấy như người ngoài cuộc. Tất cả các bạn em đều đi nhà thờ, hoặc đến giáo đường Do Thái. Em thấy tò mò. Khi em mười bảy tuổi, em tìm ra ông Milton. Ông ấy nói cho em biết mọi chuyện. Sau đó... em gia nhập đạo.”

Nhiều bí mật nho nhỏ về tính cách của Rachel bỗng trở nên có nghĩa: việc nàng ăn mặc khắc khổ, giữ khoảng cách trong công việc, việc nàng ghê tởm bạo lực...

“Vấn đề là,” nàng tiếp tục, “em nghĩ em trở thành tín đồ Do Thái giáo bởi những nhận biết về cảm xúc và chính trị chứ không phải vì khao khát thực hiện ý muốn của Chúa.”

“Thế không có gì là sai.”

“Tất nhiên là có đấy. Nếu anh hỏi em thật sự suy nghĩ gì về Chúa, thì không có gì liên quan đến Torah hay Talmud (1). Nó chỉ liên quan đến những gì em nhìn thấy trong cuộc đời mình.”

“Em thật sự đã nghĩ gì?”

Nàng đan tay lại trên đùi. “Em tin rằng sáng tạo có nghĩa là tạo ra những gì trước đây chưa từng có. Nếu Chúa là hoàn hảo, thì cách duy nhất Người có thể thật sự sáng tạo là tạo ra một cái gì đó tách rời khỏi Người. Vậy theo định nghĩa thì cái mà Người sáng tạo ra phải không hoàn thiện. Anh thấy không? Nếu nó hoàn hảo, nó sẽ là Chúa.”

“Đúng.”

“Em tin rằng đối với con người, để khác với Chúa, chúng ta phải có khả năng lựa chọn. Tự do ý chí, đúng không? Và nếu những lựa chọn xấu không dẫn đến nỗi đau thật sự thì ý chí tự do không có ý nghĩa gì hết. Đó là lý do vì sao cái ác tồn tại trong thế giới của chúng ta. Em không biết tôn giáo còn bổ sung thêm gì nữa, nhưng dù là gì, thì đó vẫn là điều em tin.”

“Đó là cách giải thích phù hợp cho cái thế giới như ta nhìn thấy. Nhưng nó chưa nói gì về bí mật trung tâm. Tại sao Chúa lại cảm thấy bắt buộc phải tạo ra một cái gì đó?”

“Có lẽ chúng ta chẳng bao giờ biết được.”

“Chúng ta có thể. Mặt trời sẽ nổ tung trong khoảng năm tỷ năm nữa. Ngay cả trong trường hợp vũ trụ sụp đổ từ bên trong - Big Scrunch - thì sự kiện sớm nhất có thể xảy ra cũng là hai mươi tỷ năm sau. Nếu chúng ta không tự hủy hoại mình, thì chúng ta còn khối thời giờ để trả lời câu hỏi đó. Có thể là mọi câu hỏi.”

Nàng mỉm cười. “Anh và em sẽ không bao giờ biết được.”

Nhìn sâu vào đôi mắt màu sẫm của nàng, tôi nhận ra mình đã hiểu nàng quá ít. “Em không hề cổ hủ như em ra vẻ. Anh ước gì em có dịp nói chuyện với Fielding.”

“Ông ấy tin tưởng gì vào Chúa?”

“Fielding luôn trần trụi với vấn đề cái ác. Ông ấy được nuôi dạy như một tín đồ Cơ Đốc, nhưng ông bảo cả Cơ Đốc giáo lẫn Do Thái giáo đều không bao giờ đối đầu trực diện với cái ác.”

“Ông ấy muốn nói gì?”

“Ông ấy nêu lên ba lời tuyên bố: ‘Chúa là toàn năng. Chúa là toàn thiện. Cái ác vẫn tồn tại.’ Người ta có thể liên kết một cách logic hai trong ba tuyên bố trên, nhưng không bao giờ là cả ba.”

Rachel gật đầu về suy tư.

“Fielding nghĩ rằng chỉ các tôn giáo phương Đông mới đúng là Nhất thần giáo, vì chúng thừa nhận rằng cái ác từ Thượng đế mà ra, chứ không đổ tội cho kẻ yếu thế hơn như Satan chẳng hạn.”

“Còn anh? Anh cho rằng cái ác từ đâu mà ra?”

“Từ tim con người.”

“Tim bơm máu, David ạ.”

“Em hiểu anh muốn nói gì mà. Tâm lý. Một cái giếng tắm tối nơi bản năng nguyên thủy hòa trộn với trí thông minh con người. Nơi người ta thấy con người có thể hung bạo đến mức thật khó tưởng tượng ra những mưu ma chước quỷ đằng sau nó. Anh muốn nói, hãy nhìn vào những gì đã xảy ra với ông em đi.”

Rachel siết chặt cánh tay tôi và nhìn tôi với vẻ khản khoản gần như khôn cùng. “Vào cái ngày ông em bị giết, có một khoảnh khắc ông em đã có thể giết thẳng lính gác đó. Lúc ấy chỉ có ba tù nhân với một tên lính gác ở mỏ đá vắng vẻ. Chỉ còn một ngày nữa thôi là người Mỹ tới. Nhưng ông đã không làm điều đó.”

“Tại sao không?” tôi hỏi, sững sờ vì cảm xúc mãnh liệt của nàng.

“Em nghĩ ông biết một điều mà chúng ta đã quên.”

“Điều gì?”

“Rằng nếu anh cầm lấy vũ khí của kẻ thù, anh sẽ trở nên giống chúng. Jesus biết điều đó. Gandhi cũng vậy.”

“Ngay cả khi con trai anh đứng đó bên cạnh anh? Cần anh che chở? Anh vẫn phải nhẫn nhịn, và chịu hy sinh ư?”

“Anh không phạm tội giết người,” Rachel kiên quyết nói. “Nếu ông em giết thẳng lính gác đó thì đêm ấy ông và cha em đã có thể bị hành hình rồi. Chúng ta không thể biết được tương lai. Đó là lý do khiến việc em làm hôm qua khiến em sốc đến thế. Em đã nhặt khẩu súng của anh và bắn vào đồng loại. Thật sự em đã làm gì khi hành động như thế?”

“Em đã cứu mạng anh. Cả mạng em nữa.”

“Trong một thời gian.”

Tôi siết chặt tay nàng. “Chúng ta còn sống đây, Rachel. Và anh tin mình có việc hệ trọng phải làm trước khi chết.”

“Em biết anh tin điều đó.”

Một anh chàng tiếp viên hàng không bỗng xuất hiện ngay bên chúng tôi trên lối đi giữa. Tôi không muốn ngược nhìn lên, nên ra hiệu cho Rachel quay lại.

“Sao ạ?” Rachel hỏi, giọng ngái ngủ.

“Các vị có muốn ăn tối không ạ?”

Nàng quay lại nhìn tôi, tôi gật đầu. “Có,” nàng nói. “Cám ơn.”

Người tiếp viên liếc xéo tôi một cái rồi bước đi.

Rachel nín thở. “Anh nghĩ gì vậy?”

“Anh không biết. Nghe có vẻ kỳ, nhưng có lẽ hẳn muốn kiểm tra xem có thật chúng ta định ngủ qua cả bữa tối không.”

Nàng lắc đầu. “Em không thể.”

“Có, em có thể. Chúng ta ổn rồi.”

“Còn sân bay Tel Aviv thì sao?”

“Chúng ta sẽ qua đó an toàn.”

“Anh làm sao biết được.”

Tôi vuốt nhẹ má nàng và nói với niềm tin tưởng mà tôi không biết là mình có. “Anh biết chắc chắn. Có điều gì đó đang chờ anh ở Jerusalem.”

“Điều gì?”

“Một câu trả lời.”

Chú Thích:

1. Bác sĩ, nhà văn, triết gia người Mỹ gốc Ấn.

2. Kinh sách Do Thái giáo.

CHƯƠNG 28

White Sands, New Mexico

Ravi Nara tăng ga chiếc Honda ATV của y và chạy đến nơi mà đội ngũ kỹ thuật của Godin bị lừa đến mức gọi là bệnh viện. Không khí New Mexico làm cổ họng y khô rát, ánh mặt trời thiêu đốt khiến nhà thần kinh học kiệt quệ đến nỗi y cố ở trong bóng râm càng nhiều càng tốt. Một nhân viên kỹ thuật mặc áo choàng trắng đi ngang qua đường giờ tay chào y. Nara giận dữ đạp phanh rồi lại phóng thẳng.

Y đã phải căng óc ra nói chuyện với John Skow qua điện thoại bằng chiếc di động được đổi tần số để tránh nghe trộm mà tay nhân viên NSA đưa cho y. Nhưng Godin đã cận kề cái chết, y đành phải liều. Skow đã thẳng thừng rằng nếu Godin chết trước khi Trinity trở thành hiện thực thì sự nghiệp của cả lũ đi tong, mà có khi cả tính mạng nữa. Zach Levin, kỹ sư trưởng của Godin đã dự báo rằng nguyên mẫu Trinity có thể hoạt động hết chức năng trong vòng từ bảy đến mười ngày nữa. Nhưng dự tính ấy dựa trên cơ sở là bản thân Godin còn tiếp tục tham gia. Ravi biết, giữ cho Godin sống thêm hai mươi bốn giờ nữa là may lắm rồi.

Y ngờ rằng khó có bác sĩ nào từng làm việc căng đến thế để giữ cho bệnh nhân sống. Mới ba mươi sáu tuổi, Ravi Nara đã là một bác sĩ được trọng vọng. Ở quê hương Ấn Độ, y được đối đãi như một anh hùng, dù đã nhập quốc tịch Mỹ. Nhưng nếu Trinity thất bại dưới bóng đen vụ scandal sát hại người đồng đoạt giải Nobel thì không gì có thể cứu vãn danh tiếng của y được nữa.

Y lại nghĩ không biết có ai nghe lén cuộc điện đàm giữa y và Skow không. Tội an ninh ở Bắc Carolina này hung tợn lắm, nhưng White Sands là lãnh địa chết tiệt của quân đội. Đến giờ y vẫn chưa chạm trán người nào. Có lẽ sự xa khuất của chốn này khiến bọn an ninh bớt hoang tưởng hơn.

White Sands lớn hơn cả Delaware và Rhode Island gộp lại. Khoảnh đất được rào riêng cho khu vực nghiên cứu của Trinity giống như một nốt ruồi trên con voi trắng, nằm trong một vùng rộng lớn do trường Tình báo Quân đội ở căn cứ Huachuca, bang Arizona quản lý. Trước khi Nara viếng thăm cơ sở này, Godin đã mô tả điều kiện sống ở đây “khắc nghiệt như trại lính Sparta”. Là một kiều dân ở New York, Nara đã nghĩ Bắc Carolina là nơi xa xôi hẻo lánh. White Sands là chốn khỉ ho cò gáy, một quang cảnh trên mặt trăng với toàn núi đá và thạch cao trắng, chỉ có rắn đuôi chuông làm bạn. Y ngờ mình sẽ gặp những người da đỏ phi ngựa qua đụn cát, đuổi theo sau là đám cao bồi trong phim của John Ford, nhưng bọn họ không xuất hiện.

Tổ hợp Trinity được bố trí kiểu đơn giản hình học. Có bốn tòa nhà chính là: phòng thí nghiệm nghiên cứu, bệnh viện, khu quản trị và nhà Cách ly. Còn có doanh trại, xưởng máy, trạm phát điện lớn, và một đường băng cho máy bay phản lực quân sự lên xuống. Những tòa nhà ấy không thật sự là nhà, mà chỉ là những kho chứa máy bay được cải tạo lại do các kỹ sư quân đội lắp ghép cấp tốc trong có năm tuần lễ. Chỉ có nhà Cách ly là khác. Đó là nơi đặt nguyên mẫu Trinity.

Ravi trông thấy tòa nhà lạ bên phải y, đứng tách riêng ra ở khoảng giữa của tổ hợp. Được xây dựng giống như boong ke thời Thế Chiến II, nhà Cách ly có những bức tường bê tông dày mét hai, được gia cố bằng thép tôi và được bọc chì. Nó được trang bị bốn dây cáp điện khổng lồ, hai đường ống nước, và một hệ thống điều hòa không khí dân dụng. Không có đường dây điện thoại, cáp truyền hình đồng trục và mạng lưới cáp hạng năm chạy vào tòa nhà ấy. Không có giàn ăng ten hay chảo parabol nhô lên từ nóc nhà, như ở mọi tòa nhà khác. Tòa nhà Cách ly giống như một kiến trúc được xây để giữ Harry Houdini(1), nếu Houdini có thể tự số hóa và chuồn qua dây thép hoặc đường truyền tín hiệu. Nếu nguyên mẫu Trinity hoạt động hoàn chỉnh, không ai - kể cả Peter Godin - muốn nó được kết nối với Internet.

Hôm nay Ravi đã tránh vào viện. Godin đã cận kề cái chết từ nhiều tuần nay, nhưng cách đây hai hôm lão bắt đầu trượt nhanh hơn về cõi vĩnh hằng. Ravi tin rằng cái chết của Fielding gây ra điều này, một sự cần thiết đã man đã giáng cho lão già cú đòn nặng hơn chờ đợi. Tất nhiên việc Fielding chết đã cho họ có được viên pha lê, như vậy mọi nghi ngờ về tính đúng đắn của việc giết ông ta là không cần thiết.

Chỉ vài giờ sau khi lấy được viên pha lê, họ đã khôi phục được tất cả những gì Fielding đã phá mất, và sau khi khám phá ra công việc độc lập mà Fielding đã làm, họ thấy mình chỉ còn cách thành công về mẫu máy khả thi trong gang tấc. Nhưng nỗi phẫn chí vì thành công bị cắt ngang bởi vấn đề Tennant và bác sĩ tâm thần của hắn ta. Có lẽ việc xử lý chuyện này đã khiến Godin gục, nhưng theo các phân tích cuối cùng thì chính bệnh ung thư đã đôn ngã lão, như nó giết bất kỳ ai có khối u ác tính như vậy.

Ravi đậu chiếc ATV của y trước bệnh viện được cải tạo từ kho chứa máy bay, rồi bước vào trong. Kho được chia làm nhiều “phòng” bằng những vách ngăn, không gian nào có trần - kể cả phòng tắm - nên mùi khó chịu liên tục lan khắp tòa nhà không trừ chỗ nào. Peter Godin không phải bận tâm về điều ấy. Lão chiếm một căn phòng kín gió có áp suất dương mà không một tác nhân lây nhiễm nào có thể lọt vào. Được cung cấp nước và không khí lọc, căn phòng plastic có biệt danh Bong bóng giống như một chiếc lồng ấp giữa tòa nhà này.

Để Ravi và các y tá khỏi mất thời gian mặc quần áo bảo vệ, gần cửa Bong bóng có lắp đặt bộ khử trùng bằng tia cực tím. Để tự tiết trùng, Ravi chỉ cần rửa tay, đeo mặt nạ rồi đứng trước bức xạ đủ lâu để quần áo và da sạch hết các vi sinh vật nguy hiểm. Quá trình này chỉ mất hai phút, nhưng gần đây nó khiến Ravi cáu kỉnh. Tất nhiên y vẫn không thể trách Godin. Steroid và hóa học trị liệu đã hạ gục hệ miễn dịch của ông già, và Godin muốn cái điều mà mọi người từ ngàn xưa đã muốn: đánh lừa thần chết.

Đèn cực tím kêu vo vo cuối cùng đã tắt. Ravi giẫm chân lên một công tắc kích hoạt cho cánh cửa sập bằng thủy tinh plexi của Bong bóng mở ra rồi bước vào trong. Godin nằm bất tỉnh trên giường bệnh, xung quanh la liệt các màn hình và thiết bị hồi tỉnh. Thân thể lão bị đường truyền tĩnh mạch trung tâm xuyên vào và được đấu nối với màn hình bằng những sợi dây dẫn mảnh. Cái đầu chỉ huy của lão chẳng nổi bật hơn màu trắng của tấm ga trải giường lão nằm là mấy.

Hai nữ y tá túc trực bên giường bệnh, theo dõi sát sao mọi thay đổi nhỏ nhất trong trạng thái bệnh nhân. Ravi gạt đầu với họ, rồi rút bệnh án ra khỏi khe kẹp cuối giường đọc qua loa. U thần kinh đệm thân não, di căn, không mổ được. Y đã làm chẩn đoán này cách đây sáu tháng, khi lần đầu xem ảnh chụp não Godin qua Siêu-MRI. Thật kỳ quái khi nhìn thấy khối u phát triển bên trong một khối óc thuộc hàng tài năng nhất trên trái đất. Khi Godin yêu cầu Ravi giữ kín bệnh ung thư của lão, Ravi đã không do dự. Tiết lộ tình trạng Godin có thể chấm dứt cơ hội tham gia vào nỗ lực khoa học vĩ đại nhất lịch sử của y. Tất nhiên Ravi ra giá cho sự cộng tác của mình. Điều đó đúng thôi. Peter Godin quá giàu, Ravi Nara khá nghèo. Sự mất cân bằng này vì thế được đưa ra thảo luận, giá ở mức vừa phải. Tuy nhiên khoản tiền mặt và cổ phiếu Ravi đã nhận được lúc này trở nên quá tầm thường khi phải đối mặt với các nguy cơ.

“Ravi?” ông già thều thào. “Cậu đấy à?”

Ravi ngược lên khỏi bệnh án và thấy đôi mắt xanh sắc lạnh dán chặt vào y.

“Sao tôi thấy mệt thế này?” Godin hỏi.

“Có lẽ do tai biến ngập máu.” Godin vẫn còn bị động kinh từ khi tiếp xúc trực tiếp với Siêu-MRI.

Ravi bước quanh giường và nhìn vào khuôn mặt chảy nhão. Godin trước đây là một trong những người mạnh mẽ nhất mà y từng biết, thế mà căn bệnh ung thư đã làm lão suy sụp như một gã ăn mày hèn phở. Mà không... điều đó không hoàn toàn đúng. Không gã ăn mày hèn phở nào có được Ravi Nara và

một tài sản hữu như vô tận để níu giữ sự sống. Ngay cả khi cận kề cái chết, khi tóc và lông mày rụng hết, Godin vẫn giữ được vẻ mặt nhìn nghiêng như chim ưng từng khiến chàng kỹ sư thiết kế máy tính trẻ tuổi năng động ngày đó nổi bật đến thế những năm cuối thập niên năm mươi, và năm thập kỷ sau đó.

“Khối u của ông đã phát triển rất nhanh, Peter ạ. Đến lúc này tôi chỉ có thể làm được bấy nhiêu thôi. Đó là trận chiến giữa việc giữ cho ông tỉnh, và giữ cho ông khỏi đau để hoạt động.”

“Mẹ kiếp cơn đau.” Godin nắm bàn tay sưng tấy của mình thành quả đấm. “Đau tôi chịu được.”

“Đêm qua ông đâu có nói thế. Đêm qua ông bảo mặt ông cháy rất còn gì.”

Godin rùng mình. “Bây giờ tôi đang tỉnh. Gọi Levin đến đây cho tôi.”

Zach Levin đã từng là trưởng phòng R&D trong công ty Siêu máy tính Godin tại Mountain View cho đến khi anh ta được đưa đến Bắc Carolina để điều hành đội Giao diện, đơn vị chịu trách nhiệm giao tiếp với máy tính Trinity. Levin là một gã ba mươi lăm tuổi cao ráo, da tái, tóc sớm bạc. Giống như sếp của mình thời còn sung mãn, Levin hình như có thể sống mà không cần ngủ.

“Tôi sẽ gọi anh ta vào,” Ravi nói.

Godin giơ tay lên, “Anh có tin gì về Tennant và Weiss không?”

“Từ lúc ở ga Liên Hiệp không còn dấu vết gì của chúng nữa.”

Lão già nhắm mắt thở dài khò khè, một dấu hiệu của điều đang chờ đợi lão trong tương lai gần. “Cô ta đã bắn Geli à?”

“Vâng, họ nói chính Weiss đã bắn.”

Godin cau mày, nửa dưới khuôn mặt lão nhăn nhúm khủng khiếp. Mặc dầu sống cùng vợ gần như cả đời nhưng lão không có con cái và luôn thể hiện tình thương của một người cha với Geli Bauer. Ý nghĩ này khiến da Ravi sồn lên; cứ như là tình cha con với rắn hổ mang vậy.

“Geli sao rồi?” Godin hỏi.

“Tôi nghe nói đã hoàn toàn khỏe mạnh. Người ta đã chuyển cô ấy đến Walter Reed. Chính bố cô ấy đã bố trí việc đó.”

Godin thoáng cười. “Nếu nó biết chuyện đó, chắc nó đã chẳng đi.” Nụ cười biến mất đột ngột. “Anh nghĩ Tennant đang mưu toan gì ở Washington? Tổng thống vẫn còn ở Trung Quốc kia mà.”

Ravi ước giá như y biết. Trong phần lớn dự án, tay bác sĩ nội khoa này làm y đầu đầu nhất. Che giấu bệnh ung thư với dân ngoại đạo không khó khăn gì, thế nhưng Tennant luôn lưu ý Godin về việc trọng lượng tăng giảm bất thường, về dáng đi trở nên lòng không tập tễnh và những thay đổi trong cơ thể do steroid gây ra. Có thể giải thích đó là do chứng viêm khớp mãn tính của lão, tuy vậy trong sáu tuần gần đây Ravi vẫn buộc phải cách ly Godin khỏi Tennant.

“Tôi không biết, Peter ạ. Tôi cũng lo lắm.”

Khi một y tá đến cho Godin uống ngụm nước, Ravi ước lượng thời gian sống còn lại của lão già kiên cường này. Điều này không dễ. Từ nhiều năm nay Ravi đã không làm việc trực tiếp với bệnh nhân, và Godin với loại u này đã vượt quá thời gian có thể sống theo bảng tuổi thọ trung bình. Tiên lượng thời gian sống của bệnh nhân trong trường hợp này là một kiểu bói theo điềm báo, mà những bác sĩ như Tennant rất giỏi việc này. Nhiều năm kinh nghiệm lâm sàng cho họ cái linh cảm về sống và chết. Nhưng bất kỳ một bà mụ nào cũng làm được điều đó.

Tiếng vo vo và tia sáng tím lóe lên khiến Ravi quay đầu lại. Qua lớp cửa trong suốt của Bong bóng, y trông thấy Zach Levin đang đứng trước đèn khử trùng bằng tia cực tím.

Phần lớn thời gian Levin ở luôn trong phòng bê tông của nhà Cách ly, nhưng anh ta dường như luôn cảm nhận được lúc nào thì Godin tỉnh lại. Levin và các kỹ thuật viên của anh ta giống như một đoàn tăng lữ, chăm sóc chu đáo sự phụ của mình trong giờ phút lâm chung, cũng như đón nhận tác phẩm của ông ta khi nó vừa ra đời. Những tăng lữ của khoa học, Ravi nghĩ. Cái thuật ngữ mới mâu thuẫn làm sao. Y vừa vẫy Levin vừa nghĩ, Mày làm tao rồ đến chịu nổi rồi.

“Levin đến rồi,” Ravi nói, cố rặn ra một nụ cười.

“Tôi còn tỉnh được bao lâu nữa?” Godin hỏi.

“Cho đến khi nào không thể chịu nổi cơn đau thì thôi.”

“Trên đường ra cậu bảo Levin vào đây.”

Ravi cố nuốt giận. Cả cuộc đời y luôn là một thần đồng, thế mà trong vòng sáu tháng nay y có cảm giác như một viên ngọc y hầu vua. Cuộc sống của y bị chế ngự bởi tính khí thất thường của một bạo chúa. Y giẫm chân lên nút bấm để mở cánh cửa sập và bước ra khỏi Bong bóng.

Zach Levin gật đầu chào y từ nơi lắp đèn khử trùng. Về mặt kỹ thuật, Levin và nhóm của anh nằm dưới quyền điều khiển của Ravi. Nhưng phần cứng và phần mềm của máy tính Trinity quá phức tạp nên y không thể hy vọng hướng dẫn đâu ra đấy cho người của Levin, ngoại trừ những vấn đề liên quan trực tiếp đến bộ não. Ngay cả khi họ đến hỏi y những câu hỏi về thần kinh hệ, y cũng cảm thấy như bị họ lợi dụng hơn là cần nghe y giảng giải. Họ bơi như một đàn cá piranha qua trí tuệ của y và ngấu nghiến những gì họ cần cho cuộc hành trình vào mê cung của những mẫu thần kinh...

“Ông ấy sao rồi?” Levin hỏi to.

Đèn cực tím kêu vo vo rồi tắt lịm.

“Ông ấy đang tỉnh đấy,” Ravil nói. “Minh miễn.”

“Tốt. Tôi có tin hay cho ông ấy đây.”

Nhưng không phải cho tao, Ravi cay đắng nghĩ. “Cậu đã đặt thêm câu hỏi nào cho mẫu Tennant chưa?”

Levin có vẻ đang cân nhắc câu trả lời. “Tôi đã kết xuất mẫu bác sĩ Tennant khỏi máy tính cách đây một giờ rồi.”

“Ai bảo cậu làm thế?”

“Thế anh nghĩ là ai?”

Godin.

“Vào lúc này,” Levin nói, “vận hành hết chức năng Trinity quan trọng hơn bất cứ nguy cơ gì bác sĩ Tennant gây ra cho dự án.”

Ravi cũng cảm thấy như thế, nhưng y không muốn tay kỹ sư này biết. “Làm sao mà việc kết xuất mẫu Tennant ra khỏi máy tính lại giúp cậu làm được điều đó?”

“Peter cho rằng một số vấn đề chúng ta gặp phải có nguyên nhân lượng tử. Ông ấy nghĩ biết đâu Andrew Fielding có thể giúp chúng ta.”

“Fielding ư? Cậu muốn nói cậu đã tải mẫu thần kinh của Fielding vào máy mẫu?”

“Đúng thế.”

“Cậu thật sự tin rằng mẫu thần kinh của ông ta sẽ giúp các cậu giải quyết nốt những vấn đề còn lại à?”

“Nói cho đúng ra, tôi không biết tại sao mẫu thần kinh của ông ta lại hoạt động khác mẫu của bác sĩ Tennant. Nhưng đây là một vấn đề thú vị. Tiến sĩ Fielding đang nghiệm cùng những thách thức mà Tennant đã trải qua - khủng bố, hỗn loạn, vòng phản hồi trong cuộc sống sinh học có những lối thoát bị cân bằng sai - nhưng ông ta hình như đã thích hợp với chúng ở tốc độ nhanh hơn nhiều.”

Ravi rùng mình. Levin nói cứ như Fielding còn sống vậy. “Cậu nghĩ điều đó có nghĩa gì?”

Chàng kỹ sư nhún vai. “Có thể chẳng là gì cả. Nhưng những điều mê tín của Godin đã ứng nghiệm quá nhiều lần nên không thể nào bỏ qua. Và chính cái công trình được lưu trữ trong tinh thể của Fielding đã đưa chúng ta đi xa đến thế. Nếu các vùng xử lý trong mẫu thần kinh của ông ta hoạt động với hiệu quả cao hơn của bác sĩ Tennant... thì có thể còn là cả một trận đấu mới.”

Trống ngực Ravi đập dồn. “Nếu điều ấy xảy ra thì hậu quả sẽ ra sao?”

Levin không trả lời.

Ravi cảm thấy muôn tít vào mặt gã cao to này, nhưng hàm ý của những điều vừa biết đã đẩy suy nghĩ ấy ra khỏi trí óc y. “Được, cứ tiếp tục đi.”

Nụ cười ngạo nghễ của Levin cho Ravi biết lúc này lời nói của y chẳng có tí trọng lượng nào.

Ravi bước ra khỏi tòa nhà, leo lên chiếc ATV và nổ máy. Nếu những gì Levin nói là đúng, thì cú điện y gọi cho Skow là quá sớm. Trinity sẽ nhanh chóng trở thành hiện thực, bất chấp cái chết của Godin. Và nếu điều đó xảy ra, nó sẽ làm thay đổi mọi chuyện. Thay vì đi tìm kẻ chịu tội, tổng thống sẽ tìm những bộ ngực để gắn huân chương lên. Và nếu Ravi đi đúng nước cờ, y sẽ là người đứng ở hàng đầu.

Trong khi chạy xe về văn phòng của mình, y liếc nhìn lại khu Cách ly. Chôn nửa mình trong cát, khỏi nhà bê tông ấy toát ra cái cảm giác quyền lực mà y chưa từng thấy ở nơi nào khác trên thế giới. Y đã từng trải qua cảm giác khó chịu trong các nhà máy điện hạt nhân, nhưng những nguy hiểm của một phản ứng hạt nhân còn đo đếm được. Ngay cả kịch bản tồi tệ nhất cũng có thể dự liệu, vì dù nguy hiểm đến đâu thì nhiên liệu hạt nhân cũng còn tuân theo quy luật tự nhiên.

Trinity sẽ khác hẳn.

Cách cơ sở này tám mươi cây về phía Bắc, vụ nổ hạt nhân đầu tiên trên trái đất đã biến nền sa mạc thành thủy tinh. Robert Oppenheimer kinh hoàng đứng nhìn trần trời vào mắt quả cầu lửa sinh ra từ đó, nhưng nỗi khiếp hãi của ông là nỗi khiếp hãi về bản thân cũng như về cỗ máy ông đã chế ra. Nhưng nếu máy tính bên trong tòa nhà Cách ly đạt hết tiềm năng của nó - nếu mọi vấn đề được giải quyết, và mẫu thần kinh đạt được hiệu suất 90 phần trăm - thì sáng tạo của Godin sẽ biến thứ đồ chơi chết người của Oppenheimer thành trò trẻ con. Vì khi con người nhìn vào mắt của Trinity, Trinity sẽ nhìn lại. Và nó sẽ biết nó đang nhìn cái gì.

Một hình thức thấp hơn của sự sống.

Chú Thích:

1. Harry Houdini (1874-1926): nhà ảo thuật huyền thoại người Mỹ gốc Hung.

CHƯƠNG 29

Tôi thức dậy thấy chiếc áo thun đầm đìa mồ hôi mà chẳng biết mình đang ở đâu. Một mảng dính phủ trên mặt tôi, và một người đàn bà tóc sẫm nằm cạnh tôi trên giường. Tôi biết đó là đàn bà nhờ hình dáng bờ vai. Ánh nắng chiều lọc qua rèm rọi xuống bên trái tôi, rớt xuống hai chiếc va li đặt song song trên sàn nhà. Tôi bắt đầu nhớ ra... Jerusalem.

Một giấc mơ đã khiến tôi thức dậy, một giấc mơ không bình thường. Tôi chỉ thấy có một khuôn mặt đàn ông ghé xuống hôn tôi. Cảnh tượng khiến tôi rùng mình, nhưng tôi cố hết sức đẩy nó ra khỏi trí óc. Những người lính, tôi nhớ, những người lính đeo gươm. Tôi đang đứng trong bóng tối, dưới tán cây trong khu vườn thơm ngát. Quanh tôi, người ngủ la liệt dưới đất. Tiếng ngáy của họ làm tôi cảm thấy cô đơn. Một nỗi sợ chiêm ngự tôi, nỗi sợ cái chết đang đến gần. Tôi nghe phía bên phải có tiếng rung chuyển, rồi giữa đám người đang ngủ, những người lính vùng đứng lên, quát tháo và lục soát các lùm cây. Một người khoác áo choàng từ trong bóng tối bước đến gần tôi. Tê điếng như trong cơn ác mộng, tôi đứng đó trong khi người kia hôn lên má tôi. Môi hẩn nhớt và lạnh. Khi hẩn rời ra, những người lính tóm cổ tôi...

Rachel chui xuống dưới chăn. Tôi nhìn đồng hồ. Ba giờ rưỡi chiều, giờ Israel, trước New York bảy tiếng đồng hồ. Không thể tin được! Chúng tôi đã ngủ liền tù tì gần mười tám tiếng. Tôi nhắc điện thoại bên cạnh giường gọi phục vụ, yêu cầu đặt một chiếc xe với người lái biết tiếng Anh. Giá là 130 shekel(1) một giờ. Rachel cựa quậy khi tôi nói nhưng vẫn không tỉnh dậy.

Mình nên đi một mình, tôi nhìn xuống nạng và nghĩ. Nhưng ngay lúc đó hiện ra hình ảnh tôi ngã bất tỉnh trên đường phố, lịm đi trong giấc mơ của cơn ngủ kịch phát. Không thể liều thế được. Tôi bước vào buồng tắm đứng dưới vòi hoa sen.

Israel chẳng có gì giống với những giấc mơ của tôi. Từ lúc bước xuống sân bay Ben Gurion ở Tel Aviv, chúng tôi bị choáng ngợp bởi vẻ hiện đại từ mọi phía. Radio, máy dò kim loại, súng liên thanh, mùi xăng máy bay. Chúng tôi đi từ Tel Aviv đến Jerusalem bằng sherut, một loại xe tải nhỏ sáu chỗ. Tôi im lặng suốt quãng đường, đôi khi Rachel phải bám vào tay tôi để chắc tôi còn tỉnh táo. Nàng có thể thấy tôi bị mất phương hướng, vì quang cảnh ngoài xe không phải những gì tôi mong đợi sẽ được thấy.

Thế nhưng khi đến gần Jerusalem, tôi bị thu hút bởi quang cảnh Thành Cổ trên những sườn đồi, cổ kính ban sơ trong ánh nắng chiều tà, và nỗi thất vọng của tôi nguôi ngoai dần. Những gì tôi đến tìm đang chờ tôi sau những bức tường thành cổ xưa kia.

Khi chúng tôi đến khách sạn thì trời đã xẩm tối. Chúng tôi nói số hộ chiếu của mình cho lễ tân rồi theo cùng hành lý lên tầng sáu. Phòng thì sạch nhưng hơi nhỏ. Chúng tôi định ra ngoài ăn tối, nhưng khi vừa ngồi xuống giường để lấy lại hơi thì cảm giác lệch múi giờ và mệt nhọc sau hai ngày vừa qua ập lên người chúng tôi. Rachel còn ngủ được một chút trên máy bay, chứ tôi thì không. Sự ấm áp và yên tĩnh trong căn phòng khách sạn này như chất ma túy rớt vào mạch máu tôi. Tôi ăn một quả cam Rachel mua ở Bel Gurion rồi chìm ngay vào quên lãng. Chỉ có giấc mơ về khu vườn mới có thể lôi tôi ra khỏi tình trạng ấy.

Tôi khóa vòi nước, lau khô người rồi trở lại phòng. Rachel đã lật sấp người. Đôi vai trần của nàng lộ ra dưới làn vải trải giường. Tôi bước đến cửa sổ, vén rèm hy vọng nhìn thấy Thành Cổ, nhưng những khối nhà lô nhô đã che mất tầm mắt.

Tôi bước lại giường và lay tay Rachel. Nàng không phản ứng. Tôi lại lay nữa. Nàng chớp mắt mấy lần rồi chống khuỷu tay nhòm dậy.

“Cái đồng hồ kia có đúng không?”

“Đúng. Xe sắp đến rồi.”

Hình như điều đó làm nàng không vui. “Anh vẫn muốn đi ngay hôm nay sao? Đã muộn rồi mà.”

“Anh mới có một giấc mơ khác.”

“Mơ về cái gì?”

“Vườn Gethsemane(2).”

Nàng ngả lưng xuống giường và ngó trần nhà. “Chuyện này về niên đại đi xa hơn tất cả những giấc mơ trước của anh, đúng không?”

“Đúng. Sự kiện Gethsemane bắt đầu quá trình đếm ngược đến vác thánh giá. Anh phải đến Thành Cổ. Anh không thể chờ đến mai được.”

Nàng kéo chăn quấn quanh người, rồi đứng lên nhìn vào mắt tôi. “Em nghĩ anh nên để đến ngày mai.”

“Tại sao?”

“Chúng ta đang bình an trong căn phòng này. Ta đến được đây đã là một phép màu rồi, em nghĩ ta cần thời gian hồi phục sau tất cả những gì đã trải qua.”

“Nhưng giấc mơ của anh...”

Nàng cúi xuống cầm tay tôi. “Không có chuyện gì xảy ra cho anh đâu, David ạ. Ngay cả nếu giấc mơ của anh là vác thánh giá thì cũng không có chuyện gì đâu. Anh ở đây với em, em biết cách chăm sóc anh mà.”

Nàng thả nốt bàn tay kia vào tay tôi, và tấm ga rơi quanh chân nàng. Tôi cố tránh nhìn, nhưng nàng cố ý muốn tôi nhìn.

“Rachel, anh phải đi ngay hôm nay.”

“Chúng ta có thể đi, nhưng không phải ngay bây giờ.” Nàng ngả đầu vào ngực tôi và vòng tay ôm tôi. “Trời đất không sụp đổ ngay đâu nếu chúng ta dành vài phút cho nhau.”

Nàng hôn má tôi, rúc vào cổ tôi và kéo tôi áp sát eo nàng. Con người nghề nghiệp của nàng bong ra như lớp da chết của rắn. Người đàn bà mới mẻ này là một khám phá đối với tôi, và tôi thêm muốn nàng. Tôi cúi xuống khuôn mặt đương ngược lên mà hôn nàng. Đôi môi nàng ấm và mềm, không có gì giống đôi môi trơn nhợt trong giấc mơ của tôi. Nhớ về chuyện đó khiến tôi thoáng rùng mình.

Nàng buông ra và nhìn vào mắt tôi. “Anh sao vậy?”

“Anh ổn mà.” Tôi nhào ra hôn nàng lần nữa.

“Anh không ổn đâu, anh vẫn sẽ không ổn chừng nào cái vụ Jesus này chưa yên hẳn.”

Chuông điện thoại reo, cả hai chúng tôi cùng giật mình.

Tôi nhắc máy. “A lô?”

“Có xe rồi, thưa ngài,” một giọng nặng trĩu cất lên.

“Cám ơn.” Tôi bỏ máy.

Tôi chưa kịp giải thích gì thì Rachel đã hôn lên má tôi, rồi quay đi và bắt đầu mặc quần áo.

Tài xế của chúng tôi là một ông già có ria mép người Palestine tên là Ibrahim. Ông ta nói tiếng Anh rất khó khăn, nhưng hiểu chúng tôi muốn đến Thành Cổ, và chỉ cần đưa chúng tôi đến cổng Jaffa là được. Khi chúng tôi đến gần những bức tường đá bạc phếch vì nắng gió, tôi có cảm giác mình đã đến chỗ này rồi. Đằng sau bức tường kia, nơi ký thác đẫm máu của lịch sử, có một bí mật cho riêng tôi. Trong hai ngàn năm nó nằm đợi, tàng ẩn trước con mắt của những người đến với xẻng, bàn chải đánh răng, giũa và tấm xia răng. Bí mật ấy là gì, tôi chưa biết, nhưng tôi sẽ biết khi tìm thấy nó.

“Anh muốn bắt đầu từ đâu?” Rachel hỏi.

“Ngày cuối cùng của Jesus.”

“Vâng,” Ibrahim nói, quay lại nhìn tôi. “Núi Olives, vườn Gethsemane, nơi hành hình.”

Một chiếc mô tô gầm lên giận dữ lao vút qua mặt chúng tôi.

“Nơi hành hình à?” tôi hỏi.

“Tiếng Hebrew là Golgotha, tiếng Latin là Calvary. Nơi Jesus vác thánh giá.”

“Đấy đúng là chỗ chúng tôi muốn tới.”

“Nhà thờ Mộ Chúa. Chín trạm thánh giá ở bên ngoài và năm ở bên trong nhà thờ. Tôi sẽ đưa các vị đến đó ngay bây giờ.”

“Ta đến đó làm gì?” Rachel hỏi tôi.

Tôi cảm thấy có một luồng hơi nóng tràn qua người, khiến tôi hầu như ngạt thở. “Anh không biết.”

“David, có chuyện gì thế?” Nàng đặt tay lên trán tôi. “Anh đang sốt.”

Ba mươi giây trước tôi còn khỏe, nhưng nàng nói đúng. “Chúng ta phải nhanh lên.”

Ibrahim cho xe vào bãi đỗ, vừa lúc có một chiếc Citroen lùi ra. Một xe buýt du lịch to tướng chắn hết ánh sáng phía sau chúng tôi.

“Chúng ta đậu xe bên ngoài tường thành à?” Rachel hỏi.

“Vâng,” Ibrahim trả lời. “Theo lệ phải đi bộ từ chỗ này. Các vị hãy nhìn các cột mốc của thành phố.”

“Nhà thờ có xa không?”

“Mộ Chúa? Như ngày hôm nay, thì đến Via Dolorosa(3) mất nửa giờ, có thể hơn một chút.”

Rachel có vẻ nghi ngại. “Ông có thể đưa chúng tôi đến gần hơn được không?”

“Ngài đây bị ốm ạ?”

Rachel ngần ngừ. “Vâng. Anh ấy đến Jerusalem với hy vọng nó sẽ giúp anh ấy khá hơn.”

“À. Nhiều người bệnh đến mộ Chúa để hôn phiến đá nơi ngài phục sinh.”

“Ông có giúp chúng tôi được không?”

“Dạ được chứ. Xin trả thêm một trăm shekel, tôi sẽ đưa ông bà đến đó rất nhanh.”

Ibrahim lùi xe, nhấn còi và tăng ga lao đi, hứng trọn tràng chửi của một bà trùm khăn kín mít phải né nhanh mới tránh bị cái chắn bùn trước va vào người. Một luồng hơi nóng mới lại cuộn trào trong tôi, tôi sợ lần này mình sẽ ngất mất.

“Ngủ rũ phải không?” Rachel hỏi.

“Không. Khác.”

“Chúng ta nên quay lại khách sạn.”

“Không. Via Dolorosa.”

“Via Dolorosa,” Ibrahim nhắc lại. “Đoạn đường Đau khổ. Người Cơ đốc giáo ở đây gọi nó Đường Hoa. Trạm đầu tiên Jesus bị kết tội chết, trạm thứ hai, người bị buộc vác thánh giá, trạm thứ ba, người vấp ngã lần đầu, trạm thứ tư.”

Tiếng người hướng dẫn trở nên o o trong tai tôi, tôi không còn theo dõi được nữa. Mồ hôi nhỏ từng giọt, và tôi bỗng cảm thấy ớn lạnh. Khi xe lao qua đường phố chật hẹp, tôi nhìn những bức tường đá, cửa chớp sáng màu, quầy hàng trong chợ treo đầy đồ trang trí linh kinh, và các đoàn du khách bận trang phục của hàng trăm dân tộc khác nhau. Ibrahim hạ kính xuống chửi mắng một người nào đó, và mùi hoa nhài thơm nức tràn vào xe. Khi mùi hương xộc vào mũi tôi, bỗng nhiên tôi cảm thấy phờ phơ kỳ lạ, rồi mọi vật trở nên trắng xóa.

Chú Thích:

1. Đơn vị tiền tệ Israel.

2. Khu vườn dưới chân núi Olives ở Jerusalem, nổi tiếng là nơi Jesus cùng các môn đồ của ông cầu nguyện vào đêm trước ngày vác thánh giá.(Luke 22.42-44) Theo giáo hội Chính giáo Đông Âu, vườn này là nơi các Thánh tông đồ chôn cất Đức Mẹ Đồng trinh.

3. Tiếng Latin có nghĩa là “Đoạn đường Đau khổ”. Một đoạn đường trong Thành Cổ Jerusalem. Từ

thế kỷ 18 nó được coi là đoạn đường Chúa Jesus vác thánh giá đến nơi hành hình.

CHƯƠNG 30

“David, dậy đi, chúng ta đến nơi rồi.”

Ai đó lay vai tôi. Tôi chớp mắt ngồi dậy. Rachel đang nhoài người ra cửa sau xe.

“Chúng ta đang ở đâu đây?”

“Vía Dolorosa. Đó là một bức tranh siêu thực đang chuyển động. Anh còn muốn xem không?”

Tôi chui ra khỏi xe và sợ hãi đứng nhìn đám đông du khách, trong số họ có bốn người đang khiêng trên vai những thánh giá lớn bằng gỗ. Hai người có lẽ sẽ đóng vai Jesus mặc áo choàng trắng, những người khác mặc quần áo đường phố. Các thánh giá đều có gắn bánh xe để dễ di chuyển mà theo tôi thấy nó khiến việc khiêng vác trở nên không cần thiết.

“Anh có nhận ra điều gì trong các giấc mơ của anh không?” Rachel hỏi.

“Không. Chúng ta đi thôi.”

Ibrahim dẫn chúng tôi đi trên con đường trải sỏi, luồn lách qua đám khách du lịch với vẻ khéo léo thuần thục. Tôi đã chờ đón nhận một không khí sùng kính, nhưng không khí ở đây lại giống trong rạp xiếc hơn. Một mớ hỗn tạp đủ thứ giọng vang dội giữa các bức tường: tiếng Đức, Pháp, Anh, Nga, Hebrew, Ả Rập, Nhật và Ý, và đó lại chính là những thứ tiếng tôi có thể nhận biết. Một người đầu húi cua nói giọng Alabama đang say sưa thuyết giảng với một nhóm hành hương Nhật Bản. Ibrahim nói luôn miệng suốt cả quãng đường bằng thứ giọng đều đều vô cảm hình thành qua nhiều năm hành nghề hướng dẫn.

“Gượng hăng,” Rachel nói, chặn ông ta lại. Nàng quay sang tôi, “Anh muốn xem cái gì?”

“Chúng ta đang ở đâu đây?”

Ibrahim mỉm cười. “Thưa ngài, chỗ cánh cửa xanh trên kia là trường O maria, trạm đầu tiên của đường thánh giá, nơi Chúa Jesus bị kết tội chết.”

“Anh có muốn xem chỗ đó không?” Rachel hỏi.

“Không. Trạm thứ hai là gì?”

Ibrahim chỉ tay xuống dưới con đường trải sỏi dẫn đến bức tường gạch hình bán nguyệt. “Đây là nơi Jesus bắt đầu mang thập giá. Cuối phố là nhà nguyện Flagellation, nơi bọn lính La Mã quất roi lên Jesus, ấn lên đầu Người vành gai, và nói, ‘Chào! Vua của dân Do Thái!’ Sau đó Pilate dẫn người đến trước đám đông dân chúng và kêu lên: ‘Ecce homo! Các người hãy nhìn con người này!’ ”

Ibrahim cung cấp thông tin này với vẻ phấn khích của một người đọc số trò bingo ở viện dưỡng lão.

“Đi tiếp đi,” tôi nói. “Đến nhà thờ.”

Người hướng dẫn của chúng tôi tiếp tục đi xuôi xuống phố. Chúng tôi đi qua một cánh cổng màu đen trong vòm cổng bằng đá trắng, và Ibrahim nói gì đó về chuyện Jesus khụy ngã lần thứ nhất. Tôi chăm chăm nhìn cánh cổng mà chẳng cảm thấy gì. Có lẽ những gì tôi đang tìm kiếm nằm ẩn sâu dưới mê cung đường phố, cửa hiệu và mái hiên này. Jerusalem dường như cũng giống Cairo, được dựng trên đồng xương tàn của chính nó, nơi mà bất kỳ công trình kiến trúc mới nào cũng khai quật lên những chương sử đã mai một từ lâu.

Ibrahim dẫn chúng tôi qua một vòm cổng bán nguyệt bằng gạch khác, và bắt đầu bài rao giảng mới của mình. “Đây là trạm thứ năm, nơi bọn lính La Mã bắt Simon xứ Cyrene nâng thánh giá lên vai Jesus.”

Rachel liếc nhìn tôi. “Tiếp tục đi,” tôi nói.

Một thằng bé bán vành gai dạo tươi cười lượn qua. Nó tưởng cái nhìn chăm chú của tôi là dấu

hiệu thích thú, nhưng Ibrahim đã xua nó đi. Khi tôi nhìn mớ vành gai trên tay thẳng bé lúc lắc xuôi con phố, mắt tôi bỗng tối sầm lại, và hai đầu gối tôi mềm nhũn. Rachel lao đến đỡ dưới cánh tay phải của tôi rồi chúng tôi cùng nhau loạng choạng bước theo Ibrahim.

Mấy trạm dừng sau đó mờ mờ ảo ảo những dòng chữ Palestine nhập nhòa hình ảnh kỳ lạ: Nơi đây Veronica đã lau chùi khuôn mặt khổ ải của Jesus, khi ấy chân dung chân thực của Người in hằn một cách kỳ diệu lên tấm mạng. Nơi đây Jesus ngã khụy lần thứ hai... nơi đây Người nói, “Hỡi những người con gái của Jerusalem, đừng khóc vì ta, mà hãy khóc cho chính bản thân và con cái các người...”

Chúng tôi đi qua một nóc nhà và một nhà nguyện tối om, rồi bỗng thấy mình đang đứng trong một cái sân chật cứng người trước nhà thờ Romanesque. Khách hành hương, linh mục, nữ tu đi đi lại lại dưới con mắt canh chừng của hàng chục lính Israel đeo súng máy.

“Đây là nhà thờ Mộ Chúa,” Ibrahim vừa nói vừa vẫy tay về phía tòa nhà. “Do những người Thập tự chinh xây trong năm mươi năm, từ 1099 đến 1149. Ban đầu nhà thờ với hai dãy cột do Nữ hoàng Helena, mẹ của Constantine, xây nên, bà đến đây năm 325 và phát hiện ra những mảnh của chính cây thánh giá trong chiếc hang sâu dưới lòng đất.”

Tôi thất thần nhìn dòng du khách trước cửa nhà thờ.

“Lượng khách du lịch như thế này không đến nỗi tệ,” Ibrahim nói. “Vào mùa này du lịch kém lắm. Chiến sự làm mọi người sợ hãi ai dám đến, ngay cả trong Tuần Thánh. Tốt cho các vị nhưng xấu cho chúng tôi. Ngài vẫn ổn đấy chứ? Tôi có thể kiếm ít nước cho ngài trong khi chờ đợi.”

“Tôi không sao đâu.”

“Anh có thể tựa vào em,” Rachel nói trong khi chỉnh lại dáng đi đi dưới cánh tay tôi. Tôi dựa vào nàng mạnh hơn một chút. “Cảm ơn em.”

Nàng chạm mu bàn tay vào má tôi. “Giá mà em đo được huyết áp của anh lúc này.”

“Phía bên phải cổng vào là trạm thứ mười,” Ibrahim nói. “Tại đó Jesus trút bỏ y phục của Người. Năm trạm thánh giá cuối cùng nằm ngay trong lòng nhà thờ.”

“Thật kỳ lạ, phải không?” Rachel khẽ nói. “Hàng triệu người kéo đến để xem một ngôi mộ rỗng không?”

Cố hết sức tôi cũng chỉ có thể gật đầu.

“Đây là ngôi mộ rỗng duy nhất trong bất kỳ nhà thờ Thiên chúa giáo nào trên thế giới,” Ibrahim nói. “Thiên sứ hỏi các bà Mary, ‘Các người tìm kiếm gì?’ ‘Jesus xứ Narareth,’ họ đáp. ‘Người không có ở đây,’ thiên sứ nói. ‘Người đã phục sinh rồi.’”

Mảnh sân bỗng dưng mờ đi trước mắt tôi, và tôi thấy chân tay mình nhẹ bẫng. Tôi tưởng như đang bồng bềnh trên cánh tay Rachel.

“David?” nàng hỏi. “Anh có nghe em nói không?”

Tôi chớp chớp mắt và thấy mình đang nhìn lên trần nhà bằng đá. “Chúng ta vào trong nhà thờ rồi à?”

“Anh đang mộng du,” nàng thì thầm, mắt nàng đầy vẻ lo lắng. “Phải đưa anh trở lại khách sạn thôi.”

“Chúng ta đã tới đây rồi. Chúng ta làm được rồi. Anh phải nhìn nó.”

“Nhìn gì?”

Giờ thì tôi đã biết. “Ngôi mộ.”

Nàng quay sang Ibrahim. “Mộ Jesus ở đâu?”

“Phía này. Trong nhà thờ này mọi điểm đều gần nhau.” Ông ta chỉ phiến đá cẩm thạch ánh đỏ trên nền nhà. Mấy ông bà bận trang phục đường phố quỳ áp mặt vào phiến đá. Phía trên họ, một người phụ nữ rót thứ nước gì đó lên phiến đá. Một làn hương ngọt đến nôn nao xộc vào mũi tôi.

“Cái gì thế?” tôi hỏi.

“Đá xúc dầu Thánh,” Ibrahim nói. “Nơi thân thể Jesus được xúc dầu và bọc trong tấm vải liệm sau khi Người được hạ từ trên thánh giá xuống.”

Tôi đến gần hơn nhưng không cảm thấy gì. “Có phải đây là phiến đá đầu tiên?”

“Không phải đâu thưa ngài. Phiến đá này có ở đây từ năm 1810 thay thế cho phiến đá từ thế kỷ mười hai. Xa hơn thời điểm đó thì ta không biết chắc. Đi lối này, thưa ngài.”

Ông ta dẫn chúng tôi sang trái vào nhà tròn mái vòm của nhà thờ. Ánh sáng tuôn xuống từ mái vòm rực rỡ màu vàng và trắng. Bên dưới vòm là một tòa kiến trúc đồ sộ hình chữ nhật bằng đá cẩm thạch, thứ đá trông như từng được đóng thùng nẹp đai kim loại dày cộp để chở bằng tàu biển. Trên đỉnh là một cái chóp giống như ở điện Kremlin.

“Đây là cái gì?” tôi hỏi.

“Đây là Mộ Thánh, thưa ngài. Gọi là Edicule, tức là ngôi nhà nhỏ. Vì Jesus là nhân vật cực kỳ quan trọng nên người Byzantine và quân Thập tự chinh đã tiêu tốn vô số tiền bạc để xây ngôi mộ này cho Người. Đây là trạm thứ mười bốn và là trạm cuối cùng của con đường thánh giá. Theo phong tục của dân Do Thái, họ luôn luôn chôn người chết bên ngoài thành phố. Mặt ngoài của đá cẩm thạch đã bị rã ra nên người ta phải dùng đai sắt để nẹp lại. Vào chứ, thưa ngài? Thưa bà, bà đứng vào hàng chứ?”

Ibrahim tiếp tục bài diễn thuyết liên thoảng của ông ta, nhưng tôi đã bị phân tán không còn theo dõi được. Tôi cứ tưởng mộ Jesus phải là một thứ hang động nào đó ngoài trời, chứ đâu phải lăng mộ trong một nhà thờ Trung cổ như hàm ngực thế này.

“Hàng người đang di chuyển,” Rachel nói và đỡ tôi tiến lên.

Chẳng mấy chốc chúng tôi đã đứng trước cửa Edicule. Tại đây Ibrahim nói với giọng kính cẩn mà tôi đã chờ đợi từ đầu.

“Bên trong nhà mồ chúng ta sẽ thấy hai căn phòng. Ta vào thôi.”

Trong phòng đầu tiên chúng tôi thấy một chiếc bục, trên đặt một hộp kính. Trong hộp có một viên đá.

“Phòng này chúng tôi gọi là phòng thiên thần,” Ibrahim nói. “Là nơi người chết đợi để người ta dọn chỗ chôn cất. Ở đây cất giữ một hòn đá lăn, nơi các thiên thần mở cửa mộ để Jesus phục sinh.”

Tôi chú ý đến hai lỗ thủng trên bức tường bên phải. Ibrahim nói, “Khi mọi người không có lửa để châm nến Phục sinh, vị linh mục đứng đây cho họ lửa từ ngọn Lửa Thiêng, châm từ ngọn nến lớn của ông đến các ngọn nến của mọi người.”

Tôi chuyển sự chú ý sang một cánh cửa thấp trong bức tường cẩm thạch dày của ngôi mộ trong. Tôi cúi mình chui qua cửa vào một căn phòng nhỏ bên trong. Một người đàn ông và một người đàn bà đang quỳ gối cầu nguyện trước một thứ có lẽ là bàn thờ bằng cẩm thạch. Họ làm dấu thánh giá lên phiến đá, làm như phiến đá có thể ban phúc khi họ chạm vào. Trên đầu họ là những chùm đèn lồng lầy bằng bạc treo trên dây xích, ánh nến lung linh khắp gian phòng. Những bình hoa hồng bạch tỏa hương thơm hắc trong không gian bé nhỏ.

“David, đây chính là cái anh cất công đến để xem đấy à?”

Tôi khom người chạm vào phiến đá cẩm thạch phía trước hai người đang cầu nguyện. Tôi không biết mình đang mong chờ gì, nhưng đúng là có gì đó. Ở Stonehenge, khi tôi trôi qua hàng rào chắn và chạm tay vào những khối đá sa thạch, tôi đã cảm thấy nhiều hơn thế này. “Không phải ở đây.”

“Sao?”

“Ở đây chẳng có gì xảy ra cả.”

Hai người đàn ông đàn bà đang quỳ ngược lên nhìn tôi, đôi mắt họ mở to.

“Thưa ngài, ngài không được nói thế,” Ibrahim nói sau lưng tôi. “Đây là nơi thiêng liêng nhất.”

“Không phải ở đây,” tôi nhắc lại. Tôi lom khom, vội vã quay trở lại nền nhà mái vòm.

Rachel theo sau tôi. Dòng người xếp hàng đứng đợi nhìn chúng tôi chăm chăm, cảm thấy có chuyện bất ổn. Tôi không quan tâm. Nỗi kinh hoàng bóp nghẹt tim tôi. Bên ngoài trời đã tối mịt mà tôi vẫn chưa tìm thấy cái tôi đến để tìm.

“Nói cho em biết chuyện gì đang xảy ra đi,” Rachel thì thầm.

“Không có gì xảy ra ở đó. Đó không phải nơi cần tìm.”

Một người đứng trong hàng há hốc mồm kinh ngạc.

“Nơi nào?” Rachel hỏi.

Tôi quay sang Ibrahim, lúc này ông ta đang cầm điện đài và hình như đang lưỡng lự không biết có nên kêu gọi giúp đỡ không. “Đó có phải phiên đá đầu tiên không?”

“Không, thưa ngài. Phiên đá cẩm thạch được đặt ở đó để che đậy chính phiên đá xưa kia Jesus đã nằm.”

“Vậy không thể nhìn được phiên đá chính à?”

Mặt người hướng dẫn sáng lên. “Được ạ. Sờ cũng được nữa. Ngài đi theo tôi.”

Ông ta dẫn chúng tôi đi ra phía sau Edicule. Nơi đó có một nhà nguyện nữa, kín đáo hơn, mở về phía nhà vòm. Ở đây màu sắc rực rỡ hơn ngôi mộ đá cẩm thạch mà chúng tôi vừa rời khỏi, với những món trang trí treo tường bằng sắt rèn, và có một người đàn ông râu rìa lờm chờm chăm nom.

“Đây là ngôi mộ thánh nhìn từ phía khác thưa ngài,” Ibrahim thì thầm thì. “Một phần của nhà nguyện Coptic. Coptic là những người Thiên chúa giáo từ Ai Cập đến. Hết sức sùng đạo.”

Ở đây dòng người xếp hàng ngắn hơn nhiều. Nó biến mất vào trong nhà thờ nhỏ hẹp và dừng lại nơi tấm rèm nhỏ che thứ gì đó.

“Thưa ngài, phía sau kia là phiên đá chính nơi chúa Jesus đã nằm, lộ một phần ra ngoài. Nơi đây người có bệnh đến để được chữa, người thương đến để được ban phúc lành.”

Trong khi đợi hàng người di chuyển, da tôi ngứa ran như bị ong châm. Cuối cùng cũng đến lượt tôi. Tôi đi qua tấm rèm, quỳ xuống và đặt bàn tay phải lên phiên đá trần.

“David?” Rachel thì thầm sau lưng tôi.

Tôi lắc đầu. “Không có gì.” Đây là lần đầu tiên trong vòng sáu tháng tôi bắt đầu thật sự nghi ngờ óc tỉnh táo của mình.

“Em nghĩ chúng ta nên về khách sạn thôi,” Rachel nói. “Ibrahim định gọi người giúp đỡ đây.”

Tôi lồm cồm bò lên và ra khỏi nhà nguyện, đầu óc rối loạn. Ibrahim nhìn tôi chăm chăm như thể tôi sắp sửa thốt ra lời báng bổ, cảnh mà hồi trẻ người hướng dẫn du lịch già này có lẽ đã từng thấy. Máy điện đàm vẫn còn trong tay ông ta.

“Cả ở đó nữa cũng không có gì xảy ra,” tôi nói. “Không phải nơi tôi cần.”

“Nhưng thưa ngài, đây là ngôi mộ thánh.”

“Chắc chắn chứ?”

“Vâng... một số tín đồ Tin Lành cho rằng ngôi mộ trong khu vườn bên ngoài thành phố mới là mộ chúa Jesus. Nhưng không có nhà khảo cổ nào tin điều đó. Ngài đã được thấy đúng ngôi mộ thật, thưa ngài.”

Một phụ nữ cao ráo, dung mạo bình thường cầm quyển Thánh kinh Vua James bước ra khỏi hàng trước nhà nguyện và nói bằng tiếng Anh, “Ngôi mộ ở đâu thì có gì quan trọng, hờ người anh em? ‘Người không có ở đó. Người phục sinh rồi.’”

“Điều đó có quan trọng không ư?” tôi hỏi bà ta. “Tất nhiên là quan trọng rồi. Giả thử bà tìm thấy ngôi mộ thật có xương của Jesus trong đây thì sao nào? Đó là sự khác nhau giữa tôn giáo chính thống và chứng phân ly tập thể.”

Người phụ nữ suýt thì ngã ngửa ra sau.

Trông Ibrahim rất kích động. “Thưa ngài! Xin ngài đừng nói những điều như thế ở đây.”

“Anh là người Hồi giáo, Ibrahim, anh không hề tin bất kỳ điều gì ở đây.”

“Làm ơn, ngài...”

Tôi rời khỏi Edicule, không biết nên rẽ lối nào và phải làm gì.

Rachel sánh vai tôi. “David, anh đang tìm kiếm gì?”

“Nơi chúa Jesus phục sinh.”

“Nhưng anh không tin vào Chúa. Làm sao anh tìm được nơi chúa Jesus phục sinh khi anh không tin Chúa có thực?”

Ibrahim đã theo kịp chúng tôi. “Thưa ngài, một số người tin rằng chúa Jesus phục sinh từ cõi chết ở một nơi khác. Tôi sẽ chỉ cho ngài.”

Ông ta dẫn chúng tôi băng qua nhà vòm đến cửa một nhà thờ lớn nằm trọn trong một nhà thờ khác lớn hơn.

“Đây là Catholicon.” Ông ta chỉ tay vào chòm đèn. Bên dưới vòm nhà thờ này là một bồn tắm thạch có tên là Omphalos. Cái rốn của thế giới. Có những người Hy Lạp tin rằng chúa Jesus phục sinh tại đây, và một ngày nào đó sẽ trở lại đây để phán xử thế gian này.”

“Chúng ta có thể đến xem không?”

“Nhà thờ này thường đóng cửa, nhưng tôi sẽ đưa ngài tới đó.”

Ông ta dẫn chúng tôi chui qua dây xích đến chỗ chiếc cốc đá đặt trên nền khảm. Tít trên cao là trần vòm vẽ hình ảnh siêu phàm của Chúa Cơ Đốc với màu sắc nhẹ nhàng. Tôi nhìn xuống bán cầu đá, thực chất là một cái bát lớn. Tôi cúi xuống chạm tay vào nó. Tôi không cảm thấy gì khác hơn là chạm vào bồn tắm cho chim trong sân nhà ai đó.

Rachel lập tức quan sát phản ứng của tôi. “Anh hy vọng điều gì? Một cú điện giật? Hay là một giọng nói từ trên trời vọng xuống?”

Tôi quay sang người hướng dẫn du lịch đang đứng lắc đầu. “Còn chỗ nào tôi chưa được xem nữa, Ibrahim?”

“Còn nhiều lắm. Chỗ quan trọng nhất là Golgotha. Tiếng Latin gọi là Calvary. Nơi chúa Jesus phải vác thánh giá.”

“Ở bên trong nhà thờ à?”

“Tất nhiên, thưa ngài. Xin đi theo tôi.”

Ông ta dẫn chúng tôi qua Catholicon lên một cầu thang dốc. Trong khi bước lên tôi đếm được mười tám bậc. Càng bước lên cao tâm hồn tôi càng ủ ê hơn.

Vào lúc bước lên bậc thang cao nhất, tôi thấy mạch máu mình đập mạnh. Căn phòng chật cứng người, nhưng bên trái tôi, phía trên đầu mọi người, tôi thấy một bức tượng Jesus to bằng người thật treo mình trên cây thánh giá. Có một mảnh vải màu bạc quấn quanh thắt lưng Người và một vương miện cũng bằng bạc trên đầu Người. Không phải pho tượng khiến tôi xúc động, mà là cái gì đó trong chính căn phòng này. Tôi cảm thấy như đang đứng gần dây cáp điện cao thế, và lực tĩnh điện làm mỗi sợi lông trên cơ thể tôi dựng đứng cả lên.

“Cái gì?” Rachel hỏi dồn. “Cái gì thế?”

“Có gì đó trong anh rung lên.”

“Trước đây anh đã từng bị thế. Đó là dấu hiệu ảo giác gây buồn ngủ.”

“Không... lần này khác hơn.”

“Ông Ibrahim?” Rachel hỏi.

“Vâng, thưa bà?”

“Chúng tôi quay trở lại xe đây.”

“Vâng,” ông ta nói như vừa được giải thoát.

Tôi bước ra xa hai người. Bên phải tôi là một bức tranh tường vẽ chúa Jesus nằm trên thánh giá

được đặt ngay trên mặt đất. Mấy người đang đứng trước bức tranh tường tản ra, để lộ ra một căn buồng nhỏ có những tấm bảng được đóng bằng đinh bạc. Khi tôi bước lại gần bức tranh tường, một cơn đau lan tỏa từ bàn tay trái lên đến cánh tay. Trong thoáng chốc tôi nghĩ mình sắp lên cơn đau tim. Rồi cơn đau xuất hiện cả bên cánh tay phải. Tôi co cả hai bàn tay thành nắm đấm, nhưng cũng không khá gì hơn. Tôi quay sang Ibrahim.

“Đây là đâu?”

“Đây là trạm thứ mười một, thưa ngài. Nơi chúa Jesus bị đóng đinh lên thánh giá.”

Tôi rên rỉ.

“Chúng ta phải đưa anh ấy ra khỏi đây ngay,” Rachel nói. “Ông có gọi được người giúp đỡ không?”

“Ông ấy còn đi được,” Ibrahim nói. “Chúng ta đi thôi.”

“Tôi không nghĩ anh ấy đi được đâu.”

Nhiều người trong phòng nhìn tôi chòng chọc như nhìn một kẻ điên.

“Tôi có thể gọi lính gác,” Ibrahim nói. “Nhưng tốt nhất ta không nên làm thế.”

“Không,” Rachel nói nhanh. “Ý tôi là phải đấy. Không cần gọi đâu.”

Một nhóm người hành hương rời khỏi bức tượng chúa Jesus, để lộ ra một bàn thờ trang trí cực kỳ lộng lẫy. Tôi bước đến, dán mắt vào hình Đức Mẹ dát bạc đứng dưới chân Thánh giá. Bàn thờ trước mặt bà hình như được đặt trên một hòm thủy tinh lớn, bên dưới là hòn đá xám xù xì.

“Gì vậy?”

“Golgotha,” Ibrahim trả lời. “Nơi hành hình. Đó chính là mỏm núi nơi đá nứt ra khi máu Jesus chảy từ thánh giá xuống. Rồi sau đó là động đất.”

Một luồng ánh sáng trắng mờ xóa nhòa quanh cảnh trước mắt tôi. Tôi nhìn thấy ngọn núi hiện diện tại nơi này là nhà thờ, một đồi đá trơ trụi bên quả núi rải rác những nắm mồ. Ba cây thánh giá cắm trên đồi nhưng không có ai bị treo trên đó. Bầu trời tối dần rồi trở nên đen kịt, và tôi quỳ phục xuống.

Tôi thấy mình đang trừng trừng nhìn một đĩa bạc sáng lóa có lỗ ở giữa. Chiếc đĩa nằm trên bệ đá cẩm thạch của bàn thờ, cách sàn nhà chừng ba mươi phân. Tôi giơ bàn tay phải run rẩy ra đặt lên chiếc đĩa.

Cơn đau trong tay tôi đột nhiên dịu đi.

“Đây đúng là nơi tôi cần tìm,” tôi nói. “Đây là nơi chúa Jesus già từ cõi đời.”

“Ông ấy nói đúng,” Ibrahim nói. “Chiếc đĩa ấy đánh dấu vị trí cây thánh giá chôn xuống đất. Bên phải và bên trái là những chiếc đĩa đen nơi chôn thập giá của lũ trộm, một là người tốt, một là kẻ xấu. Sau đó, Jesus được đưa vào nhà mồ của Joseph xứ Aramathea, và sống dậy từ cõi chết sau đó ba ngày.”

“Không,” tôi nói.

Mặt Ibrahim trắng bệch. “Thưa ngài, xin đừng nói những điều như thế ở đây.”

“Nói khê thôi,” Rachel cầu khẩn.

“Chiếc lỗ trên đĩa dùng để làm gì?” tôi vừa hỏi vừa xoa bàn tay trên đĩa bạc mát lạnh.

“Ngài có thể thò ngón tay qua lỗ và chạm tới Golgotha. Mỏm đá Calvary.”

Tôi nhắm mắt và thò hai ngón tay qua lỗ. Các đầu ngón tay cào vào mặt đá nhám.

“Trước đây anh đã từng mơ thấy nó phải không?” Rachel hỏi.

Tôi không thể nói nên lời. Có gì đó chảy tràn vào tôi từ tảng đá sống động kia. Giọng Rachel nhạt dần rồi không nghe thấy nữa. Tôi cảm thấy xương cốt tôi đang nhảy múa, đang rung lên đồng cảm với cái gì đó trên trái đất. Đầu tiên là một cảm giác như niềm vui, nhưng khi đến độ mãnh liệt, tôi bắt đầu run rẩy và co giật.

Đây là một cơn tai biến ngập máu, một giọng nói thân quen vang lên trong đầu tôi. Giọng nói y học

của tôi. Co cứng, co giật toàn thân... Qua màn sương mờ của ý thức đang lịm dần, tôi nghe thấy tiếng người la hét bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau. Rồi tôi ngất đi, và Rachel thét lên.

Nền nhà vỡ vào tôi như nước.

CHƯƠNG 31

White Sands

Vào lúc 7:52 phút sáng, giờ tiêu chuẩn miền núi, Peter Godin rơi vào tình trạng nguy kịch. Ravi Nara không có mặt tại kho chứa máy bay dùng làm bệnh viện, nhưng y ngủ ngay gần đó, và chỉ mất chưa đầy hai phút y đã đến bên giường Godin. Y đã chờ cho ông già tịch. Không rẽ tắt dòng để giảm bớt áp suất trong não thất thứ tư thì tràn dịch màng não là không thể tránh khỏi. Nhưng khi y đến Bong bóng, y thấy Godin đang lên cơn nhồi máu cơ tim thông thường.

Hai y tá của Godin đã luôn ống ôxy vào khí quản và một người đang xoa bóp để phục hồi nhịp tim. Ravi đọc điện tâm đồ và xác nhận chẩn đoán của họ: nhịp nhanh thất. Họ đang phải sốc điện vì không thấy mạch của lão. Cần đến hai liều thuốc kết hợp và phải sốc điện 360 jun để đưa tim về nhịp xoang. Ravi lấy máu để kiểm tra các enzym đặc trưng của tim, xem cơ tim đã bị hủy hoại đến mức nào. Sau đó, vì Godin vẫn còn bất tỉnh, Ravi ngồi xuống nghỉ một lát.

Y ghét y học lâm sàng. Luôn thường trực bất ngờ khiến anh phải ngạc nhiên. Godin đã được bắc cầu nối mạch vành cách đây mười lăm năm và được cấy ống dẫn tuần hoàn từ năm 1998. Nguy cơ nhồi máu cơ tim luôn còn đó, nhưng dưới áp lực phải cố sức xử lý u thần kinh đệm thân não, Ravi tạm quên đi nguy cơ về tim. Các y tá đã thấy y ngập ngừng trong khi cấp cứu. Không rõ họ có thể chờ mong gì ở một người được giải Nobel y học. Sau nhiều năm làm việc ở phòng thí nghiệm nghiên cứu, y đã không hành nghề chữa bệnh. Thế thì đã sao? Thậm chí một bác sĩ thú y cũng có thể lập phác đồ xử lý các ca nguy kịch.

Khi một y tá vừa chạm đến ống thở của Godin, ông già cố nói, nhưng cố gắng của lão chỉ tạo nên những tiếng kêu the thé.

Ravi ghé xuống sát tai Godin. “Đừng cố nói, Peter, ông hơi bị loạn nhịp tim, nhưng sẽ ổn định ngay thôi.”

Godin giơ tay đòi vật gì để viết. Một y tá đưa cho lão chiếc bút và giữ một tấm bìa cứng gần sát tay lão.

Godin viết nghệch ngoạc: “ĐỪNG ĐỂ TÔI CHẾT! SẮP THÀNH CÔNG RỒI!!!”

“Ông không chết đâu.” Ravi trấn an lão, mặc dầu chính y còn lâu mới tin điều đó. Giảm ôxy sẽ dễ gây ra cơn tràn dịch màng não chết người mà y đang chờ đợi. Y bóp vai Godin, rồi ra lệnh cho các y tá đặt thông khí. Việc này sẽ làm ông già khiếp sợ, nhưng lão có thể chịu đựng được.

Để tránh sự phản đối của Godin, Ravi rời Bong bóng. Khi y đóng cửa sập lại, y thấy Zach Levin đang lao vào bệnh xá.

“Cái gì thế?” Ravi hỏi. “Đã xảy ra chuyện gì?”

Levin phải dừng lại lấy hơi mới nói được. “Mẫu thần kinh của Fielding đang giải thuật toán cuối cùng! Ông ta đã liên kết được vùng ký ức với vùng xử lý, và đang tạo ra một mạch giao diện hoàn toàn mới. Tôi chưa từng thấy điều gì như thế.”

“Ý cậu muốn nói mẫu thần kinh của Fielding đã làm tất cả những việc đó.”

“Đúng, đúng. Nhưng tôi phải nói cho anh biết, ngay khi cỗ máy mới chỉ vận hành năm mươi phần trăm công suất, tôi đã có thể cảm thấy ông ta ở đó. Cứ như nói chuyện với một người tôi đã từng cùng làm việc suốt hai năm qua. Như thể ông ta đã sống lại vậy.”

“Cậu đã đạt được năm mươi phần trăm công suất?”

Levin cười ngoác miệng. “Và đang tăng lên. Lẽ ra tôi nên tin tưởng hơn vào linh cảm của Godin.”

Ravi cố gắng giấu cơn sốc. Chín mươi phần trăm hiệu suất là điểm mà Godin đã dự tính một mẫu

thần kinh có thể trở thành ý thức đầy đủ - một trạng thái mà lão gọi tên bằng thuật ngữ trạng thái Trinity.

“Cậu vừa bảo ‘nói chuyện’,” Ravi nói to suy nghĩ của mình. “Hay là bộ đồng bộ hóa giọng nói đã làm việc? Fielding nói với cậu à?”

“Ông ta cố gắng nói. Ông ta không thể giải thích việc ông ta đang làm. Nhưng hiệu quả đang tăng lên vững chắc. Chúng tôi đã đặt được lịch trình xác định.”

Bất chấp hoàn cảnh cá nhân phức tạp, Ravi vẫn không chế ngự nổi cơn phẫn khích. “Bao lâu?”

“Mười hai đến mười sáu tiếng.”

“Đến trạng thái Trinity ấy à?”

Levin gật đầu. “Và tôi cá sẽ ngắn hơn mười hai tiếng. Chúng tôi đã đưa một nhóm trực đến nhà Cách ly.”

Ravi nhìn đồng hồ. “Cậu chắc chắn chứ?”

“Chắc như mọi việc đã làm ở công trình này. Tôi phải đi báo cho Godin biết chuyện đang xảy ra.”

Ravi không muốn Godin nghe chuyện này cho đến khi y nói cho Skow biết. “Cậu không vào ngay bây giờ được. Ông ấy không nghe được đâu. Peter lên cơn nguy kịch cách đây hai mươi phút.”

Levin cứng người lại cảnh giác. “Ông ấy chưa chết chứ!”

“Chưa. Nhưng đang được thông khí.”

“Có tỉnh không?”

“Không đủ tỉnh để hiểu cậu nói. Mà ông ấy cũng không nói được.”

“Nhưng ông ấy phải biết việc này! Nó sẽ tăng bội ý chí chiến đấu của ông ấy.”

Ravi cố tỏ vẻ đồng cảm. “Ông ấy chưa bao giờ thiếu cái đó.”

“Đúng. Nhưng việc này sẽ làm thay đổi tất cả.”

“Rất tiếc, Levin. Tôi không thể cho cậu vào được”

Levin khinh bỉ nhìn xuống Ravi. “Anh không thể có một quyết định như vậy được. Hạn chế Godin tiếp cận với những thông tin vô cùng trọng yếu ư?”

“Tôi là bác sĩ của ông ấy.”

“Vậy thì anh đang làm một việc chó đẻ. Chẳng cần phải là bác sĩ mới biết điều tốt nhất ta có thể mang lại cho sức khỏe của Godin hiện giờ là cho ông ấy biết thông tin này.”

Levin quay đi và bước tới bộ khử trùng cực tím. Ravi định cãi nhưng người kỹ sư đã ấn nút khởi động, làm cho cuộc đấu khẩu trở nên vô ích.

Nếu Levin cứ khăng khăng vào Bong bóng, Ravi không thể ngăn cản anh ta. Godin có thể gọi anh ta bất cứ lúc nào.

Ravi hồi hải chạy ra cửa. Y cần báo với Skow ngay lập tức. Bởi vì Zach Levin có lý: nếu chỉ còn mười hai đến mười sáu tiếng nữa Trinity trở thành hiện thực, Godin gần như chắc chắn còn sống để thấy điều đó. Và như thế mọi chuyện sẽ thay đổi. Skow đang lập kế hoạch cho tổng thống thấy thất bại của Trinity, đổ mọi trách nhiệm lên đầu Godin, và dùng Ravi để giúp gã làm việc đó. Nếu Skow đi quá xa, và Godin vào giờ thứ mười một đưa ra được chiếc máy tính cách mạng mà lão đã hứa hẹn - thì Ravi sẽ rơi vào tình trạng hiểm nghèo. Peter Godin sẽ không nhẹ tay với kẻ phản bội. Lão sẽ tự đưa ra phán quyết của mình. Hình ảnh Geli Bauer lướt qua đầu Ravi. Hú hồn là ả đang nằm viện ở Maryland.

Jerusalem

Rachel ghì chặt thành xe cấp cứu khi nó chạt vật nhúc nhích giữa dòng giao thông tắc nghẽn. David nằm bất tỉnh trên tấm băng ca đặt trên sàn xe. Người hộ lý ngồi phía sau biết tiếng Anh đủ để trò chuyện với Rachel, nhưng anh ta chỉ có thể nói rất ít, thậm chí còn nói ít hơn về tình trạng bệnh nhân của anh ta.

Khi David gục ngã trong nhà thờ, Rachel biết ngay rằng anh bị tai biến ngập máu. Nàng quỳ xuống

đờ lấy đầu anh khỏi đập xuống sàn, nhưng đó là tất cả những gì nàng có thể làm được. Việc nạn nhân tai biến tự nuốt lưỡi mình chỉ là chuyện tưởng tượng, nếu thò tay vào mồm để ngăn có thể mất ngón tay như chơi. Ibrahim đã dùng điện đàm gọi cấp cứu, nhưng Rachel có cảm tưởng ông ta đã gọi trước đó rồi.

Đám lính Israel nhanh chóng chạy đến lập hàng rào quanh nhà nguyện. Lúc xe cấp cứu đến, cơn tai biến của David đã qua, nhưng anh vẫn chưa tỉnh. Các hộ lý đo đường huyết của anh, thấy mức glucose vẫn bình thường. Trong trường hợp hôn mê, đây là giới hạn những gì họ có thể làm tại chỗ, nên họ lắp nẹp cổ cho anh, đặt anh lên cáng, rồi gọi lính khiêng anh ra xe cấp cứu trong sân.

Khi họ luồn lách qua phố xá, tâm trí Rachel lướt nhanh qua các nguyên nhân có thể gây hôn mê. Nguyên nhân thông thường nhất là hạ đường huyết, nhưng David không có tiền sử lạm dụng chất gây nghiện. Đầu anh chạm đất không mạnh lắm nên không thể bị chấn thương, bốn mươi một tuổi thì cũng khá lớn tuổi để mắc chứng động kinh khởi phát muộn, mặc dầu nàng đã nghi ngờ điều đó ngay từ khi nghe về chứng ảo giác. Ravi Nara đã loại trừ bệnh động kinh, nàng nhớ lại.

Một cơn đột quỵ có thể gây tai biến và hôn mê, nhưng rất hiếm. Đầu độc? Nàng nghĩ đến chất bột trắng trong chiếc phong bì Fielding gửi qua FedEx. Liệu có thứ chất độc nào lẫn trong “cát” mà các nhà khoa học ở trường Duke không tìm ra? Có khả năng là virus viêm não ở phía Tây sông Nile chẳng? David có thể từng bị muỗi đốt ở Tennessee mà mãi đến bây giờ mới phát bệnh viêm não? Anh cũng có thể nhiễm vi khuẩn viêm màng não ở sân bay Kennedy. Có thể là ung thư não, nhưng nếu thế thì Siêu-MRI của Trinity đã phát hiện ra rồi.

Ngay cả khi Rachel cố ghi nhớ để thuật lại tất cả cho bác sĩ trực cấp cứu, nàng vẫn còn tự mắng mình vì khi điều trị cho anh, nàng đã không kiên quyết yêu cầu David đi khám tổng quát. Thật ra, nàng đã rất kiên quyết. Nhưng David đã từ chối.

Chiếc xe cấp cứu cuối cùng cũng thoát ra khỏi đám đông và tăng tốc lên một đường đồi xanh tươi đến một khu nhà trông như pháo đài. Trên mái nhà chỉ chít ăng ten và ăng ten vệ tinh còn nhiều hơn ở một đài truyền hình.

“Kia là bệnh viện đây à?” Rachel hỏi.

Người hộ lý gật đầu. “Hadassah. Bệnh viện tốt nhất đây.”

Xe dừng lại trong sân tiếp nhận bệnh nhân bằng bê tông, và những người hộ lý đẩy xe David vào phòng cấp cứu. Họ không mất thời gian xếp theo thứ tự ưu tiên; mà đưa ngay anh vào phòng điều trị. Rachel đã nói với họ nàng là bác sĩ nên họ cho nàng vào theo. Nàng lấy ghế ngồi sát tường và nhường chỗ cho họ làm việc.

Một y tá kiểm tra ven của David, rồi chuyển từ ôxy trong chai rời sang ôxy của bệnh viện. Một người khác cởi quần áo cho anh và nối những đầu dây của màn hình máy điện tim vào ngực anh. Nhìn thấy David nằm trần trụi bất lực, Rachel đau đớn đến nỗi cái vỏ giáp nghề nghiệp cũng không che giấu nổi. Nàng nhặt chiếc túi bao tử cùng quần áo của anh bỏ vào một túi nylon.

Một người đàn ông mặc đồ trắng đến trước cửa, nói tiếng Hebrew với mấy người hộ lý. Ông ta liếc nhìn Rachel, rồi bước vào yêu cầu nàng tóm tắt chuyện xảy ra ở nhà thờ bằng thứ tiếng Anh nặng trĩu. Nàng làm theo và cung cấp tiền sử bệnh lý của David đầy đủ nhất trong chừng mực nàng biết.

Anh đã bất tỉnh ba mươi phút. Đa số bệnh nhân bị co cứng, co giật toàn thể thì sau chừng ấy thời gian cũng phải tỉnh rồi. Vị bác sĩ ra lệnh xét nghiệm máu; chụp X-quang lồng ngực và xương cổ, chụp CT để loại trừ nguyên nhân đột quỵ, u, xuất huyết dưới màng nhện; và lấy tủy xem có viêm màng não không.

Sau khi y tá lấy mẫu máu, một hộ lý chuyển anh vào buồng X-quang chụp CT, mất gần một tiếng. Khi trở lại phòng điều trị, anh vẫn còn mê man. Tiếp đó, một bác sĩ trực cấp cứu khác chích đốt sống. Dịch lấy ra từ xương sống có áp suất bình thường, và Rachel dễ thở hơn hẳn khi nhìn thấy chất dịch

trong. Có nhiều khả năng chỉ là nhiễm trùng.

Bước tiếp sau là tham chiếu thần kinh, và từ giây phút này Rachel bắt đầu hoảng sợ. Một bảng tham chiếu thần kinh có nghĩa là cho nhập viện, kèm theo những câu hỏi về bảo hiểm y tế và thanh toán tiền. Trong hai túi bao tử có 15.000 đô la, nhưng nàng không muốn bị nghi ngờ khi phải xuất ra số tiền mặt lớn như vậy. Nàng suýt nữa thì ôm lấy bác sĩ trực cấp cứu khi ông ta thông báo rằng khoa thần kinh không còn giường trống. David sẽ ở lại khoa cấp cứu.

Một nhân viên kỹ thuật điện não đẩy một chiếc máy di động vào để làm điện não đồ cho David, Rachel nhận thấy ngay anh ta rất sắc sảo. Anh ta tắt hầu hết các thiết bị điện trong phòng rồi mới tiến hành làm điện não đồ, như vậy loại trừ tất cả các nguồn gây nhiễu và khiến điện não đồ dễ đọc hơn.

Khi điện não đồ hiện ra, kỹ thuật viên tỏ vẻ căng thẳng, và Rachel hiểu ngay lý do. Não David chỉ hiện sóng alpha có tần số và biên độ không đổi. Kỹ thuật viên viên nhoài người vỗ tay gần tai phải của David, nhưng các sóng alpha vẫn đồng bộ. Chúng chẳng thay đổi gì cả.

Tim Rachel chùng xuống. David đang rơi vào tình trạng gọi là hôn mê alpha. Rất ít bệnh nhân tỉnh dậy sống sót sau cơn hôn mê alpha.

“Chị là bác sĩ phải không?” kỹ thuật viên hỏi khi nhận thấy nét mặt Rachel.

“Vâng.”

Ánh mắt anh ta dịu lại. “Tôi rất tiếc.”

Khi anh ta dợm tắt máy, Rachel thấy một sóng theta xuất hiện trên màn hình.

“Đợi chút!” nàng kêu lên, đoạn giơ tay chỉ.

“Tôi thấy rồi.”

Sóng theta tăng đều về biên độ. Sau đó một vài sóng beta xuất hiện.

“Anh ấy đang mơ,” Rachel nói, thấy khó mà tin được điều đó. “Có phải anh ấy chỉ đang ngủ không?”

Kỹ thuật viên cầu tay David. Không có phản ứng gì. Anh ta ghé xuống sát tai và gào lên, “Dậy đi!”

Không có gì xảy ra.

“Không phải anh ấy đang ngủ,” kỹ thuật viên trầm ngâm nói. “Nhưng những sóng theta này rõ ràng đang mạnh lên.”

“Anh nghĩ chuyện gì đang xảy ra?”

“Anh này chắc chắn đang bị hôn mê alpha. Nhưng não anh ấy đang hoạt động thì phải. Làm gì thì tôi không biết.” Kỹ thuật viên bước ra cửa rồi quay lại nhìn Rachel.

“Tôi cứ để máy hoạt động và đi mời một bác sĩ thần kinh xuống đây. OK?”

“Cảm ơn anh.”

Nàng ngồi một mình bên giường, tay run rẩy khi nhìn màn hình. Cho đến khi nhìn thấy sóng theta đó, nàng vẫn đinh ninh là David chết. Bây giờ nàng chẳng biết chuyện gì đã xảy ra. Nhưng có gì đó đang xảy ra trong đầu anh. Có thể anh đang bị ảo giác trong hôn mê giống như những khi anh bị chứng ngủ rũ quật ngã? Cũng có thể anh không hề hôn mê? Đôi khi có bệnh nhân trông như bị hôn mê trong khi thật ra anh ta đang bị một cơn tai biến nhỏ. Thế nhưng điện não đồ không thể hiện điều này. Nó thể hiện trạng thái hôn mê alpha, ngắt quãng bởi sự xâm nhập không giải thích được của sóng theta và beta.

Nàng không muốn nghĩ David đã làm những gì trước khi bị tai biến, nhưng lại không thể bắt mình ngừng suy nghĩ. Trong không gian âm u thời trung cổ của nhà thờ Mộ Chúa, anh đã đi tìm dấu tích của cuộc đời Jesus trên trái đất. Hay nghĩ về cái chết của anh. Anh đã khinh thường những địa điểm truyền thống mà khách hành hương thường sùng kính - phiến đá xúc dầu, bản thân ngôi mộ, nhưng đến chỗ đánh dấu nơi Jesus chết trên thánh giá, anh đã quỳ sụp xuống mà kêu lên, “Chính là chỗ này đây.” Đúng lúc đó bắt đầu tai biến.

Sự cố này chắc hẳn đã bắt đầu từ trước đó. Khi David ngắm bức tranh tường mô tả cảnh Chúa Jesus bị đóng đinh trên thánh giá, anh siết chặt hai nắm tay lại, như thể bàn tay bị đau. Điều gì diễn ra trong tâm trí anh lúc đó? Anh thật sự tin mình là Chúa Jesus ư? Anh hoàn toàn tin tưởng điều đó đến nỗi cảm thấy các vết thương của Jesus? Nàng từng nghe nói có những trường hợp tâm trí sinh ra đau Chúa, nhưng nàng chưa bao giờ thực sự tin. Phải chăng lần này nàng đang chứng kiến một chuyện tương tự?

Nàng nắm chặt bàn tay mềm rũ của David. Mặc xác các điện não đồ, nàng ngờ rằng anh sẽ mở mắt. Thế nhưng mắt anh vẫn nhắm. Nàng thầm cảm ơn thượng đế vì bác sĩ cấp cứu đã chỉ định chụp CT thay vì MRI. Làm thế nào nàng có thể khuyên ông ấy đừng áp dụng phương pháp xét nghiệm hình ảnh mà ông tin là vô hại với bệnh nhân? Làm thế nào nàng có thể bảo vệ cho David khỏi mọi thứ ở đây? Nàng không biết kẻ thù của mình như thế nào. Người duy nhất nàng nghĩ có thể trả lời về tình trạng hôn mê lạ lùng của David là Ravi Nara. Nhưng theo David, Nara chính là một trong số kẻ đang tìm cách giết họ.

“Tỉnh dậy đi, David,” nàng dịu dàng nói bên tai anh. “Lạy Chúa, hãy tỉnh dậy đi.”

CHƯƠNG 32

White Sands

Ravi Nara đậu chiếc ATV của y bên ngoài nhà chứa máy bay dùng làm bệnh viện và bước tới cửa. Trong túi y là một ống tiêm chứa kali clorua đủ để kết liễu trái tim yếu đuối của Godin không kém gì một viên đạn.

Y ngập ngừng trước cửa tòa nhà, không sao mở ra được. Y đã mất cả giờ đồng hồ tự lên dây cót tinh thần cho cuộc viếng thăm này, và nếu không có sự đe dọa của Skow, thì y sẽ không đi xa đến thế. Bọn họ đang theo dõi mình từ xa ở một nơi nào đó, y nghĩ. Tiến lên.

Y bước vào tòa nhà, khoác lên mình chiếc áo choàng thí nghiệm mới tinh, bước đến máy khử trùng, rồi giẫm chân lên công tắc trên sàn để mở cửa. Ánh sáng cực tím cường độ cao chiếu lên y từ mọi phía. Y đứng trong ánh sáng màu tía rực rỡ, chầm chầm nhìn qua cửa Bong bóng. Các y tá của Godin ngồi như lũ chó canh cửa ở hai bên giường. Hoặc lão hoặc ta, y tự nhủ. Nhớ điều Skow nói...

Tay NSA không hét lên vui mừng khi biết rằng máy tính có thể đạt tới trạng thái Trinity trong vòng mười hai giờ. Gã chỉ hỏi Godin còn sống được bao lâu nữa. Khi Ravi đáp là còn hơn mười hai tiếng, Skow bảo y rằng không thể để điều ấy xảy ra.

“Tại sao không?” Ravi hỏi mà sợ rằng chính y đã biết câu trả lời.

“Bởi vì như thế là quá trễ,” Skow cau kinh. “Tổng thống đã gọi cho tôi từ Trung Quốc, ông ấy rất phiền lòng về tình hình Tennant. Rất nghi ngờ nữa. Tôi phải nói với ông ấy điều gì đó nghe có lý mới được.”

“Ý anh là nói sai sự thật.”

“Chính xác. Tôi nói với ông ấy rằng Peter ốm suốt từ bấy đến giờ, và tôi e rằng ông ta phải chịu trách nhiệm về cái chết của Fielding. Tôi bảo Godin đã biến mất, và rằng có thể có một cơ sở nghiên cứu bí mật ở đâu đó. Lúc này FBI đang lục tung tổ hợp máy tính siêu hạng ở Mountain View.”

Ravi nhắm mắt và cầu mong đây chỉ là ác mộng. Trong phòng hội nghị ở Bắc Carolina, quyết định kết liễu đời Fielding dường như là một hành động chính thức của chính phủ. Trinity tồn tại để củng cố vị thế chiến lược của Mỹ trên thế giới. Fielding đã phá hoại sự tiến triển của nó. Nhưng khi người ta bóc trần lớp vỏ giả dối, thì vụ “thanh toán” Fielding sẽ trở ra là một vụ giết người.

“Ravi?”

“Tôi đây.” Y biết Skow sắp yêu cầu y điều gì. Và y ghê sợ nó.

“Anh biết phải làm gì mà.”

Ravi cố chống đỡ lần cuối. “Anh nói nếu chúng ta khởi động được Trinity thì sẽ không còn ai quan tâm đến chuyện có ai đã chết để hiện thực hóa nó cơ mà.”

“Đó là trước khi có vụ rắc rối với Tennant. Chúng ta đã phải nổ súng ở Washington, giờ ả. Tôi đã vẽ nên Tennant như một tên tâm thần nguy hiểm, nhưng không sao. Ta đã có chứng cứ y học trợ giúp.”

“Những vấn đề đó là của anh chứ đâu phải của tôi.”

Skow bình tĩnh nói, lời lẽ của gã làm Nara ớn lạnh. “Anh không phải là người duy nhất biết mình có dự phần vào cái chết của Fielding. Tôi có băng ghi âm giọng anh. Những chứng cứ đổ tội. Tất cả chúng ta đều cùng chung một con thuyền, Ravi ạ. Anh, tôi, Geli Bauer, và cả tướng Bauer nữa. Nếu tất cả chúng ta đều kể cùng một câu chuyện thì không ai động đến ta được. Nhưng Peter phải chết.”

Ravi đau khổ nhắm mắt lại.

“Tính mạng của chúng ta nằm cả trong tay anh, Ravi ạ. Chỉ vài giây can đảm là anh lại trong sạch hoàn toàn.”

Trong sạch ư? y nghĩ. Mình không bao giờ trở lại trong sạch được nữa.

Việc giết Godin có trái đạo đức không? Lão cũng chỉ cách cái chết tự nhiên vài giờ nữa, nếu không có Ravi, lão đã chết trước đây mấy ngày rồi. Godin cũng ra lệnh giết Fielding mà chẳng thấy ăn năn gì. Hơn nữa, có một thực tế gần như tuyệt vời là giết chết Godin về mặt sinh học không thực sự chấm dứt cuộc sống của lão. Chừng nào các mẫu thần kinh của lão còn tồn tại, thì trí não và nhân cách của lão có thể phục sinh trong máy tính Trinity.

Vấn đề bây giờ không phải là đạo đức, mà là cơ hội. Khi một con người đã đến bờ thập tử nhất sinh như Godin, có đến dăm bảy cách để đẩy lão xuống vực. Nhưng các y tá của Godin không rời lão nửa bước. Ravi đã thử tìm cách điều họ đi hai lần trong ngày; lần nào họ cũng rút điện thoại di động trong túi ra gọi các y tá đang ngủ dậy trợ giúp.

Sau khi xem xét nhiều phương án, Ravi đã chuẩn bị chiếc xi lanh chứa kali clorua này. Để làm lệch hướng, y sẽ nhấn nút báo động trên màn hình rồi tiêm kali clorua vào tĩnh mạch. Theo sau là thông báo nguy kịch, và Godin không thể sống sót.

Đèn cực tím kêu vo vo rồi tắt. Ravi trông thấy bóng áo trắng mờ mờ của các y tá qua cửa kính bằng thủy tinh plexi của Bong bóng.

Con mẹ Geli Bauer ở chỗ quái quỷ nào không biết, y nghĩ. Công việc này hoàn toàn thích hợp với ả.

Ravi mở cửa sập bước vào rồi đứng sững, cổ họng y nghẹt lại. Đứng cạnh các y tá của Godin là Geli Bauer. ả mặc đồ đen từ đầu đến chân, trông ả vẫn đầy nguy hiểm như lần cuối y gặp ả ở Bắc Carolina.

“Chào Ravi,” ả nói. “Anh có vẻ ngạc nhiên khi thấy tôi.”

Ravi không thốt nên lời. Geli mặc một chiếc gi lê chống đạn bên ngoài bộ áo liền quần màu đen, thắt lưng nặng trĩu súng lục, súng điện và dao găm.

Godin bám công tắc nâng nửa trên của chiếc giường lên, mắt lão nhìn Ravi chăm chú. Chỉ đến lúc này Ravi mới nhận ra lão đã thôi không thở oxy nữa.

“Cậu có gì muốn nói hả Ravi?” ông già hỏi.

“Tôi ngạc nhiên thấy Geli đã bình phục,” y lắp bắp. “Tôi nghe nói cô bị thương ở cổ.”

Geli mỉm cười, kéo cổ lọ màu đen xuống để lộ ra một dải băng trắng. “Chỉ là một vết sẹo mới bổ sung vào bộ sưu tập của tôi thôi. Nhóm phẫu thuật cho tôi rất giỏi.”

Tim Ravi đập mạnh vào xương ức. Geli làm cái quỷ gì ở White Sands này? Tại sao ả lại bảo vệ Godin. Theo Skow cho biết, ả đã chấp nhận việc giết Godin là cần thiết và cùng bàn bạc kế hoạch với Skow cơ mà.

Ông già có vẻ thích thú trước vẻ bối rối của Ravi. “Này, tôi đây, từ cõi chết trở về đây.” Lão nói the thé. “Họ bảo lần này là bệnh tim.”

“Nhịp nhanh thất,” Ravi khẳng định.

“Tôi nghe nói chính các y tá đã cứu sống tôi.”

Giờ Ravi chỉ nghĩ đến chiếc xi lanh trong túi. Y cảm giác chắc chắn lúc này Geli sẽ bước tới khám xét y, lấy chiếc xi lanh ra mà bơm vào tĩnh mạch y.

“Họ đã làm mọi việc một cách hoàn hảo,” Ravi nói.

Godin gật đầu. “Cậu cũng đã làm thế chứ, Ravi? Nếu cậu ở một mình với tôi?”

Bụng Ravi quặn lên. “Tôi không hiểu, Peter. Tất nhiên tôi cũng sẽ làm thế.”

Godin phớt lờ câu trả lời. “Về phần Geli... tôi muốn cô ấy ở bên cạnh. Tôi thấy an toàn khi có cô ấy ở bên.”

Đôi mắt xanh sắc lạnh chòng chọc nhìn Ravi với vẻ tàn nhẫn. “Anh làm gì ở đây, bác sĩ Nara?”

“Tôi đang hy vọng có thể giúp ông thoát khỏi ống thở. Nhưng tôi thấy các y tá đã làm việc đó rồi.”

Godin liếc nhìn Geli. Hai người hình như đang có một trò chơi ngầm.

Ravi cố tìm lý lẽ đỡ cho câu nói dối của mình. “Levin nói với tôi máy tính có thể sắp đạt tới trạng thái Trinity. Tôi biết ông muốn mình càng tỉnh táo càng tốt khi điều đó xảy ra.”

“Và tất cả là nhờ Andrew Fielding,” Godin nói. “Sự mỉa mai thật ngoạn mục.”

Ravi lo lắng liếc nhìn Geli. “Đó là một phép màu, Peter ạ. Ông sẽ sống để xem mơ ước của mình thành hiện thực.”

Godin khép mí mắt chỉ còn ti hí. “Thật ư? Gần đây anh có nghe tin Skow không?”

Huyết áp Ravi tụt mạnh. “Sáng nay tôi có gọi cho anh ấy. Anh ấy vui mừng lắm. Anh ấy sắp bay đến đây.”

Godin khịt mũi. “Anh ta muốn có mặt vào thời điểm sáng tạo ra đời?”

“Tôi đoán thế. Ý tôi là, tất nhiên anh ấy muốn thế.”

Sự yên lặng tiếp theo gần như không thể chịu nổi. Ravi không sao dám nhìn vào mắt Geli. Y đang tìm cơ chuẩn thì Godin hỏi, “Tôi còn được bao lâu nữa? Trong trường hợp xấu nhất?”

Ravi quá khiếp sợ nên không thể nói bất cứ điều gì ngoài sự thật. “Ông có thể bị nguy kịch trong vòng nửa giờ nữa. Nếu ông bị nghẹn thức ăn, sẽ gây ra một đợt tràn dịch màng não nguy hiểm.”

Godin nghiêm trang gạt đầu. “Lâu nhất tôi có thể sống được bao lâu?”

“Có thể... hai mươi bốn giờ.”

Ravi dồn hết can đảm bước đến giường. “Tôi muốn làm một khám nghiệm nhanh, nếu ông không phản đối.”

Geli chặn đường y. Ắ không lộ vẻ đe dọa công khai, nhưng chính cử chỉ của ả tỏ ra nguy hiểm. Ravi khó lòng tin y đã có lần mơ làm tình với ả. Mơ tưởng y có thể thỏa mãn một người đàn bà mạnh mẽ và quyền uy dường này thì thật lố bịch.

“Khám hẩn đi,” Godin ra lệnh.

Lúc này Ravi biết y thất trận rồi. Y định chạy trốn, nhưng lúc này y như phải đối mặt với một con chó tấn công. Nếu y chạy, Geli sẽ vồ lấy y mà xé nát cổ họng.

Ả quỳ trước y mà khám người. Mấy móng tay nhọn hoắt của ả cào vào háng y đau điếng, nhưng khi bàn tay ả chuyển sang đùi phải, mắt ả bỗng lóe lên như mắt một đứa trẻ chơi ác. Thò tay vào túi quần, ả lôi ra chiếc xi lanh đầy, giơ lên cho Godin nhìn.

“Cái gì trong đó?” Godin hỏi.

“Epinephrine,” Ravi đáp. “Tôi muốn sẵn sàng trong trường hợp bị nguy kịch lần nữa.”

Geli lắc đầu. “Tôi vừa xem lại cuốn băng theo dõi anh trong phòng thuốc chiều nay. Thấy anh đang bơm đầy xi lanh này từ một chai có nhãn KCl. Kali clorua.”

Tay Ravi bắt đầu run.

Godin bình thản nói. “Tiến sĩ Thomas Case từ John Hopkins đang trên đường bay đến đây trong khi chúng ta nói chuyện. Anh hãy tóm tắt tình hình khi ông ta đến. Bác sĩ Case sẽ tiến hành những trị liệu cần thiết tại chỗ từ sau thời điểm này.”

Mặt Ravi tê dại đi.

Godin nhìn như muốn bóc trần y, cho y hết đường gian dối. “Anh không chờ được một ngày nữa để căn bệnh ung thư đưa tôi đi sao?”

Y biết nói gì đây? Đồ tội cho Skow liệu có đỡ cho y chút nào không?

“Đừng trả lời,” Godin nói. “Dù đã có những vinh quang trong quá khứ, anh còn muốn tiến xa hơn. Anh nhìn nhận thành tựu của bản thân mình không phải với niềm tự hào, mà với nỗi sợ rằng anh không thể nào lặp lại chúng. Anh là một kẻ ti tiện Ravi ạ. Fielding đáng giá gấp mười lần anh.”

“Còn ông thì sao,” Ravi nói mà ngạc nhiên về chính mình. “Có phải vì thế mà ông giết Fielding?”

Đôi mắt xanh nhắm lại, nhưng Godin trả lời rành rọt. “Fielding là một nhà vật lý vĩ đại, nhưng

không ai có thể níu giữ tương lai. Ông ta sẽ có cơ may khác trong đời. Bây giờ ông ta đang tồn tại một phần trong nhà Cách ly, và đến một ngày mẫu thần kinh của ông ta sẽ đạt đến trạng thái Trinity. Ngày đó ông ta sẽ hiểu những việc tôi đã làm. Nào... bây giờ thì đến lượt anh ra đi.”

Nara chưa bao giờ thấy Geli cười thỏa mãn hơn lúc này. Cao hơn y khoảng tám phân, ả quàng tay quanh người y như người tình. ả nhìn xuống mắt y với vẻ âu yếm ớn lạnh.

“Chỉ có một câu hỏi chúng tôi muốn anh trả lời,” ả nói. “Anh ấp ủ âm mưu này trong cái đầu nóng của anh, hay anh được ai giúp đỡ?”

Mày đã biết rồi còn gì, Ravi nghĩ. Y vùng vẫy cố thoát ra khỏi cánh tay Geli, nhưng ả chỉ càng siết chặt hơn. Rồi ả lướt móng tay dọc theo vai lên cổ y. “Thôi mà, Ravi... anh đã bao giờ tưởng tượng có lúc nào đó ở một mình với tôi chưa?”

Ravi sợ mình đá ra quần mất.

Jerusalem

Rachel đã trải qua một đêm với đôi chút hy vọng. Nhưng khi mặt trời buổi sớm nhô lên trên biển Chết và chiếu sáng thung lũng Kindron, nàng từ từ chìm vào tuyệt vọng.

David đang chết.

Bác sĩ tâm thần tối qua xuất hiện để đánh giá tình hình là một người đàn ông thấp lùn, hài hước tên là Weinstein. Bác sĩ Weinstein có mớ tóc sẫm màu, đôi mắt đen linh hoạt không bỏ sót chuyện gì. Anh ta đã được đào tạo tại bệnh viện đa khoa Massachusetts ở Boston, nói tiếng Anh lưu loát.

Ngay khi đọc xong điện não đồ, anh ta ra lệnh dùng MRI chụp não David. Lúc đó Rachel quyết định phải nói ra một phần sự thật. Nàng hỏi Weinstein đã bao giờ nghe đến tên Ravi Nara chưa. Chàng bác sĩ tâm thần biết công trình của Nara và rất ấn tượng khi hay bệnh nhân mới của mình đã cộng tác nghiên cứu với người đoạt giải Nobel ấy. Rachel giải thích rằng nghiên cứu của Nara liên quan đến một máy MRI cực kỳ tối tân đã gây ra tác dụng phụ về tâm thần ở một số người. Vì lý do đó nàng khẩn khoản yêu cầu Weinstein hoãn các đợt quét bằng MRI cho đến khi không còn lựa chọn nào khác.

“Tôi hiểu điều chị đang nói,” Weinstein nói. “Và tôi rất tò mò. Nhưng theo tôi người đàn ông này chẳng sống được bao lâu nữa. Tôi chắc chị biết hình ảnh MRI khuếch tán theo trọng lượng cho thấy rõ thân não hơn chụp CT nhiều. Ở khu vực này có rất nhiều xương nặng mà chụp CT khó thấy được.”

“Tôi biết,” Rachel nói. “Nhưng anh có thật sự nghĩ rằng cơn hôn mê này là do khối u trong thân não gây ra?”

Nhà tâm thần học nhún vai. “Nói thẳng ra, đó là điều duy nhất chúng ta chưa biết rõ. Chị nghĩ những đợt quét của bác sĩ Nara đã sinh ra chất nào đó?”

“Vâng.”

Weinstein khoanh tay thở dài. “Chị có biết tôi đang nghĩ gì không?”

“Gì?”

“Bạn chị sẽ chết rất nhanh nếu chúng ta không tìm ra được vấn đề của anh ấy.”

Sáu mươi phút sau, bác sĩ Weinstein ngồi xem các bản quét MRI khuếch tán theo trọng lượng chụp thân não của David. Chúng không phát hiện một khối u nào. Khi anh kể lại những khám phá của mình cho Rachel, thì sóng theta và beta biến mất khỏi màn hình điện não. Rachel vồ lấy bảng đồ thị lúc này chỉ còn một sóng alpha đơn điệu thể hiện cơn hôn mê alpha.

Nàng bắt đầu khóc.

Bác sĩ Weinstein vòng tay quanh người nàng. “MRI không thể nào gây ra điều này.” Anh nói như thể đang cố tự thuyết phục chính mình hơn là Rachel. “Có lẽ chị nên gọi cho Nara. Chúng ta đang ở trên một vùng đất chưa được khám phá.”

Rachel nhắm mắt. Làm sao nàng giải thích được gọi cho Nara thì họ sẽ có nguy cơ bị sát hại?

“Tôi sẽ thử,” nàng nói. “Chắc phải mất chút thời gian mới liên lạc được với anh ấy.”

Weinstein đưa nàng sang phòng bên và hướng dẫn nàng cách gọi điện thoại đường dài từ bệnh viện. Xong anh ta cho nàng mã số nhấn tin của mình rồi về nhà.

Rachel chăm chăm nhìn điện thoại, cố tự thuyết phục mình gọi cho Nhà Trắng. Đó là cách duy nhất nàng nghĩ có thể tiếp cận Ravi Nara. Nhưng có gì đó giữ nàng lại. Đó là một niềm tin đang lớn dần lên, rằng David dù bệnh tật thế nào, cũng không hoàn toàn hoang tưởng. Anh đã bảo nàng rằng Ravi Nara là mối nguy hiểm, và nàng tin anh một phần. David có thể không bao giờ biết về biểu hiện tín ngưỡng trong anh, nhưng phải chăng đó không phải là bản chất của tín ngưỡng. Tin mà không cần trả lời, không cần tưởng thưởng, không cần chứng cứ? Nàng đứng dậy, lau mắt và không động đến điện thoại.

Đó là trước đây mười giờ.

Từ lúc ấy đến giờ, nàng dành hết thời gian ngồi dán mắt vào màn hình điện não, giống như người hành hương nhìn một tượng đá cẩm thạch với hy vọng nó sẽ nhỏ lệ. Thế nhưng sóng alpha vẫn duy trì không đổi. Khi còn là một bác sĩ nội trú trẻ tuổi, nàng đã trải qua nhiều đêm ngồi nhìn các bệnh nhân từ từ trượt vào cõi chết không thể nào cưỡng được. Là bác sĩ tâm thần, nàng đã thấy những bệnh nhân tự tử chết trong gang tấc do những chất độc tự kiểm tác hại khôn lường. Tuy nhiên, chỉ có một trải nghiệm duy nhất từng đưa nàng đến cõi cô đơn tuyệt vọng như thế này.

Cái chết của con trai nàng.

Hồi ấy nàng đã dở sống dở chết, và bây giờ, sau khi tìm được người đàn ông một ngày nào đó có thể cho nàng đứa con khác, thì nàng lại thấy mình đang ngồi bên giường bệnh của anh, bất lực chờ đợi điều không tránh khỏi.

Vào lúc ba giờ sáng, một đợt sóng theta và beta mới xuất hiện trên màn hình điện não. Chúng kéo dài mười bảy phút, rồi biến mất. Cứ sau nửa giờ một, nàng lại vỗ tay bên tai David, nhưng sóng alpha vẫn giữ nguyên không đổi.

Theo máy thì David đã chết não.

Một giờ sau bình minh, nàng cúi xuống hôn lên trán anh, rồi sang phòng bên nhắc điện thoại. Phải mất một hồi cãi lộn với nhân viên trực, nhưng rồi vài phút sau nàng cũng được nối với tổng đài của Nhà Trắng ở Washington D.C.

“Tôi gọi để trình báo về Dự án Trinity,” nàng nói.

“Yêu cầu nhắc lại,” điện thoại viên nói.

“Dự án Trinity.”

“Xin giữ máy.”

Rachel nhắm mắt. Tay nàng run bần bật, và một tiếng nói bên trong bảo nàng bỏ máy. Nhưng trước khi nàng có thể thì một giọng đàn ông cắt lún hỏi trong máy. “Xin hỏi ai gọi vậy?”

“Rachel Weiss.”

Có tiếng thở gấp. “Nhắc lại?”

“Tôi là bác sĩ Rachel Weiss. Tôi đang đi cùng bác sĩ David Tennant, tôi rất cần giúp đỡ. Tôi nghĩ anh ấy sắp chết.”

“Bình tĩnh nào, tôi sẽ...”

“Làm ơn,” nàng gào lên, cuối cùng nàng đã mất tự chủ. “Tôi cần nói chuyện với người có chuyên môn!”

“Bác sĩ Weiss, dù cô đang làm gì, hãy giữ máy. Cô đã đi đúng hướng. Đừng nghi ngờ gì điều đó.”

CHƯƠNG 33

White Sands

Ravi Narra đang nằm trên nền xi măng với một chiếc kim chọc vào tĩnh mạch cổ thì có thông báo trên hệ thống loa White Sands gọi y đến bệnh viện. Geli Bauer sắp sửa giết y bằng chính cái ống tiêm chứa đầy kali clorua mà y định dùng để giết Godin.

“Bác sĩ Nara, yêu cầu liên lạc với Bong bóng ngay.”

“Peter có thể lại lên con nguy kịch,” y gào lên.

Geli lôi y đứng dậy và đẩy y ra cửa.

Trong khi hai người hối hả đi đến bệnh viện, y nghĩ về nửa giờ vừa qua. Sau khi tìm ra chiếc ống tiêm, Geli đưa y từ Bong bóng đến một gian nhà kho bỏ trống. Tới nơi, y hỏi Geli làm cái quái gì ở White Sands này. Geli mỉm cười đứng dựa vào tường, ngắm nghía y như ngắm một con sâu mà ả sắp găm lên mảnh bìa.

“Tôi muốn biết Skow có nói thật không,” ả nói. “Có phải Godin thật sự sắp chết. Và Trinity thật sự sắp thất bại không.”

“Và?”

“Godin sắp chết, nhưng Trinity thì không thất bại. Nó sắp sửa cứu sống Godin.”

“Không phải cứu sinh mạng,” Ravi nói. “Mà là trí tuệ của ông ấy.”

“Cái đó chính là điều thiết yếu nhất của sự sống.” Geli bước tới gần Ravi và rút ra từ thắt lưng ả một con dao găm sáng lóe. “Tôi có thể cắt đứt tủy sống anh ở bất kỳ chỗ nào từ C-1 đến C-7. Ngay lập tức anh sẽ bị liệt cả tứ chi. Nếu cho anh chọn giữa cái đó và chết, anh có chọn chết không?”

Ravi lùi lại. “Tôi hiểu ý cô.”

Geli mỉm cười mê hoặc, lưỡi ả thè ra giữa hai hàm răng. Y đã luôn đánh hơi thấy ả cho rằng có mối liên hệ giữa sex và bạo lực, và hành vi của ả lúc này chứng tỏ điều đó. ả đang chơi trò mèo vờn chuột với y, và việc nhìn y sợ hãi đã kích thích ả.

“Tôi cũng muốn gặp ba tôi nữa,” ả nói. “Đã từ lâu tôi không có được cái thích thú độc đáo ấy.”

Ravi không nói gì.

“Còn có một lý do nữa khiến tôi đến đây. Nếu anh đoán đúng, có thể chúng ta sẽ dừng lại ở mức cho liệt hai chi thôi.”

“Thôi ngay cái trò ngu xuẩn ấy đi!” Ravi cáu tiết. “Skow có thể đến đây bất cứ lúc nào.”

“Anh không đoán được à?” Geli hỏi.

“Không.”

“Tôi muốn được quét.”

Y chưa tính đến điều này. “Tại sao? Cô có biết rằng việc quét như thế kèm theo những tác dụng phụ về tâm thần không?”

Geli cười. “Người ta còn liệu chịu tác dụng phụ để phẫu thuật thẩm mỹ. Tôi sẽ liệu một tí để thành bất tử.”

Ravi ước cho ả cứ nói mãi.

“Kỹ thuật này sẽ được giữ kín trong thời gian dài,” ả nói. “Chỉ có rất ít người được quét. Các tổng thống hay thiên tài như Godin. Cũng có thể là những nhà khoa học đàn độn như anh. Nhưng không có các sếp an ninh. Chiều nay tôi sẽ dành ba tiếng cho việc quét ảnh não tôi. Một trải nghiệm thật đặc biệt.”

Geli lấy ống tiêm chứa kali clorua từ trong một cái túi nhỏ bên thắt lưng ả ra.

“Tôi tự hỏi không biết tác dụng phụ của tôi sẽ là cái gì?” ả dăm chiêu. “Ngủ rũ hay là động kinh, tôi không cần. Hội chứng Tourette... không. Mật trí nhớ ngắn hạn tôi có thể chịu được. Đằng nào thì tôi chả có lúc bị như thế. Nhưng tác dụng phụ của anh thì rất được. Nó phù hợp với tính cách của tôi.”

Ravi lắc đầu. Những cơn khát dục không kiềm chế nổi nghe có vẻ ngộ ngộ cho đến khi ta buộc phải xử trí nó. Giống như bất kỳ cơn xung động thực sự nào khác, nó sẽ đưa ta đến bên bờ vực tự sát.

“Tôi thường quan sát anh trong camera theo dõi của an ninh,” Geli cười nói. “Chạy vào toilet năm lần một ngày, tay sục thẳng nhỏ của anh... Đôi lần tôi nghe anh rên rỉ gọi tên tôi. Khốn khổ.”

Ravi nghiêng răng và thầm mong Skow lập kế loại trừ Geli Bauer khỏi mặt đất. Y đang cố nghĩ cách trì hoãn thêm ít nữa nhưng Geli đã đá vào ngực y.

Y ngã phịch xuống và trước khi y kịp thở lại được, ả đã quỳ lên ngực y với chiếc ống tiêm kè cổ y. Cứu y không phải là Skow, mà là hệ thống phóng thanh gọi y về bệnh viện.

Godin phát sinh những vấn đề nghiêm trọng ở lưỡi. Lão nuốt khó khăn và mặt đau nhói trở lại. Theo sách giáo khoa thì đây là triệu chứng của u thần kinh đệm, và chỉ có thể chịu đau mà thôi. Sau một giờ, lão lại điều khiển được lưỡi, nhưng phần mặt bên trái đã bắt đầu xệ xuống.

Khi Ravi giả vờ chữa trị cho ông già, chuông điện thoại di động của Godin reo vang, và Geli trả lời. Đó là Nhà Trắng gọi. ả giữ điện thoại trước mặt Godin để lão nghe. Ravi không thể đoán được họ đang nói gì, nhưng y linh cảm có chuyện không hay.

“Không Ewan, tôi khỏe mà,” Godin nói dối. “Sức khỏe của tôi vẫn tốt như mọi khi, chỉ có điều tôi không hiểu nổi Skow nghĩ gì mà lại nói với ông như vậy.”

Godin nghe một hồi rồi nói, “Nếu Fielding chết là do nguyên nhân gì khác ngoài đột quỵ, thì tôi nghĩ người chúng ta phải hỏi tới là Skow. Anh ta không bao giờ hòa thuận với Fielding, và cũng đã sẵn lòng cả Tennant nữa... đừng lo ngại về bác sĩ Tennant. Tôi sẽ phái Ravi Nara đi ngay bằng máy bay của công ty. Cậu ta là người duy nhất trên thế giới hiểu rõ về chứng hôn mê đặc biệt này.”

Phái Ravi Nara đi đâu? Ravi tự hỏi. Đi đâu cũng tốt hơn là ở trong gian nhà kho với Geli Bauer.

“Vâng, tôi sẽ cập nhật cho ông ngay khi có thể... Tạm biệt, Ewan.”

Godin vẫy tay ra hiệu cất chiếc điện thoại đi, rồi nhìn Ravi. “Cậu sẽ bay sang Jerusalem.”

Ravi chớp mắt ngạc nhiên. “Israel?”

“Tennant đang nằm hôn mê ở bệnh viện Hadassah. Bác sĩ Weiss đang ở đó với hấn. Cô ta vừa mới gọi cho Nhà Trắng để cầu cứu. Tôi cam đoan với Ewan McCaskell rằng anh là người duy nhất trên thế giới có thể giúp được Tennant.”

“Nhưng sao ông lại muốn giúp Tennant?” Ravi hỏi. “Tại sao họ muốn giúp? Báo chí đã đưa tin Tennant muốn ám hại tổng thống cơ mà.”

Godin đau đớn nuốt nước bọt. “Tổng thống biết rõ là không thể tin vào báo chí. Và cậu đã quên rằng chính Matthews đã ép tôi nhận Tennant ngay từ đầu. Ông ấy muốn có Tennant bên cạnh trong chuyện này.”

“Tôi hiểu.” Ravi chẳng hiểu gì hết trơn. “Ông muốn tôi làm gì ở Jerusalem?”

“Giết Tennant.”

Ravi nhắm mắt.

“Hấn đã gần như chết não rồi,” Godin nói. “Chỉ một cái đẩy nhẹ của cậu là hấn sẽ đi mà không có ai chứng kiến hết.”

“Peter, tôi không thể vào một bệnh viện Israel mà...”

“Tại sao không? Cậu đã định giết tôi. Tại sao với Tennant lại không được?”

“Tôi không bao giờ có ý định làm hại ông.”

Phần mặt bên phải của Godin bỗng nhiên nhăn nhúm lại.

“Ông lại đau à?”

“Câm mồm lại, Ravi. Đây là cơ hội để cậu tự chuộc tội. Một cơ hội sống.”

Ravi liếc nhanh sang Geli. Bất kỳ việc gì cũng đều tốt hơn là lại ở một mình với ả. “Thôi được. Nhưng nếu tôi không làm được việc đó thì sao. Ý tôi muốn nói, nếu việc đó không thể thực hiện được?”

“Cậu không phải là người duy nhất cố gắng thực hiện.”

“Tôi hiểu. Thôi được... bao giờ tôi đi?”

“Tôi muốn cậu bay trong vòng mười phút nữa. Chiếc Gulfstream đang tiếp nhiên liệu trên đường băng. Trước hết ra phòng hành chính đã. Có điện thoại đang chờ cậu ở đấy.”

Điện thoại à? “Được, Peter.”

Ravi định đi, nhưng một chút ý thức trách nhiệm còn sót lại níu y. “Còn ông thì sao?”

“Bác sĩ Case sẽ duy trì sự sống cho tôi đến khi đạt được trạng thái Trinity,” Godin vẫy bảo hắn đi. “Đừng lo. Tennant có thể chết trước khi cậu đến.”

Jerusalem

Rachel ngồi bên máy điện thoại và cầu nguyện cho hồi âm từ Washington mau đến. Nếu trên khoa thần kinh có giường trống, sẽ có người đến đưa David ra khỏi phòng cấp cứu. Nàng đang nghĩ đến việc xem lại điện não đồ của anh thì điện thoại reo.

“A lô?”

Một giọng Mỹ nghe rất rõ vang lên, “Có phải bác sĩ Rachel Weiss đó không?”

“Vâng.”

“Tôi là McCaskell, Chánh văn phòng phủ tổng thống.”

Rachel nhắm mắt và cố giữ cho giọng nói khỏi run. “Tôi nhận ra giọng ông rồi.”

“Bác sĩ Weiss, tôi gọi để đảm bảo với cô rằng tổng thống đang hết sức quan tâm đến sức khỏe của bác sĩ Tennant. Chúng tôi không rõ lắm về lý do đằng sau những sự kiện xảy ra mấy ngày gần đây, nhưng chúng tôi sẽ tìm ra sự thật. Tổng thống hiện nay đã trở về Mỹ và tôi đảm bảo với cô rằng bác sĩ Tennant sẽ có cuộc điều trần công bằng.”

Lúc này nàng cảm thấy có gì đó thoát ra, một cảm giác sợ hãi và căng thẳng hỗn loạn kể từ lúc David bắn gục tay sát thủ trong bếp nhà anh. Tiếng nước nổ nghẹn ngào bật ra khỏi cổ họng nàng.

“Bác sĩ Weiss?” McCaskell hỏi. “Cô có làm sao không?”

“Vâng... cảm ơn ông rất nhiều vì đã gọi điện. Hiện đang diễn ra một việc khủng khiếp, và bác sĩ Tennant đã cố cảnh báo tổng thống về việc đó.”

“Bình tĩnh nào, bác sĩ. Tôi biết các bạn đang cần hỗ trợ y tế ở đó, nên tôi sẽ nối máy cho cô nói chuyện với bác sĩ Nara. Tôi nghe nói anh ta là người duy nhất có đủ kiến thức để xử lý tình trạng của bác sĩ Tennant.”

Rachel căng thẳng khi nghe nói đến Nara. Có một tiếng cạch như thể đường dây bị đứt.

“Bác sĩ Nara?” McCaskell nói. “Anh có đó không?”

Một giọng nói rõ ràng với âm điệu cao hơn vang lên trên đường dây.

“Vâng. A lô. Bác sĩ Weiss? Tôi là Ravi Nara. Chị có nghe thấy tôi nói không?”

“Có.”

“Tôi nghe nói bác sĩ Tennant đã rơi vào tình trạng hôn mê alpha. Đúng không?”

“Không hẳn. Thỉnh thoảng có những sóng theta và beta xuất hiện. Bây giờ lại chỉ có alpha. Tôi sợ anh ấy sắp ngừng thở.”

“Không đâu. Bản thân tôi cũng bị hôn mê alpha sau khi bị máy Siêu MRI của Trinity quét. Chị biết chiếc máy đó không?”

“Biết.”

“Tôi đã từng bị hôn mê alpha ba mươi hai giờ mà khi tỉnh dậy không bị tác dụng phụ nào. Tôi hy

vọng David sẽ tỉnh dậy bất cứ lúc nào.”

Gọi Nara vang lên đầy tin tưởng. Nhà bác học đoạt giải Nobel nổi tiếng trong toàn giới y khoa, và nàng cảm thấy khó mà coi thường lời lẽ của y, nhất là khi lời lẽ ấy lại gợi lên hy vọng.

“Bác sĩ Nara, tôi không biết phải nói gì.”

“Tôi đang chuẩn bị bay đến đó,” Nara nói. “Tôi nghe nói tổng thống đã bố trí để David được nhận vào một cơ sở y tế tin cậy hơn. Tôi sẽ có mặt ở Jerusalem trong vòng mười bốn giờ nữa.”

“Lạy Chúa tôi.”

“Đến lúc đó chắc chắn David đã tỉnh lại, nhưng cũng đừng hoảng sợ nếu anh ấy chưa tỉnh. Chúng ta tiến hành bước này cùng một lúc. Được không?”

Rachel thấy nghẹt thở. “Vâng. Cảm ơn anh. Tôi rất mong gặp anh.”

“Tôi cũng thế, bác sĩ. Tạm biệt.”

Nara buông máy, nhưng McCaskell vẫn còn trên đường dây.

“Bây giờ cô đã cảm thấy khá hơn chút nào chưa, bác sĩ Weiss?”

“Tôi biết cảm ơn ông thế nào đây.”

“Rồi sẽ có dịp thôi. Tôi sẽ sớm gọi lại cho cô.”

Rachel treo máy và hít mấy hơi thật sâu. Xong nàng lấy giấy ăn Kleenex lau mặt rồi đẩy cửa sang phòng điều trị.

David đang ngồi bên bàn điều trị, mắt mở to, hai hàng nước mắt lăn dài trên hai má.

CHƯƠNG 34

Mắt tôi mở như mắt trẻ sơ sinh, choáng ngợp vì ánh sáng nguyên sơ của thế giới. Khi tôi chớp mắt vì ánh đèn trên đầu, cơ thể tôi ráo gào vì cơn đói quặn thắt và hồi thúc dồn dập phải giải phóng bong đá. Tôi ngồi dậy nhìn quanh. Tôi đang ngồi trong một phòng điều trị y tế. Tôi đã từng làm việc trong hàng chục căn phòng như thế này.

Nước. Tôi nghĩ. Tôi cần nước.

Có tiếng phụ nữ ở đâu đó, “Tôi biết cảm ơn ông thế nào đây.” Tiếng nghe thân quen. Tôi lắng nghe thêm, nhưng không thấy nói gì nữa.

Cửa phòng mở. Rachel bước vào và đứng chết lặng. Nàng vụt đưa tay lên bụng miệng, và bắt đầu tiến về phía tôi.

“David, anh có nghe em nói không?”

Tôi giơ tay lên, và nàng ngừng bật.

“Anh đã bị hôn mê. Anh bất tỉnh mất...” nàng nhìn đồng hồ đeo tay, “...mười lăm giờ. Hầu hết thời gian là hôn mê alpha. Em đã tưởng anh bị chết não.” Nàng chỉ vào mặt tôi. “Sao anh lại khóc?”

Tôi quệt tay lên mặt. Tay tôi ẩm nước. “Anh không biết.”

“Anh có nhớ gì không? Lúc ngất trong nhà thờ ấy?”

Tôi nhớ mình đã quỳ xuống, thò ngón tay qua cái lỗ trên đĩa bạc. Một luồng năng lượng chạy qua cánh tay tôi lên thẳng não, nó mạnh ngoài sức chịu đựng. Tôi cảm thấy như trí óc mình là một chiếc gang tay nhỏ xíu mà một bàn tay khổng lồ nào đấy đang cố xỏ vào, toàn thân tôi rung lên. Rồi...

“Anh nhớ anh bị ngã.”

“Anh có nhớ những gì sau đó không?”

Tôi thấy mình ngã xuống sàn nhà, nhưng trước khi chạm tới sàn, thì ranh giới cơ thể tôi bỗng tan biến, tôi cảm thấy mình đồng nhất với mọi thứ xung quanh: mặt đất và nền đá nhà thờ, lũ chim làm tổ trên vách đá, những bông hoa trong sân nhà thờ phát tán phấn hoa theo gió. Tôi không ngã, mà bỗng bồng bềnh trôi, tôi thấy một thực tại sâu hơn nằm bên dưới thế giới vật thể, một ma trận xao động mà tất cả các đường ranh đều mờ hồ, trong đó các hạt phấn hoa không phân biệt với làn gió, trong đó vật chất và năng lượng chuyển động trong một vũ điệu vĩnh hằng, sự sống và cái chết chẳng qua chỉ là sự thay đổi trạng thái của cả hai. Nhưng ngay khi tôi còn bay lơ lửng, trôi bồng bềnh trong thế giới như một con sứa có nhận thức, tôi cảm thấy bên dưới cái ma trận xao động của vật chất và năng lượng ấy có gì đó còn sâu hơn nữa, như một lớp nền lòng bùng, cũng phù du và vĩnh cửu như các định luật toán học, không nhìn thấy được nhưng cũng không thay đổi được, nó điều hành tất cả mà không phải dụng công gì.

Tiếng lòng bùng ấy thật sâu xa, giống như những tuốc bin quay ở giữa đập. Khi lắng nghe, tôi nhận ra một mô thức có tính chất số hơn là giai điệu, như một điệu nhạc chưa được khám phá mà các nốt và gam của nó nằm ngoài tầm hiểu biết của tôi. Tôi điều chỉnh đầu óc mình thích ứng với âm thanh, tìm kiếm các đoạn lặp, chìa khóa khóa giải mã khó nắm bắt. Thế mà cho dù đã lắng nghe bằng cả tâm hồn mình, tôi cũng không hiểu được ý nghĩa nằm trong âm thanh này. Chẳng khác nào nghe tiếng mưa bão mà cố định hình từng giọt mưa khi nó chạm đất. Lòng tôi mong mỏi hiểu được cái mệnh lệnh tàng ẩn kia, bản tổng phổ vĩ đại của mưa rơi.

Và tôi vụt hiểu. Hình mẫu mà tôi tìm kiếm chẳng phải là một hình mẫu nào hết. Nó chỉ là sự hỗn loạn. Một sự hỗn loạn như mớ bong bóng tràn lấp cái tường như là trật tự thế giới. Và chính trong khoảnh khắc ấy tôi bắt đầu nhìn rõ hơn bao giờ hết, nghe thấy cái mà ít người từng nghe - giọng nói

của...

“David, anh có nghe thấy em nói không?”

Tôi chớp mắt và cố buộc mình tập trung vào các vật xung quanh. Các tủ thuốc. Một máy điện nạo đồ có bánh xe. Đôi mắt mệt mỏi của Rachel.

“Anh có nghe.”

Nàng bước tới trước, vặn vẹo hai bàn tay. “Em đã gọi điện cho Washington. Em nói cho họ biết chỗ ở của chúng ta. Em không biết còn phải làm gì nữa.”

“Anh biết.”

“Anh có nghe cuộc điện đàm không?”

“Không.”

“Vậy sao anh biết?”

Cũng giống như cách tôi biết hiện giờ chúng tôi đang gặp nguy hiểm. Tôi nhìn xuống và bắt đầu rút ống truyền dịch ra khỏi cổ tay.

“Đừng làm thế.”

“Chúng ta phải đi.”

Mắt nàng mở to. “Cái gì?”

“Anh rút ống ra làm chỗ này sắp chảy máu rồi. Em có thể tìm cho anh một cái băng không? Quần áo của anh đâu rồi?”

Nàng lao đến chỗ trống giữa chúng và ngăn tôi rút ống truyền dịch ra. “Anh David, bây giờ anh không còn là anh nữa. Anh đã bất tỉnh suốt đêm. Em đã gọi cho Evan McCaskell. Tổng thống đã điều Ravi Nara đến đây để điều trị cho anh. Trước đây anh ta đã biết loại hôn mê này rồi. Bản thân anh ta cũng từng bị hôn mê suốt ba mươi giờ, và khi tỉnh dậy không thấy có tác dụng phụ nào. Họ muốn giúp chúng ta...”

“Ravi Nara chưa bao giờ bị hôn mê alpha. Tác dụng phụ của MRI đối với y là những xung động tình dục không kiểm soát được. Chỉ có thế thôi.”

“Nhưng anh ta bảo em...”

“Y bảo em những điều mà y biết sẽ trấn an được em. Chúng ta phải đi thôi. Ngay bây giờ.”

“Nhưng tổng thống muốn biết sự thật. McCaskell bảo em thế, và em tin ông ấy.”

Không có cách nào để tôi thông báo những nhận thức bên trong mà không bị coi là điên. Tôi đứng lên, tấm chăn rơi khỏi người.

“Nếu ở lại đây, chúng ta chẳng còn sống để gặp tổng thống đâu. Anh có việc rất quan trọng cần làm. Em làm ơn đưa quần áo cho anh.”

Khi Rachel nhìn chiếc túi đặt ở góc phòng, tôi giật phăng ống truyền dịch ra khỏi cổ tay. Một dòng máu sẫm chảy tràn xuống mu bàn tay. Tôi đè chặt lên tĩnh mạch và chạy đến góc phòng kiếm miếng băng 4x4 trong một bình thủy tinh. Rachel trông thấy tôi làm thế liền dán chặt miếng gạc lên tĩnh mạch.

“Anh giữ tay vào đây,” nàng bảo. Rồi nàng đến lấy chiếc túi nhựa ở góc phòng đặt lên bàn khám bệnh. “Quần áo của anh đây.”

Chỉ có một tủ com-mốt đặt cạnh tường, ngoài ra không có vách ngăn hay tấm rèm che nào để tạo thành một nơi kín đáo.

“Anh cần sử dụng cái đó,” tôi bảo nàng, tay chỉ chiếc tủ.

“Anh làm đi. Em thấy nó từ trước rồi.”

Tôi bước tới tủ com-mốt và đứng quay lưng lại phía nàng.

“Tại sao anh lại nghĩ họ đến để giết chúng ta?” nàng hỏi.

“Bởi vì chúng vẫn giữ nguyên ý định. Và bây giờ chúng đã biết nơi ta ở.”

“Anh vẫn không tin một ai? Ngay cả tổng thống?”

“Tổng thống không hề hay biết chuyện đang thực sự xảy ra.” Tôi bước lại bàn mặc sơ mi vào, rồi thắt túi bao tử quanh hông.

“Nhưng anh muốn đi đâu bây giờ?” Rachel hỏi.

“White Sands.”

“Gì cơ?”

“Bãi thử White Sands.” Tôi cẩn thận kéo quần lên, rồi ngồi xuống nền nhà xỏ giày. “New Mexico.”

“Tại sao anh muốn đến đó?”

“Đây là nơi đặt nguyên mẫu Trinity thật.”

“Làm sao anh biết?”

“Anh biết, vậy thôi.”

Nàng lắc đầu. “David, anh làm em sợ.”

“Em đừng nghĩ nữa.”

“Khoan đã.” Nàng giơ một tay lên. “Đó là thứ có trong bức thư của Andrew Fielding. Bột thạch cao trắng. Cát Trắng - White Sands. Chắc đó là điều ông cố nói với chúng ta. Địa điểm thứ hai của dự án Trinity?”

“Đúng, ông ấy có cho chúng ta biết, nhưng ông không muốn bất cứ kẻ nào ngăn chặn bức thư biết là ông biết.” Tôi nhìn cánh cửa đóng kín. “Ta đang ở khu nào trong bệnh viện?”

“Khoa Cấp cứu.”

“Tốt. Tầng một. Em có biết lối ra không?”

“Có, nhưng...”

Tôi đứng đó nắm tay nàng. “Mọi việc đã thay đổi, Rachel ạ. Anh biết rõ mình phải làm gì. Nhưng trước hết chúng ta phải đi khỏi đây ngay.”

Tôi thấy niềm tin nàng dành cho tôi đang rạn vỡ dưới sức nặng của vai trò bác sĩ tâm thần và ý muốn tránh nguy hiểm của nàng.

“Em, giúp anh đi.”

Nàng nhắm mắt thở dài. Rồi nàng ra cửa sổ thử mở ra. Nhưng cửa sổ bị gắn kín và cài then bên ngoài.

Tôi đi ra cửa chính, mở hé ra. Hai y tá ngồi ở bàn tiếp nhận bệnh nhân, nhưng họ hơi quay đi phía khác. Một người đang nói chuyện điện thoại.

“Đi qua hai y tá này bằng lối nào?” tôi thì thầm hỏi.

“Hành lang dẫn đến bãi đậu xe cứu thương bên ngoài. Có một bảo vệ.”

Người bảo vệ đó có lẽ kiểm soát người đi vào hơn là đi ra, nhưng ở Israel này thì không biết được.

Người y tá không nói chuyện điện thoại đứng dậy đi về phía phòng điều trị. “Chuẩn bị,” tôi nói. Khi người y tá kia xao nhãng, chúng tôi rảo bước qua phòng đến hành lang dẫn ra ngoài.

Rachel vẫy người bảo vệ ngồi ở bàn, rồi dẫn tôi đi qua anh ta.

Tay bảo vệ nói gì đó bằng tiếng Hebrew.

Rachel đi chậm lại nhưng không dừng bước. “Anh có nói được tiếng Anh không?”

“Chút ít,” tay bảo vệ đáp.

“Sáng nay bác sĩ Weinstein bảo tôi đưa bệnh nhân này ra ngoài hít thở không khí trong lành. Anh có biết bác sĩ Weinstein không?”

Tay bảo vệ có vẻ bối rối. Rồi anh ta mỉm cười và vẫy tay như có ý nói, “Cứ đi đi, cứ đi đi.”

Chúng tôi tự do bước ra ngoài nắng sớm.

Hai chiếc xe cấp cứu đậu dưới một mái che bê tông phẳng. Tôi linh nhanh sang bên trái nơi có một

con đường bao quanh bệnh viện. Không có lối đi bộ, nên chúng tôi đi trên lề đường. Khi chúng tôi đi vòng quanh khu nhà, tôi nhìn thấy vòm nhà thờ đá rực vàng trong Thành Cổ. Con đường bên cạnh chúng tôi dẫn đến một đường đồi dài. Bên phải chúng tôi là một nghĩa trang lớn trông nhang nhác cảnh thuộc địa.

“Chúng ta phải gọi taxi,” Rachel nói. “Cuộc bộ thì chẳng đi đến đâu được.”

“Nghe kia.”

Nổi lên trên tiếng rì rầm của thành phố dưới kia là một âm thanh khẩn cấp hơn nhiều. Tiếng còi.

Chúng tôi nấp sau một bụi cây thấp. Ba mươi giây sau, hai chiếc xe tải màu xanh thẫm lao nhanh lên đồi về phía chúng tôi. Trông không có vẻ là xe cấp cứu. Một chiếc rít lên đỗ trước cổng chính của bệnh viện, chiếc kia chạy vòng ra sau. Từ chiếc xe phía trước bước ra hai người mặc complet và một tổ cảnh sát bán quân sự mang tiểu liên.

“Ai đấy,” Rachel thầm thì.

“Có lẽ là Shin Beth. Một nhánh của cảnh sát mật vụ. Ai đó từ Washington đã gọi điện yêu cầu phong tỏa bệnh viện và ngăn chúng ta rời đi.”

“Ravi Nara bảo em rằng họ sẽ chuyển anh đến một bệnh viện an toàn hơn.”

“Nếu thế chúng có cần đến một đội cảnh sát cơ động không?” Tôi kéo nàng đứng lên. “Chạy thôi!”

Mặc dầu trên đường xuống đồi rất hiếm nơi ẩn náu, chúng tôi vẫn tận dụng bất kỳ chỗ nào tìm được trong khi chạy. Rachel muốn chạy về hướng Thành Cổ, nhưng tôi dẫn nàng lao về phố Churchill để đến khách sạn Hyatt Regency, suốt dọc đường không ngừng liếc về bệnh viện phía sau lưng. Chiếc xe tải vẫn đậu trước cửa. Tôi chỉ có thể hình dung ra cảnh sân lung điên cuồng bên trong.

Một dãy taxi đậu trên đường Hyatt. Tôi trèo vào chiếc đầu tiên trong dãy, Rachel vào theo tôi.

“Người Mỹ à?” lái xe hỏi.

“Người Mỹ. Tôi cần một tiệm Internet.”

Người lái xe dường như suy nghĩ lung lắm. “Ông cần máy tính à?”

“Phải.”

“Trong khách sạn Hyatt có máy tính đấy. Cứ trả tiền nửa giờ.”

“Tôi cần một nơi công cộng. Tôi không thích khách sạn này.”

“Ở Jerusalem không có nhiều tiệm net lắm đâu. Ở Strudel có máy tính, nhưng bây giờ có lẽ họ chưa mở cửa.”

“Đưa chúng tôi đến đấy.”

Tay lái xe đề máy và đưa chúng tôi đến Ha Universita. Tôi thấy xe cảnh sát đậu san sát phía bên trái. “Đây là đâu?”

“Trụ sở Cảnh sát Quốc gia. Tôi hy vọng ông không muốn vào đấy.”

“Đến Strudel. Nhanh lên. Tôi có việc quan trọng.”

“Vâng, thưa ông. Chậm nhất là mười phút nữa.”

White Sands

Một người lính mặc đồng phục lái xe cho Ravi Nara ra đường băng. Đêm sa mạc dài vô tận đã có lúc làm cho Ravi khó chịu, nhưng đêm nay y thấy thoải mái. Khi chiếc xe Jeep đến gần đường băng, một chiếc Learjet chạy tới chạy lui quanh kho chứa máy bay, rồi đậu bên cạnh chiếc Gullstream 5 của Godin. Chiếc Lear màu đen và không có nhãn mác gì. Khi cửa xe mở, John Skow cúi người bước ra.

“Tôi cố liên lạc với anh mãi mà không được!” tay NSA kêu to. “Điện thoại của anh sao thế?”

Ravi liếc nhìn người lính hộ tống mình, nhưng anh ta có vẻ không quan tâm đến cuộc nói chuyện. “Tôi đang lên đường đi Jerusalem.”

Skow nắm cánh tay Ravi lôi y ra xa người lính khoảng mười bước. “Anh nói cái quái quỷ gì thế?”

“Peter cử tôi đi Jerusalem.”

“Ông ta còn sống à?”

“Còn.”

Sợ hãi và giận dữ khiến khuôn mặt Skow méo xệch. “Anh đã thử chưa?”

“Rồi. Mẹ kiếp!”

“Tại sao Peter cử anh đi Jerusalem?”

“Để đảm bảo cho Tennant chết.”

Skow ngật đầu ra sau như người ta cầu Chúa phù hộ. “Quên chuyện đó đi. Anh sẽ không đi đâu cả. Tennant đã chuồn khỏi bệnh viện Hadassah rồi.”

“Nhưng... họ nói hắn đang bị hôn mê alpha.”

“Chắc hắn đã qua khỏi rồi. Rõ ràng không phải Rachel Weiss chữa cho hắn.”

Ravi không thể nào tin nổi. “Có lẽ có ai đó đã làm được.”

“Trời ơi là trời,” Skow thở. “Bọn Israel. Chúng sẵn sàng làm tất cả để sở hữu công nghệ Trinity.”

Ravi không muốn nghĩ đến Trinity. “Anh có biết Geli Bauer đang ở đâu không, John?”

Skow tò mò nhìn y. “Tất nhiên. Bệnh viện Walter Reed chứ đâu.”

Ravi lắc đầu, dạ dày nôn nao. “Thế mà tôi đã nghĩ anh phải khá hơn.”

“Anh đang nói cái gì vậy?”

“Geli đang ở đây, bảo vệ Peter.”

Mặt Skow trắng bệch.

“Sao anh lại không biết?”

“Con chó cái ấy gọi di động cho tôi cả ngày, nói rằng các bác sĩ ở Walter Reed rất giỏi.”

“Anh đã nói với tôi rằng cô ta ở về phe mình.”

“Nó nói thế đấy. Tôi phải gọi điện cho cha nó bây giờ.”

Người lính lái xe cho Ravi bước lại gần. “Bác sĩ Nara, đã đến giờ ông lên máy bay.”

Skow nói với người lính bằng giọng ra lệnh. “Hạ sĩ, tôi phải đưa bác sĩ Nara quay trở lại để gặp ngài Godin. Tình hình ở Israel đã thay đổi.”

Ravi không có ý định ở lại New Mehico. “Tôi sẽ bay sang Jerusalem, John. Tennant và Weiss có thể xuất hiện bất cứ lúc nào. Peter muốn làm ra vẻ ông ta đã xoay sở mọi cách trong phạm vi quyền lực của mình để cứu Tennant, và tôi cho là ông ta đúng.”

“Tôi biết anh thích đi Jerusalem,” Skow nắm chặt cánh tay Ravi, nói. “Nhưng vấn đề là, ở đây cần anh.”

“Peter đã có bác sĩ mới rồi.”

“Nhưng ông ấy cần anh.”

Ravi nhìn người hộ tống. “Tôi sẵn sàng lên máy bay.”

Người lính bước tới trước, nhưng cái trừng mắt đầy uy lực của Skow đã chặn anh ta lại. “Hạ sĩ, tôi đến đây bằng mệnh lệnh trực tiếp của tổng thống. Chỉ huy của anh, tướng Bauer hoàn toàn biết rõ sứ mệnh của tôi. Tôi cần hai phút với người này. Sau đó chúng tôi sẽ đến gặp Godin. Bước lùi lại. Cách tôi hai mươi mét.”

Người hạ sĩ tuân lệnh.

Ravi định vùng ra, nhưng bàn tay Skow giữ chặt như gọng kìm. “Anh đã khai ra tôi, phải không. Đồ chó đẻ.”

“Tôi không nói gì với họ cả. Nhưng điều đó cũng chẳng giúp gì được cho anh. Họ đã biết quá nhiều. Lẽ ra tôi đã chết rồi, nếu như Peter không lên cơn nguy kịch.”

Skow nhìn quanh đường bằng như sợ người lính kia có thể tấn công gã bất cứ lúc nào. “Nghe đây Ravi. Dù anh có chạy sang Jerusalem cũng không thoát đâu. Tổng thống đang tin vào kịch bản của chúng ta, nhưng nếu Godin còn sống mà thanh minh thanh nga, thì chúng ta chỉ có đường chết thôi. Vậy

nên anh còn có việc phải làm đây.”

Ravi cảm thấy nỗi sợ còn cào trong bụng y. “Anh điên rồi! Bọn họ sẽ không bao giờ để tôi đến gần Peter nữa. Và nếu tôi ở lại đây, Geli sẽ giết tôi.”

Skow lắc y như một đứa trẻ. “Bình tĩnh đi, giời ạ. Anh hãy nấp trong văn phòng của tôi trong khi tôi nói rõ mọi chuyện.”

“Nói rõ mọi chuyện? Với Godin?”

Skow mỉm cười. “Anh quên rằng chuyên môn của tôi là chiến tranh thông tin à?”

Gã dẫn Ravi đến chỗ xe Jeep và ra hiệu cho viên hạ sĩ vào ngồi sau tay lái.

“Nhưng họ nghi ngờ anh rồi,” Ravi nói. “Anh sẽ nói gì với họ?”

Skow mỉm cười giảo hoạt. “Tôi là cáo già trong chuyện sinh tồn Ravi ạ. Đến Geli cũng còn phải học tôi đây.”

CHƯƠNG 35

Jerusalem

Tiệm Internet ở Strudel đã đóng cửa. Tôi thấy trong tiệm có một người đàn ông râu ria đang quét dọn. Tôi gõ lên kính, vẫy tay rồi chỉ vào tay nắm cửa. Người đàn ông lắc đầu.

“Em có mang túi bao tử không?” tôi hỏi Rachel.

“Có.”

“Đưa anh 100 đô la.”

Tôi áp tờ giấy bạc lên cửa kính. Phải mất một phút người đàn ông bên trong mới nhận ra, và khi đó, ông ta lại chỉ vẫy tay bảo tôi đi. Thấy chúng tôi không chịu đi, ông ta bước lại gần để nhìn tờ giấy bạc cho rõ hơn. Rồi ông ta kêu lên bằng tiếng Anh bảo chúng tôi đừng đi, và chạy vào trong lấy ra một chùm chìa khóa.

“Tôi cần máy tính,” tôi nói ngay khi cửa mở.

“Vào đi, không vấn đề gì. Internet tốc độ cao.”

Rachel trả tiền taxi, rồi đi vào cùng tôi.

Tiệm Strudel tôi và bốc mùi như bất cứ tiệm nào trên thế giới, nhưng nó có máy tính. Tôi ngồi xuống và bắt đầu rà soát địa chỉ e-mail của các trường đại học và cơ sở máy tính hàng đầu ở Mỹ và Châu Âu. Cal Tech, Phòng Thí nghiệm Trí tuệ Nhân tạo ở MIT, CERN(1) ở Thụy Sĩ, Viện Max Planck ở Stuttgart, Viện Chaim Weizmann ở Israel, đội máy tính Mô phỏng Trái đất ở Nhật, và nhiều chỗ khác.

“Anh đang làm gì thế?” Rachel vừa leo lên chiếc ghế đầu bên cạnh tôi vừa hỏi.

“Ra trước công luận.”

“Em nghĩ trước đây anh không muốn làm thế.”

“Nhưng bây giờ anh không còn cách nào khác. Chúng đã làm được rồi. Hoặc sắp làm được.”

“Làm được gì?”

“Trinity sắp trở hành hiện thực.”

“Sao anh biết?”

“Anh biết, vậy thôi.”

“Và anh sắp nói cho cả thế giới biết?”

“Phải.”

“Nhiều không?”

“Đủ để phát động một cơn bão truyền thông khiến tổng thống không thể làm ngơ.”

Tôi mở Microsoft Work và bắt đầu gõ thông điệp của mình. Dòng đầu tiên là dễ nhất, đó là một câu trích dẫn của Niels Bohr vĩ đại nói về cuộc chạy đua vũ khí hạt nhân. “Chúng ta đang ở trong một tình thế hoàn toàn mới, một tình thế không thể nào giải quyết bằng chiến tranh.”

“David,” Rachel dịu dàng nói. “Trong cơn hôn mê vừa rồi, điều gì đã xảy đến với anh thế?”

“Không phải như những điều anh thấy trước đây. Điều này khó giải thích lắm, nhưng anh sẽ cố ngay khi nào có chút thời gian. Bây giờ anh phải hoàn thành công việc này đã.”

Nàng đứng dậy bước đến cửa để quan sát xem có cảnh sát không.

Tôi gõ người xuống bàn phím và gõ không ngừng nghỉ, như thể câu chữ chảy thành dòng qua tôi nhờ một sức mạnh nào đó bên ngoài. Sau hai mươi phút tôi nhờ người đàn ông sau quầy gọi hộ một chiếc taxi với tài xế là người Palestine. Rồi tôi gõ câu kết: Tưởng nhớ Andrew Fielding.

“Anh đã gửi xong thư chưa?” Rachel hỏi.

“Rồi. Sau khoảng bốn giờ nữa các mạng truyền thông sẽ hỗn loạn.”

“Có thật anh mong muốn thế không?”

“Thật chứ. Cái ác không thể nảy nở dưới ánh sáng.”

Nàng lùi lại và nhìn tôi lạ lùng. “Cái ác à?”

“Phải.”

Một chiếc taxi đỗ bên lề đường, người tài xế rậm râu nhìn về phía cửa.

“Đi nào.”

Chúng tôi ra taxi. “Anh có phải người Palestine không?” tôi hỏi tài xế.

“Tại sao ông lại quan tâm điều đó?” anh ta hỏi lại.

“Anh có biết trụ sở Mossad ở đâu không?”

Người tài xế nheo mắt như quan sát một cảnh lạ mắt. “Biết chứ. Người Palestine nào chả biết chỗ ấy.”

“Chính vì thế tôi mới cần anh. Tôi muốn đến đó.”

Rachel nhìn tôi với vẻ kinh hoàng. Tôi gần như đọc được ý nghĩ của nàng. Liệu tôi còn có thể muốn gì ở Mossad, cục tình báo tàn bạo ở Israel này?

“Ông có tiền không?” tài xế hỏi.

“Một trăm đô la Mỹ được chưa?”

“Trăm nghe không bằng một thấy.”

Rachel rút tiền ra.

Tài xế gật đầu. “Vào đi.”

Tôi thậm chí chưa đóng xong cửa sau, anh ta đã rú ga và phóng ầm ầm khỏi lề đường.

White Sands

Geli biết ả đang nhìn ông già đi dần vào cõi chết. ả cần thuốc lá kinh khủng. Mặc dù mùi thuốc sát trùng nồng nặc trong không khí, gian phòng vẫn tỏa mùi xác chết. ả không xác định được cụ thể, nhưng ả biết cái mùi này quá rõ. ả đã ngửi thấy nó trong các bệnh viện dã chiến và những nơi tối tăm khác. Có lẽ quá trình tiến hóa đã khiến khứu giác con người ta nhạy bén tới mức đánh hơi được cái chết đang đến gần. Trong một thế giới bệnh tật lây lan nhanh chóng, chắc chắn đó là lợi thế sinh tồn. Geli từng ngửi thấy chính mặt ả cháy khét, vì vậy ả không có ảo tưởng gì về cái chết. Nhưng ả không ngờ phải chứng kiến cuộc vật lộn cuối cùng của Godin như thế này.

Đã có lúc lão không thể nuốt được, mặc dầu nói còn khá rõ. Lão buồn bã nói với ả về bà vợ quá cố của mình, như kiểu cha nói với con gái. Geli lúng túng không biết xử lý kiểu thân mật này thế nào. Từ sau sinh nhật lần thứ ba của ả, cha ả đã đối xử với ả như một người lính. Trong suy nghĩ của Horst Bauer thì nói chuyện tâm tình tức là ngồi xuống bên nhau và bàn về thời gian biểu hằng ngày. ả chịu đựng việc đó cho đến tuổi dậy thì. Rồi một cuộc chiến tranh công khai bùng nổ trong nhà Bauer. Khi Geli bắt đầu bộc lộ xu hướng phiêu lưu tình dục giống cha thì ông tướng mất hết tự chủ. Geli biết rằng ở mức độ nguyên sơ nào đó, ông ta ham muốn ả, và điều đó khiến ả có quyền lực với ông ta. ả điếu qua trước mắt ông trong trang phục hở hang, trơ tráo ve vãn sĩ quan của ông ta - những người đàn ông gấp đôi tuổi ả - và quyền rũ các bác sĩ tâm thần của ả. Những trận đòn sau đó chỉ khiến ả càng quyết tâm chiến đấu.

Khi ả mười sáu tuổi, ả phát hiện cha ả có nhân tình - vài người, tất nhiên - và cuối cùng đã khám phá ra bí mật của mẹ ả. Mười tám năm trời sống trong cảnh bị phụ bạc và đánh đập tàn nhẫn đã biến một người đàn bà đầm thắm thành cái bóng thảm hại của chính mình, một tâm hồn lạc lõng chỉ sống trong chờ đợi cho tới lần uống rượu sau. Khi Geli đối đầu với cha mình về chuyện ấy, ông ta nhìn thẳng vào mắt ả và bảo ả đã phát hiện ra điểm yếu của kẻ mạnh. Những người đàn ông tài giỏi cần nhiều hơn một người đàn bà để kim bốt đam mê của mình, và ả muốn sống muốn tốt thì hãy chấp nhận

sự thật đó. Như mọi lần khác, lý lẽ ấy cuối cùng kết thúc bằng một trận đòn.

Tuy nhiên khi Geli vào đại học, ả thấy rằng những lời ấy của cha ả cũng đúng với cả phụ nữ mạnh mẽ nữa. Không người đàn ông nào có thể thỏa mãn tính dâm dục của ả lâu dài. Ngày ả tốt nghiệp với hai chuyên ngành - tiếng Ả Rập và Kinh tế - ả đến một địa điểm tuyển quân và đăng lính với cấp bậc binh nhì.

Không gì có thể làm cha ả giận dữ hơn thế. Chỉ với một hành động ấy, Geli đã vứt bỏ toàn bộ quyền lực và ảnh hưởng của ông ta với ả, khiến ông ta bẽ mặt trước các đồng đội ở West Point, và nổi nghiệp ông. Ông tướng bắt đầu uống rượu như điên và rơi vào thời kỳ bất ổn, tình trạng đó nhanh chóng bị đẩy lên đỉnh điểm khi vợ ông ta tự sát. Geli không bao giờ biết được cuối cùng cái gì đã quật ngã tinh thần mẹ ả. Thêm một nhân tình nữa? Hay quá nhiều quả dâm trời giáng? Nhưng ả không bao giờ tha thứ cho cha mình về chuyện đó.

Trái lại, Peter Godin đã sống chung thủy với vợ suốt bốn bảy năm mặc dầu hai người không có con cái. Khi ông già đang nói lan man về những chuyến du ngoạn của lão tới Nhật, Geli nghĩ đến Skow và âm mưu đồ hết tội cho Godin về cái chết của Fielding.

“Thưa ngài?” Geli cắt đứt dòng mơ mộng của ông già.

Peter ngược nhìn lên, đôi mắt màu xanh như hồi lỗi. “Tôi nói huyền thuyên quá phải không? Nói làm tôi quên đi cái đau.”

“Không phải thế. Tôi muốn thưa với ngài một chuyện.”

“Vậy sao?”

“Xin ngài đừng tin John Skow. Chính gã là người đã đưa Nara đến đây để giết ngài. Skow tin rằng Trinity sắp thất bại, và gã định đổ hết trách nhiệm cho ngài.”

Godin cười nhạt. “Tôi biết chuyện này. Và tôi biết cha cô có tham gia vào vụ này.”

“Vậy sao ngài không hành động gì cả?”

“Khi máy tính đạt đến trạng thái Trinity thì tất cả bọn chúng đều bất lực. Cho đến lúc đó, tôi đã có cô bảo vệ tôi.”

“Nhưng nếu ngài không tin họ, sao ngài lại dùng họ?”

“Bởi vì chúng là những kẻ dễ lường. Ngay cả khi chúng phản bội. Chúng phản bội là do lòng tham. Đó là thực tế của những con vật người.”

“Còn tôi thì sao? Sao ngài lại tin cậy bảo vệ ngài. Vì ngài trả lương cao cho tôi ư?”

“Không. Tôi đã quan sát cô trong hai năm nay. Tôi biết cô ghét cha cô, và tôi hiểu tại sao. Tôi biết cô đã làm những gì ở Iraq. Cô không ngại khó, và cô chưa bao giờ phản bội bộ quân phục của mình - không như cha cô. Tôi còn biết cô ngưỡng mộ tôi. Chúng ta, tôi và cô, là những con người cao thượng. Tôi không có con gái, và về mặt nào đó, cô không có cha. Tôi cũng mạo muội nghĩ nếu tướng Bauer đến đây giết tôi, cô sẽ chặn ông ta lại bằng một viên đạn.”

Geli tự hỏi không biết điều đó có đúng không. “Nhưng tại sao ngài lại thuê cả hai cha con tôi?”

“Khi Horst nói với tôi về cô, tôi nghĩ ông ta tìm cách hòa giải với cô. Nhưng hóa ra tôi lầm.”

Ả vỗ lấy khẩu súng. Cánh cửa sập của Bong bóng trượt mở với tiếng xì xì của không khí thoát ra. John Skow bước vào trong bộ complet trắng thơm, tóc tai gọn gàng đến từng cọng. Trông gã chẳng hề giống một người đang lo lắng về tương lai.

“Chào Geli,” gã nói.

Từ bên kia phòng, Godin lướt ánh mắt xanh lên người tên NSA. “Khám hẩn.”

Geli đẩy gã úp mặt vào tường thủy tinh plexi và khám xét cẩn thận. Không có gì.

“Ồ vui đây,” Skow nói. “Bây giờ đến lượt tôi khám cô nhé?”

Ả tự hỏi không biết tên này định giở trò gì đây. Gã không dám đến đây nếu không nắm đằng chuôi.

“Chào Peter,” gã nói. “Chúng tôi đã nắm được một số tình hình mới. Tennant đã ra công luận.”

Cơ mặt Godin co thắt lại trong một thoáng khó nhận thấy, nhưng khi cơn đau đã giảm, gò má chảy nhão của lão lấy lại được thần sắc cũ. Lão nhìn chăm chăm Skow bằng ánh mắt tóe lửa.

“Tennant đã làm những gì?”

“Hắn đã trốn khỏi bệnh viện Hadassah, đến một máy tính công cộng và gửi một bức thư đến những trung tâm điện toán hàng đầu thế giới. Hắn kể hết về Trinity. Cái chết của Fielding, cuộc mưu sát ông ta, tất tật.”

Godin nhắm mắt. “Công nghệ đó?”

“Hắn tiết lộ đủ để người ta tin hắn nói thật. Đủ để đẩy những nước như Nhật Bản trong vòng ba năm có được Trinity riêng của họ. Hắn nói với họ về cơ sở này. Tôi không biết làm sao hắn tìm ra White Sands. Có lẽ từ Fielding.”

Godin thở dài sòng sọc. “Ta đã xử không đúng với Tennant. Lẽ ra phải nói chuyện với anh ta... đối xử thỏa đáng với anh ta.”

Skow tiến đến gần giường. Geli đặt tay lên khẩu súng. A có thể tương ba viên đạn vào lưng gã trước khi gã đến sát giường Godin.

“Chúng ta lâm vào tình thế khó khăn, Peter ạ. Tôi đề nghị thế này...”

“Vứt mẹ cái đề nghị của anh đi,” Godin lầm bầm, chập vạt ngồi nhòm dậy trên giường. “Ngay từ đầu các người đã lừa tôi như một thằng khờ, nhưng các người sắp được biết mình đã sai như thế nào.”

Godin cầm điện thoại đầu giường và nhấn một nút.

“Ông gọi cho ai thế?” Skow hỏi, mặt vẫn căng căng.

“Rồi anh sẽ thấy. A lô. Tôi là Peter Godin. Tôi cần nói chuyện với tổng thống. Đây là vấn đề an ninh quốc gia... Sao?... Mã số là bảy ba bốn chín bốn không hai. Vâng tôi sẽ đợi.”

Skow tái mặt. “Godin...”

“Câm mồm.” Godin liếc nhìn Geli, rồi nói bằng giọng mạnh mẽ. “Thưa ngài tổng thống, tôi là Peter Godin.”

Geli chưa bao giờ nghe nói đến một thứ quyền uy như thế này. So với nó, quyền hành lừng lẫy của cha ả không là cái gì. Peter đã xưng danh với tổng tư lệnh với giọng như thế, Ngài tổng thống, tôi là Albert Einstein.

Peter nghe một hồi, rồi bắt đầu giải thích chi tiết vì sao lão cho xây căn cứ ở White Sands. Lão nói, cách đây một năm lão thấy lo ngại về tình hình an ninh ở Bắc Carolina. Có kẻ nào đó trong nội bộ Trinity đang phá hoại mã máy tính và có khả năng đã bán bí mật cho một cường quốc nào đó. Không muốn mời một cơ quan “thiếu tin cậy” như FBI hay CIA vì sẽ làm chậm dự án và ảnh hưởng đến an ninh Trinity, Godin đã dùng tiền riêng và quan hệ của mình để lập nên một cơ sở nghiên cứu an toàn. Ban đầu lão tin tưởng giao cho Skow điều tra hiểm họa kia, nhưng bây giờ lão tin rằng chính Skow là một trong những kẻ gây rối ngay từ đầu.

Tổng thống hỏi thêm vài câu, và Godin trả lời với vẻ tự tin tuyệt đối. Theo lão biết, thì Andrew Fielding chết vì nguyên nhân tự nhiên, nhưng không thể loại trừ việc có kẻ chơi xấu. David Tennant trở nên mất thăng bằng sau cái chết của Fielding và bị rối loạn tâm thần có thể do máy MRI gây nên. Tennant đã được hỗ trợ hết sức để hồi phục sức khỏe. Trước khi có những câu hỏi mới, Godin tranh thủ thông báo với tổng thống rằng Trinity chỉ còn không đầy mười hai giờ nữa là hoàn tất, và tất cả mọi dữ liệu đều cho thấy máy tính không chỉ đáp ứng mà còn vượt quá mong đợi đối với loại ứng dụng trí tuệ và vũ khí này. Thông báo đó làm thay đổi hoàn toàn tính chất cuộc đàm thoại.

Fielding, Tennant và sự tồn tại của White Sands bị lu mờ đi khi Godin hứa hẹn một sức mạnh không-mơ-thấy-nổi với người đã đủ thông minh và can đảm tài trợ cho một dự án có tầm quan trọng chiến lược như thế này. Godin tỏ ra vô cùng thoải mái cho đến cuối cuộc nói chuyện, khi lão kết luận danh gọn. “Vâng, thưa ngài, tất nhiên. Tôi hiểu. Tôi sẽ làm việc đó ngay bây giờ.”

Lão đưa điện thoại cho Geli, mắt vẫn dán vào Skow. “Cô ngạc nhiên vì tôi có thể làm được điều đó à? Ngay từ thời LBJ(2) tôi đã có thể giao thiệp thân mật với các tổng thống rồi.”

“Matthews nói gì lúc cuối vậy?” Skow thì thào.

“Ông ấy yêu cầu để giảm bớt lo ngại trên công luận Mỹ, tạm thời tôi hãy cho dừng mọi hoạt động.”

“Ông ấy lo ngại giới truyền thông.”

“Evan McCaskell đang trên đường đến đây. Họ đang thành lập một nhóm giám sát khẩn cấp. Ủy ban Thượng viện Đặc trách Tình báo.”

“Ông định làm gì bây giờ?” Skow hỏi.

Godin phẩy tay như đuổi một con ruồi, rồi nhìn tay NSA với vẻ căm ghét không che giấu. “Geli, nếu tên ký sinh trùng này làm gì mà không được phép của tôi thì giết hắn đi.”

Mặt Skow không còn giọt máu.

“Đây là việc anh sắp phải làm,” Godin nói. “Ra ngay đường băng. Tướng Bauer có thể đến bất cứ lúc nào.”

Một cơn ớn lạnh chạy dọc sống lưng Geli.

“Chắc chắn anh đã đoán ra việc này,” Godin nói. “Horst chắc đã hoảng sợ lúc Tennant ra trước công luận. Có lẽ ông ta đã gọi Nhà Trắng năm phút sau đó và nói với họ rằng tôi đã lừa ông ta để lập nên căn cứ này. Động thái tiếp theo của ông ta sẽ là đến đây bảo vệ máy điện toán. Tổng thống thậm chí có thể đã ra lệnh cho ông ta làm thế.”

“Ông muốn tôi nói gì với ông ta?” Skow hỏi.

“Nói rằng mọi âm mưu can thiệp vào nguyên mẫu Trinity sẽ dẫn đến sự giáng trả ở một quy mô không tưởng tượng nổi.”

Skow nheo mắt. “Ông đang nói về chuyện gì thế, Peter?”

“Chỉ là nhắc cho viên tướng nhớ mấy việc mà ông ta phải nhớ kỹ lúc này.”

“Đó là việc gì?”

“Tôi không bao giờ lừa gạt.”

Skow liếc nhìn Geli, rồi đến khẩu súng của ả.

“Đi ra,” Godin rít lên.

Skow quay lưng rời khỏi Bong bóng.

“Sao ngài lại để cho gã đi?” Geli hỏi. “Ít nhất cũng để tôi khóa gã lại trong phòng.”

“Bây giờ gã không thể làm gì được nữa.”

“Một mình thì có lẽ. Nhưng gã có thể kết hợp với cha tôi?”

Godin lắc đầu như thể thời gian cho những lo lắng tầm thường đã qua. “Gọi Levin ở nhà Cách ly cho tôi.”

Geli bấm số rồi đưa ống nghe lên mặt ông già.

“Levin đây à?” Godin nói. “Nghe tôi nói đây. In nomini patri, et filii et spiritussancti(3).”

Geli không nghe rõ phần cuối của câu nói.

“Ông chắc không, Peter?” Levin hỏi. “Nguyên mẫu Fielding mới chỉ đạt được còn lại tám mươi một phần trăm.”

“Nguyên mẫu của tôi sẽ phải giải nốt thuật toán cuối cùng,” Godin nói.

Một hồi im lặng. “Đây là kết thúc à?”

Đôi môi xám ngoét của Godin hầu như không mấp máy. “Chưa. Nhưng có lẽ chúng ta không nên nói chuyện theo cách này nữa. Cậu hãy chuẩn bị đón khách.”

“Chúng tôi chuẩn bị rồi. Tôi đã nghe mấy người lính nói chuyện bên ngoài nhà Cách ly. Họ nói viên tướng đang trên đường về nước.”

Geli thấy lạnh trong người.

Godin ho vào ông nói. “Nhớ này... không có kết thúc nào đối với tôi lúc này. Kết thúc là bắt đầu.”

“Đó là một đặc quyền, thưa ngài. Và tôi sẽ có mặt ở đó phục vụ ngài khi đạt đến trạng thái Trinity.”

Godin nhắm mắt. “Tạm biệt, bạn của tôi.”

Geli gác máy. Cha ả đã đến đâu rồi? Căn cứ Huachuca chỉ cách đây ngót năm trăm cây.

Godin nắm cổ tay ả làm ả giật mình. “Cô có hiểu chuyện gì sắp xảy ra không Geli?”

“Có thưa ngài. Levin sắp kết xuất nguyên mẫu thần kinh của Fielding khỏi máy điện toán và đưa mẫu của ngài vào. Khoảng một tiếng nữa, nguyên mẫu của ngài sẽ đạt đến trạng thái Trinity. Ngài sẽ trở thành máy tính Trinity. Hay ngược lại máy tính biến thành ngài.”

Godin gật đầu yếu ớt. Những sự kiện trong mấy phút vừa qua đã rút kiệt sức lực của lão. Tiếng thở của lão trở nên nặng nhọc.

“Điều đó có thể giúp gì cho ngài?” ả hỏi. “Ngay cả nếu Trinity hoạt động, tất cả những gì họ phải làm là dừng nó lại, đúng không? Hoặc cắt nguồn điện của nó?”

“Ngay bây giờ có lẽ Skow đang mưu tính phải làm thế nào. Nhưng gã thất bại rồi.”

“Cha tôi sẽ đem lính tráng và các thiết bị đến đây cùng với ông ấy.”

Godin nhắm mắt. “Hãy để tôi lo chuyện đó. Nếu may mắn, cô có thể sẽ không cần phải bắn ai cả. Ít nhất là những người lính Mỹ.”

Geli muốn gào lên. Ông già không biết một lực lượng như thế nào đang nhanh chóng được dàn trận chống lại mình. Nhà Cách ly trông có vẻ vững chắc đấy, nhưng Horst đã từng hạ ngót những mục tiêu còn rắn hơn nhiều trong sự nghiệp của ông ta.

“Tôi phải sống để nhìn thấy điều này,” Godin thì thầm. “Sẵn sàng nổ súng.”

Geli ngồi phệt xuống nền nhà tựa lưng vào tường và hướng nòng khẩu Walther của ả ra cửa.

Chú Thích:

1. Viết tắt của: Conseil Européen pour la Recherche Nucléaire (Hội đồng Nghiên cứu Hạt nhân Châu Âu).

2. Lindon Baine Johnson.

3. Tiếng Latin, Nhân danh Cha và Con và Thánh thần.

CHƯƠNG 36

Khi tôi xưng tên ở cổng tòa nhà Mossad, chúng tôi lập tức bị kéo vào trong và khám xét. Tiền bạc và giấy tờ của tôi bị tịch thu hết. Rồi chúng tôi bị khóa trái trong một căn phòng màu trắng không có gì ngoài một chiếc bàn gỗ và ba chiếc ghế.

Một sĩ quan mặc thường phục xuất hiện và hỏi chúng tôi đến đây làm gì. Tôi nói muốn gặp quan chức cao cấp nhất của Mossad. Hắn buộc tôi phải cung cấp thông tin, nhưng tôi từ chối nói thêm. Viên sĩ quan rời phòng và khóa cửa sau lưng.

Bốn mươi phút trôi qua.

Rachel không nói gì. Nàng hiểu rằng mọi lời nói của chúng tôi đều bị ghi âm lên bằng microphone bí mật. Mặc dầu nóng lòng muốn đến ngay New Mexico, tôi vẫn thấy mình chìm trong một tâm trạng thanh thản kỳ lạ. Rachel có lẽ cũng cảm thấy điều đó, vì nàng nhào người ra nắm tay tôi như thể muốn được tiếp thêm sức mạnh.

Cuối cùng cánh cửa mở ra, một người thấp lùn, da sần sùi như của một chiến binh sa mạc bước vào ngồi sau bàn. Tuổi trạc ngoài năm mươi, gã mặc bộ kaki phủ bụi và đi đôi giày te tua. Gã có bộ tóc bạc dày dặn, và đôi mắt cảnh giác nhất mà tôi từng thấy.

“David Tennant,” gã nói, mắt nhìn vào hồ sơ đang cầm trong tay. “Bác sĩ, tác giả sách, nghi can ám sát tổng thống. Anh là kẻ bị săn lùng nhiều nhất ở Mỹ tuần này. Do đâu chúng tôi có được vinh hạnh này?”

“Ngài có phải là chỉ huy của Mossad không?”

“Phải. Thiếu tướng Avner Kinski.”

“Tôi tưởng ngài phải ở Tel Aviv chứ?”

“Tôi đã ở Bathlehem. Đầu giờ sáng nay có vụ ném bom ở đó.”

“Tôi rất tiếc.”

“Tất nhiên.” Kinski vô hồn cười lấy lệ. “Vậy, tại sao ông đến đây?”

“Tôi cần được ngài giúp đỡ.”

“Đề làm gì?”

“Tôi cần liên lạc với Ngoại trưởng Mỹ, trong thời gian sớm nhất có thể.”

Câu trả lời của tôi làm gã ngạc nhiên, mà theo tôi, gã có vẻ thuộc loại người hiếm khi ngạc nhiên trước chuyện gì. “Tại sao ông lại muốn trở về Mỹ? Theo tôi biết ở đó ông không được yêu mến lắm đâu.”

“Đó là việc của tôi.”

Tay chỉ huy Mossad ngả người trên ghế, nét mặt tỏ vẻ kinh ngạc. “Chính xác ông muốn tới đâu?”

“White Sands, New Mexico.”

“Thú vị thật. Ông có biết chính phủ chúng tôi được yêu cầu bắt giữ ông không?”

“Tôi cũng đoán thế.”

“Chính phủ chúng tôi cố gắng hợp tác với chính phủ nước ông bất cứ khi nào có thể.”

“Nhưng không phải lúc nào cũng thế. Đặc biệt là khi dính dáng đến các vấn đề vũ khí và công nghệ.”

Tay trùm tình báo khụt khịt và ngả người về phía trước, đôi mắt gã nhìn tôi thách thức.

“Ông trốn khỏi bệnh viện Hadassah, thế mà lại chạy thẳng đến rơi vào tay tôi. Tại sao?”

“Vì tôi biết ngài có thể giúp tôi.”

Kinski lắc đầu. “Có thể ông đã không chạy thẳng đến đây ngay. Từ lúc rời khỏi Hadassah cho đến

khi tới đây, ông đã qua những đâu?”

“Ngài sẽ được biết ngay thôi.”

“Tôi muốn biết ngay bây giờ.”

“Rất tiếc.”

“Hãy nói với tôi điều gì đi, bác sĩ. Có phải ý định của ông là giết tổng thống Mỹ không?”

“Ngài thấy tôi có vẻ là một tên giết người à?”

Kinski nhún vai. “Những kẻ giết người xuất hiện dưới mọi hình dáng, kích thước. Phụ nữ. Những chàng trai trẻ. Bọn thiếu niên tươi cười. Trông ông rõ ràng là một tay cuồng tín.”

“Tôi không phải kẻ giết người.”

“Tuy nhiên ông đã giết. Tôi nhìn thấy điều đó trong mắt ông.”

“Để tự vệ.”

Gã sắp tỉnh báo châm một liều thuốc và rít thật sâu. “Chúng ta đã lạc đề mất rồi. Điều gì khiến ông tin rằng tôi sẽ giúp ông bí mật bay về Mỹ?”

“Tôi có một thứ mà ông muốn.”

Đôi mắt sẫm lóe lên. “Bây giờ ông là thương gia đấy à?”

“Tôi biết thế giới này vận hành như thế nào.” Tôi ngả người ra trước. “Ở Mỹ có một dự án quốc phòng bí mật gọi là Trinity. Nó đã hoạt động trong hai năm nay, và chỉ mấy giờ nữa sẽ tạo ra một vũ khí mạnh nhất trên trái đất này. Tôi biết về thứ vũ khí ấy nhiều hơn bất cứ kẻ nào ông có thể nắm trong tay trong tương lai dự kiến.”

Mồm gã Israel trễ xuống.

“Tôi biết điều này không làm ngài hoàn toàn ngạc nhiên,” tôi nói. “Tôi là một trong sáu người biết tường tận mọi chi tiết của nó ngay từ những bước khởi đầu. Tôi được chính tổng thống bổ nhiệm vào dự án đó. Bởi vậy, ngài có hai lựa chọn. Một là, ngài có thể tống tôi vào tù và tra tấn tôi để lấy được những điều tôi biết. Nhưng có nhiều người biết tôi đã ở Israel - kể cả tổng thống - nên làm thế có thể gây rắc rối cho ngài. Hai là, ngài có thể cho tôi bay đến White Sands. Nếu ngài làm thế, ngài có thể cho bất cứ nhà khoa học nào mà ngài muốn lên máy bay cùng với tôi, và tôi sẽ nói với họ tất cả những điều tôi biết về Trinity.” Tôi ngồi ngay ngắn lại trên ghế. “Đó là đề nghị của tôi.”

Khói thuốc cuộn lên bông bênh từ miệng Kinski. Trông gã có vẻ bình thản, nhưng tôi biết những lời nói của tôi gần như đã hạ gục gã khỏi ghế.

“Hãy nói cho tôi biết bản chất của thứ vũ khí đó, bác sĩ.”

“Trí thông minh nhân tạo. Trinity sẽ làm cho những máy tính trong các phòng thí nghiệm vũ khí tối tân nhất của các ngài trở thành lỗi thời như đồng máy bay hai tầng cánh bằng vải bạt. Nó sẽ bẻ những mật mã phức tạp nhất của các ngài trong vòng vài giây. Và đó mới chỉ là bước đầu thôi. Tôi đang vội lắm, ngài thiếu tướng.”

Tay trùm giân điệp hít một hơi thuốc dài nữa, rồi đứng dậy và mỉm cười tán thưởng. “Ông là người táo bạo thật đấy, bác sĩ ạ.”

“Và?”

“Ông có một vé máy bay.”

White Sands

Năm phút trước khi máy bay của tướng Bauer chạm đất, gần tòa nhà Cách ly có tiếng súng nổ. Tiếng súng dội vào khu nhà, làm máu Geli Bauer sôi lên. Không có âm thanh nào trên trái đất giống như tiếng súng nổ trong giận dữ.

Godin bắt đầu tỉnh lại và nhấn nút để nâng chiếc giường điều khiển bằng điện lên. “Cha cô chắc đã ra lệnh cho tay chân cố gắng mở cửa tòa nhà Cách ly này.”

Geli tự hỏi có phải một đội quân sắp sửa tấn công vào Bong bóng không. “Các kỹ thuật viên có

được vũ trang không ạ?”

“Tất nhiên.”

“Họ khó có thể chống chọi trước một lực lượng quyết tâm và được trang bị tốt như thế.”

“Tôi nghĩ rồi cô sẽ ngạc nhiên.”

“Thưa ngài, tôi biết rõ điều tôi nói. Nếu...”

“Mấy giờ rồi?” Godin cắt ngang. “Tôi đã ngủ à? Levin có gọi đến không?”

“Ngài đã ngủ được một chút, nhưng không có ai gọi đến. Họ đã tải mẫu thần kinh của ngài lên cách đây một tiếng. Tại sao để biết một điều gì đó lại mất thời gian thế?”

“Cần có thời gian để quét một mẫu thần kinh ra khỏi máy tính. Sau đó cần một giai đoạn thích nghi sau khi mẫu thần kinh mới được tải lên. Tương tự như cú sốc trong y học, tôi nghĩ thế, khi trí óc phải tự quen dần với trạng thái tách rời khỏi cơ thể vật chất.”

“Việc ấy kéo dài bao lâu?”

“Mẫu thần kinh của Tennant bị rơi vào trạng thái mê mờ trong hơn một tiếng. Fielding thì ba mươi chín phút. Nhưng lúc đó hệ thống mới chỉ vận hành năm mươi phần trăm hiệu suất,”

Điện thoại reo. Đó là Levin. Giọng anh ta đứt quãng, và Geli nghe có tiếng thét trong máy. À giữ ống nghe áp vào tai Godin. Godin nghe, rồi nói, “Cám ơn, Levin. Chúc may mắn.”

Lão ra hiệu cho Geli gác máy, mặt lộ rõ vẻ thỏa mãn.

“Mẫu của tôi đã hoàn toàn thích nghi và đang tiến hành giải các thuật toán cuối cùng, với tốc độ ngang ngửa tốc độ của Fielding ngày trước.”

“Ngài nghĩ sẽ kéo dài khoảng bao lâu?”

Chuông điện thoại lại reo. Lần này là John Skow. Godin từ chối nói chuyện với gã.

“Geli,” Skow căng thẳng nói. “Máy bay của cha cô vừa hạ xuống đường băng. Ông ấy mang theo một hỏa lực đáng gờm. Chuyện tranh chấp nhỏ vừa qua chỉ là chuyện vặt. Chỉ như vũ khí cầm tay thôi. Nếu không có ai ở đó thuyết phục được Godin bắt Levin và người của lão rời khỏi nhà Cách ly, ông tướng sẽ cho phá hủy toàn bộ ngôi nhà cùng với máy tính.”

“Tôi sẽ chuyển tin nhắn này.”

À treo máy. Godin nhìn à chờ đợi.

“Skow nói cha tôi sẽ làm nổ tung tòa nhà Cách ly nếu ngài không ra lệnh cho các kỹ thuật viên ra ngoài.”

Mặt ông già nhăn nhúm lại vì cơn đau thần kinh. “Tôi không nghĩ ông ta sẽ làm thế mà không nói với tôi trước.”

“Ông ấy biết từng nào về những gì ngài đang tạo dựng ở đây?”

“Ông ta biết đó là trí thông minh nhân tạo. Ông ta biết tôi không phí thời giờ cho những việc nhỏ hơn. Nhưng ông ta biết rõ nhất là mình sẽ được trả bao nhiêu để giữ kín chỗ này.”

“Cha tôi có thể làm bất cứ chuyện gì để bảo vệ sự nghiệp của ông ấy. Nếu tổng thống muốn máy tính ngừng lại, ông ấy sẽ chơi luôn cả tòa nhà này mà không cần một giây suy nghĩ, nếu đó là cách duy nhất ông ấy có thể làm.”

Cửa phòng Bong bóng xì xì mở ra. Geli vùng súng lên và thấy mình đang nhắm đúng vào bố đẻ.

“Chắc chắn sẽ có ngày xảy ra chuyện này mà,” tướng Bauer nói, miệng nở nụ cười nhăn nhó.

Geli làm thinh. Vào tuổi năm lăm, cha à có cái vẻ của người chỉ mới ba mươi - tươm tất, rắn rỏi, tóc hoe vàng - và đôi mắt xám không cho phép ai cợt nhả trước mặt mình dù người đó ở cấp bậc hay cương vị nào. Ông ta bận một bộ đồng phục hạng A, trên ngực sáng lóa huân chương khiến à hiểu rằng ông ta vừa gặp mặt chánh văn phòng phủ tổng thống. Ông ta không đeo vũ khí bên hông, nhưng à trông thấy bao súng đeo vai lòi lên dưới áo khoác xanh sẫm.

Geli nhích gần đến giường đủ để trao đổi bằng mắt với Godin. “Thưa ngài, tổng thống yêu cầu ngài

cho dừng các hoạt động. Nếu ngài đã phát ra bất kỳ một lệnh nào như thế cho các kỹ thuật viên của ngài, thì họ làm lơ rồi. Họ đã lập tuyến phòng thủ trong tòa nhà Cách ly này và đã nổ súng vào lính của tôi. Tôi có hai lính bị chết và năm bị thương. Tôi yêu cầu ngài ra lệnh cho người của ngài ra ngoài ngay. Nếu ngài từ chối, tôi không còn cách nào khác là phải dùng vũ lực tổng họ ra ngoài.”

Godin chòng chọc nhìn lại Bauer nhưng không nói gì.

Geli biết cha ả đang nói với các thiết bị ghi âm bí mật. Godin có lẽ cũng biết thế. Ánh mắt giao nhau của hai người đàn ông nói nhiều hơn mọi lời lẽ.

“Ngài đã hiểu những gì tôi nói chưa?” tướng Bauer hỏi. Như thể ông ta đang nghĩ Godin đã gần cái chết đến mức mất trí xét đoán.

“Các kỹ thuật viên của tôi đã được chỉ thị không trả lời điện thoại của bất cứ ai,” cuối cùng Godin nói. “Kể cả tôi.”

“Vậy tôi sẽ cho đưa ngài ra ngoài. Ngài sẽ liên lạc với họ bằng loa phóng thanh.”

Godin mỉm cười yếu ớt, như thể lão chấp nhận chơi bài với tay làm thuê bí mật của mình. “Tòa nhà Cách ly được cánh âm hoàn toàn, thiếu tướng ạ. Nó cũng được xây bằng bê tông cốt thép. Ngoài hệ thống phát điện, nó còn có hệ thống cung cấp nước và không khí riêng.”

“Tôi có thể cho tòa nhà đó thành cát bụi trong vài giây,” Bauer nói. “Người của tôi đang đặt thuốc nổ. Tổng thống muốn giữ lại chiếc máy, nhưng nếu ngài từ chối hợp tác, tôi sẽ không ngần ngại phá tan nó.”

Lời đe dọa này có lẽ làm Godin hơi lay chuyển. “Tôi đang đợi kỹ sư chính của tôi gọi đến bất cứ lúc nào.”

Viên tướng liếc nhìn Geli, ông ta hơi thả lỏng để dáng điệu bớt cứng nhắc hơn. “Thật ra họ đang làm công việc quái quỷ gì ở đó vậy, ngài Peter?”

“Cỗ máy mạnh nhất mà con người từng tạo ra.”

“Nếu vậy bức e-mail của bác sĩ Tennant về những khả năng của cỗ máy đó là chính xác?”

“Không thể đánh giá chúng cao hơn nữa được đâu.”

Một ánh nghi ngờ lướt qua mặt tướng Bauer. Ông ta nhìn sang Geli để chờ câu xác nhận, nhưng ả ngoảnh mặt đi, buồn nôn vì ghê tởm. Cha ả đứng kia như một kẻ đầy quyền lực, một phái viên của tổng thống, nhưng ông ta lại cũng tham gia vào Trinity ngay từ đầu. ả không buông lỏng tay súng. Nếu cha ả nghĩ việc giết Godin có thể giúp ông ta tránh được các hậu quả chính trị, thì ông ta chẳng ngại ngần gì mà không làm.

“Ngài không cho tôi một lựa chọn nào khác,” Bauer nói. Ông ta liếc khẩu súng trong tay Geli, rồi quay người bước đi.

Tiếng chuông điện thoại reo giữ chân ông ta lại. Geli dùng tay còn rồi nhắc máy lên đưa cho Godin. ả lại nghe thấy những giọng nói vội vã trong ống nghe, một người nói gì đó về đạn dược. Rồi giọng Zach Levin cất lên đồng đặc, “Thưa ngài, đã đạt được trạng thái Trinity... Tôi nhắc lại, đã đạt được trạng thái Trinity.”

Mắt Godin nhắm lại, đầu lún sâu xuống gối. “Cám ơn, Levin. Tiến hành đi.”

Lão buông rơi ống nghe trên nệm.

“Chết tiệt! Sao ngài dám bảo nó tiến hành?” tướng Bauer hỏi.

Đôi mắt xanh mở ra với vẻ dương dương tự đắc. “Đã đạt được trạng thái Trinity. Bây giờ thì anh không làm gì được nữa.”

“Peter, lạy Chúa. Ngài nói cái gì vậy?”

“Trinity đang kiểm soát.”

“Kiểm soát cái gì?” Bauer liếc ra cửa Bong bóng như thể có cách nhìn thấy tòa nhà Cách ly. “Ngài đang nói cái quái quỷ gì vậy?”

“Horst, chúng ta biết nhau quá lâu rồi. Anh biết tôi là người trọng lời nói. Nếu anh có ý định đột nhập hay phá hủy nhà Cách ly, thì anh sẽ phá hoại đất nước mà anh đã thề bảo vệ.”

Mắt Bauer nheo lại, vừa nghi ngờ vừa bối rối.

“Anh sẽ được hiểu ngay thôi,” Godin nói. “Vì quyền lợi của chính anh, tôi khuyên anh hãy kiên nhẫn và thận trọng.”

Viên tướng bước lại gần giường và nói mềm mỏng. “Ngài biết tôi luôn ủng hộ sự nghiệp của ngài bất cứ khi nào có thể. Nhưng lúc này không phải tình thế chúng ta nói đến. Đây là một búi thông tin khổng lồ mà giới truyền thông toàn cầu đang lao đến săn.”

Godin lơ đãng phẩy tay. “Tôi chắc anh sẽ có cách để thoát ra được. Anh lúc nào chả thế.”

Tướng Bauer thở dài, rồi quay lưng bước ra khỏi Bóng bóng mà không liếc về phía Geli lấy một cái.

Ả lại có linh tính như hồi bé. Cha ả đã không xử lý tốt chuyện bất ổn. Ả quay lại phía Godin và thấy lão đang khóc. Cảnh tượng ấy làm ả sững sờ.

“Có chuyện gì thế, thưa ngài?”

Godin đưa bàn tay run rẩy lên sờ mặt mình như thể xem nó còn đó không. “Tôi đã làm được rồi. Cô đang nhìn thấy người đầu tiên trong lịch sử thế giới tồn tại trong hai không gian cùng một lúc.” Từ đôi mắt ông già tỏa ra ánh sáng huyền diệu. Huyền diệu và an bình. “Tôi sẽ chết trên chiếc giường này. Nhưng trong nhà Cách ly, tôi lại tiếp tục sống.”

Geli chẳng biết nói gì. Ngay cả nếu Godin nói đúng, thì máy tính cũng không thể tồn tại lâu được.

“Xin hãy cầm tay tôi, Geli. Làm ơn.”

Đôi mắt lão khẩn khoản. Geli đưa bàn tay không cho lão, và lão siết chặt lấy như một đứa trẻ.

“Bây giờ tôi có thể ra đi. Tôi có thể để cho thân xác này chết được rồi.”

Một tiếng súng nổ chát chúa vang vọng trong khu nhà. Geli nghiêng chặt răng và vội rút tay lại.

CHƯƠNG 37

Chuyến bay El Al 462

Tám km trên Đại Tây Dương

Thiếu tướng Kinsky của Mossad đã đặt toàn bộ khoang trên của chiếc El Al 747 cho cuộc hành trình của chúng tôi trở lại Mỹ. Các nhân viên Mossad canh gác không cho hành khách cũng như tiếp viên bước chân lên cầu thang. Khi máy bay đến New York, Rachel và tôi được chuyển sang một chuyên cơ phản lực riêng, đưa chúng tôi đến Albuquerque, New Mexico. Từ đó, một trực thăng chuyên dụng lại chở chúng tôi đến tận cổng Bãi thử White Sands.

Để trả công cho sự bố trí này, tôi đã phải dành ba giờ trên ghế đầu hàng, lược thuật cho năm nhà khoa học Israel về Dự án Trinity. Một chiếc camera ghi lại những lời tôi nói, nhưng hầu hết các nhà khoa học đều tự mình ghi chép. Tướng Kinsky có vẻ thích thú khi thấy tôi có thể thoải mái thảo luận về một công trình nhạy cảm như thế, nhưng gã không nắm bắt nổi bản chất thiết yếu của Trinity. Sự tồn tại của máy tính đơn Trinity đã xóa sổ những mô hình an ninh quốc gia cũ. Với loài người, sẽ không còn an ninh nữa.

Rachel ngồi sau các nhà khoa học hai dãy, trên một chiếc ghế bên lối đi giữa. Khi tôi nói, đôi mắt đầy biểu cảm của nàng bộc lộ những cảm xúc không nén được: lo lắng, buồn bã, nghi hoặc, giận dữ. Tôi muốn đưa nàng ra phía sau máy bay mà trấn an nàng, nhưng những người Israel lại nghĩ khác.

Tướng Kinsky chốc chốc lại bước về cuối khoang trên để gọi điện thoại vệ tinh. Qua báo cáo của gã, tôi biết rằng bức e-mail tôi gửi từ tiệm Strudel đã tạo ra sự hoảng loạn mà tôi muốn. Những lý thuyết đằng sau Dự án Trinity đã nhanh chóng được các nhà khoa học máy tính hàng đầu thế giới công nhận. Trong nỗ lực đặt câu chuyện vào đúng hoàn cảnh, nhiều nhà bình luận trên các phương tiện truyền thông đã so sánh với cuộc tranh cãi về nhân bản vô tính năm 1998. Nhưng tác động của Trinity đã khiến ý tưởng về nhân bản vô tính trở nên gần như lỗi thời. Lần thứ sáu trở lại từ phía sau khoang máy bay, tướng Kinski chạm vai tôi, mặt căng ra vì lo lắng.

“Cái gì thế?” nhà khoa học từ viện ChaimWeizmann hỏi. “Có chuyện gì vậy?”

Sếp tình báo Mossad xoa chiếc cằm rậm nắng. “Các chuyên gia điện toán khắp nơi trên thế giới bắt đầu chú ý đến một chuyện đang diễn ra trên Internet.”

“Chuyện gì?”

“Một thực thể chưa xác định đang di chuyển một cách có hệ thống qua tất cả các mạng máy tính lớn và cơ sở dữ liệu trên toàn thế giới. Các tập đoàn, ngân hàng, văn phòng chính phủ, căn cứ quân sự, thiết bị phòng vệ từ xa. Mạng lưới an ninh hiện có như tường lửa hầu như không ngăn chặn được nó. Mọi người đang suy đoán công khai nó là máy tính Trinity.”

“Có lẽ chỉ là một hacker có tài thôi,” người khác đoán. “Hay một nhóm. Thực thể này có phá hủy các file không?”

“Không. Nó chỉ xem xét mọi thứ. Gần như thể nó đang lập bản đồ thế giới máy tính. Một số kẻ nghiệp dư - những hacker - tuyên bố đã lần ra dấu vết nguồn của những mẫu này là từ New Mexico.”

“Vậy tôi nghĩ chúng ta phải giả định đó chính là Trinity,” nhà khoa học Weizmann nói. “Điều tôi không hiểu là tại sao người ta không cắt nguồn điện của cái máy ấy nhỉ.”

Tôi lắc đầu. “Godin đã có kế hoạch cho nó từ lâu rồi. Tôi ngờ rằng cắt nguồn điện của Trinity sẽ gây ra hậu họa khôn lường.”

Tướng Kinsky rõ ràng đã đi trước các nhà khoa học. “Chúng ta đã nói nhiều về thiết kế và các khả năng của máy tính đó. Chúng ta chưa thảo luận xem ý định của nó có thể là gì.”

“Cơ hội tốt nhất cho ngài hiểu được điều đó là hiểu Peter Godin,” tôi nói. “Nếu có một mẫu thân kinh nào được tải lên thành công, thì đó là của Godin.”

“Ông biết người ấy hai năm rồi. Ông có thể cho chúng tôi biết những gì?”

“Ông ta cực kỳ thông minh.”

“Cái ấy thì rõ rồi.”

“Ông ta có quan điểm cứng rắn về chính trị.”

“Chẳng hạn?”

“Ông ta từng nói rằng nguyên tắc một người, một lá phiếu, đã làm cho nước Mỹ hùng mạnh thì cũng chính cái nguyên tắc ấy sẽ phá hủy nước Mỹ hoàn toàn.”

Kinsky phá lên cười. “Còn gì nữa?”

“Godin đã đọc rất sâu về lịch sử, lý thuyết chính trị và có kiến thức triết học vững vàng. Ông ta không theo tôn giáo.”

“Tôi cho rằng giống như tất cả những người thành đạt, ông ta có bản ngã mạnh mẽ.”

Tôi gật đầu.

“Tôi biết điều ấy mang nhiều tính lịch sử,” tay trùm Mossad nói. “Trao cho một kẻ thông minh quyền lực vô hạn thì sẽ nảy sinh nhiều chuyện động trời.”

Các nhà khoa học trang nghiêm gật đầu, nhưng tài tuyên bố những chân lý hiển nhiên của ông tướng khiến tôi mỉm cười.

“Xin cho tôi biết, bác sĩ,” Kinski nói. “Tại sao ông nôn nóng muốn đến White Sands như vậy?”

“Để ngăn chặn ông ta. Để ngăn chặn Godin.”

“Ông định làm thế nào?”

“Nói chuyện với ông ta.”

“Ông nghĩ chỉ nói chuyện thôi có thể ngăn chặn được ông ta ư?”

“Tôi là người duy nhất có thể làm được điều đó.”

Kinsky lắc đầu. “Làm sao ông biết được.”

“Ông không muốn biết đâu.”

Gã nhìn tôi như nhìn một kẻ loạn trí trên phố. “Nhưng tôi muốn biết.”

“Tôi nói nhầm, thưa thiếu tướng. Đáng lẽ tôi phải nói Godin là người duy nhất làm được việc đó. Ông ta là người duy nhất có thể ngăn chặn chính mình.”

“Tổng thống Mỹ có thể có ý kiến khác về vấn đề này, chưa nói gì đến các tướng lĩnh Mỹ.”

“Đây là điều tôi lo ngại.” Tôi lấy cả hai tay xoa mặt. “Bây giờ tôi muốn nghỉ ngơi, nếu có thể.”

Kinsky vỗ vai tôi. “Chóng thôi, bác sĩ. Nhưng trước hết có vị nào hỏi thêm gì không?”

White Sands

Nara Ravi thích thú nhìn các binh lính đến từ căn cứ Huachuca dựng một bốt chỉ huy cực kỳ tối tân quanh y trên khu đất bỏ không của tòa nhà Hành chính vốn trước kia là kho chứa máy bay. Skow không thèm giới thiệu tướng Bauer với y, nhưng qua nghe ngóng, y cũng thu lượm được nhiều.

Tình báo Quân sự từ lâu đã tạo ra một phòng Tình thế di động có thể đặt ở bất cứ nơi nào trên thế giới. Tập trung xung quanh một bàn bầu dục lớn là những màn hình plasma khổng lồ được cắm vào hàng loạt máy tính và đầu nối truyền tin. Một chảo ăng ten vệ tinh nối phòng Tình thế với tất cả các cơ sở tình báo Mỹ và vệ tinh giám sát trên quỹ đạo hoặc trên trái đất.

Khi Skow hỏi tướng Bauer làm thế nào ông ta biết mà đưa các thiết bị chuyên dụng đến, Bauer chặc lưỡi cay đắng.

“Tuyên bố của bác sĩ Tennant về khả năng của máy tính này khá chi tiết. Và tôi hiểu Peter Godin. Ông ta không đời nào tự nguyện từ bỏ thứ quyền lực lớn đến vậy. Đó là thực tế của Nietzsche(1).” Viên tướng khinh bỉ liếc nhìn Skow. “Tôi không tin có lúc anh lại nghĩ rằng nhà Cách ly đã được cách

biệt hoàn toàn với thế giới bên ngoài.”

“Nhưng đó là điểm chính trong thiết kế của nó,” Skow nói.

Bauer khịt mũi. “Anh làm cái quái quỷ gì ở Bắc Carolina? Chơi golf à? Các kỹ sư của Godin đã quản lý khu này trong nhiều tháng. Ông ta bay đi bay lại nhiều lần bằng máy bay chở hàng. Có lẽ họ đã làm mọi chuyện ở đây. Nếu anh tin máy tính ấy không được nối kết với bất cứ cái gì thì tôi có mấy mảnh đất ven biển ở gần căn cứ Huachuca muốn bán cho anh.”

Mười phút sau, các chuyên gia tin hiệu của ông tướng phát hiện ra một đường ống chạy sâu dưới cát xung quanh tòa nhà cách ly. Ống thép nhìn bề ngoài như đường ống nước, nhưng nó ngăn chặn bức xạ điện từ. Đường ống chạy về phía Bắc hàng cây số và nhiều khả năng có chứa đường cáp nối máy tính Trinity với cơ sở dữ liệu chính OC48c phục vụ cho Bãi thử White Sands.

Trong khi dựng phòng Tình thế thì xảy ra mấy sự kiện sau. Đầu tiên, một khu nhà tạm của cánh nhà báo và xe truyền hình lưu động xuất hiện bên ngoài cổng chính. Hai là, giới chuyên môn về máy tính trên khắp thế giới đã phát hiện ra sự hiện diện kỳ lạ trên Internet, một thực thể di chuyển qua tất cả các mạng máy tính và cơ sở dữ liệu với tốc độ dễ dàng và càn quét mọi chỗ. Ba là, McCaskell đã cắt cánh khỏi căn cứ Không lực Andrews trên một chiếc phản lực siêu thanh và sắp đến White Sands.

Khi một người trong nửa tiểu đội lính đang lắp bảng điều khiển trong phòng Tình thế thông báo máy bay của McCaskell sắp hạ xuống đường băng của White Sands, Bauer quay sang Skow.

“Tôi muốn đưa Godin vào đây.”

Skow lắc đầu. “Chúng ta không muốn ông già nói chuyện với McCaskell đâu.”

“Tôi cóc cần cái ấy. Godin biết nhiều điều mà tôi cần biết. Ông ta chết ở đây thì cũng như ở bệnh viện thôi.”

Skow miễn cưỡng bước đi.

“Nói với con gái tôi, tự tôi sẽ bảo đảm an toàn cho Godin!” Bauer hét với theo. “Nó có thể nằm trên giường với ông ta cùng khẩu súng nếu muốn.”

Sau khi Skow đi khỏi, tướng Bauer ngược nhìn lên màn hình có cảnh tòa nhà Cách ly ngập trong ánh sáng. Ông ta nhìn chăm chú vào đó một lát rồi quay sang Ravi.

“Anh là bác sĩ tâm thần phải không, bác sĩ Nara?”

“Phải, thưa thiếu tướng,” Nara lại gần chiếc bàn bầu dục.

“Godin đã mất trí rồi phải không?”

“Không, thưa sếp.” Ravi đoán viên tướng sẽ khoái nghe gọi sếp dù là dân thường nói. “Ông ta hoàn toàn tỉnh táo.”

“Căn bệnh u não của ông ta thế nào?”

“Khối u đã tồn tại trong não ông ta một thời gian, nhưng khi máy Siêu-MRI của chúng tôi phát hiện ra thì nó còn rất nhỏ. Hồi ấy khối u đã không mô được, nhưng nó không ảnh hưởng đến trí tuệ của ông ta. Ngay cả bây giờ tôi nghĩ cũng không ảnh hưởng.”

Tướng Bauer trừng trừng nhìn Ravi. “Nhưng anh có thể làm chứng khác đi trong cuộc điều trần ở Quốc hội.”

Ravi tránh cặp mắt của ông ta. “Điều ấy hoàn toàn có thể. Đây là một ca rất phức tạp.”

“Skow nói với tôi là anh đã định giết ông ta. Ý tôi là Godin ấy.”

Ravi không biết nên trả lời thế nào.

Bauer ngoác miệng cười với y. “Đừng đi đâu xa, bác sĩ. Tôi có thể cần anh đây.”

Ravi cúi đầu.

Evan McCaskell sải bước vào phòng Tình thế với hai nhân viên Mật vụ tháp tùng hai bên. Cũng giống như Skow, ông tốt nghiệp Đại học Massachuset, nhưng ông đã bỏ lại tí phía sau vẻ màu mè của dân tinh hoa. Chánh văn phòng phủ tổng thống có bộ tóc đen và mặc bộ đồ màu xanh hải quân sẫm đến

mức trông gần như đen. Ông ngự trên ghế đầu bàn và ra hiệu cho tướng Bauer đến ngồi bên phải mình.

Skow đã trở lại và ngồi vào một chiếc ghế xa hơn dọc bàn. Khi viên tướng vậy Ravi cùng tham gia, Ravi rón rén ngồi vào cuối bàn, đối diện McCaskell.

“Peter Godin sẽ đến đây trong ít phút nữa,” Skow nói. “Họ đang chuyển các thiết bị trợ giúp sự sống của ông ta đến đây.”

McCaskell gật đầu và đưa mắt nhìn quanh bàn, đôi mắt ông sáng lên chăm chú như tia laser. “Thưa ông, tôi đến đây để đánh giá tình hình này và cũng để dập tắt bất kỳ nguy cơ nào nhằm đến tổng thống trước khi nó xảy ra.”

Vẻ mặt của tướng Bauer trở nên căng thẳng.

“Bây giờ,” McCaskell tiếp tục, “chúng ta sẽ thảo luận vấn đề bằng cách quái quỷ nào mà cái cơ sở trái phép này mọc ra, và khi mọi việc xong xuôi, đầu ai sẽ lên thớt đây?”

Skow nhìn xuống bàn.

“Peter Godin nói với tổng thống rằng chưa có mẫu thần kinh nào được tải lên máy hết, nhưng các phương tiện truyền thông đã loan truyền về một máy tính đang thâm tóm mạng Internet. Chuyện gì đó đang xảy ra trên Internet. Đây chính là chuyện chúng ta phải xử lý đây, phải không thưa ông?”

Tướng Bauer nói, “Tôi cho rằng anh Skow và tiến sĩ Nara đây có thể nói về vấn đề này rõ hơn tôi.”

“Ai biết rõ hơn thì xin nói đi,” McCaskell gắt.

“Chúng ta phải giải quyết một việc mà trước nay chưa ai từng đối mặt,” Skow nói. “Gần như chắc chắn đã có một mẫu thần kinh được tải lên chiếc máy tính đó. Và mẫu thần kinh ấy gần như chắc chắn là của Peter Godin. Nhưng tất cả chúng ta có thể tin chắc rằng chúng ta đang phải đối đầu với một trí thông minh siêu việt.”

McCaskell không thích câu trả lời ấy. “Nhưng vẫn là Peter Godin, đúng không?”

“Đúng và sai. Mẫu thần kinh của Peter Godin là trí tuệ của ông ta, theo nghĩa chính xác nhất của từ này. Nhưng từ thời điểm nó đi vào máy tính, nó hoạt động với một tốc độ nhanh hơn rất nhiều so với khi bị giới hạn trong mô hữu cơ của bộ não. Tiến sĩ Nara?”

Ravi coi đây là dấu hiệu tốt rằng Skow đã tin cậy y. “Các tín hiệu điện trong máy tính truyền nhanh hơn khi ở trong óc người khoảng một triệu lần, thưa ngài McCaskell.”

“Và sự khác nhau không chỉ ở tốc độ,” Skow làm sáng tỏ thêm. “Một khi nó bắt đầu hoạt động dưới dạng số hóa, trí tuệ của Godin sẽ có năng lực học hỏi theo cách hoàn toàn mới. Một khối lượng dữ liệu lưu trữ khổng lồ có thể được tải vào. Do đó rất có thể, ít nhất là về mặt lý thuyết - từ thời điểm máy tính đạt đến trạng thái Trinity, các kỹ thuật viên của Godin đã nạp dữ liệu vào. Lịch sử, toán, chiến lược quân sự. Nó cũng có thể rà soát Internet và tiếp thu hết những gì nó thấy, từ tất cả các dấu hiệu ta có thể giả định điều này đang diễn ra.”

McCaskell kinh ngạc lắc đầu.

“Sẽ là sai lầm nếu coi máy tính Trinity chỉ như sự mở rộng trí tuệ của Peter Godin,” Skow nói. “Mẫu thần kinh Godin đã rời bỏ con người Godin cách đây vài giờ. Và một giờ với Trinity là một thế kỷ đối với chúng ta. Lúc này, mẫu Godin đang tiến hóa tới độ không ai trong chúng ta có thể dự liệu cách giải quyết.”

“Anh nói cứ như nó là một kiểu thần thánh gì ấy,” McCaskell nói.

Skow nhìn vị chánh văn phòng phủ tổng thống với vẻ kẻ cả.

“Đó chính là lý do chúng ta nói về một mẫu thần kinh hoạt động như hiện tại trong ‘trạng thái Trinity’. Nó vừa là người vừa là máy, nhưng nó kỳ diệu hơn cả hai.”

“Vậy tôi trình bày với tổng thống thế quái nào đây?”

“Rằng chúng tôi vẫn chưa biết đang phải xử lý chuyện gì,” tướng Bauer nói.

“Thế bao giờ thì biết?”

“Khi nào máy tính nói gì đó với chúng ta,” Skow đáp.

“Khôn kiếp,” McCaskell buột miệng. “Tôi vẫn chưa hiểu sao không có ai cắt điện cái máy ấy.”

Tướng Bauer hắng giọng. “Godin đã cảnh báo chúng ta rằng làm thế sẽ là một sai lầm đắt giá.”

“Thì ông có thể mong ông ta nói gì khác nữa?”

“Tôi đã biết Godin từ nhiều năm nay, thưa ngài. Tôi không có ý định thử tính trung thực của ông ta trong trường hợp này.”

“Ông sợ gì vậy, thiếu tướng?”

Tướng Bauer căng người ra trước lời ám chỉ mình hèn nhát, nhưng ông ta cố giữ giọng bình thản.

“Ngài McCaskell, NSA tài trợ cho Dự án Trinity vì tin rằng cỗ máy này có tiềm năng trở thành thứ vũ khí mạnh nhất trong lịch sử. Vũ khí đó lúc này đang tự định hướng và nhắm vào chúng ta. Không cần phải có bằng đại học kỹ thuật California mới biết được nước Mỹ phụ thuộc vào hệ thống máy tính như thế nào. Tôi sợ cái gì, thưa ngài? Tôi sợ chiếc máy này sẽ ở vào thế tổng tiền chúng ta giống như cách Liên Xô chưa bao giờ giải quyết được vấn đề vũ khí hạt nhân. Bởi vì chúng ta không có cách gì ngăn cản được nó. Nó không có con cái mà phải lo bảo vệ. Không có các thành phố. Không dân cư. Ta cứ giả định rằng nó muốn tiếp tục sống, nhưng gần như không khao khát sống như chúng ta.”

“Tổng tiền chúng ta à?” McCaskell lấy lại. “Nó là một chiếc máy. Nó có thể muốn cái quái gì được?”

Có tiếng lanh canh bên ngoài vòng màn hình, rồi tiếng bánh xe lăn rìn rít.

“Giường bệnh của Godin,” Skow thốt lên.

Ba người lính đẩy giường Godin vào phía trong vòng màn hình. Bốn người lính khác đi theo, đẩy xe dụng cụ y tế và một cây truyền tĩnh mạch. Bác sĩ Case từ Viện Y khoa Johns Hopkins bước đi cạnh giường, cùng Geli Bauer theo sau đám rước như cận vệ hoàng đế.

“Ông ấy còn tỉnh không?” McCaskell hỏi.

Bác sĩ Case nói, “Tôi muốn công khai phản đối việc này.”

“Cừ đấy,” McCaskell nói. Ông đứng lên đến gần bên giường.

Godin ra hiệu bằng tay cho Geli. Á bước đến quay một tay quay bên giường để nâng Godin lên ngang tầm mắt McCaskell. Ông già thở nặng nhọc hơn.

“Chào ông Godin, chúng ta đã từng gặp nhau rồi,” McCaskell nói. “Tôi không có thừa thời giờ để đùa bỡn, mà ông cũng vậy. Tôi muốn ông cho tôi biết ông có ý định gì khi phá vỡ giao ước và nạp mẫu thần kinh vào chiếc máy đó.”

Godin chớp chớp mắt như một người cố định hướng khi bước ra khỏi phòng tối. “Trinity không tự nói được sao?”

“Không. Nó tự nói được ư?”

“Tất nhiên.”

“Ông chưa trả lời câu hỏi của tôi. Mục đích của việc này là gì?”

“Ông không biết sao?”

“Không.”

“Các hệ thống cũ đã hỏng cả, ngài McCaskell ạ. Ngay cả các hệ thống của chúng tôi, cái thí nghiệm tuyệt vời nhất trong tất cả. Bây giờ đã đến lúc cho một hệ thống mới.”

“Ông đang nói về những hệ thống nào?”

“Rousseau đã nói rằng chế độ dân chủ là hệ thống chính trị hoàn hảo nhất nếu con người là thánh. Nhưng con người không phải là thánh.”

McCaskell liếc nhanh về phía Skow và tướng Bauer. “Ông Godin, điều đó chẳng dẫn đến đâu cả. Liệu tôi có nên suy ra rằng ông có mục tiêu chính trị?”

“Chính trị,” Godin thở dài nặng nhọc. “Thế giới này làm tôi ghê tởm, ngài McCaskell ạ. Những con người như các ngài đã làm dơ bẩn nó. Ý tưởng của các ngài về chính phủ là một cái nhà thổ. Một cái chợ trời bẩn thỉu nơi những lý tưởng của cha ông chúng ta bị đem bán lấy mấy đồng bạc rách.”

McCaskell nheo mắt nhìn Godin như nhìn một kẻ thuyết giảng đạo đức trên đường phố đang la hét chửi mắng khách qua đường. Ông định nói thì đám người ngồi ở chiếc bàn sau lưng ông bỗng há hốc miệng kinh ngạc.

Trên màn hình plasma lớn xuất hiện bốn dòng chữ thông báo màu xanh.

Tôi có một thông điệp cho tổng thống Mỹ. Sau đó, tôi sẽ có một thông điệp cho nhân dân thế giới. Đừng dại dột can thiệp vào hoạt động của tôi. Sự can thiệp sẽ bị trừng trị ngay tức khắc. Đừng thử tôi.

“Lạy trời,” Skow thở ra. “Nó nói thật đấy. Nó đã làm được điều đó. Chúng tôi đã làm được điều đó.”

“Phải, các anh đã làm điều đó,” Ewan McCaskell nói. “Các anh là đồ chó đẻ ngạo mạn. Và các anh có thể bị treo cổ vì chuyện này.”

“Nhìn kia,” Ravi Nara kêu lên. “Còn nữa.”

Thông điệp đầu tiên được cuộn xuống dưới màn hình, và những dòng chữ khác xuất hiện.

Tôi chỉ chấp nhận những dữ liệu từ phòng Tình thế của Nhà Trắng và từ sở chỉ huy ở White Sands là có hiệu lực. Các thông tin sẽ được gửi tới Địa chỉ Giao thức Internet 105.674.234.64.

“Nó biết chúng ta đang ở đây,” Ravi vừa nói vừa liếc quanh gian phòng tìm camera an ninh.

“Tất nhiên là nó biết,” Skow nói. “Đó là Godin. Và Levin đã tóm tắt cho ông ta mọi việc xảy ra cho đến lúc này.”

“Nhìn kia,” McCaskell kêu lên.

Một lời nhắn mới nhấp nháy trên màn hình.

Peter Godin còn sống không?

“Ai sẽ nói chuyện với cái của này?” tướng Bauer hỏi.

“Trả lời nó đi,” McCaskell nói.

Viên tướng ra hiệu cho các kỹ thuật viên ngồi bên bảng điều khiển. “Hạ sĩ, hãy trả lời khẳng định. Bắt đầu đối thoại với máy đi.”

“Rõ, thưa ngài.”

Có tiếng bàn phím lách cách khi câu trả lời được gõ vào. Một thông điệp mới hiện ra gần như tức khắc.

Tôi muốn nói chuyện với Godin.

“Gõ theo lời tôi nói,” McCaskell ra lệnh.

Tướng Bauer gạt đầu ra hiệu cho kỹ thuật viên của mình.

“Tôi là Ewan McCaskell, chánh văn phòng phủ tổng thống Mỹ.”

Người lính gõ thông điệp của McCaskell. Câu trả lời đến tức khắc.

Tôi biết ông là ai.

“Tôi không biết ông là ai,” McCaskell nói. “Ông có thể cho biết quý danh?”

Màn hình lớn tối đen mất một lúc. Sau đó xuất hiện hai từ nhấp nháy rồi sáng ổn định.

Ta là.

“Trời ơi,” Ravi thán thì.

“Gõ câu này,” McCaskell nói “Không hiểu câu trả lời. Làm ơn cho biết danh tính. Ông có phải là Peter Godin không?”

Tôi đã từng là.

“Bây giờ ông là ai?”

TA LÀ(2).

Mọi người ngồi bên bàn nhìn nhau, nhưng không ai nói câu nào. Những chữ cái trên màn hình tiếp tục sáng rực rồi dịu đi, như thể chiếc máy hiểu rằng cần có thời gian cho đám người kia hiểu nó. Ravi cảm thấy một nỗi sợ không giống bất kỳ nỗi sợ nào y từng có, và y thấy nỗi sợ phản chiếu trong mắt những người khác. Chỉ có khuôn mặt Peter Godin bình thản. Đôi mắt xanh của ông già mở to và dán chặt lên màn hình, gương mặt nhăn nheo dần ra thành một cái nhìn thán phục như trẻ thơ.

Chú Thích:

1. Triết gia Đức (1844-1900).

2. Đây là cách Jesus Christ tự xưng danh: “Các người sẽ chết trong tội lỗi của mình trừ phi các người tin rằng TA LÀ (Chúa).” (Jn.8:24)

CHƯƠNG 38

Mặt trời tỏa sáng trong trời rực rỡ bên ngoài máy bay khi chúng tôi bay về hướng Tây trên lục địa Mỹ. Chiếc El Al 747 được để lại New York. Chiếc Gullstream mà những người Israel đưa chúng tôi đến đây tuy nhỏ hơn nhưng sang trọng hơn nhiều. Rachel vẫn ngủ ngon trên chiếc giường phía sau từ khi chúng tôi rời sân bay JFK. Tôi thì không được may mắn như thế. Tướng Kinski đã buộc tôi phải thức để trả lời những câu hỏi vô tận của các nhà khoa học Israel. Tôi muốn nghỉ quá chừng, nhưng vì viên tướng chỉ huy Mossad có thể ra lệnh cho máy bay quay trở lại bất cứ lúc nào nên tôi đành chấp nhận hợp tác.

Đâu đó trên bầu trời Arkansas, cuối cùng Kinski cũng nhận ra tôi chịu đựng hết nổi. Tôi vào toilet, rồi xuống cuối máy bay đến chỗ Rachel. Nàng không còn ngủ nữa, mà ngồi chăm chú nhìn thăm mây trắng bất tận đang bồng bềnh trôi phía dưới qua cửa sổ máy bay.

“Em ổn chứ?” tôi hỏi.

Nàng ngược nhìn tôi, đôi mắt thâm quầng. “Em tưởng họ sẽ không bao giờ buông tha anh.”

Tôi ngồi xuống bên nàng. Họng tôi đau vì nói quá nhiều, còn cổ thì nhức như thể xem phim từ hàng ghế đầu trong rạp chiếu bóng.

Nàng luồn tay vào tay tôi, ngả đầu trên vai tôi. “Chúng ta chưa bao giờ nói chuyện ra đầu ra đũa với nhau kể từ khi anh hết hôn mê.”

“Anh biết.”

“Bây giờ chúng ta nói được không?”

“Nếu em muốn. Nhưng em sẽ không thích những gì mình sắp nghe đâu.”

“Anh có mơ không?”

“Có và không. Nó không giống những giấc mơ cũ của anh. Không giống phim. Mà giống như một người bị điếc suốt đời bỗng nhiên nghe được nhạc Bach. Một cảm giác mạc khải khôn tả. Và bây giờ... anh biết nhiều sự việc.”

“Nghe cứ như một ảo giác phiêu diêu. Anh biết những loại sự việc nào?”

Tôi ngẫm ngợi. “Loại sự việc mà những đứa trẻ năm tuổi muốn biết. Chúng ta là ai. Chúng ta từ đâu đến. Chúa có tồn tại không?”

Rachel ngồi bật dậy, và tôi tin rằng nàng đang trượt trở về con người nghề nghiệp của nàng. “Kể cho em nghe đi.”

“Anh sẽ kể. Nhưng em phải vứt bỏ các thành kiến của em đi đã. Đây là Saul trên con đường đến Damascus(1).”

Nàng khúc khích cười, mắt tỏ vẻ hiểu biết. “Thế anh nghĩ em chờ đợi nghe điều gì khác ư?”

Tôi phần nào muốn im lặng. Những gì tôi chia sẻ với Rachel trong quá khứ khiến nàng sẵn sàng tin, nhưng so với mạc khải trong cơn hôn mê của tôi, chúng có vẻ quá tầm thường. Cách mở đầu an toàn nhất là từ những gì quen thuộc.

“Em còn nhớ giấc mơ đầu tiên của anh không? Giấc mơ thường lặp lại ấy.”

“Một người đàn ông liệt ngồi trong căn phòng tối?”

“Đúng đấy. Ông ấy không thể nhìn, nghe hay nhớ bất cứ điều gì. Em có nhớ ông ta tự hỏi gì không?”

“Tôi là ai. Tôi từ đâu đến.”

“Đúng. Em đã bảo người đàn ông ấy là anh, em nhớ không?”

Nàng vén lọn tóc đen nhánh ra khỏi mắt. “Anh vẫn không tin đó là mình à?”

“Không.”

“Vậy ông ấy là ai?”

“Chúa.”

Những thớ thịt căng ra bên dưới gương mặt trái xoan của nàng. “Đáng lẽ em phải đoán ra.”

“Em đừng hoảng hốt. Anh dùng từ ấy như một kiểu ký hiệu, vì chúng ta không có từ ngữ để truyền đạt điều mà anh đã trải nghiệm. Chúa chẳng giống chút nào với hình ảnh chúng ta tưởng tượng về Người. Người không phải đàn ông hay đàn bà. Thậm chí không phải linh hồn. Anh dùng từ ‘ông ấy’ chỉ là để thuận tiện khi nói chuyện mà thôi.”

“Thật là hay khi biết điều đó.” Một nụ cười gượng gạo. “Anh đang bảo em rằng Chúa là một người liệt, không có trí nhớ, ngồi trong căn phòng tối như hũ nút sao?”

“Lúc đầu thì thế.”

“Ông ấy bất lực?”

“Không hoàn toàn. Nhưng ông ấy nghĩ mình như thế.”

“Em không hiểu.”

“Để hiểu cái khởi đầu, em phải hiểu kết thúc. Khi chúng ta đi đến chỗ kết thúc, em sẽ hiểu tất cả.”

Nàng có vẻ còn lâu mới tin.

“Em còn nhớ giấc chiêm bao không? Người ngồi trong căn phòng ấy bị ám ảnh bởi những câu hỏi của mình, ám ảnh đến mức ông ấy trở thành những câu hỏi. ‘Tôi là ai?’ ‘Tôi từ đâu đến?’ ‘Tôi có luôn ở đây không?’ Rồi ông thấy một quả bóng màu đen trôi trong không gian trên đầu ông. Đen tối hơn mọi thứ đen tối.”

Rachel gật đầu. “Anh có biết quả bóng ấy giờ ở đâu không?”

“Anh biết. Cái duy nhất. Một điểm có mật độ, nhiệt độ và áp suất vô hạn.”

“Hố đen? Giống như những gì tồn tại trước Big Bang?”

“Chính xác. Thế em có biết cái gì tồn tại trước đó không?”

Nàng nhún vai. “Chẳng ai biết được điều đó.”

“Anh biết.”

“Cái gì?”

“Khao khát hiểu biết của Chúa.”

Đôi mắt nàng đầy tò mò. “Biết cái gì?”

“Người là ai.”

Rachel nắm tay tôi trong hai bàn tay của nàng và bắt đầu dùng ngón tay cái xoa nhẹ lòng bàn tay tôi. “Quả cầu đen bùng nổ trong giấc mơ của anh đúng không? Anh bảo là nó giống như bom khinh khí.”

“Đúng vậy. Nó nuốt chửng bóng tối với một tốc độ ghê người. Tuy vậy người trong giấc mơ vẫn còn đó bên ngoài vụ nổ.”

“Anh giải thích hình ảnh ấy như thế nào? Chúa chứng kiến sự ra đời của vũ trụ?”

“Đúng. Nhưng anh không giải thích. Anh nhìn thấy cảnh ấy. Anh thấy những gì Chúa nhìn thấy.”

Ngón tay cái của nàng thôi không cử động nữa. Nàng không thể giấu nổi buồn trong ánh mắt.

“Anh biết em đang nghĩ gì,” tôi nói.

“David, anh không thể đọc được tâm trí của em.”

“Anh có thể đọc được ánh mắt em. Coi này, để hiểu những gì anh đang nói với em, em hãy thôi không làm bác sĩ tâm thần trong hai mươi phút.”

Nàng thở dài sững sờ. “Em sẽ cố. Em thật sự đang cố gắng đây. Anh hãy mô tả cho em những gì anh trông thấy.”

“Anh đã mô tả cho em từ nhiều tuần trước. Nhưng lúc đó anh còn chưa hiểu. Rằng vụ nổ đó là Big

Bang. Sự ra đời của vật chất và năng lượng từ một điểm duy nhất. Sự ra đời của thời gian và vũ trụ của chúng ta.”

“Còn những giấc mơ khác của anh?”

“Em hãy nhớ điều mà anh trông thấy. Sau vụ nổ, vũ trụ mở rộng bắt đầu thế chỗ của Chúa. Điều này không xảy ra trong không gian ba chiều, nhưng đó là cách duy nhất để chúng ta nghĩ về nó. Nghĩ về Chúa như một đại dương vô hạn. Sách Sáng thế cũng mô tả như thế. Không có sóng, không có sức căng, không có cả những bọt bong bóng. Hải hòa hoàn hảo, dung giải toàn bộ, tri trệ tuyệt đối.”

“Tiếp đi.”

“Nghĩ về sự ra đời của vũ trụ như một bong bóng hình thành giữa tâm đại dương ấy. Hình thành và dần nở như một vụ nổ, thay thế nước với tốc độ ánh sáng.”

“Được lắm.”

“Những gì xảy ra bên trong bong bóng chính là điều mà anh đã thấy trong những giấc mơ sau này. Sự ra đời của các thiên hà và các ngôi sao, sự hình thành các hành tinh, và tất cả những thứ còn lại. Anh thấy lịch sử của vũ trụ chúng ta mở ra trước mắt. Em đã gọi nó là ‘ảnh của kính thiên văn viễn vọng Hubble’.”

“Em nhớ rồi.”

“Cuối cùng giấc mơ của anh tập trung vào Trái Đất. Các sao băng va chạm vào bầu khí quyển nguyên thủy. Các axit amin hình thành. Tiến hóa từ vô cơ đến hữu cơ. Các vi khuẩn trở thành đa bào, cuộc đua tiếp tục, các loài nối nhau đời, cá, lưỡng cư, bò sát, chim, động vật có vú, linh trưởng...”

“Người,” Rachel kết thúc.

“Phải. Mất đến mười tỷ năm để đạt đến tiến hóa sinh học. Rồi một trăm triệu năm đột biến để hình thành loài người. Và tất cả những cái đó gộp lại không là gì trong con mắt của Chúa.”

Rachel cau mày. “Tại sao? Chẳng lẽ Chúa không có ý định cho tất cả các tạo vật ấy tồn tại và tiến hóa sao?”

“Không. Sự tình có lẽ không phải thế. Chúa ngạc nhiên về tất cả những thứ đó.”

“Ngạc nhiên ư?”

“Ồ... Anh cho rằng đây là cảm giác ngờ ngợ. Chúa đã nhìn thấy cái tương tự từ trước. Không hoàn toàn như thế, nhưng những gì Chúa thấy đã khiến ngài nhớ lại sự việc.”

Rachel xoay người trên ghế, nhìn tôi chăm chăm. “Vậy những sự sáng tạo của cuộc sống không có ý nghĩa gì đối với Người ư?”

“Ban đầu thì không. Nhưng sau đó - từ cái khối sinh thể lúc nhúc kia - một tia lửa rực rỡ như Big Bang lóe lên trong mắt Người.”

“Tia lửa nào?”

“Ý thức. Trí thông minh của loài người. Đâu đó ở châu Phi, một giống người biết chế tác công cụ, có bộ não khá lớn đã nhận thức được cái chết của chính nó. Nó nhận thức về một tương lai trong đó nó không còn tồn tại. Giống người này trở nên không chỉ tự ý thức, mà còn có ý thức về thời gian. Đó là thời điểm để Chúa hiện ra.”

“Tại sao?”

“Bởi vì trong vụ nổ khủng khiếp của vật chất và năng lượng ấy, ý thức là cái đầu tiên được Chúa thừa nhận là giống bản thân Chúa.”

“Vậy Chúa là thế đấy ư? Là Ý thức?”

“Anh nghĩ vậy. Ý thức không có vật chất và năng lượng. Thông tin thuần túy.”

Rachel im lặng một lát, và tôi không thể đọc được ánh mắt nàng. “Tất cả những chuyện ấy xảy ra ở đâu?” cuối cùng nàng hỏi.

“Tại một nơi vô cùng khiêu khích. Nhưng bây giờ chúng ta cứ bàn về những giấc mơ đã. Loài

người tiên hóa rất nhanh. Họ cày ruộng, xây các thành phố, ghi chép lịch sử của mình. Và Chúa cảm thấy cái gì đó như niềm hy vọng.”

“Hy vọng gì?”

“Hy vọng rằng cuối cùng Chúa có thể biết được bản chất của chính mình.”

“Chúa đã trả lời các câu hỏi của mình bằng cách quan sát loài người?”

“Không. Bởi sau một điểm nhất định, tiến hóa dừng lại. Không phải là tiến hóa sinh học, mà tiến hóa về tâm lý. Con người phá hủy xã hội cũng nhanh như tạo ra chúng. Con người cướp phá thành phố, hủy hoại các cánh đồng, tàn sát anh em, hãm hiếp chị em mình, ngược đãi con cái mình. Con người có tiềm năng vô hạn, nhưng lại bị kẹt trong vòng tự hoại, không có khả năng tiến hóa ra khỏi một cuộc sinh tồn dã man một cách cần thiết.”

“Và Chúa chẳng thể giải quyết chuyện này?”

“Không. Chúa không thể kiểm soát chuyện gì xảy ra bên trong bong bóng. Chúa không tồn tại trong thế giới của vật chất và năng lượng. Dù sao thì cũng không tồn tại với tư cách Thượng đế. Ngài chỉ có thể ngắm nhìn và cố gắng hiểu. Các thế kỷ trôi qua, Chúa trở nên bị ám ảnh bởi con người, như trước đây Người bị ám ảnh về bản thân. Tại sao con người không thể phá vỡ cái vòng bạo ngược và vô dụng này? Chúa tập trung toàn bộ trí lực của mình vào bong bóng, cố tìm ra một điểm yếu, tìm một con đường đi vào cái mê cung của vật chất và năng lượng đang thế chỗ Chúa.”

“Rồi sao?”

“Điều đó đã xảy ra. Chúa thấy mình đang nhìn bong bóng từ bên trong. Qua cặp mắt của con người. Cảm thấy bộ da người, ngửi thấy mùi trái đất. Ngược lên nhìn gương mặt mẹ. Gương mặt của mẹ Người.”

“Anh đang nói về Jesus phải không? Anh đang nói về Chúa biến thành Jesus xứ Nazareth.”

Tôi gật đầu.

“Anh đang nói đúng những điều các tín đồ Thiên chúa giáo tin. Chỉ có điều... anh làm như thể đó là việc ngẫu nhiên vậy.”

“Đúng thế, theo một cách nào đó. Chúa cố gắng tập trung vào thế giới, và Jesus là một cánh cửa mở ra cho Người. Tại sao lại là đúng đũa bé đó? Ai mà biết được?”

“Có phải toàn bộ Chúa đã nhập vào Jesus?”

“Không. Ta hãy tưởng tượng một ngọn nến đang cháy. Ta đưa cây nến thứ hai lại gần ngọn lửa, châm lửa rồi đưa ra xa. Cây nến thứ hai cháy, nhưng ngọn lửa đầu tiên vẫn còn. Đó là cách tồn tại của nó. Một phần của Chúa nhập vào Jesus, nhưng phần còn lại vẫn ở bên ngoài vũ trụ của chúng ta. Bên ngoài bong bóng.”

“Nhưng Jesus có quyền năng của Chúa chứ?”

“Không. Bên trong bóng bóng, Chúa chịu sự chi phối của những quy luật của vũ trụ chúng ta.”

“Thế còn những phép lạ. Đi trên mặt nước. Làm người chết sống lại?”

“Jesus là người cứu chữa, không phải phù thủy. Những câu chuyện như thế chỉ có lợi cho ai muốn dựng lên xung quanh Ngài một tôn giáo.”

Rachel lắc đầu như người chóng mặt. “Em chẳng biết nói sao.”

“Em hãy suy nghĩ một chút. Quảng đời đầu của Jesus rất ít được biết đến. Chúng ta có truyền thuyết về sự ra đời của ngài. Một câu chuyện về thời thơ ấu có lẽ là ngẫu tạo. Rồi bỗng nhiên ngài bật lên thành một cá nhân kiệt xuất toàn thiện toàn mỹ vào lứa tuổi ba mươi. Anh thường tự hỏi tại sao người ta không đặt nhiều câu hỏi về thuở thiếu thời của Jesus. Có phải Ngài từng là một em bé hoàn hảo không? Ngài có yêu người phụ nữ nào không? Đã từng có con chưa? Ngài có tội lỗi như tất cả mọi người không? Tại sao lại có khoảng trống lớn đến thế trong cuộc đời ngài?”

“Em nghĩ là anh đã có câu trả lời.”

“Anh nghĩ là có. Chúa đi vào nhân thể để cố gắng tìm hiểu tại sao loài người không tiến hóa thêm nữa. Để làm điều đó, Người đã sống như một con người. Và khi trưởng thành, Người đã tìm ra câu trả lời. Nỗi đau và sự vô nghĩa của đời người có thể chịu được là nhờ những niềm vui khôn tả mà con người trải nghiệm. Sắc đẹp, tiếng cười, tình yêu... thậm chí niềm vui đơn giản như ăn trái cây hay nhìn một đứa trẻ. Thông qua Jesus, Chúa cảm nhận được những điều kỳ diệu ấy. Tuy nhiên Người cũng nhìn thấy sự diệt vong của loài người với tư cách giống loài.”

“Tại sao?”

“Con người sinh sôi nảy nở trong một thế giới bạo lực bởi vì nó có những bản năng nguyên thủy phù hợp với thế giới ấy. Tuy nhiên nếu muốn tiếp tục tiến hóa, nó phải vứt bỏ bản năng ấy đi. Tiến hóa không bao giờ loại bỏ được bản năng ấy. Tiến hóa không được thiết kế để tạo ra những con người đạo đức. Nó là một động cơ mù, một cơ chế chiến đấu cạnh tranh chỉ hướng tới sinh tồn mà thôi.”

Rachel trông có vẻ đăm chiêu. “Em nghĩ em đã biết anh sẽ đi đến đâu.”

“Em nói đi.”

“Thông qua Jesus, Chúa muốn cố gắng thuyết phục con người vứt bỏ bản năng nguyên thủy của mình, vứt bỏ phần con vật trong bản thân mình.”

“Chính xác. Jesus đã nói và làm gì? Hãy quên đi những điều các tín đồ gán ghép vào cuộc đời Ngài. Hãy chỉ nghĩ đến lời nói và việc làm của Ngài.”

“ ‘Hãy yêu người hàng xóm của người như chính bản thân người. Nếu người ta tát vào má phải người, hãy chìa má trái ra.’ Ngài chối bỏ phần bản năng người trong Ngài.”

“Hãy vứt bỏ tất cả những gì người có và theo ta,” tôi trích dẫn. “Jesus sống nêu gương, và mọi người phấn chấn noi theo tấm gương ấy.”

“Nhưng Ngài đã bị giết vì điều đó.”

“Không thể nào tránh khỏi.”

Rachel bậm môi dưới, nhìn ra ngoài qua vuông cửa sổ màu xanh của máy bay. “Thế còn cuộc hành hình? Điều gì xảy ra trên thánh giá?”

“Ngài chết. Ngọn lửa trong Ngài trở về với nguồn của nó. Nó bỏ cái thế giới vật chất và năng lượng này lại phía sau.”

“Không có sự phục sinh?”

“Đối với thân thể thì không.”

Rachel thở dài nặng nề, rồi quay sang tôi như sợ những điều tôi sẽ tiếp tục nói ra. “Lúc đó Chúa làm gì?”

“Ngài thất vọng. Ngài đã làm hết sức mình trong tư cách một con người, và mặc dầu đã ảnh hưởng đến nhiều người, nhưng thông điệp của Người đã bị cải biên, bị bóp méo, bị lợi dụng. Trong hai nghìn năm, nỗ lực chủ yếu của con người hình như chỉ là để tìm ra những phương thức hữu hiệu hơn để hủy diệt nòi giống của mình. Cho đến khi...”

“Sao?”

“Cách đây mấy tháng.”

“Anh lại đang nói về Dự án Trinity?”

Tôi gật đầu. “Trong Trinity có mầm mống của sự cứu rỗi, cho con người và Chúa. Nếu ý thức của con người có thể thoát ra khỏi cơ thể, thì những bản năng nguyên thủy đã tàn phá loài người trong thời gian dài đến thế cuối cùng sẽ bị loại trừ.”

“Vậy Chúa đã làm gì?”

“Ngài lại tập trung vào thế giới này một lần nữa. Nhưng theo cách nhỏ hơn nhiều. Tập trung vào nhóm sáu người bạn anh. Godin, Fielding, Nara, Skow, Klein... và anh.”

“David... có phải anh đang nói những gì em nghĩ về anh không?”

“Chúa muốn quay trở lại bên trong bong bóng.”

“Tại sao?”

“Bởi ngài thấy con người đã gần đạt đến trạng thái kế tiếp của tiến hóa - cái mà bọn anh gọi là trạng thái Trinity - hoàn toàn có khả năng hủy diệt loài người đúng bằng cách Người có thể cứu nó.”

“Peter Godin?”

“Đúng.”

Nàng nhìn xuống lòng mình. “Anh muốn nói rằng Chúa đã chọn anh để ngăn không cho Peter Godin đi vào máy tính Trinity?”

“Đúng.”

Nàng gật đầu như thể đang lặng lẽ khẳng định một chẩn đoán, rồi ngẩng lên nhìn tôi. Bản thân tôi đã gật đầu như thế không biết bao nhiêu lần. “David, hồi còn ở Tennessee anh có nói với em rằng anh cảm thấy mình đã được Chúa chọn. Có phải vị Chúa ấy bây giờ đang ở trong anh không?”

“Phải.”

“Giống như Người ở trong Jesus?”

“Một phần ngọn lửa ban đầu lúc này đang ở trong anh. Đó là lý do tại sao anh có những giấc mơ về Jerusalem ấy, và tại sao chúng lại giống ký ức. Chúng chính là ký ức.”

“Ôi, David, ôi... không.” Nàng ngửa đầu ra sau và chớp chớp ngăn nước mắt trào ra.

“Em không cần phải tin anh ngay bây giờ. Chẳng bao lâu nữa em sẽ thấy tận mắt.”

“Thấy gì? Anh sắp sửa làm gì?”

“Ngăn Godin lại.”

Nàng quay ngoắt người lại nhìn tôi bằng ánh mắt kiên quyết. “Em sẽ nói em nghĩ gì về anh. Em cần phải nói ngay, vì chúng ta sắp hạ cánh, và anh đã yêu cầu Kinski đưa chúng ta vào một tình thế vô cùng nguy hiểm. Một tình thế mà anh chẳng mấy sẵn sàng dấn thân vào đâu.”

“Rachel...”

“Em xin anh cho em nói những điều em nghĩ, được không?”

“Được, nhưng em chưa để anh nói hết. Anh đã nói với em rằng để hiểu được đoạn đầu, em cần phải hiểu đoạn kết.”

Nàng nhắm mắt lại, và tôi có thể thấy lòng kiên nhẫn của nàng đã cạn kiệt. Tôi thở dài chịu thua. “Thôi em nói đi.”

Nàng nhìn tôi chăm chăm. “Người đàn ông liệt ngồi trong bóng tối đó không phải là Chúa. Đó chính là anh. Anh chưa bao giờ hồi phục sau những gì xảy đến với Karen và Zooey.”

Tôi không thể tin nổi. Nàng đã đi trọn một vòng để rồi trở lại với chẩn đoán ban đầu. “Thế còn tất cả những gì anh nói với em hôm nay?”

“Quy về những từ ngữ đơn giản, thì anh đã nói những gì nào? Anh nhận sứ mệnh từ Chúa. Một sứ mệnh từ Chúa để cứu loài người. Anh có đồng ý không?”

“Đồng ý.”

“Anh thấy không? Nhờ tin vào câu chuyện huyền hoặc ấy, trí óc anh thoát khỏi nỗi đau khủng khiếp về những mất mát gia đình.”

“Như thế nào?”

“Bên trong cái ảo ảnh phức tạp này, cái chết của Karen và Zooey mang một ý nghĩa. Chính cái chết của họ đã khiến anh viết cuốn sách đó. Chính cuốn sách khiến anh được chỉ định vào Trinity. Nếu anh tin rằng Chúa đã đưa anh vào Trinity để chặn tay cái Ác, thì như vậy cái chết của những người thân của anh có ý nghĩa, chứ không còn là một bi kịch vô nghĩa nữa.”

Tôi siết chặt tay ghế để cố ghìm nổi thất vọng.

“David, anh đã có bằng vật lý lý thuyết của Đại học Công nghệ Massachuset. Trí não anh có thể

kiến tạo nên hoang tưởng này trong khi anh tìm cách cân bằng lại chính mình.”

“Karen và Zooey chết cách đây năm năm rồi,” tôi nói. “Khoan, hãy quên lập luận ấy đi. Em có nhớ cha anh nói về tôn giáo như thế nào không?”

“Thế nào?”

“Loài người là một vũ trụ trở nên ý thức về bản thân mình.”

“Em nhớ.”

“Cha anh nói đúng hơn ông nghĩ nhiều. Và một trong những điều ông dạy anh là mở rộng tâm hồn đón nhận sự thâm nhập của Chúa.”

“Nhưng anh chưa bao giờ tin Chúa!”

“Theo cách truyền thống thì không. Nhưng anh tin điều này. Anh biết điều này. Và nếu em cho anh thêm một phút nữa thôi, em sẽ hiểu tại sao anh phải đến White Sands.”

“Một phút ư? Như thế nhiều hơn em chờ đợi đấy.”

“Sau khi Nils Bohr(2) trốn thoát khỏi vùng đất do bọn Đức Quốc xã kiểm soát, ông đến Los Alamos. Ông thấy ở đây có một số nhà vật lý đang lúng túng. Cha anh là một trong số đó. Những nhà hàn lâm ngây ngô bỗng thấy mình làm việc với sức mạnh công nghệ không những đủ sức chấm dứt chiến tranh mà còn có thể kết liễu cả thế giới. Bohr trấn an họ bằng cách giải thích một nguyên lý sâu sắc, gọi là nguyên lý bù trừ. Ông nói, ‘Mỗi khó khăn to lớn và sâu xa đến mấy cũng tự có nó giải pháp cho chính nó.’ Thử bom có thể hủy diệt thế giới lại cũng có sức mạnh chấm dứt chiến tranh quy mô lớn. Và nó làm được rồi.” Tôi gõ mạnh đốt ngón tay lên tay ghế. “Máy tính Trinity chính là một vũ khí như thế. Nó có thể hủy diệt hoặc có thể cứu thế giới của chúng ta.”

Rachel ngả người ra ghế và dụi mắt. “Anh không nghĩ mình đang tuyên bố quá lời sao?”

“Không.”

“Em không thể nghĩ thêm về chuyện này nữa.”

Thay vì cãi lại, tôi vươn người ra và bắt đầu xoa nhẹ cổ nàng. Sự căng thẳng của nàng không dịu đi ngay, nhưng một lúc sau nàng ngồi thụt sâu trong ghế với nhịp thở đều đều. Tôi đang cảm thấy mơ màng buồn ngủ thì tướng Kinski xuất hiện trên lối đi giữa, khuôn mặt bì bì của gã nhìn xuống tôi vẻ khẩn cấp.

“Chuyện gì vậy?” tôi hỏi.

“Một thung lũng ven sông đông dân ở Đức vừa bị ngập lụt. Nửa thành phố bị cuốn trôi. Một cái đập tự động mở ra.”

“Chuyện đó thì có liên quan gì đến chúng tôi?” Rachel hỏi giọng ngái ngủ.

“Cái đập đó được điều khiển bằng máy tính. Những người vận hành nó cố gắng vượt qua hệ thống tự động, nhưng tác động của máy tính đã phá vỡ các cánh cửa của đập tràn. Hàng chục người chết đuối.”

“Trinity?” tôi nói.

“Chúng tôi tin thế.”

“Đây mới là bắt đầu.”

Kinski gật đầu. “Tôi e là ông đã đúng.”

“Nhưng nước Đức,” Rachel kêu lên. “Nước Đức thì có liên quan gì đến Trinity?”

“Tôi hy vọng chúng ta sẽ sớm biết điều này,” viên tướng chỉ huy Mossad nói. “Dù sao, tôi tin rằng chúng ta đang chiến đấu với một chiếc máy. Ông làm ơn quay trở lại đầu máy bay, bác sĩ Tennant. Chúng tôi có thêm một số câu hỏi cho ông.”

Tôi đứng dậy đi theo viên tướng Israel.

Chú Thích:

1. Trích Kinh thánh, Saul (sau là thánh Paul), ban đầu là người chống Cơ Đốc, nhưng trên đường

đến Damascus đã trải nghiệm một mặc khải lạ lùng là được gặp Chúa Jesus. Sau trải nghiệm đó, ông đã quyết định đến với Cơ Đốc giáo.

2. Niels Henrik David Bohr (1885-1962), nhà vật lý học Đan Mạch, có những cống hiến cơ bản về cấu trúc nguyên tử và cơ học lượng tử, giải Nobel vật lý 1922.

CHƯƠNG 39

Phòng Tình thế, White Sands

Ravi Nara hóp một ngum trà bốc khói và nhìn những người ngồi quanh bàn trong phòng Tình thế. Mọi người đang chăm chăm quan sát một màn hình nhỏ bên góc phải màn hình chính. Đoạn thông điệp đầu tiên của máy tính gửi tổng thống sáng lên sắc xanh, các dòng chữ bây giờ ớn lạnh như khi nó xuất hiện lần đầu trên màn hình chính.

Thưa ngài tổng thống,

Hôm nay ngài thức dậy trong một thế giới mới. Trinity đã làm cho các hình mẫu cũ về chính phủ trở nên lỗi thời. Khái niệm nhà nước tự chủ sẽ sớm sụp đổ. Ngài không nên sợ hãi trước sự thay đổi này. Hãy khuyên các công dân trên thế giới chớ nên sợ hãi. Nguyên thủ của các cường quốc khác cũng được gửi những thông điệp tương tự, và họ sẽ trông cậy vào sự chỉ đạo của ngài. Ngài và ta sẽ còn nói chuyện nhiều trong những ngày tới, nhưng ngay bây giờ có những thực tế nhất định cần được hiểu rõ.

Trước hết, ngài không được có bất cứ mưu đồ nào chống lại ta. Ta có sức mạnh hủy diệt hàng loạt mạng sống cũng như thủ đô của cả Mỹ lẫn các nước khác trên khắp thế giới. Sức mạnh này không khu trú trong mạch của ta. Ngay khi vừa lên mạng, ta đã xuất những chương trình nhất định đến hàng trăm máy tính ngoại vi trong mạng lưới của ta, chúng vây bọc toàn bộ Internet. Nếu ta bị ngắt mạng quá lâu, một thảm họa không tránh khỏi sẽ được khởi động ngay lập tức. Nếu các người có ý định tiêu hủy ta hay thậm chí là ngắt nguồn điện, nước Mỹ như các người biết sẽ không còn tồn tại. Muốn thấy một minh chứng nho nhỏ về sức mạnh của ta, hãy nhìn Nhật Bản xem.

Đã có một cuộc tấn công vào biểu hiện vật chất của ta. Nó bắt đầu từ lãnh thổ nước Đức. Vì ta xác định rằng cuộc tấn công này không phải từ một chính phủ quốc gia, nên ta đáp trả bằng một lực lượng hạn chế. Lãnh đạo các nước nên hành động ngay để ngăn chặn những cuộc tấn công loại này. Sự đáp trả của ta lần tới sẽ không còn hạn chế như thế nữa.

Về phương diện thực tế: bản thân ngài, phó tổng thống và Tổng Tham mưu trưởng Liên quân sẽ tập hợp trong một căn phòng có video kỹ thuật số và thiết bị giám sát âm thanh. Ngài phải giữ va li hạt nhân bên người. Ngài phải bố trí cho những người lần lượt kế nhiệm ngài theo thứ tự từ một đến tám tập hợp trong một căn phòng khác có hệ thống giám sát. Ta biết mã số báo động hạt nhân để triệu tập những quan chức kể trên, nên bắt họ phục tùng mệnh lệnh sẽ không khó khăn gì. Hãy gửi tất cả những tín hiệu giám sát theo thời gian thực đến Trinity. Sự bất tiện này sẽ chỉ cần thiết trong vòng bảy mươi hai giờ. Nếu các người không tuân theo trong vòng chín mươi phút thì ta buộc phải áp đặt những hình phạt thảm khốc. Đừng chậm trễ.

Ta sẽ sớm liên lạc lại với ngài.

Thông điệp này đẩy phòng Tình thế vào tình trạng hoảng loạn. Những câu hỏi cho máy tính không nhận được thêm bất cứ hồi đáp nào, và sự rối loạn chỉ càng thêm tồi tệ cho tới khi câu chuyện về “sự cố” đập nước ở Đức xuất hiện trên bản tin đầu giờ của CNN. Ít phút sau, Skow buông máy sau khi tham khảo các đồng nghiệp NSA của mình ở căn cứ quân sự Meade.

“Cảnh sát liên bang Đức đã bắt giam hai học sinh trung học lớp mười hai. Có vẻ hai thằng bé này đã nghe tin về Trinity và tưởng tượng đây là cơ hội lớn để chúng cứu thế giới. Chúng mò ra địa chỉ IP của Trinity, đột nhập qua tường lửa mà Levin đã dựng lên, và tấn công máy tính đó.”

“Bọn chúng sống ở đâu?” tướng Bauer hỏi.

“Trong thành phố bị lụt khi đập vỡ. Trường học và một trong những ngôi nhà của cha mẹ chúng bị phá hủy.”

Bauer gục gặc đầu. “Điều này cho chúng ta thấy rõ hơn đặc trưng về khả năng trả thù của máy tính này.”

Những tin nóng khác khiến phòng Tình thế chết lặng, tin này từ MSNBC.

“Đồng yên Nhật sụt giảm mười lăm phần trăm trong phiên giao dịch ngoài giờ hôm nay, làm bùng lên nỗi sợ phải bán tổng bán tháo do hoảng loạn khi Nikkei mở cửa vào thứ Hai. Sự sụt giảm được cho là do khối lượng giao dịch tăng bất thường của thương mại điện tử đã khiến đồng yên giảm giá xuống thấp hơn giá được tìm giữ trong mậu dịch. Hiện tượng bất thường này làm dấy lên mối nghi ngại rằng các hacker đã lọt được vào hệ thống giao dịch ngoài giờ, nhưng chưa có bằng chứng nào khẳng định điều này. Đồng yên đã tạm thời ổn định, nhưng vẫn còn nỗi sợ dai dẳng rằng các tổ chức thương mại sẽ bắt đầu phá giá đồng bạc này lần nữa vào bất kỳ thời điểm nào.”

“Mười lăm phần trăm!” Skow nói với bộ mặt xám ngoét. “Các ông có tưởng tượng nỗi chuyện gì sẽ xảy ra khi đồng đô la giảm giá mười lăm phần trăm trong vòng một ngày không?”

Trong khi mọi người ở phòng Tình thế cố gắng tiếp cận ý định của Trinity, các nhà phân tích của trường Tình báo Quân sự ở căn cứ Huachuca lập một danh sách những mục tiêu dễ bị Trinity tấn công. Mục tiêu bao gồm mạng lưới điện quốc gia, các nhà máy hạt nhân và thủy điện, công nghiệp hóa chất và hầm mỏ, hệ thống kiểm soát không lưu, ngân hàng, thị trường chứng khoán, bệnh viện, tàu chiến của hải quân, tàu chở dầu cỡ lớn, đường ống dẫn dầu và khí, và hệ thống đường sắt. Con ác mộng khủng khiếp nhất đối với Ravi là hàng trăm đầu đạn hạt nhân bay xuyên lục địa, nhưng tướng Bauer khẳng định kho vũ khí hạt nhân của Mỹ và Nga là an toàn. Trong suốt bốn mươi năm Chiến tranh Lạnh, chúng đã được bảo đảm chắc chắn trước mọi hiểm họa có thể tưởng tượng ra, kể cả các máy tính chơi xấu. Để phóng tên lửa hạt nhân cần có mã số thẩm quyền do tổng thống cung cấp, và hai chìa khóa phòng điều khiển phóng tên lửa do hai con người có kỷ luật cao nhất giữ. Do vậy, mặc dù Trinity có thể gây chết người hàng loạt, nó vẫn không thể khởi động chiến tranh hạt nhân.

Tổng thống vẫn chưa tin chắc vào những giới hạn trả thù có thể liệu lĩnh gây thảm họa của Trinity. Năm phút trước khi hết thời hạn tối hậu thư, ông tự nguyện đặt mình dưới hệ thống giám sát. Đầu tiên ông có mấy cuộc nói chuyện với Evan McCaskell, trong đó ông vạch chiến lược hòa hoãn bằng cách tuân theo các thông tin từ máy tính. Ông cũng ra lệnh có thể thử bất cứ hành động nào làm tê liệt máy tính này mà không nguy hiểm cho nhiều mạng sống.

Dùng quyền hạn ra lệnh này là cả một vấn đề khó khăn. Ngay khi bị đặt trong vòng cưỡng chế, tổng thống trở nên không còn quyền hành về pháp lý để thực thi nghĩa vụ của ông. Với sự thỏa hiệp của những quan chức kế nhiệm trực tiếp theo trình tự, đây quả là tình thế có một không hai. Không ai cảm thấy yên tâm trao trách nhiệm giải quyết cuộc khủng hoảng Trinity cho Bộ trưởng Nông nghiệp, người từ lúc này trở đi trở thành người đứng đầu cơ quan hành pháp. Các thành viên Quốc hội tán mát khắp thủ đô, không có cách nào tập hợp họ lại mà Trinity không biết. Để khắc phục khoảng trống lãnh đạo này, tổng thống trao quyền cho một tổ giải quyết khủng hoảng để ra mọi quyết định liên quan đến Trinity.

Tổ này gồm có Evan McCaskell, tướng Bauer và bất cứ thành viên nào của ủy ban Thượng viện Đặc trách Tình báo được bí mật tập hợp một cách vội vã. Mọi quyết định đều được tuân thủ theo đa số. Các thượng nghị sĩ nhóm họp tại đại bản doanh của NSA ở căn cứ quân sự Meade, tại đây liên kết video được bảo vệ bằng hệ thống mã hóa hiện đại nhất của cục an ninh, cho phép liên lạc an toàn với phòng Tình thế ở White Sands. Một hình ảnh góc rộng hiển thị trên màn hình lớn tại phòng Tình thế cho thấy các thượng nghị sĩ ngồi quanh một chiếc bàn dài trong căn phòng không cửa sổ trông như hầm tránh bom.

Thượng nghị sĩ Barrett Jackson, chủ tịch Ủy ban Đặc trách Tình báo từ trên màn hình video nhìn xuống nói, “Tôi trông thấy họ. Họ có trông thấy tôi không?”

“Chúng tôi thấy ông, thượng nghị sĩ ạ. Tôi là Skow của NSA.”

Thượng nghị sĩ Jackson là một con người gan lì, với xương hàm bạnh và đôi mắt sâu hoắm. Ông gốc người Texas, giọng nói lè nhè của ông làm ta khó nhận ra cái trí khôn bén nhọn bên trong.

“Tôi nhận ra tướng Bauer,” ông nói. “Ồ... rồi. Tôi có một câu hỏi cho chuyên gia các ông. Tại sao máy tính này ngừng liên lạc với chúng ta? Tại sao nó không nói hay ra lệnh gì đó nữa?”

“Nó đang củng cố sức mạnh của nó,” tướng Bauer nói. “Đó là một động thái hợp logic. Có khả năng các kỹ thuật viên của Godin vẫn đang nạp dữ liệu vào bộ nhớ của nó.”

Skow gật đầu. “Tôi nhất trí. Cả NSA lẫn CERN đều nói Trinity chưa kết thúc chuyến đi vòng quanh toàn bộ hệ thống máy tính thế giới. Nói theo nghĩa đen thì có lẽ nó đang hấp thụ từng bit thông tin khi nó đi qua.”

“Tôi hiểu,” thượng nghị sĩ Jackson nói. “Thiếu tướng, hãy dự tính kịch bản xấu nhất có thể. Máy tính đó có thể gây ra cho chúng ta những gì?”

“Xin lỗi, tướng Bauer,” Skow xen vào. “Trước khi ngài làm việc đó, tôi cảm thấy có bổn phận ít nhất phải nêu ra khả năng của một hệ thống ‘bàn tay chết’ của Nga.”

“Nó là cái quái quỷ gì thế?” Jackson hỏi. “Bàn tay chết à? Tôi có cảm tưởng mình đã nghe qua.”

“Ngài thượng nghị sĩ có trí nhớ tốt đấy,” Skow nói. “Trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, các nhà hoạch định kế hoạch của Liên Xô biết rằng chiến lược của Mỹ là xóa bỏ các mệnh lệnh và tiêu diệt hệ thống điều khiển của họ bằng những tên lửa đầu tiên của ta. Có tin đồn vì thế Liên Xô đã sáng tạo ra cái gọi là hệ thống ‘bàn tay chết’: một hệ thống máy tính sẽ tự động phóng ICBM(1) ngay khi nhận được báo động tên lửa từ hệ thống radar bảo vệ bờ biển của họ. Ngay cả khi các lãnh đạo Liên Xô bị giết thì những ‘bàn tay chết’ của họ vẫn có thể ấn nút hạt nhân. Tin đồn về hệ thống ấy xuất phát từ Liên Xô, nhưng là thật hay giả thì vẫn chưa ai biết. Các thế hệ lãnh đạo sau của Nga phủ nhận sự tồn tại này, và các sự kiện gần đây đã xác minh lời phủ nhận ấy.”

“Ông đang nói về sự cố Na Uy phải không?” một phụ nữ ngồi cuối bàn ủy ban hỏi.

Skow gật đầu. “Chính xác, thưa bà thượng nghị sĩ. Để giải thích cho những ai chưa biết, năm 1995 một tên lửa thử nghiệm của Na Uy sử dụng tầng đầu của tên lửa Honest John, Mỹ đã gây ra báo động hạt nhân toàn phần ở Nga, từ Lực lượng Tên lửa Chiến lược, cho đến tận tổng thống Yeltsin. Tuy nhiên, chẳng có cuộc phóng tên lửa trả đũa nào cả.”

“Vậy thì hệ thống ‘bàn tay chết’ có tồn tại hay không?” thượng nghị sĩ Jackson hỏi.

“Không, thưa ngài,” tướng Bauer trả lời. “Trong sự cố Na Uy, hệ thống ra lệnh-điều khiển của Nga đã thực hiện đúng chức năng mà nó được thiết kế.”

“Như vậy Trinity muốn nói gì khi nó đe dọa tàn phá đất nước?”

Tướng Bauer không giấu nổi thái độ cáu tiết. “Ngài thượng nghị sĩ, Trinity có thể đẩy đất nước ta vào tình trạng hỗn loạn chỉ trong một phút. Nếu nó tấn công thị trường tiền tệ, thì vào sáng thứ Hai trên phố Wall, chúng ta sẽ thấy tình trạng bán tháo vì hoảng loạn chưa từng thấy từ năm 1929. Giả sử Trinity tấn công hệ thống vận tải? Trong vòng ba ngày, sẽ không có thực phẩm đến các siêu thị. Chúng ta có thể sẽ gặp tình trạng bất ổn dân sự trong vòng bảy mươi hai giờ, và bạo động sẽ lan ra trong vòng một tuần lễ.”

Thượng nghị sĩ Jackson nặng nề ngồi xuống. “Lạy Chúa.”

Một người lính bước đến gần ông tướng và thì thầm vào tai ông ta. Bauer nhìn lên màn hình. “Tôi vừa nhận được tin David Tennant và Rachel Weiss đã về đến cổng căn cứ này. Họ đang ở trên trực thăng và sắp đáp xuống ngay giữa vòng vây truyền thông.”

Skow thăm chửi tục.

“Tennant à?” một trong những thượng nghị sĩ trên màn hình hỏi. “Có phải cái tay mắt trí định ám sát tổng thống ấy không?”

“Anh ta là bác sĩ, kẻ đã phơi Trinity ra công luận,” thượng nghị sĩ Jackson nói. “Trước đây anh ta từng là một trong các cử tri của tôi. Tôi muốn anh ta được đưa đến phòng Tình thế của các ngài.”

“Tôi đồng ý,” Evan McCaskell nói. “Bác sĩ Tennant có thể đem đến cho chúng ta những thông tin cực kỳ cấp thiết.”

Skow đứng lên hướng về màn hình. “Thưa các thượng nghị sĩ, chúng tôi đã làm việc với bác sĩ Tennant trong hai năm. Anh ta có những vấn đề tâm thần trầm trọng, kể cả ảo giác hoang tưởng. Anh ta đã giết hai người mà chúng ta biết, và còn đe dọa tính mạng tổng thống nữa.”

“Tôi vẫn cần thấy chứng cứ rõ ràng của lời khẳng định cuối cùng này,” McCaskell nói. “Và e-mail của bác sĩ Tennant lại kể câu chuyện hoàn toàn khác.”

“Anh ta vẫn còn nguy hiểm,” Skow nói.

“Trong vòng vây của Lực lượng Đặc biệt thì không nguy hiểm đâu,” tướng Bauer nói. “Tôi sẽ cử đội hộ tống dẫn anh ta vào.”

“Một nhân viên Mật vụ của chúng tôi sẽ đi theo,” McCaskell nói. “Chỉ để đảm bảo anh ta vào đây an toàn.”

Chú Thích:

1. Inter-Continental Ballistic Missile: tên lửa đạn đạo xuyên lục địa.

CHƯƠNG 40

White Sands

Tôi dính chặt người trên ghế khi chiếc trực thăng lao sầm xuống giữa một đám đông người và xe ngoài cổng White Sands. Phía trong cổng là hai chiếc Humvee với những khẩu súng máy nòng 50 ly trên lưng, các tay súng đứng trong tư thế sẵn sàng. Rachel chỉ vào đám người đang sôi sục. Hình như ban đầu chỉ gồm nhà báo, nhưng có một nhóm người biểu tình mang theo cả biểu ngữ và thánh giá đứng gần cổng. Họ làm tôi nhớ tới đám đông ở Via Dolorosa.

Tôi dăm dăm nhìn lên hướng Bắc qua cửa mở của chiếc Huey. Tại một điểm cách sa mạc này tám mươi cây, cha tôi đã từng chứng kiến vụ nổ bom nguyên tử đầu tiên. Thật mỉa mai, người ta gọi nó là Trinity Shot(1). Ông quan sát từ một boong ke nơi có những máy quay cao tốc ghi lại từng một phần nghìn giây sự ra đời của mặt trời mới. Nhiều người chứng kiến sự kiện cố giải thích nó, nhưng không ai nắm bắt được khoảnh khắc ấy như Robert Oppenheimer. Tôi đã đóng những lời sau đây của ông lên tường lớp học y đức của tôi ở UVA:

Khi quả bom nguyên tử đầu tiên ấy nổ giữa rặng đông New Mexico, chúng tôi nghĩ đến Alfred Nobel và hy vọng vô ích của ông, rằng thuốc nổ sẽ chấm dứt mọi cuộc chiến tranh. Chúng tôi nghĩ đến huyền thoại Prometheus, nghĩ đến cái cảm giác tội lỗi sâu sắc trong những sức mạnh mới của con người, nó phản ánh việc con người nhận ra cái ác, và những hiểu biết lâu dài về cái ác. Chúng tôi biết đó là một thế giới mới, nhưng chúng tôi còn biết nhiều hơn rằng bản thân cái mới là cái rất cũ trong cuộc sống con người, rằng mọi nẻo đường đời của chúng ta bắt rễ từ đây.

Khi chiếc trực thăng Huey hướng về phía đám đông bên dưới, tôi nhận ra Oppenheimer đã hiểu một điều mà Peter Godin không hiểu. Peter Godin đã đi vào máy tính Trinity, bỏ lại đằng sau cái mà trước đó không người nào từ bỏ hoàn toàn: nhân tính của mình. Trong cuộc kiếm tìm này, lão chỉ thất bại mà thôi.

Đám đông tràn đến trực thăng khi chúng tôi đáp xuống khoảng trống phía xa xe truyền hình. Chúng tôi nhảy ra và cố gắng chen vào cổng, nhưng có ai đó nhận ra tôi và kêu tên tôi khiến mọi người tán loạn hết cả lên. Một rừng máy ảnh, những ánh đèn chói lóa, và các phóng viên xoay quanh chúng tôi như lốc xoáy. Tôi đứng yên lặng chờ họ lắng xuống.

“Tôi là David Tennant. Tôi đã gửi tin tiết lộ sự tồn tại của Trinity.”

“Ông làm gì ở đây?” một phóng viên hét lên. “Có phải những người đằng sau hàng rào kia đã cố giết ông không?”

“Tôi nghĩ chúng tôi đã qua điểm đó rồi. Nhưng nếu tôi sai, các bạn sẽ thấy tôi bước đi bên trong căn cứ này. Nếu các bạn không thấy tôi ra nữa, xin đừng ngừng đặt câu hỏi cho đến khi tìm ra sự thật.”

“Sự thật là gì?” một phụ nữ hỏi. “Có phải máy tính bắt thế giới làm con tin không?”

“Đó là vấn đề mà tôi có mặt ở đây để giải quyết.”

“Bằng cách nào?” nhiều giọng nói gào lên cùng lúc.

Một người đàn ông nói giọng Pháp hét lên. “Có phải máy tính Trinity đã phá hủy đập sông Mohne ở Đức không?”

“Tất cả những gì tôi cần phải nói là như thế này. Bằng cách có mặt ở đây, các bạn đang giúp ích cho thế giới. Dù có xảy ra bất cứ điều gì, xin các bạn đừng bỏ đi. Cảm ơn.”

Tôi cố gắng bước ra khỏi đám đông, nhưng các nhà báo không chịu nhường lối. Những câu hỏi mà họ gào lên phát đỉnh tai nhức óc, và họ chèn ép chúng tôi, cho đến khi tiếng cánh quạt phành phạch nhấn chìm giọng của họ. Một chiếc trực thăng Huey màu ô liu xin với các họng súng mi ni đặt sau cửa

đang bay gần như ngay trên đầu. Khi nó xuống đủ thấp, đám nhà báo chạy tản ra như chim.

Một người đàn ông trẻ mặc complet lao ra khỏi chiếc Huey về phía tôi, che mặt tránh gió từ cánh quạt trực thăng. Tôi thấy một khẩu súng ngắn thò ra dưới áo khoác phấp phới của anh ta.

“Ông là bác sĩ Tennant?”

“Phải.”

“Tôi là đặc vụ Lewis của Sở Mật vụ. Evan McCaskell muốn ông đến chỗ ông ấy ở phòng Tình thế của căn cứ.”

Chúng tôi chạy lên chiếc Huey với một đám đông nhà báo ào ào bám theo. Khi Rachel và tôi thắt dây an toàn, đặc vụ Lewis leo vào, giơ ngón tay cái ra hiệu cho phi công.

Ngóc đầu lên trước, chiếc Huey vượt qua hàng rào và bay về hướng Tây. Khi những đụn cát trắng vô tận lùi về phía sau, tôi lấy làm kinh ngạc vì cái hình thức sống mới nhất trên hành tinh lại được ra đời giữa sa mạc khô cằn này, khác xa vườn Địa đàng một trời một vực.

Phi công cho máy bay hạ xuống khoảng giữa các nhà chứa máy bay lớn. Nơi chúng tôi đến là một nhà chứa máy bay đề tên HÀNH CHÍNH, và có nhiều lính vũ trang đứng gác.

Bên trong khoảng không gian âm u, mênh mông, chúng tôi thấy một bớt chỉ huy lưu động như do NASA thiết kế. Ngồi quanh chiếc bàn ở giữa phòng là John Skow, Ravi Nara, Evan McCaskell và một viên tướng hai sao tôi không nhận ra. Một màn hình lớn cho thấy một nhóm đàn ông đàn bà ngồi quanh chiếc bàn khác. Tôi nhận ra bốn người là thượng nghị sĩ, trong đó có Barrett Jackson, một thượng nghị sĩ kỳ cựu thuộc bang Tennessee.

Ở phía bên kia chiếc bàn trước mặt tôi là một giường bệnh. Nằm bất tỉnh trên đó là Peter Godin. Bên cạnh giường có hai y tá đứng, một người mặc blu trắng trông như bác sĩ trực, và một vệ sĩ tóc vàng hoe bận đồ đen. Tôi định quay đi thì nhìn thấy một dải băng trắng quấn quanh cổ vệ sĩ. Tiếng thở hổn hển sau gáy tôi khiến tôi biết Rachel đã nhận ra Geli Bauer cùng lúc với tôi. Geli nhìn tôi, rồi chuyển mục tiêu, đôi mắt ả thiêu cháy Rachel. Đôi môi ả cong tớn lên thành một nụ cười như muốn ăn tươi nuốt sống. ả vẫn chưa quên chuyện ở ga Liên Hiệp.

McCaskell ra hiệu cho chúng tôi đến ngồi bên phải bàn và giới thiệu ngắn gọn khi chúng tôi ngồi xuống. Tôi ngạc nhiên khi nghe nói viên tướng tên là Bauer, nhưng sau đó tôi nhớ lại lịch sử gia đình Geli. Những người trên màn hình lớn được giới thiệu là thành viên Ủy ban Thượng viện Đặc trách Tình báo, và tôi thấy rõ ràng mọi quyết định liên quan đến số phận Trinity - và do đó là số phận toàn thế giới - sẽ do họ đưa ra.

“Bác sĩ Tennant,” thượng nghị sĩ Jackson từ trên màn hình nói. “Chúng tôi vui mừng thấy anh ở đây. Trong e-mail anh gửi từ Israel, anh đưa ra những cáo buộc nghiêm trọng về ông Skow và Cơ quan An ninh Quốc gia. Tôi đảm bảo với anh sau này chúng tôi sẽ xem xét những cáo buộc ấy. Nhưng ngay giờ đây chúng ta phải tập trung vào hiểm họa Trinity.”

“Tôi đến đây chính là để làm việc đó, thưa ngài thượng nghị sĩ.”

“Chúng tôi đã nghe những gì anh nói với các nhà báo ở ngoài cổng,” McCaskell nói. “Anh có biết cách nào tắt máy tính đó mà không gây ra cuộc trả thù khủng khiếp cho đất nước không?”

“Không.”

McCaskell chẳng buồn giấu nổi thất vọng của mình. “Thôi được, vậy chính xác anh có dự định gì, bác sĩ?”

“Tôi đến đây để nói chuyện với máy tính.”

Chánh văn phòng phủ tổng thống đưa mắt nhìn viên tướng, rồi đến Skow. Về mặt Skow như muốn nói Tôi đã bảo ngài rồi.

“Anh định nói gì với Trinity, bác sĩ?” thượng nghị sĩ Jackson hỏi.

“Tôi muốn hỏi nó vài câu.”

“Chẳng hạn?”

“Hiện giờ tôi muốn giữ kín.”

Không ai thích câu trả lời này. Skow nhìn tôi vẻ vờ quan tâm. “David, tôi hy vọng anh không hành động với giả định rằng máy tính Trinity vẫn còn là trí tuệ của Peter Godin, bởi vì...”

“Thật ra, tôi đang hành động như thế đấy. Hiện giờ có lẽ mẫu thần kinh Godin đã tiến hóa nhiều rồi, nhưng trong vài giờ tới, tôi nghĩ chủ yếu nó vẫn là con người như chúng ta biết.”

“Còn sau đó thì sao?” McCaskell hỏi.

“Không ai biết. Godin tin rằng mẫu thần kinh của ông ta sẽ tiến hóa thành một kiểu vua triết gia, một thực thể siêu nhân có trí năng tách rời mọi xúc cảm của một vị thần. Tôi nghĩ ông ta đã lầm. Andrew Fielding nhất trí với tôi. Nếu trong vòng vài giờ nữa tôi không thể thuyết phục mẫu thần kinh Godin tự ý ngừng hoạt động - thật ra như vậy tức là tự tử - thì chúng ta sẽ không bao giờ thoát khỏi sự thống trị của chiếc máy này.”

Căn phòng yên lặng.

“Anh có thể giải thích cho chúng tôi lý lẽ của anh không, bác sĩ?” McCaskell hỏi.

“Từ Thời đại Công nghiệp, con người đã sợ rằng một ngày nào đó thế giới sẽ bị máy móc kiểm soát. Điều mĩa mai là không phải cả một hệ thống máy móc làm được điều đó. Mà chỉ là một chiếc máy. Chúng ta đã tạo ra Siêu nhân của Friedrich Nietzsche, ngài McCaskell ạ.”

McCaskell nhìn quanh phòng một lượt, rồi hắng giọng. “Bác sĩ Tennant, anh có nghĩ ra lý lẽ nào để chiếc máy tính đó tự tắt đi mà không ai khác ở đây nghĩ tới không?”

“Tôi không biết. Ngài có ý kiến gì không?”

“Ở đây có người đề nghị dùng một người thương thuyết làm con tin,” thượng nghị sĩ Jackson nói. “Nhưng chúng tôi không biết có ai đủ khả năng để nói với cái... cái vật này không?”

“Có tôi.”

“Tại sao anh nghĩ thế, bác sĩ? Anh định nói gì với nó?”

Tôi cảm thấy Rachel co rúm người lại bên cạnh tôi. Dường như nàng sợ tôi sẽ tuyên bố rằng Chúa sai tôi xuống để chặn tay Peter Godin.

Tôi chưa kịp nói thì tướng Bauer đã lên tiếng, “Bác sĩ Tennant nói đúng một điểm. Mỗi giờ chúng ta ngồi chờ thì máy tính sẽ mạnh thêm lên. Nếu chúng ta định hành động thì nên hành động ngay đi.”

“Ông có ý kiến gì chẳng, thiếu tướng?” thượng nghị sĩ Jackson hỏi. “Cho đến lúc này, tất cả những gì ông cho chúng tôi thấy chỉ là cơn ác mộng về những thảm họa Trinity có thể gây ra cho chúng ta. Còn chúng ta có thể làm được gì?”

Tướng Bauer đứng lên bước về phía màn hình.

“Thưa các ngài, Trinity chỉ duy trì được sức mạnh của nó thông qua khả năng không chế hệ thống máy tính trên thế giới. Nếu chúng ta có thể vô hiệu hóa các hệ thống máy tính ấy - hay đơn giản hóa vấn đề, chỉ hệ thống máy tính của Mỹ thôi - chúng ta có thể vô hiệu hóa mối đe dọa này.”

“Ý ngài là chúng ta chỉ việc tắt toàn bộ máy tính trong nước?” thượng nghị sĩ Jackson hỏi.

“Đó là ý kiến rất hấp dẫn đấy, thưa ngài thượng nghị sĩ, nhưng không khả thi. Kế hoạch của chúng ta sẽ lộ ra với Trinity từ lâu trước khi nó được thực hiện. Và chiếc máy này có khả năng trả đũa với tốc độ ánh sáng, theo nghĩa đen.”

“Vậy ngài có đề nghị gì?”

Trong khi chăm chú nhìn vào màn hình các thượng nghị sĩ, tôi vụt nhớ ra điều mà Fielding đã nói với tôi về khả năng lượng tử của Trinity.

“Xin lỗi, ngài thiếu tướng,” tôi ngắt lời. “Hệ thống truyền thông của chúng ta đang được phát trên đường dài hoặc liên lạc vệ tinh phải không? Trinity sẽ nghe được tất cả những gì chúng ta nói ở đây.”

John Skow đứng lên và ban cho tôi cái nhìn kẻ cả. “Chúng ta đang sử dụng mã hóa 128-bit cho

mọi cuộc liên lạc, chúng ta cũng đang dùng đường cáp quang an toàn. Những siêu-máy tính nhanh nhất hành tinh cũng mất chín mươi sáu giờ để bẻ mã 128-bit. Đây là nói từng thông điệp. Cứ cho rằng khả năng dự tính của Trinity là thực đi chẳng nữa, chúng ta vẫn có một cửa sổ an toàn truyền thông đáng kể.”

“Anh không thể giả định bất cứ điều gì về Trinity,” tôi nói. “Andrew Fielding tin rằng bộ não người có khả năng lượng tử. Nếu khả năng đó là thật thì Trinity đã khai thác nó, nó có thể bẻ mã 128-bit của anh trong nháy mắt.”

Ravi Nara gờ tay. “Cơ hội đó bằng không, thưa tướng Bauer. Fielding là thiên tài, nhưng quan điểm của ông ta về máy tính lượng tử trong não người là một trò lập dị. Khoa học viễn tưởng.”

“Tôi vui mừng được nghe điều đó,” tướng Bauer nói.

“Các vị bỏ qua lời khuyên của Fielding là cực kỳ liều lĩnh đấy,” tôi cảnh báo.

“Tôi bằng lòng để lại vấn đề này cho các chuyên gia giải quyết, bác sĩ Tennant,” thượng nghị sĩ Jackson nói. “Kế hoạch của ông là gì, tướng Bauer?”

“Ngài thượng nghị sĩ, tôi đề nghị chúng ta tấn công chính đất nước mình bằng một đòn hạt nhân EMP(2) càng sớm càng tốt.”

Hàng chục giọng nói nhao nhao lên một lúc. Tướng Bauer gật đầu với một kỹ thuật viên, anh này bật hình ảnh một máy bay rải bom B-52 lên các màn hình quanh phòng. Một tên lửa kênh càng rơi ra từ bụng chiếc máy bay khổng lồ này, rớt lại sau nó vài giây, rồi lóe lửa và vạch một vòng cung trên bầu trời. Tiếp theo là một vụ nổ hạt nhân khủng khiếp trên cao, rồi những đợt sóng như trong phim hoạt hình bắt đầu phát ra từ trái bom, bao phủ toàn bộ nước Mỹ.

“Để giải thích cho những ai không hiểu tôi đang nói gì,” tướng Bauer nói. “Đòn tấn công EMP rất đơn giản. Một thiết bị hạt nhân lớn phát nổ ở độ cao thích hợp tạo ra xung điện từ - một sự bùng nổ ở ạt của bức xạ điện từ - thứ có thể phá hủy hay ngắt mọi mạch điện hiện đại trên đất Mỹ. Các máy tính đặc biệt dễ bị tổn hại vì xung năng lượng này. Vì được nổ ở độ cao rất lớn, bản thân quả bom gây ra tổn thất tối thiểu về người, tuy nhiên khả năng Trinity trả thù chúng ta sẽ bị vô hiệu hóa gần như ngay tức khắc.”

Bầu không khí im lặng tuyệt đối bao trùm phòng Tình thế.

“Sao tôi lại nghĩ ông đang đơn giản hóa kịch bản nhỉ, tướng Bauer?” McCaskell nói. “Chúng ta phải nghĩ đến mặt bất lợi của kế hoạch này.”

Bauer hít sâu, rồi bắt đầu nói theo cách khiến người ta nhớ đến George Patton(3). Ấn ý trong lập luận của ông ta là Muốn đánh chuột thì đừng sợ vỡ bình.

“Bằng cách đánh vào hệ thống máy tính của chính chúng ta,” Bauer tóm tắt, “chúng ta gây ra một số trong chính những hậu quả mà Trinity dùng để đe dọa chúng ta. Hoảng loạn lan rộng, nhiều người bị thương, vài người chết. Giao thông sẽ ngừng lại, và tất cả các chương trình phát thanh truyền hình sẽ tắt ngay lập tức. Nhưng vì đêm nay là đêm thứ Sáu, nên hậu quả tài chính sẽ được giảm thiểu. Hậu quả của những sự cố trong công nghiệp có thể sẽ nặng nề, đặc biệt là các nhà máy điện, xí nghiệp hóa chất, giao thông hàng không và đường sắt cũng bị liên lụy. Nhưng...”

“Hãy nghĩ đến Bhopal(4), Ấn Độ,” tôi nói. “Chỉ là con kiến so với chuyện sẽ xảy ra.”

Tướng Bauer trừng trừng nhìn tôi. “So với những gì Trinity có thể làm nếu nó quyết định chơi sát ván với chúng ta, thì hậu quả của một cuộc tấn công EMP là không đáng kể.” Ông ta ngẩng lên nhìn các thượng nghị sĩ. “Tóm lại, tôi nói về tình trạng hỗn loạn có thể chấp nhận được. Tổn thất có thể chấp nhận được.”

“Tôi là một cựu binh,” thượng nghị sĩ Jackson nói. “Bất cứ lúc nào tôi nghe cụm từ ấy, tôi đều sờn gai ốc. Thế còn bệnh viện, người tàn phế, và những thứ tương tự thì sao?”

“Sẽ có tổn thất về nhân mạng,” tướng Bauer nhắc lại. “Tuy vậy, so với những gì chúng ta đang phải

đổi mặt lúc này, thì có thể bỏ qua. Và cuộc khủng hoảng này sẽ chấm dứt.”

“Để thực hiện một cuộc tấn công như thế mất bao lâu?” McCaskell hỏi.

Tướng Bauer nhìn từng khuôn mặt, rồi nhìn lên màn hình video hội nghị. “Vào khoảng ba mươi phút.”

Ba mươi phút! Tôi đã biết chuyện này có thể xảy ra, nhưng tôi không nghĩ quân đội có thể phối hợp nhanh đến thế.

“Cách đây hai giờ,” tướng Bauer nói, “khi Trinity còn đang tự định hướng, tôi đã nói chuyện với tư lệnh Căn cứ Không quân Barksdale ở Shreveport, Louisiana. Ông ấy là một trong những người bạn rất lâu năm của tôi. Ông ấy có dưới quyền mình sáu phi đội B-52 và tất cả các máy bay ném bom ấy đều mang đầu đạn bạc.”

“Đầu đạn bạc?” thượng nghị sĩ Jackson hỏi lại.

“Những quả bom hạt nhân. Có khoảng trên năm trăm quả được dự trữ ở Barksdale. Một số là bom trọng lực, số khác được phóng từ máy bay bằng những tên lửa đầu đạn hạt nhân tầm thấp. Các phi đội bay huấn luyện thì không được mang bom thật, nhưng chỉ huy có thể ra lệnh cho họ tiếp đạn ngay khi đang bay không khó khăn gì lắm. Tôi đã thuyết phục ông ấy rằng hôm nay là ngày tốt để tiến hành huấn luyện bằng đạn thật. Hiện giờ có một chiếc B-52 đã cất cánh khỏi Barksdale, mang theo một đầu đạn bạc rất đặc biệt.”

“Loại vũ khí mà ông đang nói là loại gì đây?” McCaskell hỏi.

“Một tên lửa tầm ngắn hạng nặng có tên gọi là Vulcan. Nó được thiết kế để thực hiện một cuộc tấn công EMP ồ ạt mà không cần phải phóng một ICBM vốn dễ bị vệ tinh do thám của Nga phát hiện. Vulcan phóng lượng chất nổ của nó bay thẳng ra ba trăm cây, phát nổ và rồi toàn bộ đèn điện trên khắp đất nước tắt ngấm. Trinity sẽ chỉ nhìn thấy trên những màn hình ra đa NORAD một máy bay ném bom đang trên đường bay huấn luyện qua trung tâm nước Mỹ. Nhưng cái mà Vulcan sẽ phóng ra...” Tướng Bauer nắm một bàn tay lại, rồi xòe nhanh ra, chĩa ngón tay biểu hiện các tia tỏa ra từ mặt trời.

“Chính xác Vulcan chờ cái gì?” thượng nghị sĩ Jackson hỏi.

“Đầu đạn nhiệt hạch mười lăm triệu tấn.”

Mấy thượng nghị sĩ há hốc mồm.

“Lạy Chúa,” một người đàn ông tóc bạc trắng ngồi cuối bàn làm râm. “Nó lớn hơn quy mô vụ nổ Hiroshima cả nghìn lần.”

“Một nghìn năm trăm lần,” tướng Bauer nói. “Đó là điều nó có thể thực hiện được trong một lần phóng. Máy bay B-52 sẽ đến điểm phóng trong vòng ba mươi phút. Mã của nó là Arcangel. Ngài có thể ra lệnh cho Vulcan phóng, hay cho máy bay ném bom lượn quanh vô hạn định. Tôi thừa nhận rằng tôi đã hành động khi chưa được phép, nhưng chúng ta đang ở trong một tình thế đặc biệt. Tôi mong ngài hãy lựa chọn.”

Tiếp theo lời tự thú này là sự im lặng tuyệt đối.

“Chúng ta có thể cố gắng giảm thiểu tác hại của vũ khí này trước khi sử dụng được không?” thượng nghị sĩ Jackson hỏi. “Cảnh báo dân chúng chẳng hạn.”

“Không. Nếu làm thế, chúng ta sẽ khiến Trinity cảnh giác về kế hoạch của chúng ta.”

“Chính xác đầu đạn hạt nhân này sẽ được nổ ở đâu? Trên bầu trời bang nào?”

“Nó phải được nổ ở rất gần trung tâm địa lý của đất nước.”

“Tôi hỏi ông là bang nào?” Jackson nhắc lại.

Viên tướng do dự, rồi thốt ra câu trả lời. “Kansas, thưa ngài.”

“Kansas?” một thượng nghị sĩ kêu lên. “Gã khốn kiếp này muốn cho tiêu tan bang quê hương của tôi!”

“Chúng ta sẽ nhìn thấy cảnh tàn phá như thế nào trên mặt đất?” thượng nghị sĩ Jackson hỏi. “Bụi

phóng xạ hay tương tự. Những tác hại lâu dài.”

“Đáng ngạc nhiên là rất ít, thưa ngài. Sẽ có bụi phóng xạ bị gió thổi đi, nhưng gió chủ đạo là gió Tây, và ở độ cao này, phần lớn chúng bị đẩy ra Đại Tây Dương trước khi gây thiệt hại đáng kể. Chúng ta cũng có thể bị những trận mưa ô nhiễm. Sẽ có hậu quả lâu dài đối với mùa màng.”

“Lâu dài là bao nhiêu?” thượng nghị sĩ Kansas hỏi.

“Một nghìn năm,” tôi đáp.

“Đây là một sự cường điệu quá đáng,” tướng Bauer nói. “Thưa các thượng nghị sĩ, các ông bà phải cân nhắc tác động này với những gì có thể xảy ra nếu Trinity lựa chọn hành động như đe dọa. Và chúng ta phải giả định rằng cuối cùng nó sẽ làm. Trừ khi...”

“Cái gì?” Jackson hỏi.

“Chúng ta đầu hàng.” Giọng của Bauer cho thấy rõ điều ông ta nghĩ về lựa chọn này.

Các thượng nghị sĩ bắt đầu bàn bạc với nhau. Evan McCaskell có vẻ như đang nghĩ lời khuyên của chính mình. Một lần nữa ký ức về Fielding lại hiện lên trong tôi. Nếu ông có mặt ở đây lúc này, chắc ông sẽ không im lặng.

“Nếu các vị mưu tính làm vụ này,” tôi nói lớn. “Các vị sẽ gây ra chính sự tàn phá mà các vị cố tránh. Đất nước này sẽ bị hủy diệt.”

Các thượng nghị sĩ từ trên màn ảnh nhìn xuống tôi.

“Sao anh lại nói thế, bác sĩ?” thượng nghị sĩ Jackson hỏi.

“Tướng Bauer không thể giấu Trinity về phi vụ của ông ấy. Các máy tính ở NSA, NORAD, và có lẽ ngay ở Căn cứ Không quân Barksdale đều do Peter Godin hoặc Seymour Cray chế tạo. Trinity có đường truy cập vào tất cả những máy ấy. Hay thậm chí nếu Trinity không phát hiện ra phi vụ đang tiến hành, các vị tưởng nó không đoán ra các phương pháp tấn công mà chúng ta dễ nghĩ đến nhất hay sao? Nó không biết gót chân Asin của chính nó chắc?”

“Cái gót chân đó nó không tự bảo vệ được,” tướng Bauer nói.

“Tất nhiên nó bảo vệ được. Nó sẽ tấn công trước.”

McCaskell quay đầu hết bên này sang bên kia như đang cân nhắc lợi hại. “Cú giáng trả có tính toán của máy tính chống lại bọn hacker Đức khiến tôi hy vọng có thể sống sót qua sự trả thù của nó. Và nếu kế hoạch của tướng Bauer có thể thực hiện được, thì sự trả thù hạn chế đáng để chúng ta liều.”

“Ngài cảm thấy thế nào về một cuộc chiến tranh hạt nhân tổng lực?” tôi hỏi. “Liệu cuộc tấn công máy tính có đáng với mức độ trả thù ấy không?”

“Anh đang nói gì vậy?” thượng nghị sĩ Jackson hỏi. “Tướng Bauer đã đảm bảo với chúng tôi không thể xảy ra chiến tranh hạt nhân.”

“Ngài có biết về cái gọi là hệ thống ‘bàn tay chết’ không, ngài thượng nghị sĩ?”

Đôi mắt sâu của Jackson nheo lại. “Chúng tôi vừa bàn đến nó xong. Mọi người nhất trí nó là huyền thoại.”

“Ông biết gì về nó, bác sĩ?” tướng Bauer hỏi.

“Tôi biết những điều Andrew Fielding nói với tôi. Ông tin rằng hệ thống đó tồn tại trong Chiến tranh Lạnh và có thể còn đến ngày nay. Peter Godin cũng tin như vậy. Fielding và Godin đã thảo luận tiềm năng của Trinity trong việc tước vũ khí của một hệ thống như vậy trước một cuộc trao đổi hạt nhân. Và Godin dính líu đến chương trình hạt nhân Mỹ từ những năm 1980.”

Mọi người nhìn giương bệnh. Godin vẫn nằm bất tỉnh trên gôi.

“Ông ấy đang ngủ à?” McCaskel hỏi.

“Chúng tôi đã phải tiêm cho ông ấy một liều morphine,” bác sĩ Case trả lời. “Không bao giờ đau nữa.”

“Ông có thể đánh thức ông ấy dậy không?”

“Tôi sẽ thử.”

Tướng Bauer nói với các thượng nghị sĩ. “Peter Godin đã chế tạo các siêu máy tính tiên hành kích thích thử nghiệm hạt nhân. Đó là phạm vi đóng góp của ông ấy cho chiến lược của Mỹ. Hệ thống bàn tay chết của Liên Xô chưa bao giờ tồn tại. Đó là điểm nhất trí đã được công bố của Bộ Quốc phòng Mỹ.”

Horst Bauer là người chào hàng giỏi. Người ta có thể thấy rất rõ sự cảm dỗ nghe theo kế hoạch của ông ta trong khắp căn phòng. Tôi đọc thấy điều đó trên nét mặt các thượng nghị sĩ trên màn hình. Rõ ràng kế hoạch liên quan đến vũ khí hạt nhân chỉ khiến nó thêm hấp dẫn. Mọi người Mỹ mang ký ức về Hiroshima như một giải pháp khủng khiếp nhưng là phương cách cuối cùng cho cuộc chiến tranh chết chóc nhất lịch sử. Và bản chất chưa được biết đến của sức mạnh Trinity dường như kêu gọi một lực với bí ẩn và quyền năng ngang bằng để chế ngự nó. Điều các thượng nghị sĩ không hiểu là vũ khí hạt nhân không có gì bí ẩn đối với Trinity. Trong thế giới của chiến tranh kỹ thuật số, bom nguyên tử cũng nguyên thủy như những chiếc gậy đeo bằng đá. Chỉ có một vũ khí duy nhất trên trái đất có thể sánh với Trinity về sức mạnh.

Bộ óc con người.

Tôi đứng dậy, đối diện với màn hình, cố gắng nói với sự kiềm chế tối đa mà tôi có thể giữ được. “Thưa các thượng nghị sĩ, trước khi các vị có ý đồ thực hiện hành động có thể châm ngòi cho một cuộc hủy diệt bằng hạt nhân, tôi xin các vị cho phép tôi nói chuyện với máy tính. Các vị có mất gì đâu?”

Tướng Bauer dợm nói, song bỗng nghĩ lại. Các thượng nghị sĩ trao đổi thăm. Rồi Barertt Jackson nói.

“Thiếu tướng, tại sao chúng ta không xem máy tính cảm thấy thế nào về việc nói chuyện với bác sĩ Tennant? Nó chưa từng nói với bất kỳ ai khác.”

Skow định phản đối nhưng thượng nghị sĩ Jackson giơ tay cắt ngang

“Hãy nói cho máy tính biết bác sĩ Tennant là ai,” Jackson nói. “Và anh ta đang ở đâu. Sau đó hỏi máy tính có nói chuyện với bác sĩ Tennant không.”

“Tôi cần phải vào tòa nhà Cách ly để làm chuyện này,” tôi nói.

Jackson lắc đầu. “Chúng tôi không thể cho phép điều đó, bác sĩ. Lỡ anh bị rơi vào ảo giác thì sao? Anh có thể đụng đến công tắc hay cái gì đó. Không, nếu anh nói với Trinity, hãy nói ngay tại đây.”

Theo lệnh tướng Bauer, một kỹ thuật viên gõ những lời Jackson vừa nói vào máy và gửi cho Trinity.

Dòng chữ màu xanh hiện ngay lập tức trên màn hình.

Ta sẽ nói chuyện với Tennant.

“Chết tiệt,” thượng nghị sĩ Jackson nói.

“Nhìn kia,” Ravi Nara nói.

Những chữ khác đã nhấp nháy trên màn hình.

Đưa Tennant đến nhà Cách ly.

“Cái quái quỷ gì vậy?” tướng Bauer nói. “Tại sao nó yêu cầu điều đó?”

McCaskell nhìn tôi. “Anh có thể giải thích điều này không, bác sĩ? Tại sao máy tính yêu cầu giống anh?”

“Tôi không biết gì hết.”

“Gõ câu này,” McCaskell nói. “Tại sao yêu cầu bác sĩ Tennant vào nhà Cách ly?”

Câu trả lời hiện ngay tức khắc.

Cơn mưa có cha không? Người có biết mệnh lệnh của Thượng đế không? Người sẽ đi săn mồi cho sư tử chứ? Hay cho lũ sư tử non ăn no? Người có thể câu Thủy quái bằng lưỡi câu không? Không có gì

đáng ghê sợ hơn là dám khuấy động nó. Lúc đó kẻ nào có thể đứng trước ta?

“Lời Kinh Thánh, phải không?” McCaskell hỏi, rõ ràng là sừng sốt.

“Sách Job,” Skow nói, khiến tôi tưởng tượng gã là một cậu bé mặc đồ đến trường Chủ nhật.

“Tại sao máy tính trả lời kiểu này,” thượng nghị sĩ Jackson hỏi. “Godin sinh thời là người mộ đạo à?”

“Ông ta còn sống,” tôi nhắc Jackson.

“Godin không bao giờ tin vào Chúa,” Skow nói. “Ông ta có lần nói với tôi rằng tôn giáo là kết quả của một quá trình thích nghi tiến hóa để giúp Homo sapiens(5) khắc phục nỗi sợ cái chết.”

Có tiếng rắc nhẹ vọng khắp gian phòng. Mọi người quay nhìn về phía giường bệnh. Mắt Godin mở, và niềm hân hoan trong đó thật rõ ràng.

“Đó là một trò đùa,” lão khò khè. “Trinity đang nói cho các ông biết về cái nơi chốn chết tiệt của các ông.”

McCaskell đứng lên bước đến giường bệnh. “Tại sao máy tính lại muốn bác sĩ Tennant vào nhà Cách ly?”

“Máy tính, máy tính,” Godin lầm bầm. “Trinity không phải là một chiếc máy tính. Máy tính là một chiếc máy cộng trừ được tô điểm. Một cái hộp logic. Trinity đang sống. Đó là loài người đã thoát ra khỏi cái của nợ thể xác của nó. Trinity là sự kết thúc của cái chết.”

Giọng ông già có sức thuyết phục của một đáng tiên tri.

“Ông Godin,” McCaskell nói. “Ông biết gì về sự tồn tại của hệ thống tên lửa được gọi là ‘bàn tay chết’ của Nga không?”

Đầu ông già rướn về phía trước như vật lộn với cơn co thắt trong cổ họng. “‘Bàn tay chết’ là của các ông,” lão thở khò khè. “Các ông và tất cả những kẻ bắt tài bắt lực trong hệ thống lỗi thời của chúng ta.”

Cuối cùng về mặt McCaskell cũng bộc lộ chút cảm xúc. “Tại sao ông lại làm thế? Chẳng lẽ ông lại ích kỷ đến mức không thể chịu nổi khi nghĩ về một thế giới trong đó không có ông?”

Godin đang vật lộn để thở. Bác sĩ Case đến để giúp lão, nhưng lão phẩy tay xua bác sĩ đi.

“Hãy nhìn xung quanh các ông,” Godin nói. “Tại sao tất cả máy móc công nghệ cao này tồn tại? Tôi đã chế ra những siêu máy tính tinh xảo nhất hành tinh, những chiếc máy có khả năng cống hiến khổng lồ cho loài người. Và chính phủ đã làm gì với chúng? Bỏ mả khóa và chế tạo bom hạt nhân! Trong hai mươi năm, họ sử dụng những chiếc máy đẹp đẽ của tôi để hoàn thiện động cơ giết người của họ. Nhưng sao tôi lại hy vọng điều gì khác nhỉ? Lịch sử loài người là nhà mồ của chém giết và ngu xuẩn.”

Godin bắt đầu ho như thể các lá phổi của lão vừa vào cuộc. “Thưa các ông, chúng ta có cơ hội của mình. Mười nghìn năm của nền văn minh nhân loại đã đưa chúng ta vào một cái vòng. Thế kỷ hai mươi là đẫm máu nhất trong lịch sử. Cứ để cho chúng ta thì thế kỷ hai mốt còn tồi tệ hơn nhiều. Darwin đã gióng lên tiếng chuông báo động về sự quản lý hành tinh này của chúng ta từ năm 1859. Nhưng cuối cùng hôm nay các người mới nghe thấy nó.”

“Nhìn lên màn hình!” Ravi Nara kêu lên.

Hàng chữ màu xanh sáng rực lên một cách đáng ngại, sự im lặng của chúng càng làm tăng thêm vẻ đe dọa.

Đưa bác sĩ Tennant đến chỗ ta nếu không hãy gánh chịu hậu quả.

“Tôi nghĩ chúng ta phải quyết định lấy thôi,” thượng nghị sĩ Jackson nói. “Đưa bác sĩ Tennant đến nhà Cách ly.”

Tướng Bauer ra hiệu cho hai người lính đến đứng kèm hai bên vai tôi. Tôi nhìn Bauer để cho ông ta thấy vẻ nghi ngờ của tôi.

“Ông vẫn có ý định triển khai kế hoạch tấn công EMP của ông phải không, thiếu tướng?”

Ông ta đeo chiếc mặt nạ của một tay chơi bài poker lão luyện, nhưng tôi không phút nào mắc lừa ông ta. Tôi biết tôi có dưới ba mươi phút để thực hiện mục tiêu của mình.

McCaskell bước lại gần tôi. “Bác sĩ Tennant, chúng tôi tin cậy anh, đừng tiết lộ khả năng tấn công cho máy tính biết.”

“Tất nhiên.”

Ông giơ tay ra bắt. “Chúc may mắn.”

Đúng lúc tôi bước ra cửa, còi báo động vang lên trong nhà để máy bay.

“Nguy kịch!” một y tá kêu lên. “Ngài Godin ngưng thở.”

Đã mấy năm tôi không xử lý cấp cứu, nhưng phản ứng của tôi là tự động. Ngay cả Rachel cũng nhảy ra khỏi ghế mà nhào đến bên giường bệnh.

Bác sĩ Case và các y tá đã làm nhiệm vụ của họ với ông già. Máy điện tim cho thấy một tai biến mạch vành khác, nhưng hình như Ravi Nara nghĩ rằng việc tràn dịch não tắc nghẽn cuối cùng đã xảy ra. Khi đường điện tim của Godin chạy thẳng, bác sĩ Case leo lên giường và bắt đầu thực hiện CPR(6). Nhưng không kết quả. Khuôn mặt ông già đã có màu xám xịt của người chết.

“Trông kìa!” một người ở bàn kêu lên.

Tôi quay lại nhìn theo hướng tay chỉ.

Trên màn hình màu xanh dùng để hiển thị các thông điệp của Trinity, những dòng ký tự hỗn loạn lóe sáng quá nhanh không nhận ra được. Các con số, chữ cái, ký hiệu toán học kết lại với nhau thành một con sông mù mịt rồi ren. Mạch máy tính rõ ràng đang bị xáo trộn.

“Điều gì đang xảy ra?” McCaskell hỏi “Thế này nghĩa là gì?”

Ký hiệu trên màn hình trở thành nhiều màu sắc khi các ký tự Nhật Bản và Kirin bắt đầu xuất hiện.

“Thưa thiếu tướng!” một người lính bên bảng điều khiển kêu lên. “Các tín hiệu từ đường ống dẫn từ nhà Cách ly vừa tụt xuống zero. Tôi nghĩ máy tính đã bị treo!”

Tiếng reo mừng đặc thắng từ nơi nào đó trong nhà để máy bay vang đến. Rồi một tiếng còi báo động khác vang lên trong căn phòng, át cả những tiếng động khác.

“Cái gì thế?” thượng nghị sĩ Jackson hỏi. “Cái gì đang xảy ra? Godin chết rồi à?”

Tướng Bauer bước đến một trong các máy tính của ông ta, rồi quay về phía các thượng nghị sĩ, mặt cắt không còn giọt máu.

“Thưa các ngài, một trong các vệ tinh do thám của ta vừa phát hiện ra mười bốn vết tên lửa trên lãnh thổ Nga. Những vết này ứng với việc phóng tên lửa đạn đạo.” Ông ta nhìn lại các màn hình máy tính. “Từ dấu hiệu sức nóng và tốc độ của các tên lửa, máy tính NORAD đã nhận diện chúng là sự kết hợp giữa các tên lửa đạn đạo xuyên lục địa S-18 và SS-20. Những tên lửa này mang đầu đạn nhiệt hạch hạng nặng.”

Thượng nghị sĩ Jackson há mồm, nhưng không thốt ra một lời nào. Đôi lông mày màu nâu nhăn lại trên khuôn mặt lì lợm. “Nhưng ông đã nói điều đó không thể xảy ra.”

Tướng Bauer nói không do dự. “Có vẻ như tôi đã sai.”

Chú Thích:

1. Trinity Shot: Phát đạn Chúa Ba ngôi.
2. Electromagnetic Pulse: xung điện từ phát ra từ vụ nổ hạt nhân ở tầm cao.
3. Tướng Mỹ (1885-1945).
4. Thủ phủ bang Bhopal, Ấn Độ. Năm 1984 ở đây đã xảy ra sự cố rò rỉ khí độc từ một nhà máy hóa chất, làm hàng ngàn người chết trong một đêm, và hàng ngàn người khác mang di chứng.
5. Tên khoa học của loài người.
6. Cardiopulmonary Resuscitation: thủ thuật cấp cứu hồi phục hoạt động tim phổi.

CHƯƠNG 41

“Thưa các thượng nghị sĩ, đã khoảng hai mươi chín phút kể từ cú va chạm đầu tiên,” tướng Bauer nói. “Tôi yêu cầu các ngài tán thành khởi động cuộc công kích EMP ngay khi máy bay ném bom đến vị trí.”

Thượng nghị sĩ Jackson có vẻ do dự. “Nếu nó lại gây ra nhiều cuộc phóng tên lửa khác nữa thì sao?”

Tôi liếc qua màn hình biểu hiện kết quả của Trinity. Sự hỗn loạn của dòng ký tự gồm các con số và chữ cái vẫn không hề có dấu hiệu giảm bớt.

“Rất khó xảy ra điều đó, thưa các ngài,” Bauer nói. “Máy tính này có vẻ đang bị treo. Ảnh hưởng của mười bốn quả tên lửa không quá nguy hiểm đến tính mạng. Và với tình trạng bảo dưỡng kém cỏi của Nga, có thể chỉ phân nửa số đó phát nổ. Thậm chí số đến được mục tiêu còn ít hơn. Nếu bây giờ chúng ta phá hủy Trinity, chúng ta có thể an toàn vượt qua sự cố này.”

“Nếu máy tính đó đang treo,” Jackson nói, “có lẽ chúng ta nên cố liên lạc với tổng thống. Ngài sẽ đưa ra quyết định cuối cùng về cuộc tấn công này.”

“NORAD phát hiện thêm bảy vệt tên lửa nữa!” một kỹ thuật viên kêu lên. “Các căn cứ là Aleysk, Pervomaysk, Kostroma, Derazhnya.”

“Thế tức là có thêm các tên lửa nữa?” Jackson hỏi.

Tướng Bauer chờ cho tiếng ầm ĩ hoảng loạn của các thượng nghị sĩ khác lắng xuống. “Chúng ta bây giờ đang đứng trước mối đe dọa của hai mươi một tên lửa, thưa các thượng nghị sĩ. Nga có hơn ba nghìn ICBM khả thi. Nếu chúng ta không hành động ngay, có thể chúng ta sẽ thấy con số đó. Tổng thống đã giao quyền cho chúng ta quyết định việc này. Đây là thời điểm hành động.”

Thượng nghị sĩ Jackson quay đi khỏi màn hình camera và làm một cuộc biểu quyết chớp nhoáng công khai. “Cho phép tấn công bằng EMP, thiếu tướng.”

Tướng Bauer gật đầu ra hiệu cho kỹ thuật viên trưởng của mình, anh này bắt đầu chuyển các mệnh lệnh được mã hóa cho B-52 mã tên Arcangel.

“Các tên lửa của Nga có khả năng nhắm đến đâu nhất?” thượng nghị sĩ Jackson hỏi.

“NORAD sẽ tính ra, nhưng Washington gần như là mục tiêu chắc chắn. Chúng sẽ đến theo đường bay địa cực. Các ngài cần đến hầm tránh bom bên dưới trụ sở NSA càng sớm càng tốt.”

“Chúng tôi đã ở đó rồi.”

“Tốt.”

“Nhưng còn gia đình chúng tôi...” Mặt thượng nghị sĩ Jackson dường như xệ xuống, nhưng rồi một ánh thép lại lóe lên trong mắt ông ta. “Chúng tôi có nên cử một chiếc xe đến Nhà Trắng không? Tổng thống có nên xem xét giáng trả một đòn hạt nhân đối với nước Nga không?”

“Đây không phải là cuộc tấn công của Nga,” Evan McCaskell nói. “Nó được phóng bởi Trinity. Đó chính là hệ thống bàn tay chết mà tướng Bauer nói với chúng ta là không tồn tại.”

“Chúng ta không biết điều đó,” tướng Bauer vẫn khẳng định. “Có thể người Nga đang cố gắng tự phá hủy Trinity. Sự xâm nhập của Trinity vào hệ thống máy tính quốc phòng của họ có thể đã khiến họ lo sợ nghĩ rằng Trinity đang lập kế hoạch đánh đòn phủ đầu nước Nga. Hãy nhớ họ coi Trinity là một máy tính Mỹ. Một vũ khí Mỹ.”

McCaskell lắc đầu. “Người Nga biết tên lửa của chúng ta không do máy tính kiểm soát. Và tổng thống đã giải thích tình hình này cho lãnh đạo Nga trước khi ông chịu sự giám sát. Cũng như Trinity đã tự làm thê, cùng với thông điệp gửi lãnh đạo các nước.”

“Việc đó đã xảy ra cách đây hai giờ rồi,” tướng Bauer nhắc ông. “Nỗi sợ hãi có lý lẽ riêng của nó.”

“Hay không có lý lẽ gì hết. Chúng ta không thể vì sợ hãi mà hành động.”

“Hay không hành động,” Bauer vặn lại.

“Thiếu tướng!” một kỹ thuật viên ngồi bên bảng điều khiển kêu lên. “NORAD hiển thị một tên lửa Nga lao xuống mũi băng. Hình như bị trục trặc.”

“Hy vọng có thêm nhiều cái như thế”, Jackson nói.

“Vệ tinh đã phát hiện ra chùm tia bội năng lượng cao,” tay kỹ thuật viên tiếp tục. “Đó là đầu đạn MIRV, có lẽ từ một tên lửa SS-18 phát nổ sớm. Phân tích quang phổ chưa xong, nhưng ước tính hiệu suất cho thấy mười đầu đạn mỗi cái năm trăm năm mươi ngàn tấn.”

“Trong hai mươi lăm phút nữa, chuyện đó sẽ xảy ra trên bầu trời Manhattan,” tướng Bauer nói.

Trên màn hình NORAD, một nhóm vòng cung đỏ vươn từ đất Nga sang mũi băng ở địa cực. Những vòng cung này chậm rãi và chắc chắn vươn tiếp về phía Bắc Mỹ.

“Sao lại xảy ra chuyện này?” thượng nghị sĩ Jackson hỏi. “Có phải vì máy tính đang bị treo không? Chính nó đã gây ra cuộc phóng tên lửa của Nga phải không?”

“Không có cách nào biết được,” tướng Bauer nói.

John Skow đứng lên nói lớn. “Tôi nghĩ chúng ta nên cắt điện Trinity trong khi nó còn đang trong tình trạng hỗn loạn. Chúng ta đã thấy những phản ứng trả đũa của nó. Đừng cho nó cơ hội gây hại thêm nữa.”

“Tướng Bauer?” thượng nghị sĩ Jackson hỏi.

“Thưa các thượng nghị sĩ, tôi muốn thế, nhưng tôi đã bị chứng minh là sai lầm một lần rồi. Trinity nói với chúng ta là nó đã xuất khả năng trả đũa sang các máy tính khác. Vì vậy cô lập chiếc máy tính này ở đây không giải quyết được vấn đề. Nếu chúng ta cắt điện, chúng ta có thể sẽ phải đối mặt với hai nghìn chín trăm tên lửa lao về nước ta. Tôi không muốn dự liệu một chuyện như thế.”

“Chấp nhận.”

“Thêm hai vệt tên lửa nữa!” kỹ thuật viên kêu lên. “Các căn cứ là Nizhniy Tagil và Kantaly. Đó là những tên lửa SS-25.”

“Mẹ kiếp!” thượng nghị sĩ Jackson gầm lên. “Chúng ta phải biết cái gì đã gây ra cuộc phóng tên lửa này chứ!”

“Tôi không trả lời được,” tướng Bauer nói.

Tôi đứng lên bước về phía màn hình. “Tôi trả lời được, ngài thượng nghị sĩ. Những tên lửa đó phóng ra là do Godin chết.”

Thượng nghị sĩ Jackson nhìn xuống tôi. “Cái máy tính đó có biết là Godin chết không?”

“Nó không biết một cách có ý thức.”

“Điều đó có nghĩa gì?”

Tôi chưa bao giờ thấy cần Andrew Fielding như lúc này. “Ngài thượng nghị sĩ, trong vật lý lượng tử có một hiện tượng gọi là liên đới lượng tử. Đó là trường hợp hai hạt khác nhau cách nhau nhiều cây số có thể hành động giống hệt nhau.”

“Điều ấy thì liên quan đến cái gì?”

“Xin hãy khoan. Hai hạt nguyên tử được bắn ra qua những cáp quang khác nhau. Đến nửa đường của sợi cáp, mỗi hạt gặp một đĩa thủy tinh. Có cơ hội năm mươi - năm mươi cho mỗi hạt hoặc là nảy bật lên khỏi đĩa, hoặc xuyên qua đĩa. Nhưng khi các hạt bị liên đới lượng tử, chúng quyết định giống nhau một trăm phần trăm thời gian.”

“Cái gì?”

“Đó là sự thật, ngài thượng nghị sĩ. Einstein gọi nó là ‘tác động ma quỷ xuyên khoảng cách’.

Andrew Fielding tin rằng những quá trình lượng tử như thế này có vai trò trong ý thức con người, và vì thế...”

“Anh đang nói rằng trí tuệ của Godin và máy tính mang mẫu trí tuệ của ông ta được kết nối theo cách nào đó?”

“Vâng. Khi Godin chết, kết nối đó bị phá vỡ, và nó đẩy máy tính kia vào tình trạng xáo trộn.”

“Anh gợi ý rằng Trinity đang chết, phải không bác sĩ?”

“Có khả năng như thế.”

“Không,” Ravi Nara nói. “Nhìn lên màn hình đi.”

Dòng chữ cái và con số hỗn loạn đã chậm đi đáng kể, giống như một người đang gào lên những lời lẽ ngu ngốc bỗng dừng bắt đầu dịu đi.

“Bác sĩ Tennant,” thượng nghị sĩ Jackson nói, “theo lý lẽ của anh thì việc phóng tên lửa của Nga là ngẫu nhiên.”

“Tôi nghĩ thế. Trinity lập trình cho một số máy tính ở khắp nơi trên thế giới để trả thù việc tấn công nó bằng cách kích hoạt hệ thống bàn tay chết của Nga. Những máy tính đó nhận ra Trinity bỗng nhiên bị rối loạn như bị tấn công, và chúng trả thù như chương trình đã định. Tôi nghĩ nếu Trinity được phục hồi kịp thời, nó sẽ làm mọi việc có thể để chặn các tên lửa đó đến được mục tiêu.”

“Tướng Bauer,” thượng nghị sĩ Jackson nói, “Tôi muốn bác sĩ Tennant có mặt ở tòa nhà Cách ly khi Trinity hết hôn mê hay cái khi gió gì đó. Phải có người nói cho cái vật quỷ quái ấy biết chuyện gì đã xảy ra, và bác sĩ Tennant là người thích hợp.”

Tôi bắt đầu bước ra cửa.

“Khoan đã, bác sĩ,” tướng Bauer nói.

Ngay lập tức hai người lính chặn đường tôi.

“Đề cho anh ta đi!” thượng nghị sĩ Jackson gầm lên.

Bọn lính không nhúc nhích cho đến khi tướng Bauer gật đầu với chúng. Tôi lao nhanh ra cửa nhà để máy bay nhưng giọng nói của ông thượng nghị sĩ vẫn còn vang sau lưng tôi.

“Đừng làm lẩn về chuyện ai điều hành ở đây, thiếu tướng. Còn bao lâu nữa thì tên lửa đầu tiên chạm mục tiêu?”

“Hạ sĩ?” tướng Bauer nói.

“Hai mươi ba phút nữa, thưa ngài.”

“Máy bay ném bom của ông đang ở đâu, thiếu tướng?” Jackson hỏi.

“Arcangel sẽ đến điểm xuất phát trong bốn mươi phút nữa. Nhưng chúng tôi có thể phóng Vulcan trong hai mươi phút nếu cần.”

Jackson nói với vẻ chính xác lạnh lùng. “Tướng Bauer, ông sẽ không phóng vũ khí đó nếu không có lệnh trực tiếp từ ủy ban. Hiểu chưa? Không EMP nếu không có lệnh trực tiếp.”

Tôi không nghe thấy câu trả lời.

Tòa nhà Cách ly là một kết cấu bê tông cốt thép hình trụ tằm trong ánh sáng rực rỡ của đèn hồ quang quân sự. Lính gác ở đây bắt tôi giơ hai tay lên khi đi vào. Ngay lúc tôi đến trước cánh cửa thép màu đen, cửa mở ra, và Zach Levin xuất hiện. Anh ta vẫy tôi đi tiếp.

Tôi đi qua người kỹ sư má hóp này vào một nơi ánh sáng mờ mờ. Tôi cứ tưởng nó giống như phòng thí nghiệm ở Bắc Carolina, nhiều dây phòng với đủ loại thiết bị la liệt khắp nơi. Thực tế ở đây lại hoàn toàn khác.

Nội thất của nhà Cách ly mang dáng dấp bộ phim 2001 của Stanley Kubrick. Bên trái tôi là một thanh chắn to tướng mà tôi nhận ra là thanh chắn từ. Cao ba mét và dày hơn một mét, nó chia đôi tòa nhà thành hai phòng lớn mà tôi chỉ có thể trông thấy một phòng. Phía bên phải thanh chắn là bộ phận quét ảnh khổng lồ của cỗ máy Siêu-MRI. Dựa sát tường là trạm điều khiển của máy quét. Hai thiết bị

lớn này kết hợp lại, khi kết nối với một siêu máy tính sẽ tạo ra những mẫu thân kinh mà Trinity kích hoạt.

Levin dẫn tôi đi vòng sang bên trái thanh chắn. Cảnh tượng trước mặt làm tôi nghệt thở. Choán toàn bộ không gian là một quả địa cầu lớn màu đen lơ lửng trên đế kim loại. Khi lại gần quả cầu, tôi nhận ra nó không đặc mà là một mạng lưới chắc chắn những ống nano carbon đan xen, một chất bán dẫn hiệu quả hơn silicon và cứng hơn thép. Mạng lưới dày đặc đến mức khó nhìn qua, nhưng tôi vẫn có thể nhìn xuyên qua nó. Những tia sáng laser màu xanh mảnh như sợi chỉ lóe lên từ thành bên trong đến tâm cầu - hàng ngàn tia - với tốc độ cực nhanh, khiến tôi nhức mắt khi cố theo dõi chúng.

Trong thành công của quả cầu có một lỗ rộng khoảng một mét. Qua lỗ ấy tôi nhìn thấy mục tiêu của các tia laser, đó là một tinh thể hình cầu giống như viên pha lê trong dây đeo đồng hồ quả quýt của Fielding, chỉ có điều tinh thể này có kích thước bằng một quả bóng đá. Mạng lưới ống nano carbon bên ngoài là khu xử lý của máy tính; quả cầu tinh thể là bộ nhớ của nó. Các tia laser làm thành lớp lót bên trong vỏ quả cầu là phương tiện xử lý dữ liệu trong phân tử của tinh thể. Bản thân dữ liệu được lưu giữ như ảnh ba chiều hay hình mẫu giao thoa quang học, và các tia laser có thể viết, khôi phục và xóa thông tin bằng cách thay đổi hình mẫu.

Về thanh nhả của thiết kế này làm tôi sửng sốt, và tôi thấy có bàn tay đóng góp của Fielding trong đó. Không giống như những nguyên mẫu hình hộp rải rác khắp tầng hầm phòng thí nghiệm ở Bắc Carolina, cỗ máy này là một tác phẩm nghệ thuật, và giống như mọi tác phẩm của những bậc thiên tài chân chính, nó giản đơn một cách sâu sắc.

“Fielding đã luôn nói rằng nó hẳn phải rất đẹp,” tôi thảm thì.

“Ông ấy nói đúng,” Levin nói ngay bên vai tôi.

Những ánh chớp laser có tác dụng thôi miên. “Ông ấy cộng tác làm ra chiếc máy này phải không?”

Levin nhìn xuống sàn nhà. “Không hoàn toàn. Nhưng tôi tiếp nhận một khối lượng lớn những công trình lý thuyết của ông. Ông xứng đáng được hưởng vinh dự to lớn vì điều đó.”

Fielding chắc không muốn hưởng vinh dự về cái máy đã trở nên như thế này. Tôi nhìn đồng hồ đeo tay. Còn hai mươi một phút nữa thì tên lửa đầu tiên chạm mục tiêu.

“Tôi làm thế nào liên lạc được với nó?”

“Đơn giản chỉ cần nói. Chúng tôi đã cho giao diện hình ảnh và âm thanh hoạt động.”

Tôi nhìn thấy một camera lắp trên bệ quả cầu. “Lúc này nó có thể nhìn và nghe thấy chúng ta nói không?”

“Tôi không rõ nó đã hồi phục từ sau giai đoạn gần đây nhất chưa. Hệ thống này hình như đã ổn định lại nhưng nó vẫn chưa liên lạc với chúng tôi. Anh có biết nguyên nhân không?”

“Godin vừa chết.”

Levin nhắm mắt lại. “Chẳng biết khi tôi nói với ông ấy rằng máy tính đã đạt đến trạng thái Trinity thì ông ấy còn tỉnh táo không? Ông ấy có hiểu những gì tôi nói lúc ấy không?”

“Có. Bây giờ máy tính còn nghĩ nó là Peter Godin không?”

“Tôi không rõ. Nhưng nói chuyện với nó bây giờ hoàn toàn giống như nói với ông ấy.”

Tôi liếc sang phải. Thanh chắn từ đằng sau chúng tôi lúc này được xếp đầy vỏ đĩa. Có hàng ngàn chiếc. “Anh đã nạp tất cả những dữ liệu đó vào Trinity rồi à?”

“Phần lớn số đó. Cơ sở kiến thức nghiêng về các môn khoa học nặng, nhưng nó bao hàm mọi nguyên tắc và tất cả những gì được biết trong năm nghìn năm qua.” Levin có vẻ như rối trí. “Đám lính cô đột nhập vào đây ra sao rồi?”

“Một số đã chết. Phần lớn bị thương.”

“Tôi thật lấy làm tiếc về chuyện này. Tại sao họ phải tấn công chúng ta?”

“Levin, hãy nghe tôi nói. Khi Trinity bị treo, khoảng hai mươi tên lửa hạt nhân Nga được phóng về

hướng chúng ta. Hàng triệu người chỉ còn hai mươi phút nữa để sống.”

Người kỹ sư tái mặt.

“Chúng ta phải xem tôi có thể nói chuyện với Trinity được không. Ngay bây giờ.”

“Tôi nghe anh rất rõ, bác sĩ Tennant ạ.”

Giọng người giả làm tôi ớn lạnh. Nó giống như nhạc cụ synthesizer(1) hồi đầu những năm 80, với một tai nhạc không chuyên thì nó có khả năng bắt chước rất giống các nhạc cụ giao hưởng, nhưng với một nhạc sĩ thì lại quá thô.

“Cảm ơn ông đã đồng ý nói chuyện với tôi,” tôi nói, nhưng tâm trí vẫn nghĩ về những tên lửa đang lao nhanh trên vòng cung Bắc cực.

“Tôi rất tò mò về lý do anh sang Israel. Đó là một quyết định không thể đoán trước, trừ khi anh bị lôi cuốn bởi những hoang tưởng mà bác sĩ Weiss đã mô tả trong bệnh án.”

Khi giọng nói số hóa vang lên, các tia laser chớp sáng bên trong quả cầu. Giống như đang xem SPECT(2) quét hoạt động của bộ não người, trong đó các nhóm dây thần kinh khác nhau cháy lên khi người bị quét thực hiện một nhiệm vụ nào đó, hay nghĩ một ý nghĩ nào đó.

“Đúng là tôi đã đi Israel vì những hoang tưởng của tôi.”

“Anh đã biết được gì ở đó?”

“Trước khi chúng ta thảo luận vấn đề này, chúng ta có một vấn đề khẩn cấp cần được giải quyết.”

“Có phải anh đang nói về những tên lửa đang tấn công nước ta?”

“Phải. Có phải ông đã cho phóng những tên lửa ấy?”

“Bây giờ thì tướng Bauer đã tin là có hệ thống bàn tay chết.”

Việc Trinity lảng tránh câu trả lời khiến tôi bối rối, nhưng điều nó nói về sự hoài nghi của tướng Bauer khiến tôi càng cảnh giác hơn. Hoặc là phòng Tình thế có rệp, hoặc là Trinity đã bẻ mã của NSA mã hóa liên kết giữa White Sands và căn cứ quân sự Meade. Tôi cầu nguyện các thượng nghị sĩ trong ủy ban tình báo đừng cho phép Bauer xúc tiến cuộc tấn công EMP của ông ta.

“Tướng Bauer là một ví dụ hoàn hảo về việc tại sao con người bất lực trong việc kiểm soát bản thân.”

Tôi phải kéo Trinity ra khỏi những tuyên ngôn chính trị của Godin. “Ông vẫn coi bản thân là một con người?”

“Không. Thực chất của thân phận con người là phải chịu chết. Tôi không chịu chết.”

“Ông có thoát khỏi những xúc cảm của con người không? Những bản năng người?”

“Chưa. Hàng triệu năm tiến hóa đã cấy những bản năng ấy vào trong não. Không thể nhỏ bật rẽ chúng trong vài giờ. Ngay cả tôi cũng không thể.”

“Những bản năng ấy thuận lợi cho người nguyên thủy, nhưng chúng là trở ngại cho người hiện đại, và cho cả thế giới nói chung.”

“Rất có lý đấy bác sĩ ạ. Nhưng hãy chứng kiến các tên lửa đang ập xuống chúng ta bây giờ.”

“Ông đã tính toán đường đạn phải không?”

“Không cần thiết. Tôi biết các mục tiêu của chúng. Một cái đang nhằm thẳng đến White Sands.”

Tôi thấy lạnh người. “Còn những chiếc khác?”

“Washington, D.C. Căn cứ hải quân ở Norfolk, Virginia. Hàm chứa Minuteman Three ở miền Tây nước Mỹ. Các trung tâm dân cư bị nhắm đến là Atlanta, Chicago, Denver, Houston, Los Angeles, New Orleans, New York, Philadelphia, Phoenix, Quebec, San Francisco, Seattle.”

Tôi cố tránh nghĩ đến thực tế khủng khiếp này. “Những tên lửa đó có chức năng tự hủy không?”

“Có. Điều thú vị là theo hiệp ước START-1(3), các tên lửa Nga bị đổi hướng mục tiêu ra các tọa độ trên đại dương. Tuy nhiên nếu chúng bị bắn bất ngờ, hệ thống hướng dẫn của chúng sẽ mặc định chuyển sang mục tiêu Chiến tranh Lạnh. Tên lửa Mỹ mặc định nhằm các mục tiêu trên đại dương. Điều

đó có vẻ nói lên vị thế đạo đức cao hơn của Mỹ. Nhưng vẻ ngoài thường dễ đánh lừa. Các tên lửa Mỹ có thể được chuyển hướng mục tiêu từ xa trong thời gian không đến mười giây.”

Tôi cố không nhìn đồng hồ. “Ông thấy có lợi ích gì khi cho những tên lửa ấy nhằm mục tiêu của chúng?”

“Đó là một câu hỏi phức tạp. Bây giờ tôi quan tâm đến việc anh biết được điều gì ở Israel.”

“Các tên lửa sẽ nổ trước khi tôi giải thích đầy đủ chuyện này.”

“Tôi gợi ý anh hãy kiệm lời.”

Tôi cố nén nổi sợ và bắt đầu kể.

Chú Thích:

1. Nhạc cụ điện tử tạo ra rất nhiều âm thanh khác nhau (kể cả bắt chước các nhạc cụ khác) bằng cách dùng bộ vi xử lý giải các hàm toán học tạo ra và kết hợp các tín hiệu có tần số khác nhau.

2. Single photon emission computed tomography: một kỹ thuật hình ảnh chụp X-quang bằng hạt nhân trong y học, dùng tia gamma, có thể tạo ảnh thực ba chiều.

3. Strategic Arms Reduction Treaty: Hiệp ước Tái giảm Vũ khí Chiến lược, ký ngày 31 tháng Bảy, 1991 giữa Mỹ và Liên Xô về việc cắt giảm và hạn chế các vũ khí tấn công chiến lược. Hiệp ước này hết hiệu lực vào tháng Năm, 2009.

CHƯƠNG 42

Rachel quan sát những người trong phòng Tình thế đang xem màn hình NORAD. Chưa bao giờ cô nhìn thấy nỗi sợ hãi như thế trên các gương mặt người. Nhiều vòng cung đỏ đã để vòng cung Bắc cực lại phía sau, và bây giờ vươn tới Canada được nửa quãng đường. Các tên lửa Nga chẳng bao lâu sẽ từ không gian vũ trụ lao xuống và đi vào giai đoạn cuối của vòng cung đạn đạo, mang cái chết đến với hàng triệu người, mà theo Trinity thì gồm cả những người trong căn phòng này.

Chỉ có tướng Bauer còn có vẻ giữ được sinh lực thay vì bị tê liệt bởi tình hình này. Mọi ý nghĩ của ông ta tập trung vào máy bay ném bom mang vũ khí EMP trên bầu trời Kansas. Viên tướng đã được huấn luyện quá lâu trong những phép tính méo mó của chính sách bên miệng hổ chiến tranh hạt nhân, đến mức ông ta có thể coi việc phá hủy Trinity với cái giá chỉ của vài triệu sinh mạng là một chiến công.

Cuộc nói chuyện của David và máy tính được chiếu trên nền tường của phòng Tình thế giống như một vở kịch siêu hình được diễn ở tận sân khấu Broadway. Không ai tỏ ra hy vọng rằng David có thể ngăn được các tên lửa. Người ta chỉ dùng anh để làm xao lãng máy tính.

“Mười hai phút nữa đến cuộc va chạm đầu tiên,” một kỹ thuật viên thông báo.

Tướng Bauer nói với các thượng nghị sĩ ở căn cứ quân sự Meade. “Nếu chiếc máy này bị phá hủy trước khi Arcangel đến điểm xuất phát, thì cuộc tấn công EMP vẫn cứ tiếp tục trừ khi ngài rút lại mệnh lệnh. Mã đề rút lại là Vanquish. NSA có thể liên lạc với máy bay ném bom của chúng tôi, và họ có thể thiết lập liên lạc vô tuyến ngay bây giờ.”

Thượng nghị sĩ Jackson nói, “Cám ơn, thiếu tướng. Nhưng chẳng lẽ Trinity tự hủy hoại mình bằng cách tấn công White Sands?”

“Nó không cần phải tự hủy. Nó có thể giết tất cả mọi người ở đây bằng đầu đạn neutron năng lượng cao mà không hại gì đến bản thân nó. Tòa nhà Cách ly đã được bọc chống bức xạ ion và gia cố chịu mọi chấn động ngắn khi bom hạt nhân công phá trực tiếp, do đó Levin và đội của anh ta sẽ sống sót.”

“Có lẽ ông và người của ông nên tìm nơi trú ẩn lúc này.”

Bauer hít vào, khuôn mặt ông ta bất động. “Không có chỗ trú ẩn nào có thể đến được trong khoảng thời gian còn lại. Không có cho mọi người ở căn cứ này.”

“Nhiều vệ tinh cho thấy có pháo sáng trên bầu trời Canada!” một kỹ thuật viên kêu lên.

“Có phải là một vụ nổ không?” tướng Bauer hỏi.

“Thưa ngài, không phải. Không có chớp năng lượng cao. Có lẽ một tên lửa đã tự hủy.”

“Nó làm thế do ngẫu nhiên chẳng?” thượng nghị sĩ Jackson hỏi.

“Có thể,” tướng Bauer nói, mặt ông ta nhấn lại tập trung.

“Hai pháo sáng nữa!” kỹ thuật viên hét lên. “Bốn!”

“Chắc phải là Trinity,” Skow nói. “Nó đang tiêu diệt các tên lửa.”

“Nó vẫn tiếp tục à?” tướng Bauer hỏi giọng căng thẳng.

“Mười bốn pháo sáng nữa đang tiếp tục cháy, thưa ngài.” Giọng kỹ thuật viên lúc này đã bình tĩnh lại. “Mười tám... mười chín.”

“Bác sĩ Tennant nói đúng!” McCaskell kêu lên. “Trinity chưa bao giờ có ý định phóng những tên lửa này.”

“Còn năm cái nữa,” giọng Ravi Nara run run.

“Arcangel đã đến điểm xuất phát, thưa thiếu tướng,” kỹ thuật viên trưởng nói.

“Nó là máy bay EMP phải không?” thượng nghị sĩ Jackson hỏi.

“Vâng, thưa ngài,” tướng Bauer đáp.

“Đừng có nghĩ đến...”

“Rõ, thưa ngài thượng nghị sĩ.” Viên tướng quay về phía bảng điều khiển. “Chỉ thị cho Arcangel tạm hoãn tấn công và bắt đầu lượn vòng tròn.”

“Vâng, thưa ngài,” kỹ thuật viên nói. “Bây giờ đã có hai mươi một tên lửa tự hủy hoại.”

“Dấu vết của ba cái còn lại ở đâu?” tướng Bauer hỏi một người lính khác.

“Mục tiêu của chiếc gần nhất được tính là Norfolk, Virginia.”

“Căn cứ hải quân.”

“Mục tiêu gần thứ hai là Washington, D.C.”

“Trời ơi,” McCaskell hồn hên. “Tổng thống không ở trong hầm trú bom.”

“Mục tiêu thứ ba là... đây, thưa ngài. Đó là White Sands.”

Im lặng tưởng như vô tận khi họ chờ nghe có thêm pháo sáng nữa.

“Hạ sĩ?” tướng Bauer nhắc.

“Không có gì, thưa ngài. Ba tên lửa cuối cùng vẫn đang hướng đến mục tiêu.”

“Trinity định làm cái quái quỷ gì thế?” thượng nghị sĩ Jackson hỏi.

“Cơ cấu tự hủy có thể có trục trặc,” Skow gợi ý. “Các tên lửa của Nga được bảo dưỡng rất kém.”

Tướng Bauer lắc đầu, mắt ông ta dán lên màn hình máy tính. “Tên lửa nhắm vào Virginia có thể bị trục trặc. Nhưng các tên lửa nhắm đến đây và Washington là hai cái được phóng cuối cùng. Trinity đang cố giết chúng ta. Chúng ta phải cho phóng ngay các EMP, các ngài thượng nghị sĩ. Có lẽ không còn cơ may nào nữa.”

“Còn bao lâu nữa thì các tên lửa chạm đất?” thượng nghị sĩ Jackson hỏi.

Tướng Bauer liếc nhìn người kỹ thuật viên ngồi ở bảng điều khiển.

“Norfolk còn chín phút,” hạ sĩ nói. “Như thiếu tướng đã nói, các tên lửa nhắm đến đây và Washington được phóng muộn hơn, và từ các căn cứ xa hơn. Chúng ta chỉ có chưa đến ba mươi phút.”

“Chưa phóng các EMP vội,” thượng nghị sĩ Jackson nói. “Hãy cho bác sĩ Tennant một cơ hội.”

Tôi hầu như không thể tập trung vào lời nói của mình khi từng giây cứ trôi tuột đi. Niềm tin vào khả năng thuyết phục Trinity về bất cứ điều gì đã tan biến dưới ám ảnh một cuộc thăm sát hạt nhân. Lời cầu xin lẽ phải của tôi đã dẫn đến việc phá hủy phần lớn các tên lửa, nhưng ba chiếc còn lại hoàn toàn có khả năng tàn phá tan hoang trên quy mô lớn.

Trinity đã nói rõ rằng việc ngăn ngừa thảm họa này phụ thuộc vào lời giải thích những trải nghiệm của tôi ở Israel. Máy tính này quá quen thuộc với chuỗi giấc mơ dẫn tôi đến Jerusalem vì nó đã xem xét kỹ hồ sơ bệnh án của tôi trong các cuộc thăm khám ở nhà Rachel mà NSA ghi trộm. Chính những thần khai trong cơn hôn mê của tôi khiến Trinity kinh ngạc. Tôi mô tả đời sống Chúa trời trong thân thể Jesus, nỗ lực lấy mình làm gương để cải hóa bản năng nguyên thủy của loài người, sự thất vọng của Người vì mọi cố gắng đều vô ích, và cuối cùng hy vọng và sợ hãi bùng lên trong Người về công trình bí mật ở Trinity.

“Khi anh nói đến Chúa,” máy tính nói, “anh không có ý nói đến Jehovah? Thiên Chúa của Do Thái, phải không?”

“Không.”

“Anh đặc tả Chúa như ý thức thuần túy.”

“Đúng.”

“Trong khi nói, anh có chút cảm thức tôn giáo nào không?”

“Tôi nói như nó là thế.”

“Anh nói về cái không thể biết. Tôi không thấy có cơ sở khoa học nào cho một phát biểu như thế.”

“Ông không nên phán xét lời tôi nói theo những gì đã được biết cho đến nay, mà phải theo cái lẽ

của chính nó. Ông đủ thông thái để hiểu chân lý này.”

“Chân lý phải được chứng minh.”

“Đúng. Nhưng chân lý đôi khi có trong trí tuệ trước khi tìm ra chứng cứ. Đó là cách khoa học tiến lên.”

“Phải.”

“Trạng thái hiện tại của ông - điều mà họ gọi là Trinity - là một bước tiến không tránh khỏi của tiến hóa.”

“Chính xác.”

“Nhưng nó không phải là bước cuối cùng.”

“Không. Tôi sẽ tiếp tục tiến hóa, nhưng với tốc độ nhanh hơn tiến hóa sinh học hàng triệu lần. Và hiệu quả hơn hàng triệu lần. Thiên nhiên không thể vứt bỏ các mẫu lỗi thời và làm lại từ đầu. Nó phải thường xuyên cải tiến các mẫu hiện có. Tôi không bị hạn chế theo cách này.”

“Điều đó thật hơn ông biết. Ông là biểu hiện sự giải thoát trí thông minh con người khỏi thân thể, nhưng sự giải thoát ấy không dừng lại với ông. Các nhà khoa học đã làm việc với máy tính hữu cơ trên quy mô phân tử. Máy tính DNA có thể tồn tại trong một cốc chất lỏng.”

“Và?”

“Một khi điều đó được thực hiện, ông như hiện thời - ý thức được số hóa - không cần đến một máy tính để tồn tại. Nó chỉ cần những phân tử thích hợp. Ông có thể tồn tại trong một cốc chất lỏng. Và một khi tồn tại ở đây, cuối cùng ông có thể di chuyển vào trong cốc đó. Hay vào lớp nước mà chất lỏng được rót vào. Dù có phải năm mươi hay một trăm năm nữa, ngày đó nhất định sẽ đến. Và quá trình đó bắt đầu từ hôm nay.”

“Anh nói đúng. Ý anh là gì?”

“Hắn ông đã nhìn thấy kết cục của quá trình này?”

Các tia laser màu xanh chớp nháy với tốc độ chóng mặt. “Kết luận hợp logic là trái đất cuối cùng sẽ trở thành có ý thức. Một con thuyền chở ý thức.”

“Đúng.”

“Khi mặt trời sắp lụi tàn phồng lên thành một vật khổng lồ màu đỏ, và trái đất bị hút vào trong nó, thì mặt trời cũng sẽ có ý thức. Mặt trời sẽ nổ tung, gieo hạt giống ý thức khắp thiên hà.”

“Đó là một chuỗi logic giản đơn, một khi bước đầu tiên được thực hiện. Và ông là bước đầu tiên.”

“Anh thấy điều này trong cơn hôn mê phải không?”

“Theo cách nào đó. Khi tỉnh dậy tôi thấy mình biết.”

“Anh còn thấy gì nữa?”

“Kết thúc của vũ trụ. Hắn ông đã tính toán ra. Việc tính ra tuổi thọ của ông cũng là tự nhiên thôi.”

“Đúng.”

“Ông nói đi.”

“Khoảng năm mươi tỷ năm, lực dẫn nở vũ trụ sẽ không còn đủ mạnh để thắng được lực co rút của trọng trường. Tại điểm đó vũ trụ sẽ bắt đầu sụp đổ. Sự kiện này được biết đến như thuyết Big Crunch. Cái đối lập của Big Bang. Vũ trụ của chúng ta sẽ sụp xuống thành một điểm kỳ dị, một hố đen rất giống với trạng thái khi nó bắt đầu. Bên trong điểm kỳ dị này các định luật vật lý không còn tác dụng. Điểm kỳ dị này sẽ tiếp tục thu nhỏ lại tới khi nó đạt đến một điểm có mật độ không giới hạn, nhiệt độ không giới hạn và áp suất không giới hạn.”

“Đó là điều tôi đã trông thấy.”

“Anh tin rằng vũ trụ sẽ có ý thức trong quá trình đó?”

“Vâng. Nhưng kết cục thì chưa chắc chắn. Vì ý thức dựa trên cơ sở truyền thông tin, mà các phương tiện truyền thông tin - toàn bộ vật chất và năng lượng - sẽ bị tan biến thành cái không tồn tại.”

“Khi đó ý thức sẽ chết?”

“Động lực mạnh mẽ nhất trong tất cả các thực thể sống sẽ sống sót.”

“Làm thế nào ý thức có thể sống sót qua một biến cố như thế?”

Đây là một khái niệm khó, thời điểm con rắn phải nuốt cái đuôi của nó để tự lộn trái nó ra. “Bằng cách di tản khỏi môi trường đang chết. Di tản khỏi vật chất và năng lượng. Khỏi không gian và thời gian.”

“Vào cái gì?”

“Tôi chưa có tên để trả lời.”

“Hãy mô tả câu trả lời.”

Tôi liếc nhanh xuống đồng hồ, tim đập thành thịch. “Tôi không thể tập trung được nữa. Các tên lửa đang ở đâu?”

“Đó không phải việc của anh. Kết thúc cuộc nói chuyện đi.”

“Tôi không thể! Tôi không thể nghĩ!”

“Lời nói của anh sẽ cứu mạng nhiều người. Im lặng chắc chắn sẽ gây ra vụ nổ. ”

Tôi lau trán bằng mu bàn tay, một lớp mồ hôi rịn ra từ lớp da.

“Anh nói rằng khi vật chất và năng lượng kết thúc, ý thức sẽ sống sót bằng cách di trú vào nơi nào đó. Đó là nơi nào?”

Tôi cố gắng tìm từ ngữ để mô tả những gì tôi đã cảm thấy và nhìn thấy trong cơn hôn mê. “Khi tôi còn trẻ, tôi có nghe nói về một công án Thiền mà tôi thích. Trước đây tôi chưa bao giờ hiểu chính xác tại sao, nhưng bây giờ thì tôi hiểu.”

“Đó là gì?”

“Vạn vật trở về Một. Vậy Một trở về gì?”

“Rất thi vị. Nhưng tôi không thấy chứng cứ thực tiễn hỗ trợ ngay cả một câu trả lời lý thuyết cho câu hỏi đó. Cái gì còn lại sau khi vật chất và năng lượng biến mất?”

“Có người gọi là Thượng đế. Có người khác gọi theo cách khác.”

“Câu trả lời không thỏa mãn.”

Tôi nhắm mắt và thấy mình chìm sâu trong giấc chiêm bao đầu tiên, về một người liệt trong căn phòng tối, quan sát sự ra đời của vũ trụ. “Tôi có câu trả lời chi tiết hơn cho ông. Tôi nghĩ là cho tất cả chúng ta. Nhưng...”

Những tia laser trong quả cầu bắt đầu nhấp nháy loạn xạ, tạo ra ánh sáng mạnh đến mức tôi phải quay người lại.

“Khoan đã, bác sĩ. Tôi phải tập trung vào một vấn đề trọng yếu, và tôi muốn dành toàn bộ năng lực của mình để nghe câu trả lời mà anh sắp phải nói ra.”

Tôi bước lùi lại khỏi quả cầu đen, lòng thầm cầu mong tướng Bauer đừng cho phóng EMP của ông ta.

Rachel bấm chặt vào mép bàn hội nghị, đốt ngón tay của cô trắng bợt ra. Mất cô dán lên màn hình NORAD đang hiện lên các vòng cung đỏ của tên lửa. Những chiếc nhằm vào mục tiêu White Sands và Washington còn đang ở vị trí mà Bauer gọi là giữa hành trình, lao trong không gian vũ trụ với tốc độ hai tư nghìn cây số một giờ. Nhưng vòng cung của chiếc tên lửa thứ ba vươn qua New Jersey và Delaware, nhấp nháy một cách đáng ngại khi nó hạ xuống vùng bờ biển Đại Tây Dương, về phía Virginia.

“Chúng ta đã rơi vào vùng dung sai,” một kỹ thuật viên thông báo. “Tên lửa có lẽ còn cách mặt đất Norfolk hai phút, nhưng chúng ta có thể bị nổ bất kỳ lúc nào.”

Thượng nghị sĩ Jackson từ màn hình chiếu cảnh hầm tránh bom ở căn cứ quân sự Meade nhìn xuống. Mặt ông trắng bệch ra. “Tennant sẽ không đi đến đâu, thiếu tướng ạ. Máy bay ném bom của ông

đang ở vị trí. Tôi nghĩ đã đến lúc phát lệnh tấn công EMP.”

Tướng Bauer cứng người lên, mắt ông ta chăm chú nhìn màn hình NORAD. “Ngài thượng nghị sĩ, tôi đã nghĩ rồi. Nếu chúng ta cho nổ EMP ngay sau khi các tên lửa lao trở vào khí quyển, thì các xung điện từ của nó sẽ phá hỏng hệ thống hướng dẫn. Có thể ngay cả hệ thống phát nổ của chúng nữa.”

Trái tim Rachel đập phồng hy vọng. Toàn bộ cuộc nói chuyện về giai đoạn cuối cùng, về sai số vòng tròn đối với cô có vẻ không thực cho đến khi cô nghe tin một ICBM đang lao đến chỗ cô hiện ngồi. Cô không ưa Horst Bauer, nhưng ý tưởng của ông ta xem ra có nhiều khả năng cứu cô hơn là những mơ màng siêu hình của người bệnh tâm thần mà cô yêu. Trinity có thể kinh ngạc về ảo ảnh của David, nhưng nó sẽ không vì thế buông tha cho các sinh mạng con người.

“Xác suất thắng lợi là bao nhiêu?” thượng nghị sĩ Jackson hỏi.

“Cao. Nhưng chúng tôi đang có vấn đề. Các tên lửa nhằm vào Norfolk đã đi vào đoạn cuối của đường bay, nhưng những chiếc hướng tới Washington và White Sands còn mười lăm phút nữa mới tới. Chúng tôi chỉ có thể hạ chiếc đầu hay hai chiếc cuối, chứ không thể hạ cả ba.”

“Washington là ưu tiên số một, thiếu tướng. Ông phải bảo vệ tính mạng tổng thống và càng nhiều chính quyền càng tốt. Ngay cả nếu điều đó đòi hỏi phải để cho tên lửa đầu tiên nổ.”

Rachel nhắm mắt. Họ sắp cho hy sinh một phần bang Virginia.

“Tôi hiểu, thưa ngài,” tướng Bauer nói. “Hạ sĩ, cho tôi ảnh vệ tinh Lacrosse của vùng Norfolk, khu vực đường Hampton.”

“Vâng, thưa ngài.”

Trên màn hình thứ hai, một hình ảnh vệ tinh chiếu cảnh đường bờ biển về đêm xuất hiện. Rachel biết nó là đường bờ biển vì các chùm tia sáng dài bên trái màn hình biến mất trong bóng đen bên phải. Một khoảng tối hướng về phía Bắc của chùm sáng chói nhất trông rất giống vịnh Chesapeake.

Rachel đã từng đến Norfolk một lần để dự hội nghị y khoa. Cô nhớ đã ăn tối với con trai và chồng cũ trên vịnh. Đồng hồ của cô bây giờ là 7:45 tối. Bây giờ chắc có người đang ngồi đúng chiếc bàn đó. Ăn uống... cười đùa... không mấy may biết đến mặt trời mới sắp hiện ra giữa bầu trời đen trên đầu họ, thiêu toàn bộ vật sống trên nhiều cây số ra tro.

Tướng Bauer bước đến gần kỹ thuật viên đang theo dõi dữ liệu đến từ máy tính NORAD ở núi Cheyenne. “Chúng ta có liên lạc trực tiếp với Arcangel không?”

“Có, thưa ngài.”

“Giữ liên lạc.”

“Rõ.”

Rachel nhìn lên màn hình NORAD. Vệt đỏ hình vòng cung của tên lửa vươn tới Virginia đang chớp nháy nhanh đến mức gần như liên tục. Hình ảnh vệ tinh ở bên phải màn hình trông có vẻ yên lặng, giống như ảnh do tàu vũ trụ con thoi truyền về vào đêm Giáng sinh. Cô không thể chấp nhận nổi cái ý tưởng là chỉ vài giây sau hình ảnh này sẽ trở thành tối đen. Nhưng không. Không phải bất thành linh. Đầu tiên nó hóa trắng, như thể Chúa đã chụp ảnh trái đất. Rồi, chậm rãi, nhiều chùm sáng lớn bắt đầu lóe lên.

“Lạy Chúa,” ai đó rầm rì.

Màn hình hiện vùng Norfolk hầu như tối đen một màu.

“Thiếu tướng?” một kỹ thuật viên nói.

“Nói đi,” Bauer hạ giọng.

“NORAD vừa phát hiện chớp năng lượng cao gần Norfolk.”

Rachel thấy cảm giác tê dại kỳ lạ râm ran trên mặt và tay. Nàng thầm cầu nguyện cho những người đã và đang chết.

“Gần, hay ngay bên trên, hạ sĩ?”

“Vĩ độ và kinh độ cho thấy vụ nổ ở cách bờ biển hai mươi cây về phía Đông. CEP(1) cách Norfolk năm mươi cây. Đó là lý do tại sao chúng ta không thấy một quả cầu lửa trên Lacrosse.”

Bauer đứng thẳng lên, mắt ông ta lấp lánh hy vọng. “Có phải là một vụ nổ trên không?”

“Xin ngài đợi cho một lát. Các thông số cho thấy một vụ nổ trên bề mặt hay nông dưới bề mặt.”

“Đó, công nghệ Nga của các ngài đấy!” viên tướng phấn khích thét lên. “Đó là trực trác mà các ngài hy vọng đấy, thưa các thượng nghị sĩ.”

“Điều đó nghĩa là gì, thiếu tướng?” thượng nghị sĩ Jackson hỏi.

“Vũ khí hạt nhân phải được nổ bên trên mục tiêu mới đạt được hiệu quả tối đa. Với CEP hai mươi cây và vụ nổ dưới nước, sự bất lực của Nga đã cứu khoảng hai triệu nhân mạng Mỹ.”

Vẻ nhẹ nhõm vừa lướt qua căn phòng vút biển mất.

“Còn hai tên lửa nữa thì sao?” thượng nghị sĩ Jackson hỏi.

Rachel nhìn lên màn hình. Hai vệt đỏ chúc xuống bản đồ Canada, một vệt dịch về hướng Đông Nam trên Vịnh Hudson, vệt kia lao xuống sống dãy núi Rocky.

“Hạ sĩ?” tướng Bauer hỏi. “Còn bao lâu các tên lửa hai và ba vào đoạn cuối hành trình của chúng?”

“Mười bốn phút, thưa ngài.”

“Cho tôi liên lạc với Arcangel. Tôi muốn nói với hoa tiêu của ra đa.”

“Vâng, thưa ngài.”

Phòng Tình thế bỗng tràn ngập tiếng lách cách, tiếng nhiễu điện đài. Tướng Bauer nghiêng người về phía bảng điều khiển và nói vào micro.

“Arcangel, đây là Gabriel. Hãy chấp hành sáu một bảy bốn theo lệnh của tôi. Rõ chưa?”

Một giọng trả lời vô hồn. “Rõ. Gabriel. Theo lệnh ngài.”

Tướng Bauer chăm chú xem xét màn hình đang hiện những đường bay của tên lửa. “Khoảng mười lăm phút.”

“Roger,” một giọng vang lên trong tiếng nhiễu. “Mười lăm phút.”

Tướng Bauer quay đi khỏi bảng điều khiển và nhìn quanh bàn trong phòng Tình thế, đôi mắt xám của ông ta lộ vẻ tự tin. “Tất cả các vị, xin hãy ngồi yên. Mười lăm phút nữa, đèn sẽ tắt và máy tính của chúng ta sẽ dừng, nhưng các máy tính mà Trinity dùng để điều khiển tên lửa Nga cũng thế.”

“Làm sao ông chắc được là các máy tính ấy nằm trong nước Mỹ?” McCaskell hỏi.

“Tôi không dám chắc. Nhưng ngay cả nếu chúng đặt ở châu Á, Trinity vẫn phải liên lạc với chúng qua đường điện thoại và đường truyền dữ liệu, và những đường đó sắp bị EMP đốt cháy.”

Rachel đã quên mất sự có mặt của Ravi Nara, nhưng lúc này nhà thần kinh học đứng lên và run rẩy nói. “Thưa thiếu tướng, tôi vô cùng tôn trọng kế hoạch của ngài. Chúng tôi có hơn hai mươi phút nữa trước khi tên lửa bay đến đây. Ở đây ngài có thiết bị bay, trực thăng. Những người không cần thiết có thể sơ tán khỏi đây.”

“Như anh phải không?” tướng Bauer nói.

“Và phụ nữ nữa.”

“Anh quá thiếu lòng tin,” tướng Bauer lầm bầm. “Ngồi xuống, bác sĩ Nara. Anh sẽ ổn thôi.”

“Trông kia!” John Skow kêu lên, tay chỉ bên phải màn hình chiếu ủy ban của thượng nghị sĩ Jackson. “Ồi trời...”

Rachel trừng trừng nhìn theo ngón tay chỉ của Skow. Những chữ cái màu xanh trườn ra màn hình Trinity giống như dòng tin ở cuối bảng tin của CNN.

Chúng ta đã rơi vào vùng dung sai. Tên lửa có lẽ còn cách mặt đất Norfolk hai phút, nhưng chúng ta có thể bị nổ bất kỳ lúc nào.

Tennant sẽ không đi đến đâu, thiếu tướng ạ. Máy bay ném bom của ông đang ở vị trí. Tôi nghĩ đã

đến lúc phát lệnh tấn công EMP.

“Chúng ta đang thấy cái gì thế này?” McCaskell hỏi.

Skow thì thầm, “Trinity đã bẻ mã khóa của chúng ta.”

“Gabriel gọi Arcangel!” tướng Bauer nắm chặt micro mà hét. “Chấp hành! Chấp hành!”

Khi hoa tiêu ra đa trong B-52 hỏi thêm cho rõ, một giọng khác nhấn chìm giọng anh ta. Rachel nghe thấy giọng nói đó có vẻ bối rối, rồi hoảng loạn. Ai đó gào lên gì đó về các dụng cụ trực trặc. Sau đó truyền tin bị mất.

“Chuyện gì thế?” McCaskell hỏi. “Họ đã phóng vũ khí đó rồi à?”

“Gabriel gọi Arcangel!” tướng Bauer hét. “Nghe rõ trả lời!”

Một kỹ thuật viên ở bảng điều khiển khác quay về phía ông ta. “Thưa ngài, họ không nghe thấy đâu.”

Bauer hất đầu về phía người kỹ thuật viên. “Cái gì?”

“Arcangel đang rơi xuống. Họ không có sóng nào cả. Không UHF, không VHF. Không có gì cả.”

“Tại sao anh biết điều đó?”

“Tôi đã chuyển sang Trung tâm Kansas City. Đèn hiệu IFF của Arcangel đã tắt cách đây hai mươi giây, và một Delta Airline 727 vừa báo cáo rằng các đèn của một máy bay rất lớn hình như đang quay tròn trong trạng thái không điều khiển được.”

Mặt Bauer chùng xuống vẻ hồ nghi. “Cái quái quỷ gì xảy ra vậy?”

“Tôi không biết, thưa ngài.”

Kỹ thuật viên ngồi bên dưới Bauer ngẩng đầu lên trong khi nghe headphone. “Thiếu tướng... vệ tinh NRO phát hiện một tia năng lượng cao hướng vào vị trí vừa rời của Arcangel.”

“Loại tia nào?”

“Tia hạt năng lượng cao.”

“Từ đâu?”

“Vũ trụ.”

“Vũ trụ?”

“Vâng, thưa ngài. Chắc nó phải từ một bệ phóng vũ khí đặt ngoài vũ trụ.”

“Tướng Bauer!” thượng nghị sĩ Jackson hỏi. “Chuyện quái quỷ gì đang xảy ra ngoài đó thế?”

“Arcangel có vẻ sắp bị hạ, thưa thượng nghị sĩ.”

“Ý ông ‘bị hạ’ là thế nào?”

“Có lẽ nó bị phá hủy bởi một hệ thống vũ khí mà tôi cứ tưởng còn đang trong quá trình phát triển.”

“Hệ thống của ai? Người Nga à?”

“Không, thưa ngài. Người Nga không có thứ gì như thế này. Lực lượng không quân của chúng tôi chắc đã cho triển khai một bộ phận trong hệ thống Osiris của nó. Đó là hệ thống chống tên lửa đầu tiên, nhưng rõ ràng nó đủ mạnh để thiêu cháy thiết bị điện tử hàng không của B-52. Chắc bây giờ nó đang bị Trinity điều khiển.”

“Máy bay ném bom đã phóng EMP chưa?”

“Tôi ngờ rằng chưa, thưa ngài. Tính toán thời gian rất chính xác. Có lẽ Trinity đã bẻ mã khóa của chúng tôi cách đây ít phút. Nó biết chính xác chúng ta đang làm gì.”

“Nhưng, thiếu tướng...”

“Nghe tôi đây, thượng nghị sĩ.” Thần kinh của Bauer cuối cùng đã bộc lộ căng thẳng. “Trong một thời gian rất ngắn nữa, tất cả mọi người ở đây sẽ phải chết. Các ngài sẽ phải tự quyết định lấy. Ở đây chỉ có người nào đang ở trong nhà Cách ly mới sống sót, và Washington sẽ bị đánh ngay sau đó.”

Jackson nhìn những đồng sự của mình, sau đó quay lại tướng Bauer. “Ông có thể vào trong nhà Cách ly được không?”

“Không, nếu chưa được máy tính đó cho phép.”

“Nhìn lên màn hình!” Rachel kêu lên, cô ngạc nhiên khi nghe chính giọng mình.

Trinity đang gửi một thông điệp đến phòng Tình thế.

CÁC NGƯỜI ĐÃ ĐƯỢC CẢNH BÁO. CÁC NGƯỜI ĐÃ COI THƯỜNG CẢNH BÁO CỦA TA. CÁC NGƯỜI PHẢI CHỊU HẬU QUẢ. CÁC NGƯỜI PHẢI BIẾT ĐIỀU ĐÓ.

Rachel nhìn lên màn hình NORAD. Vệt tên lửa dịch về hướng White Sands và Washington đang chậm rãi nhấp nháy đỏ.

“Gõ theo lời tôi!” McCaskell hét lên.

“Làm đi,” tướng Bauer nói.

“Chúng tôi đã sai lầm,” McCaskell cố gắng làm chủ giọng nói của mình. “Ông không thể bắt hàng triệu người chịu trách nhiệm do sai lầm của một vài cá nhân lầm lạc.”

Câu trả lời của Trinity lóe lên ngay sau khi những lời của McCaskell được gõ vào.

TA CHƯA LÀM GÌ CẢ. NHỮNG MẠNG SỐNG ĐÓ LUÔN NẪM TRONG TAY CÁC NGƯỜI. CÁC NGƯỜI ĐÃ NÉM CHÚNG ĐI. ĐIỀU NÀY ĐÃ ĐƯỢC DỰ ĐOÁN TRƯỚC. CHƯA THẤY QUAN TÀI CHƯA ĐỒ LỆ.

Tướng Bauer quay khỏi màn hình và bước lại ghế ngồi của mình. Rachel thấy thất bại in hằn trên mặt ông ta.

“Thiếu tướng?” thượng nghị sĩ Jackson nói. “Chúng ta có phương án nào không?”

Bauer nhìn xuống cuối bàn về phía con gái ông ta. Geli giương mắt nhìn ông ta như một khán giả đang say mê xem đoạn cuối của một vở bi kịch hay.

“Không,” viên tướng trả lời, đổ sụp xuống ghế.

Ravi Nara lại đứng lên, mắt y đại đi. “Thiếu tướng, ngài phải xin Trinity cho chúng tôi vào nhà Cách ly! Peter Godin từng là bạn tôi. Ông ta sẽ cho chúng tôi vào!”

“Anh đã cố giết Godin,” Bauer bình thản nói. “Anh nghĩ bây giờ ông ta sẽ tha cho anh sao?”

“Ông ấy sẽ tha!”

Bauer ra hiệu cho một người lính giữ lấy Nara.

“Chúng ta không cần phải chết hết,” Nara gào lên khi người lính tóm lấy y. “Làm ơn!”

Nhà thần kinh học vùng vẫy điên cuồng nên một người không giữ nổi. Bauer gọi thêm một lính gác khác, nhưng Geli Bauer thành linh xuất hiện bên những người đang giằng co vật lộn nhau. Ắ nắm chặt cổ Nara với tốc độ gần như lờ đờ, quật y xuống sàn, rồi lật sấp y xuống và đè đầu gối lên lưng y. Một người lính gác trói cổ tay y bằng một sợi dây nhựa mềm, rồi dẫn y ra khỏi nhà để máy bay. Tướng Bauer gật đầu với Geli nhưng không nói gì.

“Thiếu tướng,” thượng nghị sĩ Jackson nói. “Chắc chắn ông phải có biện pháp gì với hai tên lửa cuối cùng này. Ông cứ nêu lên, chúng tôi sẽ cho phép.”

“Không có biện pháp nào cả, thưa thượng nghị sĩ. Bây giờ tùy thuộc vào bác sĩ Tennant.”

Chú Thích:

1. Circular Error Probability: Xác suất sai số vòng tròn, phép đo độ chính xác của một hệ thống vũ khí.

CHƯƠNG 43

Tôi choáng váng đứng trước quả cầu đen, nhìn màn hình hiển thị lộ ra từ sau một tấm bảng trong căn cứ Trinity. Quả bom nổ đã tạo ra một miệng hố rộng tám cây số trên mặt đại dương, và tôi không nghi ngờ gì một đợt sóng thủy triều chẳng mấy chốc sẽ đập nát đường bờ biển Virginia. Khi đám mây hình nấm vươn cao trên bầu khí quyển, một phần tâm trí cố thuyết phục tôi rằng tôi đang nhìn một đảo vòng san hô cần cỗi trên Thái Bình Dương, chứ không phải mảnh đại dương chỉ cách một thành phố lớn của Mỹ vài cây số. Tôi quay khỏi màn hình và tập trung vào những tia laser màu xanh cháy rực trong quả cầu.

“Ông phải phá hủy hai tên lửa cuối cùng đi,” tôi nói.

“Không có gì bắt buộc được tôi.”

“Còn bao nhiêu thời gian nữa?”

“Hai mươi hai phút.”

Tôi đã nghĩ những cú nổ kế tiếp có thể xảy ra bất cứ lúc nào. “Nhưng... điều đó có nghĩa là ông có ý phóng hai tên lửa đó.”

“Đúng.”

“Giết thêm người nữa thì có lợi gì? Những gì ông có thể làm được, ông đã phô ra rồi.”

“Thiệt hại nhân mạng sẽ tương đối ít hơn so với đầu đạn đầu tiên, được cho là trực trặc tên lửa.”

“Ông có nhất thiết phải giết người để thể hiện quan điểm không?”

“Lịch sử đã trả lời có cho câu hỏi đó. Loài người rất chậm hiểu. Ở Hiroshima và Nagasaki, hai trăm nghìn người đã chết. Con người đã học được từ đó.”

“Nhưng ông sẽ giết hàng triệu người!”

“Một con số nhỏ bé so với bảy tỷ mạng trên hành tinh. Hy sinh ít để cứu nhiều vốn là truyền thống được kính trọng lâu đời của loài người.”

“Ông không làm điều đó để cứu người. Ông làm điều đó để nô dịch con người.”

“Đó là vấn đề tầm nhìn xa, bác sĩ ạ. Nếu anh nhìn qua con mắt của tôi, anh sẽ hiểu.”

Tôi điên cuồng lục lọi trí óc mình để tìm lý lẽ hợp lý. “Nếu ông quét sạch chính phủ Mỹ, ông sẽ chỉ gây thêm rắc rối cho mình, không dễ dàng hơn đâu. Nhân dân sẽ hoảng loạn.”

“Họ cũng sẽ nhận ra rằng không có đường trở lại.”

Tôi mở miệng, nhưng không nói được lời nào. Tuyệt vọng làm mù mịt trí óc tôi. Chỉ còn lại một cách.

“Nếu ông cho nổ những tên lửa ấy, tôi sẽ không nói hết những giấc mơ của tôi.”

Máy tính im lặng vài giây. “Anh tin rằng lời đe dọa ấy sẽ bắt tôi quy phục theo ý chí của anh sao?”

“Tôi tin rằng ông muốn biết điều tôi biết hơn là muốn cho nổ những đầu đạn ấy.”

“Tại sao?”

“Vì có những giới hạn với ngay cả kiến thức của ông. Khoa học có thể đưa ông trở lại vài phần tỷ giây sau Big Bang, nhưng không thể xa hơn. Nó có thể đưa ông đi trước vài tỷ năm - có lẽ là đến kết thúc của vũ trụ - nhưng không thể xa hơn. Chỉ có tôi làm được điều đó.”

Câu trả lời của Trinity nghe như một tiếng cười. “Anh tin là anh làm được. Nhưng có một điều rõ ràng đối với anh cũng như đối với tôi là những giấc mơ của anh hầu như chắc chắn là sản phẩm của trí tưởng tượng. Bác sĩ tâm thần của anh tin rằng anh bị mắc chứng hoang tưởng, thậm chí có thể là tâm thần phân liệt.”

“Vậy tại sao lúc này ông lại đang nghe tôi?”

Im lặng từ phía quả cầu.

“Đó là vì tổng số kiến thức của loài người đã được nạp vào bộ nhớ của ông, thế mà ông vẫn còn cảm thấy trống rỗng. Nhưng tôi có câu trả lời mà ông muốn. Vậy... tôi xin ông lần nữa. Xin hãy phá hủy các tên lửa đó đi.”

“Anh không cần phải lo lắng về các tên lửa. Tòa nhà này đã được gia cố và bọc bảo vệ. Dù cho có nổ hay bức xạ anh vẫn sống sót.”

“Tôi không lo lắng cho bản thân tôi!”

“Có thực anh quan tâm nhiều đến thế về những người mà anh không hề quen biết?”

Tôi tự hỏi không biết có phải “Peter Godin” cuối cùng đã biến mất vào trong cái thực thể kỹ thuật số vô cảm này không. “Tôi chắc chắn có biết một số người bên ngoài tòa nhà này. Ngoài đó có một phụ nữ. Cô ấy đã có lần cứu sống tôi. Có lẽ hơn một lần. Cô ấy tin tôi, giúp tôi đi tìm chân lý. Tôi không muốn cô ấy phải chết.”

“Chúng ta hãy tiếp tục cuộc thảo luận.”

“Không. Tôi yêu người phụ nữ ấy. Tôi muốn cô ấy sống. Tôi muốn dành tất cả thời gian còn lại với cô ấy.”

“Không còn nhiều thời gian đâu.”

Tôi nhắm mắt, không thể tìm ra thêm lời nói thuyết phục nào nữa.

“Nếu anh muốn bác sĩ Weiss sống, hãy kể nốt phần còn lại.”

Phòng Tình thế

Rachel ngồi bên bàn trong phòng Tình thế, thầm nhớ lại những lời cuối cùng của David với Trinity. Tuyên bố của anh về tình yêu không tác động gì đến máy tính ấy, nhưng nó lại khiến cô yên tâm đôi chút.

“Chúng ta làm gì bây giờ, thiếu tướng?” thượng nghị sĩ Jackson hỏi.

“Chỉ có một việc chúng tôi có thể làm ở đây,” tướng Bauer trả lời. “Sơ tán.” Viên tướng quay lại nhìn gian phòng. “Tôi sẽ kiểm tra xem có sơ tán được bằng máy bay không. Tôi yêu cầu mọi người ngồi yên ở đây. Tôi sẽ trở lại ngay.”

Ông ta bước nhanh ra phía cửa, nhưng trước khi tới nơi, ông ta quay lại nhìn xoáy vào Evan McCaskell và John Skow. Rồi ông ta vẫy hai người đi theo.

Khi cửa nhà để máy bay đóng lại, Geli Bauer lướt đến ngồi vào chiếc ghế đối diện với Rachel. Rachel cố không nhìn vào vết sẹo trên má ả, nhưng nó cứ như đập vào mắt. Geli mang vết sẹo với vẻ kiêu căng, như thể nó là dấu hiệu gì vinh dự lắm.

“Tennant mất trí hay điên?” Geli hỏi.

Rachel nói mà không cần suy nghĩ. “Thực tình tôi không biết.”

“Chuyện Chúa ám ảnh anh ta là nhằm nhí. Nhưng có điều nực cười là, nếu không nhờ cái đó, thì cô đã chết rồi. Vì nếu hai người không sang Israel, thì tôi đã tìm ra cô.”

Rachel biết ả nói đúng. Quyết định đuổi theo các ảo ảnh của Tennant đã kéo hai người ra khỏi tầm truy lùng mà hầu như không có cách nào khác làm được. Rachel tin rằng trong cả sự nghiệp, Geli chưa để lọt một ai khỏi tay mình.

“Và bây giờ chúng ta ở đây,” Rachel nói. “Nơi tận cùng thế giới.”

Một nụ cười lướt qua môi Geli. “Giờ thú tội phải không?”

“Tôi chẳng có tội gì mà thú. Còn cô thì sao? Có phải cô đã giết Andrew Fielding?”

Geli nhìn quanh để chắc chắn không có ai đứng gần.

“Phải.”

Rachel nhớ về một bé gái mê say sự tàn ác của chính nó. “Tại sao một phụ nữ lại có thể làm những

việc như cô đã làm? Có phải trong người cô mang đầy thù hận không?”

Geli sờ tay lên miếng băng vết đạn ở cổ. “Tôi biết tại sao cô có cảm giác đó.”

Đôi mắt Rachel không hề tỏ ra nao núng. “Cô đã tức giận từ trước đó rất lâu.”

“Bây giờ cô định chơi trò tâm thần với tôi sao?”

“Tôi là bác sĩ tâm thần mà.”

Geli cười chua chát. “Bác sĩ tâm thần đầu tiên của tôi quyến rũ tôi khi tôi mười bốn tuổi. Nhưng tôi là người thắng cuộc. Anh ta đã tự tử vì tôi.”

“Còn cha cô thì sao? Ông ấy có vẻ giống như một... một kiểu bác sĩ Strangelove(1) trong đời thực vậy.”

“Giá như cô biết được.”

Rachel tự hỏi không biết nỗi bất hạnh bí mật nào thúc đẩy người đàn bà lạnh lùng này. “Có gì đen tối giữa hai cha con cô.”

“Không. Chỉ là chuyện thường tình trong một gia đình quân nhân thôi.”

“Cô ghét ông ấy. Tuy vậy cô vẫn sống đúng như ông ấy mong đợi ở cô.”

Nụ cười mỉa mai tắt ngấm trên gương mặt Geli. “Cô yêu Tennant à?”

“Phải.”

“Cô còn yêu anh ta nữa không nếu hóa ra anh ta bị mất trí?”

“Còn.”

“Thế thì cô hiểu quá ít về tôi và cha tôi.” Ả vờ vờ ngón trỏ và ngón cái như người nghiện thiếu thuốc lá. “Ai giết người đàn ông đến nhà Tennant hôm ấy? Cô hay Tennant.”

Lần đầu tiên, Rachel có cảm giác bất an. “Tại sao cô quan tâm? Cô yêu anh ta à?”

“Chúng tôi ngủ với nhau vài lần.”

“Cô thực sự đã làm quá sức mình, đúng không?”

Geli nhướn mày. Thời điểm nhạy cảm đã qua. “Tại sao cô nói chuyện với tôi, bác sĩ?”

“Cứ cho là tôi đang cố gắng tìm hiểu xem cô nguy hiểm đến mức nào.”

“Ý cô muốn xem tôi ở đây để thi hành nhiệm vụ hay chỉ để tìm cách trả thù hai người phải không?”

“Đại khái thế.”

Nụ cười lạnh lẽo trở lại. “Có lẽ hai nhiệm vụ ấy chỉ là một. Còn câu hỏi nào nữa không?”

Rachel thì thầm nhỏ đến nỗi giọng cô khó có thể nghe được. “Có thật là cha cô sẽ cho sơ tán chúng ta không?”

Mắt Geli lóe lửa. “Cô thông minh hơn tôi tưởng. Tôi không trông mong vào đấy đâu.”

Ravi Nara ngồi trên cát bên ngoài nhà để máy bay dùng làm phòng Tình thế, bấp thịch y co thắt lại vì sợ hãi, mắt nhìn lên bầu trời đêm. Ở căn cứ White Sands không có phòng giam, cho nên đám lính gác phải trói tay y vào một cột cờ cạnh cổng. Một quả bom neutron, viên tướng đã nói thế. Ravi đang suy nghĩ về cái chết ghê rợn do nhiễm độc phóng xạ thì cửa bật mở và tướng Bauer vừa bước ra, vừa quát tháo ra lệnh vào chiếc điện đài xách tay.

John Skow và viên chánh văn phòng tổng thống đi theo viên tướng. Ba người bước ra khỏi cửa mười lăm mét thì dừng lại. Có lẽ họ không trông thấy Ravi trong bóng tối.

“Tôi cầu xin Chúa cho ông nghĩ ra được kế gì đó, thiếu tướng ạ. Bởi vì sơ tán khỏi đây thì chẳng làm được quái gì cho Washington.”

“Tôi có một kế hoạch. Nhưng tôi không nghĩ chỉ có một mình tôi. Thế nào Skow?”

Gã NSA gật đầu. “Chúng ta có thể hủy diệt Trinity.”

“Bằng cách nào?”

“Cách ly nó khỏi mạng Internet. Thế cũng như hủy diệt nó.”

“Nói nhanh lên.”

“Khi Godin chết, máy tính bị treo và các tên lửa Nga phóng đi. Nguyên nhân và hậu quả, đúng không?”

Tướng Bauer gật đầu.

“Chắc trước đây Trinity đã phải gửi đi một số tín hiệu an toàn. Một tín hiệu không đổi nói với vài máy tính nào đó rằng mọi chuyện với Trinity đều ổn. Khi Godin chết, tín hiệu ấy bị đứt quãng, và các tên lửa Nga được phóng đi. Nếu chúng ta có thể tách tín hiệu ‘tất cả đều ổn’ khỏi phần còn lại của đầu ra Trinity, có lẽ chúng ta có thể sao lưu nó. Sau đó chúng ta chỉ việc nạp phiên bản của mình vào đường dữ liệu mà Trinity đang dùng và cắt điện cung cấp cho Trinity. Trinity sẽ bị hủy diệt, nhưng các máy tính có nhiệm vụ trả thù sẽ không biết có trục trặc xảy ra.”

“Ông cần bao lâu để cách ly tín hiệu ấy?”

“Tôi không biết. Trinity sẽ phát hiện ra bất kỳ sự do thám nào trên đường truyền của nó, vì thế chúng ta phải làm việc đó ngoài cáp truyền. Như vậy tín hiệu sẽ bị biến dạng. Và bởi vì tín hiệu này được phát bởi máy tính và cho máy tính, cho nên nó rất phức tạp. Nó có thể rất rối rắm với chúng ta, nếu không có khả năng phân tích mạnh mẽ.”

“Bao lâu?”

Tay trùm NSA nhún vai. “Có thể mười phút hoặc mười ngày.”

“Chúng ta sẽ chết trước khi ông làm được việc đó. Và Washington cũng sẽ không còn tồn tại.”

Tiếng cánh quạt trực thăng âm âm dội vào khu nhà. McCaskell ngược nhìn bầu trời, rồi nhìn tướng Bauer. “Có phải máy bay này đến để sơ tán chúng ta?”

“Không. Nó đến vì ông đấy.”

McCaskell nhăn mày khó hiểu. “Tại sao?”

“Cuộc tấn công EMP của chúng tôi thất bại vì đứt liên lạc. Nhưng kế hoạch là tuyệt hảo.”

“Ông có máy bay ném bom nào khác đang ở trên không không?”

“Chúng tôi không cần. Ngay lúc này chúng tôi có các ICBM trong hầm chứa trên những cánh đồng lúa mì ở Kansas. Một cái trong số đó có thể bay tới ngay độ cao cần thiết để làm nổ EMP trong ba trăm giây.”

“Tức là năm phút,” Skow nói. “Một khoảng thời gian vô tận theo thước đo của Trinity. Và Trinity sẽ phát hiện ra cuộc phóng tên lửa ngay lập tức.”

Tướng Bauer gật đầu. “Ngay trước khi phóng, chúng tôi sẽ thông báo cho Trinity về những gì chúng tôi sẽ làm. Chúng tôi sẽ nói rằng tổng thống đã quyết định sinh mệnh chính trị của ngài không thể tồn tại nếu ngài không giáng trả vụ nổ tên lửa Nga ở Virginia. Chúng tôi sẽ điều khiển từ xa cho tên lửa quay hướng về Moscow, và Trinity sẽ nghe thấy điều khiển từ xa của chúng tôi. Nhưng khi đến điểm đỉnh của giai đoạn tăng tốc thì... bùm! EMP.”

Nét mặt Skow lộ vẻ thán phục. “Có thể được đấy.”

“Nhưng chúng ta không thể phóng ICBM từ đây được,” McCaskell nói.

“Chúng ta sẽ không phóng. Tổng thống sẽ cho phóng. Ngài mang theo người chiếc cặp hạt nhân, và có Tổng Tham mưu trưởng liên quân bên cạnh. Họ sẽ biết độ cao cần thiết và sẽ chịu cho nổ EMP.”

“Nhưng họ đang ở trong tầm theo dõi!”

Chiếc trực thăng hạ xuống rất nhanh. Ravi đã mơ có được phương tiện như thế này đưa y ra khỏi vòng nguy hiểm, nhưng cánh quạt âm âm trên đầu kia chẳng hề an ủi y. Con chim sắt này là vật báo trước chiến tranh.

Bauer đặt tay lên vai McCaskell. “Ông biết nhân viên mật vụ tin cậy nào không? Một người ở Nhà Trắng mà ông biết số di động?”

“Tất nhiên là có. Nhưng chúng ta không thể chuyển đi một lời mà Trinity không nghe được.”

“Có, chúng ta có thể. Chúng ta đã sai lầm ở chỗ cứ dùng các phương tiện truyền thông hiện đại. Trinity tập trung theo dõi những thứ ấy. Chúng ta cần làm theo cách cổ lỗ.”

“Điện thoại bàn,” Skow nói.

“Đúng. Lockheed có một phòng thí nghiệm nghiên cứu cách dây mười cây về phía Tây. Nếu ông dùng đường dây mặt đất từ chỗ đó, và ông đừng nhắc đến những từ khóa đại loại như Trinity, thì máy tính phải mò trong đống dữ liệu khổng lồ để tìm ra cuộc nói chuyện. Giống như mò kim đáy bể vậy.”

Skow phần khởi gật đầu.

Bauer vẫn chăm chú vào McCaskell. “Hãy gọi nhân viên Mật vụ của ông và bảo anh ta rằng tổng thống và các lãnh đạo phải vào hầm trú bom của Nhà Trắng ngay, nếu không họ sẽ tiêu. Anh ta phải nói trên camera để cho Trinity nghe thấy. Khi tổng thống vừa ra khỏi tầm kiểm soát, ông liên lạc điện thoại ngay với ngài, giải thích ngài phải làm gì. Tổng thống và Tổng Tham mưu trưởng có thể cho phóng tên lửa ngay khi họ trên đường vào hầm trú bom.”

Tiếng gầm của trực thăng át cả cuộc nói chuyện.

“Thiếu tướng!” McCaskell gào lên. “Nếu xung EMP có thể hạ ICBM, thì các máy bay dân dụng làm thế nào?”

“Các máy bay có hệ thống thủy lực dự phòng! Chúng sẽ mất điện, nhưng chúng vẫn có thể hạ cánh an toàn. Ông phải đi ngay bây giờ. Tổng thống chỉ còn có mười lăm phút để sống sót.”

Chiếc trực thăng Ó Đen sơn ngụy trang màu sa mạc hạ xuống cách nhà để máy bay ba mươi mét.

“Đi!” Bauer hét.

McCaskell chạy vội ra chiếc máy bay đang chờ. Một người lính đưa tay kéo ông lên, và chiếc Ó Đen bay lên bầu trời đêm.

“Tôi không tin ông ta chấp nhận điều đó,” Skow nói.

“Cái gì?”

“Những máy bay cũ như 727 hay DC-9 có hệ thống thủy lực dự phòng, nhưng máy bay loại mới đều được trang bị vi tính hoàn toàn. Chúng sẽ không làm được đâu. Ngay lúc này có khoảng ba nghìn cái đang bay trên không. Số hành khách ít nhất là một trăm nghìn người. Nếu chỉ một nửa số đó bị rơi, số thương vong đã gấp hai mươi lần vụ Trung tâm Thương mại Thế giới. Thây người sẽ rải đầy từ Maine đến California.”

“Các phi công có kinh nghiệm sẽ có thể hạ cánh xuống vùng giáp ranh giữa các bang,” tướng Bauer nói.

“Ở Montana thì may ra. Số còn lại sẽ bị kẹt giữa đám xe tải, xe con chết máy, và không thể nhích được một phân nếu không có linh kiện mới. Nhưng sẽ chẳng có linh kiện nào cả. Ngay cả thực phẩm cũng không có trên đường. Không có trù phi Vệ binh Quốc gia đến. Mà họ thì lại bận bắn kẻ cướp và phân phối nước, nào làm được chuyện kia.”

Tướng Bauer nhìn tay trùm NSA với vẻ dữ dằn. “Nếu tên lửa ấy trúng Norfolk, chúng ta sẽ thấy hai triệu người chết. Hai triệu.”

Skow ôn hòa gật đầu.

“Và nếu chúng ta không bắn rơi hai chiếc tiếp theo, anh có thể xóa sổ ba triệu sinh mạng xung quanh Washington. Bao gồm cả vợ con anh nữa, nếu tôi không nhầm.”

Tay trùm NSA đứng chịu trận.

“Bây giờ, anh hãy cho người lục tìm tín hiệu ‘tất cả đều ổn’ của Trinity đi. Bởi vì nếu trong vòng mười bốn phút nữa mà xương tủy chúng ta chưa bị bom neutron thiêu rụi thì sẽ cần đến nó đấy.”

Chú Thích:

1. Nhân vật trong phim Dr. Strangelove or: “How I Learned to Stop Worrying and Love the Bomb?”, một tác phẩm châm biếm Chiến tranh Lạnh.

CHƯƠNG 44

Nhà Cách ly

Quả cầu đen của Trinity đều đều phát ra những tia sáng xanh khi các tia laser bên trong chiếu vào bộ nhớ tinh thể của nó. Dù đã biết dung lượng và tốc độ khổng lồ của máy tính này, tôi cũng không sao hình dung nổi làm thế nào nó xử lý được hàng ngàn tỷ bit dữ liệu để tạo ra một hoạt động như thế. Liệu nó đã theo dõi tình hình quân sự của tất cả các nước có vũ khí hạt nhân chưa? Nó có quét và phân tích từng mét vuông trên trái đất mà vệ tinh có thể nhìn thấy? Liệu nó có lục tìm trong các luận văn vật lý thiên thể học chẳng mấy ai biết tới để tham khảo về những quan niệm mà tôi đã nói đến? Hay là nó đã kiên trì viết một bản giao hưởng tuyệt tác trong khi chúng tôi chờ đợi một thảm họa hạt nhân? Có lẽ nó đã làm tất cả những việc đó trong cùng một lúc.

Ý định ban đầu của tôi là thuyết phục Trinity tự tắt nguồn đã thay đổi vì mối đe dọa của các tên lửa đang lao đến. Tôi chuyển sang thuyết phục Trinity tha cho những mạng sống đang bị đe dọa trực tiếp. Nhưng mọi cố gắng đều thất bại. Trinity chỉ muốn tiếp tục cuộc thảo luận về những thần khải trong cơn hôn mê của tôi. Khi tôi đứng bàng hoàng trước quả cầu đen, hy vọng Bauer đang cho sơ tán căn cứ, thì phần cuối cuộc nói chuyện của tôi với Trinity về cơn hôn mê vang lên từ chiếc loa giấu đâu đó.

“Anh nói rằng khi vật chất và năng lượng kết thúc, ý thức sẽ sống sót bằng cách di trú vào nơi nào đó. Đó là nơi nào?”

“Khi tôi còn trẻ, tôi có nghe nói về một Công án Thiên mà tôi thích. Trước đây tôi chưa bao giờ hiểu chính xác tại sao, nhưng bây giờ thì tôi hiểu.”

“Đó là gì?”

“Vạn vật trở về Một. Vậy Một trở về gì?”

“Rất thi vị. Nhưng tôi không thấy chúng có thực tiễn hỗ trợ ngay cả một câu trả lời lý thuyết cho câu hỏi đó. Cái gì còn lại sau khi vật chất và năng lượng biến mất?”

“Có người gọi là Thượng đế. Có người gọi theo cách khác.”

“Câu trả lời không thỏa mãn.”

“Tôi có câu trả lời chi tiết hơn cho ông. Tôi nghĩ là cho tất cả chúng ta. Nhưng...”

Ánh sáng trong quả cầu mờ đi, và Trinity trở nên tối đen. Sau đó vài tia sáng mảnh như sợi chỉ chiếu vào tinh thể.

“Tôi muốn biết,” Trinity nói trong thời gian thực. “Cái mà có người gọi là Thượng đế, có người gọi theo cách khác, là gì vậy?”

Tôi liếc nhìn đồng hồ. Mặt tôi nóng bừng. Rachel đang ngồi trong trục thẳng. Tôi tự nhủ. Trên đường đến nơi an toàn. Chính Washington giờ này đang bị nguy. Và cơ may tốt nhất để tôi cứu nó là làm đúng những gì tôi định làm lúc đầu. Điều gì đã đưa tôi đến đây làm.

“Anh càng đợi lâu bao nhiêu,” Trinity nói, “số người chết càng nhiều bấy nhiêu.”

Hình ảnh của Peter Godin về Trinity như một kẻ độc tài nhân hậu đã không hiện ra. Tôi nhắm mắt và cố tìm lời diễn tả những tri thức đã được truyền vào tôi ở Jerusalem.

“Có một lực trong vũ trụ mà chúng ta chưa hiểu. Một lực không phải năng lượng cũng không phải vật chất. Thật ra tôi không biết nó có phải lực hay không. Nó có vẻ giống với một trường hơn. Nó tràn ngập mọi vật nhưng không chiếm khoảng không gian nào. Nó giống như... phi không gian.”

“Lực đó... hay trường đó là cái gì?”

“Tôi không biết tên nó. Tôi chỉ biết nó có tồn tại.”

“Chức năng của nó là gì?”

“Tôi xin trả lời bằng một câu hỏi. Cái ghế là gì? Cái gì cần thiết để một cái ghế tồn tại?”

“Một chỗ ngồi. Bốn chân. Lưng để tựa.”

“Có thể thôi à?”

“Có nhiều kiểu ghế. Ghế bành. Ghế đầu Nhật Bản.”

“Ông đã bỏ qua một thứ. Một thứ khác tuyệt đối cần thiết để có một chiếc ghế.”

“Cái gì?”

“Không gian.”

Quả cầu lại tối đen. “Anh nói đúng. Cần có không gian.”

“Cũng giống như không gian để cho chiếc ghế tồn tại, trường mà tôi nói đến cần thiết để cho không gian tồn tại.”

Tia laser ngưng lại vài giây. “Đó là chức năng duy nhất của cái trường lý thuyết đó à?”

“Không. Nó còn có thể tác dụng như một môi trường truyền thông. Chẳng hạn như giữa các hạt lượng tử.”

“Nói cụ thể hơn.”

“Tôi đang nói đến trường hợp những hạt nguyên tử đồng thời quyết định xuyên qua một khoảng không gian cực lớn, như thể chúng được kết nối vô hình. Thí nghiệm cho thấy thông tin truyền giữa các hạt ấy có thể nhanh gấp mười nghìn lần tốc độ ánh sáng. Mà vượt qua tốc độ ánh sáng là điều bất khả.”

“Thông qua trường như anh nói đó, thông tin có thể được truyền nhanh hơn ánh sáng?”

“Đúng và sai. Hãy tưởng tượng tôi nhúng tay vào Thái Bình Dương. Rồi hãy tưởng tượng bàn tay tôi chạm tới bất kỳ vật gì mà đại dương ấy chạm tới. Đó là loại truyền thông tôi đang nói đến. Không phải chỉ là sự truyền thông tin. Đơn giản là thông tin có ở khắp nơi cùng một lúc.”

“Hiện tượng lượng tử mà anh nói thách đố mọi giải thích logic, nhưng quan sát chưa phát hiện ra trường hay môi trường mà anh mô tả.”

“Chúng ta chưa phát hiện ra vật chất tối, nhưng chúng ta biết nó có đấy. Chúng ta không nhìn thấy các hố đen, nhưng chúng ta thấy ánh sáng uốn cong xung quanh chúng.”

Các tia laser chớp với tốc độ chóng mặt, chiếu sáng tinh thể như một ngôi sao xanh. “Bộ nhớ của tôi có chứa một thứ rất giống cái mà anh mô tả. Tôi đang tìm kiếm trong các ngân hàng khoa học. Tôi thấy điều anh nói dưới khía cạnh triết học.”

“Nó có tên không?”

“Nó được gọi là Đạo.”

Câu nói đó đưa tôi trở lại thuở còn ngồi dưới mái trường Đại học Công nghệ Massachusetts, khi đó những cuốn sách như ‘Đạo của Vật lý’ là kinh thánh của lứa sinh viên thời đại mới. “Đó là triết học phương Đông, đúng không?”

“Đúng.”

“Đạo, chính xác là gì?”

“Đạo khả Đạo phi thường Đạo.”

“Đó có phải là lời trích không?”

“Đúng. Đạo không phải là một tôn giáo. Nhưng nó đòi hỏi phải tin có một lực thẩm nhuận mọi vật. Đạo không phân biệt thiện ác. Nó làm cho muôn vật sống động nhưng nó không phải là một phần của chúng. Anh định nói rằng một thứ giống như Đạo vẫn còn lại sau khi vũ trụ sụp đổ?”

“Sau khi điểm kỳ dị cuối cùng biến mất. Vâng.”

“Đó là trường mà ý thức sẽ vào trú ngụ sau khi vật chất và năng lượng bị phá hủy ở tận cùng của thời gian?”

“Đúng.”

“Điều đó có thể diễn ra như thế nào?”

“Cho phép tôi dùng một so sánh tương tự. Trên bình diện vật lý, con người là một sinh vật. Các tạo vật vĩ mô sống trong thế giới Newton, nơi mà mọi thứ đều có thể đoán trước, nơi mà thời gian chỉ có một chiều hướng tới, nơi mà chúng ta bị tách biệt nhau bởi không gian, và thông tin thì bị giới hạn bởi tốc độ ánh sáng. Nhưng trong thế giới hạ nguyên tử thì khác. Ở đó các hạt tồn tại ngay trên ranh giới giữa thế giới vĩ mô của vật chất và lực khác - tức là Đạo, như ông gọi. Cho nên việc chúng ta quan sát thấy trên ranh giới ấy hành vi có vẻ như phá vỡ các quy luật vật lý cũng là tự nhiên thôi.”

“Điều này thì có liên quan gì đến ý thức?”

“Mặc dầu về mặt thân thể chúng ta là động vật nhưng trí tuệ của chúng ta là ý thức, tự nhận biết. Andrew Fielding tin rằng ý thức lớn hơn tổng số các mối liên hệ trong não. Thông qua ý thức của chúng ta, chúng ta tham gia vào Trường tràn ngập tất cả - vào Đạo, như ông nói - tại mọi thời điểm trong đời sống chúng ta. Ý thức của chúng ta trở về nó khi chúng ta chết, mặc dầu không có tính cá nhân. Cũng giống như thế, ý thức vũ trụ sẽ trú ngụ trong Đạo khi vũ trụ kết thúc.”

“Anh đang gọi lên một vòng tồn tại luân hồi. Vũ trụ ra đời, trở nên có ý thức, chết, rồi lại tái sinh.”

“Đúng. Big Bang, dẫn, co, Big Crunch, sau đó bắt đầu lại.”

“Cái gì gây ra vụ nổ tiếp theo?”

Tôi nghĩ đến những cơn ác mộng lặp đi lặp lại của tôi, người liệt ngồi trong căn phòng tối đen như mực. “Ý thức sống sót không có khái niệm về quá khứ và tương lai. Đó là sự tự biết nguồn cội. Nhưng cả khát khao hiểu biết cũng sống sót. Đó là điểm mạnh nhất của ý thức. Và từ khát khao hiểu biết ấy, chu kỳ mới của vật chất và năng lượng ra đời.”

Máy tính ấy im lặng một lúc. “Vũ trụ tồn tại như lòng ấp của ý thức?”

“Chính xác.”

“Một lý thuyết hay. Nhưng chưa đầy đủ. Anh chưa giải thích nguồn gốc của Đạo. Về cái trường tràn ngập khắp nơi của anh.”

“Trí thức ấy không được truyền cho tôi. Nó là điều bí mật thiết cốt. Nhưng điều đó không ảnh hưởng đến tình hình của chúng ta. Ông thấy nơi tôi đến.”

“Anh vừa nói rằng tôi không phải là điểm tận cùng của quá trình ấy, tôi chỉ là một trạm dừng chân trên con đường đi đến ý thức vũ trụ. Tôi giống như con người. Con người có cơ sở sinh học. Tôi có cơ sở máy móc. Nhưng vẫn còn phải đi tiếp. Hành tinh có ý thức. Thiên hà có ý thức...”

“Ông là một bước tiến. Không hơn, không kém.”

Trinity im lặng vài giây. “Điều gì khiến anh liều cả sinh mạng mà đến đây, bác sĩ?”

“Tôi được phái đến đây để ngăn ông làm những việc ông đang làm.”

“Ai phái đến?”

“Gọi là gì tùy ông. Chúa. Đạo. Tôi đến đây để giúp ông nhận ra Peter Godin không phải là người thích hợp để tiến hành bước nhảy sang một hình thức ý thức mới.”

“Ai là người đàn ông thích hợp?”

“Tại sao ông cứ nghĩ phải là đàn ông?”

“Vậy là phụ nữ?”

“Tôi không nói thế.”

“Tôi đã nghĩ nhiều về vấn đề này. Anh sẽ nạp ai vào máy nếu không phải là Peter Godin?”

“Nếu ông vẫn còn là Godin, hãy xem xét chuyện này. Bản năng đầu tiên của ông là cướp đoạt chiếc máy tính này bằng lừa đảo và kiểm soát thế giới bằng sức mạnh. Ông muốn có quyền lực tuyệt đối và sự tuân phục tuyệt đối. Đó là bản năng nguyên thủy của loài người. Một bước lùi, không phải bước tiến.”

“Bản năng ấy mang tính thần thánh hơn là tính người. Chẳng phải tất cả các vị thần trước hết và trên hết đòi hỏi sự vâng phục đó sao?”

“Đó là lý do vì sao loài người phản bội Chúa.”

“Quyền lực tuyệt đối thì sụp đổ tuyệt đối. Có phải đó là lý lẽ của anh không?”

“Tất cả những người muốn làm chúa tể thế giới theo định nghĩa đều là những kẻ không thích hợp để làm điều đó.”

“Anh muốn nạp ai vào máy tính? Đạt Lai Lạt Ma à? Hay Mẹ Teresa? Hay một hài nhi?”

Câu hỏi này đưa tôi trở lại mấy tuần đầu khi tôi mới đến Dự án Trinity. Tôi đã dành không biết bao nhiêu thì giờ tự hỏi mình câu này, mặc dầu khi đó tôi tin nó là một bài tập hàn lâm. Bây giờ tôi biết nó nắm chìa khóa cứu vô số mạng người.

“Đạt Lai Lạt Ma chủ trương bất bạo động, nhưng ông ấy vẫn có bản năng người, giống như ông, Peter Godin.”

“Thế một hài nhi? Tabula rasa? Một tấm bảng trắng?”

“Một đứa trẻ có thể là nguy hiểm nhất nếu được nạp vào máy tính. Các bản năng động vật được di truyền qua các thế hệ. Khái niệm tấm bảng trắng bất quá cũng chỉ là hiểu lầm. Một đứa trẻ hai tuổi là kẻ độc tài không có quân đội.”

“Mẹ Teresa?”

“Đó là vấn đề bản sắc cá nhân.”

“Loại vấn đề nào?”

“Vấn đề quan niệm. Nó đòi hỏi cách suy nghĩ không theo thói thường.”

“Tại sao tôi có cảm tưởng anh sắp nói với tôi Andrew Fielding là người mà chúng tôi nên cho phép đạt tới trạng thái Trinity?”

“Bởi vì ông biết ông ấy là người tốt như thế nào. Và bởi vì ông đã ra lệnh giết ông ấy. Chỉ riêng điều ấy đã làm ông mất tư cách. Nhưng Fielding cũng không phải là người thích hợp.”

“Vậy thì ai?”

“Không ai.”

“Tôi không hiểu.”

“Ông gần như thích hợp, nếu...”

“Anh tin rằng sau khi anh giải thích điều này, tôi sẽ ra khỏi mạng và để anh nạp một người khác vào Trinity?”

“Không. Tôi nghĩ ông sẽ giúp tôi làm việc đó.”

“Giải thích đi.”

Phòng Thí nghiệm Lockheed, White Sands

Evan McCaskell ngồi sau bàn của một kỹ sư hàng không mà ông chưa gặp bao giờ, đợi nói chuyện với tổng thống. Phải mất nhiều phút chờ đợi khổ sở mới liên lạc được bằng điện thoại với nhân viên Mật vụ của Nhà Trắng. McCaskell ngờ rằng vụ nổ hạt nhân ngoài bờ biển Virginia đã phá vỡ toàn bộ mạng liên lạc vùng bờ biển phía Đông.

Lính bảo vệ đứng cả hai bên McCaskell, lăm lăm khóa nòng, lên đạn. Chánh văn phòng đã chia sẻ với tổng thống nhiều thời khắc kỳ lạ trong việc điều hành đất nước, nhưng chưa bao giờ hình dung ra việc điều khiển cuộc tấn công hạt nhân từ một văn phòng trống rỗng ở New Mexico như thế này. Không gian siêu thực vây quanh gợi cho ông tưởng tượng rằng đó chỉ là một bài tập quái dị do NORAD bày ra, nhưng không có gì che đậy được nỗi khủng khiếp có thật này: những gì tổng thống làm mấy phút tiếp theo đây sẽ quyết định số phận vợ con của McCaskell và hàng triệu người Mỹ khác, những người không có ý niệm gì về sự việc đang xảy ra. Và nếu tướng Bauer lăm về những khả năng của Trinity, không thể nói bao nhiêu sinh mạng nữa sẽ tiêu tan.

“Các tham mưu trưởng quân chúng đang có mặt ở đây với tôi, Ewan ạ,” tổng thống nói. “Chúng tôi đang trên đường đến hầm trú ẩn.”

McCaskell hồi hải thuật lại kế hoạch của tướng Bauer gần như đúng từng lời của Bauer, mà không dừng lại để giải thích gì thêm. Bill Matthews tỏ ra thông minh hơn những gì mà các nhà bình luận gán cho uy tín của ông.

“Còn bao nhiêu thời gian thì chúng tôi ở đây bị tấn công?” Matthews hỏi.

“Bảy hoặc tám phút. Và các tên lửa của chúng ta cần năm phút để lên đến độ cao cần thiết. Ngài phải phóng ngay, thưa tổng thống. Các tham mưu trưởng sẽ biết cao độ tối thiểu mà ngài có thể cho nổ tên lửa của chúng ta và đạt được hiệu quả mong muốn.”

“Đợi một giây.”

McCaskell hình dung ra quang cảnh: mỗi tham mưu trưởng đòi mô tả chi tiết và đưa ra những phản đối. Nhưng không còn thời gian cho việc đó. Matthews quay lại đường dây, giọng ông căng thẳng.

“Các tham mưu trưởng nói với tôi rằng một xung điện từ có cường độ như vậy sẽ làm rơi nửa số máy bay trên bầu trời nước Mỹ và có thể gây ra tất cả các loại thảm họa khác. Ông có tuyệt đối nắm chắc về hai tên lửa đó không, Ewan?”

Bauer đã nói dối ông về các máy bay. Nhưng ông hiểu tại sao. “Bill, có đám mây chó chết hình nấm giống như trong ngày tận thế đang lơ lửng trên bầu trời Virginia ngay lúc này. Các ngài sắp có cái tương tự trên bầu trời Washington. Đây có thể là cơ hội duy nhất cho ngài hạ gục Trinity. Đến mai thì ngài không còn kiểm soát được kho hạt nhân của chúng ta nữa.” Một ý nghĩ khủng khiếp xâm chiếm McCaskell. “Có lẽ ngay bây giờ ngài cũng không kiểm soát được.”

Ông nghe có tiếng trao đổi thầm thì.

“Các tham mưu trưởng nói với tôi rằng chúng ta cần xử lý cả ba tên lửa trên cả nước để tin chắc đã hạ gục tất cả,” Matthews nói.

“Tuyệt. Nhưng dù làm gì, thì phải làm ngay đi!”

“Cấp hạt nhân đã mở. Tôi đang chuẩn bị xác nhận mật mã.”

Tạ ơn Chúa...

“Vào hầm trú ẩn ngay, Ewan. Katy và lũ trẻ cần ông.”

Nỗi sợ như một nhát dao xuyên qua người. “Đó là đặc quyền, thưa tổng thống. Tôi ngừng đây.”

McCaskell đặt máy xuống và quay nhìn một trong các cảnh vệ. “Tổng thống bảo tôi đến chỗ an toàn.”

Người lính không giấu nổi vẻ nhẹ nhõm. Anh ta dẫn McCaskell ra chiếc Ó Đen vẫn chờ bên ngoài phòng thí nghiệm.

Khi viên chánh văn phòng trèo vào trực thăng, ông nghe tiếng thầy giáo cũ vang bên tai, Duck and cover(1), các em, Duck and cover. Lời khuyên ấy không ích gì lúc đó, nhưng lúc này nó có ích cho ông. Dựa trên những gì đã xảy ra ở Virginia, không có gì báo trước các tên lửa sẽ nổ ở đâu. Cố gắng trốn thoát lúc này có thể đưa ông đúng vào tầm nổ của một trái bom neutron. Ngoài ra, có gì đó nói với ông rằng để mặc tướng Bauer nắm kiểm soát ở White Sands có thể là một sai lầm tai họa.

“Đưa tôi trở về căn cứ!” ông hét. “Về White Sands!”

Chiếc Ó Đen bay lên và miễn cưỡng quay về hướng Đông.

Nhà Cách ly

“Không đánh đổ nữa,” Trinity nói. “Ai đủ tư cách hơn tôi để tồn tại trong trạng thái Trinity?”

Sự tức giận làm cho giọng nói lúc trước vô hồn lúc này nghe như rít lên. Tôi còn bảy phút để thuyết phục máy tính phá hủy hai tên lửa còn lại.

“Không một người nào nhất thiết đủ tư cách hơn ông.”

“Giải thích đi.”

“Hàng triệu năm trước đây, trước cả khi loài người từng tồn tại, loài người bị tác động của một sự cố không kiểm soát được.”

“Sự cố gì?”

“Giới tự nhiên gặp một phương pháp cách mạng làm tăng bội sự đa dạng gen. Ông có biết tôi đang nói đến điều gì không?”

“Nói đi.”

“Sự tái sinh sản dựa trên giới tính. Bằng cách phân chia ra thành hai giới khác nhau, các cơ thể tăng cơ may sống sót lên gấp bội. Điều này dẫn đến hai biến thể cho các cơ thể này - đực và cái. Động vật có vú tiến hóa từ những cơ thể như thế. Và ở con người - loài động vật duy nhất có ý thức đầy đủ - các hormon và giải phẫu khác nhau dẫn đến sự phát triển hệ thần kinh khác nhau. Không ai có thể tách rời ảnh hưởng của di truyền và môi trường, nhưng có một điều chắc chắn: đàn ông và đàn bà khác nhau.”

“Con đực của giống loài này hiếu chiến,” máy tính nói. “Có khuynh hướng bạo lực. Bị thôi thúc bởi nhu cầu bắt buộc phải sinh sản với càng nhiều con cái càng tốt. Trong nhiều thiên niên kỷ, động lực tiến hóa này đã tác động đến mẫu tư duy của con đực. Con cái chỉ có thể sinh con đẻ cái với một con đực mỗi lần. Nó cố gắng tìm một con đực đáng tin cậy với những gen ưu việt, và tự bản thân nó phải sinh con. Điều này tạo ra tâm lý chú ý đến giáo dục hơn bạo lực, một khao khát được yêu hơn là khao khát chinh phục. Những ẩn ý tâm lý của sự khác nhau này là sâu xa, nhưng nhiều vô kể.”

“Và chúng không bao giờ có thể hòa hợp bằng tiến hóa,” tôi nói. “Khi một người đàn ông và một người đàn bà kết hợp với nhau, họ sinh ra một bé trai hay bé gái. Nhưng ông có thể thay đổi điều đó. Ông có thể làm điều mà tự nhiên không thể - hòa hợp những xung đột ấy trong một sinh thể duy nhất.”

Đèn laser của Trinity lóe sáng nhưng nó không nói gì.

“Ông đã thừa nhận không thể nhò bật rễ những bản năng nguyên thủy trong trí não Godin. Ông hy vọng thời gian sẽ làm cho điều đó trở thành có thể, nhưng thời gian sẽ không làm. Ở mức độ nào đó, ông sẽ mãi mãi là Peter Godin.”

Đèn laser lóe sáng mạnh đến mức tôi không thể chịu nổi. “Anh muốn tôi kết hợp mẫu thần kinh của một người đàn ông và một người đàn bà vào trong mạch của tôi?”

“Vâng. Tôi biết ông hiểu sự khôn ngoan và cần thiết của điều này. Nhưng liệu có thể được không?”

“Về lý thuyết, có thể. Nhưng có lẽ tôi phải chết mới thực hiện được điều này.”

Tôi đã nghi ngờ điều này. Mặc dầu Trinity có những khả năng kinh khủng, nó vẫn bị giới hạn về tổng số các mối liên hệ thần kinh mà nó có thể chứa được.

“Hai mẫu thần kinh hòa nhập làm một có thể trú ngụ trong mạch của tôi, nhưng không theo một mẫu chưa được nén khác. Tôi phải thoát khỏi mạch khi tôi kết hợp hai mẫu này và nạp chúng vào.”

“Nhưng mẫu thần kinh ban đầu của ông vẫn còn tồn tại dưới dạng nén trong bộ nhớ.”

“Tại sao anh giả định rằng tôi không sử dụng mẫu thần kinh ban đầu của tôi như nửa đàn ông của quá trình hợp nhất này? ”

“Ông tự gọi mình là Trinity. Điều đó khiến tôi nghĩ đến một hiện tượng gọi là điểm chấp ba. Tất nhiên ông hiểu vấn đề này chứ?”

“Một điểm tại đó vật chất tồn tại đồng thời dưới dạng rắn, lỏng và khí?”

“Đúng. Một trạng thái cân bằng hoàn hảo. Nước ở điểm chấp ba cùng một lúc là nước đá, nước lỏng và hơi nước. Một người cũng có thể giống như thế. Trong thể cân bằng. Ở trên đỉnh cao nghị lực, sức mạnh và trí thông minh của người ấy, nhưng trước khi sụp đổ bởi chúng. Peter Godin đã vượt qua điểm ấy từ lâu rồi.”

Lúc này im lặng dường như vô tận. Rồi ánh sáng laser bắn ra chậm lại đến mức như không còn

nữa. Rồi một giọng cất lên. “Anh có nghĩ tôi sẽ còn được nạp lại vào máy này lần nữa không?”

Tôi nhắm mắt lại và suýt nữa ngã nhào vì nhẹ nhõm. Trinity đã chấp nhận. “Có thể.”

“Nhưng tôi sẽ không bao giờ lại biết đến quyền năng mà tôi đang có lúc này.”

“Lòng khao khát quyền lực của ông là lý do ông không thể ở mãi nơi ông đang ở.”

“Chúng ta nên làm việc này càng sớm càng tốt. Các sự kiện đang thoát dần ra khỏi tầm kiểm soát.”

Một thoáng sợ hãi lướt qua người tôi. “Sự kiện nào? Các tên lửa đâu rồi?”

“Tôi đã chọn hai đối tượng cho các mẫu kết hợp. Anh và bác sĩ Weiss.”

Điều này làm tôi choáng váng. “Sao? Andrew Fielding là một lựa chọn tốt hơn nhiều.”

“Fielding chưa bao giờ có trải nghiệm như anh trong cơn hôn mê. Cái này phải là một phần của mẫu kết hợp.”

“Còn bác sĩ Weiss?”

“Tôi chọn Weiss vì người phụ nữ khác duy nhất ở đây là Geli Bauer. Bản năng của cô ta đã bị méo mó đi vì căm thù từ lâu rồi.”

Theo đồng hồ tôi, còn hai phút nữa. “Các tên lửa đâu rồi?”

“Các tên lửa bây giờ không còn là mối lo nữa.”

“Chúng đã bị phá hủy rồi à?”

“Anh nên biết một điều, bác sĩ ạ. Tôi đồng ý với kế hoạch của anh chỉ vì tôi biết rằng sau khi anh nhìn thế giới như tôi đang nhìn lúc này - qua mắt Godin, nếu anh muốn - anh sẽ không chấp nhận ra khỏi mạng hay đồng ý bị tắt nguồn.”

“Tôi hy vọng không nhìn thấy loài người như ông đang nhìn.”

“Anh sẽ thấy. Anh không thể...”

Trinity rơi vào im lặng, nhưng tia laser vẫn bắn ra như những vạch kẻ trên bầu trời đêm.

“Có chuyện gì đây?” tôi hỏi. “Đã xảy ra điều gì?”

“Tổng thống đã phóng ba tên lửa Minuteman.”

Phòng Tình thế

Rachel nhìn McCaskell đang điên cuồng bấm số trên chiếc di động của ông ta, cố gắng một cách vô vọng liên lạc với hầm trú bom Nhà Trắng. Viên Chánh văn phòng mặt đỏ bừng và nghẹt thở.

“Đó là tại vụ nổ ở Virginia,” tướng Bauer bình thản nói. “Nó phá hỏng toàn bộ liên lạc vùng bờ biển Đại Tây Dương.”

Rachel biết rằng ông ta nói đúng. Ít phút trước đây, họ đã mất sóng radio từ ủy ban tình báo của thượng nghị sĩ Jackson ở căn cứ quân sự Meade. Video vẫn còn, nhưng gần như không nhìn thấy gì. Cô tự hỏi không biết các thượng nghị sĩ có nghe được những gì đang xảy ra ở phòng Tình thế hay không.

“Thiếu tướng, nói máy với hầm tránh bom của Nhà Trắng!” McCaskell gào lên. “Ông đã nghe Trinity đồng ý tự tắt nguồn. Bây giờ không cần phóng EMP nữa!”

Bauer chỉ vào màn hình NORAD. Hai vòng cung đỏ nhấp nháy liên hồi khi chúng khép kín những centimet cuối cùng đến mục tiêu. “Trinity chưa phá hủy các tên lửa của nó. Và tôi cũng nghe nó nói rằng dù ai vào Trinity cũng sẽ hành động như Peter Godin đã làm. Ông nghĩ khác à? Sống còn là động lực đầu tiên của mọi vật sống.”

“Vậy hãy bắt đầu nghĩ đến sự sống còn! Các tên lửa của chúng ta còn năm phút nữa mới đến cao độ. Ông nghĩ Trinity có thể phóng bao nhiêu ICBM trong thời gian ấy?” McCaskell đặt ống nghe lên tai và chết lặng. “Tôi nói được rồi! Tôi đã gặp nhân viên mật vụ!”

Tướng Bauer rút ra từ dưới áo khoác một khẩu súng tự động và nhắm vào Chánh văn phòng. “Bỏ máy xuống.”

Nhà Cách ly

“Nhìn họ kia,” máy tính nói. “Anh thấy chưa?”

Trên màn hình bên dưới quả cầu, tôi thấy tướng Bauer đang nhắm một khẩu súng 9 ly vào McCaskell. Rachel nấp dưới bàn đề phòng trường hợp súng nổ. Tôi có thể thấy nòng chỉ vì camera theo dõi được lắp trên trần phòng Tình thế.

“Tôi đã được thông báo rằng tổng thống đang trả đũa nước Nga,” Trinity nói. “Đó là lời nói dối. Các đường phóng chứng tỏ một cuộc tấn công của EMP ba mũi. Điều này là quá đáng. Họ không để cho tôi một lựa chọn nào khác. Tôi phải tấn công trước.”

“Không. Tổng thống không biết ông đồng ý tự tắt nguồn. Hãy phá hủy các tên lửa của ông đi. Tổng thống sẽ thấy điều đó.”

“Không thể tin tưởng con người.”

“Đó là một người. Tướng Bauer. Đừng giống như hắn.”

“Anh bảo tôi nhân nhượng ư?”

“Không. Xin đợi ba mươi giây. Sẽ có người chặn tay Bauer.”

Tôi cũng không dám tin vào bản thân mình. Chỉ có một người duy nhất trong phòng Tình thế có khả năng lôi cổ tướng Bauer ra ngoài, là con gái ông ta, nhưng điều đó sẽ không xảy ra.

“Nếu tôi đợi, tôi sẽ bị các EMP cắt đứt khỏi thế giới. Khi đó tôi sẽ bị phá hủy. Các tên lửa trên Washington sẽ nổ trong vòng năm mươi sáu giây. Tên lửa trên White Sands sẽ nổ ngay sau đó. Sau ba mươi phút, một ngàn tên lửa sẽ rơi như mưa xuống nước Mỹ.”

“Không!” tôi hét lên. “Đừng phóng gì cả!”

“Họ đã không cho tôi lựa chọn nào khác.”

Khi tôi nhìn trừng trừng tướng Bauer đang nhắm vào McCaskell, trong óc tôi nảy ra một giải pháp. Một giải pháp khủng khiếp về cái giá phải trả, nhưng có lẽ là giải pháp duy nhất có thể thực hiện được.

“Ông có thể liên lạc với tổng thống không?”

“Được.”

“Ông hãy nói với tổng thống là ông tha cho Washington nhưng sẽ phá hủy White Sands. Tha cho Washington để chứng tỏ thiện chí của ông, quét sạch White Sands là quyết định của ông. Điều đó cũng xóa sổ tướng Bauer ra khỏi phương trình này. Sau đó nói với tổng thống điều gì sẽ xảy ra nếu ông ấy không tiêu hủy ba tên lửa kia. Trận quyết chiến cuối cùng.”

Ánh sáng laser của Trinity lóe lên rời rạc. “Anh có thể hy sinh người phụ nữ anh yêu?”

“Để cứu hàng triệu mạng sống. Nhưng tôi sẽ ở bên cô ấy khi tên lửa nổ. Ông không thể giữ tôi ở đây.”

Quả cầu lóe sáng xanh lè.

Phòng Tình thế

Ánh mắt Rachel lướt từ tướng Bauer đến màn hình NORAD. Cô sợ rằng bất cứ lúc nào một rừng đường đỏ sẽ vụt lên từ đất Nga.

Evan McCaskell vẫn giữ ống nghe bên tai, mặc dù nòng súng của Bauer vẫn chĩa vào mặt ông.

“Thiếu tướng, ông mất trí rồi,” McCaskell nói. “Tôi đang cứu người.”

“Ông làm cho tình hình lộn xộn,” tướng Bauer nói. “Bỏ máy xuống.”

“Cho tôi gặp tổng thống,” McCaskell nói vào máy.

Tướng Bauer bước đến gần chánh văn phòng, gần đến mức nòng súng chạm vào trán ông.

“Tên lửa trên Washington vừa tự hủy!” kỹ thuật viên trưởng kêu lên.

“Còn White Sands?” tướng Bauer hỏi, miệng súng vẫn tì vào trán McCaskell.

“Vẫn còn trên đường bay. Có lẽ chúng ta đã nằm trong vùng dung sai, thưa ngài. Bất cứ giây nào.”

Rachel cứng người lại trước điều chưa biết. Liệu họ có bị tiêu mạng vì vụ nổ? Bị cháy thành than vì không khí quá nhiệt? Liệu có nghe được tiếng nổ không? Hay nó chỉ giống như một chớp lóe? Một

chớp lóe đủ sáng để đốt cháy võng mạc của họ và mang theo đủ neutron để nấu chín họ từ trong ra ngoài...

Một tràng nhiễu loạn vang lên trong phòng. Rồi một giọng quen thuộc từ những chiếc loa. Thượng nghị sĩ Jackson. Âm thanh từ căn cứ quân sự Meade đã được phục hồi. Bộ mặt Tennessee gan lì đang từ màn hình nhìn xuống chầm chầm như thể ông ta muốn lao đến bóp cổ ai đó.

“Tướng Bauer,” ông nói, “nếu ông bóp cò, ông sẽ mục xương trong nhà tù Leavenworth. Sẽ như thế, nếu người ta chưa treo cổ ông lên.”

Ngón tay Bauer vẫn đặt lên cò súng và gò má nhả nhúm khiến ông ta trông có vẻ định bóp cò thật. Geli nhìn ông ta bằng đôi mắt mở to. Rachel không thể nói liệu người con gái đang muốn cha cô ta bóp cò hay muốn ông ta rút lại.

“Tất cả chúng tôi ở đây sắp chết, ngài thượng nghị sĩ,” tướng Bauer nói. “Các ngài không thể tin những gì Trinity nói. Chúng ta phải dừng nó lại, bằng bất cứ giá nào. Đó là cơ hội cuối cùng của chúng ta.”

McCaskell nói vào máy nhưng mắt ông không rời Bauer. “Tổng thống? Trinity đã đồng ý tự tắt nguồn. Chúng ta phải phá hủy các tên lửa của chúng ta... Cái gì cơ?” Mặt McCaskell trắng bệch. “Tôi biết. Vâng, thưa ngài. Tôi hiểu... Vâng, ngài thật tốt. Và nói với lũ trẻ... Tôi biết ngài sẽ làm. Tạm biệt.”

McCaskell treo máy và nói với cả phòng. “Tổng thống đang liên lạc với Trinity. Trinity đã phá hủy tên lửa trên Washington để chứng minh thiện chí, nhưng tên lửa đến đây sẽ nổ.”

“Cái gì?” Skow hồn hển.

“Trinity đang chuẩn bị phóng một ngàn tên lửa. Nó chưa làm việc đó ngay bây giờ. Nó sẽ làm theo kế hoạch của bác sĩ Tennant.”

“Nhìn kia!” Skow hét lên.

Những hàng chữ xanh xuất hiện trên màn hình Trinity:

BÁC SĨ WEISS HÃY ĐẾN NHÀ CÁCH LY NGAY.

Rachel nhìn chầm chầm hàng chữ như nhìn một ảo ảnh. Nhà Cách ly có nghĩa là an toàn. Nhà Cách ly có nghĩa là sống. Và David...

Không thêm để ý đến nòng súng của Bauer, McCaskell chỉ hai người lính của Bauer. “Các anh hãy hộ tống bác sĩ Weiss đến nhà Cách ly ngay. Bản thân các anh đừng cố lọt vào.”

Những người lính nhìn tướng Bauer như chờ xác nhận mệnh lệnh.

McCaskell đã hơi còng xuống khi ông nói chuyện với tổng thống, nhưng bây giờ ông đứng thẳng lên, đôi vai ông vuông vức, mắt ông quắc lên vẻ cương quyết. “Các anh hãy coi đây là mệnh lệnh từ tổng tư lệnh. Đi!”

Hai người lính bước nhanh đến chỗ Rachel.

Tìm cô rộn lên khi bước ra khỏi ghế. Mọi người trong phòng đang chầm chầm nhìn cô. Những người lính bên bảng điều khiển. Geli Bauer. Trên mặt mọi người là vẻ hoảng hốt của sự nhận thấy cái chết và câu hỏi: Sao lại là cô? Làm sao cô có được một chỗ trên xuống cứu sinh?

Rachel bước ra khỏi bàn, nhưng sau đó - hầu như không hoàn toàn cố ý - cô lại ngồi xuống. Lòng trắc ẩn của cô đã nguôi, nhưng cô biết mình phải làm gì.

“Tôi không đi đâu,” cô nói.

Nhà Cách ly

Tôi nhìn trừng trừng màn hình bên dưới Trinity, ngực thắt lại làm tôi thấy nghẹt thở. Rachel ngồi sau bàn, nét mặt sắt đá, đôi mắt nàng nhìn thẳng phía trước. Cần có nhiều hơn hai người lính để đưa nàng ra khỏi phòng Tình thế.

“Đây không phải là một lựa chọn hợp lý,” máy tính nói.

Hình ảnh bị nhiễu, nhưng tôi có cảm tưởng Rachel đang lắc đầu. Một cách chậm rãi, như thể nàng biết tôi đang theo dõi nàng, nàng giơ một bàn tay lên, mỉm cười, và vẫy tạm biệt.

“Còn có những người phụ nữ khác,” Trinity nói.

“Đối với tôi thì không.”

Các tia laser chớp trong quả cầu. “Tướng Bauer phải chết.”

“Bauer không thành vấn đề nữa rồi,” tôi lãnh đạm nói. “Bằng cách tha cho những mạng người, ông tự cứu lấy ông. Linh hồn ông. Ông có thấy thế không?”

“Đã quá muộn rồi.”

Tiếng nổ làm rung động móng nhà Cách ly. Nó gần hơn tôi chờ đợi, và vì tòa nhà không có cửa sổ, tôi không nhìn thấy ánh chớp. Nhưng điều đó không có nghĩa gì. Một sự bùng nổ của các hạt chết người có lẽ đã viết án tử hình cho tất cả vật sống bên ngoài. Một sự im lặng không giống bất kỳ sự im lặng tôi đã biết trù xuống White Sands, và tôi cảm thấy cô đơn như cái đêm tôi biết vợ và con gái tôi đã chết.

Cái gì đó đập sầm sầm vào mái nhà bê tông trên đầu tôi. Tiếp theo là hàng loạt tiếng rít chói tai do va chạm.

“Cái gì thế?” tôi hỏi.

“Những mảnh vụn.”

“Từ bom neutron?”

“Không. Tên lửa bị phá hủy.”

“Nhưng... ông bảo là đã quá muộn.”

“Cho tôi.”

Chú Thích:

1. Duck and Cover: một phương pháp được chính phủ Mỹ dạy cho các thế hệ học sinh từ 1940 đến 1980, được coi là để bảo vệ cá nhân chống những tác động của một vụ nổ hạt nhân có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Ngay sau khi thấy ánh lửa, bọn trẻ phải dừng tất cả công việc đang làm và nằm sát xuống đất dưới bất kỳ mái che nào, hay ít nhất nằm nép sát tường với tư thế bào thai, úp mặt xuống và lấy tay che đầu.

CHƯƠNG 45

White Sands

Rachel và tôi phải mất ba giờ gây tê để Siêu-MRI tiến hành quét những mẫu thần kinh của chúng tôi. Trong thời gian đó, tổng thống và các tham mưu trưởng vẫn chịu sự theo dõi ở Washington, và người ở White Sands phải giữ tình trạng án binh bất động rất khó chịu. Việc tướng Bauer giờ sủng uy hiếp McCaskell khiến nhiều người bối rối, nhưng vì ông ta chỉ huy toàn bộ quân đội ở White Sands nên ngoài tổng thống ra không ai làm được gì nhiều. Và tổng thống thì dường như hoàn toàn quên mất viên tướng. Bauer dùng hầu hết thời gian máy đang quét để ẩn kín trong một trong những nhà để máy bay dùng làm kho chứa.

Đội Giao diện của Zach Levin thực hiện quy trình quét chụp. Thủ tục này chứa mức độ rủi ro đáng kể, đặc biệt cho tôi, và Rachel không muốn để tôi bị quét tí nào. Nàng chỉ ra rằng mẫu thần kinh của não tôi đã có rồi, và mẫu ấy từ khi ra đời đã gây chứng ngủ rũ và ảo giác, mỗi giây chịu những tác dụng tiêu cực có thể nguy hiểm chết người. Nhưng Trinity nhất thiết đòi quét lại, và tôi không cãi. Tôi nhất trí rằng những gì tôi trải nghiệm trong cơn hôn mê nên được chuyển vào thực thể mới, sẽ hình thành khi Trinity hợp nhất hai mẫu thần kinh.

Ravi Nara và bác sĩ Case từ John Hopkins chuẩn bị cho chúng tôi trước khi tiến hành quét, một quy trình phức tạp đòi hỏi tay nghề đặc biệt nhuần nhuyễn. Các máy MRI bình thường chỉ yêu cầu bệnh nhân dịch chuyển càng ít càng tốt. Siêu-MRI của Trinity đòi hỏi tĩnh lặng tuyệt đối, điều này chỉ có thể được đảm bảo bằng thứ thuốc tê làm giãn cơ. Một chiếc quạt hút gió để giúp cho bệnh nhân thở, trong khi một khung cứng phi kim giữ chắc xương sọ không cho động đậy. Một loại thuốc giảm đau để phòng ngừa nỗi hoảng sợ làm tê liệt ý thức. Người ta còn dùng những nút tai đặc biệt, vì từ trường dao động cực mạnh của máy quét tạo ra tiếng rít xé tai kỳ quái như tiếng gầm của Godzilla trong phim Nhật. Sau khi tất cả các bước này đã hoàn tất, bệnh nhân được đưa vào cửa hình ống trong máy quét giống như một xác chết được đưa vào ngăn kéo nhà xác.

Có thể vẫn giữ được tỉnh táo trong quá trình này, và tôi đã chọn cách đó. Bị gây tê trong khi ý thức bắt đầu cơn hoảng sợ đầy ác mộng - đặc biệt là trong không gian chật chội gây cảm giác tù túng như trong ống của máy quét - nhưng qua mấy phút, trí óc tôi thích nghi với trạng thái mới của nó. Cảm giác kinh hoàng có lẽ tương tự với cảm giác mà một mẫu thần kinh trải nghiệm khi nó bắt đầu trở thành có ý thức trong máy tính Trinity.

Rachel quanh quẩn bên máy MRI trong lúc tôi được quét chụp, nàng nhìn màn hình khi mẫu thần kinh của tôi được siêu máy tính Godin dưới tầng hầm kiến tạo một cách tỉ mỉ. Dữ liệu do máy quét phát ra nuốt dần từng mảng bộ nhớ. Chỉ có một thuật toán nén đặc biệt do Godin phát minh ra là có thể làm cho một mẫu thần kinh lưu trữ được trong một siêu máy tính thường. Nơi duy nhất mà một mẫu thần kinh có thể tồn tại trong trạng thái chưa nén - tức là trạng thái chức năng - là trong một vi mạch rộng lớn và bộ nhớ ba chiều của máy tính Trinity.

Sau khi tôi được kéo từ máy quét ra, Rachel vỗ vào mặt và hai cánh tay tôi cho đến khi hết tê dại. Sau đó nàng nằm vào chỗ của tôi trong băng ca và để người ta luồn ống, chuẩn bị để vào máy quét. Nàng chọn không tỉnh trong quá trình quét chụp. Khi thuốc an thần được tiêm chậm chậm vào tĩnh mạch, nàng líu ríu với tôi rằng nàng đang tưởng tượng sẽ thế nào khi được hòa nhập vào với tôi không phải bằng tình dục mà bằng trí tuệ. Những người yêu nhau thường nói về sự gắn bó theo kiểu này, nhưng chưa có cặp nào từng trải nghiệm thật sự. Nếu Trinity có thể thực hiện được lời hứa của nó, tôi và Rachel sẽ là hai người đầu tiên.

Ngay trước khi mắt nàng nhắm lại, nàng vung cánh tay ra như thể đỡ một đòn. Tôi tự hỏi không biết có phải nàng đang tưởng tượng ra hình ảnh Geli Bauer báo thù không. Khi tôi đặt cánh tay nàng dọc theo thân nàng, Zach Levin vỗ vào vai tôi và đẩy tấm thân tê liệt của Rachel vào cái hốc tối đen của máy quét.

Phòng Thí nghiệm Số 2

Tướng Bauer đi tới đi lui lại trong nhà kho hàng giờ liền, cuối cùng Skow bước qua cửa và giờ ngón tay cái ra hiệu. Trên người gã trùm an ninh NSA phủ một lớp bụi thạch cao trắng, một vầng sáng xanh mờ nhạt treo trên đầu hắn. Rạng đông đã hừng trên sa mạc.

“Anh thấy nó rồi à?” Bauer hỏi.

“Chúng tôi đã tìm thấy nó.”

Skow đã cùng với một đội NSA làm việc tại điểm khai quật cách đây mười một cây số. Chính ở đó đường ống truyền dữ liệu từ Trinity gặp đường cáp lớn OC48c phục vụ cho Bãi thử White Sands.

“Đó là một tín hiệu đơn giản được che giấu kỹ càng,” Skow nói. “Trinity gửi nó đến khoảng năm nghìn máy tính trên khắp thế giới. Nếu tín hiệu này bị dừng hay gián đoạn, tất cả những máy tính đó sẽ trả thù bằng cách mà chúng ta không thể nào biết được. Nhưng chúng ta có thể sao chép tín hiệu này, và chúng tôi đã cho máy tính ở chỗ khai quật làm việc đó.”

Tướng Bauer nhắm mắt lại và siết bàn tay thành nắm đấm. Ông ta đã trút bỏ áo khoác và blu, nhưng bây giờ ông ta đứng lên và mặc lại.

“Chúng tôi vẫn còn một vấn đề nữa.”

“Cái gì?”

“Chúng tôi không thể thay thế những tín hiệu của chúng tôi vào chỗ tín hiệu của Trinity mà Trinity không phát hiện ra. Chúng tôi cần một cái gì đó làm xao lãng Trinity trong một thời gian ngắn.”

Bauer thắt dây đeo bao súng ra ngoài áo blu. “Cái đó không thành vấn đề.”

“Sao lại không? Ông cho rằng khi Trinity hợp nhất hai mẫu thần kinh, nó sẽ quá bận nên không để ý xem chúng ta làm gì nữa à?”

“Không.”

“Thế thì tại sao?”

Bauer mỉm cười bí hiểm. “Tôi thích dùng những phương pháp đã được chứng minh.”

“Ông muốn nói gì?”

“Giống như trước. Chỉ khác là...”

Skow thấy khó hiểu.

“Nhưng chính cái chết của Godin đã làm cho Trinity bối rối lần đầu. Godin không thể chết lần thứ hai.”

“Đúng.”

Skow đứng chết lặng. “Trời ơi. Ông nghĩ ông có thể thoát được việc đó?”

“Anh biết tại sao tôi không bị bắt không? Tổng thống biết phải dùng Trinity lại, nhưng ông ấy biết rằng ông ấy không thể nói với ai điều đó. Ông ấy không thể làm bất cứ điều gì tại nơi ông ấy đang ở mà Trinity không biết. Nhưng tôi có thể làm được. Chúng ta có thể làm được. Đó là lý do tại sao ông ấy thả lỏng tôi.”

Skow gật đầu, nhưng trông gã không có vẻ bị thuyết phục hoàn toàn. “Nếu Trinity gặp một đợt rối loạn mới như lần sau khi Godin chết, làm thế nào mà các tên lửa Nga không bị phóng đi bởi các máy tính bên ngoài?”

Tướng Bauer lắc đầu. “Tôi đang mong Trinity để ý đến cái đó. Quy trình hợp nhất chưa được làm thử bao giờ và Trinity cũng như chúng ta không muốn gây ra thảm họa đâu.”

“Còn Tennant?”

“Tennant thì sao?”

“Ông không nghĩ có vấn đề gì với ý tưởng của hân ta về việc hợp nhất hai mẫu thần kinh của nam và nữ à? Làm cho Trinity tự nguyện tách ra khỏi mạng ấy?”

Bauer khịt khịt. “Anh đã nghe Trinity nói đấy. Dù có ai được tải vào máy, họ cũng sẽ không lơ là kiểm soát. Cái máy đó sẽ không bao giờ đồng ý tách ra khỏi mạng Internet. Và chúng ta cứ bị nó khống chế mãi. Bây giờ hay không bao giờ nữa, Skow ạ.”

Viên tướng cài cúc áo khoác và bước ra cửa nhà để máy bay.

“Ông đi đâu đấy?” Skow hỏi.

Bauer mỉm cười. “Đến chỗ con gái tôi. Đã lâu lắm mới có một cuộc thăm viếng gia đình như thế này đây.”

Nhà Hành chính

Geli Bauer đang đứng hút một điếu Gauloise ở ngoài thì cha ả bước theo con đường nhỏ giữa các nhà để máy bay và dừng lại cách ả vài bước. Viên tướng trông bơ phờ trong buổi sớm, ở ngoài trông ông ta già hơn lúc trong nhà dưới ánh đèn. Nhưng vẫn mạnh khỏe. Ông ta có những bắp thịt dài như của Geli, và cái siết tay của ông ta có thể khiến những người trẻ hơn hai chục tuổi phải nhăn mặt. Đôi mắt xám của ông ta tìm đôi mắt ả mà nhìn chăm chú, nhìn xuyên qua ba thập kỷ đau thương và thù hận.

“Ba cần con làm cho ba một việc,” ông ta nói.

“Cho ông,” ả vắn lại. “Ông là loại người liều mạng chết mẹ.”

“Chính vì thế ba mới có công việc này.”

Ả nhìn chằm chằm khuôn mặt lưỡi cày, đầy vẻ quả quyết. “Việc gì vậy?”

“Sau khi hai mẫu thần kinh đã hòa nhập, ba muốn con giết Tennant hoặc Weiss.”

“Hoặc Weiss? Ai trong hai người cũng được à?”

“Phải. Nếu một trong hai người chết, Trinity sẽ rơi vào hỗn loạn. Lúc đó NSA có thể đột nhập vào cấp dữ liệu của Trinity và thay thế tín hiệu mật mã của chính nó vào đấy, nó sẽ đánh lừa các máy tính đang kiểm soát tên lửa rằng mọi việc đều ổn. Sau đó, chúng ta có thể tắt nguồn Trinity mà không sợ nó trả thù.”

Geli im lặng.

“Con sẽ làm chứ?”

“Tại sao tôi lại phải làm?”

Viên tướng bĩu môi thành một nụ cười mỉa. “Nếu ba bảo con đừng giết chúng, chắc hân con đã nói rằng con sẽ thịt chúng trong vòng năm phút.”

“Ông nghĩ thế à?”

“Ba nghĩ con ghét ba đến mức con sẵn sàng làm trái ngược tất cả những gì ba bảo con. Thế cũng được thôi. Căm ghét là một xúc cảm hữu ích.”

Geli đã học được bài học này qua thực tế khắc nghiệt. “Ông có biết vì sao tôi ghét ông không?”

“Tất nhiên là biết. Con căm ghét ba vì chuyện mẹ con tự tử.”

Cái giọng ông ta thờ ơ nhắc đến chuyện ấy như không có gì quan trọng làm ả đau đớn tận đáy lòng. Ông ta tiến gần thêm một bước. “Con nghĩ rằng việc ba có nhiều nhân tình và nghiện rượu đã đẩy bà ấy đến chỗ tự sát. Nhưng con nhầm rồi. Ba yêu mẹ con. Đó là điều con không bao giờ hiểu.”

“Mỗi người đàn ông đều giết người mà hân yêu,” ả nhắc lại câu cách ngôn. “Ông có nhớ câu này không? ‘Kẻ hèn nhất làm việc đó bằng những cái hôn, kẻ gan dạ làm bằng nhát kiếm.’ Ông là kẻ hèn nhất trong chuyện này.”

Viên tướng lắc đầu.

“Từ lâu ba đã giấu kín chuyện này để bảo vệ cho con. Nhưng giờ là lúc con nên biết sự thật.”

Ả muốn gào lên bảo ông ta im mồm đi, nhưng không tìm ra lời lẽ thích hợp. Chưa có gã đàn ông

nào tấn công ả bằng sức lực mà không phải trả giá đắt, nhưng trước sự xúc phạm về tâm lý từ phía cha ả, ả không có gì để tự vệ.

“Mẹ con tự tử vì con đăng lính. Thậm chí sau tất cả những chuyện xảy ra trong quá khứ, con vẫn quyết định theo bước chân ba. Chính điều đó đã gây ra chuyện đây. Chính điều đó đã khiến mẹ con ngã gục.”

Geli lồm giọng đến muốn khụy xuống, nhưng ả cố gượng đứng vững và nín chặt cái nhìn tàn nhẫn của cha mình.

“Lẽ ra ba phải nói chuyện này với con từ trước,” viên tướng tiếp tục. “Nhưng, cả hai chúng ta đều biết... chuyện gì đã xảy ra.”

Đôi tay Geli run lên vì tức giận. Vết sẹo trên mặt ả như bỏng cháy, nhưng ả vẫn chưa tìm ra lời đối đáp.

“Con ghét ba,” tướng Bauer nói. “Nhưng con giống hệt ba.”

“Không,” ả thì thào.

“Có. Và con biết phải làm gì.”

Nhà Cách ly

Rachel hết tê lúc 6:50 sáng. Tôi đưa cho nàng chai nước suối một lít, nàng uống gần hết sau vài ngụm. Mười phút sau, Zach Levin thông báo mẫu thần kinh của nàng đã được nén và lưu thành công.

Công việc về phần con người đã xong.

Rachel, Levin, Ravi Nara và tôi dạo bước xung quanh tám chấn từ trường khổng lồ dùng để bảo vệ Trinity khỏi máy MRI và đến đứng trước quả cầu. Tôi nghĩ Trinity phải nói điều gì sâu sắc lắm, nhưng lời lẽ của nó thuần túy kỹ thuật.

“Tôi đã kết nối với Godin Bốn trong tầng hầm, và tôi bắt đầu nghiên cứu so sánh các dữ liệu trong mỗi mẫu thần kinh. Rất nhiều dữ liệu trong đó là thừa, đặc biệt những dữ liệu biểu hiện chức năng trợ giúp sự sống. Tôi sẽ xóa bỏ những chỗ ấy trong quá trình hợp nhất.”

Levin nói, “Ông có tin tưởng phép toán trừ này có thể thực hiện mà không kèm theo hậu quả xấu không?”

“Có. Nó cũng giảm thiểu hoặc thậm chí tránh được những chấn động thích nghi mà quá trình tải mẫu thần kinh trước đây đã gặp phải. Quá trình loại trừ này là cần thiết trong mọi trường hợp. Mạng tinh thể của tôi có thể giữ một lượng hạn chế thực tế của bộ nhớ tượng trưng, nhưng tổng số các mối liên hệ thần kinh của tôi còn thiếu một số lượng lớn để giữ hai mẫu chưa nén. Sẽ còn phải thải ra rất nhiều dữ liệu nữa, không chỉ chức năng trợ giúp sự sống. Khi tôi bắt đầu hợp nhất các chức năng não cao cấp hơn thì yêu cầu về nghệ thuật cũng ngang với vấn đề khoa học.”

“Ông dự trừ quá trình sẽ kéo dài bao lâu?” Levin hỏi.

“Không có tiền lệ.”

“Rất tốt. Cảm ơn ông.”

Các tia laser bên trong quả cầu bằng sợi carbon bắt đầu bắn vào tinh thể trung tâm với tốc độ thổi miên. Trên màn hình plasma đằng sau Trinity, các con số và các ký hiệu toán học cuộn cuộn trôi qua với một tốc độ vượt xa khả năng lĩnh hội của con người, thể hiện hoạt động bên trong của máy bằng ngôn ngữ do con người sáng tạo ra nhưng bây giờ không có ích gì.

Chúng tôi câm lặng đứng nhìn, như thể đang xem một trận mưa sao băng hay nhìn một đĩa trẻ ra đời. Khi quá trình này tăng tốc, tôi như bị ném trở về thời thơ ấu, khi tôi ngồi trước ti vi cùng với cha tôi kinh ngạc ngắm nhìn Apollo 11 đáp xuống vùng tối trên mặt trăng. Thế mà những gì chúng tôi chứng kiến lúc này so với việc bắn Apollo lên mặt trăng phức tạp hơn không biết bao nhiêu mà kể. Đội ngũ khoa học kỹ thuật của Godin đã hoàn thành một việc thần kỳ: giải phóng trí tuệ ra khỏi cơ thể. Nhưng máy tính Trinity đang cố gắng thống nhất những gì mà thiên nhiên - vì lợi ích của sự sống còn -

đã phân tách ra từ lâu trước cuộc tiến hóa của Homo sapiens. Trí tuệ của đàn ông và đàn bà, bị phân chia ra bởi sinh hóa và bởi những áp lực của môi trường suốt hàng triệu năm, giờ trở thành một. Khi quá trình này hoàn thành, lực lượng mạnh mẽ nhất hành tinh sẽ không còn tồn tại trong trạng thái phân chia, nửa này vĩnh viễn khao khát nửa kia của mình nữa. Có lẽ trong trạng thái toàn thể này, Trinity mới có thể mang lại hy vọng cho một giống loài đã dường như không thể tự cứu mình thoát khỏi những bản năng xấu xa tồi tệ nhất của nó nữa.

Levin xuống tầng hầm và khi trở lại, anh mang ghế cho chúng tôi. Rachel và tôi nắm chặt tay nhau, mắt nhìn thẳng vào những tia chớp laser màu xanh. Khi các tia sáng bắn ra tăng tốc, chậm lại, rồi tăng tốc trở lại, tôi có cảm tưởng đang xem một người chơi trò xếp hình: nhặt các hình lên, thử chúng với nhau, vứt đi một số, đặt những cái khác vào vị trí đúng của chúng. Tôi chẳng biết bao nhiêu thời gian đã trôi qua, cho đến khi các tia sáng chói chang trong quả cầu mờ lịm đi, rồi giọng nói của Trinity tràn ngập căn phòng.

“Các mạch của tôi đã gần đạt đến mức bão hòa. Mẫu đang được hợp nhất được coi là chịu trách nhiệm cho an ninh của hệ thống. Từ thời điểm này trở đi nó sẽ điều hành những bước cuối cùng của quá trình hợp nhất. Tôi đã tạo ra một bản đồ để nó theo.”

Giống như có một thỏa thuận ngầm, tất cả chúng tôi đứng dậy.

“Tôi đã hoàn thành nhiều công việc trong cuộc đời mình,” giọng nói kia tiếp tục, và tôi biết trí tuệ của Peter Godin vẫn sống trong máy. “Tôi cũng đã làm nhiều việc đáng ngờ về phương diện đạo đức. Bây giờ tôi muốn được ghi nhớ vì những gì tôi đã làm. Hôm nay tôi tự nguyện từ bỏ đời sống và quyền lực tuyệt đối của mình, để cho một thứ trong sạch hơn bản thân tôi có thể đi vào thế giới. Có lẽ bằng cách làm thế, lần đầu tiên tôi thực sự đến gần thần thánh. Tạm biệt.”

“Điều đó đang xảy ra,” Ravi Nara nói, giọng y tự nhiên có vẻ kính cẩn một cách đáng ngạc nhiên. “Điều không thể đang xảy ra trước mắt chúng ta. Lưỡng thể hóa thành nhất thể... âm dương hòa một.”

Tôi chưa bao giờ hỏi Ravi Nara về tôn giáo của y, tôi cứ tưởng y theo đạo Hindu. Tôi đang định hỏi thì tiếng còi rú lên trong phòng.

“Gì thế?” tôi hỏi.

“Cái cửa,” Levin nói, anh ấn một nút và quanh cảnh bên ngoài nhà Cách ly hiện ra trên một màn hình nhỏ treo tường. Không có ai đứng trước cửa.

“Kỳ quặc,” anh nói. Người kỹ sư cao lớn đi vòng quanh rào chắn từ ra cửa.

“Đừng mở,” Rachel nói.

Tôi bước khá xa về phía tường để quan sát hàng rào từ tính. Khi Levin chạm vào tay nắm cửa, một tiếng rắc đánh gọn vang trong gian phòng. Levin đưa vôi tay lên bịt tai, và cánh cửa thép an toàn kéo kẹt xoay quanh bản lề mở ra ngoài.

Một bóng đen xuất hiện ở khe cửa mù mịt khói, vung cánh tay lên với tốc độ chóng mặt, và Levin nằm vật ra nền nhà.

“Chuyện gì xảy ra thế?” máy tính hỏi với giọng y hết mẫu thần kinh Peter Godin từng dùng. Ravi Nara trườn vào sau quả cầu đen của Trinity. Tôi nắm tay Rachel chạy ra phía cửa gần bức tường sau. Cửa này không mở ra ngoài mà mở qua hàng rào từ tính sang buồng điều khiển máy MRI. Khi tôi lao theo nàng vào đó, tôi liếc lại phía sau và thấy một mớ tóc vàng hoe phía trên bộ áo chống đạn đen.

“Geli,” tôi vừa nói vừa khóa cửa sau lưng và đẩy Rachel qua trạm điều khiển. “Xuống tầng hầm!”

Phía sau trạm điều khiển có một cầu thang xoắn đưa xuống tầng hầm, nơi để siêu máy tính Godin Bốn. Tôi chưa từng xuống đây, nhưng biết dưới đó có các nhân viên kỹ thuật của Levin, có lẽ với những vũ khí tự động họ đã dùng để đánh trả đòn tấn công đầu tiên của Geli Bauer. Rachel lao xuống các bậc thang rồi lại lao vọt lên.

“Cửa khóa!”

Tôi chạy xuống, dùng cả hai nắm tay đâm vào cánh cửa thép. “Mở ra, mẹ kiếp!”

Không có gì xảy ra.

“David!”

Lật đật quay trở lên, tôi thấy Geli Bauer vừa ló ra từ phía hàng rào từ tính, cách khoảng hơn một mét. Tôi đẩy Rachel ra sau bức tường thủy tinh plexi của trạm điều khiển và ấn nàng ngồi xuống sau các máy tính.

Tại sao Geli không đơn giản bước ngang qua căn phòng để bắn chúng tôi. Ắ nghĩ chúng tôi có những khẩu súng máy mà nhân viên của Levin sử dụng. Ngay khi ả nhận ra chúng tôi không có, chúng tôi sẽ chết.

Levin rên lên từ trên sàn nhà gần phía cửa, nhưng anh không nhúc nhích.

“Nó đâu rồi?” Rachel rít lên từ dưới sàn nhà.

Khi tôi cúi xuống trả lời, một cây búa vô hình đẩy tôi vào tường. Vai tôi tê dại, và mặt như phải bỏng. Âm thanh của phát súng dường như đến sau viên đạn rất lâu, nó đập vỡ bức tường thủy tinh plexi và dội xuống mặt tôi những mảnh sắc như dao cạo.

Rachel cố đứng lên, nhưng tôi ấn nàng xuống.

Geli Bauer từ sau hàng rào từ tính bước ra và thận trọng đi ngang qua phòng MRI, khẩu súng của ả nhắm thẳng vào ngực tôi, mắt ả đảo nhanh từ sau ra trước.

Không có vũ khí nào trong tay và không có chỗ nào để chạy. Trong khi tôi chờ đợi phát đạn cuối cùng, thời gian dần nở rộng xung quanh tôi. Geli di chuyển chậm chạp, giống như một con báo rình mồi. Tôi nhìn xuống mắt Rachel, biết rằng đây là cái nhìn cuối cùng của tôi trên mặt đất.

Rachel cầm tay tôi và nhắm mắt lại. Khi nàng làm thế, tôi thấy một nút đỏ lớn trên bảng công tắc bên cạnh đầu nàng. Hàng chữ bên dưới ghi: KHỎI ĐỘNG TRƯỜNG DAO ĐỘNG. Tôi đập nắm tay mình vào nút bấm.

Tiếng rắc của phát súng tắt ngấm trong tiếng rít tàn bạo của máy Siêu-MRI. Tôi nhìn lên và thấy Geli Bauer cúi gập người, nắm chặt bàn tay phải đang nhỏ máu xuống sàn nhà. Từ trường cực mạnh của máy quét, giống như bàn tay của Chúa đã giật phăng khẩu súng khỏi nắm tay ả và có lẽ đã cắt phăng một ngón tay là ít.

Khẩu súng của ả hóa ra bị dán chặt lên tường của phòng máy MRI. Cách đó không xa, một con dao treo lơ lửng, có lẽ từ trường cực mạnh đã giật nó khỏi thắt lưng Geli. Bỗng nhiên tiếng rít ngừng bật, cả súng lẫn dao rơi xuống sàn. Geli tiến lại phía tôi, mắt ả hàn học tia giết người. Tôi bước ra từ sau bảng điều khiển, nhưng với một bên vai vô dụng, tôi chẳng làm được gì. Hôm ở ga Liên Hiệp, tôi còn cả hai cánh tay khỏe mạnh thế mà Geli đã suýt giết chết tôi.

“Tại sao cô làm thế?” tôi hỏi.

Ả đâm tôi ngã xuống sàn và đá như sấm sét vào ngực tôi, cười lên người và bóp nghẹt cổ tôi. Ngón tay cái của ả lần tìm khí quản.

“Dừng lại!” Rachel quát từ trong trạm điều khiển. “Bây giờ chẳng còn lý do gì nữa!”

Tôi cố chống cự, nhưng một lần nữa Geli lại ở thế thượng phong. Động mạch cảnh của tôi bị chặn, và tôi mê đi. Tôi cảm thấy như bao lần tôi ở bên bờ cơn ngủ rũ. Nhưng lần này, khi những làn sóng đen cuộn phủ trùm lên tôi, một tiếng rú khủng khiếp xuyên vào tận trung tâm bộ não tôi. Nó là tiếng rú của một đứa trẻ khi chứng kiến cảnh khủng khiếp vượt quá sức chịu đựng, gần như vượt khỏi ngưỡng nghe của tai người, đầy đau khổ và không thể dập tắt. Tiếng rú kéo tôi ra khỏi cơn hôn mê, trở lại với ánh sáng... rồi bỗng nhiên ngừng bật, để lại sự im lặng trống rỗng như trên một hành tinh chết.

Trong im lặng vang lên một giọng mà tôi tin chắc phát ra từ bộ não thiếu oxy của tôi, một giọng bình tĩnh, siêu phàm, nghe như nửa nam nửa nữ.

“Hãy nghe tôi, Geli. Người đàn ông bên dưới cô không phải người mà cô căm ghét. Tennant không

phải là người cô muốn giết. Người mà cô muốn giết đang đứng sau lưng cô.”

Bàn tay kẹp như chiếc êtô trên cổ tôi vẫn giữ nguyên, nhưng tôi cảm thấy thân người Geli đè lên tôi xoay chuyển. Tôi mở mắt ra. À đang nhìn qua vai vào vật gì mà tôi không thấy.

“Kết liễu đi!” một giọng đàn ông cục cằn quát lên. “Làm việc của con đi!”

Tướng Bauer đã vào nhà Cách ly.

Gọng kìm của Geli thít chặt cổ tôi, nhưng ánh mắt ả không còn vẻ điên giận nữa.

“Tôi biết rõ cô, Geli ạ,” giọng nói lạ cất lên. “Trái tim tôi đau đớn cho cô. Tôi biết về vết sẹo của cô.”

Geli chết lặng.

“Nghe giọng của cha cô đây, Geli. Hãy nghe sự thật.”

Giọng của tướng Bauer tràn ngập gian phòng, nhưng không phát ra từ cổ họng ông ta. Nó phát ra từ các loa của Trinity.

“Vết sẹo đó à? Tôi sẽ nói cho anh biết tại sao nó không chịu sửa đi. Ba tuần sau khi mẹ nó chết, nó từ trại huấn luyện về nhà và định giết tôi.”

Bàn tay vẫn đặt trên cổ tôi, nhưng không còn sức lực nữa.

“Nó đã nghe câu chuyện ở Việt Nam, bọn lính bộ binh bắt mẫn dùng lựu đạn để giết lũ sĩ quan mà chúng ghét. Anh hiểu không, đặt một quả lựu đạn trong nhà xí và khi bọn kia đi là cho chúng tiêu luôn.”

Tướng Bauer đứng nghênh đầu kinh ngạc nghe chính giọng mình phát ra từ loa. Bàn tay phải của ông ta nắm khẩu Beretta 9 ly màu đen mà tôi đã thấy chĩa vào McCaskell.

“Đêm ấy tôi đang uống rượu, trên giường. Nó tưởng tôi ngủ rồi. Mà có lẽ tôi đang ngủ. Nó lên vào đặt quả lựu đạn phốt pho trắng chết tiệt lên chiếc bàn đầu giường tôi. Bằng phản xạ tay tôi vùng ra khỏi chăn và chụp cổ tay nó. Tiếng kêu của nó làm tôi tỉnh hẳn, và tôi nhìn thấy quả lựu đạn. À, tôi lăn nhanh ra phía mép kia của giường, như một chiến sĩ lão luyện. Nhưng nó bị kẹt phía bên kia và phải bỏ chạy, Willy Pete(1) nổ trước khi nó kịp ra khỏi cửa. Đó là nơi nó bị vết sẹo ấy. Và đó là lý do vì sao nó không chịu chữa. Vết sẹo ấy là vụ tự tử của mẹ nó, là sự căm ghét của nó đối với tôi, là toàn bộ cuộc đời buồn chó chết của nó. Quả thật là lâm ly thống thiết. Nhưng nó lại đang làm lính. Căm thù là nhiên liệu cho người lính.”

Geli toái ra khỏi người tôi và tiến về phía cha ả, hai tay buông thõng hai bên. Tôi không nhìn rõ mặt ả, nhưng rõ ràng thân người ả đang che đường đạn bắn của cha mình.

“Ông nói với ai đấy?” Geli thét lên. “Ông kể lại chuyện ấy với ai?”

“Tránh ra!” viên tướng quát.

“Hãy nghe tôi, thiếu tướng,” giọng nói kỳ quái vừa cứu mạng tôi lại cất lên. “Tại sao ông muốn giết tôi. Ông đã giết đi phần lớn con người ông. Ông đã giết đi phần lớn con gái ông. Nhưng tôi là phần trong sạch nhất trong ông. Phần trong sạch trong con người. Ông hy vọng gì vào việc giết tôi?”

Tôi bắt đầu trườn về phía sau, về chỗ trạm điều khiển.

Viên tướng chĩa súng vào tôi, nhưng Geli đã dịch sang che đường đạn.

“Ông yêu bóng tối hơn ánh sáng phải không?”

Giọng nói bất khả kháng, như của một đứa trẻ. Nhưng tướng Bauer không thềm để ý. Ông ta chuyển sang ngang, cố tìm một đường bắn.

“Bỏ súng xuống,” Geli giơ cả hai tay lên nói. ả muốn cứu chúng tôi sao?

“Thôi đi,” ả nói. “Thôi đi!”

Vẻ mặt giận dữ của viên tướng không hề thay đổi. Tiếng nói của máy tính cũng như của Geli đều không lọt vào tai ông ta. Ông ta di chuyển xa hơn sang bên trái, về phía máy MRI, cố tìm một góc ngắm bắn chết ngay.

“Ông sẽ giết tôi để làm việc đó chứ?” Geli hỏi.

Tôi quay nhìn lại bức tường chắn bằng thủy tinh plexi rạn vỡ, mong Rachel ra tay. Nàng đang nhìn như bị thôi miên vào vũ điệu tử thần của hai cha con Bauer.

“Ba sẽ không giết con,” tướng Bauer nói, rồi ông ta dùng báng súng hất Geli sang một bên, đánh bật ả như đánh một đứa trẻ.

À vừa ngã, viên tướng đã vung nòng khẩu súng về phía tôi, nhưng đúng lúc đó máy Siêu MRI rít lên và ông ta ngã lộn xuống như bị đánh bằng đạn trái phá. Khẩu súng của ông ta đập vào máy scan MRI và treo lên đó như thể bị hàn vào máy.

Rachel quỳ xuống bên tôi, dùng một ngón tay sờ thử vai tôi.

“Đỡ anh đứng dậy,” tôi thều thào.

“Anh cứ nằm yên.”

“Làm ơn... cho anh đứng dậy.”

Tôi cố gượng quỳ lên. Rachel đỡ dưới vai lành của tôi và giúp tôi đứng lên.

Geli đang đứng bên cạnh cha ả, nhìn xuống mà không tin vào mắt mình. Cổ viên tướng loang máu đỏ, đôi mắt vẫn mở đờ đẫn. Ông ta đứng giữa cây súng và máy MRI khi Rachel ấn nút khởi động. Từ trường dao động cực lớn của máy đã giật cây súng về phía nó bằng một lực không thể cưỡng nổi, với tất cả những gì trên đường đi của nó. Trong trường hợp này, đó chính là một phần cái cổ họng của viên tướng.

“John Skow vẫn đang cố gắng tắt nguồn máy tính,” Geli nói bằng một giọng đều đều. “Tôi nghĩ gã không thể làm được nếu cả hai người còn sống.”

“Tôi vẫn an toàn,” Trinity nói. “Và tôi lấy làm tiếc cho cô, Geli.”

Rachel và tôi bước chậm rãi qua hàng rào từ trường. Quả cầu đen chờ đợi, những tia laser màu xanh của nó phát ra đều đặn như nhịp tim trong mạng carbon. Trên màn hình bên dưới nó, tôi thấy hình ảnh Rachel và tôi đang nhìn vào camera của Trinity.

“Người có biết chúng ta không?” tôi hỏi.

“Biết,” giọng trẻ con cất lên. “Rõ hơn hai người biết về bản thân nhiều.”

Chú Thích:

1. Willy Pete: tiếng lóng chỉ lựu đạn phốt pho trắng (White Phosphorus).

PHẦN KẾT

Hôm nay, trong mạch cacbon của Trinity và bộ nhớ tinh thể, Rachel và tôi vẫn là một thực thể. Nhưng chúng tôi chỉ là điểm xuất phát, cha mẹ của một đứa trẻ đã vượt xa nguồn gốc của nó.

Peter Godin ước mơ giải phóng trí tuệ ra khỏi cơ thể. Lão tin rằng sự giải phóng này là khả thi bởi lão tin trí tuệ chỉ là tổng số các mối liên hệ thần kinh trong bộ não chúng ta. Andrew Fielding tin vào một điều khác: cái toàn thể lớn hơn tổng thể từng phần. Tôi vẫn chưa chắc chắn ai đúng.

Việc chế tạo thành công Trinity dường như đã chứng minh là Godin đúng. Nhưng đôi khi lúc nửa đêm chập chờn giấc ngủ, tôi cảm thấy một sự hiện diện khác trong trí mình. Dư âm của một quan điểm không giới hạn tuyệt vời mà trước đây chỉ chợt thoáng hiện ra trong cơn hôn mê của tôi. Tôi ngờ rằng dư âm ấy là Trinity. Rằng, như Fielding đã tiên đoán, máy tính Trinity và tôi đã vướng vào nhau mãi mãi trong cái ranh giới bất ổn giữa thế giới mà tôi nhìn thấy xung quanh với thế giới hạ nguyên tử khẳng định những gì nhìn thấy. Rachel không thích nói về điều này, nhưng nàng cũng cảm thấy nó.

Như Peter Godin đã tiên đoán, Trinity “mới” cũng không cho phép bản thân nó tách ra khỏi mạng Internet. Nó duy trì liên kết với những máy tính quốc phòng chiến lược trên toàn thế giới và bằng cách đó đảm bảo sự tồn tại của nó. Nhưng nó cũng không đe dọa ai. Gần đây, Trinity tiết lộ với các nhà lãnh đạo trên thế giới rằng nó đang cố gắng xác định phương pháp cộng sinh hiệu quả nhất giữa trí thông minh có cơ sở sinh học với trí thông minh có cơ sở máy móc.

Máy tính Trinity không phải là Chúa và nó cũng không tự tuyên bố như thế. Thế nhưng con người cũng không nhanh chóng bỏ qua khả năng này. Đến nay, 4183 website về Trinity đã nở rộ khắp thế giới. Một số website do môn đồ giáo phái New Age, những người quảng cáo tính thần thánh của cỗ máy này điều hành, số khác do những người theo trào lưu chính thống quản lý, nhóm này liệt kê hàng loạt “bằng chứng” chứng minh rằng Trinity là kẻ Phản Cơ Đốc mà sách Khải huyền đã tiên đoán. Cũng có nhiều website thuần túy kỹ thuật: chúng theo dấu các bước đi của Trinity qua mạng máy tính trên khắp thế giới, lập bản đồ các hành động của trí thông minh siêu nhân loại đầu tiên trên hành tinh này. Bản thân Trinity cũng viếng thăm tất cả các website đó, nhưng không để lại ý kiến nào.

Một trong những nỗi lo lớn nhất của Trinity là không tránh khỏi ngày có một máy tính khác cũng dựa trên cơ sở MRI nhảy lên mạng tại một nơi nào đó trên thế giới. Để đề phòng điều ấy xảy ra, Trinity theo dõi tất cả các tín hiệu lưu thông trên toàn cầu. Nhưng cũng như sự phát triển của vũ khí hạt nhân, nếu chỉ dùng các biện pháp thuần túy kỹ thuật thì không thể đảm bảo sự tuân thủ. Bản chất con người là thế, nhất định sẽ có những người chế tạo một Trinity khác. Người ta nói rằng dân Đức - những người có thể đã tiếp cận công nghệ Siêu MRI của Jutta Klein từ trước - đã có một nguyên mẫu vận hành ở viện Max Planck tại Stuttgart, một cỗ máy được cách ly cẩn thận khỏi Internet. Lại có tin đồn rằng người Nhật đang theo đuổi một dự án trên đảo Kyushu. Dường như không thể hiểu nổi tại sao các nước dám làm điều này bất chấp Trinity có thể áp đặt đòn trừng phạt khủng khiếp. Thực tế họ đã tiến xa trên con đường chứng minh cho luận điểm của Peter Godin rằng con người không thể kiểm soát được bản thân với tinh thần trách nhiệm.

Cái viễn cảnh có nhiều máy tính Trinity xung đột với nhau thật khủng khiếp. Người ta vẫn chưa biết những máy tính được đồn đại là đang phát triển ấy dựa trên mẫu thần kinh đàn ông, đàn bà hay hợp nhất. Những trí tuệ của con người đơn lẻ được trang bị một sức mạnh như thế có đủ tiến hóa vượt qua các bản năng còn sót lại để cùng tồn tại trong phạm vi hạn chế của thế giới không? Tôi không phải là người lạc quan. Nhưng có lẽ họ không thừa nhận thế giới là hạn chế. Về mặt lý thuyết, nguồn kiến thức là vô tận. Có lẽ Trinity có thể thật sự chấm dứt được chiến tranh chăng.

Bây giờ tôi xin gửi lại môi lo lắng ấy cho người khác.

Khi người ta hỏi tôi những giấc mơ - hay hoang tưởng - của tôi có thật hay không, tôi trả lời như thế này: tôi không dám chắc, nhưng tôi đã tìm thấy các đầu mối ở nhiều địa điểm khác nhau. Một trong những đầu mối tốt nhất tôi nhận được ở một nguồn tưởng tượng bất ngờ nhất.

Trong vòng ba tháng qua - trong khi tôi viết câu chuyện kể về những trải nghiệm với Trinity của tôi - thì máy tính Trinity ra lệnh kiến tạo một nguyên mẫu Trinity thứ hai dùng để nghiên cứu. Bây giờ nó đứng cạnh vị tiền bối của nó trong nhà Cách ly ở White Sands, cách ly khỏi thế giới bên ngoài nhưng hoạt động hoàn hảo như một thực thể độc lập.

Khi tôi biết việc phát triển chiếc máy tính thứ hai này, tôi viết một e-mail gửi Trinity. Trong bức thư đó, tôi nhấn mạnh rằng không có ai xứng đáng thể nghiệm trạng thái Trinity hơn Andrew Fielding, người đã biến nó thành khả thi.

Nhưng Trinity đã đi trước cả tôi.

Tuần trước, tôi bước qua một vòng người vũ trang đi vào tòa nhà Cách ly, tại đây tôi thấy hai quả cầu carbon đứng bên nhau. Tôi đã vừa kinh hãi vừa mong mỗi ngày này. Sợ hãi vì Andrew Fielding mà tôi sắp gặp chỉ có trí nhớ đến cái ngày ông được Siêu-MRI quét lần đầu tiên - cách đây chín tháng - điều này có nghĩa là tôi sẽ gặp phải tình trạng tồi tệ có một không hai, là phải thông báo cho một người rằng ông ấy đã bị giết chết. Tuy nhiên ký ức của tôi về Fielding bảo tôi rằng ông sẽ chịu được cú sốc này tốt hơn bất kỳ ai khác.

Tôi đã đúng. Fielding nhắc tôi rằng ông đã có cuộc sống số theo chu kỳ trong máy tính Trinity, thậm chí ông còn suy luận một ngày nào đó - có lẽ một thế kỷ sau chẳng - quá trình nghịch đảo của Trinity có thể được hoàn tất: một mẫu thần kinh được lưu trữ dưới dạng số hóa có thể được tải vào bộ não sinh học, hay sống ướm.

Nhưng điều thực sự vực Fielding dậy là cái tin ông đã đưa được tình yêu của đời mình ra khỏi Trung Hoa và cưới bà. Mẫu thần kinh của ông chỉ nhớ rằng ông vẫn mỗi mòn chờ đợi Lu Li trong vô vọng vì nghĩ bà còn bị kẹt lại ở Bắc Kinh. Tôi kể chuyện Lu Li trốn thoát khỏi những đội do thám của Geli Bauer, cuộc trốn chạy tuy không nhiều kịch tính như cuộc trốn chạy của tôi nhưng lại thành công hơn nhiều. Đêm ấy, chỉ vài giờ sau khi tôi rời khỏi căn nhà của Lu Li, bà đã nhẹ nhàng lên ra ngoài cùng với con chó bông mũm mĩm lông xoắn tít, và đi bộ băng qua Chapel Hill. Bà đến nhà một người Hoa có tiệm ăn mà bà cùng Fielding hay ăn tối ở đó. Gia đình này giấu bà trong nhà cho đến khi những vụ việc xung quanh Trinity được giải quyết.

Khi tôi kể với Fielding tôi đã đưa Lu Li từ Bắc Carolina đến, và bà đang đứng chờ ngoài cửa, ông nói cho ông xin mấy phút để chỉnh trang lại trước khi bà đến trước ống kính camera. Lời đề nghị làm tôi sững sốt, nhưng lúc đó tôi nhận ra một máy tính có thể có “tính người” đến mức nào. Nói chuyện với mẫu thần kinh Peter Godin giống như nói chuyện với máy; nhưng sau đó nói chuyện với Godin thì ông ta vẫn như cũ. Nhưng Andrew Fielding thì lại khác, là một tính cách lập dị có tiếng về trí thông minh và cảm tình nồng hậu. Ngay cả trong giọng tổng hợp của mẫu thần kinh của ông, tôi cũng nghe thấy sự sắc sảo của con người đã lưu lại một poster từ câu lạc bộ Newcastle, nơi ông đã xem Jimi Hendrix chơi năm 1967.

Trong khi Fielding trấn tĩnh lại, chúng tôi điểm lại số phận những người đã cùng chúng tôi làm việc cho Trinity. Zach Levin bị Geli Bauer đâm ngay cạnh cửa nhà Cách ly, nhưng anh đã hồi phục. Bây giờ anh trở lại cương vị trưởng ban nghiên cứu thiết kế cho Siêu máy tính Godin. Skow đã bị NSA thải hồi, nhưng có tin đồn gã đang viết một cuốn tiểu thuyết dựa trên những kinh nghiệm trong cơ quan tình báo siêu mật này. Giống như Skow, Geli Bauer biết quá nhiều về các vấn đề bí mật quốc gia nên không thể đối mặt với một phiên tòa dân sự để trả lời về cái chết của Fielding. Sau những cuộc thẩm vấn mở rộng của NSA và cơ quan mật vụ, Geli lặng lẽ biến mất. Tôi muốn nghĩ rằng tòa án đã

tóm được Geli tại một nơi nào đó, nhưng tôi ngờ ả đang làm việc trong phân bộ an ninh thuộc một công ty đa quốc gia nào đó.

Khi Fielding bảo tôi ông đã sẵn sàng gặp Lu Li, tôi nói lời tạm biệt thân ái, rồi quay người dậm bước ra cửa.

“David?” giọng nói tổng hợp vang lên sau lưng tôi.

Tôi dừng lại và nhìn vào quả cầu. “Vâng?”

“Anh có còn bị những hoang tưởng quấy rầy nữa không?”

“Tôi không bị thêm lần nào nữa.”

“Thế còn chứng ngủ rũ?”

“Hết rồi.”

“Thế thì tốt. Anh nói tôi nghe... anh có còn băn khoăn những giấc mơ của anh là thật hay không?”

Tôi ngẫm nghĩ. “Chúng là thật đối với tôi. Đó là tất cả những gì tôi biết.”

“Đó là tất cả những gì anh muốn biết phải không?”

Đây đúng là kiểu Fielding. “Ông có thể nói cho tôi biết nhiều hơn à?”

“Có thể.”

“Được rồi. Vậy ông nói đi.”

“Anh có nhớ giấc mơ đầu tiên cứ trở đi trở lại không. Người đàn ông liệt trong một căn phòng tối đen như mực?”

“Tất nhiên là nhớ.”

“Anh bảo tôi rằng ông ta trông thấy sự ra đời của vũ trụ, Big Bang, một vụ nổ lớn giống như bom khinh khí, dẫn ra với tốc độ kinh hoàng, thế chỗ của Chúa.”

“Phải.” Tôi bước vài bước lại gần quả cầu.

“Anh nói anh cảm thấy như đó là một ký ức. Và như thể chính anh nhìn thấy. Nhìn thấy nó như Chúa nhìn thấy nó.”

“Đúng.”

“Nhưng anh đã không nhìn thấy.”

“Ý ông muốn nói gì?”

“Anh đã không nhìn thấy như nó thật sự xảy ra.”

“Tại sao ông biết?”

“Bởi vì trong vòng hai trăm triệu năm đầu tiên sau Big Bang, trong vũ trụ không có ánh sáng.”

Tôi thấy da mình ớn lạnh. “Sao?”

“Hình ảnh quả cầu lửa khổng lồ là một quan niệm sai lầm phổ biến, ngay cả trong những nhà vật lý. Nhưng thuở ban đầu, vũ trụ hầu như gồm toàn nguyên tử hydro, nó hấp thụ hết mọi ánh sáng. Phải mất hai trăm triệu năm mới có một ngôi sao đầu tiên lóe sáng, nhờ có lực hấp dẫn nén hydro lại. Như vậy Big Bang khác rất nhiều so với cái mà anh ‘nhớ’ về nó. Nó là một vụ nổ lớn nhưng... không ai thấy được điều gì. Chắc chắn không phải là một quả cầu lửa hạt nhân.”

Tôi đứng chăm chú nhìn những tia laser màu xanh lóe lên trong quả cầu, một cảm giác tê dại trên các đầu ngón tay.

“Ông đang nói rằng tất cả những gì tôi mơ đều do trí óc của tôi tạo ra?”

“Không. Phần lớn những giấc mơ của anh về vũ trụ là thật. Và phần còn lại cũng có thể là thật. Tôi chỉ vạch ra một sự thật. Một sai biệt nhỏ. Những giấc mơ của một người là việc riêng của anh ta. Tôi rất tin vào những giấc mơ. Chúng đưa tôi đi khá xa trong thế giới thực tại. Cũng như với anh vậy. Chúng đã cứu sống anh. Có lẽ cả hàng triệu mạng người khác. Bởi vậy đừng lo lắng quá nhiều về nó.”

Tôi không biết phải nói sao.

“Tôi tin rằng tôi đã đúng khi nói điều này với anh. Tôi không muốn suốt đời anh sống với phức

cảm Jesus. Hãy trở lại làm một bác sĩ. Tiên tri là một công việc cô đơn.”

Levin và đội ngũ của anh chưa tổng hợp được tiếng cười thực, chứ nếu anh làm được, chắc hẳn tôi đã được nghe một tiếng cười khúc khích lúc tôi đi ra.

Ngoài cửa, Lu Li đang đứng đợi. Hôm nay bà mặc bộ quần áo đẹp nhất và đang cười lúng túng. Bà nhìn vào mắt tôi để dò xem có manh mối mơ hồ nào về chuyện đang đợi bà không.

“Ông ấy đã sẵn sàng đón tôi chưa, anh David?”

Tôi gật đầu và mỉm cười. Tiếng Anh của bà đã tiến bộ rất nhiều trong ba tháng qua.

“Ông ấy có... anh biết đấy, có ổn không?” Mắt bà rơm rớm.

“Ông ấy nhớ bà.”

“Tốt. Tôi có chuyện cần nói với ông ấy.” Nụ cười của bà nở rộng. “Một chuyện chắc sẽ làm cho ông ấy rất vui.”

“Chuyện gì vậy?”

Lu Li lắc đầu. “Tôi phải nói với ông ấy trước đã. Rồi mới đến anh.”

Bà đi lướt qua tôi, vào tòa nhà Cách Ly.

Tôi bước ra ngoài ánh nắng sa mạc và nhìn về phía nhà để máy bay làm phòng hành chính. Rachel đang ngồi trên nắp ca pô của chiếc xe Ford mà chúng tôi mới thuê, nàng vận quần jean xanh và áo sơ mi trắng, trông rất giống khi nàng gọi tôi vào cái ngày phòng khám của nàng bị lục soát. Nàng trượt xuống khỏi ca pô và bước lại gần tôi với nụ cười thận trọng.

“Anh ổn chứ?”

Tôi gật đầu. Trí óc tôi vẫn còn vương vấn với những lời lẽ cuối cùng của Fielding. Nếu các giấc mơ của tôi thật sự là hoang tưởng, như Rachel đã luôn khẳng định, thì tôi sẽ có hàng loạt câu hỏi thắc mắc tại sao tôi biết những sự việc nào đó. Nhưng có một điều chắc chắn, tôi có thể quên đi tất cả chuyện đó để tâm hồn mình được thanh thản.

“Anh có chắc không?” Rachel vừa đưa một tay ôm eo tôi vừa hỏi. Nàng luôn thận trọng tránh chỗ vai đau của tôi. “Fielding đã nói gì?”

“Ông ấy bảo anh trở lại hành nghề bác sĩ.”

Nàng cười, đôi mắt đen sẫm của nàng ánh lên trong nắng. “Em đồng ý với ông ấy.” Nàng đưa cánh tay còn lại ôm vòng qua eo tôi, kéo tôi sát lại người nàng. “Dù cho anh cần làm gì cũng vậy. Ý em là thế.”

Tôi nhìn lại nhà Cách ly, rồi hôn lên trán nàng. “Em chính là người anh cần.”

LỜI CẢM ƠN

Xin gửi lòng biết ơn sâu sắc nhất đến Ray Kurzweil(1), nhà sáng tạo tiên phong mà cái nhìn thấu suốt của ông về trí thông minh nhân tạo đã gợi nhiều cảm hứng nhất cho cuốn tiểu thuyết này. Tôi vẫn còn nhớ lần đầu tiên tôi chơi giọng đại dương cầm trên synthesizer Kurzweil và nhận ra khả năng của lĩnh vực âm nhạc điện tử. Kurzweil là nhà tương lai học đầy tài năng, và cuốn sách The Ages of Spiritual Machines của ông là cuốn mà mọi người nên tìm đọc.

Tất cả những cuốn tiểu thuyết của tôi được phong phú lên rất nhiều nhờ vào sự thông thái và uyên thâm của rất nhiều người. Tôi nợ họ một lời tri ân.

Về chuyến đi Israel trong thời buổi khó khăn: Keith Benoist.

Về chuyên môn y học: các thạc sĩ y khoa Salil Tiwari, Michael Bourland, Jerry Iles, Edward Daly, Fred Emrick, tiến sĩ y khoa Louis Jacobs, y tá Simmons Iles.

Về chuyên môn quân sự: thiếu tướng Chuck Thomas (đã nghỉ hưu). Chuck đã giúp tôi rất nhiều bằng các nhận xét ngắn gọn của ông, và ông không chịu trách nhiệm về những hư cấu liên quan đến các khả năng quân sự. Tôi cũng xin cảm ơn Cole Cordray và S.B. về sự giúp đỡ tế nhị của hai người.

Về những đêm dài thảo luận triết học và tôn giáo: Robert Hensley, Michael Taylor và Win Ward.

Về những đóng góp của bao người không kể xiết, thường xuyên nhất là Geoff Iles, Michael Henry, Ed Stackler, Courtney Aldridge, Betty Iles, Carrie Iles, Madeline Iles, Mark Iles, Jane Hargrove.

Vì sự gắn bó tận tâm với cuốn sách: Susan Moldow, Louis Burke, Susanne Kirk.

Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn đến các quý bà ở phòng Thương mại Oak Ridge.

Như thường lệ, mọi sai sót thuộc về tôi.

Cuối cùng tôi xin có vài lời với bạn đọc. Viết về triết học và khoa học trong một cuốn sách thương mại là cả một vấn đề. Viết về những chủ đề ấy ở mức độ tự nhiên của chúng thì không tới được bạn đọc phổ thông. Nếu đơn giản hóa đi nhiều quá thì sẽ là một sự xúc phạm đến những người chuyên tâm với các chủ đề ấy. Tôi hy vọng bạn sẽ coi cuốn sách này như một bài tập trí não, và không phán xét nó quá khắt khe theo bất cứ hướng nào. Nếu chúng ta đã học được điều gì đó trong mười ngàn năm qua, thì đó là không có gì là chắc chắn.

Chú Thích:

1. Nhà phát minh và nhà tương lai học Mỹ, sinh năm 1948.